LƯƠNG KHẢI MINH

CAO VỊ HOÀNG
tức CAO THẾ DUNG

làm thế nào để giết một TỔNG THỐNG

TẬP MỘT

LÀM THẾ NÀO ĐỂ GIẾT MỘT TỔNG THỐNG

---❊ ❖ ❊---

Tác giả: **Lương Khải Minh; Cao Thế Dung**

Nhà xuất bản **ĐINH MINH NGỌC - 1971**

Đóng gói: **@nguyenthanh-cuibap**

Trăm năm trong cuộc biển dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng
NGUYỄN DU

Chân thành ghi ân Quý Thượng Tọa, Linh Mục, Đại Đức, Quý Nhân Sĩ, Quý Vị Tướng lãnh và Sĩ Quan, Quý Văn Nhân Ký Giả cùng các nhân chứng trong biến cố và thân hữu của chúng tôi đã cung cấp cho chúng tôi những tài liệu sống và quan yếu nhất để hoàn thành thiên Bút Ký này.

LƯƠNG KHẢI MINH và CAO VỊ HOÀNG tức CAO THẾ DUNG

CHƯƠNG I
Định Mệnh Đã An Bài?

Sáng sớm ngày 2.11.1963, sau một đêm dài nhất, một đêm không ngủ, trong lúc tiếng súng vẫn còn nổ lẻ tẻ đâu đây, với nhiều đám khói tại trung tâm Thủ Đô còn bốc lên nghi ngút, từ các máy thu thanh phát ra lời loan báo của phe đảo chánh đã hạ được Dinh Gia Long thủ phủ cuối cùng của chế độ họ Ngô Đình Diệm nhưng anh em Ông Diệm đã trốn thoát khỏi Dinh Gia Long.

Khoảng 10 giờ cùng ngày, Đài Phát Thanh Sài Gòn loan một tin vắn tắt: *"Anh em Ông Diệm bị bắt tại Chợ Lớn, và đã tự tử!"* Dư luận bàn tán xôn xao, phần đông nghi ngờ: Không tin anh em Ông Diệm đã chết, và nhất là không tin anh em Ông Diệm tự sát. Vì ai cũng biết: Cố Tổng Thống Diệm là một người ngoan đạo, mà Đạo Thiên Chúa cấm tự sát. Phe đảo chánh không cho biết thêm tin tức nào về cái chết, trong khi báo chí thì không dám nói rằng anh em Ông Diệm bị giết.

Ngày 6 tháng 11 năm 1963, nhật báo New York Times in hình xác Tổng Thống Diệm bị còng tay với lời chú thích *"Suicide with no hand"* (tự sát không có tay) có ý mỉa mai lời thông báo của phe đảo chánh rằng anh em Ông Diệm tự sát. Về sau, người ta có thể công khai nói rằng anh em cố Tổng Thống bị giết. Nhưng ai giết ? Và ai ra lệnh giết ? Đó là một nghi vấn cho đến nay vẫn chưa được hoàn toàn phơi bày ra ánh sáng.

Thời gian như chiếc lá bay vèo. Mọi việc tưởng như mới xảy ra ngày hôm qua thế mà đã sáu năm. Vào thế kỷ trước khi tốc độ còn tính bằng chục cây số thì 6 năm qua là quãng thời gian quá ngắn chưa đủ một khoảng cách không gian cần và đủ để có thể phơi bày tất cả mọi sự thật về một biến cố lịch sử. Nhưng ngày nay, tốc độ tính bằng ngàn cây số, 6 năm là

thời gian quá đủ để nói thật, nói hết về một biến cố lịch sử. Mỗi biến cố lịch sử có một giá trị riêng của nó, vào thời đại của nó. Mỗi giai đoạn lịch sử, cũng có một giá trị khác nhau. Chỉ riêng sự thật có giá trị muôn đời. Và cái gì là sự thật, phải trả về với sự thật.

Viết về một giai đoạn cầm quyền suốt 9 năm của cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm, không nhằm mục đích biện minh cho ai, hoặc kết tội ai, mà chỉ muốn nói lên một sự thật.

Sự thực sẽ ghi tội và công trạng của những người có công. Người viết không dám làm việc của một sử gia, mà chỉ muốn góp phần nhỏ vào việc soi sáng cho một giai đoạn gay go của lịch sử, một giai đoạn đầy những biến chuyển và bí mật.

Cái chết của Tổng Thống Ngô Đình Diệm không đơn giản như một vụ thanh toán chính trị và thoán đoạt quyền hành ở cấp lãnh đạo thượng tầng quốc gia.

Cái chết của Ông đã biểu hiện trọn vẹn thân phận của người dân nhược tiểu Á Phi và gần hơn nữa, thân phận của một người Việt Nam yêu nước dù có phạm những lỗi lầm nào vẫn còn giữ được lòng tự ái quốc gia và cả danh dự của dân tộc. Trước hết, cái chết của ông dù cách nào cũng chỉ là kết quả của một lòng yêu nước và chỉ không chịu cúi đầu khuất phục trước những thế lực ngoại bang, nhằm khuynh đảo đất nước này và tạo ra những hoàn cảnh tan rã và mỗi ngày càng thêm tan rã.

Tổng Thống Diệm và bào đệ Ngô Đình Nhu bị bắn chết vào sáng ngày 2.11.1963, tức là đã 6 năm qua. Thời gian này quả là ngắn ngủi so với giòng lịch sử. Nhưng với thời đại của tốc độ không gian như hiện nay thì 6 năm cũng không phải là quãng đường quá ngắn. Nhận định về cái chết của anh em Tổng Thống Diệm ngay bây giờ cũng không phải là vấn đề quá sớm, vội vàng vì hiển nhiên trong sáu năm qua, Miền Nam đã trải qua bao nhiêu biến cố, bao nhiêu lần thay chủ đổi ngôi. Nhưng sự kiện diễn biến của thời cuộc cũng đã đủ cung ứng chất liệu cho ta có thể bình tâm nhận định về cái chết của Tổng Thống Diệm cùng sự sụp đổ của chế độ Đệ Nhất

Cộng Hòa.

Vấn đề công và tội của Cựu Hoàng Bảo Đại, của Chủ Tịch Hồ chí Minh, của Tổng Thống Ngô Đình Diệm đều thuộc thẩm quyền phê phán của lịch sử dân tộc sau này. Song sự nhận định phê phán nào cũng không thể bỏ qua thực tại bi thảm của dân Việt Nam trong nửa thế kỷ vừa qua. Sự nhận định phê phán xuất phát từ quan điểm nào cũng phải đặt lên lập trường dân tộc như một lập trường căn bản. Từ thực tại Việt Nam và trong hoàn cảnh bi thảm của xứ xở, chúng tôi trình bày ở đây chỉ nhằm sáng tỏ những sự thực từ mắt thấy tai nghe và kinh nghiệm tang thương của xứ sở.

Trước và sau ngày 1.11.1969 (ngày Quốc Khánh của Đệ II Cộng Hòa) trong quốc dân đã trỗi dậy một vài khuynh hướng và Phong Trào đòi phục hồi danh dự cho cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm và làm sống lại cái chết bi thảm của ông và các bào đệ ông. Đồng thời lại có một vài khuynh hướng khác không đồng ý như vậy vì nếu phục hồi danh dự cho cố Tổng Thống Diệm tức là đã công khai phủ nhận ý nghĩa của ngày 1.11.1963 mà khuynh hướng trên vẫn còn coi đó là một ngày cách mạng với niềm tự hào phát xuất từ danh nghĩa cao đẹp này.

Cái chết của Tổng Thống Diệm hiển nhiên không thể so sánh với cái chết của Hoàng Đế Louis XVI đối với cách mạng Pháp 1789. Dù cách nào cái chết của ông đã được nhiều người Việt Nam thắp nén hương lòng để tưởng niệm. Giả dụ Tổng Thống Diệm chết vì mưu toan của ngoại bang thì cái chết của vị tử vì đạo vì quyền tự quyết dân tộc.

Nhưng khuynh hướng và Phong Trào trên đây chung quanh vấn đề phục hồi danh dự cho cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm dù cách nào cũng chỉ là phản ứng nhất thời của từng tập thể. Do đó sẽ thiếu trung thực và vô tư cần có.

Nhận định về cái chết của Tổng Thống Diệm cũng như vấn đề công hay tội của chế độ Ngô Đình Diệm trước hết phải tách rời tinh thần chủ quan phe phái và phải vượt trên và ở ngoài phương vị tôn giáo cũng như các chính kiến dị biệt.

Trước mắt và trong tâm hồn người viết sẽ chỉ thấy một con người Việt Nam.

Ngô Đình Diệm trên đoạn đường lịch sử 9 năm (1954-1963) Con người ấy như thế nào ? Đã làm được gì cho Việt Nam ? Đã tranh đấu như thế nào cho nền độc lập trong thời Pháp thuộc và đã bảo vệ chủ quyền danh dự của dân tộc như thế nào trước thế lực Mỹ cùng những ưu khuyết điểm của ông như thế nào trong suốt 9 năm nắm giữ giềng mối quốc gia với một uy quyền chói sáng ? Và ai là thủ phạm chính trong âm mưu hạ sát Ngô Đình Diệm ?

Từ phía cộng sản khi còn sinh thời, cố Chủ Tịch Hồ chí Minh đã nhận định Tổng Thống Ngô Đình Diệm là một nhà ái quốc.

- Ái quốc theo cách thức của Tổng Thống Diệm. Vậy cách thức đã thể hiện như thế nào trong cuộc đời của ông và chế độ Đệ I Cộng Hòa.

GIÂY PHÚT CUỐI CÙNG

Trước khi nhận định toàn bộ về con người Ngô Đình Diệm và chế độ của ông chúng tôi xin ghi lại ở đây những giây phút cuối cùng cuộc đời của một Tổng Thống đã một thời tiêu biểu cho uy quyền của dân tộc Việt Nam.

Nhân dịp tiếp các phái đoàn quân dân chính trong ngày Quốc Khánh 26.10.1963, Tổng Thống Diệm, bằng một giọng ai oán, thoáng buồn ông nói: "*Chế độ này tuy còn nhiều khuyết điểm, cũng còn hơn nhiều chế độ khác. Người ta chê là độc tài nhưng chỉ ngại còn những thứ độc tài khủng khiếp hơn. Tôi tiến thì theo tôi, tôi lui thì bắn tôi, tôi chết thì trả thù cho tôi*." (Theo Đoàn Thêm-Những ngày chưa quên trang 236-238)

Trong thời gian này, tinh thần của Tổng Thống Diệm đang trải qua cơn dao động cực độ. Những nhân vật gần ông, đều nhận thấy ông trở nên nóng nẩy bất thường, hay thở dài, nét mặt đăm chiêu thoáng buồn. Có lẽ Tổng Thống Diệm đã linh cảm được tai họa sắp đến với ông và gia đình và chế độ. Ông Ngô Đình Nhu lại càng biểu linh một cách nhanh chóng, Ông Nhu già hẳn đi, nét mặt chảy dài. Bức hình của Ông Nhu đăng trên tuần báo Express số 909 (15.12.1968) chính là một trong mấy bức hình chụp vào

những ngày cuối cùng trong đời ông. Khuôn mặt Ông Nhu càng in một vẻ căm hận cùng với vẻ đẹp của đường nét điêu khắc.

Tuy nhiên Ông Nhu vẫn giữ được vẻ điềm tĩnh và sẵn sàng đối phó.

Theo tác giả Đoàn Thêm, sớm ngày 30.11.1963, Ông Diệm lững thững xuống vườn hoa trước của Dinh Gia Long, coi mấy chậu non bộ nhỏ mới đắp xong và đặt ở gốc cây. Ông bận đồ xám lạt, đội mũ len, chống cây ba trong như khi đi thăm địa điểm Dinh Điền. Ông ngắm vài phút ngó lên bức ảnh lớn của ông treo cao đằng sau bàn giấy của ông Đổng Lý Bộ Phủ Tổng Thống rồi mỉm cười, lên lầu.

Bốn hôm sau, khi được chính phủ cách mạng cho trở lại Dinh để dọn đồ, thì thấy ảnh kia bị bắn vỡ tan tành.

TIẾP KHÁCH LẦN CUỐI

Ngày 31.10, hầm trú ẩn xây trong Dinh Gia Long đã hoàn tất có thể chịu đựng loại bom 500 ký lô. Cũng vào ngày đó, ông Ngô Đình Nhu tiếp kiến các đại diện Ủy Ban Hiệp Hội Bảo Vệ Phật Giáo. Cùng ngày các phái đoàn điều tra Liên Hiệp Quốc về vụ Phật Giáo Việt Nam đáp máy bay ra Huế để tiếp tục cuộc điều tra. Đại Sứ Cacbot Lodge đã nhận được đầy đủ tin tức về kết quả và thái độ của phái đoàn này tại Sài Gòn và thấy rằng sẽ bất lợi cho những toan tính và âm mưu của ông Lodge. Vụ đàn áp Phật Giáo phải được duy trì để lấy cớ lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm như ông Lodge mong muốn.

Sáng 1.11.1963 nhằm vào ngày Lễ Thánh, công sở đều được nghỉ, Tổng Thống Diệm đã tiếp người bạn "đồng minh" Hoa Kỳ cuối cùng trong cuộc đời ông. Đó là Đô Đốc Harry D. Felt, Tổng Tư Lệnh Lực Lượng Mỹ tại Thái Bình Dương. Đô Đốc Harry D. Felt chắc chắn biết rõ những gì sắp xảy tới trong mấy giờ nữa kết thúc chế độ của Tổng Thống Diệm mà ông ta theo lễ nghi vẫn xưng tụng như một nhà lãnh đạo anh minh của Miền Nam.

Hồi 13 giờ 30 súng bắt đầu từ nhiều nơi trong đô thành...Ai gây ra tiếng súng đó ? Bắt đầu từ một thế lực nào ? Tướng lãnh ? Quần chúng ? Mỹ ?

Thực ra, những âm mưu lật đổ Tổng Thống Diệm đã sắp đặt từ tháng 5.1963 rồi âm thầm tiến hành...Buổi tối ngày 28.10, do sự sắp xếp từ trước Trung Tướng Trần Văn Đôn đã tiếp xúc bí mật với giới chức Mỹ tại nhà một Nha Sĩ (Theo tài liệu của Robert Shaplen-The Lost Revolution). Tướng Đôn luôn nhắc nhở xin người Mỹ giữ bí mật hoàn toàn và không thảo luận vấn đề này với bất cứ một ai, ông đã cố gắng thuyết phục Đại Sứ Cabot Lodge chấp nhận chương trình hành động của nhóm ông và làm như thế nào để Hoa Thịnh Đốn đồng ý cho bật đèn xanh càng sớm càng hay.

Lúc đầu nhóm đảo chánh dự định khai hỏa vào ngày 31.10 (sự tiết lộ của Đại Tá Lu Conein).

Trước nữa, nhóm đảo chánh cùng với sự đạo diễn của mấy chuyên viên CIA đã dự định đảo chánh nhân ngày kỷ niệm Quốc Khánh 26.10. Nhưng đêm 26.10, Ông Nhu đã nhận được báo cáo đầy đủ: Nhóm đảo chánh với Tướng Đôn, Minh, sẽ ra tay hành động trong cuộc duyệt binh tại đường Thống Nhất vào sáng 25.10 *(Theo báo cáo mật của Cảnh Sát Đặc Biệt thuộc thẩm quyền của ông Dương Văn Hiếu-Phó Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia)*. Dịp này sẽ bắt sống Tổng Thống Diệm và Ông Nhu sau đó sẽ thanh toán Dinh Gia Long và thành Cộng Hòa. Vào phút chót, ông Smith, trưởng phòng CIA Tòa Đại Sứ Mỹ (người thay thế Đại Tá Richardson) đã thông báo kịp thời cho Lu Conein biết là chưa thể bật đèn xanh vì đã có kẻ trong Tòa Đại Sứ tiết lộ cho Ông Nhu. Kể từ ngày Đại Sứ Lodge sang Việt Nam thay thế Nolting cũng không ngoài nhiệm vụ đặc biệt là làm thế nào lật đổ được chế độ Ngô Đình Diệm đồng thời thi hành kế hoạch của Mỹ trong giai đoạn mới. Hiển nhiên là Cabot Lodge đóng vai trò một nhà lãnh đạo đứng bật đèn cho cuộc đảo chánh 1.11.63. Cabot Loge được coi như tiếng nói có thẩm quyền của phe "Tự Do" Harriman Hilsman và tổ chức Việt Nam Task Force.

Những nguyên nhân nào khiến cho Mỹ phải gấp rút tìm mọi cách lật đổ chế độ Tổng Thống Diệm ? Hẳn nhiên, về phía Mỹ không phải là nguyên nhân Phật Giáo. Đơn giản là vì quyền lợi Mỹ trước hết.

Cái gai chính yếu của Đại Sứ Lodge cũng như Smith Conein và nhóm đảo chánh là Tướng Tôn Thất Đính. Làm sao nhổ được cái gai này ? Tuy nhiên, cho đến ngày 28.10 Tướng Đôn có thể tạm thời yên tâm về Tướng Đính. Điều mà phe đảo chánh lo ngại nhất là Lực Lượng Đặc Biệt của Đại Tá Lê Quang Tung, lực lượng này vẫn được coi như thành phần nòng cốt của chế độ Tổng Thống Diệm. Ngày 29.11, Tướng Tôn Thất Đính với tư cách Tư Lệnh Quân Đoàn III (và từng là Tổng Trấn Sài Gòn-Gia Định) ông ra lệnh cho các đơn vị thuộc Lực Lượng Đặc Biệt di chuyển ra khỏi Sài Gòn. Đó cũng là một phần kế hoạch nhằm vô hiệu hóa những lực lượng trung thành với chế độ. Hơn nữa, Tướng Đính đang được lòng tin cậy của Ông Nhu. Theo dư luận đồn đại sau ngày đảo chính 1.11.1963 thì chính Ông Nhu đã trao phó cho Tướng Đính thực hiện một cuộc đảo chánh giả hiệu Bravo I và II nhằm phá vỡ kế hoạch đảo chánh thực của nhóm Tướng lãnh đang liên kết với Cabot Lodge.

Nếu thực sự cuộc đảo chính sẽ xảy ra, Ông Nhu chấp nhận một cách không nghi ngờ việc Tướng Đính *"móc nối"* với nhóm Minh, Đôn. Chính Ông Nhu đã từng nói với Tướng Huỳnh Văn Cao *"Khánh với Đính là chỗ người trong nhà cả. Không lo"*. Ông Nhu tuy cao tay ấn nhưng đâu có thể học được chữ ngờ qua trường hợp Tướng Đính! Tương kế tựu kế, Tướng Đính nắm lấy cơ hội này để quật lại thế cờ cuối cùng của Ông Nhu...Không có sự tham dự của Tướng Đính, cuộc đảo chính 1.11.63 không thể thành công.

Cái lối của Ông Nhu là cái lối của một nhà chiến thuật và chiến lược nhìn tiên liệu quá xa phạm vi hạn hẹp của chiến thuật, giai đoạn. Hơn nữa vì lòng tin cậy, Ông Nhu đã chọn nhầm một người mà chính Ông Nhu trước đây cho là "*khó xài*". Nhưng vẫn sử dụng vì tự cho mình là cao tay ấn.

Mặt khác, trước đó Đại Tá Đỗ Mậu, quyền Giám Đốc Nha An Ninh Quân Đội, một môn đệ tin cậy của Tổng Thống Diệm đã phúc trình cho hai Ông Nhu, Diệm hay là hiện việt cộng đang tập trung tại ven đô và âm mưu

đánh phá Sài Gòn. Dĩ nhiên đây chỉ là bản phúc trình giả với mục đích làm lạc hướng theo dõi của chính quyền và đồng thời có cớ để phân tán một số đơn vị trung thành của Ông Diệm ra khỏi Sài Gòn. Nhờ vậy phe đảo chánh sẽ giảm được nhiều sức chống đối của phe chính phủ.

Hồi 12 giờ 30 ngày 1.11, Tướng Trần Văn Đôn cùng một số Tướng Tá nòng cốt triệu tập Hội Nghị trong Bộ Tổng Tham Mưu với sự tham dự hầu hết các Tướng lãnh và một số Tư Lệnh Quân Binh Chủng. Tướng Tôn Thất Đính không có mặt trong hội nghị này và lúc đó ông đang phải túc trực tại Tổng Hành Dinh Quân Đoàn III. Người thì cho rằng đến giờ phút quyết liệt, phe đảo chánh vẫn chưa tin hẳn Tướng Đính và có lẽ đó cũng là lý do Tướng Đính không có mặt trong buổi hội nghị quan trọng đó?

THIỆN CHÍ NHÀ GIÀU

Theo tiết lộ của Georges Chaffard qua bài báo tựa đề La paix manquée en 1963 (tuần báo Express số 909-đdch) để lôi kéo Tướng Đính vào phe đảo chánh, Mỹ đã trao cho Tướng Đính một số tiền ứng trước là 1 triệu dollars kết quả do sự thương lượng giữa Tướng Đôn và Đại Sứ Cabot Lodge vào ngày 24.10. Số tiền ứng trước này được coi là thiện chí cụ thể của Mỹ giúp phe đảo chánh có chút phương tiện để thực hiện kế hoạch hoàn thành cách mạng.

Tưởng cũng nên nhắc lại khoảng cuối tháng 10, dư luận trong chính giới và Ngoại Giao Đoàn đã đồn đại về những hoạt động của nhóm mãi vụ Pháp thuộc Sở "Hành Động" (Action) do Tướng De Gaulle gởi qua Sài Gòn với nhiệm vụ bảo vệ anh ninh cho 2 anh em Ông Diệm.

Sáng 1.11, Đại Sứ Cabot Lodge hướng dẫn Đô Đốc Felt đến Dinh Gia Long thăm xã giao Tổng Thống Diệm. Nhân dịp này Tổng Thống Diệm đã cho Đại Sứ Cabot Lodge biết là đang có dư luận về một cuộc đảo chánh nhằm lật đổ Tổng Thống Diệm. Ông Diệm đã nói như thế là có ý bảo cho ông Đại Sứ Cabot Lodge biết, ông luôn luôn theo dõi đường đi nước bước của Mỹ trong âm mưu lật đổ chế độ hiện hữu. Đại Sứ Cabot Lodge vẫn nở một nụ cười vồn vã hứa chắc với Tổng Thống Diệm, nếu có sự chẳng hay

xảy ra như dư luận đồn đại, người Mỹ sẽ bảo đảm cho cá nhân Tổng Thống. Cũng vào giữa khoảng thời gian đó, Đại Tá Lu Conein đã đến gặp Tướng Đôn và túc trực bên phe đảo chánh trong suốt ngày 1 và 2 ngay tại Bộ Tổng Tham Mưu. Ông ta là trung gian giữa Tòa Đại Sứ Mỹ và phe đảo chánh. Hay đúng hơn, ông ta thủ vai trò của kẻ điều động và thực hiện kế hoạch đã được thảo luận và quyết định chung giữa Tòa Đại Sứ Mỹ và phe đảo chánh ? *(Theo sự tiết lộ của Lu Conein thì ông được mời đến với tư cách cố vấn Mỹ tại Bộ Nội Vụ tham dự phiên họp thường lệ của Bộ Tổng Tham Mưu và sau khi đảo chánh xảy ra thì Tướng Đôn giữ khéo Lu Conein ở lại Bộ Tổng Tham Mưu như một thứ con tin và một bảo đảm an ninh cho các Tướng lãnh.)*

Khi ở Dinh Gia Long trở về, Đại Sứ Cabot Lodge đã nhận được đầy đủ tin tức từ Bộ Tổng Tham Mưu báo cáo cho biết kế hoạch đang tiến hành...

Rồi một ngày trôi qua như mọi người Việt Nam đều biết, cuộc đảo chánh hoàn toàn thành công với sự xuất hiện của các Tướng lĩnh mang danh xưng là những con người cách mạng và ở trong tổ chức mới lúc đầu mệnh danh "Hội Đồng Các Tướng lãnh" sau đổi thành "Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng".

Nhằm đúng vào ngày Lễ Các Đấng Linh Hồn, một trong những lễ quan trọng nhất của tín đồ Thiên Chúa Giáo, hai anh em Tổng Thống Diệm cùng bị thảm sát sau khi đã dâng trọn những lời cầu nguyện cuối cùng tại Nhà Thờ Cha Tam Chợ Lớn, với sự chứng kiến của Linh Mục Jean- một Linh Mục thuộc hội Thừa Sai Ba Lê (MEP)

Chi tiết về cái chết của Tổng Thống Diệm đến nay tuy không còn là một điều bí mật song có quá nhiều những chi tiết mâu thuẫn nhau.

Trong những giờ phút cuối cùng, Tổng Thống Diệm đã tỏ ra hoàn toàn mệt mỏi và không còn tin tưởng bao nhiêu khi phe đảo chánh báo cho anh em ông biết đã bắt Đại Tá Tung và ông này cùng Lực Lượng Đặc Biệt của ông đã đầu hàng phe cách mạng, Tổng Thống Diệm bây giờ chỉ còn đặt tin tưởng vào Quân Đoàn IV của Tướng Huỳnh Văn Cao và nhất là Quân

Đoàn II của Tướng Khánh mà Ông Nhu hoàn toàn tin cậy. Song Tướng Cao đã không làm được gì khác hơn. Sư Đoàn 7 nằm trong tay Đại Tá Nguyễn Hữu Có, phụ tá Tư Lệnh Quân Đoàn III. Anh em Ông Diệm chỉ còn lại lực lượng phòng vệ trong Dinh. Tất nhiên là lực lượng này không còn phương thế nào hành động khác hơn là đành thúc thủ trong 4 bức tường thành Cộng Hòa và Dinh Gia Long. Trước một tình thế bi đát như vậy, Ông Nhu quyết định ra đi. Tổng Thống Diệm mặc nhiên chiều theo quyết định của ông em: "*Đi mô...đi thì đi...*" Đó là lời gió cuốn mây trôi của Tổng Thống Diệm.

8 giờ 30 Tổng Thống Diệm, Ông Nhu, Đại Úy Đỗ Thọ và Đại Úy Bằng rời khỏi Dinh Gia Long trên bước đường của định mệnh.

Khi tiếp thu Dinh Gia Long, Trung Tá Phạm Ngọc Thảo không tìm thấy anh em Tổng Thống Diệm và cấp báo cho Tướng Trần Thiện Khiêm rõ. Tướng Khiêm ra lệnh cho Trung Tá Thảo phải đi tìm kiếm. Theo tiết lộ của những người trong cuộc, Tướng Khiêm dặn Phạm Ngọc Thảo phải tìm mọi cách đón anh em Tổng Thống Diệm, phải bảo vệ an ninh cho anh em ông có được như vậy thì Tướng Khiêm và phe của Trung Tá Phạm Ngọc Thảo mới có thể thực hiện kế hoạch lật ngược thế cờ.

Khi được tin Dinh Gia Long đã thất thủ thì lúc ấy chính là lúc Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng và nhóm Tướng Tá đảo chánh cũng đã chia thành năm bảy phe qua những xu hướng chính trị và quyền lợi trái ngược nhau.

Riêng Trung Tá Phạm Ngọc Thảo từ trước ngày đảo chánh đã có những liên lạc mật thiết với Đại Tá Đỗ Mậu và Tướng Khiêm, ông Thảo là người được Tướng Khiêm tin cẩn và cả hai đều là những Tướng Tá được chế độ tin dùng. Riêng Tướng Khiêm sau vụ đảo chánh hụt 11.11.1960, ông trở thành vị Tướng lãnh thân cận của Tổng Thống Diệm và được coi như "*người con tin cẩn*" trong gia đình Tổng Thống.

Đường lối và trong thâm tâm của phe Phạm Ngọc Thảo chỉ muốn thay đổi cơ cấu của chế độ mà thôi...

Song tình thế đã biến chuyển khác hẳn và trái với ước mong trong thâm tâm Thảo từ buổi ban đầu, ông Thảo hẳn đã biết rõ những xu hướng khác nhau trong Hội Đồng Cách Mạng trong đó đã có một xu hướng chủ trương phải giết hai anh em Ông Diệm để trừ hậu hoạn và đó cũng là chủ trương của một số nhân vật Mỹ mà ông Fisthel là đại diện. Ông này vẫn chủ trương: Chế độ Ngô Đình Diệm phải được cải tổ toàn bộ nếu Tổng Thống Diệm không ưng chịu thì Tổng Thống phải ra đi hoặc bị thủ tiêu.

Xu hướng thanh toán Tổng Thống Diệm quy tụ mấy Tướng lãnh sẵn lòng bất mãn với chế độ từ lâu. Đó là các Tướng Trần Tử Oai, Mai Xuân Hữu. Mặc dầu những người như Trung Tướng Trần Văn Đôn từng được chế độ của Tổng Thống Diệm đặc biệt ưu đãi, tin cẩn trong suốt 9 năm của chế độ.

Tướng Đôn liên tiếp được trao phó những chức vụ quan trọng, từ Tư Lệnh Vùng I đến Tư Lệnh Lục Quân, rồi quyền Tổng Tham Mưu Trưởng. Ba Tướng Đôn, Kim, Oai được coi là thành phần nòng cốt của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng. Người Mỹ tin cẩn vào Tướng Đôn hơn cả. Sở dĩ Tướng Dương Văn Minh được trao phó vai trò chính vì đối với Quân Đội lúc ấy và trong hàng Tướng lãnh thì uy tín của Tướng Minh trỗi bật hơn cả.

Ta có thể nói năm Tướng Minh, Đôn, Kim, Oai, Xuân đứng riêng một phe. Chưa có chứng cớ nào rõ rệt để nói rằng Tướng Khiêm, Đại Tá Mậu, Trung Tá Thảo đứng về một phe khác không mấy thân hữu và tin cẩn đối với phe kia. Nhưng dù sao Tướng Khiêm vẫn là người tỏ ra ôn hòa đối với chế độ Ngô Đình Diệm mà chính ông đã trưởng thành trong chế độ ấy. Còn Trung Tá Phạm Ngọc Thảo một tín đồ Thiên Chúa Giáo có đầu óc tiến bộ và quốc gia cực đoan, kể từ biến cố Phật Giáo, ông quyết liệt chủ trương phải thay đổi thành phần và cơ cấu của chế độ. Trung Tá Thảo là người thứ nhất đã can đảm trình bày với Tướng Khiêm tất cả ước vọng và kế hoạch của ông khi Tướng Khiêm đang nắm quyền Tham Mưu Trưởng Liên Quân, cái trục liên lạc thân hữu của Trung Tá Thảo có thể mô tả: Thảo,

Mậu, Tuyến. Thảo là bạn tâm tình của Bác Sĩ Trần Kim Tuyến và chính Thảo cũng đã thẳng thắn bầy tỏ ước vọng và kế hoạch của ông cho Bác Sĩ Tuyến rõ.

Kể từ tháng 5 năm 1963 theo sự lượng tính và tiên liệu của Bác Sĩ Tuyến nếu không cấp thời có một chương trình hành động để cứu nguy chế độ thì khó lòng ngăn ngừa được cuộc đảo chánh. Trung Tá Thảo cũng lo âu như thế. Từ khi ông Tuyến ra đi thì Thảo không còn gì ràng buộc mật thiết với chế độ. Song Thảo vẫn tiếp tục móc nối một số Tướng Tá vẫn được coi là người của chính quyền nhằm thực hiện một cuộc đảo chánh cốt sửa sai, hơn là san bằng, đồng thời có thể ra tay trước phe Tướng Minh và vô hiệu hóa mọi âm mưu trong kế hoạch của họ và lật ngược thế cờ để nắm chủ động.

Thảo đã đóng một vai trò quan hệ trong cuộc đảo chánh 1.11.63 và Thảo được đặt dưới quyền sử dụng của Tướng Khiêm.

Dù chủ trương như thế nào, Trung Tá Thảo cũng đã là một trong mấy người thân tín của chế độ Tổng Thống Diệm đã trực tiếp lật đổ chế độ này. Ông Thảo đã được Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng trao phó phần vụ phát thanh. Đây mới là thứ khí giới sắc bén nhất để xô đổ chế độ Ngô Đình Diệm. Ví dụ như không có phần phát thanh từ lúc đầu thì cục diện chưa chắc đã thay đổi mau lẹ.

Khi phe Tướng Minh, Kim, Đôn nhận được tin Ông Diệm đang ở Chợ Lớn đã cấp tốc ra lệnh cho Đại Tá Dương Ngọc Lắm đem thiết quân vận M.113 vào đón bắt. Đai Tá Lắm lúc ấy đang nắm quyền Tổng Giám Đốc Địa Phương Quân (một trong số Tướng Tá được chế độ đặc biệt ưu đãi, tin dùng). Ông Lắm là người theo đảo chánh vào phút chót. Công tác đầu tiên mà ông được phe đảo chánh trao phó là đem quân vào Chợ Lớn đón bắt anh em Tổng Thống Diệm. Tất nhiên là ông đã không được lòng tin cậy của phe chủ chốt. Do đó, Tướng Mai Hữu Xuân được Tướng Minh chỉ định đi theo giám sát Đại Tá Lắm.

Tóm lại, đã có hai toán quân vào Chợ Lớn tìm bắt anh em Tổng Thống

Diệm. Mỗi toán có thể nói thuộc một phe, nhằm mục đích riêng. Thay vì Trung Tá Thảo nếu biết rõ anh em Ông Diệm đang ở Nhà Thờ Cha Tam thì cái chết đã không đến với anh em Ông Diệm, ít nhất là cũng cứu thoát được Ông Diệm. Song Thảo lại chỉ đến lục soát nhà Mã Tuyên trong lúc đó anh em Tổng Thống Diệm đang dâng lễ ở Nhà Thờ Cha Tam. Ông Thảo trở về tay không đồng thời cũng mang theo sự thất bại của nhóm ông.

Và có phải chính Ông Diệm đã báo tin cho Tướng Khiêm để nhận sự đầu hàng và cho biết đang ở Nhà Thờ Cha Tam không ? Một nghi vấn cho rằng: Có lẽ viên Sĩ Quan Tùy Viên của ông vào phút chót đã phản phúc vào báo cho phe đảo chánh biết nơi anh em đang trú ẩn. Sự thực không phải Đỗ Thọ đã phản phúc Tổng Thống Diệm. Đại Úy Đỗ Thọ được Tổng Thống Diệm bảo đi gọi điện thoại về Bộ Tổng Tham Mưu cho Tướng Khiêm nhưng Thọ lại gọi điện thoại trực tiếp cho Đại Tá Đỗ Mậu là chú ruột của ông.

Vậy thì anh em Ông Diệm có đầu hàng đảo chánh không ? Những diễn biến tại Dinh Gia Long và tại nhà Mã Tuyên từ 12 giờ 30 ngày 11.11.63 đến 4 giờ đêm ngày 2.11.63 sẽ giúp cho sử gia sau này đi đến một kết luận rõ rệt hơn.

Khi Đại Tá Lắm đem quân đến Nhà Thờ Cha Tam thì lúc đó Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng vẫn chưa dám quyết định chung là dứt khoát về số phận của anh em Tổng Thống Diệm. Một người trong cuộc cho biết: Anh nào cũng run hết trước một quyết định dứt khoát và tối quan hệ đến sự thành bại của cuộc đảo chánh, Hội Đồng chia thành ba, bốn phe: Một phe nhất định phải thanh toán ngay. Tuy nhiên phe này chỉ rỉ tai bàn kín với nhau mà thôi. Phe khác chủ trương để anh em Ông Diệm lưu vong ra ngoại quốc. Phe thứ ba giữ thái độ dè dặt...Phe quyết định thanh toán lấy cớ rằng, nếu anh em Ông Diệm còn sống thì cuộc đảo chánh sẽ bất thành vì tay chân của ông không sớm thì muộn cũng sẽ phản công. Vả lại, phe này thấy rằng ngay trong Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng cũng đã quá phân nửa từng là người thân tín của Tổng Thống Diệm và Ông Nhu. Điều lo ngại

hơn nữa là họ vẫn chưa nắm được Tướng Tôn Thất Đính và binh quyền lại đang nằm gọn trong tay Đính cũng như một số Tướng Tá khác như Tướng Nguyễn Khánh Quân Đoàn II, Tướng Huỳnh Văn Cao Quân Đoàn IV, Đại Tá Cao Văn Viên Tư Lệnh Nhảy Dù và Đại Tá Huỳnh Hữu Hiền Tư Lệnh Không Quân (*hai sĩ quan cấp Tá này thẳng thắn từ chối tham gia phe đảo chánh)*. Giả sử, nếu đưa anh em Tổng Thống Diệm về trình diện Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng thì biết đâu sự hiện diện của anh em ông lại không thể làm nản lòng và gây xúc động lương tâm những người thân tín cũ của ông. Nếu chỉ nhằm đến mục đích hoàn thành cuộc đảo chánh và tránh mọi hậu họa thì phe này khi ra tay hạ sát Tổng Thống Diệm cũng không có gì khó hiểu.

ĐAO PHỦ

Ai giết anh em Tổng Thống Diệm ? Theo Robert Shaplen trong cuốn The Lost Revolution thì có hai dữ kiện: Dữ kiện thứ nhất theo đó chính Tướng Mai Hữu Xuân đã ra lệnh giết anh em Ông Diệm. Dữ kiện thứ hai và có đủ yếu tố thì chính Tướng Dương Văn Minh Chủ Tịch Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng đã trực tiếp ra lệnh hạ sát. Người thi hành lệnh đó là Đại Úy Nhung.

Trước vụ thảm sát này, một số Tướng lãnh trong Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng đã phản đối và đặc biệt Tướng Đính đã nổi giận dữ dằn, đập điện thoại và gục đầu khóc ngay tại văn phòng của ông ở Trại Lê Văn Duyệt (*mặc dù theo ký giả David Habertam của tờ New York Time số ra ngày 6.1.1963 thì ông Đính là người phản bội Ông Diệm, nếu không có sự phản bội của Tướng Đính thì cũng chưa có cuộc đảo chánh 1.11.1963)*

Thi hài anh em Tổng Thống Diệm được đặt trong hai bộ quan tài thuộc loại trung bình rồi được âm thầm an táng trong vòng thành Bộ Tổng Tham Mưu với sự hiện diện của người cháu gái. Hai anh em ông được làm thủ tục khai tử tại Quận Tân Bình. Về nghề nghiệp của Tổng Thống Diệm được ghi là Tuần Vũ và Ông Nhu là Quản Thủ Thư Viện.

Khi Tướng Nguyễn Hữu Có làm Tổng Tham Mưu Trưởng đã nghe lời

một thầy địa lý và bói Số cho rằng, nếu không cải táng anh em Ông Diệm đến một nơi khác thì sẽ còn đảo chánh. Do đó di cốt anh em Tổng Thống Diệm được đưa ra Nghĩa Trang Mạc Đỉnh Chi.

CHƯƠNG II
Người Sống Và Người Chết

Một giờ ba mươi (1 giờ 30), Sài Gòn ngái ngủ trong ánh nắng gay gắt. Từng loạt súng nổ làm thức giấc dân Đô Thành. Tin đảo chánh lan truyền trong dư luận từ mấy tháng nay bây giờ đã trở thành sự thực. Nhưng ai làm vụ này và rồi ra sao ?

Trong một quán cóc vùng Cống Bà Xếp Lê Văn Duyệt, bốn chàng thanh niên ngồi uống cà phê, nghe ngóng tình hình.

Chàng thứ nhất: Lật đổ đi cho xong, dân chúng chán ngấy rồi. Nghẹt thở quá chịu sao nổi. Chàng thứ hai: Chuyến này, anh em Quốc Gia có làm nên trò trống gì không. Lúc này, đảo chánh là nguy hiểm.

Chàng thứ ba: Dù thế nào cũng phải duy trì Ông Diệm ở vị trí Quốc Trưởng. Chàng thứ Tư: Đã dẹp là dẹp hết...phải làm mới lại hết, phải thay đổi tất cả.

Bốn chàng thanh niên đều là cán bộ của Việt Nam Quốc Dân Đảng, một chàng nhà văn mơ tưởng đến ngày huy hoàng của Cách Mạng. Một chàng tín đồ Phật Giáo thuần thành trong lòng vẫn còn mối cừu hận đêm 21.8 Cảnh Sát và Lực Lượng Đặc Biệt tấn công Chùa. Còn hai chàng tín đồ Thiên Chúa Giáo. Họ đang bàng hoàng trước giờ khởi điểm của một biến chuyển lịch sử.

Ai đây sẽ lãnh đạo quốc gia ? Những khuôn mặt lớn nào xuất hiện ? Lúc ấy, dám chắc rằng không một ai có thể liệu Phó Tổng Thống Thơ sẽ làm "Cách Mạng". Nhưng cũng không ai ngạc nhiên thấy Trung Tướng Dương Văn Minh trở thành Chủ Tịch Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng.

Hầu hết giới trẻ lúc ấy đều mơ ước Miền Nam có được một cuộc Cách Mạng thực sự trên nền tảng quốc gia dân tộc. Cho nên khi nghe tin Đảo

Chánh với một Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng thì không ai khỏi phấn khởi...

Bốn chàng thanh niên trên, thức gần trắng đêm nghe tin Cách Mạng và nghe súng nổ từng giờ hồi hộp lo âu.

Sáng ngày 2.11.63 Sài Gòn bốc bừng trong một khí thế vũ bão. Đường phố đông nghẹt những người...Các Phật Tử đua nhau tiến về Chùa Xá Lợi, Giác Minh, Từ Quang để thăm hỏi tin tức các Thày...Thanh niên nam nữ lũ lượt kéo nhau lên Dinh Gia Long và Thành Cộng Hòa.

Thế là cáo chung một chế độ.

9 giờ 15, Đài Phát Thanh loan tin: "*Anh em Ông Diệm và Ông Nhu đã tự tử*".

Tại sao lại tự tử ?

Hàng ngàn người nô nức kéo nhau ra đường như một ngày đại hội. Thanh niên nam nữ trong niềm khát vọng thực, trong nhiệt tình chan hòa của giòng máu nóng tuổi trẻ kéo đến kéo nhau từng lớp lớp về phía trung tâm thành phố. Quân Cách Mạng được nhiệt liệt hoan nghênh và được dân chúng tặng quà với sự tán thưởng như các vị anh hùng của dân tộc.

Chàng thanh niên tên Thịnh, tên Tụy, tên Vĩnh không thể tin anh em Ông Diệm tự tử...Ba chàng thanh niên cúi đầu đọc cho hai ông một Kinh Lạy Cha cùng với lời nguyện cầu trong tâm tưởng...

Chàng thanh niên tên Trâm, tên Duyệt lòng tràn đầy phấn khởi với bao nhiêu niềm tin vào Cách Mạng. Đảng sẽ hồi sinh sau bao nhiêu năm thoi thóp...Các anh sẽ làm tất cả, dựng lại Đảng tích cực dấn thân...

Từng đoàn thanh niên nam nữ hè nhau đi đập phá trụ sở Việt Tấn Xã và 9 tờ báo được coi là thân chính quyền. 26 trụ sở các hội đoàn được coi là của chính quyền cũng bị đập phá tan hoang.

Tướng Dương Văn Minh trở nên một thần tượng mới. Tướng Đôn, Đính được suy tôn như các vị anh hùng lỗi lạc.

Tư thất của một số nhân vật thuộc chế độ cũ cũng bị đám đông kéo đến đập phá. Thiệt hại nặng nề là tư thất của các ông Ngô Trọng Hiếu, Cao

Xuân Vỹ. Đám đông nam nữ reo hò vang dậy. Sinh Viên Thịnh hồi tưởng lại khí thế trong những ngày đầu Cách Mạng anh cho rằng, "*Quả thực đã có một giờ Cách Mạng, một ngày Cách Mạng trào dâng trong nhiệt huyết tuổi trẻ và nhiều tầng lớp dân chúng...Khí thế lúc ấy như vũ bão...*" Đám đông sinh viên học sinh tràn vào trụ sở Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới đập phá tan hoang và tinh thần lên cao.

Chế độ Ngô Đình Diệm cáo chung trước hết là do kết quả của những chùm mâu thuẫn nội bộ và sự góp công lật đổ chế độ của một số viên chức thư lại chỉ biết cúi đầu thi hành, không một sáng kiến mới và xây dựng chế độ.

ANH ĐI ĐƯỜNG ANH TÔI ĐI ĐƯỜNG TÔI

Sự xuất hiện của Tướng Khánh trên chính trường Việt Nam cùng với sự ủng hộ tích cực của Mỹ qua vai trò của Cabot Lodge đến hai ông Minh, Thơ là một đôi bạn tâm giao, thân thiết. Ông Thơ ông Minh cũng như tấm tình thân thiết đối với ông Ngô Trọng Hiếu và ông Huỳnh Hữu Nghĩa. Khi đảo chánh thành công thì tứ tài tử chia làm hai ngả: Ông Hiếu và ông Nghĩa rủ nhau vào khám Chí Hòa. Ông Thơ và ông Minh lên đến hàng tột đỉnh "*công danh*". Tại sao lại như vậy ? Một lớp người từng lương cao bổng hậu của chế độ cũ song một phần thì nối tiếp nhau đi vào khám Chí Hòa, hay nếu không cũng bị vong gia bại sản. Còn một phần khác nối đuôi nhau tiến lên theo ngọn triều Cách Mạng, chẳng qua đó cũng chỉ là bức tranh "v*ân cẩu"* muôn đời của thế sự.

Những lý do nào khiến cho đôi bạn Thơ, Hiếu trong phút chốc kẻ được cách mạng hậu trọng như một vị "*bán anh hùng*" còn người thì bị lên án như một *"hung thần"* tay sai của vợ chồng Ông Nhu.

Trước năm 1954, khi ông Thơ còn làm Tỉnh Trưởng Long Xuyên, thì ông Hiếu làm Trưởng Ty Ngân Khố và hai người trở thành bạn tri giao thân thiết. Ngoài Tướng Minh với ông Hiếu, ông Thơ còn một người bạn tâm giao khác là ông Huỳnh Hữu Nghĩa nguyên Bộ Trưởng Lao Động.

Phút chốc thế sự thay đổi, anh đi đường anh tôi đi đường tôi...ông Ngô

Trọng Hiếu sau khi ra tù, ngày nay ở trong một căn nhà bình dân trong xóm Thị Nghè, sáng chiều leo lên chiếc vecspa cũ chỉ để đi dạy học, vào lớp nói tiếng Tây thả dàn ngâm Kiều, học Chinh Phụ Ngâm. Đêm đêm nằm tay vắt trán mà suy ngẫm trò đời. Cựu phó Tổng Thống Thơ từ ngày "*thôi làm*" Thủ Tướng lui về vui thú trong cảnh toại hưởng kỳ thanh lâu lâu đi Pháp một chuyến đi Nhật một chuyến...Và mới được Nhật tặng huy chương (1968).

Sự thực đối với chế độ cũ, Phó Tổng Thống Thơ đã có công với rất nhiều người. Nhờ sự đề bạt của Phó Tổng Thống Thơ mà nhiều người có lương cao bổng hậu, áo mão xênh sang. Trong số người này có cả Tướng Tá, Tổng Bộ Trưởng. Chính ông Ngô Trọng Hiếu cũng là người bạn chí tình của ông Thơ và được ông Thơ đề bạt lên Tổng Thống Diệm (Chính phủ Ngô Đình Diệm thành lập ngày 7.7.1954, ông Nguyễn Ngọc Thơ đã đề nghị cho ông Ngô Trọng Hiếu làm Tổng Trưởng Thông Tin nhưng sau đó có sự trục trặc nên ông Bùi Kiên Tín giữ chức vụ này). Chính ông Thơ đã giới thiệu và vận động để ông Hiếu đi làm đại diện chính phủ tại Cambodge (hàng Đặc Sứ).

Sau này đôi bạn Hiếu-Thơ trở thành xa lạ nhau trước hết chỉ vì nguyên nhân: Ông Hiếu bị coi là người thân tín của ông Ngô Đình Nhu, còn ông Thơ lại được Tổng Thống Diệm không những kính nể mà còn coi nhau như tình anh em. Ông Nguyễn Ngọc Thơ rất kiêng kỵ những ai được coi là "người" của Ông Nhu.

Tại sao như vậy ? Báo chí ngoại quốc nói rằng Tướng Big Minh bị Ông Nhu ganh ghét và loại trừ. Điều đó có đúng không ?

Ông Cố Vấn Nhu đã nghĩ về Tướng Big Minh như thế nào ? Nhất là vai trò của Phó Tổng Thống Thơ ra sao trong 9 năm của chế độ cũ và 3 tháng sau đảo chánh ? Trong chương này xin nói lại cho rõ mà không nhắm tô hồng hay bôi đen ai.

MỘNG CÔNG HẦU

Sau ngày 1.11.1963, Một số đông chính khách đã có bụng mừng thầm là

phen này thế nào họ cũng được Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng chiếu cố. Cụ thể hơn hết là cố làm sao vận động cho mình và phe đảng mình được Tướng lãnh và các "*Thầy*" đề bạt vào ghế nào đó trong chính phủ Cách Mạng, mà do Tướng Dương Văn Minh đang thăm dò để chọn một số vị "*lương đống quốc gia*" chèo lái con thuyền Việt Nam trong một giai đoạn mới.

Trong 2 ngày 2 và 3 tháng 11 Tướng Minh rất bận rộn và phải dành nhiều thì giờ tiếp xúc với một số chính khách có tên tuổi.

Những người sau đây được coi là có nhiều hy vọng được chỉ định làm Thủ Tướng Chính Phủ: Quý ông Trần Văn Văn, Phan Huy Quát, Vũ Văn Mẫu, Trần Văn Hương, Nguyễn Ngọc Thơ...Ai cũng tưởng Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng sẽ không bao giờ đề cử cựu Phó Tổng Thống Thơ làm Thủ Tướng vì như vậy "*khó coi*" nếu xét về tình cảm và "*không thể được*" nếu xét về cái lý.

Song như lịch sử đã diễn biến, cuối cùng chỉ có ông Nguyễn Ngọc Thơ được Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng lựa chọn. Nói là Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng lựa chọn chỉ là cách nói theo nguyên tắc và trên văn từ. Thực tế không phải như vậy.

BÀN TAY PHÙ THỦY

Trước khi Đại Sứ Cabot Lodge thừa lệnh Hoa Thịnh Đốn cho bật đèn xanh vào giờ H để các Tướng lãnh bắt tay vào đại sự thì cũng vào lúc đó, trục liên lạc Hoa Thịnh Đốn-Sài Gòn bắt đầu hoạt động từng giờ từng phút. Công việc đảo chánh đã trở thành "*thứ yếu*". Điều quan hệ nhất đối với Hoa Thịnh Đốn là tìm được người thừa kế chính phủ Ngô Đình Diệm cho hợp tình hợp lý. Cái tình ở đây phải hiểu là hợp *"hảo ý"* của giới chức Mỹ, phải được lòng *"các thầy"* trong hàng ngũ lãnh đạo Phật Giáo và đồng thời có thể làm cho đồng bào Thiên Chúa Giáo được an tâm. Ông Lodge vốn là một tay "*cao thủ*" trong Ngành Ngoại Giao Mỹ và từ lâu bị nghi ngờ có những hoạt động riêng cho cơ quan CIA.

Tuy vậy, ông ta luôn luôn tỏ ra tôn trọng những nguyên tắc ngoại giao.

Từ sáng ngày 2.11 ông Lodge đã tiếp xúc rộng rãi với Ngoại Giao Đoàn nhất là mấy vị Đại Sứ mà ông Lodge quan tâm nhất đó là các Đại Sứ Anh, Đại Sứ Nhật sau nữa là Tòa Khâm Sứ đại diện cho Tòa Thánh Vatican tại Quốc Gia Việt Nam. Dĩ nhiên là Tòa Khâm Sứ đã hoàn toàn dè dặt và chỉ cư xử với ông Lodge theo mức độ ngoại giao bình thường.

Lúc đầu đã có một vài ứng viên được giới chức Mỹ lưu tâm và dùng làm trái ballon nhỏ để thăm dò. Đó là Giáo Sư Vũ Văn Mẫu, cựu Ngoại Trưởng của Tổng Thống Diệm, một vài người Mỹ thuộc phòng chính trị Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ cho rằng, ông Mẫu vừa có tiếng trong giới ngoại giao, vừa có thành tích đối với Phật Giáo nhân vụ Giáo Sư Mẫu "*xuống tóc*" và qua Ấn Độ hành hương để gọi là phản đối chính phủ về vụ Phật Giáo. Ông Mẫu lại là một Luật Gia tên tuổi khéo léo mềm mỏng. Tuy vậy, một vài giới Mỹ không hài lòng vì một điểm duy nhất vì Giáo Sư Mẫu là người Bắc Việt di cư. Lập trường của ông Mẫu lại không rõ rệt, ông không được lòng tin cậy của Phật Giáo như các nhà "*lãnh đạo mới*" đồng thời một số người khác lại coi Giáo Sư Mẫu như một người có trách nhiệm về sự ám sát tinh thần (Assasitnat Moral) đối với chế độ của Tổng Thống Diệm. Theo giới am tường chính sự tại Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng thì ngay các Tướng lãnh cũng *"lờ mờ"* không ai biết ai sẽ được chỉ định làm tân Thủ Tướng và nhiều vị Tướng trong Hội Đồng cho đến phút chót mới biết tin ông Thơ được chỉ định.

Trọn ngày 3.11.1963, giới chức Mỹ vẫn chưa dứt khoát trong việc *"khuyến cáo"* Tướng Minh chỉ định.

Ngoại Trưởng Dean Rusk cũng như Thứ Trưởng Harriman dĩ nhiên trong cương vị của họ không thể bày tỏ ý định nào. Nhưng qua những cuộc đàm đạo với Đại Sứ Lodge một số chính khách Việt Nam cũng đã hiểu được rằng, người Mỹ muốn một Thủ Tướng thuộc type "*ôn hòa trung dung"* được hiểu theo cái nghĩa thư lại bàn giấy. Khuynh hướng Thượng Tọa Trí Quang vẫn còn xa lạ với Giáo Sư Mẫu.

Giới chức Mỹ muốn được tiếp tục đầu đặn như không có chuyện gì xảy

ra nghĩa là Ông Diệm chết là chuyện riêng còn chế độ của ông thì vẫn cần duy trì miễn sao thuận tình cảnh mới. Sau này, người ta cho rằng, Đại Sứ Lodge bị Phật Giáo cho vào mê hồn trận và xỏ mũi và đồng thời Mỹ cũng như Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng đã bị chi phối bởi áp lực rất mạnh mẽ của phía Phật Giáo. Sự thực như thế này: Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng có thể chịu sự chi phối mạnh mẽ như vậy, song ông Đại Sứ Lodge thì không.

Cái vẻ bề ngoài thì Đại Sứ Lodge nghiêng hẳn về phía Phật Giáo của các Thượng Tọa Tâm Châu và Trí Quang. Nhưng trong đường hướng mới của Mỹ. Ông Lodge đã *"lựa chọn"* phía Phật Giáo Nam Việt (Mai Thọ Truyền).

Vì giản dị, Phật Giáo Nam Việt trong quá khứ được coi là hiền hòa, không có những tham vọng chính trị là một tập thể tương đối thuần thành về phương diện tôn giáo. Hơn nữa phía Phật Giáo Nam Việt sau 1.11.1963 đã tỏ ra dè dặt, hay đúng hơn, tách khỏi các Thầy Tâm Châu và Trí Quang.

Trong một chiến thuật giai đoạn thì Đại Sứ Lodge phải đi với phe Phật Giáo của các Thượng Tọa Tâm Châu và Trí Quang. Trong một chiến lược và từ cục bộ đến toàn bộ, thì ông Lodge không thể sử dụng người của khối này trong tư thế Thủ Tướng chính phủ vì đây được coi là khởi điểm của lộ trình mới. Do lẽ đó, ông Lodge đã khuyến cáo Tướng Minh nên tìm người này người nọ. Ông Lodge rất khôn khéo không chỉ rõ đích danh ai nhưng với một số tiêu chuẩn nào đó Tướng Minh có thể tìm ngay được vị Thủ Tướng hợp ý với ông lại hợp ý Đại Sứ Mỹ.

TUỒNG MỚI KÉP CŨ

Người đó như lịch sử đã ghi: Theo Hiến Ước tạm thời số 1, Tướng Minh với tư cách Quốc Trưởng đã chỉ định ông Nguyễn Ngọc Thơ thành lập chính phủ: Sắc lệnh lại do chính ông Nguyễn Ngọc Thơ ấn ký. Thành phần gồm 14 Tổng Bộ Trưởng chia ra 4 sắc thái rõ rệt:

1.- Chuyên viên Kỹ Sư Trần Ngọc Oánh, Phạm Hoàng Hộ.

2.- Chính trị gia *"không ưa"* chế độ cũ *(nhưng lại có ít nhiều liên lạc bí*

mật) là Giáo Sư

Âu Trường Thanh.

3.- Tướng lãnh gồm 3 vị được coi là thân cận của Tướng Minh.

4.- Còn lại là các vị thuộc chế độ cũ từng là then chốt trong guồng máy của chế độ đó (*từng là Tổng Thơ Ký Phủ Tổng Thống như ông Nguyễn Thành Cung đến Kỹ Sư Trần Lê Quang là một chuyên viên được Tổng Thống Diệm thương yêu và coi như người trong nhà)*.

Một vài vị khác được coi là chế độ cũ nếu hiểu như một công chức và Quân Nhân của mọi triều đại). Những Tổng Bộ Trưởng đều là người của chế độ cũ tuy được "*Cách Mạng"* xài tạm song trước hết phải là người của ông Thơ nếu không thì cũng không bị ông Thơ ghét hay bị nghi ngờ là người của Ông Nhu. Ông Thơ có thể chấp nhận một cách vui vẻ nếu cộng sự viên là *"con cái"* của Tổng Thống Diệm song ông sẽ quay mặt đi và coi như kẻ đáng ghét nhất nếu ai đến với ông mà trước đây lại từng được Ông Nhu tin cẩn trọng dụng. Đó cũng là đầu mối của tấm thảm kịch "*chế độ Ngô Đình Diệm*".

Việc chỉ định ông Nguyễn Ngọc Thơ được làm Thủ Tướng mặc dầu người Mỹ đã lượng tính trước sự bất hợp tác của khối Phật Giáo và đảng phái nhất là ông Thơ lại không thể tìm được cảm tình đối với đa số Phật Tử Hòa Hảo...Tất nhiên là Cao Đài cũng không ủng hộ. Biết như thế người Mỹ vẫn tiến hành và tích cực khuyến cáo Tướng Minh. Bởi vì giản dị là người Mỹ có sẵn một giải pháp mà ông Lodge đang bỏ túi. Tạm thời trong lúc chuyển tiếp phải có ông Thơ (cũng như khi "*giải pháp*" ấy được ném ra tức là lúc Tướng Nguyễn Khánh được đem lên diễn đài thì ông Lodge vẫn phải khuyến cáo tích cực để Tướng Minh đóng vai trò "*tạm thời trong lúc chuyển* tiếp".

CHẾ ĐỘ DIỆM KHÔNG DIỆM

Dù không được lòng ai, dù bị mang tiếng đã làm sống lại một chế độ *"Diệm không Diệm"* song sự lựa chọn ông Thơ có nhiều cái hợp lý:

1) Ông Thơ là bạn tri kỷ của Tướng Minh.

2) Ông Thơ đã quen việc trong suốt 9 năm của chế độ cũ.

3) Ông Thơ trước sau vẫn là Đốc Phủ Sứ với tất cả cái nghĩa của giới này trước năm 1945. Ông Thơ dầu sao vẫn là một địa chủ nên người Mỹ có đủ yếu tố để tin tưởng vào lập trường địa chủ của ông.

4) Ông Thơ tuy làm quan lại thời Pháp nguyên Bí Thư Toàn Quyền Decoux nhưng ông Thơ không phải là mẫu người được Pháp đào tạo, từ truyền thống văn hóa Pháp như ông Ngô Đình Nhu hay Kỹ Sư Trần Văn Văn v.v...Điều mà người Mỹ rất ngại.

Có một dư luận trong chính giới thân Mỹ lúc ấy là: Nếu không có sự thảm sát anh em Tổng Thống Diệm thì Đại Sứ Trần Văn Chương đã trở về nước và ông có nhiều hy vọng làm Thủ Tướng. Song vì con rể ông bị thảm sát, một nhạc gia tất nhiên không thể làm như vậy (đây chỉ là một dư luận được tung ra để thăm dò vào lúc ấy). "*Cũng nên ghi thêm, ngày 28.10.1963 nguyên Đại Sứ Trần Văn Chương đã lên tiếng công kích nặng nề chế độ Tổng Thống Diệm và con rể ông*".

Kể từ ngày 4.11 phe các Tướng Minh, Đôn, Kim, Xuân, Đính trở thành ngũ hổ song sự phân hóa trong Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng càng trở nên rõ rệt mỗi bên đều đề cao cảnh giác.

Một số đơn vị tham dự đảo chánh được điều động ra khỏi đô thành. Một số sĩ quan cấp Tá như Phạm Ngọc Thảo bị theo dõi sát nút *(Đại Tá Đỗ Mậu được thăng Thiếu Tướng nhưng vô quyền sau được bổ nhiệm Tổng Lãnh Sự Việt Nam tại Hong Kong)*.

Tuy mấy Tướng lãnh như Xuân, Đôn, Đính, Kim...đang có thực quyền sinh sát trong sự "*hiện diện*" của một vài Tướng lãnh cũng như sự xuất hiện của cựu Trung Tá Trần Đình Lan đã làm cho giới chức Mỹ không hài lòng. Người Mỹ không những "kỵ" văn hóa Pháp mà "kỵ" cả nhưng ai bị nghi ngờ "*người của Pháp*". Như thế, ta cũng hiểu được rằng, trong lúc mà Mỹ tin tưởng sẽ chiến thắng cộng sản bằng con đường và cách thức của Mỹ thì ở đây, Mỹ có thể chấp nhận cộng sản nằm vùng (nếu sự nằm vùng có lợi về phía Mỹ) song không thể chấp nhận sự hiện diện và thao túng của

Phòng Nhì cũng như các tay phản gián Pháp.

Đó cũng là lý do khiến Trần Đình Lan cũng như Vương Văn Đông phải cuốn gói ra đi mặc dù hai người này đã có thành tích *"diệt cộng"* khét tiếng trước năm 1954. (Thực ra thì cơ quan CIA Mỹ cũng biết rõ rằng, Trần Đình Lan hay Vương Văn Đông sẽ không làm nên trò trống gì nhưng họ lại dùng hai sĩ quan thân Pháp này như một bằng chứng cho *"hồ sơ"* được gọi là Trung Lập của bộ ba Minh, Kim, Xuân và bằng chứng đó là một phần "*luận cứ"* để biện minh cho cuộc chỉnh lý của Tướng Khánh).

BÀN TAY MÓC NỐI

Khi Phó Tổng Thống Thơ được chỉ định thành lập Chính Phủ đồng thời các đảng phái, Phật Giáo cũng tiêu tan hy vọng mà họ vẫn thường hướng về Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng coi như đấy là nơi sẽ có nhiều phép lạ xây dựng cơ đồ cho đất nước.

Thủ Tướng Thơ trả lời báo chí dạo đó là Thủ Tướng đã có ý định từ chức Phó Tổng Thống từ dạo tháng 9 tháng 10...nhưng Trung Tướng Dương Văn Minh cản ngăn (?) vì sợ hỏng chuyện. Thủ Tướng Thơ cũng cho biết ông có biết về những kế hoạch lật đổ Tổng Thống Diệm. Sau này một vài người bạn thân của ông Thơ cho rằng, đó chỉ là cách ông Thơ biện minh cho sự hiện diện của ông khi được "*cách mạng"* trọng dụng. Sự thực, trước ngày 1.11.1963 kể cả bạn bè thân cận của Phó Tổng Thống Thơ chưa bao giờ thấy ông ngỏ ý từ chức Phó Tổng Thống, ông Thơ chỉ thực sự bị từ chức Phó Tổng Thống khi cuộc đảo chánh thành công.

Vai trò của ông Thơ đã liên hệ như thế nào đối với Tổng Thống Diệm và Trung Tướng Minh sau này ? Trước hết, Tướng Minh khi còn là Trung Tá đã được ông Nguyễn Ngọc Thơ đề bạt lên Tổng Thống Ngô Đình Diệm (1954) và cũng nhờ sự đề bạt của ông Thơ nên Tổng Thống Diệm đã một thời hoàn toàn tin cậy Tướng Minh.

Như đoạn viết đã viết trên, Phó Tổng Thống Thơ là bạn tâm giao với Tướng Dương Văn Minh và hai ông Hiếu và Nghĩa.

Khi Tổng Thống Diệm còn hoạt động ở trong bóng tối, ông Huỳnh Hữu

Nghĩa được coi là một cán bộ giao liên tin cẩn. Chính ông Nghĩa đã có công "*móc nối*" giữa anh em Tổng Thống Diệm và Trung Tướng Trịnh Minh Thế. Đồng thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm quen biết Phó Tổng Thống Thơ cũng do sự móc nối của ông Nghĩa. Rồi Phó Tổng Thống Thơ lại là người móc nối Trung Tá Dương Văn Minh (1954) với Tổng Thống Diệm. Đó cũng là cái "*vòng vo thân hữu*" nhiều khi không cần tài cho lắm, song nếu có anh em đưa đẩy đề bạt thì vấn đề tạo lập công danh kể như truyện đi du ngoạn lại trúng số "*cá cặp*"

ĐỊA PHƯƠNG

Khi ông Ngô Đình Diệm về nước chấp chánh, có hai vấn đề mà Tổng Thống Diệm quan tâm bậc nhất về phương diện nội bộ:

1.- Yếu tố nhân sự và vấn đề nhân sự Miền Nam.

2.- Thành phần lãnh đạo trong Quân Đội. Ông Ngô Đình Nhu mấy năm đầu vẫn quan niệm dứt khoát rằng, Bắc, Nam, Trung không thành vấn đề. Điều quan trọng là họ có làm được không? Song Tổng Thống Diệm tế nhị hơn ông em điều này: "*Phải dùng người sinh quán tại Miền Nam ít nhất cũng phải theo một tỷ lệ tương đối so với dân số Nam phần*". Cũng bởi lý do đó ngay từ buổi đầu, ông Nguyễn Ngọc Thơ đã được Tổng Thống Diệm lưu tâm đặc biệt. Ông Thơ lại có một quá khứ *"hành chánh"* hợp nhãn giới Tổng Thống Diệm vì ông Thơ là một Đốc Phủ Sứ.

Theo quan niệm của Tổng Thống Diệm thì đó là một giới "*biết việc*" cho nên không phải chỉ riêng một Đốc Phủ Sứ Nguyễn Ngọc Thơ được trọng dụng mà nhiều Đốc Phủ Sứ khác đã được Tổng Thống Diệm đặc biệt cất nhắc như trường hợp Đốc Phủ Sứ Hải, Đốc Phủ Sứ Công.

Tổng Thống Ngô Đình Diệm lại dùng ông Thơ như một tâm điểm để móc nối với hàng ngũ quan lại và địa chủ tại Miền Nam. Trong 2 năm đầu 1954-1956 ông Thơ đã thành công trong nhiệm vụ này. Uy tín của ông đối với Tổng Thống Diệm càng ngày càng vững chắc, nhất là ông Thơ được coi như người có công lớn trong vụ Tướng Hòa Hảo Ba Cụt, cùng các vụ giàn xếp với mấy nhóm Hòa Hảo khác (Nhóm Hòa Hảo Trần Văn Soái tự

Năm Lửa, Lâm Thành Nguyên Nguyễn Giác Ngộ). Trong chế độ Ngô Đình Diệm có hai người được Tổng Thống Diệm kính nể đó là Ngoại Trưởng Vũ Văn Mẫu và Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ. Riêng ông Thơ, Tổng Thống Diệm thường nói với Phó Tổng Thống Thơ đại khái: "*Ngài thấy thế nào ? Ngài đi dùm tôi việc này"* Trong những lúc không có mặt ông Thơ. Ông Diệm vẫn thường "*một tiếng Phó Tổng Thống hai tiếng Phó Tổng Thống. Cụ Phó như thế, ngài như vậy"*. Rất ít khi Tổng Thống Diệm gọi ông Thơ bằng *"ông"*. Về phía Quân Đội, khi về nước chấp chánh, Tổng Thống Diệm coi như "*trắng tay"* không có một tên quân, không có một tên Tướng Tá nào được coi là "*người của mình"*. Trong lúc hoàn toàn thiếu cán bộ quân sự tin cẩn, ông Nguyễn Ngọc Thơ đã đề bạt Trung Tá Dương Văn Minh. Tất nhiên là Tổng Thống Diệm rất hoan hỉ chấp nhận. Trong đó Trung Tá Minh được coi là sĩ quan cấp Tá được Tổng Thống Diệm yêu mến tin cẩn nhất. Trung Tá Minh lần lượt được trao phó các chức vụ quan trọng như Tư Lệnh chiến dịch Rừng Sát và chiến dịch bình định tại miền Tây. Tổng Thống Diệm vẫn coi Tướng Minh là một thứ "*homme de bataille"*...Sau vụ chiến thắng Rừng Sát, Đại Tá Minh dẫn đầu đoàn quân tiến về Thủ Đô đi trên Đại Lộ Catinat rồi về Dinh Độc Lập...trước bao nhiêu tiếng hoan hô vang dậy. Báo chí của nhà nước lại được dịp thổi phồng, tán dương rất bay bướm. Tổng Thống Ngô Đình Diệm sáng hôm ấy đã sẵn sàng ở thềm Dinh Độc Lập để đón mừng *"Người anh hùng Rừng Sát*"...Sau này Tổng Thống Diệm vinh thăng Đại Tá Minh lên Thiếu Tướng.

TƯỚNG KHÔNG QUÂN

Xét về hai con người, một Phó Tổng Thống Thơ và một Tướng Dương Văn Minh thì Tướng Minh được Tổng Thống Diệm trọng hậu ngay từ buổi ban đầu và nổi bật một cách dễ dàng. Ông trở thành ngôi sao sáng trong hàng Tướng Tá kể từ đầu năm 1955. Ông Thơ phải đợi đến năm 1956 mới được bổ nhậm Phó Tổng Thống, mặc dầu ông đã tham gia chính phủ đầu tiên của Tổng Thống Diệm với tư cách Bộ Trưởng Nội Vụ (7.7.1954) Song

vai trò còn lu mờ và chỉ như một viên chức phụ tá Thủ Tướng. Tướng Minh càng ngày càng được Tổng Thống Diệm tín nhiệm và yêu mến nhờ hội được mấy điều kiện mà Tổng Thống Diệm cho là xứng đáng theo hai tiêu chuẩn:

1) Tướng Minh có vóc dáng một Tướng lãnh đàng hoàng.

2) Tướng Minh không có những vụ lem nhem vì *"vợ nọ con kia hay bài bạc"*. Hơn nữa, do sự kính mến Phó Tổng Thống Thơ nên Tổng Thống Diệm cũng mến Tướng Minh.

Khi thành lập Bộ Tư Lệnh Hành Quân, Tướng Minh được chỉ định là Tư Lệnh, lúc ấy ông đã đeo lon ba sao và nguyên là Tư Lệnh Quân Khu Thủ Đô. Giới thân cận của Tổng Thống Diệm cho rằng Tổng Thống Diệm đặc biệt lưu tâm đến Bộ Tư Lệnh Hành Quân và đề cử Tướng Minh. Tổng Thống Diệm coi như là một tín nhiệm đặc biệt. Ông Diệm rất mù mờ về lãnh vực quân sự. Hai tiếng Hành Quân đối với ông là cả một sự trọng đại. Khi chỉ định Tướng Minh, Tổng Thống Diệm đã cho rằng chỉ có Tướng Minh mới xứng đáng vì Tổng Thống vẫn cho rằng Tướng Minh là một *homme de bataille*.

Tuy vậy, Tướng Minh lại không mấy ham chức vụ "*không quân*" này.

Tướng Minh thường tỏ ra không hảo ý với vị Trung Tướng Tư Lệnh Quân Khu Thủ Đô (trước ngày 11.11.1960). Tướng Minh vẫn phê bình công khai là ông Trung Tướng này "*nhẩy dù-đi tắt*"...

Trước vụ 11.11.1960, chế độ cũ không hề thắc mắc đến Tướng Minh vì coi ông là người thân tín của "*ông cụ*". Nhưng sau ngày 11.11.60 vì Tướng Minh tuyên bố đứng trung lập giữa chính quyền và phe đảo chánh (báo Journal Extrême Orient 13.11.1960) rồi lại có báo cáo là trước ngày đảo chánh Tướng Đôn có vào Sài Gòn và gặp Tướng Minh cũng như Tướng Kim ở ngay Bộ Tư Lệnh Hành Quân. Đó cũng là lý do làm cho Tướng Minh bị xa dần chế độ.

NƯỚC VỚI LỬA

Giữa Tướng Minh và ông Ngô Đình Nhu có ít sự liên lạc. Người thân

cận nhất của Ông Nhu hiểu rõ hơn ai hết là Ông Nhu để ý đến Tướng Minh qua một vài biến cố quan trọng như vụ Rừng Sát, chiến dịch thanh toán các lực lượng võ trang Hòa Hỏa, vụ đảo chánh hụt 11.11.1960 mặc dù Ông Nhu có đọc trên báo Journal Extrême Orient thấy tường thuật Tướng Minh tuyên bố "Je reste neutre" ông cũng làm thinh. Thực ra Ông Nhu không để ý đến Tướng Minh. Vì có "*máu say*" chính trị nên Tướng lãnh như Tướng Minh dưới mắt ông cũng chỉ là nhà quân sự bình thường. Ông Nhu cho rằng Tướng Minh có tài chiến đấu nhưng ở một mức nào thôi chứ không phải là một chiến lược gia quân sự. Ông Nhu chỉ bắt đầu để ý đến Tướng Minh kể từ tháng 9 năm 1963, khi có tin đồn về một cuộc đảo chánh của các Tướng lãnh.

Nhưng tại sao Tướng Minh lại "*kỵ*" Ông Nhu và cho rằng Ông Nhu "*ghen ghét*" với mình ? Theo báo chí có một lý do thầm kín như thế này: Sau vụ thanh toán Bình Xuyên tại Sài Gòn và Rừng Sát, dân chúng loan truyền "*huyền thoại*" nhằm suy tôn Tướng Minh, là Tướng Minh tịch thu được bao nhiêu vàng bạc đều đem nộp cho Tổng Thống. Lại có một nguồn tin khác trong giới chỉ huy quân sự tại Sài Gòn dạo ấy, là, khi Tướng Minh làm Tư Lệnh dẹp Bình Xuyên, tịch thu rất nhiều "*bao bố*" giấy bạc. Nhiều bao bạc bị rơi xuống nước nên ướt đẫm. Số giấy bạc này được mang vào phơi khô và "*ủi*" cho phẳng phiu ngay tại Tòa Tỉnh Trưởng Chợ Lớn.

Sau đó, không hiểu được đem đi đâu và chia phần cho những ai ? Có đúng rõ rệt là chính quyền hồi đó không nhận được một đồng xu nào trong số bạc lớn lao này nếu có. Tuy vậy, chính quyền cũng không thấy lên tiếng về vụ Tướng Minh đem nộp vàng bạc của Bình Xuyên cho Tổng Thống Diệm cũng như số bạc lớn lao trên đây nếu có thì bỏ vào túi riêng của những ai ? Phải chăng vì thế mà có sự tránh né ?

Một lý do khác nữa khiến Tướng Minh *"kỵ"* Ông Nhu đơn giản vì Phó Tổng Thống Thơ cũng *"kỵ"* Ông Nhu. Tuy được Tổng Thống Diệm kính nể song Phó Tổng Thống Thơ lại tỏ ra không hài lòng với Ông Nhu. Thường ngày, ông Thơ vẫn vào Dinh nhưng chỉ vào thẳng văn phòng Tổng

Thống đệ trình công việc, có khi hàng tháng ông mới gặp Ông Nhu một lần và hai người cũng chỉ trao đổi vài câu thăm hỏi xã giao. Ông Nhu thì cho rằng ông Thơ không biết gì về chính trị và cái khả năng hành chánh của ông thì cũng đã quá lỗi thời. Nhưng ông anh kính mến ông Thơ thì ông em cũng phải kính mến. Dưới mắt Ông Nhu, Phó Tổng Thống Thơ cũng là người "*được việc*" nhất là ông lại chịu khó đại diện Tổng Thống trong các buổi hội hè, lễ nghi. Sự thực Ông Nhu không bao giờ hỏi han Phó Tổng Thống Thơ về các việc chính trị, Ông Nhu cho rằng ông Thơ không có khả năng về lãnh vực này. Ông Nhu không ghét ông Thơ, trái lại tỏ ra có thiện cảm nhất là ông Thơ lại khôn khéo và luôn luôn tỏ ra khiêm tốn bình dị. Tuy là Phó Tổng Thống mỗi lần ông Thơ đi đâu thì đều im lìm...không kèn không trống ồn ào không cả xe hộ tống...ông lại có thói quen ngồi bên cạnh tài xế.

Vào năm 1957, khi tiễn chân Tổng Thống Diệm công du Mỹ, Phó Tổng Thống Thơ gặp Ông Nhu tại phi trường Tân Sơn Nhứt đã nói nhỏ với Ông Nhu: "*Tôi không hiểu tại sao ông Bác Sĩ Tuyến cứ cho người theo dõi tôi hoài*" Mấy hôm sau, Ông Nhu nói lại việc đó với ông Tuyến: "*Làm thế nào mà ông Phó Tổng Thống lại phàn nàn như vậy*" Ông Tuyến rất đỗi ngạc nhiên vì ông không có người để làm việc đó.

TỚI LUI ĐÚNG LÚC

Ông Nguyễn Ngọc Thơ đã có một hành động hết sức đẹp trong dịp cải tổ chánh phủ ngày

24.9.54 (với sự tham gia rộng rãi của các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo) hành động đó như sau: Ông Thơ nguyên Tỉnh Trưởng Long Xuyên vốn là khu vực được coi như là lãnh thổ của Hòa Hảo, giáo phái này từ lâu tỏ ra "*thiếu thân thiện*" nếu không nói hiềm khích đối với ông Thơ. Sau khi trở thành Bộ Trưởng Nội Vụ của chính phủ Ngô Đình Diệm, ông Thơ lại càng bị Hòa

Hảo nghi ngờ. Trong lần cải tổ chánh phủ vào tháng 9 kể trên, phe Hòa Hảo Trần Văn Soái "*lên tiếng*" với ông Ngô Đình Nhu rằng họ chỉ tham gia

chính phủ với điều kiện này điều kiện kia trong đó có một điều kiện không chấp nhận sự có mặt của ông Thơ trong thành phần nội các mới.

Tổng Thống Ngô Đình Diệm phản đối với lý do, từ ngày ông Thơ lên làm Bộ Trưởng Nội Vụ cho đến lúc ấy, ông Thơ chưa có một lầm lỗi nào trái lại ông đã làm việc một cách tận tâm đắc lực. Tổng Thống Diệm nhất quyết không nhượng bộ phe Trần Văn Soái về điểm này. Khi hai bên chính phủ và Hòa Hảo còn đang "*marchander*" ông Thơ biết việc này, chính ông nói với Tổng Thống Diệm xin tự ý rút lui để Tổng Thống Diệm xử trí với phe Hòa Hảo.

Vì biết phe Hòa Hảo coi ông Thơ như kẻ thù, Tổng Thống Diệm tìm cách để ông "*vắng mặt*" một thời gian, đó cũng là ý muốn của ông. Vì vậy, ông Thơ được bổ nhiệm làm Đại Sứ Việt Nam tại Nhật Bản. Vào tháng 4.1955 sau khi chính phủ Liên Hiệp Quốc Gia tan vỡ, Trần Văn Soái, Lương Trọng Tường từ chức....Hòa Hảo chống lại chính phủ Ngô Đình Diệm và miền Tây mịt mờ khói lửa, ông Đại Sứ Nguyễn Ngọc Thơ được gọi về nước, vẫn giữ nguyên chức vụ Đại Sứ song ông được Tổng Thống Diệm trao phó cho nhiệm vụ đặc biệt giải quyết tất cả các vấn đề chính trị tại miền Tây. Ông Thơ được coi là đại diện Thủ Tướng Chính Phủ trong việc kiểm soát chiến dịch bình định và thu xếp vụ Hòa Hảo.

Sau khi vụ Hòa Hảo được coi như thanh toán xong, ông Thơ lại trở qua Nhật. Đó cũng là ý muốn của ông.

Thực ra ông Thơ muốn tự mình *"làm mờ"* vai trò của mình trong vụ Hòa Hảo nhất là vụ bắt Tướng Hòa Hảo Lê Quang Vinh mà ông Thơ là người có trách nhiệm. Ông trở qua Nhật là vì vậy mặc dù Thủ Tướng Diệm có ý giữ ông ở lại nước nhận một chức vụ quan trọng hơn.

NGÀY TRỞ VỀ

Tháng 3.1956, Tướng Hòa Hảo Trần Văn Soái trở lại hợp tác với chính phủ, Tướng Dương Văn Minh họp báo nói về trường hợp qui thuận của Tướng Soái, chiến dịch miền Tây được coi như kết thúc. Tương Minh cho biết, chiến dịch Hoàng Diệu đã tịch thu được 20 ký vàng 16 triệu 1/2 bạc

mặt số tiền này ông đem nộp cho chính phủ và dùng xây cất một Cô Nhi Viện Quốc Gia. Đồng thời 5656 sĩ quan và binh sĩ Hòa Hảo đã về hợp tác với chính phủ trong một buổi lễ tại Cái Vồn (8.3.56). Vấn đề Hòa Hảo miền Tây coi như xong. Ông Nguyễn Ngọc Thơ lúc ấy mới công khai tham chánh và được bổ nhiệm Bộ Trưởng Kinh Tế thay thế Bộ Trưởng Trần Văn Mẹo (16.5.1956).

Tuy hai Ông Diệm Nhu muốn ông Thơ nắm Bộ Nội Vụ vì Tổng Thống Diệm coi đó là sở trường của ông Thơ nhưng ông Thơ không nhận và ông chỉ thích Bộ Kinh Tế, ông Thơ chính thức trở thành người của chế độ. Trong buổi tiếp tân vào tối ngày 26.10.1955 Quốc Khánh đầu tiên của Đệ Nhất Cộng Hòa, ông Thơ xuất hiện bên cạnh Tổng Thống Diệm với tư cách Phó Tổng Thống. Buổi tiếp tân hôm ấy, trong bộ nhung phục mới của cấp Tướng, Thiếu Tướng Minh được mọi người chú ý đặc biệt vì ông đã trở thành "*con cưng*" của chế độ và đang được Tổng Thống thương yêu. Bạn bè của Phó Tổng Thống cũng lên vù vù từ đó.

NỖI BUỒN NHO NHỎ

Vì không mấy khi được Ông Nhu tham khảo về chính sự, Phó Tổng Thống Thơ mỗi ngày càng xa cách ông Cố Vấn với mặc cảm rằng, Ông Nhu chỉ là một Cố Vấn. Đối với công quyền ông không có "*ký lô*" nào vì ông Cố Vấn không phải là một "*titre officiel*". Phó Tổng Thống mới là nhân vật số 2. Do đó ông phải hơn Ông Nhu và sẽ không cần biết Ông Nhu, chỉ cần biết Tổng Thống. Tuy vậy, mỗi lần gặp Ông Nhu, Phó Tổng Thống Thơ vẫn mềm mỏng, khôn khéo và tỏ ra rụt rè. Tuy bên trong, có lẽ, Phó Tổng Thống Thơ không được hài lòng do một số những bất mãn nào đó, có khi chỉ là chuyện rất tầm thường.

Thí dụ như vụ Thiếu Tá Đỗ Kiến Nhiễu, Tỉnh Trưởng Long Xuyên (1957). Thiếu Tá

Nhiễu được coi là người thân của gia đình Phó Tổng Thống Thơ và ông Thơ đề bạt cho về làm Tỉnh Trưởng nơi quê hương của ông. Ông Nhiễu làm Tỉnh Trưởng Tỉnh này khá lâu. Sau vì một vụ "*sì căng đan tình ái*" ông

Nhiễu bị mất chức. Vì sì căng đan này đã làm sôi nổi dư luận miền Tây. Nội vụ đại cương: Một sĩ quan cao cấp của Hòa Hảo bị bắt. Ông ta có một cô vợ khá nhan sắc...Nghe đâu trong một dịp ông Nhiễu gặp mặt mụ này làm ầm lên, gây sì căng đan lớn...không hiểu trong vụ Hòa Hảo có âm mưu hạ uy tín ông Nhiễu hay không ?

Ông bị thuyên chuyển và Thiếu Tá Nguyễn Văn Minh được thay thế. Thiếu Tá Minh là một sĩ quan trẻ, cũng có ít nhiều liên hệ với Phó Tổng Thống Thơ. Trước khi được làm Tỉnh Trưởng Long Xuyên, ông Minh là Thanh Tra Bảo An tại mấy Tỉnh Hậu Giang. Sau vụ này, Phó Tổng Thống Thơ tỏ ra phiền muộn không ít. Thiếu Tá Minh bị "*phe*" của Phó Tổng Thống Thơ nghi ngờ là người của Ông Nhu. Đó cũng là lý do sau ngày 1.11.63 ông Nguyễn Văn Minh bị "*hành hạ*" khá nhiều trước khi đi làm Tư Lệnh Sư Đoàn 21 Bộ Binh (1966).

Còn một chuyện "*phiền muộn*" khác nữa chẳng hạn năm 1957 Thiếu Tá Nhan Minh Trang bị mất chức Tỉnh Trưởng Rạch Giá. Tuy Phó Tổng Thống Thơ không nói ra, nhưng coi đó như một điều phiền muộn.

Thiếu Tá Trang gọi Phó Tổng Thống Thơ là "*dượng ruột*" (sau đảo chánh được thăng Đại Tá và từng là Chánh Văn Phòng của Thủ Tướng Thơ sau là Tỉnh Trưởng Gia Định). Về vụ này, chính đương sự là Thiếu Tá Trang không lấy làm gì bất mãn vì lỗi không do ông mà do sự "*lem nhem*" của ông Trưởng Ty Quan Thuế. Nhưng do sự không khéo của chính quyền khi lựa chọn người thay thế, đã không hỏi ý Phó Tổng Thống Thơ, vì ông Thơ vẫn cho rằng mình thông thạo am tường dân miền Tây, nhất là 3 Tỉnh Rạch Giá, Châu Đốc, Long Xuyên. Đó cũng là một điều làm ông Thơ không hài lòng chính quyền hồi đó đã thiếu kinh nghiệm tâm lý quần chúng và địa phương nên thay vì bổ nhiệm một Tỉnh Trưởng sinh trưởng tại miền Tây thì lại cử Trung Tá Hoàng Lạc là người Bắc di cư. Kinh nghiệm cho biết phàm những Tỉnh miền Tây hay miền Đông đã có một sắc thái đặc biệt thì chính quyền không bao giờ bổ nhiệm một ông Tỉnh Trưởng người Bắc hay người Trung đó không phải là sắc thái địa phương đòi phải

làm như vậy nếu muốn ông Tỉnh Trưởng "*được việc*" và chiếm được lòng dân. Bổ nhiệm Trung Tá Hoàng Văn Lạc có thể chính quyền hồi đó cho rằng Rạch Giá với khu định cư Cái Sắn phải gắn bó chặt chẽ với khối dân di cư thì ông Tỉnh Trưởng là người Bắc sẽ thuận tiện hơn. Cũng cần ghi nhận: Thiếu Tá Nhan Minh Trang rất có công lao trong sự thành lập Khu Dinh Điền Cái Sắn.

Dù vậy đã tạo nên một số ngộ nhận nhất là Trung Tá Lạc trước khi làm Tỉnh Trưởng lại là Tư Lệnh Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống.

NGỒI CHƠI XƠI NƯỚC

Tuy nhiên, sự việc không đơn giản như vậy. Đối với ông Thơ, chính quyền *"của ông"* lại gây cho ông một sự hiểu lầm to lớn hơn khác là khi chính phủ cải tổ ngày 28.5.1961, ông Thơ bị mất chức Bộ Trưởng Kinh Tế cho dù ông được nâng lên hàng Bộ Trưởng đặc nhiệm phối hợp phát triển kinh tế. Nhưng ông Thơ lại cho rằng chức đó chỉ "*ngồi chơi xơi nước"*...Ông đã hoàn toàn mất thực quyền về kinh tế. Tại một quốc gia tiến bộ, và trong một chế độ tiến bộ thì người lãnh đạo phải là người hoạch định và phối hợp kế hoạch chứ không thể là người chỉ biết cúi đầu thi hành kế hoạch. Nhưng một nước chậm tiến như Việt Nam người "*lãnh đạo"* không chịu như vậy họ chỉ thích đóng vai trò *"thừa hành"* để được thượng cấp sai khiến thuộc cấp.

Từ một tâm lý lãnh đạo như vậy, nên chức Bộ Trưởng đặc nhiệm phối hợp đã chả được "*nước nôi"* gì. Hơn nữa, người thay ông Thơ lại còn quá trẻ "tức ông Hoàng Khắc Thành" (em Kỹ Sư Hoàng Kinh tốt nghiệp Cao Học Thương Mại) Nhất là ông Thành lại thuộc giới khoa bảng, mới hồi hương.

Trong khi đó ông Thơ tuy là Đốc Phủ Sứ song không phải là dân khoa bảng.

Ông Thành lại là người Bắc và bị coi là tay chân của Bộ Trưởng Nguyễn Đình Thuần.

Ông Thành là người trẻ có khả năng, tính tình thẳng thắn, nhưng lại khá vụng về trong thuật xử thế nên ông Thơ cho rằng ông Thành đi thẳng với Phủ Tổng Thống về mọi vấn đề kinh tế, qua mặt ông Phó Tổng Thống đặc nhiệm kế hoạch Kinh Tế.

Từ những sự kiện lặt vặt như vậy đã tạo cho Phó Tổng Thống Thơ có mặc cảm bị tước đoạt quyền hành và ông cho rằng phe Ông Nhu đã "*chơi*" ông.

Khi ông Thơ không còn làm Bộ Trưởng Kinh Tế thì ông Ngô Trọng Hiếu lại được cân nhắc lên làm Bộ Trưởng Công Dân Vụ một tay quán xuyến ba ngành Thông Tin, Thanh Niên và Công Dân Vụ (thực tế thì chỉ có ngành Công Dân Vụ) ông Hiếu được coi là người của Ông Nhu và mỗi ngày càng được chế độ tin dùng. Có lẽ đó cũng là lý do khiến cho đôi bạn Thơ, Hiếu mỗi ngày thêm xa cách nhau.

Kể từ chiến dịch Rừng Sát uy tín của Tướng Minh mỗi ngày một tăng cường trong Quân Đội. Uy tín đó phải công nhận rằng, guồng máy tuyên truyền (báo chí-đài phát thanh) của chế độ cũ đã có công phát triển và hào quang hóa "*anh hùng Rừng Sát*" nhất là từ đêm liên hoan tại Trường Pétrus Ký (1956) các đoàn thể đã không tiếc lời ca tụng Tướng Minh và các chiến sĩ Rừng Sát. Tướng Minh lại biết "*tự làm vắng mặt mình*" khi thấy cần, ít ồn ào và trầm lặng khó hiểu cho nên "*huyền thoại Rừng Sát miền Tây*" lại càng có dịp thêu hoa lá trong Quân Đội nhất là giới sĩ quan trẻ.

Trước năm 1963 Tướng Minh cũng chỉ đủ túc dụng hàng ngày không nghèo không giàu đó là ưu điểm để tăng cường uy tín của ông trong giới trẻ.

NGÀI NGOẠI TRƯỞNG

Như đã viết trên, nhiều Tướng Tá nhờ sự đề bạt của Phó Tổng Thống Thơ nên suốt 9 năm của chế độ Ngô Đình Diệm đã được hưởng mũ áo xênh xang. Điển hình là ông Albert Nguyễn Cao.

Ông Cao khi là sĩ quan cấp Úy đã từng là Sĩ Quan Tùy Viên của Tướng

Nguyễn Văn Hinh. Đáng lý ra khi Tướng Hinh đại bại thì ông Cao cũng khó lòng tiến thân được. Nhưng rồi nhờ "*uy thế*" của ông Thơ, Thiếu Tá Cao từ Trưởng Khu Dinh Điền Cao Nguyên leo lên Tổng Ủy Trưởng Dinh Điền. Thời Nguyễn Khánh được phong Chuẩn Tướng và Đổng Lý Văn Phòng của Tướng Khánh.

Bức tranh "*vân cẩu*" của thế sự đã diễn ra bao nhiêu "*hình thù*" hào quang một phút rồi đen tối cũng chỉ một phút.

Đã có bao nhiêu huyền thoại xây trên đổ vỡ và cái hèn mọn nhất của con người. Cũng nên nhắc lại nhân dịp nhắc đến "*huyền thoại*" này "huyền thoại" kia...trong 7, 8 năm làm Ngoại Trưởng thì Giáo Sư Mẫu cũng là một huyền thoại, Giáo Sư Mẫu vì được "*ông cụ*" kính nể. Cho nên mọi người cũng kính nể có khi đến độ "thần thánh" nhà trí thức đại khoa bảng này.

Giáo Sư Mẫu là một Luật Gia uyên thâm Thạc Sĩ Tư Pháp Giáo Sư thực thụ Đại Học Luật Khoa Sài Gòn). Sự ăn nói mạch lạc và cách đi đứng đàng hoàng của ông ta đã dễ dàng thu hút được cảm tình và sự kính nể của Tổng Thống Diệm. Nhưng Ông Diệm đã "*vỡ mộng*" đau điếng người khi ông Mẫu "*xuống tóc*" cho đến lúc sau này Tổng Thống Diệm vẫn biện minh cho lòng kính nể ông Mẫu "N*gài đàng hoàng đấy, nhưng phải làm thế chỉ vì ngài nể bà Ngoại Trưởng*" (ông Mẫu là người thứ hai sau ông Thơ được Ông Diệm gọi là Ngài). Số là, giới cận thần tại Dinh Gia Long và Bộ Ngoại Giao bấy giờ cho biết: Ông Ngoại Trưởng rất "*vị nể*" phu nhân. Phu nhân lại đau yếu luôn luôn vì bị mất một lá phổi. Phu nhân cũng như gia đình Ngoại Trưởng rất mộ Đạo Phật. Thế nhưng trong vụ Phật Giáo trước tháng 8, Ngoại Trưởng rất im lặng, phục vụ.

Buổi sáng này 20.8 Ngoại Trưởng Mẫu còn hướng dẫn tân Đại Sứ Anh đến trình ủy nhiệm thư tại Dinh Gia Long. Ông đã bày tỏ thái độ hoàn toàn đồng ý với chính phủ. Song buổi chiều ngày 21.8 đột nhiên ông Ngoại Trưởng lại *xuống tóc* phản đối. Đó là một hành động đẹp theo tinh thần kẻ sĩ Phương Đông. Nhưng dư luận lại cho rằng, ông phải làm như thế vì phu nhân làm áp lực quá dữ dội. Sau này, ông Nguyễn Đình Thuần thuật lại:

"*Nếu ông ấy xuống tóc và xin đi hành hương, nhưng đừng làm cái việc cố vận động chạy chọt để đổi thật nhiều dollars, ba, bốn ngàn gì đó, thì cũng còn coi được*". Ông Thuần mà phê bình Giáo Sư Mẫu như thế thì kể cũng hơi kỳ (Theo dự luật tại Viện Hối Đoái thì Phủ Tổng Thống chỉ thị Viện này để Giáo Sư cựu Ngoại Trưởng được đổi 5000 dollars).

Vì tiếng súng đảo chánh bùng nổ, ông Thuần với tư cách Bộ Trưởng Quốc Phòng (phụ tá Quốc Phòng kiêm Bộ Trưởng Phủ Tổng Thống) song lại chuồn lẹ nhất đến nỗi trong Dinh không còn biết ông ở đâu để liên lạc.

CHÁY NHÀ RA MẶT CHUỘT

Đêm 1.11, ông Thuần và Nguyễn Lương là hai Bộ Trưởng đến trình diện tại Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng sớm nhất. Một vị Tướng phê bình "*Cháy nhà mới ra mặt chuột. Chế độ Ông Diệm sụp đổ cũng chỉ vì có những Bộ Trưởng như vậy. Khi đến trình diện thì rụt dè khúm núm quá, chả bù khi còn thét ra lửa*".

Nhờ sự đầu hàng sớm như vậy, cũng như sự khúm núm rụt rè, sợ hãi hai ông được Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng cho về nhà thong dong. Ít lâu sau, ông Thuần qua Pháp, vì vợ con ông đã ở sẵn bên đó. Ông Nguyễn Lương được thong dong đến một năm sau, thời Tướng Khánh, ông bị bắt vì tội Cần Lao. Thật là số mệnh an bài...trước đó thì chả sao. Ông Nguyễn Lương bị đưa vào Khám Chí Hòa hôm trước, thì hôm sau ông bị đưa lên xe bịt bùng ra máy bay trực chỉ Côn Sơn.

- *Ơ ? Tôi đâu có tội gì ?* Riêng Hoa Kiều Mã Tuyên bị lao lý trước, ông Lương hàng năm trời, nhưngTuyên vẫn cam phận "*tội thì tội chớ*"

CÁI GAI CẦN NHỔ

Chính phủ Nguyễn Khánh kết tội ông Nguyễn Lương là cán bộ cáo cấp của Cần Lao quả là bóp méo sự thật. Ông Lương thuộc hàng quan lại cũ. Năm 1955, ông đã lên đến ngạch Chưởng Lý Tòa Thượng Thẩm. Khi Giáo Sư Vũ Quốc Thông giữ chức Bộ Y Tế và Xã Hội thì ông Nguyễn Lương làm Tổng Giám Đốc Xã Hội (viên Chánh Văn Phòng của ông là Hoàng Thế Phiệt sau trở thành Nghị Sĩ của Thượng Viện Đệ II Cộng Hòa) Khi Nha

Tổng Giám Đốc Xã Hội tách ra khỏi Bộ Y Tế và trực thuộc Phủ Tổng Thống thì đây là dịp ông Lương được gần Tổng Thống Diệm. Nhờ tài ăn nói lưu loát và am tường pháp luật, ông Lương rất được Tổng Thống Diệm tín nhiệm. Đứng trước Tổng Thống Diệm ông luôn chấp tay cung kính. Ông trở thành Cố Vấn Pháp Luật của Tổng Thống Diệm và sau được bầu làm Chủ Tịch Liên Đoàn Công Chức Cách Mạng Quốc Gia.

Cái chết của Tổng Thống Diệm mang theo sự sụp đổ của chế độ Đệ I Cộng Hòa đồng thời tố cáo luôn bộ mặt thực của một số thư lại gia nhân. Chính họ đã góp công lật đổ, trước hết vẫn là một thảm kịch đó đã kéo dài trên một thế kỷ. Những viên đạn nổ vào đầu Ông Diệm chỉ là kết quả của bao nhiêu mâu thuẫn nội bộ của những ưu điểm và nhầm lẫn, của sự phân hóa trong hàng ngũ Quốc Gia, và đồng thời cũng là kết quả của cuộc hôn nhân miễn cưỡng giữa Mỹ và Việt xa hơn nữa là sự "*thọc gây bánh xe"* của Pháp và gần nữa là cộng sản. Đối với cộng sản thì Ông Diệm hay ai cũng thế thôi đều là kẻ thù của họ, nếu bản chất là quốc gia.

Người quốc gia tiến bộ và thực tâm yêu nước, biết bảo vệ chủ quyền thì lại càng trở thành kẻ thù nguy hiểm nhất của cộng sản. Năm 1945-1946, cộng sản đã không giết Tổng Đốc Hồ Đắc Điềm hay hung thần Vi Văn Định, song họ đã phải thanh toán ngay Lê Ninh (*lãnh tụ Việt Quốc- Dân chúng dạo ấy đã có câu: Việt Quốc Lê Ninh, Việt Minh Trần văn Giầu)* Một Phan Văn Hùm, Một Tạ Thu Thâu cùng bao nhiêu người quốc gia khác. Cộng sản đã sửa soạn cho Ông Diệm một cái chết theo kỹ thuật đoản kỳ và trường kỳ của họ kể từ năm 1954 khi ông ở hải ngoại về nước chấp chánh.

Thực dân Pháp cũng đã chuẩn bị cho ông một "*cái chết"* từ khi Trần Đình Lan đang cầm quyền phòng VI và biệt đội Con Ó (1954). Từ đầu năm 1963, một số người Mỹ cũng bắt tay vào làm công việc ấy. Năm 1963 con số Cố Vấn Mỹ tại Miền Nam đã lên đến 14.000 người đồng thời tại Bộ Ngoại Giao Mỹ thành lập một Ủy Ban Nghiên Cứu hỗn hợp về sử dụng "*sức mạnh"* của Mỹ tại Việt Nam, Ủy ban ấy mang một danh xưng thật đẹp "*Việt Nam Task Force*" mà người đứng đầu là Hislman. Vấn đề chủ quyền

quốc gia đối với Tổng Thống Diệm đã trở thành đầu mối cho tấm thảm kịch Việt Mỹ. Nếu Hislman đặc trách Á Châu Sự Vụ có phận sự nghiên cứu những phương thức Mỹ nhằm tiêu diệt cộng sản tại Việt Nam, thì song hành với công việc này Hislman cũng đã "*sửa soạn*" theo kỹ thuật của Mỹ để "*hạ*" một Tổng Thống cứng đầu như ông Ngô Đình Diệm. Lu Conein cũng như Smith và Hislman, Fishtel nghĩa là cả guồng máy CIA đã góp công vào sự sửa soạn này.

CHƯƠNG III
Trong Thế Giới Của Quyền Uy Và Cô Đơn

Câu Hỏi Giao Du

Sau ngày đảo chánh, một số đông các sĩ quan thuộc Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống đều bị bắt giữ. Mấy Sĩ Quan Tùy Viên đều phải trả lời một số câu hỏi như: "*Có thấy những người đàn bà nào vào phòng riêng của Tổng Thống Diệm ? Tổng Thống Diệm có "giao du" với Bà Nhu không ?"* Đại Úy Lê Công Hoàn, một Sĩ Quan Tùy Viên phục vụ bên cạnh Tổng Thống Diệm 5 năm đã trả lời trên giấy tờ: "*Tôi quả quyết không bao giờ có chuyện như vậy nếu có mà tôi bảo là không tôi xin chịu mất đầu"*.

Vậy thì sự tương quan trong nếp sống gia đình thường nhật giữa vợ chồng Ông Nhu và Tổng Thống Diệm ra sao ?

Tổng Thống Diệm ở trong một căn phòng riêng, ngủ trên tấm đi văng gỗ.

Mỗi tối, ông già Ẩn chăng màn, sáng sớm lại tháo gỡ. Tổng Thống Diệm thường dùng bữa ngay trong phòng ăn này. Ông vẫn ăn một mình trong suốt 9 năm, trừ những buổi tiệc tùng dạ hội. Đối với gia đình Ông Nhu thì Tổng Thống Diệm sống một thế giới riêng. Rất ít khi Tổng Thống Diệm ăn cơm chung với gia đình Ông Nhu. Hoặc khi sang phòng Ông Nhu dùng cơm thì Tổng Thống Diệm dùng món ăn riêng của ông. Trong Dinh có hai đầu bếp. Một đầu bếp của vợ chồng Ông Nhu. Một đầu bếp của Tổng Thống Diệm. Đầu bếp của Tổng Thống Diệm thì rất nhàn hạ. Sáng ông điểm tâm bằng cháo trắng với dưa chua hoặc cá thu kho mặn. Trưa ông Tổng Thống không mấy khi ăn cơm mà chỉ dùng trái cây hoặc rau xà lách trộn dầu hoặc súp lơ, cải bắp luộc. Bữa chính của ông là bữa tối. Thứ cơm

mà ông dùng là gạo lứt đỏ.

Món ăn của ông không thay đổi qua mấy món như mắm ruốc, dưa thịt kho, cá kho, cải xào. Tóm lại ông ăn uống như người trung lưu của xứ Quảng Bình hay Huế.

Thông lệ, mỗi sáng Sĩ Quan Tùy Viên đem vào phòng một xấp báo đủ loại. Ông vừa đọc vừa ăn điểm tâm.

Thỉnh thoảng, có gì đặc biệt lắm ông mới sang phòng của vợ chồng Ông Nhu ngồi uống nước, chuyện lan man. Theo Sĩ Quan Tùy Viên Lê Công Hoàn cũng như Đại Úy Bằng, ông già Ẩn thì Ông Diệm và Ông Nhu không mấy khi anh em hàn huyên tâm sự. Ông rất kính trọng Đức Cha Thục theo quan niệm "*Quyền huynh thế phụ*".

Trước khi qua Rome, dự Công Đồng Vatican II Đức Cha Thục vào Dinh ở lại vài ngày. Như thường lệ, Đức Cha Thục vào chào ông em Tổng Thống.

Theo Sĩ Quan Tùy Viên Hoàn thì anh em Tổng Thống Diệm rất giữ lễ với nhau chứ không suồng sã tự nhiên. Khi về đến Dinh, Đức Cha Thục thường dùng cơm với ông Bà Nhu và mỗi lần như vậy, Tổng Thống Diệm ghé qua phòng ông em nhân tiện đáp lễ ông anh. Đức Cha Thục nói gì Tổng Thống Diệm nghe không vừa ý, Tổng Thống Diệm chỉ thở dài, cau có và hết sức bẳn gắt với Sĩ Quan Tùy Viên. Cũng không mấy khi ông Bà Nhu vào phòng riêng của Tổng Thống Diệm trừ mấy đứa con trai của Ông Nhu.

Căn phòng riêng của Tổng Thống Diệm vừa là phòng ngủ, vừa là chỗ làm việc, bao giờ cũng có hai cận vệ gác ở ngoài với một Sĩ Quan Tùy Viên túc trực suốt ngày đêm (thay phiên như làm việc theo từng ca). Bất kỳ một ai viếng thăm về phía Quân Sự đều qua tay Sĩ Quan Tùy Viên (sự sắp xếp do Tham Mưu Biệt Bộ). Sự thăm viếng về dân sự và Ngoại Giao Đoàn đều do Nha Nghi Lễ đảm trách.

Không kể Đỗ Thọ đã chết, 3 Sĩ Quan Tùy Viên còn sống (trong đó có Đại Úy Lê Châu Lộc) cùng với Đại Úy Bằng hầu cận đều cho biết: "*Họ không hề bị ông Bà Nhu chi phối. Gặp ông bà ấy thì chào hỏi vậy thôi. Họ*

làm việc trực tiếp với Tổng Thống Diệm và làm việc theo kiểu "người nhà" phi nguyên tắc luật lệ. Vào phòng ông Tổng Thống lúc nào cũng được và cửa phòng ông không bao giờ khóa mà chỉ khép. Người được coi là ngang ngược và hay gây gổ với Bà Nhu là ông Đại Úy Bằng. Thế giới của Tổng Thống Diệm là thế giới tình cảm".

Qui tụ quanh ông, phái cao cấp là ông Võ Văn Hải, gần ông Tổng Thống là Bí Thư Trần Sử rồi 4 viên Sĩ Quan Tùy Viên, ông già Ẩn, Đại Úy Bằng và mấy người thân cận khác. Tìm hiểu cuộc sống riêng tư và tâm tình của một Tổng Thống không gì bằng tìm hiểu ngay những người thân cận quanh ông và nếp sống thường nhật. Tại một nước cộng sản, cá nhân lãnh đạo chưa phải là yếu tố quan hệ bậc nhất. Tập thể lãnh đạo mới là điều quan hệ và chi phối toàn thể. Tại các quốc gia Tây Phương có một cơ chế cai trị vững chắc và một truyền thống dân chủ thì một cá nhân lãnh đạo cũng chưa phải là một yếu tố quan trọng bậc nhất.

Nhưng ở Việt Nam thì lại khác. Con người quốc gia ở Miền Nam lại hoàn toàn khác hẳn. Cá nhân lãnh đạo trở thành yếu tố quan trọng bậc nhất và chi phối toàn thể, cho nên đời sống riêng tư và tâm tình của một Tổng Thống lãnh đạo trở thành nguyên động lực tiềm ẩn chi phối con đường lãnh đạo và cai trị vào đời sống riêng tư ấy tự nó đã có giá trị để nhận định con người lãnh đạo quốc gia. Thói quen hút thuốc lá, ăn cơm Tây uống rượu mạnh, hay thú trăng hoa hoặc hay ưa nói bậy, thích tuyên bố lăng xăng thì tự nó đã lập thành bản chất và sự lãnh đạo quốc gia cũng như ủy quyền và danh dự của nhà lãnh đạo cũng tùy thuộc vào bản chất này. Vận mệnh và danh dự quốc gia cũng lại tùy thuộc vào bản chất này.

Bởi vậy viết về giai đoạn lịch sử 1955-1963 không thể bỏ qua phần tìm hiểu con người Tổng Thống Ngô Đình Diệm để từ đó soi sáng một tâm lý chính trị.

Tâm lý chính trị này là một phần căn bản giúp cho Sử Gia dễ dàng phân tích và dẫn giải các sự kiện lịch sử qua hướng đi của nó qua sự chèo lái của nhà lãnh đạo.

Tổng Thống Diệm thích làm thơ. Tất nhiên là thơ Đường Luật. Ông còn biết vẽ và nét vẽ rất đẹp. Bức vẽ cuối cùng của ông là ngôi Thánh Đường dự định sẽ xây cất ở Khu Phượng Hoàng. Ông đã có ý định không ra ứng cử Tổng Thống nhiệm kỳ 1965 và sẽ lui về sống an dưỡng ở Khu Phượng Hoàng.

Trước đó, đã có một dự án chỉnh trang toàn thể Khu Cồn Hến tại Huế để làm nơi Tổng Thống Diệm trở về vui thú điền viên. Khu này được coi là một trong mấy nơi thơ mộng nhất của Huế cách thôn Vĩ Dạ chỉ một con sông. Khi dự án được trình lên, ông Tổng Thống không vừa ý và cho dẹp bỏ.

Rồi tự tay ông phác họa Khu Phượng Hoàng. Ngôi Thánh Đường cũng tự tay ông vẽ. Tổng Thống Diệm ưa thích đánh cờ tướng nhưng lại không phải là tay cao cờ.

Nhiều lần, trong lúc cao hứng, ông cho gọi Đại Úy Bằng và Ngô Đình Trác vào phòng riêng của ông bảo hai người đánh cờ để ông ngồi ông xem, ông có thể ngồi như vậy trong một, hai giờ liền.

Thú lớn nhất của ông là chụp hình. Thỉnh thoảng cao hứng ông lai đưa bọn con Ông Nhu ra chụp vài *"pô"* hay chụp mấy viên Sĩ Quan Tùy Viên.

Tướng Lê Văn Kim được coi là "*người bạn*" của Tổng Thống về phương diện chụp hình và rửa hình. Một lần vào năm 1961, vợ chồng Bác Sĩ Trần Kim Tuyến đang coi ciné ở Đại Nam thì có thuộc viên đến tìm, cho biết: *"Tổng Thống điện thoại gọi Bác Sĩ vào Dinh gấp"* Hai vợ chồng bỏ dở xuất ciné trở vào Dinh. Bà vợ ngồi dưới xe chờ chồng từ 10 giờ sáng đến gần 2 giờ chiều mới thấy chồng trở ra. Nhân chứng được ông Tổng Thống tiếp gần 4 giờ liền không ngoài việc máy ảnh và chụp hình. Vì ông mới mua một cái máy Canon cho nên gọi nhân chứng vào để chỉ cho cách sử dụng. Mỗi lần như thế Ông Diệm rất vui tươi cởi mở.

Đặc biệt Tổng Thống Diệm không uống được rượu, chỉ cần làm một hớp nhỏ, mặt ông đã đỏ gay...Tuy vậy trong phòng ông cũng có một chai rượu nho, thỉnh thoảng ông nhấm nháp đôi chút và những lần như vậy giới

hầu cận đều biết ngay là Tổng Thống gặp chuyện vui. Đầu bếp trong Dinh phải chế tạo riêng một loại xâm banh. Loại xâm banh này chỉ là nước ngọt cho vào chai đúng *"marque champagne"* hảo hạng và khi mở cũng nổ chát xùi bọt như xâm banh thực. Khi có tiệc lớn cùng dự với các Đại Sứ và Quốc Khách thì ông Thổng Thống dùng xâm banh loại này. Tổng Thống Diệm ăn uống không có giờ giấc nào cả. Bữa cơm chiều có thể là 8 giờ hoặc 10 giờ...Khi gặp ai vui chuyện, Tổng Thống Diệm có thể mạn đàm lan man cả 2, 3 giờ liền. Ông hay dùng pâté chau ở Bưu Điện và ông cho là ngon tuyệt hạng. Giá mua 5 đồng một cái nhưng Bà Nhu dặn bồi bếp nói cụ hỏi bao nhiêu thì phải nói là 1 đồng. Bà Nhu giải thích: "*Nói như thế để ông Cụ được vui"*. Tổng Thống Diệm vẫn tấm tắc khen ngợi: "*Pâté chaud 1 đông, mà ngon quá bay ơi! Như vầy thì lương lính nó được 900 đông, vợ con nó cũng sung sướng quá hỉ ?"*

Như trên đã viết Ông Diệm rất kính trọng và vâng lời các anh. Ông lại luôn luôn sống xa mẹ. Sau khi từ chức Lại Bộ Thượng Thư triều đình Huế (1933) ông không về sống ở Phú Cam mà về ở trong một ngôi nhà của ông Ngô Đình Khôi tại Vĩnh Điện, Quảng Nam. Ngôi nhà đó chỉ có Ông Diệm và ông Bằng lo việc cơm nước, quần áo và mọi sự cho ông Thượng Thư, một vài tuần ông lại về Phú Cam một buổi. Vài tháng ông lại vào Nam. Từ dạo đó, ông đã sống một đời khép kín, đi hay về không ai hay biết. Khi ông Ngô Đình Khôi bị giết năm 1945, Đức Cha Thục trở thành người có ảnh hưởng nhất đối với Tổng Thống Diệm. Qua tập Album của gia đình họ Ngô ta thấy Đức Cha Thục và Ông Diệm hay cùng nhau chụp ảnh, hai người tỏ ra tương đắc.

Chúng tôi nêu lên một sự kiện này một sự kiện lịch sử để thấy rằng cái tình huynh đệ gia đình của một ông Tổng Thống đã quan hệ đến cả vận mệnh quốc gia.

Năm 1963 là năm Ngân Khánh của Đức Cha Thục. Theo truyền thống Thiên Chúa Giáo thì đây là một dịp trọng thể, đánh dấu công nghiệp của một đời tu hành. Lễ này thường do giáo dân đứng lên tổ chức để tỏ bầy

kính mến đối với bậc chăn chiên của họ. Giả dụ Đức Cha Ngô Đình Thục không phải là anh ruột của một vị đương kim Tổng Thống thì lễ này có tổ chức long trọng đến mấy cũng không có gì đáng nói vì đó là sự thường tình trong nếp sống tôn giáo. Nhưng Đức Cha Thục lại là anh ruột của một Tổng Thống (chúng ta sẽ phân tách rõ ở chương vụ Phật Giáo 63).

Từ đầu tháng 1.63, các giới chức địa phương và trung ương đã rộn dịp thi đua "*góp công*" vào việc tổ chức Lễ Ngân Khánh của Đức Cha. Có một số địa phương tại Miền Trung, Tỉnh Trưởng lại đi thu góp tiền bạc để góp phần vào Lễ Ngân Khánh cho thêm long trọng. Rồi một ủy ban toàn quốc được thành lập đứng đầu là ông Chủ Tịch Quốc Hội Trương Vĩnh Lễ sau là Bác Sĩ Cao Xuân Cẩm cùng các ủy viên gồm một số Bộ Trưởng, Dân Biểu. Linh Mục Cao Văn Luận, Viện Trưởng Đại Học Huế cũng được mời tham dự. Cha Luận lấy làm khó chịu nhưng không thể khước từ nên phải nói: "*Là một Linh Mục sống trong địa phận của Đức Cha thì có bổn phận vâng kính Đức Cha. Ông Bộ Trưởng Giáo Dục, Viện Trưởng Đại Học Sài Gòn cũng tham dự thì Viện Trưởng Đại Học Huế cũng xin vui về tham dự*". Một mặt Cha Luận biên thư cho ông Chủ Tịch Quốc Hội xin tham dự vào Ủy Ban để cho vừa lòng đẹp ý người đến mới.

Mặt khác, Cha Luận đến gặp riêng ông Ngô Đình Cẩn vì Cha Luận vẫn được coi là một vị Linh Mục có nhiều ảnh hưởng đến gia đình họ Ngô (cũng như Linh Mục Nguyễn Văn Thính, Linh Mục Nguyễn Văn Lập. Linh Mục Nguyễn Viết Khai). Cha Luận khuyên ông Cẩn nên tìm cách ngăn cản để làm thế nào Lễ Ngân Khánh tổ chức trong vòng thân mật và thu hẹp vì từ ngày Đức Cha Thục ra trọng nhậm Giáo Khu Huế đã gây nên nhiều ngộ nhận trong giới Phật Giáo. Nếu Lễ Ngân Khánh tổ chức quá rầm rộ ở ngay tại Cố Đô Huế e rằng bất lợi. Ông Cẩn cho là phải và rất đồng ý với Cha Luận nhưng ông Cẩn cho biết: "*Từ ngày Đức Cha về đây, Đức Cha có coi tôi có ra cái gì đâu. Tôi làm sao nói được xin nhờ Cha vào Sài Gòn gặp thẳng Tổng Thống để nói cho rõ sự lợi hại*". Hôm sau, Cha Luận vào Sài Gòn xin gặp ông Ngô Đình Nhu.

Ông Nhu cũng đồng ý như vậy và cho rằng không thể lẫn lộn tôn giáo với quốc gia, Ông Nhu than thở với Cha Luận là ông không biết phải làm thế nào vì thẳng ra sợ phật lòng Đức Cha bậc quyền huynh thế phụ đối với gia đình họ Ngô. Trước năm 1953 Ông Nhu vẫn bị ngộ nhận là con người chống lại hàng giáo phẩm. Ông Nhu phàn nàn với Cha Luận đại cương: "*Thân sinh tôi mất rồi thì chỉ còn Đức Cha là bậc quyền huynh thế phụ. Tôi không biết phải nói thế nào, ông Cụ thì cả nể Đức Cha lắm. Từ ngày Đức Cha về Huế, ở đây tôi mới "rảnh rang"...Khi Đức Cha còn ở Vĩnh Long thì thứ bảy chủ nhật nào bọn họ cũng rủ nhau xuống Vĩnh Long cả nội các, cả quốc hội. Biết là phiền phức nhưng không làm thế nào được"*. Ông Nhu một lần nữa nhờ riêng Cha Luận nói rõ hơn thiệt với Tổng Thống. Tất nhiên Ông Nhu còn không dám nói với Tổng Thống Diệm thì Cha Luận sức nào dám nói thẳng sự hơn thiệt.

Mặc dầu Lễ Ngân Khánh đã được sửa soạn chu đáo nhưng không được như dự định vì xẩy ra vụ Phật Giáo (ngày 8.5.63).

Trước đó, Tổng Thống Diệm cũng không dám bãi bỏ Ủy Ban toàn quốc tổ chức Lễ Ngân Khánh vì sợ làm phật lòng bào huynh mặc dầu Ông Nhu cũng nói *"xa gần"* với giọng ray rứt trách móc Tổng Thống làm sao lại để cho nhân viên Chính Phủ và Quốc Hội đứng ra tổ chức Lễ Ngân Khánh. Theo thường tình, giáo dân có quyền tổ chức một ủy ban toàn quốc như vậy. Song ông Chủ Tịch Quốc Hội là Chủ Tịch Ủy Ban, thì quả là điều *"chướng mắt"* khó coi cho dù ông là giáo dân...Có lẽ vì vậy mà Bác Sĩ Cao Xuân Cẩm đứng ra làm Chủ Tịch (?)...nhưng cũng không phá tan được sự ngộ nhận *"dĩ công vi tư và lạm dụng uy thế của Tổng Thống Diệm"*

HÀNH HƯƠNG VĨNH LONG

Tổng Thống Diệm quá nặng tình nghĩa gia đình. Gia đình đó lại sống theo quan niệm "*đóng cửa bảo nhau*". Cho nên, dù anh em mâu thuẫn bất hòa người bên ngoài cũng không mấy ai biết ngoại trừ những người thân cận sống lâu năm trong gia đình họ Ngô.

Trong 9 năm kháng chiến, Đức Cha Thục không tỏ rõ một thái độ nào có

thể minh chứng khuynh hướng chính trị của Đức Cha. Khác hẳn những Khu Phát Diệm, Bùi Chu, Giáo Khu Vĩnh Long luôn luôn đứng ra ngoài vòng của cuộc chiến. Những gia đình quen biết của Đức Cha Thục như Phạm Ngọc Thảo, Kiều Công Cung đã theo kháng chiến ngay từ buổi đầu cho đến năm 1954. Linh Mục Lu Vinh thuộc Xứ Đạo Bến Tre cũng đã từng tham gia kháng chiến. Linh Mục này được coi như con cưng của Đức Cha Thục. Năm 1961, Linh Mục Lu Vinh cũng như ông Sáu Nhân (tức Hoàng Xuân Việt) đều được Đức Cha gửi vào ở tạm tại Nhà Dòng Đồng Công Thủ Đức. Cha Lu Vinh đã có lần tâm sự rất nhiều về Đức Cha Thục và đề cho rằng Đức Cha trước năm 1954 rất khác Đức Cha sau năm 1954 và càng ngày càng bị vây hãm bị lợi dụng dấn mình quá sâu vào đời sống chính trị của các em.

Vào khoảng tháng 6 năm 1960, Nhân một buổi lễ trọng thể tại Vĩnh Long (buổi lễ thuộc phạm vi tôn giáo). Thế nhưng từ sáng sớm đã có hàng trăm xe hơi nối đuôi nhau trên con đường *"hành hương"* Vĩnh Long. Hầu hết là các Bộ Trưởng, Dân Biểu, Tướng Tá, công chức cao cấp. Vì có hàng trăm xe của nhân viên chính quyền cho nên Bắc Mỹ Thuận bị kẹt, xe hàng, xe dân bị ứ lại dài cả hàng cây số và phải đợi hàng 2, 3 tiếng đồng hồ mới được khai thông. Một nhà báo Mỹ cũng bị kẹt trong đám xe đó. Khi trở về Sài Gòn ông ta tỏ ý phàn nàn và phê bình gay gắt với nhân chứng Lương Khải Minh.

Nhà báo Mỹ thì lúc nào chẳng tìm cách làm *"sì căng đan"*. Lương Khải Minh tìm cách biện minh cho nhà báo vui vẻ, bỏ qua sự phiền muộn. Nhân chứng cho ông Ngô Đình Nhu rõ tự sự, Ông Nhu mặt đỏ tía tai đập tay vào bàn rồi gọi điện thoại cho ông Chủ Tịch Quốc Hội Trương Vĩnh Lễ: *"Làm cái gì mà kỳ vậy. Xuống đấy làm cái gì mà lố vậy. Tôi nhờ ông bảo bọn họ ngưng ngay cái trò đó đi"*.

Ông Nhu không thích là chuyện của Ông Nhu

Con đường Sài Gòn-Vĩnh Long vẫn tấp nập khách công hầu. Ông Nhu thường phàn nàn với nhân chứng Lương Khải Minh *"Bây giờ Nội Các và*

Quốc Hội họp ở Vĩnh Long mà!"

Như trên đã viết, Tổng Thống Diệm bị chi phối mạnh mẽ bởi tình nghĩa gia đình thân thuộc. Chữ Lễ đối với ông là một điều quan trọng không thể thiếu. Tiếc rằng chữ Lễ trong tinh thần Nho Giáo tuy tạo được thế thống về phương diện quốc gia song cái thực tại của xã hội giữa Thế Kỷ 20 đã làm cho chữ Lễ của ông Tổng Thống trở nên những hình thức phù du và làm cho ông lạc lõng và càng cô xa lạ trong một thế kỷ mà nấc thang giá trị cũ chỉ còn như áng mây chiều.

Một bọn nịnh thần lại luôn luôn bám vào chữ Lễ của ông Tổng Thống để che đậy những manh tâm...Chữ Lễ với giá trị cao cả của nó trong tình nghĩa của nếp sống Đông Phương lại trở thành chiếc gậy thần của một số "*phù Thủy"* xúm nhau lại suy tôn và thần thánh hóa Ngô Tổng Thống...Ông Tổng Thống càng thêm lạc lõng và chữ Lễ biến thành vùng ảo tưởng vây bọc lấy ông.

Tổng Thống Diệm làm việc ngay trong phòng riêng. Ông ngồi trên chiếc ghế bành trước một chiếc bàn tròn và ở đó ông phê chuẩn, khán ký, cũng như xem xét hồ sơ công việc và bàn xét quốc sự. Nếu không phải tiếp khách ngoại quốc hay các phái đoàn, ông làm việc trong phòng cả buổi sáng buổi chiều như vậy. Thường thường ông mặc chiếc áo dài đen. Không bao giờ Tổng Thống mặc đồ ngủ tiếp khách thì theo thói quen ông cũng xốc lại cổ áo nắn lại chiếc Cravate rồi cầm lược chải đầu, gọi bồi lau lại đôi giày.

CHỮ LỄ TRONG TINH THẦN NHO GIA

Những ngày đầu vào Dinh Gia Long làm việc nhân chứng Lương Khải Minh còn trẻ lại quen tính ăn mặc lè phè. Mấy lần vào phòng làm việc của ông Tổng Thống, đương sự chỉ mặc áo cổ bẻ, cộc tay, bỏ ngoài quần và đi dép quai da. Đương sự không để ý đến sự khó chịu của ông Tổng Thống nên cứ tiếp tục ăn mặc như vậy. Sau Tổng Thống Diệm gọi thẳng Bà Nhu phiền trách *"Thiếm phải lo cho chú ấy ăn mặc đàng hoàng. Chú ấy ăn mặc lôi thôi mấy đứa nó bắt chước, mất cả thế thống. Thằng cha nó ăn mặc cái*

gì mà lôi thôi quá". Từ đó đương sự phải để sẵn trong văn phòng một bộ Complet Cravate.

Nếu Tổng Thống cho gọi là phải ăn mặc cho đầy đủ lễ bộ. Giầy mà không có giây thắt, ông Tổng Thống cũng cho là một sự thất lễ. Một lần Bộ Trưởng Nguyễn Đình Thuần vào Dinh mặc chiếc áo "*veste"* mới may , xẻ phía sau lưng theo mode mới liền bị Tổng Thống nhin môt lúc lâu rồi khen *"ông Bộ Trưởng mua chiếc áo xẻ lưng đep quá hỉ ?"* Ông Tổng Thống cho rằng làm lớn ăn mặc như thế không hợp với thể thống. Từ đó, Nguyễn Đình Thuần biết ý phải cố ăn mặc làm sao cho vừa ý Tổng Thống.

Cũng vì một chữ thể thống mà một sĩ quan đã thắng được một vụ kiện. Quan tòa là ông Tổng Thống, Bà Nhu là nguyên cáo. Khi Quốc Vương và Hoàng Hậu Thái Lan qua thăm Việt Nam thì Bà Nhu đóng vai *"tiếp viên của Quốc Gia"* (Hotesse) để nghênh đón Hoàng Hậu Thái về Dinh Độc Lập viếng Tổng Thống Việt Nam theo nghi lễ rồi trở về Dinh Gia Long nghỉ. Tổng Thống Việt Nam cũng đến Dinh Gia Long để đáp lễ, cùng đi theo có Bà Nhu. Lúc trở ra, Bà Nhu đi sau Tổng Thống. Viên sĩ quan hầu cận cản lại và nói "*Bà không được đi cùng. Theo nghi lễ bà phải đi sau 5 phút*". Bà Nhu nổi giận phản đối. Viên sĩ quan dẫn chứng theo *"sách", "Bà đâu có phải là vợ của Tổng Thống mà được phép trở về Dinh cùng một lúc. Tôi cứ theo nghi lễ của ông Hoàng Thúc Đàm. Tổng Thống phải về Dinh trước, năm phút sau bà mới được ra về"*. Bà

Nhu nổi giận mà đành phải chịu.

Nhưng sau đó bà về mách Ông Nhu và sang tận phòng Tổng Thống kiện. Ông Tổng Thống sai gọi viên sĩ quan hầu cận (Đại Úy Bằng) và *"đối chất*". Bà Nhu nói theo lẽ của Bà Nhu. Viên sĩ quan nói theo lẽ của viên sĩ quan và nhấn mạnh làm như thế để giữ thể thống Quốc Gia. Ông Tổng Thống không nói một câu rồi cho cả hai người ra về. Bà Nhu rất hậm hực về thái độ lặng thinh của ông anh Tổng Thống. Sau buổi chiều ông qua phòng ông Bà Nhu và tuyên án "*Nó nói đúng. Tính nó ngang ngược như rứa thôi bỏ qua"*.

Người em của Bà Nhu tức Trần Văn Khiêm cũng đã gây nên nhiều sự phiền phức cho ông Tổng Thống. Anh ta ưa phách lối, làm le và dọa nạt nhiều người. Có lần (tháng 10.63) anh ta dọa ném lựu đạn giết cả nhà Bác Sĩ Trần Kim Tuyến. Sự lạm dụng và phách lối của Trần văn Khiêm đến tai Tổng Thống Diệm, ông Tổng Thống cũng không biết làm thế nào hơn là ra lệnh cho sĩ quan mở cuộc điều tra riêng. Việc đến tai Bà Nhu. Bà lại tìm mọi cách che chở em rồi tìm cơ hội "*mách*" ông Tổng Thống về những "*lạm dụng*" của đám người thân bên cạnh ông Tổng Thống. Do đó, trong 9 năm, Ông Diệm luôn luôn phải xử những "*vụ án*" ngay trong nội bộ của Dinh.

Nhiều người thân của Tổng Thống Diệm cho rằng, đó là nỗi khổ tâm mà ông không thể nói ra và mỗi lần như vậy ông lại càng thêm bẳn gắt. Ví dụ: Một lần đám con Bà Nhu lấy bút vẽ bậy bạ lên tường Dinh gần phía phòng Tổng Thống. Sĩ quan hầu cận đe nẹt thì đám trẻ lại nặng lời với họ rồi về mách mẹ. Bà Nhu bênh con lại nặng lời và đổi thừa cho đám cận vệ vẽ bậy. Lời qua tiếng lại Bà Nhu lại vào thưa kiện với Tổng Thống vì viên sĩ quan dám hỗn xược với bà. Ông Tổng Thống lại mất công phân xử. Thường Thường bao giờ ông cũng chỉ đỏ mặt, yên lặng, quay đi và lắng nghe cả hai bên trình bày, ông không nói một câu...Nếu cùng lắm thì chỉ phán quyết:

"Thôi bỏ qua".

Một lần khác, vào đầu năm 58 khi chế độ Ngô Đình Diệm đang vào thời kỳ cực thịnh, một buổi tối Bà Nhu bận đồ ngủ, mặc áo choàng vào phòng ông Tổng Thống để kiện cáo một vài chuyện lặt vặt, ông già Ẩn khép cửa đi ra...Bỗng ông Tổng Thống quát tháo rầm rĩ, bấm chuông gọi ông Ẩn và ông Bằng mắng vu vơ trước mặt Bà Nhu. Từ buổi đó, biết ý ông Tổng Thống nên mỗi lần Bà Nhu vào phòng Tổng Thống thì ông Ẩn hay ông Bằng phải có mặt hoặc Sĩ Quan Tùy Viên. Nếu không thì y như là có sự la lối. Thường thường nói chuyện với Bà Nhu hay bất kỳ một người đàn bà nào khác, mặt Ông Diệm đỏ gay, mắt nhìn đi chỗ khác và lời cắt quãng, nhát gừng.

Mỗi lần Bà Nhu vào kiện cáo chuyện gì, ông yên lặng lắng nghe. Khi bà đi ra, ông lại lẩm bẩm nói nhát gừng: "*Chuyện đàn bà con nít như rứa...thôi bỏ qua"*

Một lần khác Bà Nhu vào kiện cáo chuyện gia đình dòng họ, Tổng Thống Diệm vẫn yên lặng lắng nghe rồi nói: *"Thím cứ về đi rồi tui tính cho"* Bà Nhu không chịu lại la lớn tiếng. Bất thần ông Tổng Thống cầm chiếc gạt tàn thuốc lá ném về phía em dâu. Có lẽ ông ném hờ vậy thôi.

Chiếc gạt tàn văng vào tường vỡ tung. Bà Nhu mở của chuồn lẹ.

Những người thân cận chung quanh Tổng Thống Diệm đa số đều phục vụ ông từ nhiều năm trước thời kỳ 1945. Riêng Sĩ Quan Tùy Viên thì do Nha Nhân Viên Bộ Quốc Phóng tuyển chọn và đề bạt. Trước năm 1960, mỗi Tùy Viên phục vụ thời gian 2 năm. Nhưng sau, thời hạn bất kể. Thông lệ mỗi năm ông ra lệnh cho gọi tất cả các Sĩ Quan Tùy Viên cũ trở về Dinh gặp ông và cho mỗi người một số tiền 2000$.

Đối với Tổng Thống Diệm đã là quá to. Rút tiền mặt chi cho ai đồng nào, ông thường đếm đi đếm lại rất cẩn thận.

Ngoài chữ Lễ theo quan niệm Nho Gia "*Lễ vi tiên"* ông còn luôn luôn nhắc nhở mọi người cẩn thận về chữ Nghĩa theo tiêu chuẩn *"Nghĩa vi bản mạt" (Nghĩa là gốc ngọn*). Thí dụ: Anh chàng Nậy trước kia kéo xe cho ông Huyện Diệm khi còn trọng nhậm ở Huyện Hải Lăng Quảng Trị. Lên làm Thủ Tướng, ông đánh điện cho Tỉnh Trưởng Nguyễn Văn Đẳng chỉ thị phải tìm Nậy và đưa vào Sài Gòn. Nậy vào Sài Gòn và được tuyển dụng vào Dinh Độc Lập làm nghề thợ mộc để có lương nhà nước dù lúc đầu Nậy không biết gì về nghề mộc. Rồi từ viên Thừa phái Hải Lăng, đến viên đội khố xanh ở Bình Định hay Chánh Tổng ở Hòa Đa...tức là những thuộc viên cũ, ông Tổng Thống đều gọi vào Dinh cho tiền làm vốn liếng *(năm ngàn là tối đa)* rồi cho một việc làm trong Dinh. Có một viên Đội Khố Xanh trước gác ở Dinh Quan Tuần Phan Thiết rồi lại ra Bình Định. Sau này nhờ Tây lên được hàng Úy, kịp đến khi Ông Diệm về nước rồi tình cờ gặp được Ông Diệm được ông lưu ý nâng đỡ mà leo lên mãi đến hàng *"tá*

cao cấp" sau này góp công không nhỏ trong việc *"Làm thế nào để giết được một Tổng Thống"*.

Một thí dụ khác về cái nghĩa của ông, vào tháng 1 năm 1962 trước vụ ném bom Dinh Độc Lập vào khoảng 1 tháng, Bác Sĩ Tuyến có một người quen bị công an bắt giam.

Người quen ấy là ông Nguyễn Văn Lực, một đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng. Lúc ấy nội bộ của chế độ Ngô Đình Diệm đang bắt đầu phân hóa và đầy dẫy ngộ nhận và mặc cảm lẫn nhau cho nên Bác Sĩ Tuyến không thể đơn phương can thiệp cho Nguyễn Văn Lực được trả tự do. Song lại có cụ Nguyễn Xuân Tiếu, lãnh tụ Đại Việt cũng bị công an bắt giam.

Bác Sĩ Tuyến định tâm tìm cách nào tốt nhất để nói trực tiếp với Tổng Thống vì biết rằng cụ Nguyễn Xuân Tiếu trong quá khứ có rất nhiều liên hệ với Tổng Thống Diệm. Một hôm vào phòng Tổng Thống để trình công việc, Ông Diệm hỏi: "*Tình hình đảng phái chính trị dạo này ra sao ?"* Đương sự đáp: "*Cũng không có gì cả, bình thường. Thưa cụ, thì mấy ông đảng phái nhàn rỗi không có việc làm thì cũng họp hành, tuyên bố lăng nhăng thế thôi"*. Ông Tổng Thống ờ ờ, hút thuốc, tỏ ý khoan khoái. Đương sự tấn công tình cảm ngay: *"Thưa Cụ, có ông Nguyễn Xuân Tiếu bị công an bắt giữ*". Ông Tổng Thống: "*Nguyễn Xuân Tiếu tôi biết, hắn làm sao mà bị bắt hè*". Đương sự tìm lời nói khéo "*Ông cụ ấy có tật hay uống rượu, uống rượu vào rồi thì cũng nói lăng xăng chống đối. Con thấy cũng không có gì nguy hiểm*".

Ông Tổng Thống vui vẻ gật đầu "*Biểu Nguyễn Văn Là nó thả ông ta ngay. Biểu Tổng Thống chỉ thị"*.

Ông Tổng Thống trầm ngâm "*Năm 45, tôi bị Việt Minh nó bắt giam ở Thái Nguyên, Nguyễn Xuân Tiếu đối với tôi tốt lắm Hắn tiếp tế đồ ăn cho tôi hằng ngày, tiếp cả thuốc lá.*

Sau hắn còn đưa cả tiền cho tôi để có chút ít chi phí về Hà Nội rồi vào Nam". Ông Tổng Thống không quên nhắc nhở đương sự: *"Khi nào gặp*

hắn bảo hắn lúc nào rảnh rỗi vào đây chơi".

Nhờ có cụ Nguyễn Xuân Tiếu nên nhân chứng xin cho cả ông Nguyễn Văn Lực được trả tự do. Nhưng hơn 20 ngày sau khi con trai ông Lực là phi công Nguyễn Văn Cử cùng phi công Phạm Phú Quốc oanh tạc Dinh Độc Lập, ông Lực nhanh chân trốn thoát.

Sự việc này đã làm cho Bác Sĩ Tuyết bắt đầu bị thất sủng vì có sự nghi ngờ. Ngay sau khi im tiếng súng đương sự vào thăm Tổng Thống thì ông rất lạnh lùng hỏi: *"Vụ này nghe như ông biết trước rồi phải không ?"* Đương sự lạnh cả người. Tuy vậy, theo đương sự, ít ngày sau, ông Tổng Thống cũng bỏ qua không nhắc tới nữa. Trong mấy anh em, thì Tổng Thống Diệm được coi là người tuy nóng tánh bất thường nhưng đã dùng ai thì không muốn thay đổi. Tổng Thống Diệm tuy có trí nhớ rất tốt nhưng ông cũng hay quên...Khi nổi nóng ông la mắng nhưng sau đó quên ngay. Việc dùng người cũng vậy, nhiều chiến hữu rất thân cận với ông, nếu giữ khí tiết không tìm cách cầu cạnh để đề bạt, Ông Tổng Thống cũng quên luôn. Trường hợp Đô Trưởng Vũ Tiến Huân, lúc đầu ông cho *"quyền Đô Trưởng*" rồi sau không ai nhắc nhở nên cứ quyền Đô Trưởng cho đến ngày đảo chánh. Trường hợp Đỗ Mậu quyền Giám Đốc Nha An Ninh Quân Đội cũng vậy.

Như Tướng Trần Văn Đôn lúc đầu tuy bị Ông Nhu không ưa vì cho rằng "*Thứ dân Tây đi lính cho Tây chỉ biết ăn chơi thì làm được cái gì"*. Nhiều lần Ông Nhu có ý thay thế Tướng Đôn ở chức vụ Tư Lệnh Quân Đoàn I nhưng không dám công khai ngỏ ý vì biết có ngỏ ý Tổng Thống Diệm cũng không chấp nhận. Một lần coi tấm hình Tướng Đôn bận áo thụng xanh khăn đóng thù tiếp ông Cậu Cẩn và cùng vấn thuốc lá Cẩm Lệ hút như ông Cậu. Tổng Thống Diệm có vẻ đắc ý, lại được một Sĩ Quan thân cận phụ đề: *"Mấy năm nay Tướng Đôn chỉ lo làm việc, không còn ăn chơi nhảy nhót"* Tổng Thống Diệm xem ra *"chịu*" ông Tướng vùng địa đầu. Nhiều báo cáo đến tay ông đều dẹp bỏ không xét. Riêng về việc phong Tướng, Ông Diệm tỏ ra thận trọng.

Dịp tăng thưởng 26.10.1962 cũng như năm 1963, có mấy Đại Tá được đề nghị lên Tướng, Ông Diệm đều không chấp thuận và nói: "*Thằng ấy...thằng ấy lên Đại Tá là maximum*".

Có một ông Đại Tá thuộc "*người trong nhà*" tưởng là thế nào ông Cụ cũng cho đeo sao vì có công theo Cụ từ ngày còn đội khố xanh. Ông Tổng Thống gạt đi mà mắng rằng: "Từ nay, việc lên Tướng dành cho bọn trẻ" Một số Sĩ Quan cấp tá trẻ được Ông Tổng Thống lưu ý đặc biệt ông vẫn thường gọi vào "*xem tướng*" rồi nói với mấy người thân cận "*Mai này cho hắn lên tướng được đó. Bảo hắn ấy phải lo mà học hành lấy bằng cấp đi*". Ông Diệm vẫn phàn nàn với mấy người chung quanh: "*Tướng của mình phải có chút bằng cấp học vấn thì người ngoại quốc người ta mới không khi rẻ. Tướng Mỹ, Tướng Pháp họ học cao lắm*". Có hai điều nếu ai ngỏ ý xin, Tổng Thống Diệm chấp thuận ngay:

1.- Xin được đi học.

2.- Xin ra chỉ huy ở đơn vị tác chiến. Cũng vì có tư cách đàng hoàng và chịu cắp sách đến trường cầu học, Đại Tá Cao Văn Viên đã được Tổng Thống Diệm quí mến đặc biệt. Trung Tá Lữ Mộng Lan, khi còn làm Trưởng Phòng III Bộ Tổng Tham Mưu, ngỏ ý xin Tổng Thống cho ra chỉ huy đơn vị tác chiến. Tổng Thống Diệm lưu tâm ngay và cho là ông Lan có ý cầu tiến, chịu xông pha. Khi thành lập Sư Đpàn 25 Bộ Binh tại Quảng Ngãi, Trung Tá Lan được cử làm Tư Lệnh Sư Đoàn sau đeo lon Đại Tá giả định.

Về cách chọn người của Tổng Thống Diệm thì khó ai có thể lường được trước. Bác Sĩ Tuyến xác nhận rằng: *"80 % các Tỉnh Trưởng đều do ông Tổng Thống chọn*". Khoảng năm 1958, Tỉnh Trưởng Kiến Hòa lúc bấy giờ là một Thiếu Tá người quen thân của Trung Tá Phạm Ngọc Thảo và cũng là chỗ quen thân của Bác Sĩ Tuyến. Một hôm, đương sự vào phòng Ông trình công việc, bất thần ông Tổng Thống nói: *"Anh có biết Sĩ Quan nào quen việc hành chánh không chỉ cho 2 người"*.

Tất nhiên là đương sự không dám hỏi thẳng Tổng Thống dùng 2 sĩ quan

ấy vào việc gì. Đương sự đáp: *"Thưa có, hiện nay ở sở của con có 2 sĩ quan con đang chờ lệnh bổ dụng mà con cũng chưa biết đặt ở đâu. Hai sĩ quan này đều đã làm Quận Trưởng bên Gia Định vừa mới bị thay thế"*. Ông Tổng Thống gật đầu: "*được rồi. Tên ?*" Hai sĩ quan này là Đại Úy Lê Minh và Trung Úy Q rồi Ông Diệm lấy giấy ghi tên hai người.

Theo thông lệ những việc nào có tính cách bí mật và để tránh sự nhòm ngó của người chung quanh ông Thổng Thống đều viết chữ Hán. Vì ông cho rằng, thời nay không mấy ai đọc được chữ Hán. Cũng như người Bồi phòng của Tổng Thống Diệm vì lo công việc hàng ngày trong phòng riêng của Ông nên phải chọn một anh không biết chữ như bồi Bẩy Thạch.

Khoảng 3 ngày sau, ông Đổng Lý Quách Tòng Đức báo cho Bác Sĩ Tuyến biết là hai sĩ quan kể trên đã có Nghị Định bổ nhậm Tỉnh Trưởng và Phó Tỉnh Trưởng Nội An Kiến Hòa. Đại Úy Lê Minh được cho lên Thiếu Úy giả định, Trung Úy Q được lên Đại Úy giả định. Nhân Bác Sĩ Tuyến nghe tin này thì choáng váng cả người vì Thiếu Tá Thảo bị thay thế là chỗ thân của ông. Riêng Lê Minh lại không muốn đi làm Tỉnh Trưởng Kiến Hòa. Sau khi bị thay thế Quận Trưởng, Lê Minh đã chán hành chánh chỉ muốn có một chỗ tốt tại Sài Gòn. Bỗng đâu chỉ vì một lời giới thiệu vu vơ, Lê Minh trở thành Tỉnh Trưởng rồi sau này lại bị ông Tổng Thống nổi giận cất chức Tỉnh Trưởng.

Trong 9 năm có rất nhiều trường hợp *"trúng số độc đắc"* như vậy. Một thí dụ khác vào khoảng năm 1962, lúc ấy Bộ Trưởng Tư Pháp là ông Nguyễn Văn Lượng. Theo Lương Khải Minh thì khi ông Bộ Trưởng Tư Pháp vào trình công việc của Bộ, rồi cũng bất thần bị ông Tổng Thống hỏi: "*Bên Tư Pháp có ông Thẩm Phán nào biết việc hành chánh, quản trị nhân viên, ông Bộ Trưởng tìm cho tôi hai người*". Bộ Tư Pháp lúc ấy cũng có hai Thẩm Phán "*ngồi chơi xơi nước*" trong khi chờ lệnh bổ nhậm mới. Đó là ông Tòa Trần Thiện Đức, nguyên Biện Lý ở Tòa Sơ Thẩm Mỹ Tho vì có sự bất hòa chống đối viên Tỉnh Trưởng địa phương nên tạm thời được rút về Bộ. Còn ông Tòa Khánh thuộc Tòa Nha Trang vì vụ lỗi lầm gì đó nên bị

thay thế và đang nằm đợi lệnh ở Tòa Thượng Thẩm Huế. Ông Tòa Trần Thiện Đức nổi tiếng về sự cương trực và có lòng tốt, dân Mỹ Tho rất quí trọng ông.

Bộ Trưởng Tư Pháp Nguyễn Văn Lượng đưa tên hai ông Tòa này trình lên Tổng Thống Diệm. Ông Tổng Thống lại tự tay ghi chép. Ít lâu sau có Nghị Định bổ nhậm ông Tòa Khánh làm đại biểu Chính Phủ tại Cao Nguyên Trung Phần, ông Tòa Trần Thiện Đức làm Tổng Đoàn Trưởng Công Dân Vụ mà cả hai đương sự không được thông báo trước.

Trước khi có Nghị Định bổ nhậm, họ nhận được lệnh vào trình diện Tổng Thống Diệm cũng chỉ có mục đích để ông Tổng Thống xem tướng. Nhiều trường hợp chỉ vì *"xấu tướng"* đã không được ông Tổng Thống bổ nhậm.

Riêng ông Tòa Đức vì sự giới thiệu tình cờ của ông Bộ Trưởng Tư Pháp mà trở thành Tổng Đoàn Trưởng Công Dân Vụ. Sau đảo chánh 63 ông bị điều tra "*lên xuống*" xem có phải là Cần Lao không, có chạy tiền để được chức vụ ấy không.

Về vụ xem tướng người của Tổng Thống Diệm cũng có nhiều cái rất lạ. Như ông X, Tổng Thống Diệm lắc đầu: *"mặt thịt, vai u nó làm được cái gì"*. Như ông Y, Tổng Thống Diệm thấy ăn mặc đàng hoàng, nói năng dõng dạc, đi đứng nghiêm trang, ông gật đầu: *"thằng đó khá"*. Anh nào nói không ra hơi ngôn bất xuất khẩu, ông lắc đầu ngay...Những anh nào ưa *"nói leo"* chưa hỏi đã nói cũng khó lòng lọt vào mắt xanh của ông. Điều tối kỵ với ông là anh nào có vợ hai, bị báo cáo là bài bạc nghiện hút. Ông ghê sợ sự nghiện hút và kẻ nào vợ nọ con kia. Thiếu Tá Trần Ngọc Châu được ông thương vì có tài nói và thuyết trình rất lưu loát. Tướng Đôn được Tổng Thống Diệm sủng ái vì được coi là Quân Nhân có tác phong, đi đứng và chào kính nghiêm trang. Phó Tổng Thống Thơ dù lùn và lé nhưng Tổng Thống Diệm coi như em vì "*Cụ Phó chịu làm việc. Cụ Bà hiền đức*"

LÀM LỚN

Dù thế nào thì Tổng Thống Diệm cũng vẫn là một ông Quan trọng tinh

thần *"Phụ mẫu chi dân"*, một ông Quan trong giấc mộng kinh bang tế thế và được thành lập bởi tinh thần Nho Gia "*Dân chi sở ố, ố chi. Dân chi sở hiếu, hiếu chi"* (dân ghét cái gì, mình ghét cái đó. Dân thích cái gì, mình thích cái đó. Sách Đại Học). Sở dĩ phải dẫn sách Đại Học ở đây vì ông Tổng Thống thuộc nằm lòng sách này và thường đem từng câu ấy ra giảng dạy cho thuộc cấp. Khi trở thành Tổng Thống thì ông Quan ấy trở nên một vị Hoàng Đế với tiêu chuẩn "*Thừa Thiên hành đạo*". Ông cai trị dân với một Thiên Mạng của Nho Gia. Cho nên ta thường thấy ông luôn nhắc đến chữ "*Thành*". Chữ Thành lấy ở sách Trung Dung. Một Tướng lãnh hiện nay vẫn còn giữ bản thủ bút của ông do ông viết tay và cho đương sự làm món gia bảo gồm 6 chữ Hán, nét chữ rất đẹp: "*Thành giả thiên chi đạo dã"* (Thành là đạo của trời vậy). Trong tinh thần đó ông quả là một vị minh quân ở tiền bán Thế Kỷ 19. Nhưng giữa Thế Kỷ 20 và trong thực tại của Miền Nam sau 1954, Tổng Thống Diệm lại trở thành lạc lõng trong cơn giống tố của thời đại. Tuy tạo được uy quyền tối thượng, tuy giữ được thể thống quốc gia nhưng ông Tổng Thống lại trở thành pho tượng trong vườn ngự uyển. Trong khu vườn đó, ông tưởng ai cũng nghĩ như ông, cũng làm như ông và sống như ông. Ông lại quá tin nơi mình với mặc cảm uy quyền và ông ghen với uy quyền đó (jalouse de son pouvoir).

Ông làm việc theo lề lối của một vị đường quan và quân thần chủ nghĩa. Vì vậy mà công việc được giải quyết theo khẩu lệnh và quần thần cứ y thế mà làm không mấy ai dám ho he phản đối. Theo nhân chứng Lương Khải Minh làm việc trực tiếp với Tổng Thống Diệm và Ông Nhu trong 9 năm thì có thể nói nếu so với Đức Cha Ngô Đình Thục hay ông Cẩn, Tổng Thống Diệm và Ông Nhu đều biết ai hèn hạ ai tâng bốc nhưng biết mà không nói, biết mà vẫn dùng. Sĩ Quan Tùy Viên Lê Công Hoàn kể lại rằng: Có một lần vào năm 1962 ở Dinh Tổng Thống trên Đà Lạt, ông Tổng Thống cần đi gấp mà trong phòng lại không có đôi giày. Ông la bồi. Lúc ấy bồi lại đi đâu vắng. Sĩ Quan Tùy Viên vẫn đứng yên vì lấy giầy cho Tổng Thống không phải là việc của anh *(những việc này để bồi nó làm. Tổng Thống dặn*

như vậy).

Thấy Tổng Thống la bảo biểu đi tìm giầy, một ông Bộ Trưởng chạy đi tìm và mang giầy lại. Ông Tổng Thống mặt đỏ gay, nhăn nhó và gạt đi, nói một cách bực tức: *"Hừ...hừ...để bồi nó làm"*. Ông Bộ Trưởng tái mặt vì ngượng và sợ. Sĩ Quan Tùy Viên nhìn mặt ông Bộ Trưởng mỉm cười. Nhiều ông lớn tỏ ra hèn hạ một cách công khai đã bị ông Tổng Thống mắng thẳng vào mặt. Riêng Ông Nhu, một lần thấy một ông Đại Úy mặc quân phục đeo lon, đẩy xe cho ông Ngô Đình Luyện dạo quanh Dinh (vì ông Luyện đau chân nên phải ngồi xe có tay đẩy), Ông Nhu cười *"ruồi"* chỉ cho một sĩ quan hầu cận của Tổng Thống Diệm và nói thẳng: "*thằng cha sao nó lố như rứa*".

Còn bao cảnh hèn hạ tuyệt vời khác như ông Đ. cúi đầu tháo giày cho ông Luyện, ông L kia dở chén măng cua ăn thừa của Đức Cha một cách hoan hỉ. Lỗi lầm tai hại nhất của chế độ Ngô Đình Diệm chính là ở điểm như vậy của cộng sự viên qua cái bản chất hèn hạ của con người họ. Mà những con người ấy lại tiêu biểu cho quốc gia ở một ngành này hay một địa phương khác. Trong khi đó, cộng sản luôn luôn tìm cách khai thác và tạo nên dư luận thành kiến để làm lớn chế độ rồi bôi đen chế độ qua những vết đen của từng cá nhân trong guồng máy chế độ.

Người ta thường cho rằng, trong 9 năm Tổng Thống Diệm chỉ "*làm vì"* và Ông Nhu bao thầu mọi việc. Bác Sĩ Tuyến cho rằng *"như thế là sai sự thật"* chế độ, Ông Nhu chỉ là một thứ bổ sung cần thiết cho Tổng Thống Diệm. Kể từ năm 1962 và nhất là khi thành lập Ấp Chiến Lược thì công việc mới bắt đầu dồn lại phía Ông Nhu. Nó dồn lại một cách mặc nhiên và Ông Nhu cũng mặc nhiên chấp nhận. Nhưng Tổng Thống Diệm vẫn giữ quyền của ông mà không ai chia xẻ được kể cả Ông Nhu. Nhiều sự bổ nhậm trong Quân Đội cũng như hành chánh khi đã có Nghị Định, bấy giờ Ông Nhu mới biết. Nếu muốn đặt để ai ở một chức vụ quan trọng, Ông Nhu chỉ đánh tiếng bằng những lời khen: "*ông ấy, ông ấy, có khả năng, có tài về lãnh vực ấy"*. Khi chú Nhu đã nói như vậy thì ông Tổng Thống tin

ngay và chắc chắn đương sự sẽ được bổ nhậm. Nếu Ông Nhu nói: *"Sử A khá, cho hắn làm Tổng Giám Đốc"* thì, theo Bác Sĩ Tuyến, chắc chắn ông A sẽ không bao giờ được bổ nhậm như ý Ông Nhu muốn vì đã nhiều lần xảy ra như vậy.

Nhưng nếu mọi việc không có ý của chú Nhu thì ông Tổng Thống không yên tâm như việc thảo diễn văn chẳng hạn. Những năm đầu thì do ông Trần Chánh Thành viết, sau này do ông Lương Danh Môn *(Tổng Thư Ký Bộ Quốc Phòng)* hoặc khi nào rảnh thì do ông Võ Văn Hải. Ông Hải đảm trách phần vụ viết diễn văn bằng Anh ngữ. Nhưng ai viết cũng đều phải qua tay Ông Nhu đọc lại. Diễn văn quan trọng thì tự tay Ông Nhu viết. Dù ai viết và Ông Nhu đã xem lại, ông Tổng Thống thế nào cũng đọc kỹ và sửa lại một vài chữ mới bằng lòng. Một lần theo lời viên Sĩ quan hầu cận (Đại Úy Bằng): *"Ông Nhu đưa bài diễn văn qua phòng ông Tổng Thống, ông Tổng Thống dọc rồi lắc đầu quầy quậy"*.

Bài ấy ông gạch một chữ rồi gọi chú Nhu qua, ông nói*: "Sao lại tiến bộ"* Ông Nhu giải nghĩa bằng tiếng Pháp. Ông Tổng Thống lắc đầu: *"Tiếng Pháp đâu có thâm thúy bằng tiếng ta"*. Ông nói: "*tiến bộ là sai, phải dùng chữ đông tiến*". Rồi ông lại nói một mình: "*Đông tiến là mọi người cùng nhau tiến"*. Từ đó, ông đắc ý với hai chữ "*đông tiến"* nên mới đặt tên cho những khóa học như khóa Đông Tiến rồi kinh Đông Tiến và diễn văn luôn luôn có chữ *đông tiến*.

Về diễn văn phải viết bằng tiếng Pháp thì do Ông Nhu. Về Anh văn do ông Võ Văn Hải hoặc Trương Bửu Điện và sau này là Tôn Thất Thiện. Dù ông vẫn phục Ông Nhu về đề tài viết Pháp văn nhưng thế nào ông cũng đọc lại rồi dở từ điển ra coi, cân nhắc một vài "*termes"* cho chỉnh. Về Anh văn cũng thế, mặc dầu Tổng Thống Diệm không có sở trường về Anh văn.

Một lần viếng thăm một Quân Đoàn, ông Tướng Tư Lệnh của Quân Đoàn này đọc mấy lời *"kính dâng Ngô Tổng Thống"*...Ông Diệm nhăn trán quắc mắt vì trong đó có chữ Hán dùng sai. Buổi tối, trở về phòng trong lúc nói chuyện vui, ông bảo viên Sĩ quan hầu cận: "*Cái thằng nớ nó người*

Hoàng Tộc sao nó ngu như rứa. Nó học hành đến đâu hè, ông thân sinh của nó xưa nghe nói giỏi chữ Hán...” Rồi ông Tổng Thống nhớ mãi. Vào khoảng tháng 10.63, có sự đề nghị của ông Tướng này tham chánh, ông Tổng Thống lại nhắc đến bài *“kính dâng”* xưa kia và nói giận dữ: “*Chữ nó còn không thông thì nó biết cái mô tê chi”*.

Dù Ông Nhu là một cần thiết không thể thiếu song Ông Nhu không dám qua mặt ông anh một cách công khai, nhất là về hành chánh. Ông Nhu vẫn thường phê bình ông anh: “*Il peut administrer mais...Il ne peut gouverner*”.

Như trên đã viết, Ông Nhu là một thứ bổ sung cần thiết cho ông Tổng Thống. Trong bất cứ một vấn đề quan hệ nào nếu không có ý kiến của ông em thì ông anh không yên tâm.

Nhưng thế giới của ông anh là riêng của ông anh, ông em không thể nào “*xía”* vô. Hai thế giới cách xa nhau, màu sắc và bản chất cũng khác nhau. Căn phòng làm việc của ông anh Tổng Thống thì hoàn toàn vô trật tự, giấy tờ, hồ sơ ông để lung tung. Ông làm việc không theo giờ ấn định, không có lịch trình. Theo Đại Tá Đỗ Mậu, khi vào trình Tổng Thống về việc A... nhưng chỉ ít phút sau ông hỏi qua việc B rồi lan man qua phạm vi tử vi tướng số. Ông thích hàn huyên tâm sự, thích nói chuyện đời xưa...Trái lại, văn phòng làm việc của Ông Nhu rất trật tự. Hằng ngày ông làm việc theo giờ giấc và đúng lịch trình. Ông làm việc tại văn phòng phía sau bàn giấy là tủ sách. Hồ sơ để theo thứ tự và sắp xếp từng loại. Sự ngăn nắp này cũng dễ hiểu vì ông là Tổng Quản Thư Viện và Văn Khố...Nhưng Tổng Thống Diệm gặp đâu làm đó lại luôn luôn giải quyết công việc bằng khẩu lệnh. Theo Lương Khải Minh người ta thường cho rằng Ông Nhu nói gì ông Tổng Thống nghe nấy, điều đó không đúng...Ông Tổng Thống chỉ nghe Ông Nhu về những vấn đề quan trọng thuộc lãnh vực chính trị và chiến lược. Ngoài ra, những vấn đề khác nhất là những vấn đề thuộc lãnh vực hành chánh và Dinh Điền, Ông Nhu đôi khi phải nhờ Đệ Tam Nhân can thiệp với ông Tổng Thống. Đệ tam nhân đó có thể là ông Nguyễn Đình Thuần, vừa là người của ông Tổng Thống vừa là người được lòng Ông

Nhu. Trường hợp bổ nhậm Nguyễn Xuân Khương là điển hình tuy ông được Bác Sĩ Tuyến giới thiệu với Ông Nhu khi Ông Nhu muốn kiếm một người làm Tổng Giám Đốc điền địa có khả năng chuyên môn để phụ giúp ông Bộ Trưởng Huỳnh Hữu Nghĩa.

Trong giới kỹ thuật, Lương Khải Minh thấy ông Khương là Kỹ Sư chuyên viên về địa chánh, ăn nói lại lưu loát. Nhờ đó ông Khương được cân nhắc. Vì đang chú trọng đến công tác chỉnh trang lãnh thổ nên Nguyễn Xuân Khương luôn luôn có dịp ở bên Tổng Thống. Ông Tổng Thống lại là người thích xem họa đồ, nói chuyện đất đai lãnh thổ, ông Khương là người lanh chân lẹ miệng được lòng Tổng Thống. Từ khi địa vị đã vững vàng, theo sát chân Tổng Thống, ông Khương lờ luôn cả Ông Nhu, mọi việc nhất nhất ông Khương đều trình thẳng lên Tổng Thống. Bởi vì nếu đã được lòng ông Tổng Thống dầu rằng Ông Nhu có ghét cũng không sao.

Tháng 6.63 Nguyễn Xuân Khương được cử thay Hồ Đắc Khương làm Đại Biểu Chánh Phủ tại Cao Nguyên Trung Phần. Ông Nhu chỉ được biết ông Tổng Thống đã quyết định bổ nhậm ông Khương. Ông Nhu đành bóp đầu bóp trán: "*Hắn thì biết gì về chính trị mà cử ra đó"*, nhưng ông anh đã quyết định thì ông em cũng đành phải theo rồi tìm đệ tam nhân *"nắm"* Nguyễn Xuân Khương.

Thế nhưng, có hai người vẫn làm việc song song, đối đầu nhau. Có những việc mật, chỉ ông Hải biết mà Ông Nhu không biết, cho dù không ưa ông Hải, Ông Nhu cũng chả làm gì được hơn. Trong gia đình đó kẻ làm em phải chịu lép vế. Theo Lương Khải Minh nhiều vấn đề Ông Nhu rất không đồng ý với ông anh và nhiều lần công kích nhưng khi gặp Tổng Thống Diệm thì Ông Nhu lại ngồi lặng thinh không dám nói. Cũng như ông Cẩn ở Miền Trung, ông không ưa gì Bà Nhu, thường nặng lời công kích, mạt sát nhưng khi gặp Ông Nhu và bà chị dâu thì ông Cẩn lại lặng thinh.

Tuy ở cùng trong Dinh sống chết có nhau trong 9 năm, Ông Nhu rất ngại gặp Tổng Thống. Theo Sĩ Quan Tùy Viên Lê Công Hoàn từ khi anh vào Dinh làm việc, dạo năm 1958 đến năm 1963, anh chỉ đến chào Ông

Nhu lần thứ nhất khi nhận việc theo sự chỉ dẫn của Tham Mưu Biệt Bộ.

Lần ấy gặp Ông Nhu, ông nhìn anh mỉm cười, nói mấy câu ngắn ngủi *"Cảm ơn, ở đây mà làm việc"*. Ông Nhu hầu như không để ý đến thế giới của ông anh kể cả cộng sự viên thân tín của ông anh.

Trường hợp Lê Công Hoàn được gọi về Dinh cũng đầu bất ngờ như bao trường hợp khác. Anh đang phục vụ trong ngành Công Binh tại Pleiku thì có công điện gọi về trình diện Tướng Đính tại ban Mê Thuột, gặp Tướng Đính, ông cho biết: *"Anh về Sài Gòn trình diện Tổng Thống"*. Rồi ngay đêm đó, ông Đính cho một chiếc xe jeep thật tốt, có người hộ tống, đi suốt đêm từ Ban Mê Thuột về Sài Gòn. Lê Công Hoàn rất hồi hộp không biết số phận hên xui ra sao. Sáng hôm sau, dù qua một đêm hành trình mệt mỏi, ông Hoàn cũng phải quần áo chỉnh tề ngay ngắn...Nhưng gặp ai và ai đưa vào trình diện Tổng Thống ? Lúc ấy Lê Công Hoàn còn là Trung Úy. Ông đến trình diện Bộ Tổng Tham Mưu. Ở đây, lắc đầu không biết. Ông đến Bộ Quốc Phòng, Ở đây bảo qua Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ cũng không biết và bảo qua Tham Mưu Biệt Bộ gặp Trung Tá Cao Văn Viên. Bấy giờ mới tìm đúng chỗ. Sau đó, ông được Trung Tá Viên đưa vào trình diện Tổng Thống Diệm. Trước hết, ông Tổng Thống lừ mắt nhìn Hoàn từ đầu đến chân, ông nhìn thật lâu có lẽ để xem tướng Hoàn. Dùng người ông Tổng Thống có thói quen bắt tướng. Một lát ông gật đầu, hỏi qua Hoàn về gia đình. Ông hỏi Hoàn "*Đeo kiếng cận như vậy có bắn được không* ?" Lê Công Hoàn đáp: "*Dạ thưa gần thì con bắn được"* Ông Tổng Thống hỏi: "*Trúng không* ?" Lê Công Hoàn thưa: "*Dạ bắn được thôi. Con không dám nói là trúng"*, ông Tổng Thống gật đầu cười.

Năm năm sống cạnh Tổng Thống Diệm, Sĩ Quan Tùy Viên Lê Công Hoàn cho biết rằng: Ông cũng chẳng có quan niệm nào về Đảng Cần Lao. Đã được Tổng Thống tín nhiệm thương yêu thì khỏi cần đảng phái.

Mà ông Tổng Thống rất ít nhắc đến Đảng. Việc đảng phái có chú Nhu lo. Người không hề tham gia đảng phái chính trị như Đại Tướng Lê Văn Tỵ rất được ông Tổng Thống tín nhiệm thương yêu trong sự tương kính.

Dù có chân trong Đảng hay được Ông Nhu hay ông Cẩn tín nhiệm, nhưng ông Tổng Thống không ưa thì đương sự cũng khó ngóc đầu lên được...

Ông Nhu làm việc và tiếp khách đều theo lịch trình đã định sẵn. Kể cả lúc đi săn cũng thể theo chương trình. Một vài năm lại về Huế nghỉ 10 ngày bế quan tỏa cảng và đọc sách. Đọc sách cũng có chương trình. Bằng ấy ngày nghỉ sẽ đọc bằng ấy quyển. Mỗi lần đều có sổ tay ghi chép. Ông Tổng Thống thì không. Sĩ Quan Tùy Viên Lê Công Hoàn cho biết: Mỗi lần ông Tổng Thống đi kinh lý ở đâu, văn phòng đều có định trước chương trình. Ví dụ ông lên Đà Lạt thì 9 giờ viếng Trường Võ Bị, 11 giờ đi thăm Ấp Chiến lược...Rồi sẽ tiếp những ai. Tùy Viên phải học thuộc lòng. Tổng Thống hỏi phải nói ngay không bao giờ được đưa giấy ra coi. Tuy nhiên chẳng bao giờ ông Tổng Thống theo chương trình ngoại trừ trường hợp có các ông Đại Sứ tháp tùng.

Việc tiếp khách cũng thế, theo nguyên tắc Tham Mưu Biệt Bộ sắp đặt để Tổng Thống tiếp ai, giờ nào ngày nào. Nguyên tắc ấy thực tế không được tôn trọng. Chức việc văn võ đến ngồi chờ trong phòng khách rồi tùy theo chức vụ cấp bậc và công việc gấp hay không gấp, Sĩ Quan Tùy Viên sẽ mời từng người vào "*hầu*" Cụ. Lúc ấy ông Sĩ Quan Tùy Viên trở nên quan trọng có thể nói, Tùy Viên *"khoái ai"* thì đưa người đó vào trước...Không có cảm tình với ai, dù ở cấp bậc cao, Tùy Viên vẫn có thể cho ngồi chờ 2, 3 giờ. Có người Tổng Thống tiếp năm ba phút, có người được tiếp hằng 2, 3 giờ. Phía Tướng lãnh người tâm đầu ý hợp với Tổng Thống Diệm là Đại Tướng Tỵ. Mỗi lần Đại Tướng Tỵ vào Dinh gặp Tổng Thống sẽ lâu hằng một hai giờ. Mọi người đều các nhận Tướng Tỵ không có tài thao lược nhưng lại tốt bụng, Tướng Tỵ không khúm núm không quỵ lụy, Tướng Tỵ đề cử ai thì xem như ăn chắc 100%. Chính Tướng Tỵ đã đích thân tuyển chọn Trung Tá Sang lái máy bay riêng cho Tổng Thống Diệm. Về nội bộ Quân Đội, Tướng Tỵ nói điều gì, ông Tổng Thống tin điều đó. Tuy nhiên Tướng Tỵ đối với Tướng Tá khác đều coi là đàn em nên ông không dèm pha ai. Về việc tưởng thưởng Bảo Quốc Huân Chương, ông Tổng Thống

coi thứ Huân Chương này như nấc thanh giá trị cao nhất, tiêu biểu cho sự nghiệp và chiến công của người được thụ lãnh. Nhưng Tướng Tỵ đề nghị cho ai thì người đó được liền. Ngoài Tướng Tỵ ra, khó lòng ai có thể đề bạt cho người này được thưởng Bảo Quốc Huân Chương. Thí dụ trường hợp Trung Tá Khôi khi được cử đi làm Tùy Viên Quân Sự tại một quốc gia bạn. Ông Khôi là một Sĩ Quan Tham Mưu nên huy chương không có nhiều. Ra ngoại quốc làm Sĩ Quan Tùy Viên như vậy thì hơi kỳ, nên có người vận động Tổng Thống cho ông Khôi được Bảo Quốc Huân Chương.

Dù là người cận thân tín xin cho ông Khôi song ông Tổng Thống vẫn gạt đi. Cuối cùng ông Khôi nghe lời bạn cứ ra tiệm mua đại một cái Bảo Quốc huân Chương đeo vào ngực cho có thể thống.

Ông Nhu thì coi thường giai cấp quan lại cũ. Song ông Tổng Thống vẫn hoài nhớ dĩ vãng xa xưa cho nên ông mới tái lập Kim Khánh Bội Tinh. Lập lại cả chức vụ Chánh Phó Tổng tại địa phương. Ông lại hay quan niệm gọi cấp bậc của thuộc viên từ thời Pháp. Chẳng hạn ông Tá X. ông Tổng Thống lại thường nói: "*À ông Đội phẩm*" (ông này vốn quen thuộc hàng xuất đội). Ông Y, ông Tổng Thống quen biết từ xưa nên lại thường gọi: *"À ông Huyện..."*

Không phải cứ quen thân ông Bà Nhu là được Tổng Thống Diệm tín nhiệm, nhiều khi lại ở thế kẹt cứng...Tổng thống Diệm nóng tính nhưng cả nể.

Cũng vì sự cả nể nên bao nhiêu tai tiếng về Trần Văn Khiêm đến tai ông, ông đều bỏ qua chỉ vì Khiêm là em ruột Bà Nhu *(sau đảo chánh 63 anh ta bị khép tội mật vụ)*

Lương Khải Minh xác nhận, anh ta chả có chức vụ gì cả, không một ai giao cho anh ta công tác gì. Nhưng dựa vào thế của chị, anh này ra ngoài lộng hành nhân danh người này người kia. Khi vào Dinh thì chạy lăng xăng. Nể Bà Nhu nên không ai để ý. Có mấy khi anh chàng này được gặp Tổng Thống Diệm đâu. Có một lần Sĩ quan Lê Công Hoàn ghi nhận: Hôm ấy Khiêm được Tổng Thống Diệm cho gọi vào. Anh tưởng ông Cụ ban

phát chức vụ bổng lộc, nên mặt mũi quan trọng, hất hàm bảo Đại Úy Lê Công Hoàn "*Nè ông Đại Úy, ông đưa tôi vào gặp Cụ"*, ông Hoàn đáp nhã nhặn: "*Thưa ông, Cụ đang bận, xin ông chờ"*. Nhưng Khiêm ra vẻ quan trọng:

"Tôi cần vào gặp Cụ ngay" Nói xong Khiêm kéo tay nhìn đồng hồ rồi tiếp: *"10 giờ tôi có hẹn gấp. Tôi không thể chờ lâu được lâu"* , ông Hoàn đáp thủng thẳng: "*Được, xin ông cứ chờ"*. Đáng lý Lê Công Hoàn đưa Khiêm vào gặp Tổng Thống Diệm ngay sau đó nhưng *"trả thù*" cho bõ ghét. Ông Hoàn cứ để cho Khiêm ngồi chờ đến 11 giờ mới dẫn vào yết kiến Tổng Thống Diệm. Sĩ Quan Tùy Viên vừa khép cửa đã nghe tiếng Ông Thổng Thống la mắng quát tháo Khiêm thật dữ dội. Một lát sau Khiêm đi ra mặt tái xám, tiu nghỉu, cắm đầu rảo bước.

Ông Khiêm không có một chức vụ, một vai trò nào, ấy vậy mà ở ngoài nghe thấy Khiêm ai cũng ngán. Khiêm chỉ là thứ cáo mượn oai hùm. Dưới chế độ Ngô Đình Diệm không thiếu chi những loại cáo mượn oai hùm như Khiêm.

Nhưng bọn họ lại có khả năng tạo nên sự nghẹt thở trong các khối quần chúng, reo rắc thêm hoang mang trong dân gian đi đến đâu chúng cũng nhân danh ông này ông nọ để lấy le cũng có để lường gạt cũng có.

Bất cứ một chế độ nào muốn vững vàng tại Miền Nam, muốn cho dân chúng thương yêu tín nhiệm thì phải sáng suốt trừ ngay những thành phần *cáo mượn oai hùm,* nhất là những con cáo đó lại là bà con anh em của người cầm quyền thì sự tác hại của nó đối với chế độ không phải là nhỏ.

Gần những năm cuối cùng của chế độ, gia đình Tổng Thống Diệm cũng bắt đầu phân hóa và mâu thuẫn lớn dần trong mấy anh em Tổng Thống Diệm. Ông Nhu càng ít gặp ông anh Tổng Thống. Nhiều việc ông anh tự quyết định mà không cần hỏi chú Nhu.

Ngoài Trung, ông Cẩn bắt đầu uống rượu. Trước kia ông Cẩn chỉ nhấm nháp chút đỉnh rượu lễ. Từ năm 61, 62, ông đã uống cả ly lớn. Mỗi lần say ngất ngư, ông lại thét chửi mắng. Ông Nhu càng thêm say mê săn bắn. Đại

Úy Hạp, Tùy Viên của Ông Nhu cho biết rằng, có khi Ông Nhu nằm dưới hầm săn cọp hai đêm liền. Có khi phải theo ông đi bộ cả ngày trong rừng già Phan Rang. Đó cũng là dấu hiệu báo trước sự thay đổi lớn trong nội tâm của những trụ cột chế độ đang ở giai đoạn suy tàn.

Trong năm 63, giới thân cận ông Cẩn cho biết: Ông Cẩn ức mà thổ huyết ít nhất cũng 3 lần.

Những lần ông ngồi ăn cơm với các anh, không biết anh em "xào nấu" nhau ra sao (người ngoài không thể biết được) ông Cẩn mặt đỏ gay rồi ông thổ huyết ngay trong bữa ăn (nói nôm na tức giận mà hộc máu).

Ông Nhu cũng như Tổng Thống Diệm bắt đầu bị ám ảnh nặng nề bởi tổ chức CIA. Ông Nhu vẫn cho rằng CIA thuộc loại "*insociable*"..."*thứ đó hết xài nổi*". Dạo ấy muốn dèm pha ai, hại ai chỉ cần báo với Ông Nhu người ấy hoạt động cho CIA, đương sự kể như tan tành công danh chức nghiệp.

Thế giới của anh em Ông Diệm bắt đầu xa cách nhau. Xin đưa ra một thí dụ đã nói lên sự xa cách đó. Tháng 10.1963, Tổng Thống Diệm với sự góp ý của Ông Nhu đã ra lệnh giải tan ngay văn phòng Cố Vấn Chỉ Đạo Miền Trung của ông Cẩn, ông Tổng Thống cho rằng mọi công việc đều do Tòa Đại Biểu Chính Phủ giải quyết...Đại Úy Nguyễn Văn Minh rời khỏi chức vụ Chánh Văn Phòng Cố Vấn Chỉ Đạo Miền Trung qua sự giới thiệu của Cha Bửu Đồng (khi ông Minh còn đóng ở Đồn Cửa Tùng) đã trở thành người cán bộ cốt cán của ông Cẩn từ tháng 5.54. Trong 9 năm sống bên cạnh ông Cẩn, hầu hết trong gia đình họ Ngô từ ông Tổng Thống đến Đức Cha không còn xa lạ gì Đại Úy Minh...Ông Minh trở thành người trong gia đình và rất được tin cẩn.

Tháng 10.63, bỗng dưng Đại Úy Minh bị gọi vào Sài Gòn qua thủ tục hành chánh. Một thủ tục chưa bao giờ áp dụng cho những người trong nhà như ông Minh. Bộ Nội Vụ theo lệnh Tổng Thống đánh công điện cho Tòa Đại Biểu chỉ thị cho ông Minh vào trình diện Tổng Thống. Ông Cẩn không được hỏi ý kiến. Điều ấy làm cho ông tức giận không ít.

Khi vào gặp Tổng Thống Diệm, ông Tổng Thống vẫn vui vẻ hỏi: "*Tôi*

nghe ở ngoài đó anh liên lạc với Mỹ nhiều lần lắm hả ?" Đại Úy Minh trình bày sự liên lạc của ông với Lãnh Sự và Phó Lãnh Sự Mỹ tại Huế. Đại cương ông Minh nói: "*Con có gặp gỡ họ luôn. Đây là theo chỉ thị ông Cậu. Ông Cậu bảo con nên tìm cách tiếp xúc với Mỹ và tìm hiểu xem thái độ của họ ra sao"* Tổng Thống Diệm gật đầu, không nói gì. Khi Đại Úy Minh trở lại Huế vào gặp ông Cẩn và đưa ông xem sự vụ lệnh thuyên chuyển ông Minh lên Trường Võ Bị Đà Lạt thì vẻ mặt ông Cẩn lúc ấy đăm chiêu và lộ vẻ buồn rất sâu đậm. Ông Cẩn bảo Đại Úy Minh: "*Thôi thì anh cứ đi. Ông Cụ làm thế này là ông Cụ đập vào mặt tôi"* Hôm ấy là ngày 28.10.63. Đại Úy Minh sau 9 năm phục vụ bên cạnh ông Cẩn phải thu xếp hành trang rời bỏ Cố đô Huế. Có điều đáng ghi: Đại Úy Minh sinh trưởng ở Miền Bắc khi trở thành Chánh Văn Phòng của ông Cẩn mới trên 26 tuổi... Một số người vẫn cho rằng ông Cẩn không ưa người Miền Bắc như trường hợp Đại Úy Minh cũng như nhiều cộng sự viên thân cận của ông Cẩn gốc Miền Bắc đã đủ nói lên đây chỉ là "*dư luận"* có nhẽ dư luận ấy xuất phát từ ngôn ngữ hay có thói quen la hét: "*Mẹ cha cái thằng Bắc kỳ"*.

Đại cương, sự xa cách trong gia đình họ Ngô là như vậy. Chỉ có thể nói là xa cách còn có sự bất hòa không mấy ai biết được ngoại trừ người thân thiết của ba anh em ông.

Ông Tổng Thống nóng nẩy, chửi ai thì chửi thẳng vào mặt. Ông Nhu không ưa ai nhưng vẫn cười nửa miệng, lạnh lùng khó hiểu. Ông Cẩn hay quát tháo, sử dụng ngôn ngữ bình dân với thái độ hách dịch kiểu Tổng lý thời xưa.

UY QUYỀN

Đáng lý ra, những tiểu tiết thuộc vấn đề nhân sự không nên trình bày ở thiên bút ký này. Song có một điều giản dị: Chính những tiểu tiết vụn vặt nhiều khi lại làm hỏng đại sự. Tổng Thống Diệm có cái uy của người lãnh đạo tối thiểu nhưng ông lại luôn luôn bị chi phối ràng buộc bởi những chi tiết vụn vặt do cá tính của ông cũng như sự dị biệt trong cá tính của anh em ông.

Về ông Ngô Đình Nhu, ai cũng phải nhận rằng, ông giỏi, thông minh, am tường và thông suốt nhiều vấn đề. Nhưng ông kiêu ngạo quá, tính tình lại lạnh lùng khép kín.

Tổng Thống Diệm là một người nhiều tình cảm, tốt bụng nhưng chữ Lễ, chữ Nghĩa theo tiết độ của nho gia đã trở thành cái khung chắc nịch nhốt ông vào trong đó. Do đó mà cái tôi tình cảm (le moi sensible) của ông không thể hiện được ra ngoài để thâu phục nhân tâm và hỗ trợ cho cái uy sẵn có của ông. Sau năm 1963, phải nhìn nhận rằng, trong hàng lãnh đạo quốc gia tại Miền Nam, chưa một nhà lãnh đạo nào chứng tỏ có cái uy như ông. Đó là ưu điểm và là điều cần thiết số một của một ông Quốc Trưởng. Nhất là Quốc Trưởng môt nước chậm tiến. Không có uy thì quốc gia còn gì phép tắc, thể thống và uy quyền.

Những người thân cận đều xác nhận rằng: Phải sống lâu với ông Tổng Thống mới nhận ra con người thực của ông. Con người ấy lại luôn luôn bị tình cảm chi phối. Ông cả nể và cả nghe. Năm 1959 là năm ông đang say mê với công cuộc khẩn hoang và phát triển đồn điền. Cho nên nếu ai khéo nói, khéo trình bày hợp lý, ông Tổng Thống đều chấp thuận cho khai thác rừng để lập đồn điền. Ông Tướng Xuân là một trong những người được ông cho phép khẩn hoang hàng trăm mẫu rừng tại Phước Long để trồng cao su. Có một báo cáo mật của địa phương cho rằng, ông Tướng Xuân chỉ giả vờ lấy cớ trồng cao su mà thực ra là để phá rừng lấy gỗ bán. Sau đó, ông Tổng Thống có xem xét lại rồi gạt bản báo cáo đi, mắng một ông Bộ Trưởng: *"Bậy bạ, Người ta làm cho Quốc Gia mà mình cứ phá"*. Ông Tổng Thống tin mọi người cũng ngay thẳng như ông... Nên đã bao nhiêu giấy phép cho cúp rừng để lập đồn điền khai hoang nhưng *"Đồn Điền*" chỉ là cái cớ để lòe ông Tổng Thống ký thế mà ông vẫn tin.

ĐỊNH MỆNH AN BÀI

Khoảng năm 56-60 có tin đồn Đại Tướng Thái Quang Hoàng sẽ thay Đại Tướng Tỵ. Cũng như năm 1961, có tin Tướng Khánh sẽ thay Tướng Tỵ. Theo Lương Khải Minh, Đại Tướng Tỵ mới là cánh tay mặt của Tổng

Thống Diệm. Nếu Tướng Tỵ không đi Mỹ chữa bệnh thì chẳng bao giờ Tướng Đôn trở thành Quyền Tổng Tham Mưu Trưởng, như lịch sử đã an bài, không ai lúc đó có thể ngờ rằng sự thay đổi chức vụ Tổng Tham Mưu Trưởng lại trở thành một trong những yếu tố làm chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ.

Tổng Thống Diệm được một Bác Sĩ Mỹ cho biết: Bệnh ung thư phổi của Tướng Tỵ không thể nào chữa khỏi và chỉ còn chờ ngày chết. Những người thân xin để Đại Tướng Tỵ qua Pháp điều trị, ông Tổng Thống gạt đi và quyết định đưa Đại Tướng qua Mỹ. Từ bao lâu rồi, ông Tổng Thống yên trí chỉ có Mỹ mới giỏi về khoa học, ông Tổng Thống muốn tự tay ông lo cho Đại Tướng Tỵ.

Trước ngày Đại Tướng sang Mỹ chữa bệnh, ông có đến cáo biệt Tổng Thống Diệm. Hai người tâm sự một lúc lâu. Ông Tổng Thống hỏi: "*Bà thân mẫu của Đại Tướng còn không ?"* Rồi ông Tổng Thống tâm tình: "*Tôi thì thân mẫu còn sống, thân mẫu tôi đã già rồi tôi cũng phải cố giữ gìn thân thể để còn trả chữ hiếu cho mẹ"*

- Tổng Thống Diệm quí mến Tướng Tỵ trước hết vì Tướng Tỵ thật thà lại hay hàn huyên tâm sự với ông Tổng Thống. Tướng Tỵ có thể tiếp chuyện với ông Tổng Thống lâu cả một, hai giờ không phải là vì chuyện quốc sự hay quân cơ mà thường là chuyện tình cảm. Tướng Tỵ là một trong mấy Tướng chỉ xưng *"tôi"* mà không dùng tiếng "*con"* đối với ông Tổng Thống. Đại khái Tướng Tỵ thường nói: *"Thưa Tổng Thống tôi...tôi xin trình Tổng Thống...Tôi xin thưa Tổng Thống"*. Tướng Tỵ ăn mặc rất chỉnh tề đúng phong cách quân kỷ. Mỗi lần vào phòng Tổng Thống, Tướng Tỵ đều chào kính theo đúng quân cách, đó là điều ông Tổng Thống rất thích. Một ưu điểm khác nữa là Tướng Tỵ không *"xin xỏ"* lôi thôi...không kéo phe kết đảng...Ông nói năng dõng dạc, nhưng khi tâm tình với Tổng Thống lại rí rỏm, tỏ ra tương đắc.

Tổng Thống Diệm tin cẩn Tướng Tỵ từ dạo năm 1954 qua vụ Tướng Hinh. Lúc ấy Tướng Tỵ đang làm Tư Lệnh Đệ Nhất Quân Khu khi mà

Tổng Thống Diệm không có hơn một Đại Đội Phòng Vệ Dinh Thủ Tướng thì chính Tướng Tỵ đã âm thầm tìm mọi cách ủng hộ Thủ Tướng Diệm. Tháng 9.1954, Tướng Hinh dựa vào lực lượng Quân Đội Viễn Chinh Pháp quyết liệt hạ cho bằng được Thủ Tướng Diệm thì Tướng Tỵ bên ngoài vẫn giữ tư thế Quân Nhân thuần túy, không đứng về phe Tướng Hinh cũng không công khai ủng hộ Thủ Tướng Diệm, nhưng trong bóng tối ông đã có thái độ dứt khoát ủng hộ Thủ Tướng Diệm. Tổng Thống Diệm cảm kích tấm lòng trung kiên của Tướng Tỵ từ dạo đó. Ông Nhu không ghét Tướng Tỵ nhưng cũng không có nhiều thiện cảm với vị Tướng lãnh xuất thân từ thế hệ lính Pháp. Tương quan tình cảm và công việc giữa Tướng Tỵ với Ông Nhu gần như không có. Cả Năm, Tướng Tỵ mới gặp Ông Nhu vài ba lần và mỗi lần đôi bên chỉ chào hỏi xã giao. Riêng Tướng Tỵ , tỏ ra khâm phục Ông Nhu và dành cho ông một sự kính trọng đặc biệt.

Sau vụ đảo chánh hụt 11.11.1960, Tổng Thống Diệm lại càng tin yêu Tướng Tỵ và hai con người cùng lớp tuổi đã trở thành đôi bạn tri kỷ. Nhưng cũng sau cuộc đảo chính hụt 11.11.60, môt số nhân vật cao cấp có ý tìm cách để Tổng Thống Diệm thay thế Tướng Tỵ. Nhưng Tướng lãnh lúc ấy xem ra cũng không còn ai hơn Tướng Tỵ (người được điểm này lại mất điểm kia) ông Tỵ là loại "*chung chung*" tuy vậy ông cũng bị một số Tướng trẻ dèm pha nhất là số Tướng Tá thuộc hàng con cưng của ông Cẩn.

Thời Đệ Nhất Cộng Hòa, uy quyền tập trung vào một ông Tổng Thống. Do đó, Phó Tổng Thống Thơ vẫn ở tư thế một viên chức cao cấp hơn là một Phó Tổng Thống của nước Việt Nam Cộng Hòa. Ông Thơ không có huy hiệu riêng (ngoại trừ những lần đại diện Tổng Thống tham dự các buổi lễ lớn) Xe của Phó Tổng Thống không có hiệu kỳ cũng không cắm Quốc Kỳ (Ông đi làm bình thường như một công chức) ngồi cạnh tài xế và cũng không có Harley hộ tống.

Riêng Đại Tướng Tỵ là người thứ 2 của Đệ Nhất Cộng Hòa được chia xẻ uy quyền với ông Tổng Thống. Mỗi lần ông vào Dinh là một sự uy nghi...trong khi Bộ Trưởng Quốc Phòng rất khiêm tốn bình thường. Tư

Dinh của Tướng Tỵ ở đường Cường Để được xây trên một ngọn đồi chính là do chỉ thị đặc biệt của Tổng Thống Diệm. Từ năm 1956, gần như không có một cuộc kinh lý nào của Tổng Thống Diệm mà không có mặt Tướng Tỵ.

Khi biến cố Phật Giáo bùng nổ thì Đại Tướng Tỵ lâm trọng bệnh. Khi tiễn chân Đại Tướng Tỵ, Tổng Thống Diệm tặng cho ông một chuỗi hạt và nói: "*Đại Tướng nhớ cầu nguyện cho tôi...Tôi xin ơn trên phò hộ cho Đại Tướng"* Tướng Tỵ là một thứ tín đồ Công Giáo trong tâm hồn (Calholique de coeur) Ông thuộc nhiều Kinh Công Giáo và có lòng sùng mộ Đức Mẹ rất đặc biệt. Mặc dầu gia đình Tướng Tỵ là Phật Giáo thuần thành. Tổng Thống Diệm ngậm ngùi phàn nàn với Đại Úy Bằng: "*Đại Tướng khó qua khỏi...bệnh của Đại Tướng không biết sống chết lúc nào, khó qua khỏi năm nay"* Tổng Thống Diệm đỡ vai Tướng Tỵ và cùng theo ông xuống đến tận thềm Dinh Gia Long. Cánh cửa xe đóng lại, Tướng Tỵ cúi đầu chào, ông Tổng Thống vẫy tay với một vẻ ngậm ngùi.

Tổng Thống Diệm chỉ thị cho Bộ Trưởng Phụ Tá Quốc Phòng phải tổ chức lễ tiễn chân Đại Tướng Tỵ một cách trọng thể đặc biệt. Ngày Đại Tướng ra Phi Trường Tân Sơn Nhất đáp máy bay đi Hoa Kỳ, ông đã được hưởng đầy đủ nghi lễ dành cho vị Thống Soái. Cửa phòng Khách Danh Dự (VIP) của phi trường được mở rộng...Đây là một vinh dự đặc biệt, vì chỉ có Tổng Thống mới đi qua cửa này...Trước năm 1963, phòng Khách Danh Dự Phi Trường Tân Sơn Nhất được xem là nơi tiêu biểu cho uy quyền và thể thống Quốc Gia. Dù là ông Ngô Đình Nhu, Đức Cha Thục, Phó Tổng Thống Thơ, Chủ Tịch Quốc Hội vẫn đi vào Phi Trường theo ngả thông thường. Năm 1961, vợ chồng Ông Nhu qua Maroc với tư cách đại diện chánh thức của Tổng Thống Diệm thì lần này Phòng Khách Danh Dự mới mở cửa đón tiếp vợ chồng Ông Nhu.

Tuy là Tổng Tham Mưu Trưởng nhưng Đại Tướng Tỵ có nhiều uy thế rất nhiều so với Bộ Trưởng Phụ Tá Quốc Phòng, đó là một ưu đãi đặc biệt của Tổng Thống Diệm đối với ông.

Tại Mỹ, khi nghe tin Tổng Thống Diệm bị thảm sát, Đại Tướng Tỵ bàng hoàng rồi ôm mặt khóc. Sau này khi hồi hương, mỗi lần nghe ai nhắc đến Tổng Thống Diệm thì Đại Tướng Tỵ lại than thở: "*Hồi ông Cụ tiễn chân tôi qua Mỹ, ông Cụ tưởng qua chết...Ai dè ông Cụ lại chết trước qua"*. Đại Tướng vẫn giữ chuỗi hạt mà Tổng Thống Diệm tặng ông. Đại Tướng vẫn thường tâm sự: "*Ông Cụ chết như vậy qua tin chắc hồn ông Cụ linh thiêng lắm"*. Trước phút lâm chung, Tướng Tỵ vẫn giữ trong lòng tay chuỗi hạt của Tổng Thống Diệm. Ông coi đó như một kỷ vật thiêng liêng.

CON NGƯỜI TÌNH CẢM

Nhiều người vẫn tin Tổng Thống Diệm là con người khô khan tình cảm. Điều này không đúng và trái lại ông quá nhiều tình cảm. Nhiều Tướng Tá và viên chức cao cấp được ông tin cẩn trọng dụng trước hết vì tương đắc với ông và *"đánh trúng"* con người tình cảm của ông. Trường hợp Đại Tướng Tỵ, không đảng phái, không phe nhóm, không luồn cúi Ông Nhu, ông Cẩn hay Đức Cha Thục nhưng lại được ông Tổng Thống tin yêu trước hết là cái tình già...thỉnh thoảng buồn buồn, có khi đang đêm ông Tổng Thống lại điện thoại gọi Đại Tướng vào Dinh rồi hai người mạn đàm chuyện đời cho đến khuya. Tổng Thống Diệm nói chuyện Tam Quốc, Đại Tướng Tỵ góp lời bàn thêm. Tổng Thống Diệm nói về cái địa danh miền Tây thì Đại Tướng Tỵ góp chuyện cái hay cái lạ ở miệt vườn...Câu chuyện không đầu không đuôi giữa hai ông có khi kéo dài đến khuya. Đại Tá Đỗ Mậu được Tổng Thống Diệm hết lòng che chở, tin dùng thương yêu trước hết vì ông Mậu "*hầu chuyện*" hợp ý với ông Tổng Thống. Cả câu chuyện tử vi lý số năm này qua năm khác...Ông Tổng Thống cùng Đại Tá Mậu luận bàn không biết chán.

MỐI TÌNH BÍ MẬT CỦA TỔNG THỐNG NGÔ ĐÌNH DIỆM

Có một sự thực đã như một thứ hỏa mù bao trùm Miền Nam từ 15 năm qua: Đó là sự hiểu lầm, nghĩ quẩn lo quanh và dư luận.

Dư luận bao giờ cũng chỉ là dư luận. Thế nhưng quần chúng Việt Nam dễ tin, dễ nghe cho nên dư luận về một người này hay một chuyện kia được

nhắc đi nhắc lại nhiều lần, dư luận mặc nhiên trở thành sự thực. Hay ít ra cũng như thực. Rồi quần chúng sống cho sự thực đó phản kháng mai mỉa hay bằng lòng với sự thực đó. Về sự hiểu lầm, nghĩ sai cũng thế, ngày này qua ngày khác, tích lũy lại rồi bộc phát ra tùy theo hoàn cảnh mà trở nên thù oán nhau.

Con người quốc gia ở Miền Nam, tuy đứng cùng trong một chiến tuyến, tuy có chung một kẻ thù nhưng rồi vì ngộ nhận, vì chính kiến dị biệt về đường lối và cách thế...Trong mười mấy năm qua, nhưng con người quốc gia ấy đã quay lưng lại nhau "*ra lườm vào nguýt và đánh đấm"* nhau rất chí tình.

Nói về sự ngộ nhận thì có cả hàng trăm hình thức ngộ nhận. Từ đó đồng bào sẵn sàng thêu "*hoa dệt gấm"* cho nhau bằng cả cái gia tài tiếu lâm vô hạn của dân tộc. Về Tổng Thống Diệm chả hạn. Trước đây có dư luận lưu truyền trong dân gian là Ông Diệm bất lực, Ông Diệm có tướng ngũ đoản và cơ quan sinh dục của ông nó bất lực và không như người bình thường. Do đó Tổng Thống Diệm không lập gia đình và cứ đứng gần đàn bà thì ông đỏ mặt thẹn thùng. Nhiều người bạn của chúng tôi, kể cả những người gần Tổng Thống nhất cũng như trong hàng ngũ đối lập, đều thắc mắc về các tiểu tiết mà họ cho là hấp dẫn, ly kỳ cần tìm hiểu: Tổng Thống có như một người bình thường về cơ quan sinh dục không. Cái quan hệ gấp trăm ngàn lần thì chả để ý, song cái *"tiểu tiết đó"* xem ra thiên hạ thắc mắc lắm. Rồi người ta chế tạo ra nhiều giai thoại rất ly kỳ và rất phù hợp với bản chất trào phúng và tiếu lâm của đại đa số dân Việt. Ông Phạm Văn Nhu, nguyên Chủ Tịch Quốc Hội thời Tổng Thống Diệm trong buổi trà đàm cho biết rằng, ông biết Tổng Thống Diệm và hai người thân với nhau từ năm 11,12 tuổi ở xứ Huế. Những năm thơ ấu đó trong những lúc hai người sống rất tự nhiên theo sự tự nhiên của tuổi trẻ, Ông Phạm Văn Nhu không thấy có gì khác lạ nơi con người ông Ngô Đình Diệm nghĩa là Tổng Thống Diệm hoàn toàn bình thường về cơ thể như tất cả mọi người. Điều này thiết tưởng cũng nên tìm hiểu vì ai cũng hiểu rõ rằng, yếu tố sinh lý trong một

con người rất quan hệ đến đời sống tâm lý của con người đó, mà con người lãnh tụ thì yếu tố tâm lý rất quan hệ đối với những quyết định chính trị trong tư thế lãnh đạo.

Năm 1948, cụ Thượng Thư Ngô Đình Diệm vào Miền Nam khi thì ông ở Vĩnh Long với bào huynh Ngô Đình Thục, khi thì ông lên Sài Gòn lưu ngụ tai khu Thánh Đường Saint Pierre. Có một thời gian, Ông Diệm đã sống tại Nhà Thờ Cha Tam Chợ Lớn.

Khu Thánh Đường ấy, 15 năm sau (48-63) Ông Diệm trở lại lần cuối cùng rồi vĩnh viễn ra đi về cõi thiên cổ. Ông Diệm thích tâm sự hàn huyên với Cha Tam, nên dù đi đâu xa, ông vẫn lưu nhớ. Khi ở Vĩnh Long về Sài Gòn, Ông Diệm thường đến làm việc xã hội, họp với nhóm Tinh Thần và Hoa Lư tức là hai tờ báo hoạt động theo khuynh hướng xã hội Công Giáo, trụ sở của nhóm Tinh Thần và Hoa Lư đặt ngay trong một văn phòng trên tầng lầu hai của cư thất Luật Sư Lê Văn Kim (vị Luật Sư đậu nhiều bằng cấp khác nhau. Năm 1945 bị Nhật giết vì cho rằng Luật Sư Kim là gián điệp của quân đội đồng minh). Phía dưới căn lầu đó là văn phòng của Luật Sư Nguyễn hữu Thọ (hiện là Chủ Tịch Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam). Ông Diệm hằng ngày đến trụ sở này để làm việc với một số cộng sự viên của ông, trong số đó có Giáo Sư Phạm Văn Nhu vừa từ Huế vào.

Giáo Sư Nhu cho biết, trong anh em ông vẫn "*tiếu lâm*" với nhau sau những giờ làm việc mệt nhọc và cũng là cách để đỡ nhớ vợ con.

Nhưng mỗi khi ông "*Thượng Thư*" đến thì anh em ông lại phải bắt tay vào công việc hội họp. Ông Diệm không thích chuyện tếu.

Nhưng ông có thể ngồi nói chuyện liên miên hằng hai ba giờ, hết chuyện đất nước đến chuyện Tây, chuyện Mỹ, chuyện trên trời dưới biển. Những lúc tâm sự như thế, Ông Diệm cười rất có duyên và yêu đời hơn cả những dân có "*tình ái*" yêu đời.

Năm 18, 19 tuổi, khi Ông Diệm đang là sinh viên Trường Hậu Bổ, vào một buổi sáng mùa Hè nọ, ông đang ngồi đọc sách trên lầu tại nhà bà chị ông tức Bà Cả Lễ, thì ba bốn cô gái Huế đến chơi nhà bà Cả. Vốn là những

tiểu thơ khuê các trong một xã hội mà làn sóng lãng mạn phương Tây đang đổ xô vào tâm hồn giới trẻ (tiểu Thuyết Tố Tâm 1922 là một thí dụ)

Các nàng tiểu thơ kia đã tìm mọi cách chọc ghẹo, chài mồi cậu Ấm Diệm, tuy lùn nhưng có bộ mặt điển trai. Vào một thời đại "*phi cao đẳng bất thành phu phụ*" và ở giữa đất thần kinh của Vua Chúa quan quyền tất nhiên là Cậu Ấm Diệm trở thành đối tượng cho lòng say mê của bao nhiêu tiểu thơ. Nhưng hôm ấy, trước sự mồi chài, chọc ghẹo của các cô, Cậu Ấm Diệm bỗng nhiên nổi nóng, đứng từ trên lầu mắng các cô, những rằng *"con gái gì mà hư thân trắc nết như rứa"*.

Thêm vào đó, cậu Ấm Diệm khi còn học ở Trường Pellerin đã từng nuôi mộng đi tu để trở thành một sư huynh sau này. Từ buổi cậu bất thần nổi giận với các cô, cả vùng Phú Cam các cô rỉ tai nhau phê bình: "*Cậu Diệm sợ đàn bà con gái*". Cũng từ đó, khi trở thành Tri Phủ Hòa Đa, Tuần Vũ Phan Thiết, Ông Diệm đã "*ở vậy*" dù có rất nhiều gia đình đường quan vị vọng đánh tiếng gả con gái cho ông.

Cho đến năm 1948, khi Ông Diệm đã gần tuổi ngũ tuần, giới thân cận của ông không ai nghe thấy Ông Diệm nói chuyện về đàn bà con gái.

Phần vì nể ông, cho nên trong những lần trò chuyện với ông cũng chẳng ai đề cập làm chi. Lại có một số người "*đạo đức giả*" mỗi khi gặp ông chỉ toàn nói chuyện tu hành đạo đức Thánh Hiền Hóa cho nên trong ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày, Ông Diệm đã không có dịp nào sử dụng ngôn ngữ về thế giới đàn bà và tình ái. Rồi dần dần, mỗi khi nhắc đến Ông Diệm, người thân và cộng sự viên của ông đứng riêng trong một thế giới không vướng mắc mùi *"tục lụy"*.

MON COEUR A SON SECRET

Sau này khi Ông Diệm chấp chánh cho đến năm 1963 người ta lại càng hồ nghi rồi trở nên tin tưởng ông *"bất thường sinh lý"*. Quanh cái tiểu tiết đáng tò mò này giới có ăn học lại thường đem ra phân giải theo sự ăn học. Giới bình dân thì lại rỉ tai nhau theo cái máu tráo phúng của giới bình dân Việt Nam. Về điều gì chứ cái sự *liệt* của một người *không đi tu*, dân Việt ta

coi bộ không chịu và người đó sẽ bị coi là dân khó tính, dân không chịu chơi, dân mất thăng bằng và hay quan trọng hóa. Sau vị 11.11.60 một Luật Sư (người của chế độ) lúc ấy đã phẩm bình trong lúc hơi men chấp choáng, đại ý rằng: "*Ông Cụ thì liệt, Ông Nhu coi bộ "impuissant" cho nên Bà Nhu mới tha hồ khống chế tung hoành theo cái luật Âm thịnh Dương suy"*.

Như trên đã viết, Ông Diệm là một người bình thường trong phần *"cơ cấu quan hệ của thân thể"* Giáo Sư Phạm Văn Nhu kể lại sau:

Vào một buổi sáng đẹp trời, năm 1948, Ông Diệm từ Nhà Thờ Cha Tam đến tìm ông ở trụ sở Nhóm Hoa Lư Tinh Thần (nhà Luật Sư Kim). Hôm ấy, Ông Diệm vui tươi lắm, mất hẳn sự ưu tư khắc khổ. Ông Nhu nghi trong bụng có lẽ "*Cụ Thượng Thư"* mới nhận được tin gì tốt lành đây. Ông Diệm bảo ông Phạm Văn Nhu: "*Mọi công chuyện hãy xếp lại vào đó sáng nay bọn mình đi Sở Thú"*. Ông Nhu đi mượn chiếc xe hơi Limousine của một vị Tướng Cao Đài.

Rồi hai người "*thả ga"* lên Sở Thú. Dọc đường Ông Diệm đề nghị *"bọn mình ghé tiệm nào uống ly café chơi"*. Và đó cũng là một điều lạ khiến Ông Nhu thắc mắc: *"Hẳn ông già phải có một chuyện chi quan hệ lắm đây*"...Sau tuần café sữa, hai người lên Sở Thú, đi một vòng thưởng ngoạn cỏ cây hoa lá chim muôn. Nhưng xem chừng Ông Diệm có điều gì "*nao nức"* khác hơn là chuyện đi chơi Sở Thú. Ở Sở Thú ra, Ông Diệm có vẻ ngại ngần, đắn đo một lúc lâu, rồi bảo Ông Nhu: *"Ông cho tôi lên đường Pasteur và đường Le Grand De Laliraye"* (tức Phan Thanh Giản hiện nay). Đến nơi, Ông Diệm bảo Ông Nhu khóa xe rồi đi theo ông. Hai người vào một căn nhà trên tầng lầu hai (một dãy nhà dài, gồm nhiều căn và hầu hết là công chức người Pháp). Ông Nhu chỉ hỏi: "*Cụ vào nhà ai ở đây ?"* Ông Diệm vẻ mặt tươi hẳn lên và đáp: "*Tôi vào thăm con Mệ nó"*. Lần đầu tiên Ông Nhu nghe thấy Ông Diệm nói đến *"con Mệ nó"* ông đi thăm "*con Mệ nó"*. Trước khi về nhà Ông Diệm nói: "*con Mệ nó hiền đức lắm*" Ông Diệm gõ cửa phòng, một người đàn ông trạc 50 tuổi ra mở cửa,

vừa trông thấy Ông Diệm, ông ta đã cúi đầu kính cẩn thưa: *"Mời Cụ Lớn vào"*. Ông Diệm hỏi ngay "*Bà có nhà không ?"* Người đàn ông thưa: *"Bẩm cụ lớn Bà con mới vừa ra Nha Trang. Mời cụ lớn vào nhà dùng nước đã*" vẫn theo lời Giáo Sư Phạm Văn Nhu, Ông Diệm đang vui bỗng nhăn mặt lại, không vui. Ông nói trống không: *"lạ chi hè, đi Nha Trang mà không cho biết hỉ"*. Ông Diệm đứng bất thần một lúc rồi hỏi người đàn ông: "*ông có biết Bà ra Nha Trang ở nơi mô không, ông có địa chỉ không ?"* Người đàn ông đáp có biết. Ông Diệm bỗng vui hẳn lên rồi tíu tít quay sang phía Ông Nhu: "*ông có mang bút giấy, ông ghi lại cho tôi ngay"*.

Ông Nhu nghĩ bụng hẳn Ông Diệm lui tới căn nhà này luôn nên gia nhân mới thân mật mời chào như vậy.

Căn nhà đó lần đầu tiên ông Phạm Văn Nhu đến thăm, và ông cũng là người duy nhất được Ông Diệm tin cẩn cho đi theo. Khi đã có địa chỉ rồi, Ông Diệm rất mừng trở về và bảo Ông Nhu phải sửa soạn hành lý đi ra Nha Trang ngay để thăm *"cho biết"*.

Dọc đường trở về nhà Ông Diệm đã tâm tình với Ông Nhu là: "*Con Mệ nó"* tuy lấy Tây, tuy là loại đàn bà bị người khinh rẻ, nhưng lòng dạ tốt lắm, và rất thương đồng bào. Nhờ "*con Mệ nó"* (Ông Diệm nhắc đi nhắc lại nhiều lần) ông đã cứu được nhiều người quốc gia bị mật thám bắt. Ông Diệm cho biết thêm, chồng *"con Mệ nó"* là người Pháp tòng sự tại Sở Mật Thám liên bang bót Cantinat (Sûreté Fédérale) mỗi khi có bạn bè hay người quen thuộc phe quốc gia bị mật thám bắt Ông Diệm lại nhờ *"Con Mệ nó"* lập tức chồng *"Con Mệ nó"* can thiệp trả tự do ngay. (Sau này cũng vì một vụ can thiệp như vậy do Ông Diệm nhờ cậy qua trung gian "*con Mệ nó"*, người chồng Pháp của bà bị thải hồi thất nghiệp sau phải lên Đà Lạt làm cho một hãng sửa xe hơi. Rồi người chồng của bà đã bị chết trong một tai nạn máy bay trên không phận Sài Gòn).

Ngày hôm sau hai ông đã có mặt tại Nha Trang. Ông Nhu đi kiếm địa chỉ trước, để về cấp báo cho Ông Diệm "*con Mệ nó"* của ông đang ở nơi mô. Khi gặp mặt bà ta, Ông Nhu mới ngã ngửa người kinh ngạc. Người

đàn bà này không ai khác hơn là cô gái Huế mới thủa nào hai người đã từng quen mặt biết tên và cô gái Huế xinh tươi thuở ấy cũng đã từng biết mặt, nghe tên *"cậu Ấm Diệm"*.

Qua bao nhiêu năm xa cách, Ông Nhu không hiểu từ một duyên cớ nào đã phải đem thân lưu lại đến tận Sài Gòn và trở thành vợ một người da trắng. Ông Nhu cho biết thêm: "*Đây là người đàn bà thuộc sắc nước hương trời, ăn nói lại có duyên dáng mặn mà*". Ông Diệm đã tâm tình với Ông Nhu: "*Tôi thương con Mệ nó hiền đức, tuy lấy Tây mà nó vẫn còn tình còn nghĩa với người đồng bào*".

Bà ta ra Nha Trang lần ấy là để thăm xứ Thùy Dương lần cuối cùng, trước khi sang Pháp sống lưu lạc nơi quê chồng. Một nhà thơ Pháp từng than thở cho nỗi đoạn trường ân ái "*Mon coeur a son secret, mon amour a son mystère"*. Biết đâu Ông Diệm đã chẳng từng nuôi cơn mộng sầu nhớ thiên thu của tình trường. Chỉ biết rằng, vẫn theo lời Ông Nhu, từ đấy rồi...thôi, riêng ông không bao giờ còn nghe thấy Ông Diệm nhắc lại, ba tiếng "*con Mệ nó"* với bao nhiêu náo nức như lần đi thăm Sở Thú và đến Nha Thành.

Một số người có khuynh hướng *thần thánh hóa* Tổng Thống Ngô Đình Diệm (mà Bộ Trưởng Trần Chánh Thành là một)

CHƯƠNG IV
Tổng Thống Diệm Và Công Giáo

Chúng tôi đơn cử một thí dụ về "*mặc cảm Công Giáo*" đối với Tổng Thống Diệm. Vào lần cải tổ Chính Phủ năm 1961, Ông Nhu được ủy thác tìm một nhân vật giữ chức vụ Bổ Trưởng Tư Pháp.

Ông cho mời Bác Sĩ Tuyến bàn luận và ngỏ ý:

- Tôi muốn mời một Luật Sư. Suy nghĩ một lát, ông nói:

- Giới Thẩm Phán thì có chuyên môn nhưng *"Sans caractère politique"*. Bác Sĩ Tuyến đáp: Trong hoàn cảnh này, ông Cố Vấn nên chọn người trong giới Thẩm Phán.

Ông Nhu băn khoăn: Khó lắm. Ông Sĩ đó cũng là Thẩm Phán. *C'est comme çà!* Bác Sĩ Tuyến trình bày: Giới Thẩm Phán có nhiều người rất khá.

Ông Nhu hỏi:

- Ai đây ? Liệu có làm gì được không hay cũng chỉ như *ganger quelque chose!*

Bác Sĩ Tuyến đề nghị: Phía người Bắc tôi thấy có ông Tòa Nguyễn Văn Lượng. Phía người Nam có ông Tòa Trần Minh Tiết.

Ông Nhu không ngần ngại chấp nhận ông Tòa Trần Minh Tiết giữ Bộ Trưởng Tư Pháp vì ông Tiết có ba ưu điểm: Người Nam, Thẩm Phán cao cấp và ở tuổi trung niên.

Vì biết tính ông Tổng Thống nên "*chú Nhu*" đưa cả hai candidats Trần Minh Tiết và

Nguyễn Văn Lượng lên cho ông Cụ tự chọn. Trước đó, Ông Nhu có lời khen ngợi nồng nhiệt ông Tòa Trần Minh Tiết trước mặt Tổng Thống Diệm. Ông Tổng Thống chọn candidat Trần Minh Triết theo lời đề nghị

của "*chú Nhu*". Ông Nhu biết tâm lý ông anh nên đề nghị mà như không đề nghị. Muốn tiến cử ai, Ông Nhu thường dùng lời nói khéo, gián tiếp ca ngợi nhân vật này. Trường hợp ông Trần Minh Tiết Ông Nhu nói đại cương: "*Tiết tương đối còn trẻ, tôi nghe giới Thẩm Phán tín nhiệm ông ta lắm...Tiết lại làm việc hăng hái*"...Ông Nhu chỉ cần nói như vậy coi như chắc ăn. Nhưng nếu ông đề cử đích danh ai và có tính cách chỉ định thì coi như thất bại, Ông Tổng Thống sẽ lờ đi luôn. Nhưng sau một đêm thì ông thay đổi ý kiến ngay và gọi chú Nhu vào cho biết ông chọn Thẩm Phán Nguyễn Văn Lượng. Ông Nhu trở về phòng và gọi Bác Sĩ Tuyến cho hay: *"Ông Cụ nói cái gì cũng Công Giáo...Công Giáo"*. Thẩm Phán Trần Minh Tiết có ưu điểm là người Nam điều mà Tổng Thống lưu ý trước nhất, nhưng ông Tiết lại là tín đồ Thiên Chúa Giáo. Ông Nguyễn Văn Lượng, một Phật Tử, được trao cho chức Bộ Trưởng Tư Pháp.

Theo Lương Khải Minh, trong 9 năm chế độ Ngô Đình Diệm, mọi sự bổ nhiệm cao cấp đều căn cứ theo 2 yếu tố địa phương và tôn giáo vì ông Tổng Thống muốn như vậy. Một trong mấy cộng sự viên thân tín của ông Tổng Thống lại là một Phật Tử như trường hợp ông Võ Văn Hải. Ông Hải theo Tổng Thống Diệm từ hồi còn thiếu niên. Bộ sở quan nào mà có nhiều viên chức người Bắc, Ông Tổng Thống cũng không chịu hoặc nhiều tín đồ Thiên Chúa Giáo ông cũng không ưng. Cuối cùng Bộ Tham Mưu của Ông Nhu đưa ra một giải pháp:

Nếu Bộ Trưởng là người Nam thì ông Đổng Lý sẽ là gốc Bắc, ông Tổng Giám Đốc sẽ là người Trung. Trên thực tế, giải pháp này rất khó thực hiện vì vấn đề địa phương nếu có kỳ thị thì chỉ linh cảm thấy sự kỳ thị chứ thực ra làm gì có kỳ thị. Trước sau chỉ có mặc cảm và thành kiến địa phương do địa vị, quyền lợi tạo nên mà thôi. Vấn đề tôn giáo cũng vậy. Trong cuộc sống chung giữa cộng đồng dân tộc từ trước đến nay không có vấn đề kỳ thị tôn giáo song trên phương diện quốc gia nhiều cái vụn vặt và rất tầm thường lại dễ dàng tạo nên những hiện tượng như là kỳ thị tôn giáo.

Những cuộc rước xách với cờ xí rợp trời của tôn giáo cũng là lý do vụn

vặt từng đã tạo nên ngộ nhận. Tín đồ Thiên Chúa Giáo lại hay tổ chức rước xách như vậy.

Tuy là việc thiêng liêng và phải được chính quyền tôn trọng nhưng nó cũng dễ dàng tạo nên sự khó chịu của những đồng bào không cùng tôn giáo. Mỗi khi có cuộc rước xách, đồng bào Thiên Chúa Giáo lũ lượt kéo nhau đi và có khi dài cả hàng cây số, giao thông bị tắc nghẽn, cũng dễ dàng gây nên sự khó chịu cho người không cùng tôn giáo.

Linh Mục X (yêu cầu tạm ẩn danh trong lúc này vì Linh Mục e ngại bị hiểu lầm là đề cao cá nhân) đến thăm Lương Khải Minh rồi ông Minh phàn nàn:

- Cho đến nay, tôi cũng không hiểu mối bất đồng với Đức Cha Lê Hữu Từ và Linh Mục Hoàng Quỳnh lại như vậy...Chính quyền này là một chính quyền chống cộng mà Đức Cha Lê cũng như Cha Quỳnh đều là những chiến sĩ chống cộng.

Linh Mục X đáp: Thực ra thì có nhiều nguyên nhân. Theo tôi, điều mà làm cho Tổng Thống Diệm giận nhất là dạo cuối năm 1954, Cha Hoàng Quỳnh lại ủy cho Trần Thiện tổ chức một Trung Đoàn Bắc Tiến tại Bình Tây do Bình Xuyên tài trợ.

Lương Khải Minh biết vụ đó và cho rằng, trong tình thế nguy nan lúc ấy, Cha Hoàng Quỳnh ủy cho Trần Thiện làm như vậy chỉ vì Cha có ý nếu chính quyền Ngô Đình Diệm bị Pháp âm mưu lật đổ thì ít ra Công Giáo di cư còn một lực lượng để tự vệ.

Linh Mục X cho biết Linh Mục mới vào yết kiến Tổng Thống Diệm. Linh Mục phàn nàn về việc Tổng Thống Diệm có vẻ cấm đoán giáo dân treo Cờ Giáo Hội. Lương Khải Minh cho biết:

Cách đây không lâu tôi cũng đề cập đến vấn đề này. Nhưng xứ ta ở trong một tình trạng chậm tiến thì cái gì nó cũng chậm tiến cả.

Linh Mục X nói: Cờ Giáo Hội là cả một sự thiêng liêng, cấm đoán làm sao được.

Lương Khải minh đáp: Sự thực là như vậy nhưng trên phương diện

quốc gia thì Cờ Giáo Hội Công Giáo trước hết là Quốc Kỳ của Quốc Gia Vatican.

Cụ Tổng Thống cũng có lý. Thời gian du học tại Pháp lại không thấy giáo dân Pháp treo

Cờ Vatican đầy đường như ở Việt Nam.

Linh Mục X đáp: Pháp là một chuyện, Việt Nam là một chuyện khác. Trên phương diện bang giao quốc tế thì Vatican đối với Việt Nam là hai quốc gia. Nhưng Vatican tiêu biểu cho thần quyền đối với chúng tôi.

Linh Mục X băn khoăn:

- Nếu tôi trình việc này với Đức Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Bình thì chỉ tạo thêm hiểu lầm giữa chính phủ với hàng giáo phẩm. Sau vụ bất hòa giữa Tổng Thống Diệm và Đức Cha Simone Hòa Hiền tôi nghĩ giới Công Giáo cũng buồn lòng không ít.

Lương Khải Minh góp lời bàn: Cha nên gặp ông Bộ Trưởng Bùi Văn Lương. Theo tôi Cụ Tổng Thống nói thì nói thế thôi nhưng mai mốt lại quên ngay. Tôi nghĩ cũng chả nên gợi lại.

Đề cập đến vụ đất đai tại khu vườn cao su Phú Thọ, Linh Mục X nói:

- Hai bên còn đang dằng co chúng tôi ở giữa bị kẹt. Nhưng khu vườn cao su trên Phú Thọ trên giấy tờ hợp pháp là tài sản của Giáo Khu Sài Gòn. Đức Cha Nguyễn Văn Bình ngài hiền lành nên không quyết liệt đó thôi. Tại sao Cụ Tổng Thống lại ngăn cản không cho Giáo Khu Sài Gòn được phát triển chỉnh trang khu này mặc dù Giáo Khu Sài Gòn là sở hữu chủ. Lương Khải Minh đáp: Tôi cũng biết vụ đó. Mới hôm qua, tôi cho các cháu đi dạo mát qua khu này. Khu đất rộng bao la. Nhưng Cha nghĩ coi cụ Tổng Thống quyết định thì không cách nào cản nổi. Nhưng đã thấy nhiều gia đình đến chiếm ngụ. Hình như đã có chương trình phân lô.

Linh Mục X nói: Giả dụ, Giáo Khu cứ cho Giáo dân đến xây nhà dựng cửa và phát triển, ông nghĩ sao ?

Lương Khải Minh đáp: Theo tôi Ông Nhu chả dám nói với cụ Tổng Thống về tôn giáo, chỉ có Phó Tổng Thống Thơ có thể nói với Tổng

Thống thì Cụ mới tin.

Tôi nhớ dạo 1959-1960, Cụ đã cho lập chương trình chỉnh trang khu đất này.

Chắc là chưa có ngân khoản nên chưa thực hiện. Nếu cụ Tổng Thống làm thế thì gặp phản ứng lớn. Tài sản của Giáo Khu Sài Gòn chứ đâu phải của Quốc Gia mà Cụ Tổng Thống cho chỉnh trang sát nhập vào Đô Thành.

Tổng Thống Diệm tất ghét những chuyện (Afaires xin xỏ). Ông Tổng Thống là một người quốc gia cực đoan cho nên cái gì cứ dính dáng đến Tây là ông không chịu. Nếu ai hay tổ chức nào dùng áp lực đòi ông giải quyết thì sẽ không giải quyết được gì cả. Vụ cờ "*Giáo Hội Vatican*" chỉ một ngày sau là êm rồi không ai nhắc đến nữa.

Nhưng đến ngày Phật Đản 1963 thì vụ cờ quạt lại nổ tung. Chính quyền ra lệnh cấm treo cờ vào dịp Đại Lễ này.

Sáng ngày 5.8.63 ông Đổng Lý Quách Tòng Đức vào phòng Tổng Thống để nhận chỉ thị bỗng dưng Tổng Thống Diệm có thái độ giận dữ. Ông la mắng vu vơ: *"Đã ra chỉ thị mà không thi hành quốc gia này còn chi là thể thống"*. Tổng Thống Diệm trong giây phút nóng giận như thế ông chỉ thị cho Đổng Lý Đức đánh công điện về thể thức cấm treo cờ tôn giáo. Thực ra không có chuyện cấm treo cờ Phật Giáo mà chỉ ấn định lại thể thức treo cờ tôn giáo tại nơi tôn nghiêm. Ngoài nơi tôn nghiêm thì quốc kỳ phải được tôn trọng trên hết. Điều này rất đúng mặc dầu tôn giáo là thiêng liêng nhưng trong cộng đồng dân tộc với nhiều tôn giáo khác biệt thì quốc gia phải trên hết. Quốc gia đứng trên mọi tập thể. Ông Đổng Lý vốn là một công chức gương mẫu lại có tính nhẫn nại và bao giờ cũng tuân hành đúng y lời chỉ của Tổng Thống. Ngày hôm sau, bức công điện được gửi đi toàn quốc. Trong Phủ Tổng Thống không một ai hay kể cả Ông Nhu.

Tại Huế, cố đô của những lăng tẩn chùa chiền, ngày Lễ Phật Đản mỗi năm đều như một đại hoa đăng. Đồng bào Phật Giáo ở đây chiếm đại đa số, Huế từ bao nhiêu năm vẫn là một hình ảnh của Thuận Hóa, của Phú Xuân, của tiếng chuông Thiên Mụ và ấp ủ trong chiếc nôi ru bằng từng hồi

kinh Chùa Bảo Quốc, Diệu Đế, Từ Đàm. Cho nên, Lễ Phật Đản là một dịp thiêng liêng trọng đại. Trước ngày lễ, từ nhà đến chùa chiền đã tấp nập và cờ xí rập trời. Phật kỳ tung bay nơi nơi. Mọi năm vẫn thế.

Bỗng dưng chỉ vì một cái công điện, Huế bắt đầu thay đổi và chuyển mình. Ngọn lửa nào đó gặp cơn gió lớn bắt đầu ngùn ngụt bốc cao.

HẬU QUẢ

Vụ cấm treo Cờ Phật Giáo chỉ là nguyên nhân gần tạo nên cuộc biến động 1963. Giả sử không có vụ Phật Giáo thì cũng có một vụ khác. Tuy nhiên vụ Phật Giáo lại trầm trọng quá và hậu quả của nó thực ghê gớm và kéo dài cho đến nay cũng chưa tiêu tan.

Về vụ Phật Giáo nếu xét theo khía cạnh chính trị thì chính quyền Ngô Đình Diệm đã mắc phải một lỗi lầm lớn. Nếu cắt nghĩa theo sự an bài của định mệnh (*nếu cho là có định mệnh*) thì vụ Phật Giáo quả là một "*Fatalite"* đối với định mệnh của một ông Tổng Thống và chế độ Ngô Đình Diệm.

Bất cứ một chế độ nào, ngay khi được hình thành đã có sẵn cái mầm của sự tan rã...Chế độ Ngô Đình Diệm cáo chung vào ngày 1.11.63 nhưng nó đã có khởi điểm của sự cáo chung ấy từ nhiều năm trước.

Đối với lịch sử thì sau sự cáo chung của một chế độ là điều quan hệ. Đằng đẵng 7 năm qua, bao nhiêu trò dâu biển, cái cáo chung vẫn chỉ là cái cáo chung...Tất cả chúng ta đang bị cuốn tung vào cơn gió lốc của sự bế tắc, của sự ngóng trông. Giờ viết lên sự thực về vụ Phật Giáo cũng như những mâu thuẫn và bất đồng giữa Thiên Chúa Giáo cũng như chánh quyền Ngô Đình Diệm, chúng tôi chỉ ao ước cùng độc giả sống lại giây phút căng thẳng của năm 63 và từ đó may ra có thể nhìn nhận ra nhau và thấy rằng mình đã bị lừa, đã bị cho thưởng thức *"ma túy"* về một đổi thay lịch sử trước những chân trời diễm ảo.

CÁ NHÂN & TẬP THỂ

Riêng tập thể Thiên Chúa Giáo nhiều người ngộ nhận rằng, Thiên Chúa Giáo luôn luôn đứng sau lưng "*Ngô Tổng Thống*" và một lòng hỗ trợ chính

quyền Ngô Đình Diệm. Điều này không đúng. Nếu có thì chỉ cá nhân theo Thiên Chúa Giáo hết lòng với chế độ Ngô Đình Diệm. Vụ *"Chủng Viện"* năm 1958-1959 là một thí dụ.

Trước khi chính quyền Ngô Đình Diệm ban hành quy chế Tư Thục (1958) các Chủng Viện đều được tự do sinh hoạt và giảng dạy tùy nghi theo thể lệ chung của Giáo Hội Thiên Chúa Giáo. Món quà đầu tiên mà chánh quyền Ngô Đình Diệm tặng Giáo Hội Thiên Chúa Giáo là bắt buộc các Chủng Viện phải đặt dưới quyền kiểm soát của nhà nước.

Chủng Viện nơi đào tạo các Linh Mục, cũng chỉ được coi ngang hàng với trường Tư. Từ giáo ban đến chương trình giảng dạy đều do Nha Tư Thục Bộ Quốc Gia Giáo Dục kiểm soát và thanh tra. Nhiều quốc gia Tây Phương cũng không đối xử với các Chủng Viện nghiệt ngã như vậy.

Thế là các Linh Mục đứng lên ùn ùn phản đối. Dư luận trong giáo dân rất xôn xao. Nhiều Linh Mục quá hăng hái đòi kêu gọi giáo dân biểu tình. Nhưng giáo dân làm thế thì kể cũng không đẹp mặt đối với một ông Tổng Thống có Đạo Thiên Chúa. Cuộc tranh đấu bất bạo động, âm thầm diễn ra tại các Chủng Viện...Một số Linh Mục trẻ quá hăng say đã thảo chuyền đơn, thơ luân lưu...để phát động Phong Trào chống đối. Nhiều Linh Mục đến Tòa Khâm Sứ làm áp lực thỉnh cầu Đức Khâm Sứ công khai bày tỏ thái độ. Cha Joseph được một số Linh Mục đặc cử xuống Vĩnh Long để thỉnh cầu Đức Cha Thục can thiệp với chính quyền. Khi bày tỏ sự chống đối quy chế Tư Thục nhằm khống chế và kiểm soát Chủng Viện, Đức Cha Thục lại cho rằng đó việc làm là hợp lý của Bộ Giáo Dục. Rồi Đức Cha Ngô Đình Thục bỗng hầm hầm, bỏ dở câu chuyện đứng lên, nói ngắn ngủi: "*Các ông Cha di cư nhiều chuyện lắm*". Cha Joseph cũng không phải tay vừa. Cha Joseph nói lớn: "*Đức Cha nói như thế không đúng. Tại sao lại dây dưa đến di cư ? Chủng Viện Sài Gòn cũng là di cư sao ?"*

Có lẽ từ vụ Chủng Viện, nhiều Đức Cha trong hàng giáo phẩm bắt đầu lạnh nhạt và xa lánh Đức Cha Thục. Riêng Cha Joseph từ dạo đó, tuyệt nhiên không bao giờ gặp Đức Cha Ngô Đình Thục.

Tại Sài Gòn, các Linh Mục nhiều địa phận tụ tập lại và mở chiến dịch tẩy chay quy chế Tư Thục của nhà nước. Bao nhiêu thư từ, bao nhiêu phản kháng thư được gửi đến Đức Khâm Sứ. Ông Bộ Trưởng Giáo Dục cũng không biết phải làm sao.

Vụ Chủng Viện được gọi như một hành động của chánh quyền Ngô Đình Diệm nhằm hạn chế tự do của hệ thống giáo dục trong Tu Viện Công Giáo. Tổng Thống Diệm đã từng sống trong Tu Viện và hiểu rõ hệ thống giáo dục trong tu viện quan trọng như thế nào đối với Giáo Hội Thiên Chúa Giáo.

Tại quốc gia Tây phương, hệ thống Tư Thục cũng như các Chủng Viện đều được hưởng một quy chế tự do trên tinh thần tôn trọng quốc gia, song vẫn được phép phát triển theo từng sắc thái và khuynh hướng riêng.

Thế nhưng Tổng Thống Diệm tuy là một tín đồ Thiên Chúa Giáo ông lại làm trái lại tinh thần ấy và với quy chế Tư Thục, ông Tổng Thống *"thế tục hóa"* hệ thống giáo dục Chủng Viện và hạ thấp giá trị của các Chủng Viện bằng cách xếp Chủng Viện ngang ngửa với Trường Tư. Hàng giáo phẩm Thiên Chúa Giáo Việt Nam coi đây như một sự cưỡng chế tự do ngành giáo dục của Thiên Chúa Giáo.

Các Linh Mục thuộc nhiều địa phận đồng loạt đứng lên phản đối. Sự thực, nếu không bị kẹt vì Đức Cha Thục và nhất là Khâm Sứ Tòa Thánh lúc bấy giờ hàng giáo phẩm Thiên Chúa Giáo không dễ dầu gì để chính quyền Ngô Đình Diệm quyết định một cách cứng rắn như vậy. Đức Khâm Sứ Tòa Thánh trực tiếp can thiệp nhưng trước sau Tổng Thống Diệm vẫn không thay đổi lập trường.

Mọi sự dàn xếp bên trong không đi đến đâu. Một số Linh Mục xin vào yết kiến và trình bầy nguyện vọng, ông Tổng Thống nghe rồi nói ngắn ngủi: *"Giáo Hội ở trong quốc gia chứ không phải quốc gia ở trong giáo hội"*.

Linh Mục Joseph: "*Xin Tổng Thống cứu xét lại. Các Chủng Viện không thể nào đặt dưới quyền điều khiển trực tiếp của một Giám Đốc Nha Tư*

Thục".

Tổng Thống Diệm nhìn Bộ Trưởng Giáo Dục rồi mắng vu vơ: *"Anh không hiểu luật lệ gì cả. Anh phải chỉ vẽ cho người ta. Anh cứ ngậm miệng hoài"*.

Bộ Trưởng Giáo Dục khi không bị lôi vào vòng chiến và bị mắng oan trước mấy vị Linh Mục. Đó cũng là cách mà Tổng Thống Diệm thường hay sử dụng để biểu lộ thái độ tức giận. Nói đúng ra thì ông mắng xéo các vị Linh Mục đang hiện diện trước mặt.

Trước khi vào yết kiến Tổng Thống Diệm thì Linh Mục nào cũng mạnh miệng. Một Linh Mục hăng hái nhất "*Tôi sẽ nói thẳng cho Cụ Tổng Thống rõ. Tôi sẽ nói hết không nể nang gì cả"*. Tuy nhiên, khi gặp Tổng Thống Diệm, các Linh Mục mỗi người chỉ nói vài ba câu rồi im lặng lắng nghe ông Tổng Thống thuyết giảng.

Kết quả, Tổng Thống Diệm không nhượng bộ. Giáo Hội Thiên Chúa Giáo đành phải chịu vậy nhưng trong lòng vẫn hậm hực. Vụ Chủng Viện đến tai Tòa Thánh Vatican. Tuy Tòa Thánh không có một phản ứng nào (vì đường lối ngoại giao đối với quốc gia Việt Nam) nhưng có lẽ do vụ Chủng Viện vào năm 1960, mà khi Đức Cha Ngô Đình Thục qua La Mã xin triều kiến Đức Giáo Hoàng, Đức Cha phải đợi cả nửa tháng mới được vào triều kiến. Kể từ vụ Chủng Viện, mối bang giao giữa Tòa Thánh và chính quyền Ngô Đình Diệm trở nên lạnh nhạt, bên ngoài không mấy ai rõ.

Trong khi đó, Tổng Thống Diệm lại cho rằng Tòa Thánh Vatican không ủng hộ chính quyền Việt Nam một cách cụ thể.

Kể từ năm 1956, Khi đã thành lập nền Đệ Nhất Cộng Hòa, Tổng Thống Diệm ngỏ ý muốn thiết lập bang giao với Vatican trên cấp bậc Đại Sứ (Nonce). Tin đi tin lại và dàn xếp cả mấy năm vẫn không đạt được kết quả mong muốn.

Ông Ngô Đình Nhu đã hiểu rõ được thế lực của Vatican trên thực tế. Ngoài Anh Pháp Mỹ thì Vatican cũng là một "*voix"* trong thế lực quốc tế. Nếu được Vatican ủng hộ công khai thì chế độ Miền Nam vừa có bề thế

tạo được một thành tố quan trọng để áp đảo Miền Bắc trên mặt ngoại giao.

Cuộc giàn xếp âm thầm diễn ra trong 7, 8 năm. Bác Sĩ Tuyến cũng như Đại Sứ Nguyễn Dương Đôn (tại Ý Đại Lợi) Đức Khâm Sứ Brini, Ngoại Trưởng Việt Nam Cộng Hòa, Ngô Đình Nhu đều là những người đóng vai trò tích cực trong việc thảo luận để thiết lập bang giao với Vatican qua một đường hướng mới. Ta có thể mô tả cuộc dàn xếp đó theo một hình thức đối thoại thế này:

Tổng Thống Diệm: *Việt Nam đã thu hồi độc lập. Việt Nam là một lãnh thổ toàn vẹn chủ quyền. Việt Nam là một quốc gia muốn nối kết liên lạc với Vatican trên cấp bậc Đại Sứ.*

Tòa Thánh Vatican: *Vatican biết rõ như vậy. Trên phương diện tinh thần, Vatican ủng hộ Việt Nam Cộng Hòa và cư xử với Việt Nam như một quốc gia độc lập.*

Nhưng trên thực tế Việt Nam còn bị chia cắt. Miền Bắc tuy bị cộng Sản thống trị nhưng trên thực tế họ vẫn là đại diện có thẩm quyền của một nửa lãnh thổ Việt Nam và ở đó, Giáo Hội vẫn còn trách nhiệm với giáo dân. Hàng giáo phẩm Miền Bắc vẫn thuộc quyền cai trị của Đức Giáo Hoàng.

Tổng Thống Diệm: *Việt Nam Cộng Hòa nói là tiêu biểu đích thực cho toàn dân Việt Nam. Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa không công nhận cộng sản. Chính phủ Miền Bắc là ngụy quân bất hợp pháp. Việt Nam Cộng Hòa đã được 50 quốc gia công nhận. Do đó quốc gia Việt Nam tương xứng với quốc gia Vatican trên phương diện ngoại giao và thế quyền.*

Tòa Thánh Vatican còn dè dặt chưa thể dứt khoát, nhiều người thường lầm tưởng, vì Khâm Sứ Tòa Thánh tại Việt Nam tương đương với một Đại Sứ và như vậy Tòa Thánh đã công nhận và thiết lập bang giao với Quốc Gia Việt Nam. Sự thực vị Khâm Sứ chỉ là vị đại diện có tính cách tôn giáo (Délégué Apostolique). Khâm Sứ Tòa Thánh tuy đi mang xe số dành cho Ngoại Giao Đoàn và được hưởng quy chế ngoại giao thì đó cũng chỉ là trường hợp đặc cách.

Cấp bậc của vị Khâm Sứ chỉ được xếp ngang hàng với một Tổng Lãnh

Sự. Từ khi tuyên cáo thành lập chế độ Cộng Hòa, Tổng Thống Diệm rất mong mỏi được Vatican *"chiếu cố"* nâng hàng Khâm Sứ lên hàng Đại Sứ.

Vatican vẫn lờ lững. Ông Ngô Đình Nhu đưa ra một điều kiện trong trường hợp Vatican chấp nhận đặt Sứ Thần tại Sài Gòn. Điều kiện Ông Nhu muốn Tòa Thánh chấp nhận lại quá tế nhị nhưng thực tại Miền Nam phải nêu lên như vậy: Tổng Thống là một tín đồ Thiên Chúa Giáo. Mà Thiên Chúa Giáo chỉ có gần 2 triệu người trong tổng số 14 triệu dân Việt Nam. Nếu Tòa Thánh đặt Sứ Thần tại Sài Gòn thì vị Sứ Thần đó có nên từ chối chức vị Niên Trưởng Ngoại Giao Đoàn không ?

Tòa Thánh vẫn im lặng. Nhưng Ông Nhu và Bộ Tham Mưu của ông lại băn khoăn: Trường hợp Vatican chấp nhận đặt Đại Sứ tại Sài Gòn, lợi thì có lợi nhưng lại gặp một số tiểu tiết rất tế nhị theo truyền thống ngoại giao.

Vị Đại Sứ Tòa Thánh đương nhiên trở thành Niên Trưởng Ngoại Giao Đoàn (một chức vị danh dự nếu không có Đại Sứ ở Việt Nam lâu năm nhất so với các Đại Sứ khác). Như vậy sẽ không thuận lợi đối với tâm lý quần chúng nhất là quần chúng chiếm 85% không Thiên Chúa Giáo (Cao Đài, Hòa Hảo, Bahai, Phật Giáo, Khổng Giáo...) Vì rằng, nếu là Niên Trưởng Ngoại Giao Đoàn thì vị Đại Sứ Tòa Thánh phải xuất hiện hàng đầu trong các cuộc lễ nghi chính thức và chính ông sẽ đại diện Ngoại Giao Đoàn chúc mừng Tổng Thống theo truyền thống ngoại giao quốc tế, hoặc can thiệp vào mọi vấn đề liên hệ đến quyền lợi của Ngoại Giao Đoàn. Đây quả là vấn đề nan giải.

Cuối cùng theo ý Ông Nhu thì cứ tạm thời duy trì như cũ nghĩa là nguyên cấp bậc khâm sứ. Mặt khác, Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Ý Đại Lợi sẽ linh động giao thiệp hẳn với Vatican theo mức quan hệ bình thường.

Như trên đã viết, Tổng Thống Diệm là một nhà quốc gia cực đoan. Trong đời sống cá nhân của ông thì tôn giáo là thiêng liêng nhất. Trong đời sống quốc gia nhiều khi địa vị tôn giáo đã trở nên mờ nhạt. Tuy nhiên nhiều chuyện vặt vãnh rất không đáng nói lại trở nên những yếu tố quan

trọng tác động tâm lý quần chúng có mặc cảm rằng Tổng Thống Diệm đã *"Công Giáo hóa"* quốc gia Việt Nam. Chẳng hạn sau mỗi bài diễn văn hay thông điệp Tổng Thống Diệm bao giờ cũng kết luận "*Xin ơn trên phù hộ cho chúng ta"* Sự thực đó là thành ý của ông muốn chứng tỏ ông chống lại chủ nghĩa cộng sản vô thần và tin nơi Thượng Đế. Nhưng đồng bào không phải là tín đồ Thiên Chúa Giáo lại cảm thấy khó chịu mặc dầu chữ phù hộ là một chữ quen dùng trong các lời khấn vái và văn sớ cúng tế ông bà.

Trên thực tế thì Tổng Thống Diệm luôn luôn tỏ ra khó tính đối với Thiên Chúa Giáo và nhất là những Cha Cố "*cầu cạnh"*. Với mặc cảm thượng tôn uy quyền quốc gia, ông Tổng Thống qua nhiều trường hợp đã tỏ ra quá tự tôn trong cách xử sự với hàng giáo phẩm Thiên Chúa Giáo. Các Cha cố dưới mắt ông chỉ còn là những thần dân mà ông là một vị Hoàng Đế qua tinh thần Dân vi quí, xã tắc thứ chi, Quân vi khinh.

Theo giới thân cận, vào khoảng tháng 3.1961 một vị Linh Mục thừa sai người Pháp từ Ban Mê Thuột về Sài Gòn và xin gặp Tổng Thống Diệm. Sĩ Quan Tùy Viên vào trình.

- Thưa Cụ, có Cha P xin vào hầu Cụ.

Tổng Thống Diệm hỏi: "*Còn những ai ngồi ngoài đó"*. Sĩ Quan Tùy Viên kể tên một số nhân vật quan trọng đang ngồi chờ tại phòng khách để được vào tiếp kiến. Khi nhắc đến Thiếu Tá Nguyễn Văn Minh, Tỉnh Trưởng Tỉnh An Giang, ông Tổng Thống nói "*Gọi nó vô"*. Ông Tổng Thống tiếp 3 người khoảng chừng 2 giờ sau đó mới bảo Sĩ Quan Tùy Viên: "*Mời ông Cha vô"*. Cuộc tiếp xúc ngắn ngủi không đầy nửa giờ. Sau đó, thấy ông Tổng Thống giận dữ, mặt hầm hầm.

Sau này Linh Mục P tiết lộ: Linh Mục đã trình bày thẳng thắn với Tổng Thống Diệm về một số Linh Mục Việt Nam đã có những lạm dụng quá đáng về việc khai thác rừng lấy gỗ bán và làm cho thường dân rất bất mãn, nhất là đồng bào Thượng.

Một tuần sau, bất thần Tổng Thống Diệm đi kinh lý Cao Nguyên. Sau đó có những chỉ thị rất là nghiêm ngặt về việc khai thác rừng.

Lần ấy, ông nổi giận mắng Đại Tá Lê Quang Trọng Tư Lệnh Sư Đoàn 23 "*Mi làm Tư Lệnh trông coi lãnh thổ mà mi không biết chi hết"*. Ông Tổng Thống ra khẩu lệnh: "*Bất kỳ ai phá rừng chặt cây mi bắt bỏ tù cho ta"*. Ông nhắc đi nhắc lại trong cơn tức giận "*Bắt bỏ tù, bất kỳ ai"*.

Từ đó, Tổng Thống lại càng có mặc cảm đối với một số các Cha hay có tính *"lo toan chạy chọt"*.

Tuy vậy tại các địa phương cũng như các bộ trung ương cấp chỉ huy vì hèn cũng có vì nhu nhược cũng có vì khiếp sợ thượng cấp cũng có cho nên đã xúm nhau bợ đỡ các vị Linh Mục (*tất nhiên là một thiểu số*). Họ ngán các *"Cha Cố"* vì cho rằng, các Cha Cố ảnh hưởng rất nhiều với Tổng Thống và nói gì Tổng Thống nghe điều đó. Do vậy, cứ áo dài đen vào cửa công nào thì công việc đều sẽ qua và trôi chảy. Một số các Linh Mục được ông Tỉnh ông Quận và Tướng Tá bợ đỡ thì dĩ nhiên, tâm lý con người ai không dễ siêu lòng rồi trở nên tự tôn càng ngày càng quá đáng. Trong sự lạm dụng về những vụ lặt vặt như xin giấy tờ, xin môn bài cho đạo hữu, xin hợp thức hóa đất đai v.v...Những "*affaires"* vặt vãnh đó đã gây nên rất nhiều ngộ nhận.

Song thực tế giới thân cận nhất tại Dinh Tổng Thống đều xác nhận rằng Tổng Thống Diệm (*khác với Ông Nhu và ông Cẩn)* ông hết lòng, luôn cung kính hàng giáo phẩm. Nhưng ngoài Đức Cha Ngô Đình Thục thì chẳng một ai có thể lay chuyển được ông Tổng Thống...Nhiều Linh Mục được ông hỏi ý kiến nhưng hỏi để mà hỏi thế thôi.

Linh Mục Hồ Văn Vui được gọi là một Tu Sĩ có nhiều uy tín trong giới Thiên Chúa Giáo Miền Nam. Dạo năm 1958, Linh Mục Vui đã nhiều lần công khai phê phán chế độ và trong một bài thuyết giảng tại Nhà Thờ Đức Bà, Linh Mục Vui đã lên tiếng chỉ trích chính phủ một cách vô tư, thẳng thắn. Khi nghe tin Linh Mục công kích chính phủ, Tổng Thống Diệm tỏ vẻ tức giận, Tổng Thống Diệm nói: *"Nhà Thờ là nơi tôn nghiêm tại sao lại đưa chính trị vào đó mà công kích chính phủ"*. Ông Nhu cũng tỏ vẻ tức giận nói với Bác Sĩ Trần Kim Tuyến: *"Tại sao Đức*

Cha Simone Hòa Hiền lại để cho Cha Vui nói lôi thôi như vậy, việc Nhà Thờ tại sao lại đem chuyện nhà nước xía vô". Giận Linh Mục Vui thì ít nhưng không bằng lòng Đức Cha Hòa Hiền thì nhiều.

Lời nói đi thì nhẹ nói lại thì nặng. Tổng Thống Diệm lại bị mấy ông Dân Biểu và Bộ Trưởng *"xàm tấu"* rằng: *"Cha Vui công kích Tổng Thống thế này kết án chánh phủ thế kia"*. Do đó càng tạo thêm hố sâu thay vì tìm gặp Linh Mục để rõ sự tình song Tổng Thống Diệm vì tự tôn với uy quyền của một Quốc Trưởng nên không gặp và cũng không công khai bày tỏ một thái độ nào với địa phận Sài Gòn mà lại bảo ông Chủ Tịch Quốc Hội và vài ông Dân Biểu (*là những giáo dân thuộc địa phận thuộc Sài Gòn)* tìm cách khác để Đức Cha Simone Hòa Hiền thuyên chuyển Linh Mục Vui đi một nơi khác.

Qua vụ của Cha Vui, giáo dân Miền Nam tuy ngoài mặt vẫn vui vẻ với chánh quyền nhưng thâm tâm đa số có mặc cảm rằng chánh quyền Ngô Đình Diệm đã xử ức họ và coi thường giới Công Giáo Miền Nam.

Riêng vụ Cha Của thì lỗi cũng không phải do nơi Cha mà quy hoàn toàn trách nhiệm cho Tổng Thống Diệm cũng là oan. Số là sau khi quân đội viễn chinh Pháp rút lui một vài sĩ quan người Pháp đã bán rẻ cho Cha Của mấy chiếc xe thuộc loại phế thải. Sau Nha Cảnh Sát Nam Việt do Trung Tá Trần Bá Thành làm Giám Đốc đã làm nổ tung vụ này. Sự việc xảy ra mấy hôm sau mới đến tai Tổng Thống Diệm. Nhưng ông lại không can gián mà cứ mặc cho Tòa xử để làm gương nếu xét thấy có tội...Vụ này Trung Tá Thành muốn chứng tỏ tinh thần vô tư và cứng rắn của Cảnh Sát và ông đặt Tổng Thống Diệm trước một việc đã rồi.

Việc xét xử Cha Của tuy tình ngay lý gian nhưng đã gây mâu thuẫn trầm trọng giữa chính quyền Ngô Đình Diệm và giáo dân Miền Nam thuộc địa phận Sài Gòn.

Lúc ấy dư luận xầm xì rằng, nếu Cha Của thuộc địa phận Vĩnh Long của Đức Cha Thục thì cho dù có phạm pháp thực sự cũng không sao. Dư luận lại cũng xầm xì: Cha Của là con tốt thí vì sự bất hòa giữa Đức Cha

Simone Hòa Hiền và gia đình Tổng Thống Diệm.

Từ đó sự liên lạc giữa địa phận Sài Gòn và gia đình Tổng Thống Diệm càng trở nên lạnh nhạt xa cách. Cuối cùng Đức Cha Simone Hòa Hiền lên trọng nhậm địa phận Đà Lạt cũng là cách tế nhị của Giáo Hội Thiên Chúa Giáo muốn tìm lại không khí tốt đẹp giữa chính quyền Ngô Đình Diệm với địa phận Sài Gòn qua một con người trung dung như Đức Cha Nguyễn Văn Bình.

CHÙM MÂU THUẪN & NGỘ NHẬN-KỲ THỊ

Năm 1961-1962, chính quyền Ngô Đình Diệm đã ngồi trên một nồi *"xúp de"* sôi bỏng đầy mâu thuẫn: Mâu thuẫn giữa chính quyền với các *"khối quần chúng"*, mâu thuẫn giữa chính quyền và quần chúng trong hệ thống Ấp Chiến Lược của chính quyền, mâu thuẫn ngấm ngầm giữa chính quyền và các tôn giáo trong đó có Thiên Chúa Giáo. Mâu thuẫn và nứt rạn phân hóa ngay trong giới thân cận của Tổng Thống Diệm với Ông Nhu, và mâu thuẫn giữa Ông Nhu với ông Cẩn. Mâu thuẫn giữa ông Cẩn với Đức Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục. Rồi còn bao nhiêu những *"bất công may rủi"* ở ngay trong hàng ngũ thượng tầng của chế độ. Cái chùm mâu thuẫn này không phải là mâu thuẫn về chính kiến mà lại mâu thuẫn do những cá tính dị biệt cùng thành kiến với ông A bị thất sủng thì y rằng thành kiến cá nhân trở thành kỳ thị tôn giáo. Rồi ông Bộ Trưởng người Nam có thành kiến và ngộ nhận trở thành kỳ thị Nam Bắc...Chúng tôi nêu ra 2 trường hợp sau đây để có thể thẩm định Tổng Thống Diệm có kỳ thị tôn giáo không ? Đó là trường hợp ông Võ Văn Hải, Chánh Văn Phòng đặc biệt của Tổng Thống Diệm và ông Nguyễn Đình Thuần. Ông Hải là người cận thân của Tổng Thống Diệm và như ruột thịt của Tổng Thống Diệm khi Ông Diệm chưa chấp chánh. Có thể nói, hai con người đó một già một trẻ keo sơn với nhau như định mệnh đã an bài, và không thể rời bỏ nhau được. Nếu đòi hỏi điều kiện khoa bảng, thì ông Hải là một nhà khoa bảng. Ông Hải lại là người cần cù biết việc, có đủ lòng tin cẩn của Tổng Thống Diệm. Nhưng suốt 9 năm ông Hải phải đóng vai trò của một người bị "*sáng ông Cụ cần*

nhằn, chiều la lối" song ông Hải trước sau vẫn chỉ là một Chánh Văn Phòng bù đầu suốt tháng năm và ông không hề được chế độ đặt ông ở một vị trí khác *(người nào ở trường hợp ông Hải mà chẳng mơ ước để có thể thi thố được tài năng)*. Ông Hải lại "*kỵ*" Ông Nhu.

Phải công nhận rằng, tuy ông Hải thân thiết với Ông Diệm nhưng ông giữ được khí khái và lại xa cách Ông Nhu. Đó cũng là lý do ông Hải là một Phật Tử thuần thành sinh trưởng trong gia đình Nho Giáo...nhưng không phải vì lý do tôn giáo khác biệt mà ông Hải không được lãnh bộ này hay bộ khác...Tổng Thống Diệm coi ông quá thân thiết và chức vụ Chánh Văn Phòng chính là phần trái tim của Tổng Thống Diệm trao cho ông ấp ủ khiến ông Hải phục vụ hết mình, nhưng bổng lộc của chế độ thì lại do những ai *"nhanh chân lẹ miệng thụ hưởng"*.

Trong chế độ có rất nhiều người ở vào trường hợp ông Hải...Nhưng lại được Tổng Thống Diệm tin yêu, tín nhiệm như ruột thịt. Vấn đề tôn giáo không quan tâm vì nếu quan tâm thì hẳn nhiên ông Hải không được tin dùng...Tuy có điều, ai được Tổng Thống Diệm coi như tâm huyết thì nhiều khi lại có cảm tưởng như bị thất sủng, bỏ rơi. Đồng thời có một số người khác *"may tay*" lại lên như diều gặp gió.

Đó là trường hợp ông Nguyễn Đình Thuần. Như ai cũng biết ông Thuần là "*đàn em"* của ông Trần Trung Dung, và đã làm báo với ông Dung từ ngày còn ở Hà Nội. Ông Dung được coi như một đồng chí của ông Ngô Đình Nhu. Ông thuộc gia đình Công Giáo đạo gốc, từng là Bí Thư Tỉnh Bộ Việt Nam Quốc Dân Đảng Tỉnh Phú Thọ.

Khi ông Dung là Bộ Trưởng Phụ Tá Quốc Phòng thì cất nhắc đàn em Nguyễn Đình Thuần lên Đổng Lý Văn Phòng. Ông Dung tuy là "*đồng chí"* cận thân của Ông Nhu và cũng là hàng con cháu trong gia đình nhưng đến năm 60 thì ông Dung rời bỏ Bộ Quốc Phòng (18.10.1960) và ông Thuần được cử thay thế. Dạo đó có dư luận cho rằng ông Dung bị ông Thuần "*đá*" và tranh chức Bộ Trưởng. Sự thực không đúng như vậy.

Tuy tin cẩn ông Dung, nhưng Tổng Thống Diệm lại không *"chịu"* cách

thức làm việc của ông. Tổng Thống Diệm vẫn thường cằn nhằn "*Ông ta làm Bộ Trưởng Quốc Phòng mà không hiểu gì công việc cả. Khi hỏi đến chi thì nói những vấn đề đâu đâu"*, ông Dung tuy xuất thân làm một Tri Huyện, nhưng có cái lẽ "*chất tri huyện*" chưa thấm sâu vào mạch máu ông cho nên ông không có cái mẫn cán cần cù của một người ngồi viết công văn, đọc báo cáo và và ghi nhớ hồ sơ cho nên khi Tổng Thống Diệm hỏi đến các công việc gì ở Bộ Quốc Phòng thì ông Dung chỉ tường trình một cách tổng quát.

Tổng Thống Diệm không chịu như vậy, cho nên ông phải gọi thẳng ông Đổng Lý. Ông Đổng Lý Thuần vốn là người thông minh, sắp đặt công việc có hệ thống tuy nó bị ghi nhận là quá lanh chân lẹ miệng. Có lẽ nhờ vậy, mỗi khi Tổng Thống hỏi đến công việc ông đã trả lời rất vừa ý Tổng Thống. *Hồ sơ này thế này hồ sơ kia thế kia*...Mà thực ra trên phương diện tổng quát, ông Thuần lại thiếu khả năng của một Bộ Trưởng Quốc Phòng vào thời chiến. Thế nhưng ưu điểm của ông là "*Cụ hỏi thì thưa ngay. Cụ hỏi hồ sơ nào thì có liền"*.

Do đó, thay vì tìm sự công tác trên bình diện lãnh đạo ngành Quốc Phòng ở nơi ông Trần Trung Dung, thì Tổng Thống Diệm lại chỉ sai phái hỏi han ông Đổng Lý. Khi ông Dung vào Tổng Thống chỉ muốn mau chóng trình bày một cách tổng quát rồi tùy nghi thi hành, ông Thuần trái lại sẵn sàng có thể ngồi đến bao giờ cũng được để nghe lời *"Cụ dạy*". Vốn là người cô đơn khắc kỷ và ưa được dài lời trò chuyện lan man qua công việc và Tổng Thống Diệm đã tìm được một người vừa ý như ông Thuần luôn luôn biết lắng nghe và làm rất vừa ý. Ngày này qua tháng nọ ông Thuần luôn luôn chứng tỏ cái tài mẫn cán và trở thành người được Tổng Thống Diệm coi là giới "*biết việc"*. Khi Luật Sư Nguyễn Hữu Châu rời bỏ chức vụ Bộ Trưởng Phủ Tổng Thống, Tổng Thống Diệm chưa biết tìm ai thay. Ông Nhu biết ý ông anh nên cũng tùy ý ông anh "*để ông cụ muốn tìm ai thì tìm"* Ông Nhu cũng không đoán nổi ông anh sẽ chọn ai. Có điều là cho đến phút chót khi Tổng Thống Diệm quyết định chọn ông Thuần làm Bộ

Trưởng Phủ Tổng Thống, thì chính Ông Nhu vẫn cứ tưởng ông Thuần sẽ được Tổng Thống Diệm bổ nhậm làm Đặc Sứ Việt Nam tại Tunisie. Ngay ông Thuần cũng không hay biết. Khi Lương Khải Minh gọi điện thoại báo cho ông Thuần hay: "*Moa có lời chúc mừng cho toa*". Ông Thuần ngạc nhiên: *"Thưa anh có chuyện gì vậy ?"*, "*Toa được ông Cụ cử làm Bộ Trưởng Phủ Tổng Thống*". Cho đến lúc ấy ông Thuần mới biết là mình đã được Tổng Thống Diệm tín nhiệm ở chức vụ quan trọng như vậy.

Ông Thuần trở thành Bộ Trưởng Phó Tổng Thống sau này kiêm nhiệm Bộ Trưởng Phụ Tá Quốc Phòng (thay thế ông Trần Trung Dung) rồi lại được tạm giữa chức Bộ Trưởng Phối Hợp An Ninh (chính phủ cải tổ ngày 28.5.61). Giới thân cận Phủ Tổng Thống cho rằng: Ông Thuần là người biết "*chiều ý"* Tổng Thống đến tuyệt mức.

Cái sự lên như diều gặp gió của ông Thuần cũng như sự "*dẫm chân tại chỗ"* của bao nhiêu người khác tuy không nói ra nhưng cái mầm bất mãn đã âm ỉ ngay từ trong ruột của chế độ đó. Nhưng cái *"bất mãn ở trong nhà*" đã không bùng nổ vì vẫn còn Tổng Thống Diệm. Nhờ thế những mâu thuẫn không tạo nên sức ép tạo thành những tia xẹt.

Trong cuộc tiếp xúc và tâm tình với các *"nhân chứng*" cận thân Tổng Thống Diệm, chúng tôi thấy rằng phần lớn những cộng sự viên thân tín của ông đều là Phật Giáo. Điển hình là ông Bộ Trưởng Nguyễn Đình Thuần, Bác Sĩ Bùi Kiện Tín, ông Võ Văn Hải, Đại Tá Đỗ Mậu cũng như Trung Tá Cao Văn Viên. Các Tư Lệnh Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống như Đại Tá Hoàng Văn Lạc, Trung Tá Nguyễn Ngọc Triển đều là Phật Giáo ngoại trừ Trung Tá Nguyễn Ngọc Khôi, vị Tư Lệnh cuối cùng của Lữ Đoàn này là tín đồ Thiên Chúa Giáo. Vì ông Tổng Thống mặc cảm Thiên Chúa Giáo nên nhiều viêc chức Công Giáo ở trung ương đã không được Tổng Thống Diệm cất nhắc lên chức vụ quan trọng...Tư Lệnh các Binh Chủng như Lữ Đoàn Nhảy Dù, Lữ Đoàn Thủy Quân Lục Chiến trước sau từ Đại Tá Đỗ Cao Trí, Nguyễn Chánh Thi, đến Cao Văn Viên (Nhảy Dù) và Trung Tá Lê Nguyên Khang (Thủy Quân Lục Chiến) đều là Phật

Giáo...Vậy thì Tổng Thống Diệm có kỳ thị Phật Giáo hay không, Sử Gia sau này sẽ phán đoán một cách công minh. Điều rõ rệt là Tổng Thống Diệm quá nhiều mặc cảm với Thiên Chúa Giáo và thành kiến sâu nặng đối với một số chánh khách thuộc Đảng Đại Việt Quan Lại đã từng tham chánh dưới thời Thủ Tướng Trần Văn Hữu và Nguyễn Văn Tâm...

CHƯƠNG V
Từ Chế Độ Ngô Đình Diệm Đến Cái Chết Của Ông Ngô Đình Cẩn

Từ một thế kỷ nay và trên 25 năm qua, Việt Nam trở thành nghĩa địa của những cái chết tức tưởi, vô lý. Song cái chết của một Tổng Thống như ông Ngô Đình Diệm, tất nhiên không phải là một sự vô lý đơn giản như người ta nghĩ. Nó đã được sửa soạn tinh vi, vì làm thế nào để giết một ông Tổng Thống đã cầm quyền 9 năm không phải là một chuyện "*tùy hứng*".

NGƯỜI EM ÚT

Quanh cái chết của Tổng Thống Diệm đầy dẫy những sự vô lý trên nông nổi bi thảm. Sau khi ông chết đi, lại còn bao nhiêu sự vô lý khác. Chữ vô lý ở đây xin được hiểu theo sự suy đoán trong bản chất và tinh thần Việt Nam vốn trọng tình cảm, sự trung hậu va lễ nghĩa.

Một trong những sự vô lý đó, là cái chết của ông Ngô Đình Cẩn. Người em thứ 5 của Tổng Thống Diệm. Cái chết này đã được công khai hợp pháp hóa vì ông Cẩn được ra Tòa xét xử. Nếu bị công tố viện gay gắt buộc tội thì cũng chả có gì gọi là vô lý. Khi đảo chánh bùng nổ, thì Tướng Đỗ Cao Trí đang là Tư Lệnh Vùng I Chiến Thuật. Ông Tướng này là người có thẩm quyền duy nhất tiếp thu toàn vẹn những gì có ở bên trong căn nhà tổ ấm của gia đình họ Ngô. Ông Cẩn tưởng đã thoát thân...dù tấm thân chỉ còn hai bàn tay trắng. Trong cuốn Vietnam Crisis, hai tác giả Stephen Pan và Dieaniel Lyons đã viết như sau: "*Ông Cẩn lúc đầu tỵ nạn tại Nhà Dòng Chúa Cứu Thế. Nhưng những người từng được ông giúp đỡ sợ rằng: Nếu chứa chấp ông, sẽ có thể bị các nhà lãnh đạo đảo chánh nghiêm trị nên ông Cẩn phải qua Tòa Lãnh Sự Mỹ tại Huế xin trú ẩn. Tòa Lãnh Sự này phải*

xin chỉ thị của Tòa Đại Sứ Mỹ tại Sài Gòn. Đại Sứ Henry Cabot Lodge trả lời rằng Tòa Lãnh Sự không được phép cho ông ta tỵ nạn, đồng thời ra lệnh phải đưa ngay ông Cẩn vào Tòa Đại Sứ. Nhưng khi ông Cẩn đến Sài Gòn Tòa Đại Sứ Mỹ liền trao ông Cẩn cho Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng xét xử. Theo nguồn tin có thẩm quyền mà hai tác giả được biết, Tòa Đại Sứ Mỹ đã hội ý với Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng và buộc Hội Đồng phải cam kết 3 điều kiện thì Tòa Đại Sứ Mỹ mới dẫn độ:

1) Phải được xét xử minh bạch.

2) Không bị đối xử tàn nhẫn.

3) không bị bắn hoặc bị giết.

Stephen Pan và Dieaniel Lyons viết*: "Trong tình cảnh lúc bấy giờ, nếu tin tưởng vào một cuộc xét xử minh bạch, công khai thì quả thật là ngây thơ. Mặc dù trong thời gian đó, ông Cẩn bị yếu nặng với những căn bệnh huyết áp cao và bệnh đái đường. Với cách đối xử rất tồi tệ lại thiếu thuốc men, săn sóc trong tù, ông Cẩn chắc chắn cũng sẽ không sống thêm được bao lâu.*

Nhưng dù quá yếu đến nỗi không đứng nổi, ông ta vẫn bị cột gô vào cái trụ đứng, và bị bắn". Stephen Pan và Dieaniel Lyons thắc mắc: *"Người ta còn nhớ hồi tháng 8.1963 một nhà sư (...) đã lánh nạn trong Tòa Đại Sứ và được Cabot Lodge bảo vệ an toàn trong 9 tuần lễ, nghĩa là cho đến ngày hai anh em Ông Diệm bị giết. Hãy để cho lịch sử phán xét những việc mâu thuẫn như trên"*.

Nếu ông cẩn bị Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng đem ra xử bắn trước cuộc chỉnh lý của Tướng Khánh thì cũng có thể giải thích được. Nhưng ông Cẩn lại bị xử tử khi Tướng Khánh lên cầm quyền và Cabot Lodge vẫn còn tiếp tục làm Đại Sứ. Ông Lodge thường được coi như quan thầy uy quyền của Tướng Khánh. Mấy ngày sau cuộc chỉnh lý, người ta cho rằng có thể ông Cẩn được tha xuất ngoại. Vì dù sao Tướng Khánh cũng là một trong mấy người con tinh thần của Tổng Thống Diệm và Tướng Khánh đã trung thành với Tổng Thống Diệm cho đến phút cuối cùng khi Dinh Gia Long bị

mất vào vào quân cách mạng. Chiều ngày 1.11.1963, Tướng Khánh từ Pleiku còn gọi điện thoại cho Tướng Cao ở Cần Thơ và hối thúc ông Cao đem quân về cứu Tổng Thống Diệm. Tướng Khánh cho biết không thể đem quân về được vì Quân Đoàn II quá xa...Tướng Cao tin cho Tướng Khánh rõ là Tướng Minh, Khiêm và các Đại Tá Đỗ Mậu, Nguyễn Đức Thắng hứa là bảo đảm tính mạng của Tổng Thống Diệm và Ông Nhu. Tướng Khánh trả lời: *Không tin tụi nó được đâu...chúng nó nói vậy mà làm khác*. Tướng Khánh vẫn giữ lòng trung thành cho đến phút chót. Thế nhưng...quyền lợi cá nhân và địa vị đã thay đổi lòng người.

Khi ông Cẩn bị đưa ra tòa, người ta vẫn tin rằng có thể ông chỉ bị xử qua loa. Khi bị kết án tử hình người ta vẫn tin ông Cẩn sẽ được Quốc Trưởng Dương Văn Minh chấp thuận đơn xin ân xá.

Cuối cùng vào một buổi chiều ánh nắng còn chan hòa, bệnh nhân tử tội Ngô Đình Cẩn được khiêng ra pháp trường trong vòng thành Khám Chí Hòa, tay bị trói chặt vào gốc cây cột giữa pháp trường và bị bắn gục trước sự chứng kiến của những người trước kia ra vào Dinh ông Cẩn thường khúm núm như gia nhân.

Đại Sứ Lodge là người đã buộc Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng phải cam kết không được xử bắn ông Cẩn. Khi ông Cẩn nhận từng loạt đạn, Lodge vẫn còn là một vị Đại Sứ Mỹ đầy uy quyền tại Việt Nam. Rồi có hai giả thiết nêu ra:

1- Ông Khánh làm như thế để chiều lòng những áp lực khác đang đè nặng lên ông.

2- Ông Khánh chủ chương thanh toán ông Ngô Đình Cẩn vì áp lực của những người từng ra vào luồn cúi dưới trướng "Cố Vấn Chỉ Đạo"...

3- Ông Khánh chủ chương thanh toán ông Ngô Đình Cẩn chỉ vì "vụ tài sản" của ông Cẩn mà ông Khánh đã được chia phần kể từ khi ông ra nhậm chức Tư Lệnh Vùng I Chiến Thuật thay thế Tướng Trí.

SÉT ĐÁNH NGANG ĐẦU

Sáng ngày 2.11.1963 tại tư thất ông Cẩn chuông điện thoại lại reo vang.

Âm vang của hồi chuông thật rền rĩ réo rắt vào buổi sáng trong sương. Điện thoại gọi từ Đà Nẵng.

Đại Úy Minh nhấc máy lên nghe. Từ phía đầu giây bên kia, vẫn giọng Tướng Trí ngập ngừng, cắt quãng rời rạc. Lời Tướng Trí được ghi nhớ như sau: *"Anh thông báo ngay cho ông Cậu biết, Sài Gòn vừa báo tin cho tôi hay là Tổng Thống và ông Cố Vấn đã tự tử chết rồi. Tôi không hiểu ra sao nữa..."* Đại Úy Minh chân tay bủn rủn, ông có cảm tưởng như đang nghe điện thoại trong cơn mê của giấc ngủ say. Ông hỏi đi hỏi lại Tướng Trí hai ba lần. Tướng Trí xác nhận: "*Sài Gòn vừa báo cho tôi hay như vậy*".

Lúc đấy, Đại Úy Minh mới tin đây là sự thực. Một sự thực phũ phàng ngoài trí tưởng tượng của ông. Nhưng tự tử quả là vô lý ? Khi báo cho ông Cẩn hay hung tin này, ông Cẩn cũng vẫn không tin và nói: "*Làm gì có chuyện động trời như vậy"*. Nhưng Tổng Thống Diệm và Ông Nhu đã chết...Dù ông Cẩn chưa tin là sự thực thì sự thực vẫn tàn nhẫn xảy ra như thế.

Ngay lúc đó, Đai Úy Minh cho người đi báo hung tin cho Cha Thuận. Sáng ngày 2.11 màn tang tóc đã bao phủ căn nhà tổ ấm của gia đình Tổng Thống Diệm, miền Phú Cam nơi mà anh em Ông Diệm sinh ra và lớn lên từ đó. Lúc ấy chung quanh ông Cẩn vẫn còn đầy đủ cộng sự viên thân tín trong đó có ông Đào Quang Hiển Giám Đốc Nha Công An Trung Nguyên Trung Phần.

Rồi chiều 2.11 buổi chiều nặng nề như những phiên đá đè nặng trên phận người mong manh. Khoảng 1 giờ 30, Đại Úy Minh được lệnh ông Cẩn gọi điện thoại cho Tướng Trí ra Huế để báo cáo cho ông Cẩn biết rõ nội vụ. Huế cho đến lúc ấy tương đối yên tĩnh.

Vào khoảng 3 giờ, bỗng nhiều đoàn thiết giáp của Thiếu Tá Tuấn đến bao vây vùng Phú Cam và căn nhà ông Cẩn (Thiếu Tá Tuấn sau thăng Trung Tá và bị việt cộng thảm sát trong biến cố Tết Mậu Thân tại Trường Thiết Giáp Gò Vấp Sài Gòn). Tình hình Huế bắt đầu ngột ngạt, dao động

và như cây nước giữa biển nặng đang bắt đầu vỡ ra và dâng cao. Trong giờ phút cuối cùng này, một nhân chứng thuật lại: Ông Cẩn đã mất tinh thần vì xúc động trước cái tin hai ông anh bị giết chết. Chung quanh ông vẫn còn đầy đủ cộng sự viên như Minh, Trọng, Độ...

Khoảng hơn 9 giờ đêm mồng 2, Huế bắt đầu chuyển động như cơn sóng trong trận cuồng phong. Trời tê buốt hoang vắng và đầy đe dọa, bất trắc thê lương. Dân Huế vây quanh radio nghe đài Sài Gòn, BBC, VOA...

Hồi hộp rung động, kích thích...Tối một nhóm người tự động qui tụ lại như hình thức một Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng. Đứng đầu là Trung Tá Mô, Thiếu Tá Hiếu và Đào Quang Hiển. Ba viên chức này tìm gặp Đại Úy Minh đưa họ vào gặp ông Cẩn. Lúc ấy đoàn thiết giáp của Thiếu Tá Tuấn đang bao vây chung quanh nhà ông Cẩn nhưng chỉ có tính cách giữ gìn anh ninh trật tự và theo lời Tướng Trí là để bảo vệ sanh mạng của ông Cẩn và đề phòng một khi dân chúng làm hoảng...Quân Đội có thể can thiệp kịp thời.

Thể theo lời yêu cầu của Trung Tá Mô cũng như Thiếu Tá Hiếu...Đại Úy Minh vào tìm gặp ông Cẩn trong khi đó ba viên chức vẫn đứng chờ ở ngoài. Nhà lúc ấy vắng ngắt không có ai, không khí đầy một nỗi bi thương đổ vỡ. Bé gái Kính cho Đại Úy Minh hay là ông Cẩn đã trốn khỏi. Để tránh lạc hướng phe ông Mô, Đại Úy Minh cho bọn ông Mô hay là ông Cẩn hiện đang bị mệt, và đang nằm nghỉ, mai sẽ vào gặp sau. Thực ra lúc ấy, ông Cẩn đã vào trú ẩn tại Nhà Dòng Chúa Cứu Thế.

TẨU VI THƯỢNG SÁCH

Trong bước đường cùng thì 36 kế, tẩu vi thượng sách vẫn hơn cả. Tuy nhiên ông Cẩn rời căn nhà tổ ấm cùng với cơn đau của loài chim bị bắn trúng cả hai cánh khi đang tung bay.

Qua ngày 3, Huế tương đối vẫn còn yên tĩnh tuy trong dân chúng bắt đầu chuyển động, đang bắt đầu một trận cuồng phong cho sóng đổ lên cao. Từ Đà Nẵng, Tướng Trí điện thoại cho biết ông sẽ trở ra Huế với tư cách đại diện Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng.

Lúc ấy, ông Cẩn bắt đầu lâm bệnh, khuôn mặt hốc hác, đôi mắt như lạc mất tinh thần. Ông xúc động một cách vô tả trước cái chết của hai ông anh.

Bên cạnh ông trong những giờ phút đó vẫn còn một số Cộng sự viên thân tín như Cha Thuận (người cháu ruột của ông). Cho đến giờ phút đó vẫn không thấy ông Cẩn quan tâm gì đến tiền bạc tài sản. Khi thấy Đại Úy Minh vào thăm ông (tại một căn phòng trong nhà Dòng Chúa Cứu Thế) ông rướm nước mắt khóc và nói: *Thôi hết rồi Minh ơi!* Và những người có mặt đều khóc theo ông.

Ông bảo Đại Úy Minh gọi điện thoại cho Tướng Trí, nhắn Tướng Trí vào Huế ngay để ông có đôi điều dặn dò.

Huế lúc ấy bắt đầu sôi động. Thiếu Tá Hiếu, Trung Tá Mô, ông Đào Quang Hiển và một số "*bá quan văn võ*" đã đứng về phía cách mạng. Biến chuyển mau lẹ quá. Huế ngỡ ngàng rồi Huế bùng lên trong cuộc nổi lửa.

Chiều 3.11, Tướng Trí từ ngoài Đà Nẵng ra Huế. Quân Đội vẫn làm chủ tình hình Huế. Không có súng nổ, không có máu sắt. Sự lặng lẽ trong cơn dao động, hoang mang. Ảnh của Tổng Thống Diệm vẫn còn được treo ở nhiều công sở. Người đầu tiên mà Tướng Trí tìm gặp là Đại Úy Minh. Đây là mẩu đối thoại giữa hai người:

- Bây giờ Cậu ở đâu ? Tướng Trí hỏi.

- Cậu đang ở trong nhà Dòng Chúa Cứu Thế. Đại Úy Minh đáp.

- Anh em cứ an tâm, không có gì phải lo sợ. Mọi việc ở ngoài này đã có tôi.

- Là Sĩ Quan của Quân Đội, tôi phải tuân theo lệnh của Thiếu Tướng.

- Anh cho tôi gặp ông Cậu. Tôi ra đây với tư cách đại diện Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng. Lời Tướng Trí. Lúc ấy, ông Cẩn vẫn nằm trên chiếc giường sắt. Cơn đau đã bớt. Ông lấy trầu ra ăn.

Ông Cẩn cho gọi một cộng sự viên thân cận và nói giọng thều thào *"Chiếc bao bố ném ở dưới gậm giường (trong căn nhà ở Phú Cam) trong đó có 24 kilo vàng. Chiếc valise gồm một số gia bảo và quí vật v.v...Mày lo liệu giữ gìn không thì tụi nó lấy hết. Số bạc mặt tao vẫn để trong tủ..."* Ông

Cẩn còn dặn dò thêm: "*Mày trao cho Trí giữ hộ...cứ đưa cho Trí không sao đâu*".

Buổi chiều ngày 3.11 tại nhà Dòng Chúa Cứu Thế, không khí thê lương ảm đạm như một ngày cuối Đông miền hàn đới. Tình hình Huế lúc ấy đã náo động.

Cha Bề Trên Nhã cúi đầu lần hạt đi đi lại lại trên hành lang. Gặp Đại Úy Minh, Cha Nhã hỏi: *"Anh đã tìm Cha Thuận chưa ?"*...Hai người nhìn nhau lặng lẽ, nỗi buồn thật mênh mông. Đại Úy Minh lên phòng ông Cẩn...Lúc đó ông Cẩn vẫn nằm vắt chân chữ ngũ, mắt ông đỏ ngầu vì khóc cho hai người anh...Tướng Trí cũng vào phòng ông Cẩn cùng với Đại Úy Minh. Tướng Đỗ Cao Trí vẫn niềm nở và trọng vọng ông Cẩn như xưa, ông giơ tay chào theo kiểu nhà binh. Ông Cẩn ngước nhìn Tướng Trí không nói một lời nào. Đôi mắt ông nặng chĩu một đau thương. Dường như lúc ấy ông Cẩn như muốn khóc. Mẩu đối thoại giữa Tướng Trí và ông Cẩn được ghi lại như sau:

- Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng ủy cho con xin thưa lại với ông Cậu, Tổng Thống và ông Cố Vấn chết là do tai nạn ngoài ý muốn của các Tướng lãnh.

Tướng Trí không dấu nổi xúc động, ông yên lặng một lúc rồi nói tiếp:

- Chuyện đã xảy ra như vậy bây giờ biết làm thế nào. Con được Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng ủy cho đến đây xin thưa với ông Cậu, Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng kính mời Cậu tham gia cách mạng và xin Cậu đứng trong thành phần của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng.

Ông Cẩn đưa mắt nhìn một vài người thân yêu. Mọi người vẫn yên lặng. Tướng Trí nói trong niềm xúc động:

- Việc đã xảy ra như vậy thì thế nào Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng cũng áp dụng một số biện pháp với Cậu, như tịch biên tài sản...Con nghĩ Cậu nên tính xem thế nào...Cậu có thể đưa con giữ hộ.

Chuyện trò với ông Cẩn một lát rồi Tướng Trí ra xe cùng về với Đại Úy Minh.

Lúc ấy tại Vùng Phú Cam vẫn yên tĩnh. Đoàn Thiết Giáp của Thiếu Tá Tuấn đang giữ phận sự canh phòng và kiểm soát chặt chẽ. Nhà Ông Cẩn vắng lặng chỉ có con bé Kính sau này cho biết, Valise và bao bố vàng được đưa lên xe jeep, rồi đoàn tùy tùng rời khỏi tư thất ông Cẩn.

ÔNG LÃNH SỰ

Từ khi Tướng Trí và Đại Úy Minh đi khỏi, trong ông Cẩn không còn ai. Một vài người thân yêu ngơ ngẩn ở trước cửa Nhà Dòng có ý đợi Đại Úy Minh xem ông Minh có quyết định sang tị nạn ở Tòa Phó Lãnh Sự Mỹ hay không. Buổi sáng ở nhà Đại Úy Minh, ông Phó Lãnh Sự Mỹ có đến tìm gặp Đại Úy Minh và đề nghị:

- Nếu Đại Úy và gia đình cũng như viên chức nào thấy ở ngoài này không có an ninh và nguy hiểm cho tính mạng, tôi mời tất cả qua tị nạn tại Tòa Lãnh Sự.

Đại Úy Minh đáp: Xin cảm ơn ông Lãnh Sự, có lẽ không cần thiết.

Ngày 1.11.1963, chính là ngày sinh nhật của ông Cẩn...ông đâu có ngờ chính là ngày ông phải đề tang hai người anh...Sau khi ông Cẩn sang tị nạn tại Nhà Dòng Chúa Cứu Thế thì ông Lãnh Sự và Phó Lãnh Sự có tìm gặp Đại Úy Minh và đề nghị đưa ông Cẩn qua Tòa Lãnh Sự tỵ nạn cho an ninh hơn và ông cam kết sẽ để ông Cẩn được hưởng quyền tỵ nạn như Tòa Đại Sứ Mỹ đã dành cho Thượng Tọa Trí Quang trước đây.

Nhưng ông Cẩn chỉ bằng lòng qua tỵ nạn với điều kiện ông phải được đem theo thân mẫu của ông tức bà cụ Ngô Đình Khả...Lãnh Sự Mỹ không chấp nhận điều kiện này. Hơn nữa, các cộng sự viên thân tín tỏ ý dè dặt vì không hiểu lòng dạ người Mỹ ra sao.

Ngày 5.11 Tướng Trí được lệnh của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng đưa ông Cẩn về Sài Gòn cùng với bà cụ Khả. Lúc ấy bà cụ Khả vẫn chưa hay tin Tổng Thống Diệm và Ông Nhu đã bị thảm sát vì trong nhà cố giữ kín tin này. Bà cụ Khả đã trên 90 tuổi và bán thân bất toại từ lâu...

Khi về Sài Gòn thì mẹ con đôi ngả. Ông Cẩn vĩnh viễn xa mẹ từ buổi ấy. Ông bị biệt giam trong một căn phòng "*ghê rợn*" nhất của khám Chí

Hòa.

Cái đau khổ lớn của tù nhân không phải vì thân thể bị câu thúc mà trước hết đau khổ vì cô đơn. Nỗi cô đơn như một Phi Tần trong chốn lãnh cung. Có ai trải qua cơn phong trần mới thông cảm được nông nỗi *"giết nhau chẳng cái lưu cầu, giết nhau bằng cái u sầu độc chưa"*. Trên sáu tháng trời ông Cẩn đã chết mòn trong cái u sầu thê lương như vậy của một căn phòng đầy oan trái và hồn ma. Chắc chắn những đêm dài thao thức, ông Cẩn chỉ còn sống theo dĩ vãng huy hoàng 9 năm trong đó bao nhiêu khách công hầu đã đến với ông, van lậy ông một điều *cậu*, một điều *con* để mong ông ban phát bổng lộc.

Điều đau khổ nhất đối với riêng ông Cẩn là những ngày tháng ông phải sống xa mẹ. Từ ấu thơ cho đên ngày lao lý, ông Cẩn không bao giờ xa mẹ. Trong gia đình Tổng Thống chỉ có một mình ông Cẩn sống cạnh mẹ. Tổng Thống Diệm cho đến Đức Cha Thục, Ông Nhu, ông Luyện mỗi người một ngả một năm mới về thăm mẹ đôi ba lần. Theo nhân chứng, ông Cẩn được thân mẫu yêu thương nhất vì đức hiếu thảo. Kể từ ngày bà Cụ Khả bị bán thân bất toại, suốt ngày nằm trên ghế tựa ông Cẩn luôn luôn có mặt bên cạnh không chịu xa mẹ lấy một đêm.

Mỗi sáng chủ nhật theo thường lệ Linh Mục Cao Văn Luận đều đến nhà làm lễ cho bà Cụ và gia đình ông Cẩn. Vào một sáng chủ nhật năm 1961, Đại Úy Minh không bao giờ quên hình ảnh một người con ôm mẹ khóc. Theo thông lệ, khi xem lễ bà cụ Khả vẫn nằm trên ghế tựa, trước mặt kê một cái bàn quỳ để tượng trưng cho lòng kính Chúa. Đằng sau, con bé Kính đứng giữ hai vai bà Cụ. Sáng hôm ấy không hiểu sao con bé Kính lại đứng ở nơi khác. Bà Cụ chới với thế nào bị ngã lộn nhào giữa lúc Linh Mục đang dâng lễ. Ông Cẩn thất thần...Chưa bao giờ ông Cẩn lại biểu lộ nét mặt hãi sợ như vậy. Mặt ông tái xám, tay run rẩy...Bà cụ té sưng trán và rướm máu. Chính tay ông ẵm bà cụ đặt lên giường. Nước mắt ông chảy dàn dụa. Bác Sĩ Lê Khắc Quyến được gọi đến cấp tốc (*Bác Sĩ Quyến là Y Sĩ riêng của gia đình ông Cẩn và vẫn được coi là đồng chí thân cận của ông Cẩn*).

Lúc ấy ông Cẩn gần như người mất trí, ông cầm cái này rồi lại lấy cái kia tay chân run rẩy luống cuống. Sau khi bà cụ đã tỉnh, ông Cẩn mới khăn áo chỉnh tề, ông vận chiếc áo tấc xanh *(Loại áo dài ta mặc trong dịp tế lễ*) đội khăn đống mặc chiếc quần ta dài trắng tinh, chân đi dép. Mọi người lấy làm ngạc nhiên không hiểu ông Cẩn định đi đâu, làm gì. Sau mới rõ, ông đến trước mặt bà thân mẫu, lậy ba lậy *(lên gối, xuống gối và mỗi lần vái tay khấu đầu phủ phục)*. Lạy xong ông ôm chân thân mẫu khóc và xin được tha lỗi. Ngày hôm ấy ông không tiếp khách, chỉ luẩn quẩn bên bà mẹ.

Ngày thường, tự tay ông lo liệu thức ăn đồ uống cho thân mẫu. Đối với mẹ, ông cư xử theo đúng lễ giáo của một nhà nho thủa xưa. Tối trước giờ mẹ ngủ, ông đến viếng một lần. Sáng dù bận thế nào, ông cũng vào phòng thăm mẹ. Mỗi năm vào ngày sinh nhật, ông sửa soạn quần áo từ hôm trước để sáng hôm sau khăn đóng áo dài vào khấu đầu phủ phục lạy mẹ ba lạy.

Trên đây là môt vài chi tiết cụ thể để giúp ta tìm hiểu con người ông Cẩn thường bị mô tả là Hung Thần Miền Trung.

Ngày 20.4.1964, Tòa án Cách Mạng tuyên án tử hình ông Ngô Đình Cẩn mà Chánh Thẩm là Đại Tá Đặng Văn Quang (vợ chồng Đại Tá vốn là con đỡ đầu của thân mẫu Đức Cha Nguyễn Văn Thuận chị ruột ông Cẩn). Trước Tòa Án ông Cẩn nói: "*tôi quân sự không biết, hành chánh không biết học tâm thường làm sao ra lệnh cho ai được* ?". Bốn ngày sau, ông Cẩn đệ đơn xin ân xá và 2 ngày sau Tướng Dương Văn Minh bác đơn xin ân xá với tư cách Quốc Trưởng. Trong thời gian 2 ngày, Tướng Khánh đã *"đau đầu"* rồi bối rối không biết làm thế nào để giải quyết cho mọi bề êm đẹp. Bao nhiêu cuộc tiếp xúc, bao nhiêu việc trả giá tấm thân của ông Cẩn trở thành món hàng để "*bên này đưa ra điều kiện này bên kia đặt điều kiện khác*". Chữ "*nếu"* làm cho ông Khánh bù đầu. Nếu không giết ông Cẩn chúng tôi sẽ có thái độ hoặc nếu không ân xá cho ông Cẩn chúng tôi sẽ hành động !! Các Cố Vấn của Tướng Khánh thì cho rằng: *"Trong vụ này Thủ Tướng cứ coi như vô can. Việc xử như thế nào do Tòa. Việc ấn xá hay không là do*

Tướng Minh.

Nếu Tướng Minh ân xá thì hợp ý với Thủ Tướng và có thể xoa dịu được phe bên này, mà áp lực "búa rìu" của phe bên kia sẽ đổ hết vào đâu Tướng Minh và ngược lại...Cộng sự viên thân cận của Tướng Khánh lúc ấy đều là những người đông chống chế độ Ngô Đình Diệm và bị giam cầm như Phạm Thái (Việt Nam Quốc Dân Đảng) Tổng Trưởng Thông Tin hay thuộc đảng Đại Việt như Bác Sĩ Nguyễn Tôn Hoàn, Phó Thủ Tướng hoặc thuộc "gà nhà" của Giáo Hội PHTN (khuynh hướng Thượng Tọa Tâm Châu) như Luật Sư Nghiêm Xuân Hồng Bộ Trưởng Phủ

Thủ Tướng...

Hôm xử bắn ông Cẩn tại Khám Chí Hòa, buổi sáng ông Khánh uống một hơi hết ly rượu mạnh, mắt ông lại lồi hẳn ra.

CHẾT VÌ CỦA

Qua lời nguyền phục hận cho anh em Tổng Thống Diệm Tướng Khánh đã nhiều lần bày tỏ trước ngày chỉnh lý...Ai cũng tưởng ông là người một lòng, một dạ sống chết với với anh em Tổng Thống Diệm. Nhưng Tướng Khánh thì "*lời nói gió bay lên trời"* thảy đều không quan trọng.

Sau khi đảo chánh thành công, hầu hết các Tướng tham dự đều được vinh thăng, nhưng trường hợp Tướng Khánh lại bị chậm trễ. Trong quá khứ và thuở còn mang lon cấp Tá, Tướng Minh và Khánh biết rõ nhau quá nhiều Đã từ lâu, không ai ưa ai. Ngày 5.11, Tướng Khánh ở Pleiku bay về Sài Gòn môt mặt trình diện Tướng Minh. Mặt khác chạy lon. Vốn là người láu cá vặt nên Tướng Khánh chạy theo *"cửa"* Thủ Tướng Thơ vì biết rằng ông Thơ hay bị xiêu lòng nếu chịu khó năn nỉ. Hơn nữa, ông Thơ vẫn có lòng tốt với bọn em út. Quả nhiên Tướng Khánh thành công. Thủ Tướng Thơ điện thoại cho Tướng Minh để "*xin lon*" cho Tướng Khánh và Tướng Minh cũng đồng ý cho ông Khánh lên lon Trung Tướng. Sáng hôm sau, Tướng Khánh lại đến tư thất Thủ Tướng Thơ để năn nỉ. Việc thăng Trung Tướng, Thủ Tướng Thơ đã dàn xếp xong, Tướng Khánh nóng lòng nên cho người lên phố mua cặp sao ngay. Tại tư thất, Thủ Tướng Chánh Phủ

vẫn còn mặc áo pyjama. Vốn là con người xuề xòa, không kiểu cách Tổng Thống Thơ đã gắn lon Trung Tướng cho ông Khánh trong lúc mặc đồ ngủ.

Thực ra thì Tướng Khánh cũng chả thương sót Tổng Thống Diệm gì cả. Đối với ông ai cũng có thể là "*tri kỷ*"...Ai cũng có thể là bạn đường...Người như Tướng Khánh khó lòng giữ được sự trung kiên.

Vì Tướng Khánh không phải chỉ bắt cá hai tay mà ba bốn tay. Cùng một câu chuyện gặp ông A Tướng Khánh nói thế này, gặp ông B, Khánh lại nói thế cách khác.

Ngày 9.5.64, Ông Cẩn bị xử bắn tại Khám Chí Hòa thì Phan Quang Đông bị xử bắn tại Huế. Ông Khánh bay ra Huế để lấy lòng dân chúng từ một trung tâm tranh đấu...nhưng ông lại bị dân chúng vây tại Dinh Tỉnh Trưởng Thừa Thiên. Ông phải "*trốn lủi*" đi cửa sau rồi dùng trực thăng rời khỏi Cố Đô.

Sau một ngày hành trình toát mồ hôi lại bị dân chúng la ó đả đảo, hôm ấy ông Khánh tìm lại giấc ngủ bình an sau khi ông Cẩn ra người thiên cổ. Chết là hết, ông Khánh được bình an vì những tưởng ông Cẩn chết sẽ mang theo tất cả những bí mật về phần tài sản của ông. Sự đời đâu có giản dị như vậy. Cái kim bọc để lâu ngày cũng tấy, huống chi tài sản của ông Cẩn không phải là ít từ của chìm đến của nổi. Nhiều người thân tín trong gia đình ông Cẩn cho rằng: *"ông Cẩn chết vì tài sản đó*". Để gây quỹ cho Đảng Cần Lao, trong 9 năm ông Cẩn đã ủy cho một số người đứng tên quản trị. Ông X đứng tên và quản trị một cơ sở kinh doanh này. Ông Y được trao phó đứng tên mua một thửa đất kia. Trong cái Valise của ông Cẩn lại chất đầy những vật quý rồi lại có một số trương mục tại Ngân Hàng do mấy người trong đoàn thể đứng tên. Nếu ông Cẩn còn sống, các đương sự khó lòng có thể chiếm đoạt nổi. Có thể Tướng Khánh đã được chia một phần tài sản ấy về mặt của nổi để gọi là dùng vào quỹ mật.

Tại Nhà Dòng Chúa Cứu Thế ngày 3.11 khi Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng mời tham gia, một vài người thân tín của ông Cẩn đã đề nghị: "*Tình thế đã ra như vậy rồi nay Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng mời cậu tham*

gia thì cậu cứ tham gia. Bao nhiêu tài sản, của cải của đoàn thể hiện do ai đứng tên, do ai cất giữ cậu khai hết rồi đem nạp cho cho Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng để xung vào quỹ Quốc Gia" Nếu ông Cẩn nghe lời nhân chứng B, công khai hóa tài sản và đem nộp cho Quốc Gia, thì ít nhất cũng không ai có thể nuốt trôi được hết dù cho có "*chấm mút"* ít nhiều.

Nói về tài sản của ông Cẩn, giới thân tín của ông đều ngao ngán "*Ông Cẩn không bao giờ tin những cộng sự viên thân cận của ông mà ông vẫn cho rằng, còn quá trẻ không hiểu gì về vấn đề kinh tài cho đoàn thể"*.

Dạo năm 1961 nhiều cán bộ bị thương, đau yếu túng quẫn, Đại Úy Minh có đề nghị:

"Cậu trích một số tiền trong quỹ đoàn thể giúp đỡ cán bộ đã phải hy sinh hay thương tích vì quốc gia và đoàn thể". Lúc đó Ông Cẩn nói: *"Tiền đâu bây chừ...tao làm gì có tiền ?"* Mấy cộng sự viên rất đỗi ngạc nhiên, không hiểu tiền bạc bấy lâu đi đâu ở trong những tay ai ? Vào năm 1959, có người đề nghị ông Cẩn mua lại một số đất của Hoàng Tộc. Ông bảo Đại Úy Minh và mấy người thân tín cùng ông đi coi xem đất cát ra sao. Một người lên tiếng cản ngăn: *"con nghĩ Cậu không nên làm như vậy. Mình vừa truất phế Bảo Đại xong bây giờ lại đứng ra mua đất đai của Hoàng Tộc thì cho dù có trả tiền theo thời giá cũng vẫn bị mang tiếng"* Ông Cẩn đáp:

"Tao một thân một mình thì cần chi. Lo là lo cho bọn bay, cho đoàn thể, mà không có vốn liếng thì làm sao hoạt động được ? Tụi bay còn trẻ biết gì".

Từ đó, mấy cộng sự viên thân tín không ai đả động gì đến việc này dù họ cũng biết rõ ông Cẩn đã ủy cho những ai lo phần kinh tài. Theo người biết chuyện thì mẹ con bà Luyến và một số người khác đã làm hỏng ông Cẩn nhất là vấn đề kinh doanh tiền bạc. Rồi khi tàn cuộc thì những *"ai đó"* đã phỗng tay trên. Trong suốt 9 năm đã có bao nhiêu ông bà lớn tấng bốc bà Luyến lên tận mây xanh, một tiếng Dì, một tiếng con cứ làm như bà Luyến là một nhân vật quan trọng không kém ông Cẩn. Thậm chí lại có

người gọi bà Luyến là Mợ. Một đằng Cậu Cẩn, một đằng Mợ Luyến. Do đó đã gây lên bao nhiêu dư luận xâu xa. Mà bà Luyến, tuy anh em con dì với anh em ông Cẩn nhưng lại chỉ là thứ gia nhân lo việc nội trợ trong nhà.

PHÚ HỘ ĐỒNG QUÊ

Trong 9 năm, ông Cẩn đã cho tiền thiên hạ rất nhiều. Bản thân ông vốn là cậu Ấm con quan Thượng Thư Lễ Bộ nhưng ông lại là con người tiêu biểu cho trạng thái quê mùa. Thường ngày, ông dùng cơm với cá kho, dưa chua. Ngay nhà ông bao giờ cũng muối sẵn từng vại dưa, vại cà, có khi ông tỉ mẫn muối cả hàng vại "*dưa rau muống*". Một sáng kiến khá kỳ cục...vì chưa thấy ai dùng rau muống để muối dưa, ông lại không ăn được vây yến hay sơn hào hải vị. Nhà ông ở Phú Cam nuôi hàng trăm con chim bồ câu. Nuôi là để dành đấy thôi. Ông Cẩn có tâm lý một nhà giàu xứ quê nên cái gì cũng thu vén chắt chiu cái gì cũng cho vào trong kho hết, trong kho của nhà ông chứa đựng không biết bao tranh sơn mài đồ gốm, đồ cổ. Dĩ chí có nhiều người biếu ông miếng gỗ cẩm lai ông cũng cho cất vào kho để dành. Ngày 1.11 chính là ngày sinh nhật của ông cho nên khách bốn phương đổ về Huế tấp nập với bao nhiêu quà, ông không ăn, trong nhà cũng không thể ăn hết, tuy vậy dù là quà thuộc về thực phẩm, ông cũng vẫn cho vào kho cất đi. Mấy hôm sau để thối ra đấy người nhà lại cất công đem đi đổ...Con người ông Cẩn là một thế giời đầy mâu thuẫn ông vừa có cái cốt phong kiến của con quan, ông lại có tính thu vén chắt chiu của một phú nông cùng cái hách của Tổng Lý thời xưa. Ông có bản chất sắc thái của một ông già quê. Ngoài thú câu cá, ông còn tự tay vót tre đan rổ rá. Rổ rá trong nhà ông phần lớn là do ông đan lấy và ông coi đó như một sinh thú.

CÔNG LÝ

Ngày 20.4.64, ông Cẩn được xét xử trước Tòa Án Cách Mạng. Ông Cẩn cũng bị khép vào các tội như Phan Quang Đông, chỉ khác một số tội cố sát. Trên đây, xét từ nguyên nhân sâu xa thì ông Cẩn chết vì lý do tài sản. Nhưng ra tòa, bản án tử hình dành cho ông lại bắt nguồn từ cục gián điệp Miền Trung với Huỳnh Văn Trọng, Nguyễn Đắc Phương. Theo sự tố cáo

trước tòa thì Nguyễn Đắc Phương bị người của ông Cẩn xô từ trên lầu xuống và Phương đã chết vì như vậy tức là Phương bị cố sát có dự mưu chứ không phải Phương tự tử.

Buổi sáng 20.4 khi tòa xử, có vợ Nguyễn Đắc Phương ra làm nhân chứng. Một vài tờ báo mô tả rằng: Người vợ của ông Phương vì thương chồng phẫn uất quá nên ra tòa bị ngất xỉu. Một người ở Huế biết quá rõ bà Phương lại nói rằng "*bà Phương mới sinh con được hai ngày thì phải ra tòa nên mới ngất xỉu*". Tại sao thế ? Chồng bà đã chết từ lâu cơ mà ? Đại cương vụ án gián điệp Miền Trung như thế này:

Hồ sơ vụ này đã có từ thời ông Giám Đốc Công An Trung Phần Nguyễn Chữ. Đầu năm 960 mấy Linh Mục ở Đà Nẵng có lên gặp Đức Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục trình bày về một số người bị bắt oan trong đó có cả tín đồ Thiên Chúa Giáo. Đức Cha Thục thay vì hỏi thẳng Phan Quang Đông (vì Đông phu trách nhiệm vụ này) ngược lại Đức Cha Thục lại vào thẳng Sài Gòn trình bày nội vụ với Tổng Thống Diệm, sau đó Tổng Thống Diệm ra lệnh cho Đại Tá Đỗ Mậu mở cuộc điều tra.

Đại Tá Mậu đánh công điện cho Đại Úy Thích Trưởng Khu An Ninh Huế điều tra vụ này. Dĩ nhiên là động đến ông Cẩn, Đại Úy Thích tìm Đại Úy Minh bàn luận cùng ông Minh nên xử trí thế nào. Ông Minh cho rằng, vụ này nên hỏi lại Phan Quang Đông và báo cho Đông biết sự thể nó như vậy. Sau đó, sẽ trình bày với ông Cẩn.

Đại Úy Thích vào gặp ông Cẩn trình bày về bức công điện từ Sài Gòn. Phản ứng đầu tiên là ông Cẩn tái mặt, ông bảo ông Thích phải điều tra lại ngay xem có sự oan ức gì không. Ông Cẩn nói: Giết oan người ta thì Chúa phạt đến đời con đời cháu. Sau khi An Ninh Quân Đội điều tra lại thì đều xác nhận vụ án gián điệp có thật.

Ngày 20.11.1964, Tòa xử ông cẩn về vụ ấy. NGƯỜI TỬ TÙ

Một viên Giám Thị tại khám Chí Hòa (từng có nhiệm vụ canh gác phòng ông Cẩn) đã kể lại với chúng tôi: Có một đêm đã khuya lắm, anh ta đi qua phòng ông Cẩn, tò mò nhìn qua ổ khóa. Anh thấy ông Cẩn đi đi lại quanh

phòng rồi ông gục đầu vào tường. Anh nghe thấy tiếng ông khóc nấc. Sau đó anh thấy ông Cẩn đi lại phía giường.

Ông quì dưới chân giường gục đầu vào nệm, anh vẫn nghe thấy tiếng ông khóc nấc. Một lần khác có việc vào phòng ông, ông lại có vẻ bình thản và hỏi: "*Chú có nghe tin tức gì ngoài nớ không ?"* Tất nhiên là anh ta chỉ ậm ừ rồi mau chóng đi ra vì sợ bị nghi có liên lạc với tù nhân...Lần nào gặp, ông Cẩn cũng có lời hỏi han anh như: *Lương bao nhiêu, có đủ ăn không, mấy con, bố mẹ còn không, có nuôi được bố mẹ không ?*

Buổi sáng ngày ông Cẩn phải ra pháp trường, người con gái bà Ấm (cháu gọi ông Cẩn bằng cậu) được phép vào tận trong phòng giam thăm ông với sự hiện diện của một viên chức. Chị ta dơ năm ngón tay ra hiệu cho ông Cẩn (có nghĩa là 5 giờ bị xử). Ông Cẩn khẽ gật đầu. Vì không nén được xúc động, người cháu gái khóc bù lu bù loa và nặng lời nguyền rủa những ai phản phúc ông Cậu mình. Ông Cẩn vẫn điềm đạm. Lời ông nói với cô cháu gái được ghi nhận như sau: "*không có gì đáng buồn mà phải khóc lóc. Làm chính trị là phải như thế. Cậu không có gì oán thán hết. Làm chính trị thì phải biết sẽ có một ngày như thế này"*.

Buổi chiều, có những viên chức sau đây đã đưa ông từ phòng giam ra pháp trường: Đại Tá Trang Văn Chính Giám Đốc Cảnh Sát Đô Thành, Trung Tá Nguyễn Văn Đức ủy viên chánh phủ và Luật Sư Võ Văn Quan cùng một số viên chức khác và có cả bà Ấm, người chị ruột ông Cẩn.

Trước đó ông Cẩn bị bệnh to khớp xương và những tháng nằm trong tù ông gần như bị tê liệt, mỗi khi đi đứng phải có người xốc hai vai.

Song buổi chiều ra pháp trường một số người hiện diện đều ngạc nhiên, da mặt ông tự nhiên đỏ hồng, từ trên lầu xuống nhà ông vịn tường mà đi không cần người xốc nách. Ông vẫn nói với chị ông và các cháu (trong đó có bà Trần Trung Dung) "*không việc gì mà phải khóc lóc hay chửi rủa ai. Cứ cầu nguyện cho người ta. Cậu làm chính trị cậu đã nghĩ đến ngày phải như thế này"*.

Đại Tá Chính và mấy người khác lên tiếng chào ông, ông cúi đầu thi lễ:

"Xin chào các ngài" Mọi người đều công nhận ông có vẻ thản nhiên và khỏe mạnh hơn ngày thường.

ĐẢNG LÀ TA

Xưa kia ông Cẩn vẫn thường phê bình Ông Nhu rất gay gắt "*Làm chính trị như anh ấy chỉ lo chương trình kế hoạch thì có ngày chết"*. Theo ông Cẩn làm chính trị vào thời nay cần phải có tiền, phải gây cơ sở tức là phải nghĩ đến chuyện làm kinh tài cho đoàn thể. Điều ấy đúng. Không một đảng phái nào muốn phát triển tồn tại mà không nghĩ đến chuyện này, ông Cẩn thường nói với các "*đồng chí"* của ông (như đồng chí Văn Anh, Bí thư Xứ bộ Trần Quốc Toản, từng được ông Cẩn chu cấp tiền cho xây biệt thự tại Nha Trang) *"Làm chính trị mà không có tiền, có cơ sở thì mần răng* ?" Tiếc thay, quan niệm đó đúng thực tế, nhưng đã sai lầm từ căn bản (do môi trường, hoàn cảnh, con người đó). Với ông Cẩn thì "*ngoài lòng yêu mẹ ông còn yêu Đảng của ông"*. Đảng trong quan niệm của ông chỉ có nghĩa: *"Đảng là ta mà ta là Đảng"* (Le Parti c'est moi) ông muốn một tay mình quán xuyến Đảng, thu vén chắt chiu cho Đảng. Do đó, mọi tài sản sẽ dành cho Đảng. Ông Cẩn thường nói: "*Tao một thân một mình và đã già rồi thì cần gì. Mua đất cát, dựng xí nghiệp này nọ (...) là lo cho bọn bay sau này*"...Việc xây dựng Đảng của ông đã lầm lẫn ngay từ ngôn ngữ "BỌN BAY"

Và Đảng đã được lãnh đạo qua hình thức phụ quyền cha con. Cứ cho rằng lãnh đạo Đảng như vậy cũng được đi. Nhưng thực tế của Miền Nam không phải là thực tế của Miền Bắc cộng sản. Ở Bắc thì *Bác* rồi mới đến *Đảng*, nhưng Đảng là một tập thể anh em, với kỷ luật sắt thép. Còn ở Nam thì khác, vào Đảng vì lý tưởng cũng có mà vì chủ nghĩa xôi thịt cũng nhiều. Chẳng hạn, năm 1954 khi kết nạp Đảng Viên, một trong tình thế bấp bênh lộn xộn lúc ấy, có một Trung Tá chỉ huy một "GM" (Groupe Mobile) từ Bắc di quân vào Nam. Viên Trung Tá vốn là người của Biệt Đội Con Ó (thuộc Phòng VI của Trần Đình Lan). Ông Cẩn đã ủy cho một người thân tín phải tìm cách thuyết phục đưa viên Trung Tá vào Đảng. Với cấp bậc và

chức vụ đương nhiên viên Trung Tá trở thành một đảng viên quan trọng thuộc hàng *"lãnh đạo"*. Con người ông ta ra sao, lòng trung thành và hiệu năng phục vụ đảng như thế nào, ông Cẩn không cần biết. Khi vào Đảng rồi "*đồng chí*" của ông đóng vai trò con cái trong nhà "*vâng vâng dạ dạ*" bẩm lạy Cậu. Từ đó viên Trung Tá trở thành đồng chí Văn Thanh, chỉ còn là thứ nô bọc trong vai trò nô bộc cao cấp. Như vậy thì làm sao kiếm tìm được tình đồng chí trong ý nghĩ thiêng liêng của từ ngữ này ? Thế nhưng ông Cẩn vẫn say mê Đảng...Và gây kinh tài cho Đảng gồm những ông tai to mặt lớn kiểu "*đồng chí Văn Thanh*", trong khi đó một số đông cũng yêu Đảng như mối tình đầu lại bị ông chê "*Tụi bây còn trẻ mà biết gì"*.

Trong quan niệm phụ quyền cha con và "*Ta là Đảng"* ông Cẩn tự ý lo liệu, tự ý ủy quyền cho một số người quản trị tài sản của Đảng ông. Sự quản trị do tín nhiệm cá nhân và lại không có gì dàng buộc với tập thể...Hóa cho nên khi ông Cẩn ngã xuống thì anh nào *"may tay có lời*", Đảng của ông trở thành tay trắng, tan tác một sớm một chiều và ông cũng chết trong hai bàn tay trắng. Đó cũng là một bài học quý giá cho những ai khi có chánh quyền mà muốn lập Đảng dù lập Đảng tất cả ý chí và lòng say mê. Nhưng đừng quên rằng, chuyện đời rất khó, thấy ăn thì tìm đến thấy khó thì tìm đi đó là lẽ trắng đen của đời.

Sự ủy quyền quản trị tài sản cho Đảng cần lại trao cho một số người trong đó có Dược Sư, Dân Biểu, ông Cẩn (do môi trường, hoàn cảnh thuận tiện và ý thức non kém về chính trị cũng như sự lãnh đạo Đảng) khiến cho ông đã chọn lầm một số người toàn là những kẻ tùy cơ hội tùy thời ăn có, cho nên khi được ủy quyền rồi thì bọn người này lại nhân danh ông Cẩn mà sách thủ tác oai tác quái để nói là kinh tài cho Đảng theo lệnh Cậu Cẩn mà kỳ thực chỉ lo cho cá nhân đầy tham vọng của họ.

Bao nhiêu oán thán đã có ông Cẩn chịu. Thực tế đã xảy ra như vậy và khi chết, ông lại chết vì tài sản cùng với hai bàn tay trắng.

Khi ra pháp trường ông Cẩn lẻ loi một mình. Mặt ông vẫn thản nhiên, ông bị trói vào cột (như báo chí đã tường thuật). Trung Úy Bảo, Sĩ Quan

Báo Chí Phủ Thủ Tướng là người duy nhất đại diện báo chí nhà nước có mặt tại *"sân bắn"* lúc ấy. Trung Úy Bảo thuật lại: *Hai bàn chân của ông chỉ có năm ngón chấm đất, gót chân lơ lửng*. Ông Bảo viết tiếp: *Biết đâu lúc ấy ông Cẩn không nhận ra tôi"*. Trung Úy Bảo đứng cách tử tội Ngô Đình Cẩn 15 m về phía tay mặt. Đằng trước ông Cẩn là toán Quân Cảnh. Sau toán Quân Cảnh là báo chí. Do tình cờ của số phận nhân chứng lại có mặt trong tư thế đại diện chính quyền trong buổi xử bắn ông Cẩn. Thật là éo le!

Nhân chứng nói: "*Nhìn ông Cẩn lúc ấy tôi rớm nước mắt song vẫn cố tình làm ra vẻ thản nhiên*". Định mệnh lịch sử có thật hay sao ? Trước đó, nhân chứng được Trung Tá Khôi cho ra Huế mang thư riêng đến ông Cẩn. Nhân chứng tưởng chừng ông Cẩn phải là người dữ dằn hung hãn lắm.

Nhưng khi được Đại Úy Minh đưa vào yết kiến Trung Úy Bảo rất ngạc nhiên. Ông Cẩn nằm trên chiếc ghế xích đu kê ở hàng hiên. Ông đang nhai trầu bỏm bẻm. Thấy Bảo ông Cẩn ngồi nhỏm dậy và tự tay kéo ghế mời ngồi. Ông gọi đích danh Bảo rồi hỏi thăm chuyện trò lan man về tình hình Sài Gòn, về gia cảnh và công việc làm ăn của Trung Úy Bảo.

Vẫn khuôn mặt cũ, buổi chiều hôm ra pháp trường, Trung Úy Bảo thấy ông Cẩn vẫn giữ vẻ bình thản, da mặt đỏ hồng.

Rồi một loạt súng nổ, ông Cẩn trở về cõi thiên cổ.

Trước đó ông ta từ chối không chịu bịt mắt. Nhưng Trung Tá Ủy Viên Chính Phủ nói "*Đây là luật lệ bắt buộc như vậy*". Ông Cẩn đành chịu, ông cũng không quên lên tiếng xin mọi người tha thứ cho ông và những người đồng đạo có mặt lúc ấy đã đọc cho ông một Kinh Lạy Cha trong đó có câu "*xin cho chúng tôi hàng ngày dùng đủ và tha tội chúng tôi như chúng tôi cũng tha kẻ có nợ chúng tôi"*. Khi bị trói vào cột, ông Cẩn được gặp riêng Cha Thính thuộc Dòng Chúa Cứu Thế là vị Cha linh hướng của ông. Rồi sau đến Luật Sư Võ Văn Quan...Luật Sư Quan nói chuyện với ông Cẩn một lúc, rồi đưa tay gỡ cặp kính trắng trên mặt ông, không khí thật trầm lặng và căng thẳng trong nỗi thê lương. Cha Thính quay đi...mắt vị Linh Mục long

lanh hạt lệ.

Luật Sư Quan khẽ thở dài như tiếc thương cho một phận người.

Chỉ một loạt đạn thứ nhất, ông Cẩn đi ngay. Đ`âu ông gục xuống, lắc lư.

Trung Úy Bảo đến bên ông...M`âu da đỏ h`ông biến thành m`âu xám nhạt. Không ai giữ được tiếng thở dài nghẹ ngào. Ông được tháo dây trói và đặt trên barancard khiêng trở lại khám đường. Nhân chứng đi theo. Trong gian phòng hoang lạnh, không còn ai ngoài nhân chứng, người Hiến Binh áp giải và lát sau thì có bà Ấm lật đật chạy vào. Ông Cẩn nằm trên brancard, phủ tấm vải trắng loang lổ máu. Người chị của ông khóc rưng rưng, nước mắt dàn dụa trên gò má. Thế là xong một đời người.

CHƯƠNG VI
Trường Hợp Bà Ngô Đình Nhu

Bà Ngô Đình Nhu có điệu bộ vóc dáng của một minh tinh màn bạc hơn là một phu nhân theo cốt cách Đông Phương. Trong 9 năm chế độ Ngô Đình Diệm Bà được suy tụng như một Đệ Nhất Phu Nhân. Chính cái danh xưng này đã không thuận tai và làm cho dân chúng đàm tiếu không ít. Ông Nhu tuy là Cố Vấn Chính Trị Phủ Tổng Thống nhưng trên danh nghĩa ông không có một vị thế công quyền. Ông Tổng Thống sống đời sống độc thân mà người em dâu được *"suy tôn"* như *Đệ Nhất Phu Nhân* thì điều đó quả là chướng tai vì nó không chính danh và hợp với chữ Lễ.

Nhưng từ nguyên do nào đã đưa Bà Nhu lên địa vị một người đàn bà *"Uy Quyền"*, bao nhiêu khách công hầu của chế độ từng ra luồn cúi và coi Bà như một nữ lãnh tụ ? Ai phong cho Bà Nhu tước vị Đệ Nhất Phu Nhân ? Không ai phong cho bà cả. Nếu có thì chỉ có cơ quan Thông Tin thỉnh thoảng qua một vài bản tin, qua bích chương đã *"bốc"* bà lên hàng tột đỉnh công danh đó.

Xin trở lại quá khứ: Tháng 4.1955 khi Sài Gòn đang ngút ngàn khói lửa, Bình Xuyên quyết ăn thua đủ với chính quyền, gia đình Bà Nhu vẫn còn ở tại căn nhà của Bác Sĩ Cao Xuân Cẩm, trước Dưỡng Đường Saint Pierre Sài Gòn.

Khi thu hồi Dinh Norodom, Tổng Thống Diệm dành một phòng phía bên trái cho vợ chồng ông Luyện. Trong hai người em dâu thì Tổng Thống Diệm quý Bà Luyện hơn. Giữa vợ chồng ông Luyện với Tổng Thống Diệm có sự thân mật đậm đà và không xa cách như vợ chồng Ông Nhu. Từ khi trở về nước chấp chánh cho đến 4.55, vai trò của ông Ngô Đình Luyện

mới là quan hệ. Vai trò của Ông Nhu lúc ấy còn mờ nhạt...

Nhưng có một điểm tâm lý như thế này: Tuy nhiên rất quý vợ chồng ông Luyện nhưng ông Luyện lại chỉ có toàn con gái. Tổng Thống Diệm không thích cháu gái. Ông rất yêu mến đám con trai của Bà Nhu. Đó cũng là lý do dễ hiểu, khi cha con ông Khôi qua đời (1945) thì mấy chú con trai của Ông Nhu trở thành kẻ nối dõi tông đường của Dòng họ Ngô Đình. Ngô Đình Trác đứng vào hàng đích tôn thừa tự và là bực trưởng của gia tộc Ngô Đình sau này. Mấy chú con trai của Ông Nhu trở thành nhịp cầu nối tiếp giữa Tổng Thống Diệm và vợ chồng Ông Nhu mặc dầu bản chất giữa Tổng Thống Diệm và Ông Nhu rất khác biệt nhau. Anh em không mấy khi gần nhau qua những phút tâm tình hàn huyên. Nhưng mấy đứa cháu trai lại trở thành nguồn sinh thú tinh thần của Tổng Thống Diệm và đó cũng là hy vọng của ông Tổng Thống còn nặng lòng với Nho Giáo...trong tình tự gia đình. Chính cũng nhờ điểm có mấy người con trai nên Bà Nhu đã dễ dàng tạo được tư thế trong gia đình nhà chồng.

Khi trận chiến giữa Bình Xuyên và chính quyền bùng nổ, Đại Úy Huỳnh Văn Cao bàn tính với Thiếu Tá Vinh làm thế nào để di tản gia đình Bà Nhu vào trong Dinh, nếu không Bình Xuyên có thể làm "*hoảng*" giết ông Bà Nhu hoặc bắt cóc mấy đứa con của bà để làm điều kiện thương thuyết. Ý kiến này mọi người đều cho là phải. Trước đó Tổng Thống Diệm cũng tỏ ý băn khoăn ngỏ ý với ông Bằng "*Mi bàn với Vinh và Cao làm sao che chở cho gia đình Ông Nhu ở Saint Pierre...Bình Xuyên nó làm dữ quá...*" Mấy hôm sau, gia đình Bà Nhu di tản vào Dinh Độc Lập, ở trong một gian phòng phía góc trái. Lúc đầu Ông Nhu nằm ghế bố vì không có giường.

Bà Nhu tuy chỉ học hết lớp Đệ Tam (*classe de seconde)* Trường Albert Sarraut Hà Nội nhưng bà lại có trí thông minh thiên bẩm. Sinh ra trong nhung lụa lại thuộc gia đình quan lại vọng tộc, Bà Nhu từ tấm bé đã ở trong một môi trường tháp ngà như không liện hệ với nếp sống Việt Nam. Có thể nói, bà thuộc một giai cấp khác không có trong xã hội Việt Nam. Cái giai cấp đó được hình thành trong chiếc nôi văn hóa của Tây phương. Bà là thứ

trưởng giả thiệt. Nhưng thứ trưởng giả này là một chất hỗn hợp giữa bản chất *Hoàng phái (dòng máu bên ngoại)* cùng quan lại vọng tộc *(dòng máu bên nội qua gia đình cụ Trần Văn Thông)*. Thân mẫu của bà vừa là cô gái Huế vừa thuộc hàng khuê các của sông Hương núi Ngự. Thân phụ bà tuy hiền lành nhưng trong con người của ông Trần Văn Chương đã có 80% chất Tây. Quê nội trong Nam, quê ngoại ở xứ Huế lại sinh trưởng tại đất Bắc, bà trở thành xứ lưu dàn giữa 3 Miền Nam, Bắc, Trung.

Từ nhỏ học Trường Pháp, và trong gia đình sống theo lối Pháp, cha mẹ con cái chỉ nói tiếng Pháp như một ngôn ngữ mẹ đẻ, Bà Nhu trở thành thứ đầm con khi còn cắp sách đến trường.

Tóm lại, môi trường và nếp sống của bà hoàn toàn xa cách với nếp sống quảng đại quần chúng Việt Nam. Khi trở về làm dâu họ Ngô Đình Bà Nhu càng trở nên lạc lõng.

Giữa hai họ Ngô Đình và Trần Văn tuy là dòng quan lại cũ nhưng họ Trần Văn đã "*Tây hơn cả Tây*". Họ Ngô Đình trước năm 1945 thường bị giới đường quan phê bình là "*quê*". Quê có nghĩa là không biết ăn chơi, không có một đời sống thích nghi với nếp sống Tây phương và hầu hết các giới quan lại thời đó đều tôn thờ đây là hình ảnh mâu thuẫn và hoàn toàn khác biệt giữa hai gia đình thông gia. Ngô Đình và Trần Văn.

1- Qua tấm ảnh trong cuốn album của gia tộc Ngô Đình ta thấy ông cụ Ngô Đình Khả đứng cao lênh khênh, mặc áo đại quan, đeo bài ngà kim khánh nhưng chiếc quần lại cao quá mắt cá chân, rộng thùng thình. Ông cụ là một hình ảnh vị Thượng Quan Thế Kỷ 18. Bà cụ khá thấp, mặc áo dài đen, quần thì ống thấp ống cao, bế con. Chung quanh hai ông bà là một đàn con yêu vận quốc phục. Riêng Tổng Thống Ngô Đình Diệm lại mặc bộ đồ đầm sọc (loại Tây phế thải) và đi chân đất. Nhìn hình ảnh đó, ta có ngay một mối cảm tưởng sâu xa vì cảnh hàn vi của một Lễ Bộ Thượng Thư Nam Triều.

2- Hình ảnh gia đình Bà Nhu thì trái hẳn, ông Trần Văn Chương mặc Smoking rất đúng điệu trưởng giả Anh Quốc...Bà Chương lộng lẫy trong

áo dài gấm vấn tóc trần. Chính ảnh một phu nhân tân thời vào những năm 1930...trong khi con cái bà Chương đều mặc *"đầm"* rất đúng điệu. Chú con trai mới mấy tuổi cũng "*Tenue de soirée"* hoàn toàn trưởng giả.

Trong gia đình ông Trần Văn Chương, vợ chồng con cái đều dùng Pháp ngữ như tiếng mẹ đẻ. Bà Chương vốn đã nổi tiếng là một mệnh phụ giao du rất rộng. Bà thuộc loại "*Dame galante"*.

Được ấp ủ và giáo dục trong một Trường Tây phương, khi còn đi học Bà đã nổi tiếng là một tiểu thư lả lướt và lãng mạn.

Ông Nhu vốn là bạn của vợ chồng Luật Sư Chương. Cuộc tình duyên giữa chú Nhu và cô bé Trần Lệ Xuân là cuộc tình duyên *"chú cháu"*. Chú hơn cháu cả trên hai mươi tuổi.

Kể từ năm 1945, gia đình Ông Nhu trải qua cuộc "*phong trần"*, khi thì ở Đà Lạt, khi thì ở Sài Gòn...Ông Nhu *"thất nghiệp"...5*, 6 năm trời. Khoảng thời gian này đều do bàn tay Bà Nhu tần tảo thu xếp. Từ nếp sống một tiểu thư trưởng giả đổi qua vai trò một người vợ của ông chồng *"lừng khừng và thất nghiệp chính trị*" bà phải lo toan mọi bề và thời gian này một người như Bà Nhu không tránh khỏi cái tâm lý của kẻ tự tôn với dĩ vãng vàng son và tự ti với hiện tại đầy cam go về sinh kế.

Dù có sự chu cấp ít nhiều từ Đức Cha Thục, gia đình vẫn không thoát khỏi cơn khủng hoảng kinh tế kéo dài năm sáu năm. Thời gian sau này, chuyện xô xát giữa đôi vợ chồng già trẻ khó bề tránh khỏi. Theo sự tiết lộ của một số gia nhân thân cận...thì Bà Nhu luôn to tiếng...với ông chồng. Ông Nhu không biết kiếm đâu ra tiền, mọi sự đành *"một tay nhờ mụ nó"*. Khi một người đàn ông dù người đàn ông đó là loại siêu đẳng nhưng từ một điếu thuốc cũng do tiền vợ mua thì tất nhiên kết quả tiệm tiến của một quá trình tâm sinh lý người đàn ông đó không thể nào không bị vợ chi phối. Vợ không khinh đã là đại phước. Nếu vợ vẫn trọng vọng mình thì lại càng tạo nên yếu tố tâm lý giúp cho người vợ dễ dàng khuất phục ông chồng và uy quyền của người vợ theo thời gian mà thấm vào trái tim và trí óc ông chồng không bao lâu uy quyền của chồng trở thành uy quyền của

vợ. Ông Nhu ở trong trường hợp này.

Kể từ năm 1952, tình trạng kinh tế gia đình của vợ chồng Ông Nhu càng thêm sa sút đến độ tê liệt. Bà Nhu đã phải bán hết tư trang. Năm 1952 chiếc vòng đeo cổ cuối cùng cũng phải đem ra phát mại. Khi Ông Nhu quay sang làm tờ tuần báo Xã Hội thì cảnh nhà lại càng tê liệt. Những cộng tác viên của ông dạo đó phải mua tặng Ông Nhu từng bao thuốc, đãi ông từng bữa quà sáng. Quần áo của Ông Nhu cũng đã xác xơ. Ông chỉ còn lại vài bộ đồ lớn còn lưu giữ từ thời tiền chiến. Bà Nhu thì đi xe đạp...Ông chồng Nhu vẫn đi ké xe "*muôn thuở*" từ năm 1945 cho đến 1954.

Bản chất Ông Nhu vốn trầm lặng một cách khó hiểu và rất sợ *"sì căng đan"*, cho nên cứ mỗi lần Bà Nhu la lối thì ông lại ngồi im không một lời nói năng, nét mặt chảy dài. *Sì căng đan* như một biến cố tâm lý trong đời ông là dạo cuối năm 1953 Bà Nhu đã dọa tự tử sau một trận xô xát...Trước sau Ông Nhu vẫn là kẻ thua cuộc vì bất lực trong một cuộc mưu tìm sinh kế cho gia đình. Nguyên nhân chỉ vì cạn tiền không còn cách nào xoay sở để sinh sống. Với người trí thức cỡ nặng như Ông Nhu trong tình cảnh ấy kéo dài qua nhiều năm thì áp lực và ảnh hưởng của vợ đối với chồng (*nhất là chồng già vợ trẻ)* mỗi ngày ăn thấm sâu lan rộng...thì đời sống *"phòng the"* do đó mà dễ dàng khuynh loát khống chế bao tỏa ra mọi việc...từ gia đình riêng tư đến giao tế bên ngoài. Trước năm 1952 đối với vợ, ông là người cứng rắn, ông không thích ai bàn tính chuyện thế sự với bà vợ...mà ông cũng không bàn thảo gì với bà vợ còn non trẻ.

Ông vẫn coi bà vợ như một cô cháu gái ngây thơ. Nhưng Bà Nhu lại nhiều lần muốn chứng tỏ mình không còn nhỏ dại và có đủ khả năng để giúp chồng làm việc lớn. Trong vụ tranh chấp giữa Tướng Hinh và Tổng Thống Diệm, bà đã chứng tỏ bà có khả năng thực. Dạo ấy Bà Nhu đã len lõi đến nhiều nơi để vận động chống Tướng Hinh và kể cả chuyện tham gia sách động biểu tình tháng 9 năm 1954. Giữa lúc tình hình gay go nhất, Bà Nhu nhảy vào vòng với một lập trường dứt khoát là phải đuổi cổ anh "*Tây con*" sang Pháp. Tháng 4.55, khi Tổng Thống Diệm nhận được công

điện của Quốc Trưởng Bảo Đại triệu qua Cannes, Bà Nhu đã mạnh bạo tỏ thái độ quyết liệt và tìm mọi cách ngăn cản ông anh chồng qua Pháp và chủ chương lật đổ ông Vua này. Về vụ Bình Xuyên bà cũng nhảy vào vòng (*dù không ai yêu cầu)* nhưng bà lại chứng tỏ có khả năng và nhiều sáng kiến trong việc giúp anh chồng và chồng giải quyết đại sự trong một tình thế sôi bỏng.

Khi gia đình Bà Nhu dọn vào Dinh Norodom, lúc đầu chỉ có tính cách ở tạm ít lâu để lánh nạn Bình Xuyên. Gia đình ông Luyện tự động nhường căn phòng phía bên trái Dinh cho vợ chồng ông anh và dọn ra ở tòa nhà trắng phía đường Nguyễn Du. Ông Bà Nhu ở căn phòng này cho đến vụ ném bom 27.2.1962.

Trong gia đình, ngoài Đức Cha Ngô Đình Thục và Tổng Thống Diệm thì không ai ưa Bà Nhu cả. Riêng ông Luyện lại coi thường bà chị dâu và tỏ ra bất mãn khó chịu mỗi khi thấy chị dâu "*can dự vào"* chuyện quốc sự. Sự bất đồng giữa Ông Nhu và ông Luyện trở nên rõ rệt qua vụ truất phế Bảo Đại. Ông Luyện là bạn thân của Bảo Đại từ hồi còn đi học và chính ông đã đóng vai trò giao liên dàn xếp với Bảo Đại qua vụ Tướng Hinh và Bình Xuyên. Ông Nhu thì chủ trương phải truất phế cựu Hoàng Bảo Đại và thành lập chế độ Cộng Hòa, dĩ nhiên là Bà Nhu hùa theo. Bà lại thường dùng những ngôn ngữ dao to búa lớn...Thái độ và lời nói của bà vừa lấn át người đối thoại vừa như một mệnh lệnh khuất phục kẻ đối lập với bà. Trong thời gian qua Pháp ba tháng để dàn xếp với Bảo Đại vào đầu năm 1955 lúc ông Luyện trở về thì quyền Cố Vấn đã hoàn toàn nằm trong tay Ông Nhu có nghĩa là Bà Nhu cũng tham gia ít nhiều vào quyền cố vấn đó. Tổng Thống Diệm đã phải dặn riêng mấy người thân cận như Đại Úy Cao, Thiếu Tá Vinh như "*ở nhà có chuyện gì xảy ra đứng có kể lại cho ông Luyện nghe*". Ý Tổng Thống Diệm không muốn làm phật lòng ông em út mà Tổng Thống Diệm thương nhất nhà nhưng ông lại nể Ông Nhu hơn và phục cái tài của ông em học giả. Từ dạo đó, quanh Tổng Thống Diệm đã chia thành 2 phe một phe thân ông Luyện, một phe thân Ông Nhu. Mấy gia

nhân cận thân như ông Bằng cũng bắt đầu công khai *va chạm* với gia đình Bà Nhu.

Sở dĩ phải mô tả và nhận định về con người và bản chất thực của Bà Nhu ở thiên bút ký này là vì những tình cờ của lịch sử và số phận hẩm hiu của quốc gia, Bà Nhu đã có cơ hội tham dự ít nhiều vào biến cố lịch sử năm 1963. Điều quan trọng hơn là bà Cố Vấn Nhu có một phần trách nhiệm trong biến cố đó.

Vấn đề đại sự quốc gia nhiều khi lại bắt nguồn từ những việc rất tầm thường. Biến chuyển lớn của Lịch Sử hơn một lần lại bùng nổ từ những cảm xúc và ý kiến rất phiến diện của cá nhân lãnh đạo cùng những ảnh hưởng tình cảm chung quanh cá nhân đó. Biến cố 1963 đã nói lên điều này và Bà Nhu đã góp phần *"đổ đâu thêm vào lò than hồng năm 63"* trong khi sách lược của cộng sản là luôn luôn tìm mọi cách phân hóa và gây mâu thuẫn trong hàng ngũ quốc gia bằng một kỹ thuật tinh vi nhất. Cộng sản tạo nên dư luận về một số cá nhân lãnh đạo và gia đình, đời tư của cá nhân đó. Từ dư luận rồi lộng giả thành chân để tạo nên "*như là thực"*.

Từ cái *như là thực* không bao lâu trở thành sự thực. Chẳng hạn như chiếc "*ghế khoái lạc*" của Bà Nhu được triển lãm tại Phòng Thông Tin Đô Thành năm 1964 (*đây chỉ là chiếc ghế ngồi uốn tóc. Từ năm 1961 Bà Nhu không ra hiệu uốn tóc nên một tiệm uốn tóc ở đường Catinat đã đưa chiếc ghế này vào Dinh, mỗi tuần cho thợ vào một lần)*, chiếc ghế đó bỗng nhiên được cách mạng đặt tên là *ghế khoái lạc* để chứng tỏ tội ác của Bà Nhu cùng chế độ Ngô Đình Diệm. Chiếc *ghế khoái lạc* đó đã ít nhiều khích động quần chúng tạo dựng nên bao nhiêu điều đáng tò mò qua con người đầy sôi nổi như Bà Nhu.

Trong 9 năm đã có biết bao nhiêu "*sự thực"* như vậy được diễn tả một cách mê ly gay cấn trong dư luận quần chúng. Mà sự thực về Bà Nhu như thế nào ? Trước hết, nếu nói về tội thì bà có một "*tội lớn"* như thế này: Bà không biết gì về chính trị nhưng lại hăng hái tham gia chính trị. Sinh trưởng trong nhung lụa của một tháp ngà trưởng giả Tây phương không

thích nghi với đời sống quảng đại quần chúng, nhưng lại công khai nhảy ra hoạt động đứng trên hàng đầu...Tất nhiên bà phải dấn mình vào thực tại nhưng lại không thích nghi được, thực tại trở nên đối nghịch với chính bản thân trưởng giả và xa lìa quần chúng của bà. Thực ra thì chính quyền dạo đó cũng muốn tạo lực lượng phụ nữ...Vì đây là một lực lượng đáng kể và nếu biết cách tổ chức và vận động thì lực lượng này là một hậu thuẫn to lớn. Bà Nhu có thể làm được điều đó cùng với ưu thế và quyền hành *(trong bóng tối mà ở trong bóng tối mới là quan trọng)*. Bà Nhu lại quyết tâm hoàn thành giấc mộng trở thành lãnh tụ của giới phụ nữ Việt Nam. Ngay trong gia đình nhà chồng (một gia đình Thượng Quan nho phong) Bà Nhu còn không sống cho thích nghi với đời sống huống chi quảng đại quần chúng nhất là quần chúng Việt Nam vốn trọng *nam* khinh *nữ,* dân Việt Nam vốn chỉ tôn mộ khâm phục những loại như bà Thanh Quan, Sương Nguyệt Ánh, Phan Bội Châu phu nhân và gần hơn điển hình nhất là Nam Phương Hoàng Hậu.

Bản chất người Việt cả nam lẫn nữ, vốn không có cảm tình nếu không muốn nói là ghét và khinh thị nhưng loại "*phu nhân"* múa may bên ngoài phạm vi gia đình và công tác xã hội từ thiện.

Những lý do nào khiến Bà Nhu tạo được cơ hội nhẩy vào sân khấu chính trị và từ năm 1956 bà đã gây được nhiều thanh thế trong dư luận quốc nội và quốc ngoại...Nói là bà quá ồn ào thì quả thực bà ồn ào nhưng *ồn ào có kỹ thuật trình diễn*. Lý do gần và như là tầm thường nhất đã giúp cho Bà Nhu trở nên dâu cả trong gia đình họ Ngô và độc quyền dành cho họ Ngô mấy cậu con trai để nối dõi tông đường (mãi sau này ông Luyện mới có con trai). Tổng Thống Diệm độc thân và mấy đứa cháu trai trở thành nhu cầu cần thiết cho đời sống tình cảm qua một con người còn nặng lòng với gia tộc và truyền thống như Tổng Thống Diệm. Sau nữa dù Phủ Tổng Thống đã có Nha Nghi Lễ, có Sở Nội Dịch, ông Tổng Thống Diệm vẫn cần có một phụ nữ để lo toan công việc tiếp khách và nhiều vấn đề khác thuộc phạm vi giao tế nhân sự mà thiếu một người đàn bà cũng gây

nên nhiều nan giải, bế tắc. Bà Nhu lại có sở trường giao thiệp có khiếu đôi chút về thẩm mỹ. Trong khi Tổng Thống Diệm cũng như Ông Nhu hoàn toàn mù mờ về thẩm mỹ và giao tế *(lo toan việc nội trợ đều một tay Bà Nhu điều động*) như trang hoàng phòng khách sắm sửa các đồ trang trí và trang sức v.v...

Bà lại luôn luôn tỏ ra con người mẫn tiệp, tháo vát và khéo (khi tiếp phái đoàn ngoại quốc)... Bà lại nói tiếng Pháp ngữ và Anh ngữ rất lưu loát.

Từ tư thế của một nữ tiếp viên của Dinh Độc Lập lại thêm tham vọng lãnh tụ của phụ nữ cùng với uy thế và uy quyền của chồng và anh chồng, Bà Nhu được mặc nhiên chấp nhận trên thực tế như một uy quyền bất khả kháng và uy quyền đó, cách này hay cách kia đã chi phối ít nhiều trong sinh hoạt quốc gia và công vụ.

Lực lượng phụ nữ của Bà Nhu qua Phong Trào của Phụ Nữ Liên Đới lại chỉ gồm vợ mấy ông lớn cho nên không có tính cách quần chúng và chỉ nặng về trình diễn. Khi các bà lớn trình diễn chính trị thì quả tình không hấp dẫn được ai và trở thành trò cười cho thiên hạ.

Bà Nhu chịu đọc sách lại có ông chồng *"Cố vấn"*. Tuy kiêu ngạo tự tôn nhưng gặp những việc khó khăn nan giải, bà vẫn chịu khó tìm hiểu ý kiến qua một vài cộng sự viên thân cận của Ông Nhu.

Bà đối đáp lanh lẹ, phản ứng bốp chát nóng bỏng. Đó là ưu điểm của bà. Nhưng về mặt chính trị phản ứng nóng nảy bốp chát của một người đàn bà ở địa vị như Bà Nhu đã trở nên thất lợi. Khuyết điểm lớn của bà là không tạo được những cử chỉ và phong độ ngôn ngữ hấp dẫn được quần chúng kể cả giới phụ nữ. Trong khi Bà Nhu lại trở thành đối tượng cho sự tuyên truyền có sách lược của cộng sản. Mà người cộng sản muốn bôi đen một chế độ trước hết tìm cách bôi đen qua từng cá nhân uy quyền của từng chế độ ấy. Rồi theo ngày tháng, một cách tiệm tiến có kỹ thuật, cả chế độ đó sẽ thành đen và quỵ ngã toàn bộ. Nếu ý thức được như vậy, lý ra Bà Nhu phải hoàn toàn đứng trong bóng tối một cách khiêm nhường. Đằng này Bà Nhu xuất hiện với tất cả sự lộng lẫy lòe loẹt với chiêng trống nhịp nhàng của

một số các bà Tướng Tá Bộ Trưởng Tổng Giám Đốc và kể cả mấy vị tu mi *"mày râu nhẵn nhụi"*...

Trước hết là dịp Lễ Hai Bà Trưng, Bà Nhu muốn làm sống lại khí thế của hai vị Nữ Anh Hùng Dân Tộc này...và có nhẽ bà cũng muốn nhân cơ hội trở về nguồn lịch sử để tạo một thần tượng dẫn đạo phụ nữ. Theo Bà Nhu *"Nam giới có Lê Lợi, Quang Trung thì nữ giới cũng có Hai Bà Trưng cũng như Pháp có Jeanne d'Arc"*. Trước năm 1963, Lễ Hai Bà Trưng được mô tả như một Lễ Quốc Khánh thứ 2 sau lễ Quốc Khánh 26.10. Đó là một sáng kiến rất tốt, một cử chỉ đẹp có chính nghĩa không có ai công khai phản đối được. Nhưng vì khi trình diễn quá nhiều nên lại không thuận tình. Xin dẫn chứng về cái gọi là không thuận tình như thế này:

Lễ đài trần thiết thật long trọng tôn nghiêm có bàn thờ có tàn lọng có đồ bát biểu, gươm đao, khí giới...trên bục lớn của lễ đài trải nhung đỏ *(màu tiêu biểu cho sự thiêng liêng tôn kính theo truyền thống nghi lễ dân tộc*). Lễ nghi dành cho bậc anh hùng dân tộc như vậy là đúng. Nhưng người chủ lễ cũng rất quan trọng. Dư luận luôn luôn lưu ý về điểm này. Bà Nhu với tư cách đại diện Phụ Nữ Việt Nam và Đại diện Tổng Thống nhất là đại diện Tổng Thống nên bà được hưởng đầy đủ lễ nghi nào xe dành riêng cho Tổng Thống lại có đoàn xe Harley hộ tống khi đến lễ đài có đủ mặt Bộ Trưởng, Tướng Tá tăm tắp đứng lên *"kính chào"* và chào kính theo nghi lễ quân cách. Trên nguyên tắc thì đúng là vì đại diện Tổng Thống được quyền hưởng nghi lễ như vậy.

Thực tế chính trị và tâm lý truyền thống Việt Nam không chấp thuận như vậy. Dù cho là vợ một Tổng Thống, người Việt cũng cảm thấy khó chịu. Nếu vợ ông Tổng Thống cũng được hưởng nghi lễ đón tiếp dành riêng cho Nguyên Thủ Quốc Gia ở Tây Phương thì lại khác huống chi Bà Nhu chỉ là em dâu một Tổng Thống vốn được tôn trọng theo hàng *trưởng lão quốc gia*. Do đó mà dư luận bàn tán mỉa mai thành ra "*kính chẳng bỏ phiên không ít*", Giọng nói của Bà Nhu qua các bài diễn từ cũng là một thất lợi vì giọng nói tuy mạnh thật, tuy có lửa nhưng lại vốn ra vẻ lãnh tụ như

răn dạy, truyền bảo, thêm vào đó tiếng nói lại thiếu ngọt ngào truyền cảm, thiếu nữ tính...

Khi đã có quyền hành, có địa vị (*dù là trong bóng tối)* và một uy tín cần phải được bảo vệ trong tư thế lãnh đạo...Ông Nhu hay ai cũng không thể làm cách nào khác hơn trước một người vợ hay lớn tiếng, dám làm những việc động trời như Bà Nhu...Ông Nhu trở thành bất lực không thể ngăn cản vợ...đó chỉ là hậu quả của bản chất trí thức.

Vả lại, trước con mắt chủ quan của Ông Nhu thì người vợ ông không làm gì quá đáng trái lại công việc của Bà Nhu lại hợp lý và hữu ích cho quốc gia. Luật Gia Đình là một thí dụ.

Kể từ tháng 12.1957, Quốc Hội họp bàn sôi nổi về dự án của Luật Gia Đình, Bà Nhu đã từng bỏ phòng họp ra về với thái độ ngôn ngữ rất ngang ngược ngạo mạn. Đối với một tín đồ Thiên Chúa Giáo và người Tây phương thì đời sống lứa đôi chỉ có một vợ, một chồng, vấn đề đa thê không cần đặt ra. Tín lý Thiên Chúa Giáo không chấp nhận đa thê. Nhưng xã hội Việt Nam không phải là xã hội Tây phương và dân chúng Việt Nam không phải tất cả đều là tín đồ Thiên Chúa Giáo, giới Thiên Chúa Giáo chỉ là thiểu số (15% dân số). Cho nên luật này trên lý thuyết thì hay song thực tế không phù hợp với bản chất và nếp sống quảng đại của quần chúng. Hơn nữa, giới âm thầm phản đối chính là giai cấp Tướng Tá và công chức cao cấp cũng như công kỹ nghệ gia giàu có, phần lớn các vị này đều bị kẹt nếu không có vợ bé thì cũng lén lút giao du.

Bà Nhu đã lý luận "*Đã đến lúc người phụ nữ đứng lên bình đẳng với người chồng ngay trong phạm vi gia đình, chỉ một vợ một chồng thôi...chỉ những kẻ hư hỏng không ra gì mới lấy vợ nhỏ rồi bỏ phế gia đình"* Bà Nhu vẫn tin mình đi đúng đường với chủ trương cách mạng giải phóng phụ nữ trước hết từ gia đình để từ đó bước qua xã hội. Lý luận và chủ trương của bà nghe xuôi tai và hợp lý. Nhưng điều căn bản là cải tạo xã hội, không phải chỉ bằng một biện pháp ban hành một vài đạo luật.

Có thiện chí và hăng say nhưng Bà Nhu vẫn bị phản đối, dân chúng thờ

ơ. Trước hết Bà Nhu không nắm được một vài định luật rất giản dị, đơn sơ của chính trị (*những nhà lãnh đạo sau năm 1963 cũng đều mắc phải lỗi lầm như vậy vì là một thứ lãnh tụ "non" thiếu học tập, thiếu kinh nghiệm, không có căn bản chính trị)*

Một trong những *"định luật chính trị"* căn bản của người lãnh đạo là không bao giờ được lấy chủ quan của mình để biến đổi khách quan (tức thực tại chính trị) nhưng ngược lại phải biết biến hóa chủ quan lãnh đạo của mình. Và thích hợp chủ quan với khách quan tức hòa đồng bản thân với thực tại để nắm thực tại.

Từ bao lâu rồi, việc quốc gia đại sự nếu không may để một người đàn bà can dự vào thì mọi sự đang tốt lành cũng dễ trở thành u tối. Nói như thế không phải là khinh thị giới phụ nữ.

Nhưng lịch sử Đông Tây đã từng minh chứng như vậy. Đàn bà chỉ là đàn bà dù người đàn bà đó có tài ba như thế nào...

Bà Nhu là người có tài thực, có thiện chí nhưng tính kiêu ngạo và chủ quan cũng đã đủ làm cho bà trở thành đối tượng cho bao nhiêu điều phẩm bình, dị nghị đàm tiếu...Mẫu người như Bà Nhu sẽ dễ dàng thành công trong xã hội Mỹ. Ngôn ngữ cử chỉ cùng những phản ứng lanh lẹ bà sẽ dễ dàng thu hút được đám đông. Nhưng đám đông trong quần chúng Việt Nam lại trở nên xa cách với ngôn ngữ, dáng điệu và cử chỉ của bà. Qua mấy lần ra ngoại quốc như tại Moroco, Bresil...Bà Nhu đã thành công nhờ ưu điểm trên. Còn chuyến đi giải độc tại Hội Nghị Liên Hiệp Quốc Tế Nghị Sĩ tại Belgrade (Nam Tư 1963) và Mỹ Quốc Bà Nhu đã chứng tỏ được khả năng của mình và nhất là tại Mỹ Quốc, bà đã gây được nhiều sôi nổi sóng gió làm kinh động chính quyền Kennedy và Đảng Dân Chủ Mỹ. Nhưng với xã hội Việt Nam, bà hoàn toàn thất bại trước đám đông.

Người ta tự hỏi, tại sao một nhà trí thức uyên bác như Ông Nhu lại không kiềm chế được người vợ ? Tại sao ông ta không tìm cách ngăn chặn những hành động thất nhân tâm của vợ ? Ông Nhu sợ vợ ? Nói cho ngay tình thì Ông Nhu không phải là người sợ vợ, ông rất ghét "*chuyện đàn bà"*

dính vô.

Bộ Luật Gia Đình đã gây sôi nổi trong dư luận một thời. Thực tế thì luật ấy cho đến khi ban hành và thực thi cũng không tạo được một tác dụng lớn lao nào trong cái tầng lớp dân chúng. Phản ứng của dân chúng đối với luật lệ như Luật Gia Đình không có gì đáng quan tâm vì luật pháp hãy còn hết sức xa vời với quảng đại quần chúng Việt Nam...Dù có luật hay không luật, đời sống vợ chồng giới bình dân đều dựa trên căn bản tình cảm *"yêu nhau giá thứ bất luận tất"*. Nhưng giới thượng lưu và nhất là giới Tướng Tá và công chức cao cấp tuy ngoài mặt hân hoan chào mừng Luật Gia Đình. Có ông Tòa 2, 3 vợ...Như vậy thì trách chi không oán ghét Bà Nhu. Bà Nhu thường bàn luận với mấy cộng sự viên của ông Cố Vấn chính trị như thế này: *"Kinh nghiệm trong gia đình nội, ngoại của tôi, tôi biết rõ. Ai có vợ nhỏ thì đang trong sạch cũng trở thành tham nhũng, gia đình chia rẽ, rồi dòng con này, dòng con kia cứ lung tung, lộn xộn"*. Khởi từ kinh nghiệm này, Bà Nhu quyết thanh toán chế độ đa thê mà bà nghĩ rằng nếu hoàn thành bà đã giải phóng cho nữ giới cái thảm cảnh gia đình vợ nọ con kia *(chém cha cái kiếp lấy chồng chung, kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng)*. Trước điễn đàn Quốc Hội dạo năm 1957, cũng đã có nhiều Dân Biểu *(kể cả mấy Dân Biểu trong Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia)* mạnh dạn lên tiếng công kích dự án luật này. Bà coi mấy ông Dân Biểu không đi đến đâu cả...Bà Nhu coi thường nếu không muốn nói là khinh miệt một số Dân Biểu như vậy cũng có nguyên nhân. Vì rằng bà cũng biết rõ "*chân tướng*" của các ông. (Đời tư lẫn đời công cũng chẳng đẹp đẽ gì). Chức Dân Biểu của họ phần lớn cũng do "*công ơn ban phát của Đoàn Thể*..." Do đó, mà phản ứng của một số Dân Biểu trở thành vô hiệu hóa.

Trong một cuộc họp vào khóa đầu năm 1959. Bà Nhu công khai đả kích một số Dân Biểu ngay tại diễn đàn Quốc Hội và cho rằng ai chống đối Luật Gia Đình chỉ là những kẻ ích kỷ hèn nhát muốn lấy "*vợ lẽ*". Thái độ chống đối đó thật là *"hèn"*. Mấy ông Dân Biểu quyết làm lớn vụ này và đòi Bà Nhu phải xin lỗi...về thái độ hống hách của bà. Sau đó Bà Nhu tỏ ra phục

thiện và ra một cái thông cáo cải chánh là bà không nói các Dân Biểu *thật hèn* nhưng Bà chỉ nói Dân Biểu *"thất hẹn"*. Cách cải chánh của Bà kể cũng thông minh và khéo léo.

Tất nhiên ai cũng hiểu rằng, không ai lại nói *"thái độ thất hẹn"* cả. Nhưng ở đây bà lại bẻ quặt hai chữ thật hèn thành thất hẹn. Bà đã chơi chữ một cách thông minh và đúng lúc. Mấy ông Dân Biểu đành chịu đựng một cách hoan hỉ. Phụ họa với Bà Nhu còn một số nữ Dân Biểu thuộc *"gà nhà"*. Nhưng hầu hết trình độ chính trị còn non kém lại thiếu thông minh nên mới có một nữ Dân Biểu lớn tiếng bệnh vực Luật Gia Đình và đưa ra một *"định thức" Đàn bà đẻ ra đàn ông*. Nhờ câu nói *"phàm phu tục tử"* này mà cả mấy năm trời báo chí có đề tài đem ra *"thị phi"*.

Dự Luật Gia Đình bàn cãi vòng vo cả năm. Bà Nhu quyết liệt phải đạt thắng lợi hoàn toàn. Dân Biểu Nguyễn Hữu Chung được coi là kện tướng dám đương đầu. Ông kết án Luật Gia Đình trái với thiên nhiên, xúi dục vợ chồng kiện nhau và chỉ tạo ra cảnh rối loạn trong gia đình. Bà Nhu lại ra chỉ thị cho các Dân Biểu *"gà nhà"* kể cả mấy tờ báo kịch liệt công kích Dân Biểu Chung. Cuối cùng như ta đã biết Bà Nhu thắng thế. Nhưng sự thắng lợi của bà không đi đến đâu, vì luật lệ tự nó không thể cải cách được xã hội, muốn dùng luật pháp để cách xã hội thì trước đó phải vận động dư luận, gây ý thức trong quần chúng, học tập thực tế và dùng biện pháp cùng các thể chế của chính trị. Không thể cách mạng nông thôn bằng luật này luật kia để nông dân có ruộng rồi coi là cách mạng. Đó chỉ là hình thức tuyên truyền, khoa trương thanh thế.

Thực tế thì Luật Gia Đình có nhiều điểm phù hợp với tinh thần thượng tôn hạnh phúc và bảo vệ trật tự xã hội qua trật tự gia đình. Thế nhưng lại có một số điểm quá khắt khe, không phù hợp với thực tế, thiếu căn bản của một tinh thần xã hội trong truyền thống Việt Nam. Do đó mà cả cái hay cái đẹp đều bị che lấp bởi cái dở...Nhận định của quần chúng vốn nông nổi như một người nhìn giấy trắng và chỉ chú ý đến một vết mực đen *(dù vết đen đó rất nhỏ và ở ngoài lề)*. Bà Nhu hãnh diện với Luật Gia Đình nhưng

luật ấy có tác dụng hay không thì lại là chuyện khác. Sau đó bà lại đưa ra dự án luật Lành Mạnh Xã Hội. Trước đó tháng 5.1958 tại Quốc Hội bà đưa ra đề nghị thành lập Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới và kêu gọi các bà vợ công tư chức Quân Nhân tham gia Phong Trào. Quốc Hội Khóa II (tháng 8.59) đã có 9 nữ Dân Biểu trong đó có Bà Nhu. Bà lại khởi công hoàn thành dự án luật *"lành mạnh xã hội"*. Sau cái tên này bị đả kích được đổi thành *luật bảo vệ luân lý* (*ban hành năm 62 bị bãi bỏ sau đảo chánh bởi Sắc Luật 2-63*.

Dự luật này cũng gây sôi nổi không ít. Xét cho công bằng, khi đưa ra dự luật này, Bà Nhu nắm ngay được chính nghĩa vì rằng chỉ có một tối ưu tối thiểu số là nạn nhân của luật bảo vệ luân lý. Thiết tưởng dù là ở một thời đại nào, ở một chế độ nào (*ngoại trừ chế độ của những kẻ hãnh tiến ăn chơi sa đọa và coi nhẩy đâm như một lý tưởng đáng tôn thờ*) không ai có thể tán trợ cho các thiếu niên uống rượu hay hút thuốc hoặc tán trợ cho nạn phá thai, đồng bóng...Ấy thế mà người ta vẫn chống đối và hè nhau tạo nên niềm công phẫn. Bà Nhu lại trở thành trung tâm điểm của bao mũi dùi dư luận. Dĩ nhiên luật ấy cũng có những điểm quá đáng và thực tế.

Trên quan điểm quần chúng cũng như phong tục truyền thống dân tộc thì dự luật *bảo vệ luân lý* của Bà Nhu là một công trình tốt đẹp với thánh ý xây dựng rất rõ rệt. 15 triệu đồng bào bất quá chỉ có vào khoảng nửa triệu ảnh hưởng đến luật này nhưng chính lớp người tối ưu thiểu số đó lại có tác dụng sa đọa hóa xã hội Việt Nam và đồng thời vong bản hóa bản chất dân tộc cũng như bôi đen cả tập tục tốt đẹp của xứ sở. Do đó không thể nào buông thả cho một thiểu số này sống phóng đãng được trong khi quảng đại quần chúng vẫn phải sống đời sống lầm lũi cơ cực và trong khi mà nếp sống của quảng đại quần chúng vẫn tập thành trên căn bản của truyền thống cao đẹp.

Về công trình này, Bà Nhu đứng hẳn về phía quần chúng, lập trường là lập trường xã hội dân tộc. Nhưng Bà lại càng gặp phải phản ứng dữ dội tuy ngấm ngầm. Nhiều Tướng Tá hay một số công chức cao cấp đều mê cái

món nhẩy đầm. Các bà lớn thì bài bạc.

Phần nhiều các con ông lớn thì rượu chè thuốc sái *(con nhà nghèo và trung lưu thì lấy tiền đâu ra)*...Các vũ nữ lại là thành phần liên kết ruột thịt với một số Tướng Tá công chức cao cấp, công kỹ nghệ gia ăn chơi và giới *"văn minh"* đô thị. Bà Nhu vô tình đã đụng độ với những địch thủ ghê gớm đó.

Quảng đại quần chúng từ nông thôn đến trung lưu không ai chê trách gì luật bảo vệ luân lý *(có hay không đối với họ không quan trọng*) nhưng một giới khác thì luật này trở nên quan trọng.

Việc cấm *nhẩy đầm* của Bà Nhu cũng gây bất mãn lớn trong giới ngoại kiều tại Sài Gòn (*Tây Phương nhẩy đầm là một nghệ thuật, một trò giải trí thanh lịch truyền thống)*. Năm 1961

Phái Đoàn Maxxwell Taylor qua Việt Nam tìm hiểu về chương trình kinh tế Vũ Quốc Thúc- Staley...Trong một cuộc gặp gỡ mấy Bà, Ông Taylor không đề cập vấn đề nào khác hơn là chuyện nhẩy đầm. Ông cho rằng sự cấm đoán như vậy là kỳ quái. Một cách lỗ mãng, sống sượng hơn nữa, một giới chức Mỹ trong phái đoàn đã hỏi mấy bà "*Nếu cấm đoán như vậy thì đàn ông chỉ còn là sở thích của đàn bà hay sao"*.

Đáng lý chuyện nhẩy đầm nếu cấm thì cũng nên linh động uyển chuyển nhưng kẻ thi hành lại quá hăng hái trong việc lập công. Trường hợp nữ giới chức thuộc Lãnh Sự Đoàn Liban, cư ngụ tại Đường Trương Minh Ký, đã bị nhân viên công lực gây phiền phức tạo nên dư luận không tốt trong giới ngoại giao.

Bà này đã có tuổi. Nhân dịp một tầu hàng Liban cập bến, một số thủy thủ đồng hương của bà đến thăm rồi nghe nhạc theo vũ điệu...Thế là Cảnh Sát cũng ập vào lập biên bản đem về bót. Rất nhiều trường hợp như vậy xảy ra. Giới ngoại kiều càng thêm bất mãn và đó cũng là sự thất lợi về *"ngoại giao"*. Trong khi triệt để cấm nhẩy đầm mấy ông Tướng Tá vẫn cứ lén lút du dương.

Riêng việc cấm nhẩy đầm, Bà Nhu tỏ ra dè dặt. Bà cũng là một dân

nhảy nổi tiếng từ thủa còn đi học tại Hà Nội. Cấm nhẩy đầm sẽ dụng chạm đến nhiều ông tai to mặt lớn. Trong một phiên họp của ban chấp hành Phụ Nữ Liên Đới, vấn đề nhảy đầm được mổ xẻ cặn kẽ. Phiên họp này qui tụ nhiều quý bà *"lừng danh"*. Một số ý kiến cho rằng chỉ giới hạn việc nhẩy đầm mà không nên tuyệt đối cấm. Một bà Tướng Tổng Thơ Ký của Phong Trào Liên Đới lại *"bảo hàng hơn vua"* đã yêu cầu *"Bà Cố Vấn"* phải cấm triệt để. Bà Nhu vẫn lờ lững chưa quyết định hẳn, nhưng cuối cùng vẫn quyết định cấm nhảy.

Việc cấm nhảy đầm được nhiều "*bà lớn"* tán thành triệt để vì đức ông chồng của quí bà đều thuộc loại "*hảo ngọt lẫy lừng"*. *(Vụ vũ nữ Cẩm Nhung là một dẫn chứng)*

Thế nhưng, cấm là một chuyện còn nhảy vẫn nhảy. Nhiều Tướng Tá vẫn "*lén lút mở bar*" ngay trong doanh trại hay tư dinh.

Ai ở Nha Trang vào những năm 1961-1962 đều biết rõ chuyện ông Đại Tá Chỉ Huy Trưởng Đồng Đế vẫn mở bar đầu đầu lại cho sĩ quan hầu cận về tận Sài Gòn kiếm vũ nữ và bao dàn cả tuần. Do đó, dư luận đã bàn phiếm về việc ba ông Tướng hoan hỉ tham gia cách mạng 63 chỉ là do nguồn khát vọng từ tiềm thức do những dồn nén quá độ về món nhảy đầm. Thành ra sau ngày 1.11.1963, các ông "*lớn"* này ăn mừng cách mạng qua những đêm thần tiên trên sàn nhảy.

Chuyện nhảy đầm lậu tại Nha Trang, Đà Nẵng cũng như Pleiku do mấy ông Tướng Tá và cao cấp đỡ đầu đều lọt vô tai Tổng Thống Diệm. Ông Tổng Thống cố ý làm ngơ.

Không phải là người Mỹ ghét Bà Nhu qua biến cố Phật Giáo 63. Bà Nhu đã bị báo chí Mỹ công kích lai rai từ năm 1959. Tòa Đại Sứ Mỹ ngoài vợ chồng Đại Sứ Nolting, ông Richardson và Tướng Harkins có thể nói hầu hết không có ai có thiện cảm với Bà Nhu. Từ Lu Conlin đến Colby (trước 1961) và Phó Đại Sứ Trubeart đều không chấp nhận sự hiện diện của Bà Nhu. Họ ngang nhiên dùng những từ ngữ tục tằn nhất để phê phán về chuyện cấm nhẩy đầm, cấm mãi dâm, cấm nam nữ giao du thân mật.

Vì quá chủ quan nên cứ tưởng rằng ta có thành ý có lòng tốt đối với quần chúng thì quần chúng phải theo ta. Thành ý và lòng tốt theo chủ quan trong rất nhiều trường hợp đã mâu thuẫn và bội phản lại thực tại khách quan cho nên có nhiều ông lãnh tụ có chủ trương hay có ý chí vững một lòng vì dân vì nước nhưng tại sao vẫn bị dân chúng oán thán, vẫn chống đối ? Giản dị chỉ vì, nhà lãnh đạo không đáp trúng khát vọng của quần chúng và cứ tưởng rằng ta thích gì thì quần chúng thích cái đó rồi sống trong một ảo tưởng thần thánh.

Bà Nhu qua công việc đã thực hiện và lời nói thì quả thực bà muốn thực hiện những gì tốt đẹp nhất cho phụ nữ Việt Nam. Nhưng thoát thai từ trong nhung lụa tháp ngà, điều đó đã trở nên bức tường thành ngăn cách giữa lòng tốt và ý chí lãnh đạo với đại đa số phụ nữ, khi Bà Nhu dự định dưa ra dự luật *"quyền bình đẳng"* cho phụ nữ. Nhưng vẫn chỉ là ảo tưởng xa vời thực tế vì không hiểu thực chất và hoàn cảnh phụ nữ Việt Nam. Khi bà chủ trương *"Lương công nhân phụ nữ phải đông đều với nam công nhân"*. Chủ trương ấy không hợp lý cũng không hợp tình. Tại nhiều quốc gia Á Châu như Tân Gia Ba, lương một nữ giáo viên bao giờ cũng thấp hơn nam giáo viên vì căn cứ trên năng xuất thì nam bao giờ cũng hơn nữ. Tại Việt Nam tiến bộ hơn nhiều quốc gia khác về mặt này. Giáo chức cũng như công chức lương bổng đồng đều theo ngạch trật. Bà Nhu tiến thêm bước nữa là đòi cho nữ công nhân bằng lương nam công nhân. Phản ứng giới chủ ra sao ?

Hãng BGI chẳng hạn, Ban Giám Đốc cho rằng "*đàn bà năng sức yếu lại còn sanh nở và nhiều cái yếu khác nữa. Do đó nếu buộc họ trả lương ngang với nam công nhân thì họ không dại gì thuê nữ công nhân*". Trên thực tế vốn như vậy. Nếu luật ấy được chấp nhận thì sẽ chỉ là văn bản chết và không giúp ích gì cho phụ nữ trái lại còn gây ra cho họ bao nhiêu khó khăn.

Nhờ những yếu tố nào mà Bà Nhu tạo được uy quyền trên thực tế ? Đơn giản nhất là sự khôn khéo tinh ranh và nhiều sáng kiến với một tiềm

lực tinh thần rất mạnh về trực giác, Bà Nhu đã ảnh hưởng sâu xa trong đời sống của năm anh em trong gia đình Tổng Thống Diệm đến Ngô Đình Thục và kẻ cả ông Ngô Đình Cẩn.

Ông Cẩn được coi là chống đối Bà Nhu kịch liệt và chửi chị dâu cũng không tiếc lời nhưng ông Cẩn chỉ chửi "*đổng*" thế thôi. Trong gia đình ông vẫn chịu lép vế. Thí dụ về việc lập Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới tại Miền Trung. Phong Trào này vẫn bĩu môi khinh bỉ *"Mấy con mụ đó mần được chi, chỉ ăn hại"*. Trước năm 1961, nhiều bà vợ của các ông lớn tại Miền Trung cũng muốn lập Hội để có ăn nhưng ông Cẩn ghét như vậy nên đành chịu.

Khi Bà Nhu nhúng tay vào quyết định phát triển ra Trung...ông Cẩn đành chịu thua. Bà lại còn chỉ thị cho Huế, Đà Nẵng phải tuân hành theo ý Bà mà thôi, Bà rất coi thường ông Cẩn cũng như chỉ để trong lòng.

Dịp ra Huế chủ tọa thành lập Phong Trào là cả một việc trọng đại. Chúng qui Bà đã áp đảo được chú em chồng. Trước hôm đó, cả một Đại Đội thuộc Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống được gởi ra Huế để lo an ninh cho Bà Cố Vấn. Giới chức thẩm quyền toát mồ hôi vì phải lo tổ chức sao cho long trọng. Ông Cẩn trong lòng tức tối nhưng cũng đành chịu vì chính ông cũng phải đứng ra đôn đốc cho các giới chức lo liệu thực chu đáo. Điều nực cười nhất là hôm lễ khai mạc, Bà Nhu như một nữ hoàng thì Cậu Cẩn rụt rè khiêm tốn như một công tử miền quê uy quyền. Trước đám đông ấy Cậu Cẩn chả còn gì...khiêm tôn, nhỏ bé, nhọc nhằn. Trong khi đó, từ cách đón tiếp đến chiếc ghế ngồi qua ngôn ngữ và cử chỉ Bà Nhu lấn át hoàn toàn chú em chồng.

Đây là lần đầu tiên ông Cẩn đành chịu khuất phục uy quyền của bà chị dâu, người mà ông Cẩn rì rả công kích nhiều khi dùng cả chữ *"con mụ"* và "*lăng loàn"* để chỉ thị Bà Nhu.

Khi Bà Nhu trở về Sài Gòn thì Phụ Nữ Liên Đới cũng theo Bà mà đi luôn. Miền Trung vẫn là đất của ông Cẩn...Phong Trào Liên Đới chỉ được phép phát triển tại Nam phần và mấy Tỉnh Cao Nguyên.

Sở dĩ, trước mặt Bà Nhu ông Cẩn phải chịu khuất phục vì bà ta đã biết sử dụng cái bề thế của bà chị dâu trong gia đình vốn khắt khe với những tôn chỉ lễ giáo. Còn Tổng Thống Diệm thì như thế nào ?

Điểm quan trọng sau đây đã giúp cho Bà Nhu thành công trong việc khuất phục ông anh chồng Tổng Thống.

Thí dụ điển hình vẫn là những quan niệm về luân lý của Bà Nhu. Quan niệm đó rất thích hợp với quan niệm và bản chất nho sĩ cùng nhu tu đức Thiên Chúa Giáo trong con người của Tổng Thống Diệm. Khi Bà Nhu đưa ra dự luật "*bảo vệ luân lý" (lành mạnh hóa xã hội)* thì được Tổng Thống Diệm hoàn toàn tán đồng và còn khích lệ. Báo chí và Quốc Hội lên tiếng công kích, bình phẩm *(tất nhiên là yếu ớt)* Tổng Thống Diệm lại cho rằng dư luận lầm lẫn vì có nhiều người ganh ghét Bà Nhu mà tìm cách nói xấu dèm pha. Bà Nhu đã trình bày với ông anh Tổng Thống như thế nào mà được Tổng Thống dễ dàng chấp nhận và hết sức tán trợ.

Trước hết xin đan cử một vài chi tiết đã thể hiện quan niệm luân lý và tâm tính bất thường của Tổng Thống Diệm qua khía cạnh này. Dạo năm 1959 một thời đại *"vàng son*" của hội bảo vệ luân lý do Linh Mục Hoàng Yến tất nhiên không thể thoát khỏi những lý do "*méo mó nghề nghiệp*" qua quan niệm tu đức và luân lý giữa thế giới tu hành và xã hội ngoài đời. Linh Mục Yến qua những lần đi quan sát ngoài phố, Linh Mục chụp được một số ảnh tượng bán thân và khỏa thân trưng bày tại mấy tiệm bán đồ điêu khắc và mỹ thuật trong đó có mấy bức tượng được coi là hoàn toàn "*lõa lồ"* trưng bày tại tiệm Mai Lĩnh, Đường Phan Thanh Giản. Thêm vào đó còn có cản một số hình đàn ông đàn bà, trai gái tắm chung ở piscine (*dĩ nhiên là mặc đồ tắm*)

Đối với một người bình thường và qua những quan niệm bình thường trong đời sống thì những hình ảnh trên đây không có gì đáng chú ý. Tượng phụ nữ lõa thể chỉ là một công trình của nghệ thuật. Trai gái tắm piscine với quần áo lót hở hang cũng là chuyện quá thông thường.

Nhưng nó lại trở nên quan trọng trước mắt một vị Linh Mục Hội

Trưởng Hội Bảo Vệ Luân Lý. Linh Mục Hoàng Yến làm một phúc trình dài kèm theo hình ảnh gởi lên cho Tổng Thống Diệm.

Chỉ mới xem qua những tấm hình đó, ông Tổng Thông đã đỏ mặt, bất thần nổi giận. Ông dùng bút đỏ phê vào bản phúc trình "*Ông Lương cấm ngay"* (ông Nguyễn Văn Lương lúc đó là Tổng Giám Đốc Xã Hội). Nhận được bản phúc trình trên, ông Nguyễn Văn Lương hết sức lo âu, không biết phải xử trí như thế nào. Ông đành hỏi ý kiến người trong Phủ. Tất nhiên là không có một ý kiến nào khác hơn tìm cách khôn khéo nhất để áp dụng lệnh của Ông Tổng Thống. Ý kiến được nêu ra như sau: Ông Nguyễn Lương cho người đến vài tiệm Mỹ Thuật như tiệm Thế Hệ nói khéo để họ thông cảm trưng bày một cách kín đáo bức tượng bán thân lõa thể. Hai hôm sau ông Nguyễn Lương vào trình Tổng Thống với đầy đủ hồ sơ để tỏ ra rằng đã tuân theo chỉ thị của thượng cấp.

Tổng Thống Diệm lại vui vẻ gật đầu: *"Ừ, ừ thôi được*". Từ đó, ông Tổng Thống quên cả chuyện cấm trai gái tắm piscine cũng như chuyện cấm trưng bày tượng bán thân.

Với một quan niệm luân lý khắt khe và quá cổ như vậy lại có những phản ứng bất thường nên Tổng Thống Diệm dễ dàng bị Bà Nhu thuyết phục. Đây là một pha thuyết phục Tổng Thống của Bà Nhu do sĩ quan hầu cận kể lại *(khi vào Phòng Tổng Thống trình việc gì thì luôn luôn phải có sự hiện diện của một sĩ quan hầu cận hay Tùy Viên)*.

Bà Nhu thuyết phục Tổng Thống Diệm để ông chấp thuận *luật bảo vệ luân lý*, đại cương như sau: *Luân Lý Việt Nam* hiện nay đang suy đồi. Trẻ con thì hư hỏng người lớn thì bài bạc sa đọa. Một người như Tổng Thống Diệm nghe nói như vậy tất nhiên phải lo lắng cảm phục người em dâu nổi tiếng văn minh tân thời nhưng lại tỏ ra thoát xác biến nghĩ đến con đường thành thiện.

Bà Nhu biết yếu điểm của ông anh chồng...nên chỉ đưa ra đoạn mở đầu như vậy nhằm gây xúc động. Sau đó bà mời trình bày những biện pháp giải quyết.

Những biện pháp ấy đều lý tưởng cả. Ông Tổng Thống cho là người em dâu có thành ý xây dựng đất nước. Bà nhảy đầm rất tài hoa mà nay lại đề nghị cấm nhảy thì ai mà không cho là hy sinh đáng quý. Ông Tổng Thống đã tin tưởng như thế thì đề nghị nào mà không được chấp thuận. Việc cấm bài bạc thì vốn là chủ trương của ông. Tứ đổ tường đối với Tổng Thống Diệm là một tội ác làm cho người ta *"sa hỏa ngục"*. Thiếu niên uống rượu hút thuốc lại càng phải cấm triệt để...Từ nhỏ chí già Ông Tổng Thống có uống rượu đâu. Còn hút thuốc lá thì ông chỉ hút phà khói...Hóa cho nên, dự luật bảo Vệ Luân Lý của bà em dâu đối với ông hiển nhiên là hợp lý hợp đạo.

Khi Ông Tổng Thống để hết mình ủng hộ dự luật ấy thì còn ai dám chống đối. Một vài Dân Biểu lên tiếng công kích một số sai lầm và không thực tế của dự luật này. Tuy nhiên sự công kích chỉ là dàn cảnh để tạo ra dư luận cho ra vẻ hợp lý có vẻ dân chủ thế thôi.

Trong những buổi họp của Ban Chấp Hành Phụ Nữ Liên Đới Bà Nhu trở thành một chiến sĩ tiên phong trong cuộc giải phóng phụ nữ. Còn thực tế có giải phóng được không thì 9 năm đã trả lời đầy đủ. Tuy nhiên phải công minh nhận rằng Bà Nhu đã làm được nhiều điểm tốt, dù làm theo chủ quan của bà. Chẳng hạn như vấn đề cấm triệt để thiếu niên không được uống rượu hút thuốc lá, cấm hẳn bài bạc (*trừ món tổ tôm được tòa án cho là không thuộc loại đổ bát sát phạt*) Bà Nhu có môt ý kiến như thế này về giá trị thân xác đàn bà. Tưởng cũng nên ghi lại đây về việc cấm thi sắc đẹp, bà cho rằng "*thời Trung Cổ người Tây phương trưng bày nô lệ tại phố cho bọn nô lệ xếp từng hàng cho người ta đến xem xét đánh giá như mua bán xúc vật, con này mông to, con kia ngực nở con nọ thuộc giống tốt...Với những giá bao nhiêu. Thi sắc đẹp, tuyển lựa hoa khôi của Tây phương xuất phát khởi thủy từ các cuộc trưng bày mua bán nô lệ từ thời Trung Cổ. Ở xứ ta không chấp nhận được cái trò đó"*.

Bà Nhu nói riêng với Bà Lương Khải Minh "*Ăn mặc hở hang, để cả ngực cả đùi ra cho đàn ông họ nhìn ngắm rồi họ đánh giá họ cho điểm làm*

như vậy ô nhục lắm hạ giá nhân phẩm của người phụ nữ ngang với bọn nô lệ thời Trung Cổ. Phụ nữ Á Đông không thể chấp nhận như vậy...” Với lập luận như vậy vừa xác đáng vừa có căn cứ vừa có “*chính nghĩa”* bảo vệ tinh hoa phụ nữ Á Đông...Cho nên Tổng Thống Diệm cũng như Ông Nhu và những người hiểu biết không nông cạn lắm đều cho Bà Nhu có thiện chí và sáng suốt. Do đó mới có vụ cấm luôn các vụ thi sắc đẹp, tuyển lựa hoa khôi và kể cả thi lực sĩ đẹp. Bà Nhu luôn luôn nhắc nhở “*Đàn ông họ ích kỷ lắm...Phụ nữ không thể chỉ là trò chơi cho họ mua vui được. Mãi dâm và làm gái nhẩy là những việc ô nhục đôi bại nhất cho người phụ nữ”*.

Giá như Bà Nhu không phải là một em dâu của một ông Tổng Thống đương nhiệm thì thiện chí và những cố gắng giải phóng phụ nữ của Bà Nhu đáng ca ngợi.

Nhưng ở đây lại khác. Trong khi Bà cố gắng hoàn tất Dự Luật Gia Đình cũng như Dự

Luật Bảo Vệ Luân Lý thì trong dư luận từ Thành đến Tỉnh và nhất là trong giới thượng lưu đã đồn đãi rất nhiều về những cái gọi là *“lem nhem bê bối”* thuộc đời tư của Bà. Dư luận thì nhiều lắm. Nhưng đâu là chứng cớ ? Tuy vậy quần chúng đông đảo vẫn lập luận rằng “*nếu không có lửa sao có khói*”. Rồi một số “*phu nhân*” vây bủa quanh Bà xem ra phần đức hạnh cũng không có gì được đảm bảo cho lắm. Quan hệ là chỗ đứng. Chỗ đứng của Bà Nhu không thuận lợi cho mọi đề xướng cải cách của Bà khi những cải cách đó hoặc còn quá sớm hoặc không phù hợp với tập quán cổ truyền. Dư luận xuyên tạc rất nhiều về cuộc tình duyên của Bà với Tướng Đôn...Lại có dư luận cho rằng Đại Sứ Nolting bị Bà Nhu mê hoặc trong lưới tình. Tục ngữ Việt Nam có câu “*ghét ai ghét cả đường đi lối về*”. Trong 9 năm qua cử chỉ và ngôn ngữ, Bà Nhu làm cho nhiều giới và nhiều người *“mích lòng*” thực. Cái dễ ghét rất giản dị chỉ vì tâm lý và truyền thống Việt Nam không ưa đàn bà múa may hay lợi dụng chức vị của chồng mà làm *“lớn lối*” chỉ nguyên một chuyện sử dụng ngôn ngữ đao to búa lớn của Bà đã làm cho người ta dễ ghét. Trong cái dễ ghét đó tất nhiên do sự

ghen tức nhau. Các ông thường bị ảnh hưởng các bà. Các bà thấy Bà Nhu như vậy nếu không có cơ hội được gần Bà thì trở nên ghen ghét nói xấu. Ai nói xấu thì nói không đáng kể chứ đàn bà nói xấu nhau quả là một nghệ thuật qua khả năng sáng tạo về tưởng tượng. Nhiều câu chuyện "*mê ly gây cấn*" chung quanh con người Bà Nhu hầu hết do một số phu nhân dựng đứng lên...rồi lan rộng ra dư luận và dư luận lâu ngày trở nên như là thực.

Tổng Thống Diệm không được nghe những dư luận đó và chỉ nhận được lời công kích Bà Nhu qua việc làm của Bà như Dự Luật Gia Đình và bảo vệ luân lý. Một số báo Mỹ tiết lộ Bà Nhu có một gia tài đồ sộ tại Ba Tây (*đồn điền cafe)* và Thụy Sĩ. Tổng Thống Diệm không tin vì ông vốn có thành kiến với báo Mỹ. Còn sự công kích Luật Gia Đình cũng như Bảo Vệ Luân Lý ông Tổng Thống đều cho là ganh tị phá hoại và do một số người có vợ nhỏ "*dông dài ham chơi*" nên cố ý phá Bà Nhu.

Tóm lại Bà Nhu hiểu rõ tâm tính và cuộc đời đạo đức của anh chồng. Bà lợi dụng ngay những đặc điểm đó để tạo ảnh hướng với Tổng Thống. Khi đã tạo được ảnh hướng với Tổng Thống...thì hàng Bộ Trưởng, Tướng, Tá đối với Bà chả có nghĩa lý gì cả. Tuy vậy, vì biết rõ tính ông anh, Bà Nhu không bao giờ công khai bày tỏ một ý kiến nào về hoạt động của chính phủ cũng như các nhân vật văn võ. Trước mặt Tổng Thống Diệm, Bà luôn luôn tỏ ra mình chỉ biết lo công việc của phụ nữ. Khi nào có đại biến như vụ Tướng Hinh vụ Bình Xuyên và cuộc đảo chánh hụt 11.11.60 Bà Nhu mới nhẩy vào vòng.

ẢNH HƯỞNG CỦA BÀ NHU ĐỐI VỚI ĐỨC CHA THỤC

Ảnh hưởng của Bà Nhu đối với Đức Cha Ngô Đình Thục như thế nào ? Ảnh hưởng ấy người ta chỉ có thể cảm thấy một cách bàng bạc. Mỗi khi về ở trong Dinh, Đức Cha Thục đều dùng cơm chung với gia đình Ông Nhu. Trong những bữa cơm thân mật gia đình đó, anh em tỏ ra tương đắc từ chuyện hàn huyên đến việc quốc gia đại sự. Bà Nhu không những đóng trọn vai trò của một người em dâu mà luôn luôn tỏ ra một con chiên hết sức kính cẩn, vâng phục một vị Giám

Mục. Bà theo đạo chồng *(gọi nôm na là Đạo theo)* nhưng từ ngày vào ở trong Dinh Bà tỏ ra một tín đồ ngoan đạo. Mặc dầu đã mấy lần Bà Nhu công khai phê bình một số Linh Mục với lời lẽ phạm thượng sỗ sàng nhưng với ông anh chồng Đức Cha thì lại khác, Đức Cha Thục thường khen ngợi Bà Nhu trước mặt nhiều người "*Bà Cố Vấn tốt đạo lắm, siêng năng xưng tội rước lễ lắm"* chỉ một lời khen đó ta cũng thấy Đức Cha tin tưởng người em dâu như thế nào.

Về mặt tâm lý, ảnh hưởng của Bà Nhu đối với Đức Cha Ngô Đình Thục cũng dễ hiểu. Dù là Giám Mục hay ở một tước vị cao sang nào cũng vẫn chỉ là con người cùng với những "*yếu điểm tâm lý"* của con người.

Mà người ta càng già bao nhiêu thì càng thêm nhiều "*yếu điểm tâm lý*". Nhất là người già trong thế giới tu hành. Nỗi cô đơn của một nhà tu càng lớn càng mênh mông khi tuổi đời mỗi ngày một chồng chất. Những ẩn ức trong tiềm thức của một người già cô đơn lại càng dễ dàng bị chinh phục bởi những an ủi vỗ về của người thân yêu. Nhất là người thân đó lại là một cô em dâu trong gia đình. Bà Nhu đã thành công nhờ ưu điểm này. Kinh nghiệm và sách vở đã cho thấy, trong một Xứ Đạo với một vị Linh Mục già thì bà quản gia mới là người có ảnh hưởng nhiều nhất đối với Linh Mục.

Vị Sư già trụ trì trong một ngôi Chùa thì bà vãi nào khôn khéo, đảm đang sẽ được thầy tin cậy...Sự tin cậy cũng như ảnh hưởng trên đây không hề có chuyện tội lỗi trái lại rất thành thiện và chỉ phản ứng của một dồn nén cô đơn trong tiềm thức của một nhà tu luống tuổi.

Trường hợp Đức Cha Ngô Đình Thục cũng không thoát khỏi những phản ứng tự nhiên đó.

Những phản ứng thân yêu trong trái tim con người tương tự như con người của bà mẹ đối với con người của cậu con trai hay một ông bố chồng già đối với một người con dâu hiếu thảo khéo léo.

Mỗi khi Đức Cha Thục về Dinh Độc Lập thì Bà Nhu lo toan từ món ăn thức uống và lúc đó trước mặt Đức Cha Bà Nhu chỉ là một cô em gái ngoan, dịu hiền ăn nói ngọt ngào dễ thương.

Đức Cha đã dùng tất cả mọi ảnh hưởng của mình để hỗ trợ 2 Dự Luật của Bà Nhu nhất là Luật Gia Đình. Đức Cha Ngô Đình Thục hết lòng hỗ trợ và bênh vực Luật Gia Đình cũng là điều dễ hiểu vì nó đã thể hiện đầy đủ tinh thần luyến ái quan Thiên Chúa Giáo. Với một tín đồ Thiên Chúa Giáo thì việc cấm ly dị là điều hiển nhiên theo phép hôn phối.

Đối với một Giám Mục thì còn gì đáng ca ngợi đáng ủng hộ hơn một Đạo Luật đời cấm ly dị và đời sống lứa đôi chỉ một vợ một chồng. Tuy nhiên, như trên đã viết trong số 14 triệu dân Việt ở Miền Nam thì tín đồ Thiên Chúa Giáo không tới 2 triệu. Vả lại, luyến ái quan Thiên Chúa Giáo lại có nhiều điểm đối nghịch với luyến ái quan của người Việt Nam bình dân và kể cả luyến ái quan Nho Giáo mà luật pháp bao giờ cũng phải xây dựng trên căn bản công bình bất phân tôn giáo giai cấp.

Nhưng một vị Giám Mục như Đức Cha Thục tất nhiên không nghĩ như vậy khi mà ông em đang là Nguyên Thủ Quốc Gia. Bà Nhu lại có sáng kiến đưa ra luật ấy lẽ dĩ nhiên, ông anh Đức Cha phải lấy làm cảm phục và cho rằng cô em dâu đã làm những việc cao quí trong tinh thần phúc âm.

Từ luật gia đình cùng những ngôn ngữ cử chỉ khéo ăn khéo nói của Bà Nhu đã giúp cho Bà tạo được những yếu tố sống động gây ảnh hưởng mạnh mẽ nơi Đức Cha Thục. Nhưng luật Gia Đình đã làm cho Bà thất bại hơn là những dư luận đồn đại về đời tư của Bà. Bởi luật đó chỉ tạo thêm những thị phi và đàm tiếu của quần chúng. Trên thực tế, trai gái vẫn cứ tự do giao du, lấy nhau cứ việc lấy nhau, hôn thú chưa phải là điều chính yếu.

Luật cấm ngoại hôn không được hưởng gia tài không được hưởng một quyền lợi của người cha nhưng thực tế người Việt Nam vẫn sống theo một thứ luật bất thành văn trên tinh thần "con nào cũng là con".

Dư luận đàm tiếu không phải đàm tiếu về nội dung đó. Hầu hết quảng đại quần chúng có mấy ai tìm hiểu luật pháp mà biết nó hay hoặc dở. Duy có một điều Luật Gia Đình của Bà Nhu cấm không cho đàn ông lấy vợ nhỏ nhưng cô chánh văn phòng bà *(gọi là cô cho danh chính vì, theo luật ấy thì cô chưa có chồng)* nhưng ai lại không biết cô là vợ nhỏ của một ông chồng

văn nhân *(thường tình nếu cô ta không phải là "chánh văn phòng" của Bà Nhu thì chả ai chú ý thị phi vì vợ lớn vợ nhỏ cũng đều là vợ cả miễn sao được chồng yêu thương)*. Đằng khác dư luận giới cao cấp không ngớt bàn ra tán vào về đời tư của mấy bà *"lớn"* trong Ban Chấp Hành Liên Đới.

Nào là vợ nhỏ sau *"đá vợ cả"* của ông Tướng để lên ngôi chính thất. Nào là bà Tá B vốn đã có một đời chồng rồi sau "*mèo chuột"* bỏ chồng lấy ông Tá B...Dự Luật đàm tiếu tùm lum như vậy. Mà dự luật ấy có thật chứ không phải do thêu dệt. Nhưng từ đó dư luận được dịp phụ đề thêm

"hoa lá". Đó cũng là cái nguy cho một cá nhân trong guồng máy lãnh đạo khi cá nhân đó trở thành cái đinh của dư luận. Trong khi đó, nhờ Luật Gia Đình cũng như công tác xã hội mà Bà Nhu đề ra, càng ngày càng tăng cường ảnh hưởng của Đức Cha Thục.

ẢNH HƯỞNG CỦA BÀ NHU ĐỐI VỚI ÔNG CHỒNG

Còn Ông Nhu ? Giới thân cận nhất của ông đều xác nhận trước năm 1955, Bà Nhu không tạo được ảnh hưởng chính trị nào đối với ông chồng "*đa mưu túc kế*" rất uyên thâm. Nhưng nó lại như thế này, từ ảnh hưởng tâm sinh lý của bà vợ đã dễ dàng biến thành ảnh hưởng chính trị... Trước năm 1945, ông Ngô Đình Nhu chỉ coi bà vợ như một cô em gái không biết gì về chính trị. Nhưng mấy năm sau, trong văn phòng của ông lại treo một bức hình bán thân của bà vợ tràn đầy nhựa sống. Một người thường thì không nói làm gì nhưng ở vào trường hợp Ông Nhu và nhất là con người trí thức như Ông Nhu, thì khi treo bức hình đó tại ngay văn phòng chính thức của một vị Cố Vấn Chính Trị Phủ Tổng Thống quả là điều chướng mắt...Đáng lý ra thì chỉ treo trong phòng riêng. Dĩ nhiên Ông Nhu cũng cảm thấy như thế khi tự tay Bà treo bức hình đó, song Ông Nhu không phản đối.

Bức hình treo ở một nơi trang trọng trong văn phòng đã đủ nói lên việc Ông Nhu chấp nhận sự hiện diện của Bà trong đời sống của mình (*vì văn phòng ấy là nơi Ông Nhu tiếp khách quan ngoại quốc. Bộ Trưởng Tướng lãnh, Nhân Sĩ...nghĩa là đủ mặt mọi giới)*. Qua sự kiện này đã đủ nói lên

ảnh hưởng của Bà Nhu, đã chinh phục toàn diện con người ông chồng mà nhiều khi chính Ông Nhu cũng không biết *(ảnh hưởng của bà vợ đối với ông chồng là một cuộc hành trình với những chất liệu "vô hình" thấm dần vào tim óc nói ra không được và chỉ mơ hồ cảm thấy)* hoặc không thể cảm thấy và chỉ có người ngoài mới nhìn thấy rõ được.

Bởi vậy cô nhân tình của một nhà lãnh đạo nhiều trường hợp lại ảnh hưởng sâu xa đến chuyện quốc gia đại sự mà chính nhà lãnh đạo đó cũng không hay để tự cảnh giác. Do vậy, nhà lãnh đạo dù tài ba cũng cần phải đặt mình trong guồng máy lãnh đạo và phải chấp nhận mọi khám phá tình cảm và phê bình cá nhân mình qua sự phát biểu kiểm thảo của các bộ phận guồng máy.

Giới thân cận của Ông Nhu biết rõ ràng ông không bao giờ nghe vợ bàn góp ý kiến. Sự thực một người tự kiêu như Ông Nhu với khả năng trí thức như vậy khó lòng có thể tin theo ý kiến của bà vợ còn nhỏ tuổi mà trước mắt ông, bà chỉ vẫn là hình ảnh cô nữ sinh trường Pháp chưa đậu Tú Tài. Tuy nhiên, đã có một vài trường hợp ngoại lệ Ông Nhu theo ý kiến của Bà nhưng đó chỉ là ý kiến xuất phát từ khả năng trực giác dồi dào của một người đàn bà thông minh nhạy cảm (qua vụ đảo chính hụt 11.11.60). Về phần này thì người đàn ông dù tài ba đến đâu cũng đành chịu thua đàn bà. Ý kiến của đàn bà xuất phát theo trực giác phần lớn đều đúng với thực tế cả.

Nhưng Ông Nhu vốn sợ *"sì căng đan"* đó cũng là một điểm yếu của một nhà trí thức làm chính trị. Bà Nhu vốn nóng như lửa nói năng bất chấp và dễ gây gổ làm chuyện lớn. Hễ một khi bà vợ gây gổ lớn tiếng thì Ông Nhu đành im. Quá lắm thì Ông Nhu chỉ đập bàn, mắng mấy câu tiếng Pháp cho thỏa rồi đành chịu thua *(giới ăn học bị vợ lấn át và mang tiếng sợ vợ phần lớn cũng chung một cảnh ngộ tâm lý như vậy)* Tổng Thống Diệm lại cũng là người sợ sự lớn tiếng gây gổ. (*Đại Úy Bằng kể lại, một lần Tổng Thống Diệm bảo ông đi theo sang bên phòng ông Bà Nhu. Ông Tổng Thống đang có điều gì vui mừng. Nhưng gần đến cửa phòng nghe thấy Bà Nhu la*

lối ông chồng, Tổng Thống Diệm quay gót trở về phòng khẽ lắc đầu) Cứ nhận diện Ông Nhu theo tướng số thì khuôn mặt ông không phải là người *"sợ vợ"*.

Còn một chi tiết nhỏ này cũng đủ chứng tỏ, ảnh hưởng của Bà Nhu đã thâm nhập sâu xa trong con người ông chồng: Trước kia ông muốn hút bao nhiêu thì hút. Nhưng kể từ năm 1959- 1960, Bà Nhu giới hạn. Mỗi ngày tự bà chia cho ông một vài điếu hút cho đỡ nhớ mà thôi. Nhiều khi một điếu được cắt làm đôi. Một người nghiện thuốc lá nặng như Ông Nhu mà đành chịu như vậy thì cũng là một điều lạ lùng.

Trước năm 1955 Ông Nhu là người ăn mặc xuề xòa...Khi trở thành Cố Vấn Chính Trị ông cũng vẫn thế nhưng ông anh Tổng Thống không bằng lòng vì cho rằng ăn mặc như vậy "*mất cả thể thống...thím phải lo cho chú ấy ăn mặc đàng hoàng"*. Từ đó, tự tay Bà Nhu lo liệu cho ông chồng, bà lựa chọn cho ông từng chiếc cravate. Ngay văn phòng làm việc của ông Bà Nhu cũng tự tay trang trí cho ngăn nắp mỹ thuật. Một người già mà được cô vợ trẻ săn sóc yêu thương như vậy ai mà không cảm động. Từ chỗ cảm động đến chỗ bị "*chi phối âm thầm*" không bao xa.

Ảnh hưởng của Bà Nhu đối với ông chồng mỗi ngày càng mạnh đó cũng là điều dễ hiểu xét theo khía cạnh tâm sinh lý. Ông Nhu không phải là người ăn chơi, trước năm 1954 sống trong thế giới kín cổng cao tường của Phủ Tổng Thống. Ông Nhu cũng không phải là người quảng giao nên ít bạn bè. Rồi tuổi ông mỗi ngày một cao...Cô vợ với tuổi hồi xuân càng trở nên *"ngào ngạt yêu thương*" đó mới là nguyên nhân thầm kín tạo cho Bà Nhu có một "*uy quyền"* đối với ông chồng. Thứ uy quyền chỉ có thể cảm thấy nơi ông chồng sống đời nội tâm...Bà vợ trái hẳn lại, ham mê hoạt động hòa cuộc sống với bên ngoài...Đó không phải là hai thái cực mà là hai cái *"hố"* mâu thuẫn để tạo thành một hậu quả chi phối đời sống vợ chồng theo một tương quan tình cảm.

Một vài nhân vật thân cận nhất của Ông Nhu bị ông cho ra "*rìa"* vì thất sủng trước hết do sự bất hòa và bất đồng giữa các nhân vật này với Bà

Nhu. Nói rằng Ông Nhu nghe vợ thì không đúng...nhưng quả vì sợ mà ông bỏ rơi một vài người thân cận...Thật dễ hiểu, trong đời sống phòng the, nay nghe bà vợ rủ rỉ bên tai: *"thằng ấy nó như thế như thế"*, mai lại nghe bà vợ phàn nàn: *"ông ta như vậy như vậy"*. Những lời ngọt ngào đó lúc đầu ông chồng bỏ qua vì cho rằng "*chuyện đàn bà...đàn bà lắm chuyện*" nhưng lâu ngày, thì chuyện đàn bá hóa thành chuyện đàn ông. Trong cái thời đại quân chủ, bao nhiêu bậc Vua Chúa đã mất ngai vì nghe vợ thủ thỉ bên tai. Ở Miền Nam này cũng vậy, bao nhiêu lãnh tụ đảng phái mất cả anh em đồng chí rồi hủ hóa cũng một phần vì nghe vợ trong cung cách trên. Vậy thì vấn đề quan trọng phải đặt ra ngay: Người lãnh tụ cũng chỉ là một người nên không thể dứt bỏ đời sống vợ chồng riêng tư. Nhưng nếu mưu đồ đại sự dứt khoát ngay từ lúc nhập cuộc là không để đàn bà chen lấn vào công việc của mình. Muốn loại bỏ những ảnh hưởng tiệm tiến vô hình ấy thì lãnh tụ phải được biến thể theo khách quan của thực tại lãnh đạo. Thực tại lãnh đạo gần nhứt là các đồng chí thân cận. Nếu nghe vợ hay vì cách này cách khác qua ảnh hưởng của vợ mà làm xa cách đồng chí thì sứ mệnh lãnh đạo không còn nữa. Staline hay Hitler tạo được sức mạnh tối thượng và tối đa của uy quyền lãnh đạo vì họ là con người thép không còn rung động trong chủ quan thực tại khách quan của lãnh đạo còn Ông Nhu hay ai ai sau này muốn chủ toàn sứ mệnh lãnh đạo thì trước hết phải giải quyết ngay cái mâu thuẫn giữa tình cảm cá nhân trong đời sống riêng tư và đời sống tình cảm tập thể trong đời sống guồng máy. Bông hoa hồng của bà vợ cài trên áo mình và cái đinh ốc trong guồng máy mà mình lãnh đạo cả hai đều quan trọng nhưng làm thế nào để không vì bông hoa hồng mà làm mất đi chiếc đinh ốc của guồng máy đó mới là điều quan trọng.

Chúng tôi có đọc cuốn "*La Révolution sensuelle*" nói về cuộc cách mạng của Fidel Castro tại Cuba.

Đó cũng là cuộc cách mạng nhậy cảm nhờ sự tham dự ngào ngạt hương thơm của phái yếu. Vậy thì muốn mưu đồ đại sự cũng cần có yếu tố nhạy cảm và phái yếu bổ xung để gợi cảm và xung động quần chúng. Vậy thì sự

thành lập Phụ Nữ Liên Đới cũng như tổ chức bán quân sự của phụ nữ (*tuy chỉ có hình thức biểu dương*) quả là điều cần thiết cho những chiến thuật chính trị. Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam bổ nhậm phụ nữ làm Tư Lệnh Phó lực lượng võ trang của họ cũng không ngoài chiến thuật chính trị để tạo được sự chú ý của quần chúng và gây được nồng độ nhạy cảm trong cuộc chiến đấu.

Nếu như Bà Nhu chỉ đứng bên trong lèo lái và chọn một người tương đối xứng đáng đứng ra thành lập thì quả là tốt đẹp. Nhưng đây thì lại khác, Bà Nhu vừa là tác giả lại đóng luôn vai trò diễn xuất của "*kép*" chánh.

Đáng lẽ chúng tôi không viết về Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới của Bà Nhu vì Miền Nam đã có bao nhiêu Hội, Phong Trào như vậy chỉ xuất hiện như vậy để trình diễn nhất thời rồi lại tan vào lãng quên. Nhưng muốn nêu lên đây một kinh nghiệm và xác định rằng nếu ai ở thế chính quyền cũng cần phải tạo được một số thế lực của mình để hỗ trợ cho chính quyền mà mình đã nắm được. Sau năm 1963, người ta đã có mặc cảm và thiên kiến về Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới của Bà Nhu.

Từ đấy đến nay cũng chưa ai đứng lên tổ chức một Phong Trào như vậy.

Nhưng dù thế nào cũng phải công nhận rằng: Miền Nam từ năm 1954 đến nay, Bà Nhu là người đầu tiên đã xây dựng được Phong Trào Phụ Nữ (nhất là phụ nữ bán quân sự) dù Phong Trào ấy như viết trên, tuy có danh mà không có thực nhưng có vẫn hơn không.

Ông Nhu cũng như Tổng Thống Ngô Dình Diệm có "*dính dáng*" vào sự thành lập Phong Trào đó không ? Có thể nói là Tổng Thống Diệm thấy cô em dâu làm được điều tốt với chủ ý hỗ trợ chính quyền tất nhiên ai ở địa vị ông Tổng Thống cũng không có lý do gì ngăn cản, còn Ông Nhu ? Ông cũng không đóng vai trò giật giây Phong Trào đó. Khi thấy việc làm của vợ có ích lợi cho chế độ thì ai ở địa vị ông cũng không có lý do gì ngăn cản. Mà thực ra thì Ông Nhu muốn cản cũng không được.

Giới thân cận được biết rằng, đối với Bà Nhu thì *"việc ông ông làm, việc tôi tôi làm miễn sao tôi không chống lại ông"*. Nhiều việc Bà Nhu cứ

"*làm đại*" nếu ông chồng biết thì mọi sự đã rồi. Tuy nhiên những việc "*làm đại*" đó đối với Ông Nhu đều có vẻ hợp lý.

Dư luận trước 1963 cho rằng, Ông Nhu bị vợ *"chế ngự, áp đảo*"...Nhưng điều đó không đúng. Trong các việc chính sự quốc gia, có bao giờ ông hỏi *"ý kiến"* vợ đâu. Nhưng có điều như thế này, Ông Nhu cũng phải ngán sự dữ dằn nóng tính như hổ lửa của bà vợ. Một lần, Bà Nhu hỏi ông chồng trước mặt một số người thân trong đó có bà Lương Khải Minh: "*Tại sao mấy ông ấy (tức các ông lớn) lại khiếp tôi quá dữ đến như vậy"*. Ông Nhu mỉm cười trả lời: *"Tui còn khiếp bà huống chi mấy ông ấy"*.

Bà Nhu áp đảo được nhiều nhân vật cỡ lớn trước hết nhờ yếu tố bạo ăn bạo nói của Bà. Trong những buổi họp Ban Chấp Hành Liên Đới, Bà Nhu chủ tọa và hầu như chỉ có mình bà ta độc thoại. Các bà khác ngồi lặng thinh lắng nghe chăm chú và luôn tỏ ra thán phục. Một lần nọ vào năm 1962 một bà Liên Đới đi họp muộn. Bà Nhu hỏi lý do thì thực thà trình bày là có một vài nhân vật Mỹ đến thăm ông chồng do đó đến muộn. Trước đông đủ mọi người Bà Nhu lớn tiếng "*Tiên sư cha mấy thằng Mỹ"*.

Đại cương lời ăn tiếng nói của Bà Nhu có những lúc sỗ sàng như vậy.

Nhưng nó lại quá sức thất lợi về phương diện giáo tế chính trị. Chửi Mỹ sỗ sàng như vậy vào năm 1963 quả là "*liều*" nếu không phải là Bà Nhu thì không ai dám ăn nói như vậy. Nhưng Bà Nhu nói, với tư cách Chủ Tịch Trong Trào Liên Đới lại là vợ một Cố Vấn Chính Trị thì hẳn rằng giới chức Mỹ phải đặc biệt lưu ý *(trong đám người hội họp đó dĩ nhiên là phải có một vài bà về học lại với ông chồng và ông chồng học lại với Mỹ)*.

Cho nên cũng không lấy làm lạ khi Bà Nhu qua Mỹ "*giải độc*" Bà đã làm chấn động Bạch Cung qua những lời tuyên bố nảy lửa mạt sát Mỹ thậm tệ. Công kích và mạt sát Mỹ là điều ai cũng thích cả nhất là quảng đại quần chúng như vị trí và tư thế của Bà Nhu lúc ấy thì sự công kích Mỹ chỉ tạo nên những hậu quả nguy hiểm cho chế độ Ngô Đình Diệm.

Với tự ái dân tộc nhược tiểu cùng với bao nhiêu niềm phẫn uất phải

dấu kín trong lòng thì việc Bà Nhu sang tận Mỹ và lớn tiếng chửi thẳng vào bộ mặt lớn cùng chính sách sai lầm của Mỹ chúng tôi coi đó như một điều hân hoan và có thể mô tả Bà Nhu như một phụ nữ Việt Nam đầu Thế Kỷ 20 sang tận nước Pháp đứng giữa Kinh Thành Paris bắc ghế và "*vén váy*" chủi vào mặt nước pháp. Bây giờ thì người phụ nữ đó, báo Mỹ mệnh danh là "*Rồng Cái"* đã chửi Mỹ thật lưu loát.

Sự công kích Mỹ của Bà Nhu chỉ là cách "*xả hơi"* nói cho sướng miệng. Khi mà chế độ Ngô Đình Diệm đang thất lợi đối với dư luận Mỹ thì sự công kích ấy không có ích lợi gì và chỉ làm tăng sự phẫn nộ trong dư luận Mỹ. Tuy nhiên, Bà Nhu đã gây được sự chú ý đặc biệt của dân chúng Mỹ nơi mà người dân luôn luôn bị kích động bởi những sì căng đan một dân tạp chủng thường xuyên quay cuồng trong một nhịp sống đổi mới không ngừng hiếu kỳ tuyệt độ.

Vốn là người nói năng bất kể...Bà Nhu không kiêng nể một ai ngoại trừ anh em nhà chồng bà. Năm 1963, Bà đã không tiếc lời công kích cả thân phụ bà *(Luật Sư Trần Văn Chương)* trước đó Bà cũng đã không tiếc lời bài bác ông chú ruột của Bà tức Bác Sĩ Trần Văn Đỗ (*trong nhóm Caravelle)*. Cho nên Bà Nhu mô tả các vụ tự thiêu của Phật Giáo với ngôn từ như "*rô ti người bằng săng của Mỹ"* cũng không có gì khó hiểu. Có lẽ trên đời Bà Nhu chỉ khâm phục có anh em nhà chồng bà rồi đến bà.

Trước khi trở lại vụ Phật Giáo 1963 ở đây chúng tôi cũng cần phải chắc qua Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới với bản chất của nó.

Quả thực Phong Trào đó là một *hội đàn bà đúng nghĩa với chữ đàn bà* theo quan niệm của người Việt Nam. Giá như Phong Trào này chỉ chuyên tâm đến các hoạt động xã hội từ thiện thì không kể làm gì. Đó là điều rất tốt.

Ngày 20.5.1958 trong một phiên nhóm họp Quốc Hội, Bà Nhu đã đưa ra một đề nghị thành lập một Phong Trào Phụ Nữ với danh xưng "*Phụ Nữ Liên Đới Việt Nam*" và yêu cầu Liên Đoàn Công Chức để cho các bà vợ công chức được phép tham gia. Bốn năm sau Phong Trào đó mới được

Tổng Thống Diệm chính thức chấp thuận và được thừa nhận là một Hội Đoàn Công Ích (SL 84 VN 13.4.62)

Như trên đã viết, Phong Trào này không đạt được *"quần chúng tính"*. Trước sau đây chỉ là một Hội Đoàn của các Phu Nhân, vợ Công Chức cùng Nữ Công Chức và Nữ Quân Nhân. Vì vậy mà Hội Đoàn ấy được xem như một Hội Đoàn bán chính thức của chính quyền.

Ban Chấp Hành Trung Ương ngoài một số Nữ Dân Biểu "*gà nhà*" của Bà Nhu còn hầu hết là vợ các công chức cao cấp và Tướng Tá. Vai trò của các bà cao thấp tùy theo địa vị của người chồng cùng sự khôn lanh nịnh bợ bà Cố Vấn.

Một bà là vợ ông Tướng nên được làm Tổng Thư Ký, một bà là vợ ông Bộ Trưởng nên được cân nhắc làm Phó Chủ Tịch v.v...Chúng tôi không bao giờ làm công việc *"bới móc"* chuyện "*đàn bà con trẻ*" nhưng chuyện "*đàn bà*" của Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới lại có sự liên hệ đến sự vong tồn của một chế độ. Thật là những sự rủi ro do những lỗi lầm tình cờ ấu trĩ và chính trị khi *đàn bà xen lẫn vào chính trị*. Đáng lẽ, một Phong Trào như vậy phải tìm những phụ nữ có khả năng, có học vấn *(học vấn không có nghĩa là phải có bằng cấp)*. Nhưng ở đây thì lại khác. Tuy bà X là vợ Tướng lãnh thật nhưng chỉ vì "*đàn ông quan tắt thì trầy, đàn bà quan tắt nửa ngày nên quan"* cho nên bà ta chỉ có trình độ "*biết viết"* nhưng nhờ địa vị của chồng nên phút chốc đã leo lên hàng "*lãnh tụ"* của Phong Trào. Như vậy Phong Trào ấy làm sao có lãnh tụ tốt, có sáng kiến tốt cho được. Tuy Phong Trào cũng có một vài bà Luật Sư nhưng đa số chỉ là độc giả của báo "SM" và khán giải mộ điệu của tuồng "*cải lương*"...nếu không thì chỉ lại lo toan affaire làm giầu. Bởi vậy mới có một bà Liên Đới phu nhân của một Bộ Trưởng khi ngồi vào bàn hội nghị với tư cách chủ tọa bà lên tiếng ngay "*Thưa chị em hôm nay đại diện Bà Cố Vấn tôi tuyên bố bế mạc hội nghị*". Cả hội trường đều ngỡ ngàng tại sao chưa khai mạc mà đã bế mạc, sau mới rõ bà Bộ Trưởng sử dụng chữ *bế mạc thay cho chữ khai mạc* ! Rồi một phu nhân khác trong một dịp đi vận động bầu cử. (Khóa III 65) đến một Trại

Gia Binh đã nói với các bà vợ Quân Nhân ở đây rằng: "*Chồng tôi làm đến Bộ Trưởng...chồng tôi chức như vậy tôi đâu có ham nhưng vì thương chị em tôi mới đứng ra ứng cử để bênh vực quyền lợi cho chị em*". "Bằng một giọng" lớn lối như vậy các bà vợ lính la ó...nhún vai nhỏ nước bọt...Bà ứng cử viên Dân Biểu phải chuồn lẹ. Đại cương các bà có những lỗi lầm ấu trĩ...nhưng mấy bà lại "*đua nhau*" tham gia công tác Phong Trào để được Bà Cố Vấn súng ái rồi chỉ định ra tranh cử Dân Biểu (Khóa III Quốc Hội Phong Trào Liên Đới đạt 22 ghế Dân Biểu).

Tất nhiên cùng không ai quá khắt khe chấp nhất những "lỗi *lầm đáng bỏ qua*" của quí bà.

Nhưng có điều quan trọng thế này: Các bà đã làm cho các ông mâu thuẫn nhau, hiềm khích nhau...Rồi chính phủ trở thành *"Chính phủ đàn bà"*.

Bà Nhu trao cho Bà Tướng X công tác A. Bà Tướng X hoàn toàn "*mù tịt*" nhưng cứ nhận bừa rồi về nhà trao trách nhiệm thực hiện cho ông chồng. Ông chồng lại gọi thuộc viên vào trao phó...Thuộc viên hùng hục làm cho xong vì họ đã thuộc nằm lòng tiêu chuẩn "*lệnh của bà mới là điều quan hệ!!*" Bà Nhu lại trao cho Bà Bộ Trưởng Y công tác B...Bà Bộ Trưởng cũng cứ "*nhận đại*" rồi về trao phó cho ông chồng...Ông chồng nào (nể vợ) thì làm hay ông nào "*cứng đâu*" với vợ thì làm qua loa. Hậu quả không những các viên chức cao cấp phải làm thêm công việc Liên Đới của các bà vợ mà còn tạo nên sự ganh tị suy bì...Bà X tâng công "*Việc của em Bà Cố trao phó cho em làm xong ngay còn việc của chị X...chị ấy dựa vào thế lực của chồng chị ấy chỉ có chỉ tay năm ngón !*"

Các bà chia thành phe cánh ra lườm vào nguýt, cũng là điều dễ hiểu nhưng các bà lại kéo theo các ông...Thói thường cái gì bà không thích thì cho dù ông không nghe theo nhưng lâu ngày thủ thỉ bên tai cuối cùng ông cũng về phe bà mà không thích như vậy. Nhiều ông với những "*cái yếu*" nhất của con người...cũng cố giúp vợ sao cho đắc lực để Bà Cố Vấn tin cẩn nhờ đó vợ sẽ giữ địa vị cho chồng bảo vệ địa vị một cách hữu hiệu.

Đàn bà Việt Nam không có gì đẹp hơn là làm nội tướng trong gia đình giúp chồng trong sự giao tế trông nom con cái lúc ấy hình ảnh bà không còn gì đẹp hơn nhưng khi các bà nhẩy ra sân khấu để diễn xuất (*mà lại diễn xuất trật lất hết trơn)* lúc ấy kẻ đứng ngoài quan sát thấy nó chướng mắt lắm. Các Bà Liên Đới cận thân Bà Nhu đã diễn xuất nhiều sự chướng ta gai mắt như vậy. Lẽ tất nhiên không lôi kéo được quần chúng. Đây cũng là bài học cho các phu nhân của những ai đang và sẽ ở vào thế lãnh đạo xứ sở.

Fénelon nói một câu thật có lý: "*đàn bà, khó thương kể cả má của tôi"*...Cái khó thương trong dễ thương mà càng dễ thương trong tình yêu gia đình thì lại càng khó thương trong đời sống công cộng ít nhất là chính trị.

Trong cái hội *Phong Trào Liên Đới* cũng như nhiều hội đoàn thiếu nữ khác thì sự ganh tỵ như là bản chất (*vì máu nghen là bản chất của đàn bà, nó đẹp và dễ thương khi đàn bà ghen trong tình yêu)*. Chúng tôi thí dụ: Dạo năm 1959, một phái đoàn phụ nữ sang Tân Gia Ba tham dự Hội Nghị Phụ Nữ Đông Nan Á, một nhân vật cận thân của Ông Nhu đã dặn vợ trước khi bà ấy lên đường là khi sang đó phải cố gắng làm sao đừng cho báo chí họ đề cao hay nói đến mình quá nhiều cũng đừng để báo chí chụp hình. Vì nhân vật này hiểu rõ *quý bà* nên tránh ngộ nhận cho nó được "*êm tai"* để làm việc. Khi phái đoàn trở về Tân Sơn Nhất, báo chí Việt Nam cũng làm cái việc thông thường là phỏng vấn chụp hình...

Khi nhân vật này biết được như vậy ông đã phải điện thoại cho khắp báo quán xin "*thông cảm*" đừng tường thuật cái có dính dáng đến tên vợ *"vì như vậy phiền lắm"* ông cũng lưu ý các báo đừng đăng hình nào nếu có mặt vợ ông. Sau được biết nhật báo Sài Gòn Mới của bà Bút Trà lại in hình vợ ông trong bài tường thuật. Nhân vật này xin báo Sài Gòn Mới *"tha tội*" nhưng báo đã in được 5000 số, ông cũng đành nói với Bà Chủ Nhiệm: "*Trước đây vì ơn nghĩa với nhau Bà có quà cho vợ chồng tôi nhưng tôi không nhận. Thôi bây giờ bà cho tôi 5000 số báo đã in. Nhờ bà cho đục các bản kẽm có hình nhà tôi dù tốn phí thế nào cũng xin chịu"* Bà Chủ

Nhiệm Sài Gòn mới vui vẻ nhận lời.

Tuy vậy 5000 số báo đã in xong để rồi cho vào kho bán "*ký*" thế nhưng một vài tờ cũng vẫn lọt ra ngoài và một bà Liên Đới đã sốt sắng đưa vào trình bà Cố Vấn. Bà Nhu lại tức giận cho rằng *"Đi hội nghị chỉ lo đề cao cá nhân*"...Nhưng thực tình thì Bà Nhu không muốn ai nổi bật ngang mình hay hơn mình. Phân tách ra thì đây cũng chỉ là *"mạc cảm lãnh tụ*" của phái yếu.

Còn một điều đáng nói hơn nữa là dư luận quần chúng quanh bức tượng Hai Bà Trưng dựng tại Công Trường Mê Linh *(Bến Bạch Đằng tháng 3.1962*). Bức tượng Hai Bà Trưng sáng ngày 2.11.1963 đã bị làn sóng biểu tình của Sinh Viên Học Sinh hè nhau kéo đổ rồi chặt đầu lôi quanh các đường phố chỉ vì bức tượng đó giống Bà Nhu và con gái bà tức Ngô Đình Lệ Thủy. Bức tượng ấy quả có giống hai mẹ con Bà Nhu thật.

Nhưng nguyên do từ đâu mà lại giống như vậy ? Có phải mẹ con Bà Nhu làm mẫu cho Điêu Khắc Gia Nguyễn Văn Thế tạc tượng ấy không (*ông Thế đạt được giải Á Nguyên La Mã về điêu khắc)*.

Bức tượng Hai Bà Trưng thật "*kính chả bỏ phiên*". Bao nhiêu lời đàm tiếu chung quanh bức tượng đó. Mà sự đàm tiếu cũng rất phải vì đây là sự bôi lọ anh hùng lịch sử. Khách bàng quan ai đi qua Bến Bạch Đằng nhìn thấy pho tượng cũng không khỏi hổ thẹn. Lạ thay càng nhìn kỹ pho tượng càng giống hệt hai mẹ con Bà Nhu. Cũng vì vậy mà pho tượng trở thành trung tâm của bao lời phê phán nghiệt ngã. Người thức giả trung dung cũng phải lên tiếng*: "pho tượng sừng sững thế kia còn gì là thể thống quốc gia. Lịch sử còn gì giá trị nữa"* Rồi người ta suy luận rằng: "*Bà Nhu dám can đảm dựng tượng mình như vậy thì chuyện gì bà ta không dám làm ?"*

Sự thực pho tượng ấy do Điêu Khắc Gia Nguyễn Văn Thế thực hiện. Người được chỉ định làm mẫu để tạc pho tượng này không ai khác hơn là cô Cao Xuân Châu Phố (*dạo ấy còn là sinh viên luật khoa)*. Nhưng tại sao nó lại giống hai mẹ con Bà Nhu, đó là cả vấn đề bí ẩn không lẽ trong lúc sáng tác ông Thế lại mắc bệnh ám thị về hình ảnh hai mẹ con Bà Nhu! Hay

là có một bàn tay bí mật nào muốn sa đọa hơn chế độ tạo nên một đối tượng cho dư luận mỉa mai đồng thời tạo nên tác dụng tuyên truyền trong quần chúng mà đối phương mong muốn, đây cũng chỉ là một giả thuyết. Tuy nhiên theo Đại Úy Bằng, sĩ quan hầu cận, thì chính Điêu Khắc Gia Nguyễn Văn Thế, trước ngày Phật Đản 63 đã từ Huế về Sài Gòn rồi đi thẳng vào Dinh Gia Long báo cáo với Tổng Thống Diệm "*Thưa Cụ Phật Giáo ngoài Huế họ làm chi mà lố hết sức chẳng tôn trọng luật lệ quốc gia. Gần Lễ Phật Đản mà con thấy Huế cả một rừng cờ Phật Giáo"*. Điêu Khắc Gia Thế lại nói tiếp: *"Chẳng hề có Quốc Kỳ chi cả. Ở Châu Âu cờ Công Giáo đâu có treo như vậy"*...Phải chăng do lời báo cáo này mà Tổng Thống Diệm nổi giận rồi tức khắc gọi ông Đổng Lý Quách Tòng Đức và đọc cho ông Đức viết bức công điện *"Cấm treo cờ Phật Giáo ngoài đường*". *(năm 1964 ông Thế được Tướng Khánh cho phép xuất ngoại qua Âu Châu*).

Cách ăn mặc của Bà Nhu cũng tạo nên nhiều dư luận bất lợi trong quần chúng. Bà luôn luôn "*lancé"* các kiểu áo dài phụ nữ. Kiểu áo hở cổ mà hiện nay các bà các cô thường mặc thì chính Bà Nhu đã *"lancé*" từ dạo 1958. Rồi một số bà Liên Đới cũng "*a dua"* mặc theo kiểu này. Bà Nhu phỏng theo kiểu áo dài Việt Nam và áo dài của phụ nữ Chiêm Thành. Áo dài của bà lại thường thêu hoa lá và chim phượng hoàng. Một bức ảnh cho ta thấy, Bà Nhu mặc chiếc áo dài hở cổ, ngay trước ngực thêu một con chim phượng hoàng...Bà Nhu coi đó là việc "*cách mạng"* chiếc áo dài Việt Nam.

Bà Nhu không muốn một ai phê bình mình. Tất nhiên như vậy thì chỉ chấp nhận sự ca ngợi tán tụng. Bất kỳ ai một ai tỏ ra nổi hơn bà một chút, khác hơn bà một chút cũng đủ bị *"thất sủng*". Khi bà vợ bị thất sủng thì ông chồng cũng dễ dàng bị thất sủng. Người đàn bà có tài và thông minh hầu như đều mắc phải cái tật xấu này. Bà Nhu bị nhiều người ghen ghét, bị dư luận dân chúng chỉ trích nặng nề và nghiêm khắc trước hết do sự xuất hiện nặng phần trình diễn của bà cùng tính cao ngạo và cố tạo ra vẻ có uy quyền để được mọi người thán phục tôn trọng.

Nếu so với nhiều bà tai to mặt lớn hiện nay thì sự trưng diện quần áo

của Bà Nhu cũng hãy còn giản dị lắm. Nhiều bà lớn bây giờ đeo cả hạt xoàn kim cương đáng giá 3, 4 triệu đồng với kẻ hầu người hạ như một nữ lãnh chúa cùng sự ăn chơi bài bạc vô cùng sa đọa. Nhưng chỉ có một giới nào đó biết rõ mà thôi. Song Bà Nhu dù có mặc đồ nội hóa, không đeo kim cương hạt xoàn lộng lẫy xa hoa, thế nhưng dân chúng mọi giới đều chúi mũi vào bà. Tại sao ? Giản dị vì bà tiêu biểu cho một phần uy quyền của chế độ, uy quyền ấy không được chính thức công nhận nhưng thực tế thì không ai chối cãi được.

Gia đình Bà Nhu ở trong Dinh Tổng Thống với hai phòng không được rộng rãi lắm.

Bà nổi tiếng là người "keo kẹt", chi tiền chợ hàng ngày. Ông Nhu thì vợ cho ăn uống như thế nào thì ăn uống như vậy, không đòi hỏi. Những người hầu cận cho biết, nhiều khi Ông Nhu đi săn mang về theo ít thịt nai hoặc thịt mấy con chim thì Bà Nhu lại bớt tiền chợ và dùng đồ săn đó bắt ông chồng ăn cả hai ba bữa. Hai căn phòng của Ông Nhu trang hoàng không có gì xa hoa lộng lẫy trái lại có vẻ bình thường trung lưu.

Bà Nhu sống trong cảnh kín cổng cao tường cho nên dễ dàng trở thành nơi thâm cung bí sử. Dân chúng bao giờ cũng tò mò muốn tìm hiểu sự thật cho nên khi thấy cảnh Bà Nhu đi xe hơi lộng lẫy, ăn mặc diêm dúa, lính tráng theo hầu canh gác cẩn mật, bằng thứ ấy làm dân chúng dễ dàng liên tưởng đến sự xa hoa đài các. Rồi thân hình của Bà Nhu nữa, căng đầy nhựa sống và trang sức như một tài tử, dân chúng lại càng liên tưởng từ một ẩn dụ sinh lý. Bởi vậy mới có dư luận hàng ngày cho Bà Nhu tắm bằng sữa tươi giữ cho da được tốt.

Sau 1.11.1863, đã biết bao nhiêu dư luận được tạo dựng chung quanh Bà Nhu...nhất là một số tình ái lăng nhăng...Không hiểu xuất phát từ đâu, có một số hình ảnh lõa lồ của Bà Nhu và mấy bà Liên Đới được tung ra công chúng và nói rằng Bà Nhu buộc các bà Liên Đới phải chụp ảnh lõa lồ như vậy để bà giữ làm điều kiện, ấy thế mà dư luận có vẻ tin thực. Chúng tôi xem tấm hình lõa thể của Bà Chủ Nhiệm báo Sài Gòn Mới...trông qua

thì có vẻ giống nhưng nhìn kỹ thì một người già như vậy không thể nào có cặp giò tròn trĩnh chắc nịch như vậy. Tấm hình lõa thể của Bà Nhu cũng vậy, nhìn qua thật là giống nhưng so sánh, một người Việt Nam như bà dù nở nang nhưng với 4 mặt con và trên 40 tuổi không thể nào có bộ ngực và cặp giò tròn trĩnh chắc nịch như vậy. Tấm thân từ cổ xuống phải là tấm thân của một cô gái Tây phương khoảng 22-23 tuổi.

Sự thực ai cũng biết rằng, những hình ảnh trên đã dược các tay thợ ảnh lành nghề nối ráp lại. Nhiều bà tai to mặt lớn đã bị bọn *"bất lương"* tống tiền bằng cách đe dọa đem đăng báo hình ảnh lõa thể *(ngày nay hồi tưởng lại mới thấy ngán trò đời thâm độc thật. Cao Miên sau cuộc đảo chánh LonNol hình ảnh Hoàng Hậu Monique cũng được ráp nối lại và trở thành Monique dâm loạn truyền tay nhau để thưởng thức)*. Thành ra trò đời đâu cũng giống đâu về những âm mưu thâm độc.

Sau cuộc đảo chánh 63, Bà Nhu được mô tả như một "*ác phụ dâm loàn*" Tại sao như thế? Giản dị trong quá khứ bà đã gây nên nhiều nỗi bất bình nhất là ở giới thượng lưu.

NGÔ ĐÌNH NHU: MỘT HỌC GIẢ UYÊN THÂM

Ông Nhu đậu Cử Nhân Văn Chương Đại Học Sorbonne Ba Lê và tốt nghiệp Trường Chartes.

Danh từ riêng "*Chartiste"* chỉ những người tốt nghiệp Trường Chartes của Pháp cũng đồng nghĩa với sự uyên bác, thông thái. Trường Chartes không tới 100 sinh viên nhưng Thư Viện lại chứa đựng 100.000 tài liệu và sách thuộc mọi ngành. Giáo Sư hầu hết là Học Giả và các ông Hàn Lâm. Mỗi lớp chỉ giới hạn khoảng 20 sinh viên. Tuy ấn định Tú Tài II được thi vào, nhưng sinh viên đều phải học qua hai năm luyện thi vào Trường Chartes *(tại Trường danh tiếng Henri IV)*. Cố Giáo Sư Nguyễn Thiệu Lâu, bạn học của Ông Nhu cũng theo học tại Chartes nhưng bị loại vì sự thi cử rất khắt khe, trong 4 năm học sinh viên chỉ có quyền thi trượt một lần và mỗi năm chỉ có một kỳ thi lên lớp. Mỗi khóa năm thứ nhất vào khoảng 20 sinh viên thì tốt nghiệp chỉ lọt chừng một nửa. Chương trình học thật là

mênh mông. Tiếng La Tinh là ngôn ngữ thông dụng.

Sinh viên phải am tường về cổ tự phải học về công văn thư, học Pháp chế sử...Ông Ngô Đình Nhu đã được đào tạo trong môi trường khoa bảng uyên thâm dó.

Khi về nước, ông trở thành Quản Thủ Thư Viện. Tại Tổng Thư Viện Hà Nội ông được mô tả như "*con mọt sách*". Quả thực một nửa đời người như ông đã chìm đắm trong thế giới suy tư và chữ nghĩa kim cổ.

Hai tác giả mà Ông Nhu say mê và nghiên cứu rất kỹ đó là Thánh Ghandi và Mao trạch Đông *(tức là từ triết lý bất bạo động đến triết lý cách mạng bạo động)*.

Cho đến nay nhiều người vẫn phê bình Ông Nhu là thâm hiểm và quá hẹp hòi. Sự thực thì ông quá kiêu ngạo và tự tôn. Hơn nữa ông lại vụng về lúng túng trong sự giao tế. Ông nói rất kém (*tiếng Việt cũng như tiếng Pháp*) và lại là người ít nói. Nhưng ông lại là người có khả năng tiên liệu, đa mưu túc kế. Với cuộc sống khép kín nên ngay với cộng sự viên cận thân của ông trong 7, 8 năm cũng khó hiểu ông.

Cuộc đời Ông Nhu được coi *"phong trần"* kể từ năm 1945. Khi chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ tại Hà Nội thì Ông Nhu cùng Hoàng Bá Vinh chạy thoát ra vùng ngoại ô Hà Nội. Rồi ngày đêm qua sự hướng dẫn của Hoàng Bá Vinh Ông Nhu trốn thoát về Phát Diệm và lưu ngụ tại Nhà Chung. Ở đây ít ngày, Ông Nhu được hướng dẫn vào Thanh Hóa (*vùng Thanh Hóa Phát Diệm đang bộc phát Phong Trào chống cộng. Các cán bộ Công Giáo cũng như Việt Nam Quốc Dân Đảng vẫn hoạt động mạnh mẽ. Ở đây cũng xin tưởng niệm hương hồn Cố Văn Sĩ Mai Nguyệt Đái Đức Tuấn Ủy Viên Quân Sự Tỉnh Đảng Bộ Việt Nam Quốc Dân Đảng Thanh Hóa là một trong số những cán bộ quốc gia hoạt động mạnh mẽ tại vùng Thanh Hóa)*.

Người hướng dẫn Ông Nhu từ Phát Diệm vào địa phận Thanh Hóa là Bác Sĩ Trần Kim Tuyến. Dạo ấy ông Tuyến vừa đậu Tú Tài II, ba lô trên vai với chiếc xe đạp *"cuốc"* ômg Tuyến làm hướng dẫn viên. Ông Nhu thì ngồi trên chiếc xe kéo bánh gỗ che kín. Ở lại Nhà Chung Thanh Hóa trong

3 tuần lễ rồi Ông Nhu lên thẳng Bái Thượng, Ông Nhu được Linh Mục Trọng hướng dẫn lên Châu Thường Xuân Hòa Bình.

Ở đây ít ngày, ông lại được một vị Linh Mục thuộc họ đạo Mường đưa ông qua Sầm Nưa (Lào) theo ngả đường rừng.

Trong thời gian này, ông chịu ơn các Linh Mục địa phận Thanh Hóa. Sau này, ông còn nhớ mãi ân nghĩa đó. Linh Mục Trọng đã phải cho Ông Nhu mượn áo "*Sourane"* Linh Mục để hóa trang trên bước đường trốn tránh.

Hoàng Bá Vinh ở lại Phát Diệm cùng với Lê Quang Luật tổ chức Phong Trào Xã Hội Công Giáo để hậu thuẫn cho Ông Nhu sau này. Ông Lê Quang Luật là một trong mấy cán bộ trụ cột và đã giúp anh em Tổng Thống Diệm một cách đắc lực ngay từ giai đoạn 1946-1954.

Khi trở về Sài Gòn Ông Nhu *"thất nghiệp chính trị*" và *"trùm chăn"* để chờ thời. Từ đó, sinh kế trong gia đình đều do một tay bà vợ lo liệu. Trong thời gian này, ông công tác chặt chẽ với Linh Mục Parell trong việc nghiên cứu chính trị xã hội.

Vốn là con người lạnh lùng nên đời sống tôn giáo của ông cũng lạnh lùng. Tổng Thống Diệm mộ đạo bao nhiêu thì Ông Nhu thờ ơ bấy nhiêu. Đức tin của ông thật mạnh mẽ nhưng ông không biểu lộ đức tin đó bằng những hình thức nghi lễ. Tổng Thống Diệm thì xưng tội rước lễ thường xuyên, Ông Nhu trái lại không mấy khi rước lễ, xưng tội. Đại Úy Bằng một người sống lâu năm trong gia đình họ Ngô cho biết, có khi cả năm sống trong Dinh cũng không thấy Ông Nhu xưng tội rước lễ.

Mỗi lần xem lễ trong Dinh, hai hình ảnh thật trái ngược: Tổng Thống Diệm thì đăm đăm đọc kinh, coi sách lễ, Ông Nhu tuy cũng quỳ gối nhưng hình như chỉ quỳ thế thôi. Lần nào ông anh cũng mở từng trang sách lễ rồi trao sách lễ cho ông em, chỉ rõ từng trang. Ông Nhu cầm lấy nhưng chỉ cầm chiếu lệ mà không đọc.

Một cộng sự viên thận cận khi đề cập đến Thiên Chúa Giáo đã nói với Ông Nhu: "*Thành Bernard cho rằng trong Nhà Thờ người ta thờ Chúa*

bằng chén vàng chén bạc, ngoài cửa nhà thì con chiên chết đói" Ông Nhu gật đầu đắc ý: "*Đúng, đúng như rứa!..*" Mỗi lần nghe thấy tin Nhà Thờ họ đạo này xây Nhà Thờ nguy nga, họ đạo kia dựng tượng Đức Mẹ rất lớn, Ông Nhu lại nhăn mặt khó chịu vô cùng, nói với chung quanh rằng: *"tại sao không xây nhà thương trường học mà cứ phải xây Nhà Thờ"*.

Ông Nhu rất ít tiếp xúc với các vị Linh Mục trừ một số Linh Mục thân thiết với gia đình.

Mỗi khi phải tiếp một vị Linh Mục nào ông coi như là chuyện bất đắc dĩ và tiếp cho mau chóng.

Ông thường tâm sự: *"Nhiều Cha hay lợi dụng lắm chỉ lo làm afffaire này kia"*.

Dư luận cho rằng, ông chống lại hàng giáo phẩm nhưng Lương Khải Minh nhận định: "*Ông theo đạo một cách khác. Ông không coi thường các hàng giáo phẩm nhưng không cho là quan trọng đến mức độ phải tôn thờ, quỵ lụy"*.

Con người Ông Nhu thật khó hiểu vì ông không bao giờ tâm sự với ai, dè dặt mọi cuộc tiếp xúc, không muốn đi ra ngoài và dè dặt từng lời nói. Người ta vẫn có thành kiến Ông Nhu thâm độc và chủ trương độc tài. Trái lại ông có vẻ phóng khoáng và có tầm nhìn cởi mở của một chánh khách Tây phương. Người độc đoán phải là Tổng Thống Diệm Ông Nhu thì lại khác. Nhiều sự kiện đã chứng tỏ điều này.

Thí dụ về kết quả về cuộc bầu cử Quốc Hội Khóa II (31.8.1959) trong đó Bác Sĩ Phan Quang Đán dẫn đầu tại Quận II với 33.166 phiếu và tiếp theo là cụ Phan Khắc Sửu, ông Nguyễn Trân (nguyên Tỉnh Trưởng Mỹ Tho) Tổng Thống Diệm quyết định phải loại bỏ ba Dân Biểu này bằng mọi cách nhất là ông Phan Quang Đán và ông Nguyễn Trân.

Cả tháng trời Tổng Thống Diệm cho gọi các Luật Gia như ông Trần Chánh Thành và Giáo Sư Vũ Văn Mẫu, để nghiên cứu làm thế nào dùng biện pháp của luật để loại các Dân Biểu.

Ông Nhu nói với Bác Sĩ Trần Kim Tuyến: "*Làm chi mà quá như vậy.*

Thì người ta đắc cử để người ta vô Quốc Hội người vô làm được cái gì...Có ba người như vậy đâu có nhiều mà phải làm vậy...” Ông Nhu tỏ ra rất khó chịu và hoàn toàn bất đồng với Tổng Thống Diệm về việc này. Cuối cùng, để chiều ý ông anh, Ông Nhu đành chịu. Tuy vậy, riêng cụ Phan Quang Sửu vì biết rõ uy tín cũng như đức độ của cụ trong dân chúng nên Ông Nhu đã ủy cho ông Bộ Trưởng Huỳnh Hữu Nghĩa liên lạc với cụ Sửu và dàn xếp mời cụ Sửu vào Dinh Độc Lập gặp riêng Ông Nhu. Cuộc gặp gỡ giữa cụ Sửu và Ông Nhu lâu hơn cả một giờ. Theo Bác Sĩ Tuyến thì cụ Sửu cũng như Ông Nhu tỏ ra thông cảm và cởi mở (*cụ Sửu bị bắt trong cuộc đảo chính hụt 11.11.60 song cụ Bà vẫn được tiếp tục lãnh lương Dân Biểu)*.

Thu xếp xong vấn đề cụ Phan Khắc Sửu nhưng còn hai trường hợp ông Phan Quang Đán và Nguyễn Trân, Ông Nhu để ông anh mặc quyết định.

Hơn nữa, đối với Ông Nhu thì cụ Phan Khắc Sửu mới là điều quan trọng vì không ai phủ nhận được đời sống đạo đức và thành tích tranh đấu của cụ trong dĩ vãng.

Sau đó thì Ủy Ban Hợp Thức Hóa quyết định không thừa nhận 2 Dân Biểu nói trên. Đây cũng là một vết đen lớn của Quốc Hội Đệ Nhất Cộng Hòa và dù cách nào hay dựa trên căn bản pháp lý cũng không thể biện minh cho sự sai phạm thể chế dân chủ một cách quá rõ ràng như thế.

Việc loại trừ Bác Sĩ Phan Quang Đán ra khỏi Quốc Hội xét về tâm lý cũng dễ hiểu. Bác Sĩ Đán trúng cử tại một đơn vị chính Tổng Thống Diệm đi bỏ phiếu và ở ngay khu trung tâm Sài Gòn. Vả lại Tổng Thống Diệm đã biết rõ con người ông Đán, từ khi gặp Ông Diệm bên Mỹ. Ông Nhu thì cho rằng ông Phan Quang Đán không quan trọng “*cứ để hắn vô*” nhưng Tổng Thống Diệm không chấp nhận. Đây cũng là điều quá hẹp hòi và sai lầm. Nếu cứ để cho ông Đán vô

Quốc Hội thì sớm muộn gì ông Đán cũng bị “*cháy*” do chính ông “*đốt*” ông. Nhưng khi loại ông Đán thì chính là cơ hội cho ông Đán thêm nhiều uy tín tiếng tăm trong dân chúng mà thực ra uy tín đó hết sức bấp bênh.

Dạo đó dư luận đồn đã rằng, chính quyền Ngô Đình Diệm cố loại Phan Quang Đán vì ông Đán có thể tranh cử Tổng Thống và ông Đán sẽ là "*con bài nặng ký*" của Mỹ. Dư luận cũng cho ông Ngô Đình Diệm ghen tức với uy tín của ông Phan Quang Đán. Sự thực thì năm 1955 chính quyền Ngô Đình Diệm đã chấp thuận cho ông Đán hồi hương mà không do áp lực của Mỹ. Một vài lần Tổng Thống Diệm có ý dành cho ông Đán một ghế Bộ Trưởng không mấy quan trọng nhưng ông Đán lại quá nhiều tham vọng và muốn trở thành một lãnh tụ đối lập trong khi ông không có lực lượng nhân dân, không có một số cán bộ cần thiết. Điều đó Ông Nhu biết rất rõ nên để mặc ông Đán ăn nói rộng rãi trước các Sinh Viên Y Khoa năm thứ năm và Sinh Viên Trường Cán Sự Y Tế. Khi về nước, Bác Sĩ Đán được mời vào dạy môn Y Tế Công Cộng và Y Tế Dự Phòng tại 2 Trường Y Khoa và Cán Sự Y Tế.

Ông Nhu chấp nhận những cá nhân đối lập cùng những ý kiến đối lập. Cũng vì vậy, Tổng Thống Diệm quyết định loại trừ Phan Quang Đán và Nguyễn Trân thì Ông Nhu lại không đồng ý và cho rằng cứ để họ vô Quốc Hội. Với một Phan Quang Đán, Ông Nhu đã nhiều lần "*miệt thị*" và sẵn một thành kiến là Phan Quang Đán hèn, hết chạy theo Pháp và Bảo Đại bây giờ lại trở cờ.

Khi qua Mỹ Phan Quang Đán móc nối được mấy tay Thượng Nghị Sĩ và một vài viên chức CIA thì Phan Quang Đán lại trờ cờ theo Mỹ. Ông cũng biết rõ, Phan Quang Đán không có một thực lực nào, đảng dân chủ của ông chỉ là đảng ma và thứ đảng phái "*cò mồi*" cho Mỹ. Bác Sĩ Phan Quang Đán vẫn tự hào về thành tích lập đoàn khất thực trong trận đói tại Miền Bắc 1945 và Phong Trào Ngũ Xã tại Hà Nội (chống Việt Minh). Thành tích của ông chỉ có bấy nhiêu thôi.

Còn sau này, từ Mỹ qua Phi Luật Tân rồi trở về nước định làm một "*cú*" đối lập nhưng ông không làm nên chuyện gì cả. Ngay những người quốc gia đối lập thuộc thành phần đảng phái từ Nguyễn Bảo Toàn, Trần Văn Tuyên, Trần Văn Văn, Hồ Văn Nhật cũng không ưa gì Phan Quang

Đán vì đã biết "*tẩy*" của ông Đán, một số người vốn khoa trương thanh thế nhưng chỉ có mỗi thực lực là dựa vào thế của Mỹ qua mấy tay Thượng Nghị Sĩ Dân Chủ (*trong khi Đảng Cộng Hòa của Eisenhower đang cầm quyền)*.

Về việc dựa vào thế lực Mỹ như thế nào thì Đại Tá Lansdale đã bắn tiếng cho Ông Nhu biết rõ. Nhiều người thân thiện giới chức Mỹ của Phòng Chính Trị Tòa Đại Sứ Mỹ thì lại được biết rằng ông Phan Quang Đán vẫn đi cửa sau với ông Đại Sứ Durrbow.

Sau ông nổi tiếng và được dân chúng dành cho nhiều cảm tình là nhờ tờ báo Thời Luận của ông Nghiêm Xuân Thiện. Cộng tác với ông Thiện được ít lâu và nhờ tờ Thời Luận mà có tiếng tăm thì ông lại trở cờ phản phé ông Thiện và trong khi viết báo đối lập ông vẫn bí mật liên lạc với chính quyền và tìm cách gặp riêng Ông Nhu.

Hiểu rõ bản chất thực của những cá nhân đối lập như vậy nên Ông Nhu cho rằng không có gì quan trọng mà phải cấm đoán họ. Tổng Thống Diệm thì lại nghĩ khác. Nhận xét về Bác Sĩ

Phan Quan Đán Ông Diệm nói: *"Hắn dị hợm lắm không dùng được"*.

Tuy vậy việc gạt Phan Quang Đán và Nguyễn Trân ra khỏi Quốc Hội đã gây nhiều bất mãn trong dân chúng nhất là đám dân chúng cử tri Quận II và Đô Thành. Việc này Ông Nhu không sao can thiệp được với ông Tổng Thống Diệm.

Hầu hết những chính khách đối lập tại Miền Nam nếu không quen Ông Nhu thì cũng từng là chỗ quen biết Ông Diệm, những chính khách độc lập Ông Nhu không quan tâm vì ông chủ trương chấp nhận đối lập cá nhân và các lập trường dị biệt, nhưng có một điều quan trọng này: Ông Nhu không chấp nhận đảng phái đối lập. Phải chăng những ngày dài *đọc Lenine* và nghiên cứu chiến lược cách mạng bạo động của *Mao trạch Đông* (Ông Nhu rất ưa thích Mao trạch Đông) Ông Nhu đã dứt khoát mà nói với cộng sự viên thân cận nhất: "*Các đảng phái ở Á Châu và các nước chậm tiến không giống như Tây Phương. Đối lập với chính quyền đối với họ là hoàn*

toàn chống lại chính quyền và tìm mọi cách cướp chính quyền lật đổ chế độ". Nhận xét kể cũng đúng nếu tìm hiểu các Đảng phái ở Indonesia cũng như Bán Đảo Ả Rập và lại càng đúng hơn nữa ở Việt Nam. Ngay năm 1954 Ông Diệm vừa về nước chấp chánh thì đảng Đại Việt của ông Hà Thúc Ký đã kéo quân ra Ba Lòng lập chiến khu rồi năm 1955 Việt Nam Quốc Dân Đảng tại Nam Ngãi kéo quân ra bưng lập chiến khu.

Đó là quan niệm của Ông Nhu còn nó có hợp tình hợp lý không thì lại là chuyện khác.

Ngay trong Dinh Độc Lập đã có sự đối lập rồi. Một bên Tổng Thống Diệm với các ông Võ Văn Hải v.v...Một bên là Ông Nhu với mấy cộng sự viên cận thân. Ông Võ Văn Hải theo Tổng Thống Diệm từ thời thiếu niên, một Phật Tử thuần thành nhưng đối với Ông Nhu như "*mặt trăng mặt trời*". Sau cuộc đảo chánh hụt 11.11.1960 ông Hải bị nghi oan có liên hệ với phe đảo chánh, ông tức giận làm một bản phúc trình dài gửi thẳng lên Tổng Thống Diệm và kết luận đại cương: "*Tôi theo Tổng Thống, trung thành với Tổng Thống tôi chỉ biết một lòng với Tổng Thống mà thôi"*.

Bản phúc trình ấy có ý nói gián tiếp không cần biết Ông Nhu, Ông Nhu được xem bản phúc trình đó không biết lòng dạ ông như thế nào nhưng ông không tỏ một thái độ gì cả. Rồi mỗi người mỗi việc, mỗi phận sự.

Nói năng kém hoạt bát, giao tế lại ngượng ngùng. Đó là cái yếu nhất của một nhà chính trị. Ông Nhu mấy lần cũng cố gắng mở các cuộc tiếp xúc với một số chính khách nhưng cũng vì sự giao tế ngượng ngùng nên kết quả không đi đến đâu, không tìm được sự hợp tác.

Sau cuộc đảo chánh hụt 11.11.1960 Ông Nhu được khuyến cáo cần phải mở rộng chính quyền phải kết hợp các thành phần vẫn được gọi là đối lập. Một cộng sự viên của Ông Nhu ủy cho vai trò móc nối và dàn xếp. Nếu mời các chính khách vào Dinh Độc Lập thì rất bất tiện. Vả lại các vị này vốn có mặc cảm sợ mang tiếng "*luồn lót"*. Do đó, phải tổ chức cuộc gặp gỡ ở bên ngoài.

Lần thứ nhất, cuộc gặp gỡ tổ chức tại nhà riêng của Giáo Sư Vũ Quốc

Thúc. Nhưng khi Ông Nhu đến thì ông lại trở thành người cô đơn lạc lõng. Mấy vị chính khách thì ngồi tận xa và mình ông trơ trọi trên chiếc ghế bành kết quả không đi đến đâu không cởi mở với nhau được những gì cần phải thẳng thắn cởi mở.

Lần thứ hai tại nhà riêng Bác Sĩ Phan Huy Quát. Lần này khá đông. Nhưng khi Ông Nhu đến thì mọi người né tránh, ông vẫn là người trơ trọi. Vốn ít nói lại nói *"trọ trẹ"* khó nghe nên ông lại càng thêm trơ trọi. Trong khi đó không ai gợi chuyện hiểu tính nhau và tìm đường thông cảm nhau.

Người ta cho rằng, Ông Nhu thâm hiểm, sự thực, như trên đã viết, tâm hồn ông quá khép kín, vui buồn không bộc lộ ra ngoài, không mấy khi tâm sự với một ai kể cả những người thân. Ông lầm lì, trù tính những gì không ai hay biết.

Nhưng ông lại là người biết nghe cộng sự viên trình bày điều hợp lý, phải lẽ. Ông nghe kể cả những nguyện vọng của quần chúng. Nhưng có mấy ai trình bày nguyện vọng thực của quần chúng để ông có thể nhìn rõ thực trạng.

Đối với một việc dù quan hệ đến đâu nếu do tay ông giải quyết thì ông giải quyết ngay, không do dự.

Thí dụ năm 1957 nhân một chuyến di dạo quanh Đô Thành, Tổng Thống Diệm đi qua Bến Bạch Đằng...ông đùng đùng nổi giận vì cảnh bến sống thật là *"bê bối"*...Hàng quán san sát chiêu đãi viên cùng thực khách đùa giỡn lả lướt, Tổng Thống Diệm sau đó chỉ thị cho giới chức Đô Thành phải giải tỏa ngay, ông Tổng Thống cho rằng Thủ Đô là tiêu biểu cho thể thống quốc gia để cho hàng quán tùm lum ở bến sông, ở hè phố như vậy còn gì là thể thống. Đô Trưởng Sài Gòn khẩn cấp ra lệnh giải tỏa. Hàng ba trăm bạn hàng dọc theo bờ sông Bạch Đằng và một số khác ở các vỉa hè lớn bị giải tỏa. Trước khi giải tỏa họ chỉ được thông báo và thông báo một cách cấp kỳ như vậy trong một thời gian quá ngắn làm sao thu xếp được công ăn việc làm.

Các bạn hàng cấp tốc qui tụ lại thành một nghiệp đoàn để tranh đấu (*đặt*

dưới sự bảo trợ của Tổng Liên Đoàn) do ông Nguyễn Văn Vượng làm Chủ Tịch và dự định biểu tình làm lớn chuyện...Ông Nhu biết được như vậy thì tìm cách giải quyết ngay. Ông cho gọi Nguyễn Văn Vượng vào Dinh.

Không phân biệt địa vị sang hèn, Ông Nhu đã tiếp đại diện các bạn hàng lâu cả hai giờ đồng hồ. Đến nay, ông Vượng vẫn không thể quên được hình ảnh Ông Nhu trong buổi yết kiến này, ông Vượng được hướng dẫn đến văn phòng Cố Vấn Chính Trị. Một lát sau Ông Nhu đi ra, hất hàm hỏi: "*Ai đây*" nhân viên cho biết: "*Ông Cố Vấn cho gọi người này vào hầu chuyện*"

Ông Nhu gật đầu: "*À, à... vô đây*" Ông Nhu vừa ngồi xuống ghế vừa chỉ mặt ông Vượng "*Tranh đấu hả ? Anh quá khích ! Quá khích. Rồi ông lại ôn tồn nói: "Bây chừ thế nào, ra sao nói coi"*. Rồi trong suốt hai giờ liền, Ông Nhu yên lặng ngồi nghe người đại diện trình bày hoàn cảnh và nguyện vọng (*cũng nên ghi chú: Ông Vượng là người đầu tiên "sáng chế" ra món "bia cốc" bán tại bờ hồ Hoàn Kiếm. Sau ông tổ chức cả một xe bán lưu động trong khắp Thành Phố. Món "bia cốc" rất thịnh hành tại Hà Nội trước năm 1954).*

Một người tự tôn như Ông Nhu mà nghe đại diện hàng quán nói thao thao cả 2 giờ như vậy thì Ông Nhu cũng không phải là người không biết lắng nghe tìm hiểu.

Sau đó chỉ một tuần lễ, các bạn hàng được chính quyền lo giải quyết và Khu Dân Sinh trở thành khu giải trí lành mạnh.

Nếu Tổng Thống Diệm quá khắt khe trong quan niệm luân lý và thuần phong mỹ tục thì

Ông Nhu lại tỏ ra rộng rãi mặc dù ông không phải là người bài bạc ăn chơi. Đây là một thí dụ: Khoảng năm 1959 Tổng Thống Diệm đi xe từ Quang Trung về, khi đến Ngã Ba Chú Ía (*gần nhà thương Cộng Hòa*) thì có cả hàng mấy chục cô giang hồ phấn son lòe loẹt đứng bên đường vẫy tay cười nói, Ông Tổng Thống mặt mày đỏ bừng bừng: *"Mấy con mụ đó nó*

làm chi mà dị hợm rứa ? (*chữ dị hợm này Tổng Thống Diệm đã dùng để nhận định về con người Bác Sĩ Phan Quang Đán*). Viên Sĩ Quan Tùy Viên cứ tình ngay nói thẳng: "*Bẩm Cụ mấy đứa đó là bọn gái giang hồ, vùng này nhiều lắm"*. Ông Tổng Thống lại hầm hầm mặt đỏ gay: "*Thằng Tỉnh Trưởng nó làm chi đó hỉ ?"*

Khi trở về Dinh, Tổng Thống Diệm cho gọi Đại Úy Bằng đến hỏi kỹ về chuyện này. Sau đó, ông bảo Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Công An, Giám Đốc Cảnh Sát Đô Thành, Tỉnh Trưởng Gia Định và Trung Tá Cao Văn Viên phải tuân hành lấy xe đi một vòng kiểm soát xem thực hư thế nào. Các viên chức này trở về Dinh đều xác nhận là có nhiều gái giang hồ tại mấy vùng ngoại ô như Lăng Cha Cả, vùng nhà thương Cộng Hòa. Ông Giám Đốc Cảnh Sát Đô Thành (Trần Văn Tư) phải một phen xanh mặt. Mấy hôm sau Tổng Thống Diệm ra lệnh bãi chức một loạt Cảnh Sát Trưởng thuộc Đô Thành và Trưởng Ty Cảnh Sát Gia Định. Vụ này làm "*rung động"* giới chức Cảnh Sát cao cấp. Ông Nhu cứ nhăn mặt lắc đầu: "*làm chi mà quá đáng như rứa"*. Ông cũng thường nói với cộng sự viên: "*Cấm là cấm vậy thôi chứ nạn mãi dâm làm sao hết được tập trung bọn nó sang cả vùng Câu Hàn cho dễ kiểm soát bệnh tật"*.

Ông Nhu quan niệm rộng rãi như vậy cũng dễ hiểu vì ông không lạ gì nạn mãi dâm tại Thành Phố Ba Lê nơi ông đã lưu trú nhiều năm. Theo Lương Khải Minh Ông Nhu khác hẳn Tổng Thống Diệm, ông không quan tâm đến những chuyện vụn vặt như ông A phóng đãng ông B ăn chơi trác táng. Điều quan trọng đối với ông là "*chơi thì cứ chơi nhưng kín đáo đứng gây nên tai tiếng"*. Ông thường nói: "*Bọn cán bộ cộng sản cao cấp nó cũng ăn chơi hủ hóa ghê lắm nhưng nó kín đáo...chơi thì chơi nhưng chịu làm việc suy nghĩ"* Cái chết của Tướng Hồ Văn Tố bị bệnh thượng mã phong làm cho Tổng Thống Diệm mặt chảy dài, thở phì phì vì tức giận...Ông Nhu chỉ lắc đầu: *"làm thì không lo làm...lúc nào cũng chỉ có "con chim" trên đầu"* Nhưng ông có cái rộng rãi này thì vấp phải những định kiến hẹp hòi khác nhiều khi rất quá đáng nếu ở tư thế một nhà chính trị. Trường hợp

đối xử với một số đồng bạn cũ cũng gây tai tiếng không ít và do đó người ta cho rằng Ông Nhu theo chính sách *"vắt chanh bỏ vỏ"*.

CHƯƠNG VII
Chế Độ Ngô Đình Diệm Và Người Mỹ

Sau vụ biến cố đẫm máu tại Đài Phát Thanh Huế 4 ngày, Ông Nhu đã cho nổ một trái bom làm rung động ngoại giao Mỹ. Khi ông tuyên bố với phái viên tờ Washington Post: *"Cho đến lúc này Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa không thấy cần thiết một số Cố Vấn Quân Sự quá lớn, cho nên Việt Nam Cộng Hòa có thể yêu cầu chính Mỹ cho rút một nửa số Cố Vấn Quân Sự Mỹ, tức là chỉ nên duy trì khoảng 7, 8 ngàn là đủ"*. (Washington Post 12.5.1963) Cũng vào thời gian này Ông Nhu nói với Giáo Sư Bửu Hội: *"Đã đến lúc mình phải xét lại sự hợp tác và viện trợ của Mỹ. Anh có thể giúp tôi tìm sự ủng hộ thân hữu của Pháp và các quốc gia Bắc Phi. Trong tình thế này chúng ta phải đi đến một modus vivendi thỏa ước với Bắc Việt"*. Sáng Chủ Nhật hôm ấy Ông Nhu cũng lập lại như vậy với một vài cộng sự viên thân cận. Nhưng ai nấy đều cho rằng con đường mà Ông Nhu sắp đi tới nguy hiểm. Nhưng Ông Nhu vẫn chủ quan cho rằng kế hoạch *Ấp Chiến Lược* và đường lối ngoại giao mới qua trục Ba Lê và Á Phi sẽ tạo cho Miền Nam đủ tư thế chấp thuận thỏa ước với Miền Bắc. Nhưng Ông Nhu quên mất rằng với 16000 Cố Vấn Mỹ và mỗi ngày Mỹ phải chi trên một triệu đô la cho cuộc chiến tại Việt Nam (63) thì không dễ dàng gì Mỹ có thể để cho Ông Nhu tự do hành động khác với đường lối của họ

MỘNG ƯỚC HIỆP THƯƠNG HAI MIỀN NAM BẮC

Trước đây năm 1961 Ngoại Trưởng Pháp Couve De Murville sau cuộc tiếp xúc với Ông Nhu tại Ba Lê (61) đã phê bình *"Ngô Đình Nhu là một người có nhiều ảo tưởng"*. Ông Murville cũng như Bác Sĩ Trần Kim Tuyến cho rằng phê bình như vậy cũng có phần đúng. Theo Bác Sĩ Tuyến

"*Ông Nhu là một chính khách có suy tư về chính trị, có khám phá sáng tạo trên bình diện chiến lược. Nhưng thực tại chính trị Miền Nam chính nó đã làm cho những suy nghĩ của Ông Nhu trở nên ảo tưởng*". Một buổi sáng trời trong xanh, Ông Nhu mỉm cười mô tả một cách đầy thi vị nói với ông Tuyến: "*Buổi sáng Việt Nam trời mầu pha lê, toa thấy chiến tranh phi lý quá hỉ ? Nhưng bọn nó (tức cộng sản) có bao giờ muốn hòa bình đâu. Chiến lược chiến tranh cách mạng vô sản mà. Nhưng nếu bọn nó ngưng bắn hiệp thương thì mình cũng chấp nhận, mấy thằng tư bản phiêu lưu nó sẽ phá moa, toa thấy thằng Nghị Sĩ Mansfield gầm thét chưa. Bọn nó (tức Mỹ), như con hổ bị thương, chúng sẽ cho dollar để Phật Giáo phá moa...Nhưng chế độ này phải tồn tại*".

Khi Ông Nhu toan tính bắt tay với Bắc Việt thì trước hết ông đã gặp phản ứng hết sức bất lợi cho kế hoạch của riêng ông. Phản ứng đó xuất phát ngay từ tập thể Thiên Chúa Giáo và nhất là khối di cư.

Khối người đó từng hậu thuẫn vô giá cho chế độ Ngô Đình Diệm từ những ngày đầu năm 1954-1955. Tuy toan tính của Ông Nhu không mấy ai biết nhưng hẳn nhiên không thể qua mắt được các Đức Giám Mục Thiên Chúa Giáo. Đức Cha Lê Hữu Từ có thể là người được biết khá thông suốt về những toan tính của Ông Nhu. Điều này Cha Jean *(một Linh Mục người Pháp hiện sống tại Sài Gòn*) đã có nhiều cơ hội được am tường một cách tương đối rành rẽ. Sau cuộc biểu tình dữ dội của Phật Giáo ngày 17.7, phản ứng của Mỹ hoàn toàn bất lợi cho chính quyền Ngô Đình Diệm. Đài VOA thông tin và bình luận một cách có thiện cảm hay đúng hơn đã gián tiếp ca ngợi cuộc tranh đấu của Phật Giáo. Cha Jean được mời vào gặp Ông Nhu. Cuộc gặp gỡ kéo dài trong trong 2 tiếng đồng hồ. Ông Nhu đề cập về cuộc xuống đường của Phật Giáo ngày 17, ông nói: "*Tôi có bằng chứng là hiện nay cộng sản đã thao túng Phật Giáo. Rất nhiều cán bộ cộng sản cải trang vào đó với tư cách Phật Tử hay các nhà sư*".

Cha Jean chỉ lắng nghe mà không đáp. Ông Nhu với thái độ giận dữ: *"Tôn giáo là tôn giáo, quốc gia là quốc gia. Tổng Thống không thể nào*

nhượng bộ họ được nữa. Đã đến lúc chính phủ phải có biện pháp mạnh. Nếu chính phủ hạ lệnh thì chỉ trong vòng một ngày, Quân Đội và Cảnh Sát có thể dẹp tan Phong Trào đấu tranh này".

Cha Jean đáp: "*Thưa ông Cố Vấn, đây là vấn đề nguy hiểm và tế nhị. Ông Cố Vấn có thể nào tìm cách giải quyết tốt đẹp hơn là đàn áp không ? Theo tôi đàn áp thì dễ, cộng sản sẽ chỉ mong chính phủ đàn áp Phật Giáo".*

Ông Nhu lừ mắt nhìn Cha Jean, ông lắc đầu: *"Đến nay thì không còn cách nào giải quyết tốt đẹp nữa. Hiện các Tướng lãnh và Sĩ Quan cao cấp đang bất mãn với Phật Giáo, họ đang xúi Tổng Thống hạ lệnh cho họ được phép dẹp cho yên"* Cha Jean không còn biết nói gì hơn. Ông Nhu lại tiếp tục: "*Tôi hiểu, cộng sản cũng như Hoa Kỳ đang âm mưu gây rối Miền Nam theo tư lợi của họ...chính phủ không thể tha thứ bất cứ một cuộc nổi loạn nào".*

Bất chợt Ông Nhu hỏi Cha Jean: "*Phía Hoa Kiều Chợ Lớn Cha thấy thái độ chung của họ như thế nào ?*" Cha Jean đáp: "*Hoa Kiều tại Việt Nam như ông Cố Vấn đã rõ họ chỉ biết làm ăn buôn bán"*. Ông Nhu nói: "*Cha có thể giúp tôi một việc riêng ?"* Cha Jean đáp: "*Tôi sẵn sàng nếu thấy có khả năng*". Ông Nhu ngần ngại rồi đi thẳng vào câu chuyện: "*Cha có thể giúp tôi một việc quan trọng này mà ngoài Cha, Tổng Thống không muốn ủy thác cho một ai".*

Ông Nhu lại yên lặng hút thuốc lá lâu hàng 5, 7 phút. Đoạn ông nói: "*Cha sang Đài Loan giúp chính phủ được không ?"* Cha Jean chưa trả lời, Ông Nhu nói tiếp: "*Cha có đủ uy tín nói chuyện với chính phủ Đài Bắc, Cha làm sáng tỏ cho họ rõ là chính phủ Việt Nam không bao giờ chủ trương và kỳ thị tôn giáo. Cuộc tranh đấu của Phật Giáo đang bị cộng sản sách động giật giây!!*" Cha Jean đáp: "*Thưa ông Cố Vấn, tôi nghĩ việc này ông Cố Vấn nên tiếp xúc thẳng với*

Đại Sứ Trung Hoa Dân Quốc hoặc nếu không ông Cố Vấn có thể ủy thác cho ông Bộ Trưởng Ngoại Giao".

Sự từ chối khéo của Cha Jean làm Ông Nhu mất bình tĩnh: *"Bộ Trưởng*

Ngoại Giao ấy à?

Ông ta không làm được cái chi hết. Còn ông Đại Sứ Trung Hoa Dân Quốc cũng đang bị dư luận đâu độc. Tôi muốn Cha sang Đài Loan nói cho chính phủ của Tưởng Giới Thạch biết rõ sự thực và Cha nói dùm chính phủ Đài Bắc phải chấm dứt ngay chiến dịch báo chí ở Đài Loan hiện đang xuyên tạc chính phủ Việt Nam và họ đang cổ võ cho cuộc tranh đấu của cộng sản dưới chiêu bài tôn giáo".

Cha Jean nói: "*Xin ông Cố Vấn cho tôi trình bày ý kiến. Theo tôi, có thể cộng sản len lõi vào hàng ngũ đấu tranh của Phật Giáo nhưng tôi tin rằng cuộc đấu tranh này vẫn có tính cách tôn giáo đó chứ. Tôi không tin Thượng Tọa Tâm Châu hay ông Mai là cộng sản. Đại Sứ Trung Hoa Dân Quốc cũng đã nói với tôi như thế. Xin ông Cố Vấn thông cảm sự khó khăn của tôi, tôi không thể nói gì khác hơn là như vậy".*

Ông Nhu hỏi: "*Ngay Cha cũng tin vào dư luận là Tổng Thống sẽ thương thuyết với cộng sản Bắc Việt ?"* Cha Jean đáp: *"Đó là điều tôi ngạc nhiên*". Cha hỏi lại: *"Chắc chắn ông Cố Vấn có theo dõi hoạt động của Ủy Ban Hòa Bình Phục Hưng Miền Nam" (*Comite pour la Paix et Renovation du Sud VN) Ông Nhu "à" một tiếng khá lớn lắc đầu với thái độ khinh miệt. *"Tôi biết tổ chức ấy là một con số không do một số người Pháp đỡ đầu. Trần Văn Hữu chắc Cha đã biết rõ ?"* Cha Jean đáp: "*Tôi có gặp mặt ông ấy một vài lần"*. Ông Nhu bỗng cao hứng nói một hơi thật dài. Đến nay Cha Jean chỉ còn nhớ lại vài nét chánh, đại cương Ông Nhu nói *"Trần Văn Hữu hiện nay đang được nhóm Paul Devinat Bolaert, Pignon đỡ đầu, hắn đòi gì biết không ? Hắn đòi phải lật đổ chánh phủ này nghĩa là xóa bỏ chế độ này sau đó tổ chức một chánh phủ liên hiệp có Mặt Trận Giải Phóng tham gia và Miền Nam sẽ trung lập"*. Cha Jean lại hỏi: "*Thưa ông Cố Vấn ông Cố Vấn nghĩ như thế nào về đề nghị của ông Hữu* ?" Ông Nhu đáp: "*đó là một đề nghị trẻ con tôi không quan tâm nếu có nói chuyện trung lập thì chỉ nói với cộng sản Bắc Việt thôi chớ Mặt Trận Giải Phóng chỉ là một tổ chức phiến loạn"*.Cha Jean nhân cơ hội này lại hỏi: "*Thưa ông Cố Vấn*

ông có nghĩ đến vấn đề nói chuyện với Bắc Việt không ?" Ông Nhu mỉm cười: *"Đó là vấn đề chính mà hôm nay tôi cần gặp Cha và nhờ Cha giúp tôi"*.

BẮT TAY VỚI CỘNG SẢN CHỈ LÀ CHIẾN THUẬT TRẢ ĐŨA HOA KỲ

Qua cuộc tiếp xúc với Ông Nhu, Cha Jean nhận thấy Ông Nhu đang trải qua cơn giao động với một thái độ quyết liệt. Về vấn đề bắt tay với cộng sản Bắc Việt Ông Nhu tỏ ra hết sức dè dặt. Ông vẫn không tin tưởng vào thế trung lập mà liên hiệp với cộng sản lại càng không thể có. Ông Nhu nhắc đi nhắc lại với Cha Jean "*Cha đã hiểu rất nhiều về cộng sản...Cha cũng rõ Tổng Thống ghét cộng sản như thế nào*". Sau đó ông rất dè dặt tâm sự: "*Trong tình thế này Hoa Kỳ cứ gây khó khăn mãi cho chánh phủ Việt Nam tôi phải lựa chọn"* Ý Ông Nhu nói là ông phải lựa chọn một thế đứng mới làm điều kiện trả đũa áp lực của Hoa Kỳ. Cha Jean cũng nhận thấy chưa bao giờ Ông Nhu tỏ vẻ tức giận Hoa Kỳ như vậy. Trong cuộc gặp gỡ hôm ấy Ông Nhu muốn nhờ Cha Jean qua Đài Loan rồi trở qua Ba Lê. Về việc qua Đài Loan Ông Nhu cho biết ông muốn nhờ Cha Jean nói với nhà cầm quyền Đài Loan biết rằng Tổng Thống Diệm vẫn giữ vững lập trường chống cộng không có vấn đề trung lập liên hiệp tuy nhiên Ông Nhu nhấn mạnh: "*Tuy nhiên nếu quốc gia chống cộng như Trung Hoa Dân Quốc không giúp đỡ tích cực Việt Nam Cộng Hòa và không làm cách nào cho Hoa Kỳ bớt gây rối Miền Nam thì buộc lòng Việt Nam Cộng Hòa phải chọn lựa nghĩa là sẽ có nói chuyện ngưng bắn và thiết lập quan hệ bình thường với Bắc Việt"* Cha Jean đã tìm cách từ chối không qua Đài Loan.

Điểm sau cùng mà Ông Nhu nhấn mạnh "*Chánh phủ Việt Nam hoàn toàn ủng hộ Trung Hoa Dân Quốc và chính vì thế Hoa Kiều tại Việt Nam đã hưởng mọi ân huệ. Nếu tình thế thay đổi nghĩa là khi chánh phủ Việt Nam buộc lòng phải bắt tay với cộng sản Bắc Việt thì lúc ấy Hoa Kiều không còn được hưởng ân huệ như vậy và các tổ chức chìm nổi của chánh phủ Đài Loan tại Việt Nam cũng sẽ gặp khó khăn rồi tự nó tan rã"*.

Trước khi ra về Ông Nhu nắm chặt tay Cha Jean tiễn ra tận hành lang ông nhắc đi nhắc lại: "*Bất cứ một người Công Giáo nào cũng không thể nghi ngờ được lập trường chống cộng của Tổng Thống"*. Ông Nhu ngập ngừng khẽ nhún vai dáng điệu ấy cho đến nay Cha Jean vẫn chưa thể quên. Ông Nhu nói: "*Lập trường chống cộng phải đi song song với lập trường dân tộc. Nếu Hoa Kỳ không tôn trọng quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam thì buộc lòng Tổng Thống sẽ phải xét lại công cuộc viện trợ. Chắc Cha cũng đã rõ, nhiều quốc gia sẵn sàng viện trợ cho Việt Nam,*

Tổng Thống sẽ cân nhắc lựa chọn". Trong buổi tiếp xúc này, Ông Nhu có vẻ muốn thanh minh hai điểm quan trọng:

1/ Không có chuyện đàn áp Phật Giáo.

2/ Tập thể Công Giáo cứ yên tâm và tin tưởng vào lập trường chống cộng của Tổng Thống Diệm.

Từ Cha Jean đến Bác Sĩ Trần Kim Tuyến và giới lân cận Ông Nhu đều nhận định rằng Ông Nhu muốn thoát ảnh hưởng của Mỹ, muốn tìm một thế đứng mới nhưng chuyện mưu đồ bắt tay với cộng sản chỉ là chiến thuật trả giá với Hoa Kỳ. Nhưng Hoa Kỳ lại dùng "*gậy ông lại đập lưng ông*" quật ngã Ông Nhu, khi họ cố tình cho rằng Ông Nhu định bắt tay với cộng sản. Một số Tướng lãnh và sĩ quan cao cấp Việt Nam đã bị Hoa Kỳ lung lạc tinh thần bằng cái dư luận: *Ông Nhu định điều đình với cộng sản*. Thực sự cơ quan CIA không thiếu gì phương tiện, nhất cử nhất động của Ông Nhu không qua khỏi con mắt CIA. Có lẽ vấn đề Ông Nhu bắt tay với cộng sản không làm Mỹ lo ngại bằng cho vấn đề bang giao Việt Pháp mỗi ngày càng thêm tốt đẹp sau nữa là thái độ quá cứng rắn của Tổng Thống Diệm trước những đề nghị của Mỹ mà Tổng Thống Diệm cho rằng xâm phạm đến chủ quyền Việt Nam (*như vụ Cam Ranh. Đề nghị đặt Cố Vấn Mỹ cạnh Tỉnh Trưởng Việt Nam, lập phòng Dân Vụ Mỹ cạnh Tòa Đại Biểu Chánh Phủ. Sau năm 1963 những đề nghị này được hậu các chánh phủ sau đảo chánh thỏa mãn ngay)*

Trước năm 1962, bang giao Việt-Pháp vẫn tẻ lạnh như buổi chợ chiều.

Chánh phủ De Gaulle không một chút thân thiện nào đối với Việt Nam Cộng Hòa. Theo những tài liệu mà chúng tôi tìm hiểu thì Tổng Thống Diệm do sự thúc đẩy của Ông Nhu đã gián tiếp ngỏ ý muốn qua hành hương tại Lourder và nhân cuộc hành hương này Tướng De Gaulle sẽ chính thức mời Tổng Thống Diệm thăm viếng Ba Lê. Song điều đó bất thành.

CHẮP NỐI DUYÊN XƯA

Theo Cha Jean thì không phải chỉ năm 1963 Ông Nhu mới nghĩ đến chuyện bang giao phát triển Việt-Pháp và tìm mọi điểm tựa mới trong chính phủ De Gaulle. Năm 1961 trong chuyến du hành qua Maroc dự lễ đăng quang Đức Vua Hanssan II Ông Nhu nhân dịp này ghé qua Ba Lê với tư cách riêng. Tuy vậy Ông Nhu cũng đến thăm xã giao Ngoại Trưởng Pháp

Couve De Murrville. Tuy với tư cách riêng Ngoại Trưởng Couve De Murrville cũng mở dạ tiệc khoản đãi Ông Nhu với sự hiện diện của Đại Sứ Lalouette và ông Étienne Manach đặc trách Á Châu Sự Vụ tại Bộ Ngoại Giao Pháp. Tuy không đạt được một kết quả nào cụ thể nhưng chuyến thăm viếng Ba Lê lần này Ông Nhu đã phá được bầu không khí tẻ lạnh giữa Pháp-Việt. Kể từ năm 1961, ông Étienne Manach trở thành nhịp cầu thông cảm giữa hai quốc gia Việt-Pháp. Hơn nữa vấn theo Cha Jean, ông Étienne Manach rất có thiện cảm với Ông Nhu (một cựu sinh viên Trường Cổ Học Ba Lê) đó cũng là một điểm hào quang dễ dàng thu hút sự cảm phục của giới ngoại giao Pháp. Trước năm 1960, các Cha Thừa Sai Pháp (MEP) từng tỏ ra lạnh nhạt đối với chính quyền Ngô Đình Diệm nhưng năm 1960 thái độ đã thay đổi. Tổng Thống Ngô Đình Diệm trở lại ưu ái các Cha Thừa Sai Ba Lê đặc biệt những Cha hoạt động trên Vùng Cao Nguyên thì Tổng Thống mỗi ngày thêm tín nhiệm và kính phục. Đó cũng là tia sáng soi đường cho giai đoạn thân thiện với Pháp. Một trí thức cỡ như Ngô Đình Nhu tất nhiên dễ dàng thông cảm với Pháp hơn. Cái văn minh cơ khí của Mỹ có tiền dollars viện trợ dù to tát như thế nào cũng khó lòng đè bẹp được cái tinh hoa văn hóa Pháp đã tiêm nhiễm quá sâu xa trong con người

trí thức như Ngô Đình Nhu.

Đó cũng là điều dễ hiểu khi Ông Nhu giơ bàn tay tiếp nhận người bạn Pháp. Đó cũng là lý do để hiểu tại sao những năm 1960-1961, chính quyền Ngô Đình Diệm cho mở hàng loạt Tòa Đại Sứ tại các quốc gia Á Phi thuộc ảnh hưởng Pháp. Trong một bài báo nhan đề "*La Paix manquée", của ký giả Georger Chaffard (express số 909)* nhận định rằng trong cuộc gặp gỡ Couve De Murrville. Ngô Đình Nhu (1961) đã không đạt được kết quả vì Ông Nhu quá tự ái. Couve De Murrville lại tỏ ra lạnh nhạt. Chaffard viết: "Ông Couve De Murrville tin rằng thế nào chuyến sang Pháp lần này Ông Nhu cũng ve vãn Pháp nhưng ông Couve De Murrville đã thất vọng vì trong suốt bữa tiệc Ông Nhu chỉ đề cao chánh sách của anh em ông, ca ngợi Khu Trù Mật và tự hào chế độ Ngô Đình Diệm đang mạnh. Vẫn theo Chafffard thì ông Étienne Manach linh cảm rằng, Ông Nhu sang Pháp không phải chỉ để nói những lời "*suông"* như vậy...Ông Étienne Manach lại bố trí cuộc hội đàm Ngô Đình Nhu. Couve De Murrville từ Ratbat (Maroc) trên đường về ghé qua Ba Lê. Cuộc hội đàm không đi đến đâu...nhưng đó là cái mốc lớn mở đầu cho giai đoạn mới mà Đại Sứ Labouette đóng vai trò quan trọng. Đại Sứ Labouette đã hiểu rõ sự rạn nứt trong mối tình Đồng Minh Việt-Mỹ. Sự mâu thuẫn giữa Việt-Mỹ càng ngày càng gia tăng và Ông Nhu đã hơn một lần gián tiếp ngỏ ý cho Đại Sứ Labouette hay rằng đã đến lúc Pháp-Việt phải cải thiện bang giao tại Bán Đảo Đông Dương. Đại Sứ Labouette trở thành người bạn thân của Tổng Thống Diệm lẫn Ông Nhu. Labouette đóng vai trò biện hộ cho chế độ Ngô Đình Diệm trước thái độ nghi ngờ của Tướng De Gaulle, vì De Gaulle vẫn chưa quên bài học đau đớn 1954- 1955, một mặt bị Mỹ đá khỏi Việt Nam một mặt chính quyền Ngô Đình Diệm tẩy chay Pháp. Theo George Chaffard nhận định thì theo ông Đại Sứ Labouette anh em Tổng Thống Diệm quá nhiều tự ái dù anh em Ông Diệm có muốn ve vãn Pháp đến mức nào chăng nữa, anh em Tổng Thống Diệm cũng không nói thẳng ra được. Dần dần, Tướng De Gaulle ngã theo hướng thuyết phục của Đại Sứ Labouette.

Nghĩa là: Với sựu mâu thuẫn Việt-Mỹ, khi mà Ông Nhu muốn dân Mỹ tìm một thế đứng mới thì đây là cơ hội tốt nhất để Pháp nhẩy vào Đông Dương, đóng vai trò mới.

Tưởng cũng nên ghi lại một số biến cố ngoại giao đáng cho Hoa Kỳ lo ngại. Tháng 2.63 một phái đoàn Dân Biểu Việt Nam chính thức sang thăm viếng Pháp Quốc do ông Trương Vĩnh Lễ hướng dẫn g`ôm có các Dân Biểu Nguyễn Hữu Chỉnh, Hà Như Chi, Nguyễn Quốc Hưng, Tr`ần Văn Thọ. Phái đoàn Dân Biểu Việt Nam được đón tiếp một cách khác thường, Tổng Thống De Gaulle đã tiếp phái đoàn tại Điện Elysée và cuộc hội kiến kéo dài 35 phút. Báo chí Pháp trong ngày 14.2.63 đã nhận định v`ềcuộc hội kiến này. Tờ Le Monde cũng như France Soir coi đây như một biến cố lớn, một khúc quanh quan trọng trong cuộc bang giao Việt-Pháp. Ngày 15.2, Thủ Tướng Murrville đã thảo luận rất lâu với phái đoàn Dân Biểu Việt Nam v`ề chương trình hợp tác và viện trợ kinh tế văn hóa. Phòng Thương Mại Ba Lê cũng mở dạ hội khoản đãi phái đoàn Dân Biểu Việt Nam với sự tham dự g`ần như đủ mặt giới doanh thương và kỹ nghệ Pháp. Người hoan hỉ nhất trong dịp này là Đại Sứ Labouette. Ông Đại Sứ đã thành công trong chặng đ`ầu...Từ đó trở đi Đại Sứ Labouette trở thành một Đại Sứ quan trọng sau Đại Sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn. Phản ứng của Hoa Kỳ như thế nào ? Dĩ nhiên Hoa Kỳ không thể công khai phản đối mối tình Việt-Pháp nhưng Hoa Thịnh Đốn bắt đ`ầu phản công lại.

Đại Tá Lansdale cũng như Fishel người đã từng ủng hộ hết lòng Tổng Thống Diệm trong thời gian 1954-1955 thì 1963, ông lại là người tích cực vận động lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm. Fishel từng lưu ngụ tại Việt Nam đã từng cộng tác với chính quy`ền Ngô Đình Diệm thì 1963 ông lại chủ trương phải lật đổ ngay Ngô Đình Diệm dù phải dùng biện pháp máu sắt kể cả việc thanh toán cá nhân Tổng Thống Diệm.

NGÔ ĐÌNH NHU-TƯỞNG KINH QUỐC VÀ GÃ CHỦ NỢ KEO KIỆT

Trong 9 năm dấn thân vào hành động, Ngô Đình Nhu vẫn chỉ là con người cô đơn. Ông lại có quá nhi`ều kẻ thù. Kẻ thù nguy hiểm đối với ông

vẫn là cộng sản nhưng sau cộng sản thì người bạn Hoa Kỳ tuy vẫn có cái tình Đồng Minh nhưng cuộc hôn nhân Việt-Mỹ theo tháng ngày trôi qua cùng với áp lực nặng nề thì cái tình ấy đã mong manh như giây tơ cuối cùng "*còn tình đâu nữa mà thù đấy thôi"*. Đến nay bao nhiêu biến cố thăng trầm Cha Jean vẫn thấy lời Ông Nhu nói vừa hữu lý vừa thấm thía.

"*Thưa Cha, người thông cảm sự đớn đau của Việt Nam không ai hơn Tổng Thống Tưởng Giới Thạch và Lý Thừa Vãn. Đối với người Mỹ, chúng tôi chỉ là những kẻ đi vay nợ lãi"*. Cha Jean cho biết sau cái chết của Tổng Thống Diệm và Ông Nhu, Tổng Thống Tưởng Giới Thạch than thở: *"Người Mỹ có trách nhiệm về vụ ám sát xấu xa này. Trung Hoa Quốc Gia mất đi những đồng chí tâm đầu hợp ý"*. Tướng Tưởng Kinh Quốc vẫn không thể quên hình ảnh một Ngô Đình Nhu, ông ta bàng hoàng trước tin Ngô Đình Nhu bị giết và sau này gặp Cha Jean Tưởng Kinh Quốc than thở: "*người Mỹ đã lâm lỗi lớn ở Miên Nam, Ông Nhu, là người chống cộng có suy nghĩ, có chiến lược...Tôi đã khâm phục Ông Nhu là một lãnh tụ lớn"* (Viết theo lời Cha Jean)

Ở đây chúng tôi trình bày một vài điểm nhỏ để độc giả thấy rõ cái gọi là tình Đồng Minh giữa Việt Nam và Trung Hoa Dân Quốc đã thông cảm nhau đến *mức độ nào. Và cũng là nguyên do làm cho Ông Nhu phát ngán* "*người bạn"* Mỹ.

Riêng Trung Hoa Dân Quốc và Miền Nam trải qua cơn khủng hoảng vào nhưng năm 1956-1957 vì vụ Tổng Thống Diệm ký Sắc Lệnh cấm Hoa Kiều không được hành nghề hai loại nhất là vụ Hoa Kiều nhập tịch Việt. Nhưng sau đó chính phủ Đài Loan đã cải thiện thái độ và thông cảm Chánh Phủ Việt Nam. Năm 1957 Phó Tổng Thống Trần Thành qua viếng thăm Việt Nam thì hai quốc gia đã tạo được một cơ hội tốt đẹp nhất để cùng phát triển tình huynh đệ. Hơn nữa chuyến công du của Tổng Thống Diệm qua Đài Loan đã được Tổng Thống Tưởng Giới Thạch mô tả như một biến chuyển lịch sử của tình huynh đệ trong cùng một chiến tuyến chống cộng. Nhưng đây mới là hành động cụ thể của Chính Phủ Đài Loan để chứng tỏ

tình huynh đệ ấy: Năm 1959 Bác Sĩ Trần Kim Tuyến theo lời mời của Đại Tướng Chủ Nhiệm Quốc Gia An Toàn Cuộc *(Cơ Quan Tình Báo)* qua thăm viếng Đài Loan. Dịp này đôi bên đã trao đổi kinh nghiệm chuyên môn cũng như kỹ thuật tình báo chiến lược.

Quan điểm của Đài Loan là công cuộc chống cộng phải đặt lên hàng đầu vượt khỏi những bất đồng về quyền lợi. Đại Tướng Chủ Nhiệm Quốc Gia An Toàn Cuộc cũng hướng dẫn phái đoàn thăm trung tâm kiểm thính (*Service d'écouter)* một trung tâm vĩ đại đặt dưới lòng đất có chiều dài cả cây số và được coi là một trung tâm tối tân nhất ở Á Châu. Phái đoàn Việt Nam ngỏ ý muốn được một trung tâm như thế nhưng đành bất lực không đủ tiền bạc. Lời ngỏ ý này được Đài Loan đặc biệt lưu tâm. Một chi tiết làm cho phái đoàn Việt Nam hết sức cảm động là Tướng Tưởng Kinh Quốc đã tiếp phái đoàn không bằng hình thức nghi lễ. Ông đã cư xử với phái đoàn Việt Nam như những đồng chí từ một trận tuyến trở về gặp nhau. Ngày đầu lưu ngụ tại Đài Bắc, Tướng Tưởng Kinh Quốc mời Bác Sĩ Trần Kim Tuyến ra nhà hàng dùng cơm một cách thân thiện và đôi bên cũng trao đổi kinh nghiệm về cộng sản. Tướng Tưởng Kinh Quốc cho rằng Đài Loan tự thấy có bổn phận phải sát cánh với Việt Nam. Sau đó Tướng Tưởng Kinh Quốc đã bất chấp khó khăn và quyết định giúp Việt Nam một trung tâm kiểm thính.

Quyết định này làm cho Hoa Kỳ tức giận không ít và có thể nói *"chiến tranh lạnh"* Việt- Mỹ âm thầm mở màn từ vụ này *(xin gọi là vụ kiểm thính)*

NGƯỜI MỸ "NÓ" VIỆN TRỢ CÓ ĐIỀU KIỆN NHƯ RỨA

Tại sao Hoa Kỳ lại tức giận trước sự giúp đỡ tận tình của Đài Loan đối với Việt Nam ? Sự thực thì không có gì khó hiểu bởi người Mỹ vẫn quen thói chủ nhân. Vụ kiểm thính tuy rất nhỏ nhưng đã nói lên một phần nào cái nguyên nhân mà Ông Nhu nóng lòng muốn bứt bỏ người chủ nợ khó tính Hoa Kỳ.

Trước khi Pháp triệt thoái khỏi Việt Nam thì Phòng Nhì Pháp vẫn có một Sở Kiểm Thính nhưng quá cổ lỗ nghèo nàn. Và Sở Kiểm Thính này

chỉ hoạt động theo một tầm mức hạn hẹp. Trước sự tiến bộ vượt bực của ngành kỹ thuật tính báo chiến lược thì một cơ sở kiểm thính như vậy không thể nào thỏa mãn được những đòi hỏi cấp bách và hữu hiệu. Chính quyền Việt Nam đã nhiều lần ngỏ ý với Hoa Kỳ yêu cầu Hoa Kỳ viện trợ cho một trung tâm nhưng Hoa Kỳ đều từ chối vì họ thấy không cần thiết có nghĩa là không có lợi gì cho họ vì lực lượng Mỹ tại Thái Bình Dương đã có một trung tâm kiểm thính tối tân. Hơn nữa Hoa Kỳ chỉ chỉ đồng ý đặt tại Việt Nam một trung tâm kiểm thính tối tân với điều kiện phải có chuyên viên của họ và dưới quyền điều khiển của họ. Điều kiện này Tổng Thống Diệm bác bỏ ngay. Sự thực lúc ấy Hoa Kỳ cũng lơ là không mấy sốt sắng cho nên vấn đề "*trung tâm kiểm thính*" rơi vào quên lãng.

Sau trận chiến tranh Cao Ly ngoài Mỹ và Anh, Trung Hoa Quốc Gia là nước (ngoài cộng sản) có một Trung Tâm Kiểm Thính tối tân ngoại hạng. Nhờ Trung Tâm Kiểm Thính này với máy móc điện tử tuyệt hảo, Đài Loan có thể kiểm soát được toàn bộ các làn sóng điện trên Hoa Lục. Một sư đoàn của Trung Cộng di chuyển từ điểm A đến điểm B cũng không qua khỏi kiểm soát của Trung Tâm Kiểm Thính Đài Bắc (*nhờ khả năng bắt các làn sóng điện từ hệ thống vô tuyến điện của địch*). Chính quyền Việt Nam ao ước thèm thuồng có được một trung tâm như thế thì khả năng tình báo chiến lược sẽ gia tăng vượt mức. Nhưng Hoa Kỳ từ chối viện trợ, Việt Nam đành bó tay.

Sau chuyến thăm viếng Đài Bắc của Bác Sĩ Trần Kim Tuyến thì Quốc Gia An Toàn Cuộc của Trung Hoa Dân Quốc quyết định viện trợ vô điều kiện cho Việt Nam cả chuyên viên lẫn máy móc để thành một Trung Tâm Kiểm Thính *(gồm một số đài cỡ nhỏ máy móc tối tân)*. Hành động này đã chứng tỏ sự giúp đỡ thực tâm của Đài Loan nhưng Hoa Kỳ nhất là phía CIA tuy không công khai phản đối nhưng ngấm ngầm đã phát tức giận.

Sự tức giận của Hoa Kỳ cũng có lý vì máy móc kiểm thính của Đài Loan đưa sang Việt Nam lại chính là những máy móc do Mỹ viện trợ cho Đài Loan. Những máy móc ấy được đóng thùng rồi bí mật gởi qua Sài Gòn mà

không có một lời nào thông báo cho Mỹ, khi người Mỹ biết được thì sự đã rồi. Hơn nữa dù không bằng lòng cũng không thể nói gì khác hơn là im lặng. Hơn nữa, ai cũng biết Tướng Tưởng Kinh Quốc là một nhân vật uy quyền của Đài Loan vừa với tư cách Tổng Thư Ký Hội Đồng An Ninh Quốc Gia lại vừa là Tổng Thanh Tra Quân Đội (1959) nên ông có đủ thẩm quyền quyết định viện trợ đặc biệt cho Việt Nam như vậy và qua mặt Mỹ *"cái vù"*. Vả chăng Tưởng Kinh Quốc vẫn nổi tiếng là con người không ưa gì Mỹ.

CHÍNH HOA KỲ ĐÃ ĐẨY ÔNG NHU VÀO THẾ CHÂN TƯỜNG

Kể từ khi *Trung Hoa Quốc Gia* thiết lập một số Đài Kiểm Thính tại Việt Nam (*chẳng hạn Đài Kiểm Thính Phú Bài Huế*) thì hiệu năng tình báo gia tăng mạnh mẽ. Điều đáng kể những Đài Kiểm Thính này đều đặt dưới quyền kiểm soát trực tiếp của Sở Nghiên Cứu Chính Trị. Nhân viên Trung Hoa Quốc Gia tự coi như nhân viên của Sở Nghiên Cứu Chính Trị Việt Nam. Không những đài kiểm soát được toàn bộ các làn sóng điện của Bắc Việt, Lào Quốc mà còn bao trùm cả miền Hoa Nam. Tuy nhiên có một điều Hoa Kỳ không vừa ý là vì kết quả khai thác của Đài Kiểm Thính đã không được chuyển giao cho Hoa Kỳ. Mãi sau này, khi chiến cuộc bộc phát mạnh, Hoa Kỳ mới thiết lập một Trung Tâm Kiểm Thính khác (1962) gần Bộ Tổng Tham Mưu để họ sử dụng riêng trong phạm vi cơ quan MACV. Qua vụ Đài Kiểm Thính ta cũng thấy rõ một phần nào bản chất của viện trợ Mỹ tại xứ này. Rồi vụ Đài Phát Thanh Sài Gòn nữa. Khoảng đầu năm 1960 Tổng Thống Diệm muốn gia tăng hiệu năng vô tuyến thanh mà Đài Sài Gòn lại quá yếu. Ngân sách không cho phép phát triển theo ý muốn hầu có thể đương đầu với hiệu năng quá lớn mạnh của Đài Phát Thanh Hà Nội. Tất nhiên là phải yêu cầu Hoa Kỳ viện trợ. Song người Mỹ chỉ đồng ý viện trợ máy móc tối tân cùng với chuyên viên điều khiển của họ. Tổng Thống Diệm cho rằng đây là một trò chơi nguy hiểm. Ông Nhu cũng lo ngại vì nếu như máy móc đặt trong tay chuyên viên Hoa Kỳ thì nếu có một biến cố lớn nào xảy ra, Hoa Kỳ có thể chơi xấu và phá đám bằng khả năng

kỹ thuật của họ. Phía Việt Nam có đề nghị Hoa Kỳ huấn luyện chuyên viên Việt Nam và chỉ cần viện trợ máy móc cũng đã quá đủ. Đề nghị này không được Hoa Kỳ chấp thuận, cuối cùng Tổng Thống Diệm bỏ qua không nhắc nhở đến nữa.

Kể từ năm 1962 thế lực Mỹ mỗi ngày một gia tăng và bao trùm nhiều ngành sinh hoạt quốc gia, chiến tranh càng lan rộng thì thế lực Mỹ cũng có nhiều cơ hội thuận tiện nhất để khống chế chính quyền Ngô Đình Diệm. Theo Bác Sĩ Tuyến Ông Nhu tâm sự rằng: "*Ngân sách Quốc Phòng tăng như rứa viện trợ như rứa...buộc phải tìm lại thế quân bình. Chiến tranh càng kéo dài càng bất lợi cho chế độ*". Theo Ông Nhu (*thường thổ lộ với Bác Sĩ Trần Kim Tuyến cũng như một số cộng sự viên thân cận)* thì chiến tranh sẽ phải sớm chấm dứt. Một là dốc toàn lực để đè bẹp cộng sản. Nếu hai bên còn nghiêng ngửa và chiến tranh chiều hướng kéo dài thì phải tìm cách chấm dứt bằng giải pháp chính trị. Ông Nhu tin tưởng Ấp Chiến Lược là một căn bản và một ưu thế cho giải pháp chính trị để chấm dứt chiến tranh. Khi khả năng quốc phòng và chiến tranh phải tùy thuộc vào viện trợ Mỹ thì sự mất mát chủ quyền là một điều khó có thể tránh được.

Theo Lương Khải Minh cũng như những nhân vật trọng yếu gần Tổng Thống Diệm thì vấn đề chủ quyền quốc gia đối với Tổng Thống Diệm là vấn đề số I. Chủ quyền quốc gia gắn liền với tính tự ái quá cao của ông Tổng Thống. Bằng chứng là năm 1961-1962 các Cố Vấn Quân Sự Mỹ khuyến cáo chính quyền Ngô Đình Diệm bãi bỏ Ngành Hiến Binh. Lúc đầu Tổng Thống Diệm có vẻ thuận ý qua lời trình bày của Bộ Trưởng Nguyễn Đình Thuần. Ông Thuần cũng chỉ trình theo đề nghị của Cố Vấn Quân Sự Mỹ. Tổng Thống Diệm có một do dự là Ngành Hiến Binh đang phục vụ đắc lực, ông Tổng Thống vẫn tin tưởng vào Hiến Binh vì cho rằng Hiến Binh *"làm việc đúng đắn rành pháp luật*". Nhưng sau đó, Tổng Thống Diệm cho xếp lại và vẫn duy trì Ngành Hiến Binh. Tổng Thống Diệm bảo ông Thuần: "*Cứ thư thả, không có thay đổi gì hết, họ (tức Hoa Kỳ) nói sao mình cũng làm vậy thì còn gì là thể thống quốc gia"*. Sự thực lúc đầu Tổng

Thống Diệm cũng nghiêng theo lời trình bày của ông Thuần nhưng bỗng hầm hầm nổi giận khi ông Thuần cho biết, Cố Vấn Quân Sự Mỹ muốn bãi bỏ Ngành Hiến Binh chỉ vì Quân Đội Hoa Kỳ không có ngành này *(MP đảm trách mọi việc)*. Cố Vấn Quân Sự Mỹ cho rằng đã có *Quân Cảnh* rồi thì *Hiến Binh* không cần thiết và sẽ có riêng loại Quân Cảnh Hiến Binh. Cố Vấn Quân Sự Mỹ cho biết, nếu không bãi bỏ Ngành Hiến Binh thì Hoa Kỳ không để dành một ngân khoản viện trợ cho một ngành không cần thiết như vậy. Tổng Thống Diệm coi đây là một áp lực và vô tình xúc phạm đến tự ái của một vị Tổng Thống cai trị dân theo quan niệm "*thiên mệnh*". Do đó mà Ngành Hiến Binh bao nhiêu lần có tin đồn bãi bỏ rút cuộc vẫn được duy trì cho đến sau ngày đảo chánh 1.11.1963.

Trên đây là một vài sự kiện trong bao nhiêu những sự kiện đau lòng khác và đó cũng là một nguyên nhân đẩy Ông Nhu vào một lựa chọn mới.

KHÔNG THỂ LÀM TAY SAI MỘT CÁCH TRƠ TRẼN

Mâu thuẫn Mỹ-Việt càng trầm trọng khi chiến cuộc mỗi lúc càng gia tăng. Trước hết Việt Mỹ đã xung khắc ngay từ buổi đầu của cuộc hôn nhân. Nói đúng hơn, Miền Nam trở thành một phận gái hẩm hiu do cảnh ngộ của lịch sử mà phải ép duyên gán nợ cho anh chồng trọc phú. Xin trở lại vụ Đài Phát Thanh để dễ dàng sáng tỏ tính chất xung khắc qua cuộc hôn nhân miễn cưỡng này. Tổng Thống Diệm khao khát có được một Đài Phát Thanh tối tân và hiệu năng của nó có thể tương đương với đài Hà Nội, trước hết vì đòi hỏi có một chiến lược chính trị trường kỳ tại Bắc Việt với hiệu năng lớn mạnh của Đài Sài Gòn thì chính quyền Miền Nam mới để dành một chương trình đặc biệt hướng về toàn thể Miền Bắc và xa hơn nữa là đi Ai Lao, Bắc Thái Lan là những nơi có hàng ngàn Việt Kiều cư ngụ. Đài Sài Gòn không đủ khả năng hoạt động trong một khu vực rộng lớn như vậy. Chính quyền Miền Nam đành bó tay vì Hoa Kỳ từ chối lời yêu cầu tối tân hóa Đài Sài Gòn. Trong khi đó thì Hoa Kỳ sẵn sàng viện trợ cho Việt Nam một đài tiếp vận địa phương (*mà ngân khoản tổn phí có thể gấp đôi ngân khoản tối tân hóa Đài Sài Gòn)*.

Tại sao lại có vụ mâu thuẫn kỳ cục như vậy ? Điều giản dị là Hoa Kỳ muốn độc quyền truyền thanh *"tiếng nói chống cộng"* của họ qua bức màn sắt, Hoa Kỳ không muốn Miền Nam được quyền "*chia xẻ"*...Cho đến nay, Đài Sài Gòn không có gì khả quan hơn xưa. Điều mà trước năm 1963 Tổng Thống Diệm ước ao có một một chương trình phát thanh đặc biệt hướng về Miền Bắc (*với một hiệu năng tối đa)* thì nay đã có (1964-1970) nhưng chương trình ấy lại nằm trong hệ thống đài VOF (Voice of Freedom) tuy Đài đặt ngay tại Thủ Đô Sài Gòn và do nhân viên người Việt đảm trách nhưng thực chất nó là của Hoa Kỳ qua miệng người Việt.

Tóm lại, Hoa Kỳ quan niệm Đài Phát Thanh Sài Gòn chỉ có một nhiệm vụ thông tin tuyên truyền trong lãnh thổ Miền Nam , còn Miền Bắc đã có Hoa Kỳ lo liệu (*trước hết là Đài VOA sau là Đài VOF*). Trí thức Ngô Đình Nhu thúc thủ trong một thực tại viện trợ như vậy thì chỉ còn một con đường là cam phận làm tay sai một cách thiếu thông minh trơ trẽn. Ông Nhu lựa chọn một thế đứng mới tức là lựa chọn một con đường giải thoát anh bạn chủ nợ keo kiệt. Tiếc thay con đường đó lại đem đến sự giải thoát vĩnh viễn cả ba anh em Ông Nhu. Nói ra những mâu thuẫn Việt-Mỹ thì nhiều lắm, mâu thuẫn về quan điểm lập trường...mâu thuẫn về chiến lược, chiến thuật. Khi Ông Nhu trở lại thân thiện với Pháp, thì chỉ một chiến thuật tạo thế chân vạc và cũng là điều kiện dọa Hoa Kỳ "*Nếu anh bắt bí tôi quá tôi bỏ anh"...*

"*Tôi sẽ không cô đơn. De Gaulle đã sẵn sàng"*. Một khi De Gaulle thân thiện với Miền Nam thì lẽ tự nhiên Sihanouk sẽ không thể theo đuổi chính sách thù nghịch với Miền Nam nữa và cũng là con đường đưa đến thỏa hiệp với Miền Bắc. Trước sau cái gút của vấn đề chỉ là Pháp. CIA không khi nào để cho Miền Nam một mặt sống vì viện trợ Mỹ, một mặt lại đưa tay nắm bàn tay De Gaulle (*vẫn bị coi là kẻ thù của Mỹ*) CIA không e ngại nhưng toan tính của Ông Nhu trong việc tìm thế thỏa hiệp với cộng sản Bắc Việt nhưng CIA coi việc Miền Nam thân thiện với Pháp là một biến cố nguy hiểm và phải đập vỡ ngay từ trong trứng nước.

MỸ MUỐN VIỆT NAM CÓ MỘT THỨ CIA KIỂU MỸ

Năm 1963 Hoa Kỳ chủ trương phải leo thang chiến tranh mạnh và quyết liệt.

Trong một chiều hướng như vậy thì làm sao Ông Nhu có thể lựa một thế đứng mới ? (*dựa vào Pháp để cân bằng thế lực Mỹ và giảm thiểu thế lực ấy sau mới tính chuyện với cộng sản)* nhưng nực cười thay, giai đoạn mà chế độ Ngô Đình Diệm toàn thịnh, Miền Bắc đang phải đối phó với cuộc khủng hoảng kinh tế và hậu quả của cuộc đấu tố đẫm máu thì Hoa Kỳ lại chủ trương không can thiệp vào Miền Bắc, duy trì sự bình thường giữa hai Miền Nam Bắc như hai quốc gia !!!

Đây là những sự kiện rõ rệt chứng tỏ chủ trương của Hoa Kỳ trong giai đoạn 1957-1958. Khi Sở Nghiên Cứu Chính Trị được thành lập do ông Vũ Tiến Huân làm Chánh Sở thì Hoa Kỳ muốn đặt Sở này vào vai trò tính báo chiến lược tương tự như CIA của họ. Với vai trò như CIA thì Sở Nghiên Cứu Chính Trị chỉ có nhiệm vụ hoạt động tại quốc ngoại, nhưng thân phận của một nhược tiểu như Việt Nam thì vai trò ấy quả không cần thiết. Chả lẽ Sở Nghiên Cứu lại gửi người qua Ấn Độ để gây xáo trộn và lật đổ chính phủ Ấn Độ ? Chả lẽ Sở Nghiên Cứu lại cho nhân viên qua Indonesia để âm mưu lật đổ Sukarno ? Dù có muốn thế chăng nhưng phương tiện ở đâu và để làm gì ? Theo phương thức của Hoa Kỳ thì Sở Nghiên Cứu Chính Trị Việt Nam là một thứ CIA lo phần quốc ngoại. Cảnh Sát Công An là một thứ FBI lo phần quốc nội. Quốc ngoại là những đâu ? Quanh đi quẩn lại chỉ có mấy quốc gia láng giềng như Thái Lan, Ai Lao, Cambodge. Thái lan và Ai Lao thì chỉ có Việt Kiều là phạm vi hoạt động đáng kể. Vậy thì hoạt động quốc ngoại của Sở này chỉ có Cambodge là đáng kể nhất, nếu không muốn nói là duy nhất sau đó là đến Miền Bắc vẫn được tạm coi là một ”quốc gia” (*về mặt chuyên môn và thực tại chánh trị của nó)*

Ở đây chúng tôi chỉ nói sơ qua về công tác tính báo tại Cambodge và Bắc Việt để một lần nữa thấy rằng, người Mỹ khó hiểu lắm và chớ lầm tưởng họ dại khờ. Cá nhân họ có thể dại khờ nhưng cả một hệ thống cộng

đồng Mỹ thì vô cùng tinh xảo và khôn lanh tuyệt mức dưới cái lớp vỏ dại khờ của mỗi cá nhân.

Đó cũng là lý do dễ hiểu tại sao Đại Tướng Hakkins *(Tư Lệnh MACV 1963)* cũng như Đại Tá Richardson *(Giám Đốc CIA tại Việt Nam 1963)* ủng hộ Tổng Thống Diệm và dành cho Tổng Thống một cảm tình nồng hậu nhưng cuối cùng chế độ Ngô Đình Diệm vẫn bị lật nhào. Bởi chính tổ chức này được coi là nguy hiểm chỉ vì bản chất tồn tại của nó được phát biểu bằng năng biểu *"tồn tại từ mâu thuẫn cá nhân cực độ trong đông nhất tổ chức và toàn bộ"*.

CÁI THẾ CỦA KẺ KHÓ ĂN ĐONG

Riêng những công tác tính báo tại Miền Bắc (*phần đâu đã nói sơ qua*) thì Hoa Kỳ và chính quyền Miền Nam đã bất đồng sâu xa. Chính quyền Miền Nam muốn chú trọng về tình báo chiến lược. Hoa Kỳ ngược lại chỉ chấp thuận những hoạt động có tính cách tình báo chiến thuật.

Phương tiện hoạt động của Sở Nghiên Cứu lúc đầu đầu tùy thuộc vào khả năng viện trợ Mỹ. Mà

Mỹ viện trợ cho từng điệp vụ và những "*vụ"* này phải là những công tác phối hợp tay đôi (Việt Mỹ). Năm 1957, chính quyền Miền Nam rất muốn thực hiện một kế hoạch tình báo chiến lược tại Miền Bắc, trước hết nhằm vào các vùng Thượng Du *(Móng Cái, Đầm Hà, Tiên Yên, Lai Châu, Hòa Bình)* sau là hai miền Bùi Chu, Phát Diệm. Nếu kế hoạch này được thực hiện cùng với phương tiện dồi dào thì sẽ tiến đến sự thành lập một Mặt Trận Giải Phóng Miền Bắc làm động cơ phát động du kích chống cộng từ mỗi cục bộ địa phương nhằm đến toàn bộ Miền Bắc.

Muốn được như thế thì phải đòi hỏi một ngân khoản quá lớn lao và một sự đài thọ liên tục và dồi dào. Cuối cùng kế hoạch ấy chỉ còn là ảo mộng vì Hoa Kỳ chỉ thỏa thuận tài trợ cho những điệp vụ phối hợp có tính cách trắc nghiệm khả năng tình báo *(cả Miền Bắc lẫn Miền Nam*) Những điệp vụ phối hợp đó chỉ nhắm thả người ra Bắc với nhiệm vụ thâu lượn tin tức, gây rối phá hoại như phá hoại đường xe lửa, ném lựu đạn đặt chất nổ, nghĩa là

hoàn toàn có tính cách chiến thuật giai đoạn. Chống cộng mà lại chống ngay trong vùng cộng sản (Bắc Việt) thì như thế quả là ngây ngô lố bịch vì không khác gì kẻ cho ăn đong giữa khi đói kém, khốn nỗi Miền Nam lại ở vào tư thế của kẻ khó ăn đong mà Hoa Kỳ thì nắm hầu bao rất chặt.

Đại cương sự bất đồng giữa Hoa Kỳ và Miền Nam là nhu vậy. Giai đoạn 1957-1958...Hoa Kỳ chỉ chủ trương chống cộng tại Miền Nam mà thôi.

CHÍNH QUYỀN NGÔ ĐÌNH DIỆM SIHANOUK VÀ MỸ

Trong khi Hoa Kỳ cố loại bỏ ảnh hưởng của Pháp tại Miền Nam thì ngược lại họ vẫn củng cố Sihanouk mặc dầu ai cũng biết Sihanouk chỉ là con cờ của Pháp phải duy trì bằng bất cứ giá nào tại Đông Dương.

Năm 1956, ông Ngô Đình Nhu qua Nam Vang cùng với chủ trương ve vãn Sihanouk. Lúc ấy Hoa Kỳ chưa phải là thế lực đáng kể tại Bán Đảo Đông Dương. Và Hoa Kỳ tán trợ đường lối ve vãn Sihanouk của Ông Nhu. Theo Bác Sĩ Trần Kim Tuyến thì Ông Nhu được Sihanouk đón tiếp một cách trọng thể. Tuy không có nghi lễ chính thức nhưng Sihanouk đã dành cho Ông Nhu một ngoại lệ nghĩa là tiếp ông như một Quốc Trưởng. Sau đó Sihanouk chính thức được mời qua thăm Việt Nam và dịp này Sihanouk được tiếp đón hết sức trọng thể. Cuộc hội đàm Sihanouk Ngô Đình Nhu được coi là rất tốt đẹp. Nhưng Tổng Thống Diệm vốn là người không khéo léo trong sự giao tế qua hình thức nghi lễ. Vẫn theo Bác Sĩ Tuyến, trong cuộc gặp gỡ Sihanouk, Tổng Thống Diệm vẫn giữ vẻ nghiêm trang đạo mạo...Do đó mà thiếu sự thân mật cởi mở cần phải có đối với một người xảo quyệt và có tài "*diễn xuất*" như Sihanouk .

Kết quả là khi trở về nước Sihanouk lại tiếp tục chính sách ve vãn cộng sản và bất thân thiện với Miền Nam. Cũng từ đó Việt Nam Cộng Hòa và Cambodge giữ miếng nhau. Theo Bác Sĩ Tuyến, Ông Nhu chủ trương "*phải triệt hạ cho bằng được Sihanouk*" Khi Ông Nhu chủ trương như vậy thì Hoa Kỳ tiếp tục ve vãn Sihanouk. Một xa lộ thênh thang nối liền Nam Vang với Sihanoukville được Mỹ thực hiện để làm quà dâng cho ông vua

xứ Chùa Tháp. Rồi một bệnh viện lớn cũng được Hoa Kỳ xây cất tại Nam Vang. Nhưng Sihanouk vẫn tiếp tục công kích Mỹ. Xa Lộ Nam Vang Sihanoukville do Mỹ viện trợ khánh thành chưa được bao lâu thì Trung Cộng lại nhảy vào viện trợ cho Cambodge và dựng lên cả một hệ thống cột điện chạy dài trên xa lộ của Mỹ. Bệnh viện tai Nam Vang do Mỹ xây cất thì lại do Nga Sô viện trợ máy móc cùng các đồ trang thiết bị thuốc men với một số Bác Sĩ Nga. Dù ve vãn, Mỹ vẫn bị Sihanouk đá bay khỏi Cambodge .

Tuy vậy, Mỹ vẫn cố gắng tìm mọi cơ hội ve vãn Cambodge và đồng thời ngăn chặn không cho Miền Nam phá Sihanouk. Hậu quả là Mỹ vẫn *"tay trắng"* tại Cambodge. Nhưng Mỹ muốn tách biệt Miền Nam với Cambodge. Chúng tôi kể lại đây một câu chuyện mưu sát Sihanouk do Miền Nam chủ động nhưng Mỹ lại chịu tai bay vạ gió và nồng độ chống Mỹ của Sihanouk lại càng tăng. Đây cũng là thí dụ cho biết rằng đối với Mỹ thì đừng có do dự, khúm núm và phải đặt Mỹ vào việc trước đã rồi và phải trói chặt chân họ vào biến cố. Và ta phải làm chủ biến cố đó. Chính sách chủ nhân ông độc quyền. Dân nhược tiểu phải biết điều đó. Tháng 8 năm 1963, Bà Ngô Đình Nhu nói trong phiên họp Phụ Nữ Liên Đới rằng *"Phải trói chân trói tay mấy thằng phiêu lưu (ám chỉ Mỹ) mà hành hạ"*. Câu nói đó tuy có đại ngôn nhưng nghĩ lại cũng đáng cho ta suy nghĩ. Trở lại câu chuyện ám sát Sihanouk năm 1961 thì đó cũng là "*trước ám sát Sihanouk*", *"sau hành hạ Mỹ cho vui"*. Số là, sau khi ông Ngô Trọng Hiếu rời khỏi chức vụ Đại Diện Việt Nam tại Cambodge thì Tòa Đại Diện Việt Nam vẫn duy trì cơ sở như cũ. Việt Nam Căm Bốt tuy rất căng thẳng nhưng chưa đến nỗi đoạn giao. Dù vậy Cơ Quan Tình Báo Phủ Tổng Thống vẫn nhận được chỉ thị phải *"hạ"* Sihanouk bằng bất cứ cách nào. Âm mưu này muốn đạt được kết quả thì trước hết phải canh chừng Mỹ. Xử lý chức vụ đại diện lúc ấy là ông Phạm Trọng Nhơn, một điệp viên của Việt Nam hoạt động tại Nam Vang có biết được một Kỹ Sư Mỹ (*có trách nhiệm thiết lập xa lộ Nam Vang Sihanoukville)* là chỗ thân quen của họ

Sihanouk. Bà mẹ Sihanouk lại nổi tiếng là người nhận hối lộ và quà biếu. Điệp viên này được mật lệnh của Phủ Tổng Thống là phải bám sát viên Kỹ Sư Mỹ và tìm cách "*khai thác*" ông ta nếu có thể được. Điệp viên kể trên báo cáo cho Cơ Quan Tình Báo Phủ Tổng Thống biết là viên Kỹ Sư Mỹ sắp lên đường về Mỹ qua ngả Hồng Kông . Ngày lên đường về nước viên Kỹ Sư Mỹ có đến chào cáo biệt Quốc Trưởng Sihanouk và Hoàng Thái Hậu. Đó cũng là ngày Sài Gòn bật đèn xanh cho phép các điệp viên hành nghề. Réseau tại Nam Vang có chuyển về Sài Gòn một tấm danh thiếp của viên Kỹ Sư Mỹ này cùng bút tích ông ta. Lập tức Cơ Quan Tình Báo Phủ Tổng Thống in lại một số danh thiếp của viên Kỹ Sư Mỹ *(rập đúng y khuôn)* và trao phó cho một chuyên viên nghiên cứu tuồng chữ của ông ta và sẽ giả mạo tuồng chữ này cho công tác điệp vụ. Kế hoạch được trình bày lên Ông Nhu và ông hoàn toàn tán thành. Sau đó, hai chiếc vali tuyệt đẹp được dùng giết Quốc Trưởng Sihanouk. Chiếc vali thứ nhất thì bình thường trong đựng một số kỷ vật quý giá xuất xứ tại Hồng Kông. Chiếc thứ hai chính nó sẽ quyết định số mạng của Sihanouk ngoài một số kỷ vật còn có một cái hộp ngà hảo hạng xuất phát từ Đài Loan, một loại chất nổ ghê gớm cực mạnh (*dành cho các điệp viên*) được cho vào cái hộp cùng một bộ phận cơ bấm tinh vi khác và bộ phận này được nối với nắp vali, khi mở vali thì tự động chất nổ bộc phát ngay. Sau khi hóa trang và làm dấu cẩn thận...hai chiếc vali này được giải lên lên xe mang biển số ngoại giao của ông Xử Lý Đại Diện Phạm Trọng Nhơn. Chính ông Phạm Trọng Nhơn có nhiệm vụ chuyển hai chiếc vali này lên Nam Vang nhưng ông cũng không được biết *"nội dung"* ra sao và ông Nhơn cũng chỉ "*cảm thấy"* có chuyện gì khác lạ sắp xảy ra.

SIHANOUK THOÁT CHẾT KẾ HOẠCH CỦA ÔNG NHU BẤT THÀNH

Nhờ mang xe số Ngoại Giao Đoàn của ông Phạm Trọng Nhơn nên hai chiếc vali "*nguy hiểm"* đã vượt qua biên giới và đến Tòa Đại Diện hoàn toàn tốt đẹp.

Tại Sài Gòn, Cơ Quan Tình Báo Phủ Tổng Thống theo dõi từng giây phút với bao nhiêu lo âu hồi hộp. Nếu như bị tình báo Cambodge khám phá thì bang giao Miên-Việt lần này sẽ đứt đoạn luôn không còn gì hàn gắn được nữa. Ông Ngô Đình Nhu cùng mấy cộng sự viên thân cận đã tính toàn thế này, nếu giết được Sihanouk thì việc đầu tiên là phải đưa Sơn Ngọc Thành về Nam Vang để làm chủ tình hình.

Ngoài mấy điệp viên chủ chốt thì Tòa Đại Diện Việt Nam không một ai hay biết gì về âm mưu này kể cả ông Xử Lý Đại Diện Phạm Trọng Nhơn cũng chỉ được *"rỉ tai"* sơ qua sẽ là có một vụ nổ lớn tại Nam Vang.

Theo kế hoạch đã dự định, điệp viên Nguyễn Nhơn cải trang thành một nhân viên của nhà thầu Mỹ nơi mà viên Kỹ Sư Mỹ phục vụ. Khoảng 9 giờ sáng, điệp viên Nhơn dùng xe hơi vào Hoàng Cung để trao tặng phẩm của viên Kỹ Sư Mỹ. Nhơn nói là viên Kỹ Sư Mỹ khi ghé qua Hồng Kông đã mua hai vali tặng phẩm này để gửi tặng Quốc Trưởng Sikanouk và ông Giám Đốc Nghi Lễ.

Giám Đốc Nghi Lễ Hoàng Cung Cambodge cũng là chỗ bạn thân của viên Kỹ Sư Mỹ nên không do dự gì cả và ông vui vẻ nhận hai chiếc vali quý giá. Chiếc vali thứ nhất tặng viên Giám Đốc Nghi Lễ cùng với danh thiếp của viên Kỹ Sư Mỹ và trên danh thiếp không quên viết mấy hàng hỏi thăm viên Giám Đốc Nghi Lễ.

Sau vụ ám sát hụt này, báo chí Cambodge đã có dịp tường thuật khá đầy đủ. Riêng về phía tình báo Phủ Tổng Thống lúc bấy giờ được báo cáo nội vụ như sau: Khi viên Giám Đốc Nghi Lễ mở chiếc vali phần tặng của ông ta thì chiếc vali này toàn chứa đựng những tặng phẩm đắt tiền. Sau đó ông ta đem chiếc vali vào phòng khách riêng của Sihanouk. Chiếc vali này niêm phong kỹ càng đề chữ *"Kính tặng Hoàng Thái Hậu và Quốc Trưởng Khmer"* cùng với phong thư đựng tấm danh thiếp của viên Kỹ Sư Mỹ với những lời lẽ rất đẹp *"kính thăm"* và chào cáo biệt Hoàng Thái Hậu và Quốc Trưởng Sikanouk. Phòng khách lúc ấy có mặt cả hai mẹ con Sihanouk. Nhưng lại nhằm đúng vào giờ Thái Tử Sihanouk và Hoàng Thái

Hậu phải ra đại sảnh để tiếp đón phái đoàn sinh viên Trung Quốc cùng đi với một số sinh viên Cambodge.

Thái Tử Sihanouk vừa cất lời khuyên nhủ sinh viên thì một tiếng nổ kinh hoàng làm rung động cả Hoàng Cung. Số là, khi Thái Tử Sihanouk và Hoàng Thái Hậu ra đại sảnh tiếp sinh viên thì có nhẽ, Viên Giám Đốc mở vali lấy quà tặng để dâng Thái Tử nên chiếc vali phát nổ, viên Giám Đốc Nghi Lễ chết tan thây. Cả Thủ Đô Nam Vang náo động. Buổi phát thanh vào lúc 12 giờ trưa Đài VOA cũng như Mạc Tư Khoa đều loan tin và cho biết vắn tắt Thái Tử Sihanouk thoát hiểm, nhưng dân Nam Vang lại không tin và cho rằng Sihanouk đã chết tan thây.

12 giờ trưa nghe tin Đài VOA, Cơ Quan Tình Báo Phủ Tổng Thống đã lấy làm mừng và sửa soạn thực hiện giai đoạn hai nghĩa là đưa Sơn Ngọc Thành về Nam Vang nhưng chỉ ít phút sau, một tài liệu từ Nam Vang gửi về Sài Gòn cho biết, âm mưu bất thành. Cho đến lúc ấy, Tòa Đại Sứ Mỹ vẫn chưa được biết tình báo Việt Nam chủ động vụ này. Nhưng chỉ một ngày sau thì báo chí Cambodge đều chĩa mũi dùi vào Mỹ và cả quyết Mỹ âm mưu sát hại Thái Tử Sihanouk. Bang giao Mỹ Cambodge lại một lần nữa thêm căng thẳng. Có một điều lạ Cambodge không hề nghi ngờ là Sài Gòn. Hoa Kỳ lãnh đủ cơn tai bay vạ gió này. Dư luận báo chí Cambodge lại có dịp ồn ào và mạt sát Mỹ thậm tệ nhất là mấy nhật báo như La Dépeche Cambodge, Bang Khoeum Monous. Sau đó ít lâu một người Việt Nam bị bắt vì Cambodge tình nghi ông ta là nhân viên tình báo CIA có liên quan đến vụ mưu sát Thái Tử Sihanouk. Thực ra, Phạm Thanh Tòng (tên thật Phan Vinh Tòng) *(tên đương sự)* hết sức oan uổng vì ông ta chỉ làm nghề viết báo. Đương sự bị kết án tử hình. Mãi gần đến sau cuộc đảo chánh của Lon Nol ông mới được trả tự do.

Cuộc mưu sát Sihanouk bất thành nên kế hoạch đưa Sơn Ngọc Thành về Nam Vang đành xếp lại. Miền Nam bắt đầu nghiên cứu một kế hoạch mới mà Sơn Ngọc Thành sẽ giữ một vai trò chủ chốt.

Trước vấn đề nan giải này, Ông Nhu hỏi Bác Sĩ Tuyến xem có cắt xén

ngân sách và ngoại viện được không. Điều này không thể được vì sẽ lộ ngay và khi Tòa Đại Sứ Mỹ biết được thì họ sẽ không bao giờ chấp nhận dùng khoản tiền ngoại viện để viện trợ cho họ Sơn. Do đó chỉ còn cách trích trong ngân quỹ đen của Phủ Tổng Thống. Nếu dồi dào phương tiện thì Sơn Ngọc Thành có đủ khả năng phát triển tổ chức của ông đến mức độ lớn mạnh. Nhưng rút cuộc, ông ta đành thúc thủ trong một hoàn cảnh hết sức thiếu thốn. Mỗi tháng Phủ Tổng Thống chỉ có thể viện trợ cho Sơn Ngọc Thành vài ba trăm ngàn bạc mặt.

Tuy có điều số tiền này được trao tận tay cho họ Sơn và ông ta có thể chi tiêu như thế nào tùy ý. Điều đó theo Bác Sĩ Tuyến đã làm cho Sơn Ngọc Thành cảm động vì tuy nhận tiền của Việt Nam ông vẫn không bị xúc phạm vì lòng tự ái quốc gia của một lãnh tụ lớn.

Nơi ăn chốn ở và sự đi lại di chuyển của Sơn Ngọc Thành hoàn toàn bí mật. Cơ quan CIA của Mỹ cũng biết nhưng không có một phản ứng nào vì lẽ tiền mà Việt Nam tài trợ cho Sơn Ngọc Thành không thuộc ngân sách ngoại viện. Đầu năm 1960 lực lượng họ Sơn quy tụ vào khoảng 400 tay súng phân tán trong hai vùng mật khu Châu Đốc và Bình Long. Sĩ Quan Việt Nam trực tiếp đảm nhận và huấn luyện và làm cố vấn cho lực lượng võ trang này. Tuy họ có tính thần chiến đấu hoàn toàn gan dạ nhưng lại thiếu thốn về mọi phương diện nhất là vũ khí, quân trang, quân dụng. Trong khi đó Hoa Kỳ thì vũ khí để đi không hết nhưng tuyệt nhiên Hoa Kỳ không viện trợ cho lực lượng Sơn Ngọc Thành lấy một cây súng Garant. Chính quyền Ngô Đình Diệm chỉ còn cách vơ vét một số khí giới thuộc loại phế thải của Pháp, như MAT 49, MAS 36 để giúp họ Sơn. Nếu nói rằng Mỹ viện trợ vũ khí cho Việt Nam và Việt Nam có toàn quyền sử dụng số vũ khí ấy thì không đúng. Cố Vấn Mỹ kiểm soát một cách khắt khe nên Phủ Tổng Thống không thể dùng một khẩu Garant MI của Mỹ để tặng họ Sơn. Bởi nhất nhất đều không thể qua con mắt nhóm ngó của tình báo Mỹ. Về phía Tây, Sơn Ngọc Thành được Thái Lan yểm trợ nhưng bản doanh vẫn là Sài Gòn.

Trên đây cũng tạm đủ nói lên sự mâu thuẫn và bất đồng giữa Việt-Mỹ.

CHỦ TRƯƠNG CỦA HOA KỲ THEO NGÔ ĐÌNH NHU LÀ MỘT SỰ LỪA GẠT XẤU XA

Kể từ năm 1959, theo Bác Sĩ Trần Kim Tuyến thì ông Ngô Đình Nhu chủ trương quyết hạ cho bằng được Sihanouk vì nếu không thì chính Sihanouk sẽ là một mũi dùi đâm ngang hông Việt Nam Cộng Hòa. Biên giới Việt-Miên nếu còn Sihanouk thì rồi đây sẽ trở thành vùng chiến lược bất khả xâm phạm của cộng sản. Đối với Sihanouk, Ông Nhu chỉ có hai giải pháp một là lật nhào ông ta hai là trở lại ve vãn thân thiện với ông ta. Giải pháp ve vãn thân thiện đã bất thành cho nên Miền Nam chỉ còn một cách là đương đầu quyết liệt với Cambodge.

Con đường này lại đi ngược với chủ trương của Mỹ. Kể từ năm 1960 khi cuộc chiến gia tăng và nhất là trận đánh kiến phong (tháng 10.60) giữa lực lượng chính quy của cộng sản với Tiểu Đoàn I Nhảy Dù, người Mỹ mới bắt đầu nhận ra sự thực: Cambodge đã trở thành căn cứ địa an toàn của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Lực lượng cộng sản đã xuất phát từ phía bên kia lãnh thổ Cambodge tiến qua đánh Kiến Phong. Tuy biết sự thật như vậy nhưng vẫn giữ chủ trương ve vãn o bế Sihanouk. Không phải là các chiến lược gia Mỹ không hiểu rõ tầm mức quan trọng của lãnh thổ Cambodge đối với cuộc chiến tại Việt Nam. Nhưng lúc ấy Hoa Thịnh Đốn vẫn còn giới hạn cuộc chiến trong cục bộ Miền Nam. Đầu năm 1963, với trận Ấp Bắc tuy không có gì đáng gọi là một trận thua lớn *(sự thiệt hại giữa Việt Nam Cộng Hòa và Mặt Trận Giải Phóng Miên Nam được coi là cân bằng),* nhưng Hoa Kỳ lại lợi dụng trận đánh này và ồn ào áp lực mạnh với Tổng Thống Kennedy buộc chính quyền Ngô Đình Diệm phải thay đổi chiến lược và chiến thuật. Cũng từ năm 1963, Việt Nam Task Force mà chủ chốt là Hilsman nhận định rằng, phải thay đổi thái độ với Sihanouk nghĩa là chấm dứt thái độ o bế ve vãn. Trong khi đó thì ông Ngô Đình Nhu lại làm ngược lại nghĩa là bắt tay với Pháp tìm ở De Gaulle một điểm tựa. Ông Nhu đồng thời cũng muốn hâm nóng lại mối bang giao Việt-Miên đã nguội

lạnh từ lâu. Hoa Kỳ coi chủ trương này như một đe dọa cho thế đứng của họ tại Bán Đảo Đông Dương. Bởi vì khi Hoa Kỳ muốn đẩy mạnh cuộc chiến, muốn mở rộng địa bàn hoạt động thì toan tính của Ông Nhu lấy Pháp làm thế tựa, tìm ở Cambodge một động thái trung lập tích cực *(nghĩa là trung lập giữa Việt Nam Cộng Hòa và cộng sản Bắc Việt)* thì chủ trương ấy tự đã nói lên tính cách đe dọa nguy hiểm đối với toan tính Hoa Kỳ. Đó cũng là lý do khiến người Mỹ nóng lòng muốn thanh toán Ngô Đình Diệm. Ngày 19.7.1963, Nghị Sĩ Wayne L. Morse thuộc Ủy Ban Ngoại Giao Hoa Kỳ tuyên bố: "*Việt Nam không đáng nhận được sự hy sinh của một trẻ em Hoa Kỳ"*. Ông còn nói rằng, không đồng ý cho một đô la nào nữa để ủng hộ một chế độ độc tài tàn bạo của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Tại Sao như thế ?

ĐƯỢC NHẬP TỊCH VIỆT, NGƯỜI MIÊN 1959 COI ĐÓ NHƯ MỘT THẮNG LỢI Trong vụ tranh đấu Phật Giáo 1963, Cambodge là nước được ghi nhận là nước công kích chính quyền Ngô Đình Diệm mãnh liệt nhất. Ngay từ tháng 7 năm 1963, khi cuộc tranh đấu Phật Giáo trở nên mãnh liệt thì Sihanouk đã tìm mọi cách vận động khối người Việt gốc Miên tham gia cuộc tranh đấu này với chủ ý lật đổ cho kỳ được chế độ Ngô Đình Diệm.

Nhưng Sihanouk đã không thành công như ý muốn. Bởi Cộng Đồng Người Việt gốc Miên tại miền Tây vốn có cảm tình đặc biệt với cựu Thủ Tướng Sơn Ngọc Thành và dĩ nhiên trong hoàn cảnh lúc ấy Sơn Ngọc Thành phải giữ thế trung lập giữa chính quyền Việt Nam và Phật Giáo. Nói đến Cộng Đồng Người Việt gốc Miên thì không thể nào bỏ qua thế lực của các Sư Sãi Miên. Các vị Sư Sãi này luôn là các thủ lãnh có uy quyền với đồng bào của họ và đa số lại có cảm tình với Sơn Ngọc Thành. Khi Phái Đoàn Phật Giáo đến yết kiến Tổng Thống Diệm vào ngày 15.5 (sau vụ nổ Đài Phát Thanh Huế) Hòa Thượng Lâm Em đã phát biểu: *"Được gặp Tông Thống như thế này, tôi thấy tốt đẹp lắm"*. Từ đó, tuy có tiếng trong Ủy Ban Liên Phái nhưng Hòa Thượng Lâm Em cũng như Cư Sĩ Sơn Thái Nguyên vẫn giữ thái độ ôn hòa đối với chính quyền Ngô Đình Diệm nếu không

muốn nói là họ vẫn giữ sự thân thiện với chính quyền. Nhờ vậy trong suốt cuộc tranh đấu Phật Giáo năm 1963 người Việt gốc Miên tại miền Tây vẫn thụ động. Những Tỉnh có nhiều người Việt gốc Miên (*chiếm đa số)* như Trà Vinh, Sóc Trăng đều không có một phản ứng nào đáng ghi nhận...Trong 4 Vùng Chiến Thuật thì Vùng 4 và nhất là miền Tây kể từ tháng 5 đến ngày 1.11.1963 được coi là yên tĩnh về mặt Phật Giáo. Mặc dù Sihanouk với sự hỗ trợ đắc lực của tổ chức giáo vận thuộc Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam song ông vẫn không sao kích động được Cộng Đồng Người Việt gốc Miên để họ đứng lên chống lại chính phủ Ngô Đình Diệm. Được như vậy là nhờ ảnh hưởng của Sơn Ngọc Thành và uy quyền lớn lao của Hòa Thượng Lâm Em, vị thủ lãnh của các Sư Sãi Miên tại Miền Nam. Điều đáng kể là chính quyền Ngô Đình Diệm nắm vững Cộng Đồng Người Việt gốc Miên chính là nhờ trục Lâm Em, Sơn Thái, Sơn Ngọc Thành. Năm 1959 đã có đề nghị yêu cầu Tổng Thống Diệm đặt người Việt gốc Miên thành thiểu số (như đồng bào Thượng) các thủ lãnh của họ phản đối. Hòa Thượng Lâm Em cũng như Sư Sãi Miên cho như thế là "*hạ nhục"* người Miên. Đề nghị này được hủy bỏ, các thủ lãnh người Miên coi đó như một chiến thắng và một ân huệ mà Tổng Thống Diệm dành cho họ.

Với chính sách ve vãn Cambodge và nắm vững Cộng Đồng Miên tại miền Tây, Tổng Thống Diệm đã dành cho họ nhiều ưu tiên và đó cũng là cách nhằm nâng cao uy tín của thủ lãnh Sơn Ngọc Thành và vuốt ve lòng tự ái dân tộc của Cộng Đồng người Miên vốn có nhiều mặc cảm với người Việt. Có điều rất khó hiểu là năm 1969 người Miên lại muốn trở thành dân thiểu số tại Miền Nam. Theo sự tiên liệu thì đây cũng chỉ là một chiến thuật nằm trong sách lược của ngoại bang muốn biến người Việt gốc Miên thành dân thiểu số rồi từ nhãn hiệu thiểu số sẽ dễ dàng bước qua một giai đoạn khác tức giai đoạn phát động Phong Trào tự trị của người Miên tại miền Tây.

Năm 1963 Sihanouk được dịp trả thù. Kể từ năm 1959 Thái Tử Sihanouk tìm mọi cách phát triển uy tín và cơ sở mật tại hạ tầng Cộng

Đồng Người Việt gốc Miên nhưng như trên đã viết uy tín của Thái Tử Sihanouk vẫn mờ nhạt trước một Sơn Ngọc Thành, và Lâm Em. Vụ tranh đấu Phật Giáo 1963 là một thất bại lớn của Sihanouk tại miền Tây vì Sihanouk không đạt được âm mưu khuấy động tại miền Tây với anh nghĩa tranh đấu cho 5 nguyện vọng của Phật Giáo.

Trong khi đó thì tại Nam Vang Shihanouk dùng mọi nỗ lực để yểm trợ tinh thần cho cuộc tranh đấu của Phật Giáo Việt Nam. Báo chí từ phe Miên hữu đến phe tả đều nhất loạt lên án chính quyền Ngô Đình Diệm. Điển hình là nhật báo Neak Cheat Niyum, (tờ báo của chính phủ) kể từ 19.5 cho đến 1.11.1963 nhật báo này mở cả một chiến dịch tấn công chính quyền Ngô Đình Diệm về vụ gọi là *"kỳ thị và tàn sát Phật Giáo"*. Ngôi Chùa Onnalum, một ngôi Chùa lớn mới được xây cất tại Nam Vang đã trở thành trung tâm tranh đấu của Phật Giáo tại Miên. Trong buổi lễ khánh thành ngôi Chùa này vào đầu tháng 6.1963, Thái Tử Sihanouk đã tuyên bố những lời nảy lửa lên án chính sách kỳ thị tôn giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm. Sihanouk cũng đã dự lễ cầu siêu cho Phật Tử Việt Nam mà ông cho rằng *"nạn nhân của chính phủ Ngô Đình Diệm. Chính phủ Diệm sau khi tàn sát nhiều Sư Sãi và Phật Tử Miên tại Miền Nam nay lại ngược đãi tàn sát cả đồng bào họ theo Phật Giáo"*. Ngày 6.9.1963 chính phủ Miên tổ chức một cuộc mít tinh tại Chùa Onnalum để gọi là biểu dương tinh thần đoàn kết với Phật Tử Việt Nam để phản kháng chính quyền Ngô Đình Diệm về sự đàn áp Phật Giáo. Hội Việt Kiều Phật Giáo do ông Trần Văn Được làm Chủ Tịch cũng được Cambodge dành cho mọi sự dễ dãi trong công cuộc vận động Việt Kiều chống chính quyền Ngô Đình Diệm. Ngày 16.6.1963 chính phủ Cambodge lại cho phép hội này được tổ chức một cuộc biểu tình rầm rộ trước Đại Diện Việt Nam Cộng Hòa tại Nam Vang để lên án chính quyền Ngô Đình Diệm và Đế Quốc đàn áp Phật Giáo Việt Nam. Trước đó 3 ngày tức là ngày 13.6, Cambodge bày tỏ lòng căm phẫn của chính phủ và nhân dân Cambodge tại Miền Nam và cũng bày tỏ niềm âu lo trước các biện pháp đàn áp Phật Giáo và Phật Tử của chính phủ Việt

Nam Cộng Hòa. Trong văn thư kể trên chính phủ Cambodge đòi hỏi chính phủ Việt Nam Cộng Hòa phải tôn trọng các nguyên tắc của bàn tuyên ngôn nhân quyền Liên Hợp Quốc.

Tổng Trưởng Ngoại Giao Cambodge đã chánh thức mời viên Đại Lý Tòa Đại Diện Việt Nam đến Bộ Ngoại Giao và trao cho ông này một văn thư gửi Bộ Trưởng Ngoại Giao Việt Nam Cộng Hòa. Trong văn thư ngày 16.6 Sihanouk lại tuyên bố hỗ trợ chính phủ Tích Lan của bà Sikimawo Bandaranaike về việc vận động với U-Thant, Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc để đưa vụ Phật Giáo Việt Nam ra trước Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc.

SIHANOUK TRANH ĐẤU CHO PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Đối với Sihanouk thì vụ Phật Giáo 1963 là một cơ hội ngàn vàng để ông có dịp tố cáo Việt Nam Cộng Hòa về một điều giả tạo nhưng Sihanouk vẫn cho rằng chính quyền Ngô Đình Diệm đã đàn áp giết hại người Miên và các Sư Sãi Miên tại Miền Nam.

Sihanouk gắn liền lời tố cáo này với chiêu bài "*ủng hộ triệt để cuộc tranh đấu Phật Giáo Việt Nam*". Sihanouk không ngừng phát động cả một chiến dịch báo chí tấn công và bôi đen chính quyền Ngô Đình Diệm trong khi đó Cộng Đồng Người Việt gốc Miên lại tỏ ra thờ ơ lạnh nhạt. Nhờ vậy mà Vùng 4 Chiến Thuật không gặp một khó khăn nào trong vụ tranh đấu ngoại trừ một vài địa phương như Bến Tre và Mỹ Tho nhưng lại không đáng kể. Căn cứ theo tài liệu thì trong suốt thời gian đấu tranh của Phật Giáo, Vùng 4 Chiến Thuật chỉ phải đối phó với áp lực quân sự mạnh mẽ của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.

Miền Tây coi như không có vụ tranh đấu của Phật Giáo nếu không theo dõi báo chí và Đài VOA và BBC. Khi yết kiến Tổng Thống Diệm cũng như Bộ Trưởng Bùi Văn Lương, ông Đại Biểu Nguyễn Văn Vàng đã trình bày rõ ràng như vậy và Tướng Huỳnh Văn Cao, Tư Lệnh Vùng 4 cũng xác nhận như vậy trong tập hồi ký của ông mới xuất bản gần đây.

Tại Nam Vang ngày 2.11.1963 tức sau ngày đảo chánh và trước cái chết

của anh em Tổng Thống Diệm, Thái Tử Sihanouk đã biểu lộ niềm hân hoan chưa từng có. Đêm 2.11 Sihanouk mở tiệc liên hoan trong Hoàng Cung. Tờ La Dépeche du Cambodge ra số ngày 3 cho rằng, cái chết của Diệm, Nhu đã đem lại cho nhân dân Cambodge một niềm vui mừng vô hạn. Thái Tử Sihanouk chính thức tuyên bố: *"Ngô Đình Diêm, kẻ thù của nhân dân Cambodge và Phật Giáo đã đến tội...đó là ngày lớn của lịch sử Đông Dương*". Liên tiếp trong 3 ngày liền, Sihanouk mở tiệc liên hoan làm như chính ông ta đã ra tay hạ được kẻ thù không đội trời chung của Sihanouk.

Sihanouk biết rất rõ chính quyền Ngô Đình Diệm đã tài trợ và dung dưỡng tổ chức Khmer Tự Do của Sơn Ngọc Thành. Chỉ một điều này đã đủ khiến Sihanouk căm thù chính quyền Ngô Đình Diệm vì Sơn Ngọc Thành đối với Sihanouk vốn là kẻ thù bất cộng đái thiên. Sihanouk đã dùng đủ cách để hạ sát Sơn Ngọc Thành kể cả âm mưu dùng bàn tay của Phòng Nhì Pháp và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Nhưng Sihanouk không thể làm gì được họ Sơn bởi vì chính cái uy tín lớn lao của họ Sơn trong Cộng Đồng Người Miên ở Miền Nam đã tạo nên bức tường thành bảo vệ Sơn và tổ chức Khmer Tự Do.

MỐI THÙ BIÊN GIỚI

Trong chuyến công du Việt Nam năm 1957 Thái Tử Sihanouk đã đặt vấn đề biên giới Việt-Miên với Ông Nhu. Kết quả là Sihanouk và Ông Nhu đã thỏa thuận như thế này: *"Hai chánh phủ Việt-Miên sẽ không đặt vấn đề biên giới như một tiên quyết cho việc thiết lập bang giao Việt-Miên. Tuy nhiên hai nước vẫn mặc nhiên công nhận thỏa hiệp Dupré-Norodom 1873"* Theo thỏa hiệp Dupré-Norodom ký kết giữa Thống Đốc Nam Kỳ (Đô Đốc Dupré) và Miên Hoàng Norodom thì biên giới Việt-Miên được phân định bằng 124 cột trụ kéo dài từ ngã ba biên giới cho đến phía Bắc Kinh Vĩnh Tế qua sông Tonly tree, Sóc Stroc tum, Ban Churung, Paplan.

Kết quả cuộc hội đàm giữa Sihanouk và Ngô Đình Nhu là Cambodge sẽ không công nhận chính quyền Miền Bắc, nhưng vì tôn trọng tinh thần hiệp ước Genever 1945, Cambodge chỉ thiết lập bang giao với Việt Nam trên

hàng Đại Diện Ngoại Giao (với cấp bậc Đặc Sứ).

Ít lâu sau Sihanouk lại làm ngược lại lời cam kết khi ông ta tính chuyện kết thân với chính quyền Bắc Việt và Trung Cộng.

Sihanouk đưa ra hai mục tiêu để gây hấn với chính quyền Ngô Đình Diệm. Trước hết là vấn đề biên giới Sihanouk lại phủ nhận thỏa hiệp Dupré.

Sihanouk thường lên tiếng tố cáo chính quyền Ngô Đình Diệm đã vi phạm và đã lấn qua lãnh thổ Cambodge, sau nữa, Sihanouk lại phủ nhận các nghị định mà các toàn quyền Đông Dương của Pháp trước đây đã ký ấn định ranh giới các Tỉnh Tây Ninh và PreyVeng, Thủ Dầu

Một và Kompong Chàm, Châu Đốc...Những năm 1959-1960-1961 tại các vùng biên giới Việt- Miên, lính Miên được lệnh nhổ cột trụ cắm sâu vào lãnh thổ Việt Nam cả 6, 7 cây số. Quân Đội Việt Nam lại phải mở cuộc hành quân nhổ cột trụ đem vào vị trí cũ. Cứ mỗi lần như thế

Shihanouk lại hô hoán là Quân Đội Việt Nam vi phạm biên giới. Vấn đề thứ hai là người Miên tại Miền Nam, Shihanouk chống lại việc Việt tịch hóa người Miên, ông ta còn "bắn tiếng" sẽ đòi lại một số Tỉnh miền Tây. Khi Tổng Thống Diệm đặt tên tại một số địa danh của các Tỉnh miền Tây là có ý biểu dương uy quyền quốc gia trên một số lãnh thổ còn mang nhiều di tích của người Miên (như Sóc Trăng chẳng hạn) và đó cũng là cái cách Tổng Thống Diệm muốn làm sống lại một quá khứ xa xưa dưới thời Minh Mạng, Tự Đức với những địa danh như Kiên Giang, An Giang, Phong Dinh...giai đoạn vinh quang kết thúc cuộc Nam Tiến.

Trên đây chúng tôi trình bày sơ qua về mối cừu hận của Sihanouk đối với chế độ Ngô Đình Diệm và đó cũng là lý do khiến cho Sihanouk vô cùng hân hoan trước cái chết của anh em Tổng Thống Diệm. Sihanouk hận thù chính quyền Ngô Đình Diệm vì chính quyền này đã dung dưỡng và hỗ trợ Sơn Ngọc Thành. Một điều khác nữa là đã có một lần chính quyền Ngô Đình Diệm âm mưu lật đổ chế độ Sihanouk vào tháng giêng năm 1959.

Giai đoạn đầu Tổng Thống Diệm vẫn giữ vững chủ trương giao hảo tốt

đẹp với Sihanouk (1957-1959). Vào cuối năm 1956 Việt-Miên đồng ý thiết lập bang giao trên cấp bậc Đặc Sứ. Tổng Thống Diệm hỏi ý kiến Phó Tổng Thống Thơ về việc này và yêu cầu ông chọn một nhân vật giữ chức vụ Đặc Sứ Việt Nam đầu tiên tại Cambodge. Tổng Thống Diệm đưa ra ba tiêu chuẩn để ông Thơ dễ dàng lựa chọn.

1- Viên Đặc Sứ phải ăn nói hoạt bát lanh lẹ và giỏi về Pháp Ngữ.

2 Am tường nội tình Cambodge.

3- Có mưu mẹo tháo vát và quen biết nhiều các giới chức Miên, Pháp.

Phó Tổng Thống Thơ đề bạt người bạn tâm giao của ông tức Ngô Trọng Hiếu lúc ấy đang giữ chức vụ Tổng Giám Đốc Ngân Khố. Cũng nên ghi thêm là suốt 9 năm cầm quyền Tổng Thống Diệm rất tin cẩn ông Thơ. Khi muốn tìm một người giữ chức quan trọng nào thì thường thường Tổng Thống Diệm hỏi ý kiến ông Thơ. Một khi ông Thơ đề bạt ai thì người đó rất nhiều hy vọng được bổ nhậm. Mặc dầu bổ nhậm một Đặc Sứ đáng lý ông Tổng Thống phải hỏi ý kiến ông Bộ Trưởng Ngoại Giao, nhưng Tổng Thống Diệm vẫn có thành kiến là Phó Tổng Thống Thơ am tường về Miền Nam và nội tình Cambodge. Khi Tổng Thống Diệm nói: "*Người Cụ Phó giới thiệu*". Câu nói này có nghĩa là người đó đáng tin cẩn của chế độ. Người duy nhất mà ông Thơ đề bạt giữ chức vụ Đặc Sứ tại Miên là ông Hiếu (*hai người này được coi như đôi bạn cố tri, khi ông Thơ lãnh Tỉnh Trưởng Long Xuyên thì ông Hiếu giữa chức Trưởng Ty Ngân Khố)* Phó Tổng Thống Thơ có trình bày với Tổng Thống Diệm là Ngô Trọng Hiếu hội đủ nhưng tiêu chuẩn mà Tổng Thống Diệm đưa ra. Ông Thơ cũng nhấn mạnh là Ngô Trọng Hiếu nói được tiếng Miên rất thông thạo, từng sống nhiều năm tại Cambodge và là một viên chức của Ngành Ngân Khố Pháp tại Cambodge. Tổng Thống Diệm đồng ý nhưng sau đó lại hỏi ý kiến Ông Nhu thì Ông Nhu cho rằng "*Tùy Tổng Thống, cắt cử ai cũng được ăn thua là chính sách của mình, tôi thấy Ngô Trọng Hiếu cũng được*". Ông Nhu thắc mắc: *"Hiếu còn hơn là dân Tây mà ?"* Tổng Thống Diệm nói một hơi dài như thể biện minh cho ông Hiếu: *"Hắn hồi Việt Tịch rồi*". Ông Nhu đáp

nhát gừng: "*Như vậy cũng được*".

Trước khi chính thức bổ nhậm, Ngô Trọng Hiếu phải trải qua một cuộc "*thi vấn đáp*" mà giám khảo là Tổng Thống Diệm. Sau khi hỏi kỹ về nội tình Cambodge Tổng Thống Diệm chất vấn Ngô Trọng Hiếu: *"Tình hình như vậy thì đối với Miên bây giờ sẽ tính sao"* Vốn là người nói năng lưu loát, ông Hiếu đáp ngay: "*Trình Cụ, đối với Miên thì tôi có hai điều căn bản, một là dùng tình cảm, hai là hối lộ mua chuộc họ"* Tổng Thống Diệm hỏi: "*Dùng tình cảm như thế nào*" Ông Hiếu đáp: "*Người Miên có nhiều mặc cảm với người Việt lắm vậy ta phải làm mọi cách thân thiện với họ, đề cao họ và để họ thấy rằng ta coi họ như bạn bè"*. Tổng Thống Diệm lại căn vặn: *"Lúc nẫy ông nói hối lộ vậy hối lộ như thế nào ?"* Ông Hiếu đáp: "*Thưa Cụ xin được tùy cơ ứng biến, bà mẹ của Sihanouk ham được hối lộ lắm"*.

Tổng Thống Diệm hỏi: "*Ông có quen ai ở bên đó không ?*" Ngô Trọng Hiếu đáp: *"Dạ thưa quen nhiều, tôi có quen thân ông Hoàng Monireth*" Tổng Thống Diệm hỏi tiếp: *"Ông ta là người như thế nào* ?" Ông Hiếu đáp: "*Theo thứ tự trong Hoàng Tộc Miên thì Hoàng Thân Monireth mới là người nối Vua Cao Miên chứ không phải Sihanouk"* Tổng Thống Diệm lại hỏi:

"Ông ta với Sihanouk như thế nào ?" Ông Hiếu đáp: "*Hoàng Thân Monireth là cậu ruột của Sihanouk. Thời Pháp Hoàng Thân Monireth là Trung Úy trong quân đội Lê Dương của Pháp, ông ta rất được mẹ Sihanouk tin cẩn*" Tổng Thống Diệm hỏi lại: *"Bà ta như thế nào ?"* Ông Hiếu đáp: "*Thưa Cụ, bà ta nổi tiếng là tham lam hay nhận hối lộ"*. Tổng Thống Diệm lại hỏi: "*Ông còn quen ai khác nữa không ?"* Ông Hiếu đáp: "*Thưa Cụ còn một vài bạn thân như Samsary Yam Sambaur"*. Tổng Thống Diệm gật đầu: "*Thôi được ông về lo thu xếp rồi sang bên đó giúp tôi*". Tổng Thống Diệm thắc mắc: "*Ông đi sang bên đó ai có thể thay ông làm Tổng Giám Đốc Ngân Khố*" Ông Hiếu đáp: *"nhân viên cao cấp của ngành ngân khố hiện nay hầu hết còn giữ Pháp Tịch vậy xin Cụ cho Trần Văn*

Minh tạm thời thay quyền Tổng Giám Đốc" Tổng Thống Diệm nói vắn tắt: "*Thôi được, ông sang bên đó cố gắng làm sao cho tốt đẹp*". Trước khi ra về ông Hiếu được Tổng Thống Diệm chỉ thị thêm: "*Mình phải tạo được thế liên minh với Miên Lào thì hai nước ấy cùng một khối với mình thì mình sẽ đủ sức chống cộng sản"*.

NGÔ ĐÌNH NHU VÀ VỤ ĐẢO CHÍNH HỤT CỦA DAP CHOUN

Khi Tòa Đại Diện Việt Nam được thiết lập chính thức mở đầu cho giai đoạn bang giao tốt đẹp giữa Việt Nam và Miên thì Pháp cũng như chính Hà Nội bắt đầu lo ngại. Tòa Đại Diện Việt Nam đã thành công qua giai đoạn *"thân thiện và mua chuộc theo đúng chỉ thị của Tổng Thống Diệm"* Tốn phí thế nào cũng được miễn sao mua chuộc được Miên, rồi lần về Sài Gòn, Ngô Trọng Hiếu lại mua sắm đủ thứ của ngon vật lạ để dưa lên Nam Vang *"hối lộ"* Hoàng Hậu

Kossamack. Bà ta cũng như Hoàng Thân Monireth đều có cảm tình tốt đẹp với người Việt.

Từng giỏ soài, cam, ổi sá lị của ông Hiếu dâng tặng Hoàng Hậu Kossamack đã có tác dụng ngay. Sihanouk qua ảnh hưởng của người mẹ đã có một thái độ tốt đẹp và cởi mở đối với chính quyền Sài Gòn. Tòa Đại Diện Việt Nam sử dụng phương thuật "*phóng tài hóa thu nhân tâm*" nên không những hối lộ quà cáp với Hoàng Hậu Kossamack mà còn mua chuộc các giới chức cao cấp của Miên cũng như Hoàng Thân Monireth bằng cách biếu quà, tổ chức tiệc tùng, săn bắn...Nhờ vậy, Ngô Trọng Hiếu móc nối được Tướng Dap Choun, mệnh danh là Phó Vương Cao Miên, một mình ông ta thống lãnh cả vùng Siemreap miền Tây Cambodge.

Giữa năm 1958, Shihanouk thay đổi chính sách ngoại giao...việc đầu tiên là Sihanouk chấp thuận cho Trung Cộng đặt tại Nam Vang một đại diện thương mại. Đồng thời Sihanouk cũng tìm cách mở rộng bang giao với khối cộng sản và bắt tay với chính quyền Hà Nội. Năm 1958, Sihanouk thiên hẳn về cộng sản.

Sự thực Sihanouk chủ tâm gây hấn về vấn đề biên giới Việt-Miên, về

Việt Tịch hóa người Miên cũng như đòi lại mấy Tỉnh miền Tây chẳng qua chỉ là một chiến thuật gây rối và tạo áp lực trước hết để chính quyền Ngô Đình Diệm không tạo được cơ hội gây rối nội bộ Miên sau nữa là nhắm đến việc sửa soạn đón tiếp "*ông bạn*" Bắc Việt. Sihanouk đã từng tuyên bố "*Cộng sản Bắc Việt và Việt Nam Cộng Hòa đều nguy hiểm như nhau"* Nhưng Bắc Việt là mối nguy hiểm đằng xa. Việt Nam Cộng Hòa mới là mối nguy hiểm trực tiếp đối với Cambodge.

Rõ rệt nhất là sự tài trợ và dung túng tổ chức Khmer Tự Do của Sơn Ngọc Thành, họ Sơn là một ám ảnh lớn đối với Sihanouk đó cũng là mối thù của Sihanouk đối với chính quyền Ngô Đình Diệm. Nhưng không có mối thù nào lớn cho bằng vụ Dap Choun đã gây nên mối cừu hận giữa Sihanouk và chính quyền Ngô Đình Diệm. Đó cũng là lý do cho ta thấy tại sao liên tiếp trong 3 ngày sau đảo chánh 1.11.1963 Sihanouk đã tổ chức liên hoan như đại hội hoa đăng để ăn mừng Diệm Nhu bi thảm sát.

TƯỚNG DAP CHOUN VÀ 100 KILO VÀNG CỦA VIỆT NAM CỘNG HÒA

Vụ Dap Choun diễn tiến như thế nào ? Ông Đặc Sứ Ngô Trọng Hiếu trở về Sài Gòn trong chiều hướng mới của Sihanouk đối với cộng sản Bắc Việt và Cambodge với chiều hướng này sẽ là mối de dọa lớn cho Việt Nam Cộng Hòa. Ông Ngô Đình Nhu chỉ thị nếu không kéo được Sihanouk về phe mình và nếu Sihanouk trung lập thân cộng thì chỉ còn cách mưu đồ hạ bệ ông ta. Ông Ngô Trọng Hiếu đề nghị nên làm một *"cú"* đảo chính Sihanouk. Về đề nghị này, Tổng Thống Diệm hỏi: *"Ai có thể làm được"* Ngô Trọng Hiếu đáp: "*Trình Cụ, Tướng Dap Choun có thể làm được"* Tổng Thống Diệm lại hỏi ông Hiếu: "*vai trò của Dap Choun hiện nay ra sao ?"* Ông Hiếu trình bày: *"Tướng Dap Choun nắm hết quyền bính tại miền Tây Cambodge, lực lượng phòng vệ Hoàng Cung tại Nam Vang đều là tay chân của Dap Choun"* Tổng Thống Diệm đồng ý

"ông cứ làm đi, liên lạc với Dap Choun xem sao".

Trở lại Cambodge, ông Ngô Trọng Hiếu bắt liên lạc ngay với Tướng

Dap Choun. Trong một chuyến săn tại khu rừng phía Bắc Siemrreap, ông Hiếu cùng đi với Dap Choun và tìm lời ngỏ ý...Tướng Dap Choun đang có chuyện bất mãn với Sihanouk và cho rằng Sihanouk chưa đủ trưởng thành để lãnh đạo. Dap Choun thuộc phe quân Phiệt cực hữu Cambodge và ông ta chống lại chủ trương trung lập thân cộng của Sihanouk. Dap Choun lại có cô vợ bé người Việt mà ông ta đang sủng ái, chính người vợ bé này đã giúp Tòa Đại Diện Việt Nam trong nhiệm vụ giao liên để thuyết phục Dap Choun.

Sau nhiều lần gặp gỡ thảo luận, Tướng Dap Choun đã đồng ý với Đặc Sứ Ngô Trọng Hiếu về kế hoạch đánh chiếm Nam Vang và lật đổ Shihanouk.

Tướng Dap Choun ngỏ ý, ông cần một số dollars hoặc vàng để làm phương tiện dưỡng quân trong vòng hai tháng. Điều kiện này không có gì quá khó khăn và ông Ngô Trọng Hiếu lại trở lại Sài Gòn trình lại với Tổng Thống Diệm và Ông Nhu. Tổng Thống Diệm nói đơn giản:

"nếu thấy làm được thì cứ làm, tổn phí cũng ráng phải chịu cho nó xong việc".

Ông Nhu cho mời Bác Sĩ Tuyến vào phòng để thảo luận cho kỹ lưỡng, cân nhắc lợi hại trước khi bắt tay vào hành động. Kế hoạch này tuyệt đối bí mật không một nhân vật cao cấp nào biết rõ ngoại trừ Phó Tổng Thống Thơ, Ông Nhu, Bác Sĩ Tuyến và ông Hiếu. Vấn đề khó khăn nhất là tìm đâu ra 100 kilo vàng để tài trợ cho Dap Choun ? Điều này Tổng Thống Diệm trao phó cho Phó Tổng Thống Thơ giải quyết vì còn là Bộ Trưởng Kinh Tế nên nếu rút 100 kilo vàng trong số trữ kim của ngân khố sẽ không ai để ý, nghi ngờ và sau đó sẽ tìm cách giải quyết. Phó Tổng Thống Thơ đã góp công đắc lực trong phần vụ này.

Một trăm kilo vàng được đóng vào thùng niêm phong cẩn mật và tự tay ông Hiếu dùng xe hơi trở lên tận Siemreap. Tại đây, đặt một điện đài liên lạc thẳng với Sài Gòn và Tòa Đại Diện Việt Nam. Đặc Sứ Ngô Trọng Hiếu vẫn tiếp tục liên lạc bí mật với Tướng Dap Choun và người em của Dap

Choun cũng là Dân Biểu Quốc Hội Miên. Tướng Dap Choun khi nhận được 100 kilo vàng đã đánh một điện văn cảm ơn Tổng Thống Diệm và cho biết ông đã nhận được quà biếu. Từ đầu tháng 1 năm 1959 hàng ngày cứ lúc 7 giờ sáng 12 giờ sáng, 12 giờ trưa và 9 giờ đêm, điện đài vô tuyến từ Dinh Dap Choun vẫn gửi tin tức đều đặn về Cơ Quan Tình Báo Phủ Tổng Thống. Phía Dap Choun và Ngô Trọng Hiếu cũng sửa soạn kế hoạch tiến đánh Nam Vang. Lần gặp gỡ cuối cùng giữa Dap Choun và Ngô Trọng Hiếu nhằm ngày 10.11.1959. Dap Choun cho ông rõ là công việc mưu đồ đang tiến hành tốt đẹp và hai bên ấn định ngày H sẽ ra tay.

Tại Sài Gòn, Ông Nhu cũng như Bác Sĩ Tuyến chỉ còn thảo luận về việc đem Sơn Ngọc Thành trở lại Nam Vang. Một khi cuộc đảo chánh bùng nổ thì lực lượng của Quân Khu V (tức Quân Khu IV bây giờ) và Quân Khu II sẽ động binh tiến đến biên giới giúp Dap Choun nắm vững khu vực miền Đông-Bắc Cambodge.

Sơn Ngọc Thành lại qua Vọng Các và liên lạc với chính quyền Thái Lan để hỗ trợ ông ta về phía Tây. Cũng vì Sơn Ngọc Thành qua Thái Lan nên ngày H phải hoãn lại và đó cũng là nguyên nhân làm cho âm mưu bị bại lộ.

TRƯỚC KHI TỬ HÌNH HAI ĐIỆP VIÊN VIỆT NAM HỒ LỚN: "VIỆT NAM MUÔN NĂM"

Nếu ngày H theo đúng kế hoạch và thời hạn ấn định thì Sihanouk không kịp trở tay. Như trên đã viết sở dĩ phải dời lại thêm 10 ngày đợi cho Sơn Ngọc Thành đi tiếp xúc với nhà cầm quyền Thái Lan. Trong thời gian này, có lẽ Tướng Dap Choun quá chủ quan cho nên âm mưu đảo chánh lọt đến tai Tòa Đại Sứ Pháp. Dĩ nhiên là Pháp phải cấp báo cho Sihanouk.

12 giờ đêm ngày 21. Đại Sứ Pháp cùng Đại Sứ Nga vào Hoàng Cung gặp Sihanouk và tiết lộ âm mưu đảo chánh của Tướng Dap Choun. Hai giờ sau, Sihanouk cho lệnh động binh, trao cho Tướng Lon Nol thống lãnh lực lượng Dù mở cuộc tấn công chớp nhoáng Thành Phố Siemreap, 6 giờ sáng, Tướng Dap Choun còn đang ngủ, quân của Tướng Lon Nol đã tràn ngập Thành Phố Siemreap. Dap Choun không kịp trở tay, ông cải trang

trốn thoát.

Quân của Lon Nol chiếm Dinh Thống Đốc Siemreap và bắt được đầy đủ tang vật gồm 100 kilo vàng, hai chuyên viên Việt Nam và đài vô tuyến cùng một số võ khí. Khi quân của Tướng Lon Nol tiến về Siemreap, Tòa Đại Diện Việt Nam biết rõ nhưng đành bó tay vì không còn phương cách nào cấp báo cho Dap Choun.

Tại Sài Gòn theo thông lệ 7 giờ mỗi sáng đều nhận được tín hiệu từ Dinh Dap Choun nhưng suốt buổi sáng hôm đó bặt tin. Cơ Quan Tình Báo Phủ Tổng Thống linh cảm thấy nguy cơ... Âm mưu lật đổ Sihanouk chắc bất thành.

Ngày hôm sau, Thái Tử Sihanouk mời tất cả Ngoại Giao Đoàn lên Siem Reap xem chiến lợi phẩm trong đó có Ngô Trọng Hiếu. Ông Hiếu ở thế "*tiến thoái lưỡng nan"* nhưng cuối cùng vẫn quyết định đi theo Phái Đoàn Ngoại Giao cùng với toàn thể Nội Các Cambodge. Ngôi sao Lon Nol bắt đầu rực sáng. Đó là thành tích huy hoàng của ông đối với Thái Tử Sihanouk. Từ thành tích này, Tướng Lon Nol trở nên một cận thần có thế lực nhất sau Sihanouk.

Tại Dinh Thống Đốc Siem Reap, Sihanouk vênh vang đắc thắng nhưng không ngớt lời thóa mạ *"kẻ thù dân tộc Khmer*" mà Sihanouk tuy không nêu đích danh là Việt Nam Cộng Hòa nhưng ám chỉ bằng những danh từ "*tay sai đế quốc"*...Sihanouk trình bày tất cả bằng chứng 100 kilo vàng và hai điệp viên Việt Nam cùng điện đài. Sihanouk quay về phía Ngô Trọng Hiếu và hỏi: *"Thưa ngài Đại Diện, Ngài nghĩ thế nào về những bằng chứng rõ rệt này*". Ông Hiếu cố làm vẻ thản nhiên, đáp: "*Thưa Thái Tử Quốc Trưởng, chúng tôi đến đây để được nghe ngài trình bày nên không có gì để trả lời cả"*. Ngoại Giao Đoàn im phắc...Thái Tử Sihanouk không biết nói sao nhưng bằng chứng thật là rõ rệt, 100 kilo vàng còn giữ nguyên dấu hiệu của Ngân Khố Việt Nam. Hai chuyên viên vô tuyến người Việt Nam, lại mang theo cả giấy thông hành Việt Nam.

Tuy vậy Sihanouk vẫn không lên án đích danh Việt Nam Cộng Hòa mặc

dù ông ta biết rõ tường tận từ bằng chứng cụ thể đến âm mưu kế hoạch. Khi ông Ngô Trọng Hiếu và Ngoại Giao Đoàn được mời đến quan sát hai chuyên viên người Việt (bị trói chặt tay) ông Hiếu đưa tay tát yêu trên má của họ và mỉm cười không nói một lời nào. Hai chuyên viên này cũng không biết ông là Đặc Sứ của Việt Nam. Ít lâu sau bị kết án tử hình và hành quyết ngay. Trước phút lìa trần 2 chuyên viên này đồng thanh hô lớn: "*Việt Nam muôn năm*". Thái độ bình tĩnh gan dạ và đầy khí phách của họ đã làm cho nhà cầm quyền Cambodge phải kính nể.

Riêng Tướng Dap Choun trốn thoát vào rừng nhưng ông ta vốn nghiện thuốc phiện và ôm cả thuốc nằm gục dưới một gốc cây. Lực lượng Dù của Tướng Lon Nol bắt gặp và hạ sát Dap Choun tại chỗ.

Tại Sài Gòn, Tổng Thống Diệm cũng như Ông Nhu đều phập phồng lo âu cho số mạng của ông Đặc Sứ Ngô Trọng Hiếu vì biết đâu Sihanouk có thể làm hoảng. Nhưng trái lại, Sihanouk chỉ yêu cầu chính phủ Việt Nam triệu hồi Ngô Trọng Hiếu.

Linh Mục François từ Nam Vang qua Sài Gòn vào cuối tháng 7 năm 1963. Trước khi đặt chân lên Thủ Đô Miền Nam. Linh Mục có cảm tưởng Sài Gòn đang là một hỏa ngục thiêu đốt hàng ngàn Sư Sãi và Phật Tử. Sở dĩ có cảm tưởng như vậy vì xuyên qua báo chí Tây Phương và nhất là những lời đồn đại và dư luận báo chí tại Nam Vang. Linh Mục tuy vẫn tin tưởng nơi cá nhân Tổng Thống Diệm, nhưng Linh Mục vẫn cảm thấy ghê tởm những trại tù lộ thiên "*giam hàng ngàn Phật Tử bỏ đói, phơi nắng và bị tra tấn dã man*" Trong cuộc gặp gỡ với Linh Mục François và Thủ Tướng Cambodge (Hoàng Thân Norodom Kantol) chính Thủ Tướng Kantol đã nói như vậy. Nhưng sự thật có như vậy không ? Linh Mục François lưu ngụ tại Sài Gòn hai tuần lễ và tìm mọi cách để điều tra xem chính quyền Ngô Đình Diệm đã đàn áp Phật Giáo đến mức độ nào ?

Trong cuộc gặp gỡ Thủ Tướng Kantol ông ta có nói với Linh Mục:

- Thái Tử Quốc Trưởng và Chính Phủ Cambodge rất lo ngại cho số phận hàng trăm ngàn Phật Tử Miên thuộc Giáo Phái Theravada nếu chính

quyền Ngô Đình Diệm không ngừng đàn áp Phật Tử thì các nước Phật Giáo Á Châu sẽ có một thái độ quyết liệt và có thể tiến đến một hành động, chúng tôi sợ rằng lúc ấy sẽ bất lợi cho tín đồ Thiên Chúa Giáo Á Châu.

Linh Mục François đáp: Chúng tôi rất hổ thẹn có một tín hữu dùng quyền bính mà đàn áp ngược đãi đồng bào Phật Tử của ông ta như vậy. Nếu cứ nói như lời Thủ Tướng thì sự đàn áp này có thật. Chắc chắn Giáo Hội Thiên Chúa Giáo tại Miền Nam sẽ có thái độ.

Thủ Tướng Kantol: "*Cuộc biểu tình ngày 17 vừa qua (17.7.1963) của hàng trăm ngàn Phật Tử tại Sài Gòn chính quyền Thiên Chúa Giáo thẳng tay đàn áp. Hiện nay có cả hàng ngàn Sư Sãi đang bị giam giữ, một số bị thủ tiêu*".

Linh Mục François lắc đầu: *"Tôi không biết phải thưa chuyện với Thủ Tướng thế nào.*

Nhưng nếu Thủ Tướng nói là chính quyền Thiên Chúa Giáo thì hoàn toàn không đúng. Tôi nghĩ chỉ có chính quyền Miền Nam do ông Ngô Đình Diệm lãnh đạo. Giáo Hội Thiên Chúa Giáo không có liên hệ gì đến chính quyền đó".

Có lẽ Thủ Tướng Kantol biết mình lỡ lời nên mỉm cười, nói: *"Xin lỗi Cha đó chỉ là cách nói của tôi theo dư luận báo chí. Tuy nhiên Giáo Hội Thiên Chúa Giáo cũng có trách nhiệm nhất là vụ "bắt giết" Phật Tử lại xảy ra ngay nơi mà người anh của Ông Diệm làm Tổng Giám Mục và điều khiển chính quyền*".

Linh Mục François: "*Tôi có đến thăm Giáo Khu Huế một vài lần, tôi có thể cả quyết với*

Thủ Tướng là Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục không có một quyền hạn nào đối với chính quyền do người em ông lãnh đạo. Dù nếu có thì Giáo Hội cũng không cho phép Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục được làm như vậy".

Thủ Tướng Kantol có vẻ không tin lời của Cha François. Ông ta dẫn chứng qua một vài bài báo của Mỹ và khẳng định cho rằng: "*Tổng Giám*

Mục Ngô Đình Thục đang chia xẻ một phần lớn quyền hành của ông em và theo chỗ tôi được biết thì Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục đang chỉ huy chiến dịch đàn áp Phật Giáo".

Thủ Tướng Kantol cũng tiết lộ là ông mới gặp một Đại Diện cao cấp của chính phủ Hà Nội. Đại Diện này đã trao tất cả tài liệu (?) về chiến dịch đàn áp Phật Giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm và đặc biệt về tài liệu *"bắn giết giam cầm" hàng ngàn Phật Tử tại Miền Trung do Đức Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục chỉ huy"*. Linh Mục Fracois hỏi thẳng Kantol: "*Ngài Thủ Tướng, có thể tin vào tài liệu của chính phủ cộng sản Miền Bắc Việt Nam???"* Khantol đáp: "*Thưa Cha ít nhất thì tài liệu đó cũng giúp chính phủ Cambodge tìm hiểu được sự thật"*.

Bước xuống Phi Trường Tân Sơn Nhất, Cha François vẫn còn bị ám ảnh...về những vụ thủ tiêu giam cầm đàn áp. Có đúng như vậy không ? Cha François vẫn tin tuyệt đối nơi cá nhân thánh thiện của Tổng Thống Diệm nhưng Cha cũng bắt đầu nghi ngờ...Cha François bỗng nhớ lại những trang sử đẫm máu của cuộc bách đạo Thiên Chúa Giáo dưới thời Thiệu Trị, Tự Đức. Không lẽ vào giữa năm 1963 lại tái diễn một cuộc bách đạo như vậy mà nạn nhân lại là Sư Sãi và Phật Tử ?

Những ngày đầu ở Sài Gòn, Linh Mục François thấy Thành Phố không có gì thay đổi nhiều. Tuy nhiên ở đâu cũng âm ỉ như một lò than hồng. Việc đầu tiên là Cha đến xin yết kiến Đức Khâm Sứ Tòa Thánh. Đức Khâm Sứ cũng đang sửa soạn về La Mã. Dịp này Đức Khâm Sứ sẽ tường trình với Tòa Thánh La Mã về cuộc tranh đấu của Phật Giáo cùng thái độ của chính quyền Ngô Đình Diệm. Gặp Cha François, Đức Khâm Sứ tỏ vẻ thất vọng và nói: "*Tình hình rất nguy ngập nếu Tổng Thống Diệm không cải tiến thì chắc chắn chế độ ông ta sẽ sụp đổ*"*.*

Cha François hỏi: "*Thưa Đức Khâm Sứ ngài có thể dùng uy tín để thuyết phục Tổng Thống Diệm không ? Con thấy dư luận các nước Á Châu không những bất lợi cho chính quyền Ông Diệm mà bất lợi cả cho Giáo Hội Việt Nam*".

Đức Khâm Sứ phác một cử chỉ lạnh lùng đáp: *"Làm thế nào được ? Dù là Tổng Thống của một nước dân chủ nhưng con người Ông Diệm vẫn là vị Hoàng Đế của nước Việt Nam thời xa xưa"*.

Cha François hỏi: *"Lúc này Đức Khâm Sứ có hay gặp Đức Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục không ? Con tin là Đức Cha Ngô Đình Thục sẽ tuân theo lời khuyến cáo của Đức Cha"*

Đức Khâm Sứ đáp: "*Đã lâu rồi tôi không gặp ngài. Theo Linh Mục Cao Văn Luận cho tôi biết thì ngài cũng có một phần trách nhiệm về vụ biến cố này!"*

Cha François hỏi: *"Vậy thì lời tố cáo của phía bên Phật Giáo cũng không phải là sai"*

Đức Khâm Sứ đáp: "*Không sai nhưng không hoàn toàn đúng. Tôi nói là Đức Cha Ngô Đình Thục phải chịu một phần trách nhiệm. Đây chỉ là trách nhiệm tinh thần đối với lương tâm Công Giáo"*.

Cha François hỏi: *"Thưa Đức Khâm Sứ có thực là chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật Giáo như báo chí ngoại quốc tường thuật không ?"*

Đức Khâm Sứ chỉ im lặng một lát rồi khẳng định: *"Đây chỉ là một chiến dịch thổi phồng quá đáng. Cha đã từng sống ở Việt Nam chắc Cha hiểu rõ họ hơn tôi. Trí tưởng tượng của họ ghê gớm lắm, tôi tin rằng chắc cũng có những vụ bắt bớ giam cầm đánh đập Phật Tử, nhưng làm gì đến độ ghê gớm như sự tường thuật của báo chí"*.

Đức Khâm Sứ kể: *"Mới đây có một giáo dân đến thăm tôi. Ông là một nhân vật cao cấp trong chính phủ, ông ta quả quyết có bàn tay người Mỹ, dàn cảnh trong cuộc biểu tình của Phật Tử ngày 17.7 vừa qua, ông ta nói có một Bác Sĩ bên Phật Giáo đã chế tạo cả hàng mấy chục ngàn lọ thuốc mê (Chloroforme) trao cho các Nhà Sư trẻ và Phật Tử để khi biểu tình mà sô sát với Cảnh Sát thì đưa thuốc lên mũi ngửi lúc ấy thuốc mê sẽ làm họ lảo đảo quỵ ngã, rồi các phóng viên ngoại quốc sẽ quay phim chụp ảnh. Nhân vật này cũng cho biết sau cuộc biểu tình ngày 17.7 Cảnh Sát đã tịch*

thu được cả hàng chục chai thuốc mê như vậy. Ông ta cũng tiết lộ với tôi là truyền đơn của phía nhà tranh đấu được quay ronéo bằng những loại giấy mà chỉ có cơ quan UDAID mới có. Đó là thứ giấy tốt đặc biệt".

Cha François lại hỏi: "*Thưa Đức Khâm Sứ ngài có nghĩ rằng đã bàn tay cộng sản trong Phong Trào Tranh Đấu Phật Giáo hay không ?"*

Đức Khâm Sứ ngần ngại rồi đáp: "*Đây là một vấn đề quá tế nhị, cho đến bây giờ chưa có một dữ kiện nào khiến chúng ta có thể nghi ngờ như vậy".*

Cha François lại nói: "*Tại sao Tổng Thống Diệm lại có thể hành động thiếu khôn ngoan khi ông ra lệnh cấm treo cờ Phật Giáo* ?"

Đức Khâm Sứ: *"Có nhiều nguyên nhân sâu xa lắm, lệnh cấm treo cờ của Ông Diệm đâu phải chỉ dành riêng cho Phật Giáo mà quy định cho cả Giáo Hội Công Giáo nữa. Cha phải hiểu rằng Ông Diệm là một nhà quốc gia cực đoan. Ông ấy coi Tổ Quốc trên Giáo Hội, chứ không phải Giáo Hội trên Tổ Quốc".*

Cha François nói: "*Con vẫn tin Tổng Thống Diệm là một người hoàn toàn thánh thiện".*

Đức Khâm Sứ gật đầu đáp: "*Đúng, ông ấy là một giáo dân có một đời sống rất thánh thiện. Nhưng ông ấy không phải là một giáo dân thức thời. Ông ấy cũng là một Nhà Nho, cuồng tín với lý tưởng an dân trị quốc của ông ấy".*

Cha François hỏi: "*Con nghe nói một số Linh Mục và Giáo Dân đang tham gia Phong Trào Đấu Tranh Phật Giáo".*

Đức Khâm Sứ đáp: "*Đúng, tôi có nghe nói như vậy. Một số Linh Mục có đến hỏi ý kiến của tôi như thế nào khi họ tỏ ra thái độ thân thiện và hỗ trợ Phật Giáo thì tôi trả lời các ngài hãy cứ làm theo lương tâm của các ngài".*

CON SỐ 80% SỰ THỰC HAY LÀ HUYỀN THOẠI

Cha François trong cuộc gặp gỡ Đức Khâm Sứ cũng không được thỏa mãn cho lắm. Đức Khâm Sứ đã tỏ ra sự thiếu thiện cảm với chính quyền

Ngô Đình Diệm và ngài bị ảnh hưởng xâu xa bởi dư luận đồn đã về đời sống của Bà Nhu cũng như quyền bính của Ông Nhu và Đức Cha Thục. Khi Cha François sắp cáo từ ra về thì một Giáo Sư Đại Học và một Linh Mục trẻ cũng vừa đến xin thăm Đức Khâm Sứ. Ngài bảo Cha François: "*Cha có thể ngồi lại đây...Nếu Cha muốn biết rõ tình hình Việt Nam như thế nào thì hai ông khách này có thể giúp Cha nhiều tài liệu xác thực*".

Lúc đầu hai vị khách còn dè dặt nhưng sau khi ông bắt đầu cho nổ máy, công kích chính quyền hết sức mãnh liệt. Cha hỏi: "*Tôi vẫn nghĩ rằng chính quyền này có thực thi dân chủ và thực hiện nhiều công tác lớn lao cho xứ xở*".

Vị Linh Mục trẻ, "*Thưa Cha chúng tôi chưa thấy dân chủ ở đâu cả, Quốc Hội là Quốc Hội bù nhìn, toàn thứ Nghị gật do Đảng chỉ định. Quyền hành đều nằm trong tay Tổng Thống hay đúng ra trong tay ông Bà Nhu*".

Vị Giáo Sư Đại Học: "*Thưa Đức Khâm Sứ và thưa Cha, tình hình đến lúc nghiêm trọng lắm rồi...Thiết tưởng Giáo Hội không thể đứng vòng ngoài...Giáo Hội phải lên tiếng*". Đức Khâm Sứ mỉm cười: "*Ông bảo Giáo Hội phải lên tiếng như thế nào ? Giáo Hội không đứng ngoài vòng thì Giáo Hội phải làm sao bây giờ ?*"

CHƯƠNG VIII
Phật Giáo Và Tổng Thống Diệm

Nếu không có vụ tranh đấu 1963 và nói một cách chung thì Phật Giáo chưa có xích mích nào đáng kể đối với chính quyền Ngô Đình Diệm. (Ngoại trừ những xích mích có tính cách địa phương xảy ra tại Bình Định vào những năm 1960-1961). Trước năm 1963 Phật Giáo Việt Nam chỉ là một tập thể bao gồm những cục bộ riêng rẽ. Mà những cục bộ này cũng không được tổ chức chu đáo (vì bản chất của Phật Giáo là phi tổ chức). Tuy vậy Phật Giáo Việt Nam cũng bị ảnh hưởng sâu xa bởi sắc thái địa phương bối cảnh địa dư và nhân sự. Do đó, Phật Giáo đã thể hiện rõ rệt qua ba "sắc thái sinh hoạt": Phật Giáo Miền Nam, Phật Giáo Miền Trung và Phật Giáo Di Cư. Phật Giáo Miền Nam gồm Hội Phật Học Nam Việt (Cư Sĩ Mai Thọ Truyền và Chùa Xá Lợi) Giáo Hội Tăng Già Việt Nam Thượng Tọa Thích Thiện Hoa Chùa Ấn Quang. Phật Giáo Nguyên Thủy nhóm Tiểu Thừa Chùa Kỳ Viên) và một số hội đoàn lẻ tẻ khác. Phật Giáo Miền Bắc di cư có độ 20.000 người nhưng không tạo thành một cộng đồng. Phần nhiều Phật Tử đã đi di cư với tư cách cá nhân và bằng phương tiện cá nhân. Trong số 200.000 người có vào khoảng 50.000 sống rải rác ở các trại định cư. Khoảng 50.000 người sống tại các Thị Xã. Còn lại 100.000 người qui tụ tại Sài Gòn. Phật Giáo Di Cư tại Đô Thành đại cương có thể chia thành hai nhóm, nhóm thuộc Chùa Phổ Quang và Nghĩa Trang Bắc Việt (Thượng Tọa Thích Trí Dũng) Nhóm đa số thuộc Chùa Từ Quang (Thượng Tọa Thích Tâm Châu).

Riêng Phật Giáo Miền Trung được coi là một cộng đồng có tổ chức sinh hoạt từ cấp khuôn hội cho đến trung ương (tức Chùa Từ Đàm). Theo thống kê trước năm 1963 Phật Giáo Việt Nam (Miền Trung) có khoảng 40.000

người với một tổ chức thanh niên và hướng đạo Phật Tử đáng kể. Sau 1963 cũng thì số Phật Giáo Miền Trung 800.000 người.

Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam do Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết làm Hội Chủ. Trên thực tế, Phật Giáo Miền Trung mới là thành phần chủ lực của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam. Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết là một bậc cao tăng nổi tiếng về đức độ của con người xuất thế tu đạo. Nhưng tước vị Hội Chủ chỉ là một danh nghĩa tiêu biểu cho tinh thần hiệp nhứt cao trọng. Quyền hành xử Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam vẫn do các vị Thượng Tọa Trí Quang và Thiện Minh, xa hơn nữa là các Thượng Tọa Trí Thủ và Đôn Hậu cùng một số Thượng Tọa, Đại Đức thuộc khuynh hướng dấn thân tích cực.

Phật Giáo Miền Nam trước năm 1963 luôn luôn giữ thái độ xuất thế không thân chính quyền mà cũng không chống chính quyền và cũng không hề biểu lộ một thái độ nào có màu sắc chính trị và thời thế.

Cư Sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền không có một quan hệ đối với chính quyền Ngô Đình Diệm nhưng giữa ông và Phó Tổng Thống Thơ lại có nhiều mối tương giao thân hữu.

Ngược lại, Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam Miền Trung lại được coi là thân thiện và có những tương giao tốt đẹp với chính quyền Ngô Đình Diệm qua ông Ngô Đình Cẩn, chính ông Cẩn vẫn tự hào và lớn tiếng kể công với các ông anh là ông đã nắm được Phật Giáo Miền Trung.

Ông Cẩn thường coi thành tích này như một điều để "bắt bí" mấy ông anh, bất cứ một hội nghị Phật Giáo nào tại ngoại quốc, các Thượng Tọa Miền Trung phải được ưu tiên.

Do đó cũng làm cho giới chức tại Sài Gòn gặp nhiều cảnh "tréo cẳng ngỗng". Theo Lương Khải Minh vào khoảng năm 1960...Tổng Thống Diệm đã chấp thuận một danh sách gồm mấy Thượng Tọa và Cư Sĩ đi tham dự hội nghị Phật Giáo Thế Giới. Các vị này đã được thông báo để sửa soạn làm giấy thông hành, bỗng nhiên ông Cẩn cho người đem vô Sài Gòn một danh sách mới đòi cho bằng được phải để mấy vị Thượng Tọa Miền Trung

tham dự và nắm chức Trưởng Phái Đoàn.

Ông Cẩn lấy cớ rằng: Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam do Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết làm Hội Chủ và trụ sở đặt tại Huế thì Huế mới là trung ương Tổng Hội. Do đó, một Thượng Tọa ở Huế phải làm Trưởng Phái Đoàn.

Sự việc này quả khó giải quyết cho nên lại phải trình lên Tổng Thống Diệm. Ông Tổng Thống đáp: "Ai đi cũng vậy. Tôi nghe nói mấy ông Thượng Tọa này tốt lắm. Chắc ông cậu ở ngoài nớ đã biết rõ họ". Có lẽ bắt nguồn từ những sự việc này nên Phật Giáo Sài Gòn vẫn rì rầm là chính quyền không hiểu sao đã ưu đãi các Thầy ở Huế. Nhiều kẻ đa nghi lại rỉ tai nhau "Thày ấy...là người thân của ông Cẩn mà".

Đại Úy Bằng, Sĩ Quan hầu cận của Tổng Thống Diệm cũng xác nhận rằng: "không hiểu một lý do gì mà ông Cẩn lại quá ưu đãi và trọng vọng mấy vị Thượng Tọa ở Chùa Từ Đàm. Đại Úy Bằng nhớ lại: Cũng vào khoảng năm 1960 khi tháp tùng Tổng Thống Diệm về Phú Cam, ông Cẩn đã gọi ông Bằng đến dặn dò rất kỹ: Mi về Sài Gòn gặp ngay anh Tuyến hỏi xem tuần trước Thầy có mang thơ giới thiệu của tao đến gặp anh ấy không ? Mi bảo anh Tuyến lo ngay cái vu hồ sơ xin xuất ngoại của Thày Trí Quang" Một lát sau, ông Cẩn lại nhắc lần nữa và biểu Bằng tin ra Huế ngay để ông biết rõ vụ giấy tờ xuất ngoại của mấy Thầy đã đi đến đâu.

Khi về Sài Gòn, Đại Úy Bằng đến tìm Bác Sĩ Tuyến và nói như vậy. Bác Sĩ Tuyến cho biết là hồ sơ đưa qua phòng ông Hải rồi: "Có thư của ông Cậu ai mà dám chậm trễ".

Ông Ngô Đình Cẩn tỏ ra rất tự hào về mối tương quan thân hữu của ông và Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam tại Miền Trung. Do đó, khi nhận được bức công điện cấm treo cờ tôn giáo, ông Cẩn tỏ ra tức giận không ít.

Bức công điện mang số 9195 đề ngày 6.6.1963 Dương Lịch cho đến chiều ngày 6, bức công điện đó mới về đến Tòa Đại Biểu và Tỉnh Đường Thừa Thiên. Văn Phòng Cố Vấn Chỉ Đạo của ông Cẩn vẫn không hay biết một chút nào. Mãi đến sáng ngày 7, người Vú già của Đại Úy Minh đi chợ

về, thuật lại: "Ngoài chợ đang xôn xao về việc gì đó. Đồng bào nói rằng chính phủ cấm không cho Phật Giáo treo cờ". Lúc đó Văn Phòng Cố Vấn Chỉ Đạo mới rõ và tìm cách gặp ông Cẩn để trình bày tự sự mới hay.

Ông Nguyễn Văn Đẳng, Tỉnh Trưởng Thừa Thiên vào trình bức công điện kể trên. Với sự hiện diện của Đại Úy Minh, ông Cẩn băn khoăn...

"Sao lại có chuyện lạ như thế". Đại Úy Minh cũng ngần ngại:

- Đồng bào các nơi đã treo hết cờ cả rồi. Bây giờ làm thế nào được.

Ông Đẳng lo ngại: Thưa nếu thi hành bức công điện này, con thấy lôi thôi lắm.

Ông Cẩn bảo Đại Úy Minh hỏi Tòa Đại Biểu xem thế nào và yêu cầu xác nhận bức công điện có phải đúng như thế không ? Cầm bức công điện trên tay ông Cẩn vẫn chưa tin là thực. Ông Cẩn nhắc đi nhắc lại "Quyết định cái gì mà lại lạ lùng như vậy".

Trong thời gian này, ông Ngô Đình Cẩn đang bị thất sủng. Tổng Thống Diệm không còn tín nhiệm ông em như trước nữa. Trên thực tế, kể từ ngày Đức Cha Ngô Đình Thục trở về Huế thì uy tín ông Cẩn bắt đầu xuống dốc dần dần...Tổng Thống Diệm đã quyết định bãi bỏ Văn Phòng Cố Vấn chỉ đạo từ đầu năm 1963 (cho đến tháng 10 năm 1963 Tổng Thống Diệm mới dứt khoát bãi bỏ Văn Phòng Cố Vấn Chỉ Đạo có nghĩa ông Cẩn bị loại ra khỏi chính trường Miền Trung)

Bức công điện trên đây ông Cẩn chỉ được biết sau khi ông Đẳng mang vào. Ông Cẩn bảo Tỉnh Trưởng Thừa Thiên: "Đồng bào người ta treo cờ rồi thì cứ để nguyên như vậy đừng có ra lệnh hạ gì cả". Ông Cẩn lại bảo ông Hồ Đắc Khương, Đại Biểu Chánh Phủ Trung Nguyên Trung Phần, đánh điện vào Trung Ương xin hoãn thi hành bức công điện "kỳ quái" này.

Một viên chức có mặt tại nhà ông Cẩn lúc ấy đều đồng ý phải hoãn thi hành lệnh trên và cứ để đồng bào Phật Tử treo cờ như mọi năm. Đại Úy Minh bàn luận với một số viên chức: "Tại sao không ra lệnh từ trước mà mãi đến bây giờ mới ra lệnh. Vụ này kẹt cho tụi mình lắm. Các anh tính sao ?"

Ông Cẩn thắc mắc hỏi ông Đẳng và Hoàng Trọng Bá: "Các Thày dưới Từ Đàm đã biết chưa ?" Thực ra, các Thày cũng như một số đông Phật Tử biết tin từ tối hôm trước.

Tất nhiên là phải có một viên chức nào ở Tòa Tỉnh đã tiết lộ bức công điện trước khi thông báo cho ông Cẩn.

Sau một hồi thảo luận, cân nhắc ông Cẩn bảo Tỉnh Trưởng Thừa Thiên: "Chú cho mấy xe thông tin nó đi thông báo gấp cho đồng bào hay là không có gì thay đổi. Đồng bào cứ treo cờ như mọi năm".

Ông Cẩn đồng thời căn dặn Đại Úy Minh cũng như Hồ Đắc Khương, Hoàng Trọng Bá phải thận trọng hết sức và làm thế nào để tránh những chuyện đáng tiếc có thể xảy ra. Mặt khác Văn Phòng ông Cẩn cũng chỉ thị cho giới chức Cảnh Sát Thành Phố Huế không được hạ cờ của đồng bào.

Nói về ông Ngô Đình Cẩn và Phật Giáo, Thượng Tọa Mật Nguyện (thuộc phái Ấn Quang) cho rằng, trong chín năm chế độ Ngô Đình Diệm, không hiểu trong lòng như thế nào nhưng ngoài mặt, ông Cẩn tỏ ra thân thiết và tin cậy các Thầy trong Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam (tại Huế). Qua bức công điện cấm treo cờ, thái độ ông Cẩn ngay từ phút đầu là sửng sốt tức giận. Ông Cẩn than thở với mấy thuộc viên thân cận: "làm như rứa tao còn mặt mũi nào nói chuyện với người ta" (tức là các Thầy tại Chùa Từ Đàm)

Buổi trưa ngày 7, ông Cẩn trầm ngâm một cách khó hiểu, ông uống một hơi hết ly rượu lễ và cho gọi ông Minh vào để tìm hiểu tình hình Huế cho đến giờ phút này vẫn không hề xao động.

Cả một Thành Phố như rừng cờ. Số lượng cờ Phật Giáo như càng tăng thêm. Vào buổi chiều ông Cẩn nhận được báo cáo cho biết khoảng 8:30 sáng (khi Nguyễn Văn Đẳng vào trình bức công điện) thì lại có mấy Cảnh Sát viên trong Thành Nội kéo nhau đi hạ cờ tại mấy nhà đồng bào và đã có sự dằng co xô xát. Sau đó được thu xếp êm ngay. Huế nơi nơi như bừng sống như đang vươn cao trong hương hoa ngào ngạt. Không khí như ngày hội hoa đăng và như tất cả dành riêng cho ngày Phật giáng thế.

Ông Nguyễn Hữu Cang, một trong những chiến sĩ trong vụ Phật Giáo Huế 63 đã kể lại cho chúng tôi: "Sáng ngày 7 trong giới đồng bào và các khuôn hội đã xôn xao lắm. Nhất là chúng tôi lại được tin cho biết chính Đức Cha Ngô Đình Thục đã về tận Sài Gòn thúc đẩy ông Ngô Đình Nhu ra lệnh "triệt hạ" Phật Giáo. Do đó lại càng khiến mọi Phật Tử xôi động, bất mãn" Nguyễn Hữu Cang cho biết thêm: "trưa ngày 7, khi được tin chính quyền cho Cảnh Sát đi hạ cờ và xé cờ Phật Giáo tại mấy khuôn hội thì dư luận lại càng thêm xôi nổi phẫn uất. Nhất là giới bạn hàng Chợ Đông Ba. Có thể nói giới bạn hàng này mới là thành phần đi tiên phong trong vụ tranh đấu kể từ ngày 7 chứ không phải chỉ riêng ngày 8".

Nguyễn Hữu Cang cũng công nhận rằng: "anh có nghe thấy xe thông tin đi loan báo là đồng bào cứ treo cờ như thường lệ. Tuy nhiên lúc bấy giờ bao nhiêu dồn nén trong quần chúng được khơi dậy và chỉ chờ đợi giây phút nổ tung".

Các Hội Đoàn và Quân Đội đều nhận được một lệnh sửa soạn để tranh đấu đòi quyền bình đẳng tôn giáo, đối tượng cho sự đấu tranh như vậy quả là hấp dẫn và dễ dàng lôi cuốn được mọi giới Phật Tử.

Khoảng 6 giờ chiều, một số công chức tòng sự tại Tòa Đại Biểu không đến Tòa Hành Chánh Thừa Thiên và ở đây cũng có một số công chức thuộc Tỉnh Đường tụ tập bàn tán xôn xao về bức công điện cấm treo cờ, đồng thời cũng vào khoảng một ngàn đồng bào cùng với một số đông Thượng Tọa Đại Đức kéo đến Tòa Hành Chánh để tỏ thái độ trong đó có Thượng Tọa Đôn Hậu, Trí Quang.

Không khí lúc ấy đã nhuốm màu tranh đấu. Anh Nguyễn Hữu Cang cũng có mặt trong đó. Ngày nay tuy đã quên nhiều chi tiết nhưng anh vẫn còn giữ nguyên giây phút ngọn lửa hồng cháy rực. Anh nói: "Khi nghe tin cờ Phật bị xé tôi có cảm tưởng như chính tổ tiên mình bị chính quyền chà đạp. Lúc ấy dù có phải chết cho đạo pháp tôi cũng bằng lòng".

Trong một không khí xôi động như vậy Thượng Tọa Trí Quang xuất hiện cùng với mấy Thượng Tọa khác như Thượng Tọa Trí Thủ, Thiện

Minh.

Về phía chính quyền thì có ông Tỉnh Trưởng Nguyễn Văn Đẳng, ông Phó Tỉnh Trưởng Hành Chính, ông Phong Trưởng Ty Cảnh Sát Thành Phố Huế...Lát sau, Thiếu Tá Đặng Sỹ Phó Tỉnh Trưởng Nội An lái xe đến. Ông này mới đi hành quân về từ chiều ngày 6.5. Khi được cấp báo đồng bào Phật Tử đang biểu tình ở Tỉnh Đường, Thiếu Tá Sỹ vội vã lái xe đến.

Lúc ấy Thượng Tọa Trí Quang với một vẻ xúc động mạnh, lên tiếng gay gắt phản đối bức công điện cấm treo cờ tôn giáo. Ông Đẳng cho các Thượng Tọa biết chính quyền đã hoãn thi hành bức công điện này và xin các Thượng Tọa cứ an tâm. Mọi sự đều như mọi năm không có gì thay đổi.

Tuy vậy, Thượng Tọa Trí Quang vẫn giữ vẻ tức giận và lên tiếng phản đối chính quyền Thừa Thiên tại sao sáng ngày 7.5 đã cho Cảnh Sát hạ cờ Phật Giáo và tại một vài nơi Cảnh Sát xé cờ Phật Giáo.

Ông Đẳng quay sang hỏi ông Phong Trưởng Ty Cảnh Sát xem sự thể hư thực thế nào. Ông Phong lên tiếng: "Tôi quả quyết không có chuyện đó". Ông Phong lại nhấn mạnh thêm: "Tôi quả quyết với các Thày không có chuyện xé cờ" Thiếu Tá Sỹ lên tiếng: "Nếu có chuyện xảy ra như vậy xin Thày cho biết rõ nơi nào Cảnh Sát đã xé cờ tôi sẽ cho điều tra và trừng trị ngay".

Ông Phong lại một lần nữa quả quyết không có chuyện như vậy. Ông Phong xin Thượng Tọa Trí Quang nêu lên một vài chứng cớ. Thượng Tọa Trí Quang đáp: "Tôi nghe đồng bào Phật Tử nói như vậy".

Ông Phong lại thỉnh cầu: "Xin Thày cho biết rõ nơi xảy ra chuyên. Xé cờ thuộc về khuôn hội nào, khu phố nào để chúng tôi mở cuộc điều tra".

Thượng Tọa Trí Quang lắc đầu không tiết lộ và nói đại ý: "Tôi không thể cho các ông biết rõ được. Tôi cho các ông biết để rồi Công An Cảnh Sát đến làm phiền đồng bào Phật Tử rồi tính sao đây ?"

Cuối cùng Thượng Tọa Trí Quang tỏ vẻ lo ngại: "Hiện nay chúng tôi rất hoang mang không hiểu chính quyền sẽ đàn áp chúng tôi khi nào ?"

Ông Nguyễn Văn Đẳng vẫn "xuống nước" thỉnh cầu các Thượng Tọa

yên tâm trở về Chùa và ngày mai mọi sự sẽ tiến hành tốt đẹp như mọi năm. Thượng Tọa Trí Quang vẫn lo ngại: "Mai này đồng bào Phật Tử sẽ tổ chức rước kiệu chúng tôi đã sửa soạn đâu vào đấy cả rồi chúng tôi rất hoang mang".

Hai bên chính quyền và các Thượng Tọa cứ vòng vo bàn cãi cuối cùng chính quyền Thừa Thiên phải nhượng bộ bằng cách gọi điện thoại ngay cho ông Trưởng Ty Thông Tin cho ba xe có máy phòng thanh đến Tòa Tỉnh. Ông Nguyễn Văn Đẳng đề nghị các Thượng Tọa cho cán bộ Phật Tử của mình đi theo xe và chính các cán bộ này chia nhau đi khắp khu phố để loan báo cho đồng bào rõ ngày 8.5 sẽ không có gì thay đổi, đồng bào cứ đi hành lễ như chương trình đã ấn định. Kết quả các Thượng Tọa cũng bằng lòng như vậy. Khoảng 9 giờ đêm đám đông mới giải tán và mọi chuyện tưởng đã được giải quyết tạm thời êm đẹp. Ba xe Thông Tin chia nhau đi vào các khu phố để làm phận sự như chính quyền và các Thượng Tọa đã thỏa thuận.

Theo Nguyễn Hữu Cang đêm ngày 7.5 là một đêm không ngủ. Cang cũng như một số Phật Tử khác thừa hành lệnh trên đi kẻ bandeoles và quay ronéo những bản văn đòi chính quyền thực thi quyền bình đẳng tôn giáo.

Giới An Ninh Quân Đội Khu XI Chiến Thuật đã "cảm thấy" những hiện tượng đáng lo ngại. Có lẽ vì vậy, đêm ngày 7.5, Đại Tá Đỗ Cao Trí ra lệnh cấm trại.

Đêm ngày 7.5 vẫn bình thường. Không một ai ngờ được rằng chỉ một ngày sau Huế nổ tung mở đầu cho một biến chuyển lịch sử.

Sau cuộc thảo thuận với các Thượng Tọa tại Tòa Hành Chánh Thừa Thiên, ông Cẩn không còn gì băn khoăn, ông dặn dò mấy người thân cận: "các Thày họ đòi hỏi như thế cũng là phải. Ngày lễ của người ta. Nếu có gì quá găng thì bọn bay tìm ông Nghiêm không có thì gọi cho Lê Trọng Quát hoặc tìm Hà Thúc Luyện". Ngay đêm đó, ông Cẩn đã nhận được báo cáo là mọi chuyện đã được giải quyết êm đẹp. Ông Cẩn tin tưởng sẽ không còn chuyện gì xảy ra nữa vì ông vẫn tự hào được các Thày Chùa Từ Đàm trọng

nể và tin ông. Hơn nữa, những người ruột của ông Cẩn lại là những Phật Tử có nhiều tương quan mật thiết với các Thày như Thiếu Tướng Lê Văn Nghiêm, có họ hàng rất gần với Hòa Thượng Hội Chủ Thích Tịnh Khiết. Ông Lê Trọng Quát lại là một Phật Tử quy y nơi Thượng Tọa Đôn Hậu, ông Hà Thúc Luyện vốn từ xưa đóng vai trò giao liên giữa ông Cẩn và mấy Thày. Đó là sự tự hào và tin tưởng chủ quan của ông Cẩn. Trong khi đó bức công điện cấm treo cờ trở nên một đối tượng khích động quần chúng. Nguồn tin Cảnh Sát xé cờ lại là những yếu tố ngoại quan đập mạnh vào lòng hiếu động của quần chúng mà quần chúng là những khối quần chúng có tổ chức (masse orgnaisee) như Phật Tử, Thiên Chúa Giáo vốn không biết suy nghĩ và lý luận vì chỉ là một khối người cho nên từ sự thật "cấm treo cờ" đã dễ dàng liên tưởng đến sự hạ cờ và xé cờ thì chả có gì vô lý cả. Rồi đến một đối tượng cao hơn như đấu tranh cho quyền bình đẳng tôn giáo bỗng nhiên đối tượng ấy trở nên thần bí, ly kỳ. Những biến cố lớn của lịch sử lại thường được tạo hình thì những tiêu ngữ ly kỳ thần bí quả là những đối tượng đầy những huyền thoại. Vì lẽ đó bất cứ trong một biến cố nào của lịch sử cái hư bao giờ cũng chiếm phần ưu thế và thủ một vai trò quan trọng hơn sự thực rất nhiều.

NGÀY LỊCH SỬ 7.5.1963 (âm lịch)

Không một người Việt Nam nào có thể ngờ rằng, ngày ấy và bức công điện ấy đã cắm một cái mốc khởi điểm cho một tấm thảm kịch bi thương nhất của lịch sử Việt Nam.

Trần Khôi hồi tưởng lại những ngày khi ông ra Huế thanh tra trước ngày 8.5 khoảng mấy ngày. Bây giờ nghĩ lại ông Khôi chợt bàng hoàng về một sự trùng hợp như là ngẫu nhiên và tự hối. Người Mỹ muốn gì ở Việt Nam ?

Vốn quen biết với Đại Tá Conein trong thời gian thuộc Bộ Nội Vụ trước khi ra Huế, Khôi tình cờ gặp lại Conein. Ông Conein khoe:

- Do sự thuyết phục của tôi Tổng Thống Diệm mới chịu thi hành dân chủ tại ấp xã. Kể từ ngày đó xã ấp đều do dân chúng trực tiếp bầu theo lối

phổ thông đầu phiếu.

Biết rõ bản tính Conein nên ông Khôi nghĩ bụng "Thằng cha thuộc loại nói róc tay tổ".

Conein còn nói thêm:

Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa còn phải thi hành nhiều cải tổ quan trọng nữa mới thắng được cộng sản. Chính quyền này thiếu dân chủ. Rồi Conein lại nhấn mạnh: "Tôi có cảm tưởng chính phủ Việt Nam là chính phủ của những người Công Giáo".

Anh ra Huế thì biết. Tôi sẽ giới thiệu anh với Johnson, đàn em của tôi đang giúp Hoàng Trọng Bá huấn luyện lực lượng Nhân Dân Võ Trang. Conein nói với Khôi như một lần giải bày bày tâm sự:

- Dư luận Mỹ đang bất lợi cho Việt Nam, muốn chống cộng sản thì phải huy động lực lượng Phật Giáo không phải chỉ một chính quyền Công Giáo. Phật Giáo sẽ (saboter) chính phủ.

Ông ra Huế thì biết ở đó chỉ là một vương quốc của Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục (Empire de l'archeveque Ngô Đình Thục).

Ông khôi lấy làm lạ lùng về thái độ của Connei, một người Mỹ đã có kinh nghiệm gần 30 năm tại Việt Nam không hiểu suy luận từ một sự kiện nào. Conein lại nhất đán cho rằng chính quyền Ngô Đình Diệm là một chính quyền của người Công Giáo. Ông Khôi biết bụng vậy thôi và khi ra Huế đúng vào dịp Huế đang tưng bừng đón Phật Đản và đồng thời đang sôi động về bức công điện cấm treo cờ.

Theo lời Trần Khôi, quan sát ngay tại chỗ về vụ nổ ở Đài Phát Thanh Huế sẽ không đủ cho ta những lập luận có thể tin được là CIA hay cộng sản đã nhúng tay vào biến cố 8.5. Nhưng về phía Mỹ, qua những cuộc đối thoại trao đổi thì ta lại dễ dàng cảm thấy (bằng trực giác) là Mỹ đã có thể nhúng tay và qua nhiều ngẫu nhiên trùng hợp thì quả là người Mỹ đã "ra tay hành động".

Buổi tối 7.5, ông Khôi được mời dùng cơm tại nhà một viên chức Mỹ. Trong bữa cơm đó, ông gặp Johnson, ông Phó Lãnh sự Mỹ, một Bác Sĩ

người Đức tại Trường Đại Học Y Khoa Huế và một người Việt Nam tự giới thiệu là Giáo Sư Trường Đại Học Văn Khoa Huế. Khôi ngồi cạnh Johnson, ông ghi nhận rằng Johnson là một người Mỹ tốt, ông Khôi không thấy Johnson khen chê chính quyền. Nhưng luận điệu của ông Phó Lãnh Sự Mỹ cũng tương tự như Conein. Đề cập đến Phật Giáo, ông Phó Lãnh Sự Mỹ nói đại ý:

- Phật Giáo là lực lượng rất lớn lao. Nhưng Phật Giáo không tham gia vào công cuộc chống cộng nên chính phủ Việt Nam không mở rộng cho Phật Giáo tham dự.

Nghe nói như vậy, ông Khôi phản đối:

- Quan niệm của ông Phó Lãnh Sự có phần không đúng. Tôi là Phật Giáo Ông Tỉnh Trưởng ở đây, ông Tướng Tư Lệnh vùng cũng đều là Phật Giáo. Phó Tổng Thống cũng là Phật Giáo. Tướng Tổng Tham Mưu Trưởng cũng là Phật Giáo.

Ông Phó Lãnh sự mỉm cười không đáp. Một lát sau, viên chức Mỹ Warren Smith lên tiếng công kích nặng nề việc làm của Nha Công Tác Miền Thượng. Viên chức Smith cho rằng chính quyền Việt Nam đang thực hiện kế hoạch Việt Nam hóa và Công Giáo hóa tất cả đồng bào Thượng và nhất là Nha này đã xâm phạm chủ quyền Vương Quốc Lào và quyền "tự quyết" của các sắc tộc Thượng.

Bữa cơm hôm đó, các viên chức Mỹ, Smith và nhất là ông Phó Lãnh Sự đã công kích chính quyền Ngô Đình Diệm khá mạnh mẽ về vấn đề Phật Giáo. Đề cập đến vụ biểu tình tại Tòa Tỉnh Trưởng Thừa Thiên chiều mùng 7.5, ông Phó Lãnh Sự Mỹ cho rằng: "Nếu chính quyền Ngô Đình Diệm không chịu "liên hiệp" (?) với Phật Giáo tham chánh thì Phật Giáo sẽ đứng lên tranh đấu".

Cũng từ ngày 7.5, có một người Mỹ ở Đà Nẵng cấp tốc ra Huế. Đó là Đại Úy Scott. Tất nhiên là không ai để ý đến ông ta.

Nhưng Đại Úy Scott ra Huế để thực hiện một công tác trọng đại có thể do Trung Ương Tình Báo Mỹ trao phó cho ông ta. (Năm 1965, Đại Úy

Scott trở thành sĩ quan Cố Vấn của Tiểu Đoàn 1/3 Sư Đoàn 1 Bộ Binh. Trong cuộc hành quân tại vùng Nam Đồng, Scott trong lúc đau buồn bất mãn tiết lộ công tác mà ông đã thực hiện ngày 8.5.1963)

Tại Sài Gòn, không có một chuyện đáng tiếc nào xảy ra trong hai ngày 7, 8. Sáng ngày 8, Lương Khải Minh được mấy người bạn cho biết, phía bên Chùa Xá Lợi đang có chuyện bất mãn với chính quyền về vụ cấm treo cờ Phật Giáo. Lúc ấy ông ta mới hay và rất ngạc nhiên.

Lương Khải Minh thầm nghĩ: "Trong tình thế này cấm đoán làm chi cho dù là hợp lý. Vụ cờ Vatican rồi vụ cờ Phật Giáo, chế độ càng ngày tạo thêm mâu thuẫn".

Và cộng sản thì chỉ mong có thế. Sáng sớm, Thượng Tọa Trí Dũng và một vị Thượng Tọa khác có lại thăm Bác Sĩ Tuyến tại nhà riêng và yêu cầu ông can thiệp làm thế nào để chính quyền đình chỉ thi hành bức công điện cấm treo cờ. Bác Sĩ Tuyến gọi điện thoại hỏi ông Đoàn Thêm (Đổng Lý Văn Phòng Bộ Phủ Tổng Thống) Ông Đoàn Thêm xác nhận là có bức công điện đó và do nơi ông Đổng Lý Phủ Tổng Thống Quách Tòng Đức gởi đi (ông Quách Tòng Đức thi hành khẩu lệnh của Tổng Thống Ngô Đình Diệm).

Sự việc đã xảy ra như vậy, biết làm thế nào ?

Tại Sài Gòn, Lương Khải Minh tự động giải quyết theo đường lối tình cảm cá nhân. Quận 3 là nơi tập trung rất nhiều Chùa chiền và là những Chùa lớn như Xá Lợi, Kỳ Viên...Từ tư thất, Bác Sĩ Tuyến gọi Trung Tá Phó Đô Trưởng Nội An và ông Cảnh Sát Trưởng Quận 3 (bây giờ là Cò Kính) và yêu cầu hết sức thận trọng "nơi nào đã treo cờ rồi cứ để yên đó đừng cho Cảnh Sát hạ cờ xuống. Nơi nào đồng bào Phật Tử chưa treo thì tìm lời nói khéo léo với họ xin thông cảm".

Nhờ sự sốt sắng và quan tâm của Cảnh Sát thuộc 7 quận Đô Thành cho nên vụ cờ Phật Giáo đã không gây ra những chuyện đáng tiếc tại Sài Gòn. Lễ Phật Đản cử hành như mọi năm.

BÀI THUYẾT PHÁP NẢY LỬA

Ngày 8.5, từ sớm tinh mơ, Huế đã trở mình thức dậy giữa một rừng cờ. Đồng bào Phật Tử trong khắp Thành Phố nhất tề áo quần bảnh bao sửa soạn kéo nhau về Chùa Từ Đàm dự đại lễ. Anh Nguyễn Hữu Cang trong một tâm trạng náo nức.

Nguyễn Hữu Cang đã được bạn rỉ tai từ hôm trước là sáng nay có thể chính quyền đàn áp Phật Tử và ngăn chặn không cho rước kiệu Phật. Song cũng vì nguồn tin như vậy nên số Phật Tử đi dự lễ càng đông hơn và càng hăng say.

Từ 8 giờ trên các ngả đường Thành Phố Huế tấp nập những người, từ Đập Đá, từ An Cựu, từ Gia Hội, từ Diệu Đế...Hàng ngàn Phật Tử rước kiệu Phật tiến về Lễ Đài thiết lập tại Chùa Từ Đàm.

Khoảng 9 giờ, Đại Úy Minh vào gặp ông Cẩn và tin cho ông Cẩn hay, mọi chuyện rước sách đã diễn ra rất tốt đẹp.

Thiếu Tướng Lê Văn Nghiêm cũng như ông Đại Biểu Hồ Đắc Khương, ông Tỉnh Trưởng Nguyễn Văn Đẳng đều khăn đóng áo dài đến Chùa Từ Đàm dự lễ vừa với tư cách chính quyền vừa với tư cách Phật Tử.

Trước đó, một đoàn người ước chừng 500 từ Gia Hội rước Phật qua Từ Đàm, khi đi ngang Tòa Đại Biểu thì dừng lại, năm bảy chiếc biểu ngữ được dương lên. Không khí bắt đầu sôi nổi.

Trong số biểu ngữ đó có khẩu hiệu như là đòi chính quyền thực thi quyền Bình Đẳng Tôn Giáo và lên án kỳ thị Tôn Giáo.

Đoàn người dừng lại một lúc lâu có nhiều tiếng la ó và đả đảo. Sau đó đoàn người lại thẳng bước tiến về lễ đài. Theo Nguyễn Hữu Cang thì hôm ấy, thanh niên và hướng đạo Phật Tử đã nhận được lệnh là luôn luôn đề cao cảnh giác và chính quyền có thể đàn áp bất cứ lúc nào.

Trong buổi lễ Thượng Tọa Trí Quang đăng đàn thuyết giảng. Bao nhiêu ngàn Phật Tử im lặng như tờ. Phật Tử vừa thích thú vừa hồi hộp vừa ngạc nhiên, Thượng Tọa Trí Quang nói hay quá hấp dẫn và nồng nàn. Thượng Tọa lên tiếng công kích chính quyền rất nặng nề và tố cáo sự kỳ thị tôn giáo, bất bình đẳng tôn giáo. Tóm lại, bài thuyết giảng đó vừa công kích

chính quyền vừa có tính cách kêu gọi Phật Giáo tranh đấu cho Phật Pháp và "đòi quyền bình đẳng tôn giáo"

Tội nghiệp cho ba "ông lớn" của chính quyền một phen "rụng tim". Ba "ông lớn" thất sắc đưa mắt nhìn nhau và đành lắc đầu chịu trận. Thiếu Tướng Nghiêm cho rằng Thầy Trí Quang công kích chính quyền quá nặng, đang dự lễ chả lẽ ông bỏ ngang ra về. Bài thuyết giảng của Thượng Tọa Trí Quang được Cơ Quan An Ninh thu băng.

Khi tan lễ, Thiếu Tướng Nghiêm cũng như ông Đẳng và ông Khương cùng kéo nhau đến tư dinh ông Cẩn và mỗi người lần lượt trình bày về nội dung bài thuyết pháp của Thượng Tọa Trí Quang. Ông Cẩn thắc mắc nói với mọi người: "Tại sao Thầy Trí Quang lại cư xử với mình như vậy ?" Có thể nói, ông Cẩn ngạc nhiên về bài thuyết pháp của Thượng Tọa Trí Quang. Lúc đầu nghe nói ông vẫn không tin "làm gì có chuyện đó". Mãi lúc sau khi nghe hết cuộn băng, ông Cẩn chỉ lắc đầu, than như bọng.

Về phía đồng bào Phật Tử tinh thần bỗng lên cao và càng thêm hăng say nhờ bài thuyết pháp của Thượng Tọa Trí Quang.

Theo Nguyễn Hữu Cang, sau khi nghe Thượng Tọa Trí Quang thuyết pháp như vậy, anh cũng như bạn bè anh và nhất là giới Phật Tử lao động và học sinh, sinh viên bỗng nhiên cảm thấy phẫn uất và thấy cần phải làm một cái gì. Cơn giông tố bắt đầu nổi lên.

Vào khoảng 7 giờ 30, đồng bào tụ tập tại Chùa Từ Đàm chen chân không nổi. Bỗng nhiên ban tổ chức cho biết, chương trình được thay đổi và không có đốt pháo bông như đã dự định.

Đồng bào được mời về tập trung tại Đài Phất Thanh phía cầu Tràng Tiền. Ban tổ chức cho biết đồng bào hãy tập trung quanh vùng Morin, để đón đoàn xe hoa từ Đà Nẵng ra tham dự. Đồng bào Phật Tử lại chen nhau đổ xô về địa điểm đã định. Ai nấy đều nao nức, mong chờ đoàn xe hoa từ Đà Nẵng tiến ra.

Tại Đài Phát Thanh, ông Quản Đốc Ngô Ganh đang sửa soạn để phát chương trình Lễ Phật Đản vào lúc 8 giờ 15. Chương trình đã thu thanh từ

trước và đã được kiểm duyệt theo thể lệ chung. Linh tính cho ông biết có lẽ sắp có chuyện gì chẳng lành. Đồng bào tập trung quanh Đài Phát Thanh đông quá sức tưởng tượng. Nhân viên của đài vẫn yên trí làm việc vì cho rằng đồng bào đến để nghe phát thanh chương trình đặc biệt về Lễ Phật Đản, giản dị chỉ có thế thôi.

Nhưng sau đó, có mấy ông Thượng Tọa, Đại Đức và một số thanh niên Phật Tử vào thẳng văn phòng ông Quản Đốc yêu cầu được thay đổi chương trình phát thanh. Thay vì cho phát thanh chương trình đã được thu thanh kiểm duyệt, Ban Tổ Chức yêu cầu ông Quản Đốc cho truyền thanh trực tiếp buổi lễ ban sáng kể cả bài thuyết pháp của Thượng Tọa Trí Quang mà ban tổ chức đã thu băng. Quản Đốc Ngô Ganh từ chối với lý do ông chỉ được phép cho truyền thanh những cuộn băng nào đã được kiểm duyệt còn vấn đề trực tiếp truyền thanh buổi lễ thì ông không thể thỏa mãn. Ban tổ chức cương quyết đòi hỏi phải được truyền thanh theo chương trình trong cuốn băng của Ban Tổ Chức. Bên ngoài Phật Tử và đồng bào tập trung mỗi lúc một đông và tựa như từng lớp sóng người trong vùng biển động.

Ngô Ganh điện thoại cho từng cấp liên lạc để báo cáo sự tình. Đôi bên vẫn dằng co.

Về phía chính quyền từ lúc 5 giờ chiều, Cơ Quan An Ninh đã nhận được nguồn tin mật là tối nay các Thày sẽ làm áp lực buộc Đài Phát Thanh phải cho trực tiếp truyền thanh cuộn băng ghi lời thuyết pháp ban sáng của Thượng Tọa Trí Quang. Thiếu Tá Đặng Sỹ Phó Tỉnh Trưởng Nội An đi tìm ông Tỉnh Trưởng để tường trình nội vụ. Nhưng ông Sỹ không làm sao tìm ra ông Đẳng. Ông Sỹ cho người đến nhà vợ nhỏ ông Đẳng cũng không thấy ông đâu.

Cuối cùng Thiếu Tá Sỹ đến văn phòng ông Cẩn thì lúc ấy ông Lê Văn Đạm (Đổng Lý Tòa Đại Biểu) và ông Đẳng cũng vừa tới. Ông Sỹ trình bày qua loa về hiện tình, ông Đẳng cho biết ông đã gặp Thượng Tọa Trí Quang và nói: "cứ yên trí không có chuyện gì đâu. Sau đó hai ông Đạm và ông Đẳng vào gặp riêng ông Cẩn. Ông Cẩn cho rằng: "Nếu có rứa thì sao bây

chừ...vậy cố gắng sao nói với Thầy Trí Quang bỏ qua đi".

Tình hình Đài Phát Thanh lúc ấy hết sức căng thẳng. Đồng bào Phật Tử đã tràn vào tới sân, nhiều tiếng la lối, hò hét. Ngô Ganh gọi điện thoại cho Thiếu Tá Sỹ cầu cứu. Thiếu Tá phải can thiệp gấp, họ chiếm Đài bây giờ đây này. Rồi cứ năm phút Thiếu Tá Sỹ lại nhận được điện thoại của Ngô Ganh. "Thiếu Tá không an thiệp gấp thì họ chiếm Đài, họ giết tôi đó". Ông Sỹ cũng không biết làm thế nào, đành trấn an Ngô Ganh: "Anh cứ yên trí, không sao đâu, tôi ra ngay". Sự thực lúc ấy Thiếu Tá Sỹ cũng như văn phòng ông Cẩn cũng chưa biết giải quyết như thế nào cho êm đẹp.

Tình thế quá gấp rút, ông Nguyễn Văn Đẳng bảo Thiếu Tá Sỹ "bây giờ chỉ còn cách giải tán, Thiếu Tá lo dùm tôi đi".

Ông Sỹ trả lời: "Tôi làm ngay nhưng ông Tỉnh Trưởng cho lệnh đã". Ông Đẳng có vẻ mất bình tĩnh. Tin tức cho biết, Đài Phát Thanh có thể mất đến nơi. Ông Đẳng bảo Thiếu Tá Sỹ "Thiếu Tá lo gấp dùm tôi. Ký một giấy chứ hàng trăm giấy tôi cũng ký". Thiếu Tá Sỹ ngần ngại: "Tôi thi hành lệnh giải tán với tư cách nào ? Phó Tỉnh Trưởng Nội An hay Tiểu Khu Trưởng ?" Ông Đẳng chưa biết trả lời sao thì ông Sỹ giải thích: "Nếu với tư cách Phó Nội An thì tôi chỉ có một ít Cảnh Sát, Công An và hai Đại Đội Địa Phương Quân". Ông Đẳng vui vẻ: "Thiếu Tá thi hành theo tư cách Tiểu Khu Trưởng đi". Ông Đẳng không quên vấn đề giấy tờ và nói: "Thiếu Tá về Tiểu Khu làm giấy tờ đi rồi tôi ký sau". Theo Dụ 57. Tỉnh Trưởng ngoài chức Trưởng Hành Chính còn giữa trách nhiệm Trưởng An Ninh lãnh thổ. Như vậy, giải tán cuộc biểu tình tại Đài Phát Thanh đều thuộc thẩm quyền tối thượng của Tỉnh Trưởng Thừa Thiên.

Sau khi nhận lệnh của ông Đẳng, Thiếu Tá Sỹ gọi điện thoại về Đà Nẵng trình nội vụ lên Thiếu Tướng Nghiêm Tư Lệnh Vùng I Chiến Thuật. Tướng Nghiêm tỏ vẻ lo lắng và ra lệnh cho ông Sỹ "Anh phải lo giải tán ngay còn chần chờ gì nữa...Nếu họ chiếm được Đài Phát Thanh việt cộng nó lợi dụng phá Đài rồi làm sao đây ?" Thiếu Tá Sỹ trình bày: "hiện nay Tiểu Khu Thừa Thiên không có đủ phương tiện, xin Thiếu Tướng cho

phương tiện". Thiếu Tướng Nghiêm đồng ý cho Tiểu Khu Thừa Thiên được sử dụng phương tiện thuộc khu và vùng chiến thuật đặt dưới quyền Tư Lệnh của Thiếu Tướng Nghiêm.

Như vậy là đã có sự đồng ý của ông Vùng. Thiếu Tá Sỹ gọi điện thoại xin lệnh của ông Tư Lệnh Sư Đoàn I Bộ Binh kiêm Tư Lệnh Khu XI Chiến Thuật. Đại Tá Đỗ Cao Trí đã bay về Sài Gòn từ chiều và chỉ còn Trung Tá Lê Quan Hiền Tư Lệnh Phó. Sau khi trình bày nội vụ, Thiếu Tá Sỹ xin lệnh và ý kiến thì Trung Tá Hiền sốt sắng đồng ý ngay: "Tôi cho anh sử dụng Đại Đội Thiên Hổ" Đại Đội trừ bị của Sư Đoàn I nổi tiếng là thiện chiến do Thiếu Úy Phú làm Đại Đội Trưởng. Thiếu Tá Nguyễn Hộ Tham Mưu Trưởng Sư Đoàn cũng có mặt tại chỗ. Bộ Tư Lệnh cũng đồng ý để ông Sỹ sử dụng lực lượng trừ bị của Sư Đoàn. Thiếu Tá Nguyễn Hộ bảo ông Sỹ: "Anh cứ làm đi, Thiếu Úy Phú đến trình diện anh ngay bây giờ".

Thiếu Tá Sỹ lại gọi điện thoại cho Thiếu Tướng Nghiêm báo cáo diễn tiến của nội vụ. Ông nghiêm ra lệnh: "Phải lo giải tán gấp đi. Tôi cho anh Đại Đội khóa sinh C1 và một Đại Đội Thiết Giáp đang hành quân tại Phú Lộc" Hai Đại Đội này đều trực thuộc cấp vùng. Thiếu Tá Sỹ trở về Tiểu Khu Thừa Thiên và gọi điện thoại cho Thiếu Tá Vĩnh Biểu (Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Phú Bài): "Anh cho tôi xin một Đại Đội, anh cho lên Tiểu Khu gấp, Thiếu Tướng đã nói gì với anh chưa ?" Thiếu Tá Biểu xác nhận được lệnh của Thiếu Tướng Nghiêm qua Đại Úy Thiết, Chánh Văn Phòng của Tư Lệnh Vùng I.

Thiếu Tá Vĩnh Biểu cho biết là Đại Đội khóa sinh C1 đang sửa soạn lên xe trực chỉ Tiểu Khu. Kể từ lúc này Thiếu Tá Sỹ đã có một lực lượng khá hùng hậu gồm Đại Đội Thiên Hổ, Đại Đội C1, Đại Đội Quân Trấn, Chi Đội cơ giới Bảo An (do Trung Úy Kỳ chỉ huy, sau năm 63 ông Kỳ bị bắn chết một cách rất ly kỳ sẽ nói vào đoạn sau) Đại Đội Thiết Giáp và một số Hiến Binh Quân Cảnh thuộc Quân Trấn.

Bộ Tham Mưu của ông Sỹ có mặt Đại Úy Lê Nguyên Phu (Tiểu Khu Phó) Đại Úy Nguyễn Kinh Lược (Tỉnh Đoàn Trưởng Bảo An) Đại Úy Lê

Duy Hiền (Tham Mưu Trưởng).

Tuy đã nhận được lệnh đầy đủ từ ba phía liên hệ (Tỉnh Trưởng, Vùng, Khu Chiến Thuật) ông Sỹ cũng như các sĩ quan hiện diện đều băn khoăn do dự. Riêng ông Sỹ lại khó xử hơn cả vì ông mắc vào hai cái kẹt: Là một tín đồ Thiên Chúa Giáo, gia đình bên vợ lại là Phật Giáo (bà mẹ vợ ông Sỹ thuộc hàng tu tại gia và thọ giới trai). Các sĩ quan hiện diện đều đồng ý là phải hết sức thận trọng, đây là vấn đề thuộc phạm vi tôn giáo vì dù có giải tán một cách êm đẹp cũng vẫn bị mang tiếng là đàn áp. Nếu thất bại để mất Đài Phát Thanh thì hậu quả sẽ không biết như thế nào.

Các đơn vị đã tập hợp đầy đủ tại sân tiểu khu, ông Sỹ ra trước hàng quân giải thích cho Quân Nhân các cấp rõ và ra lệnh dùng súng Garant tay cầm ngang trước mặt và chỉ lấy sức mạnh xô đồng bào, tuyệt đối không được dùng lưỡi lê đâm và cũng không được phép nổ súng. Bộ Tham Mưu chọn 10 người và chỉ 10 người này mới được phép bắn. Đại Úy Lược lưu ý: Chỉ được bắn chỉ thiên mà thôi. Khi nào nghe thấy Thiếu Tá báo hiệu lệnh thì mới được nổ. Ngoài 10 người đã được chỉ định không có 1 Quân Nhân nào được phép sử dụng đạn nổ. Bộ Tham Mưu lại chọn 15 Quân Nhân khác, phân phối cho 15 địa điểm và mỗi Quân Nhân được phát một trái lựu đạn MK3. Đây là lựu đạn thuộc loại huấn luyện có mục đích làm cho tân binh quen với tiếng nổ. Lựu đạn MK3 cũng dùng khi tấn công địch nhưng MK3 không có tác dụng giết người và nếu đứng gần chỗ nổ sẽ chói tai long óc và có thể bị thương nhẹ.

Đại Úy Phu nhắc lại lệnh của Thiếu Tá Sỹ: "Các anh em sử dụng lựu đạn phải nhớ hai tiêu chuẩn: 1 chỉ ném khi có súng lệnh của Thiếu Tá, 2 chọn nơi nào không có người mới được ném thí dụ như ném vào bãi cỏ, gốc cây".

Trong khi Bộ Tham Mưu của Tiểu Khu còn đang bàn thảo kế hoạch đối phó thì Đài Phát Thanh bắt đầu lâm nguy trầm trọng. Gạch đá bay vun vút. Trung Tá Thưởng, Giám Đốc Nha Công An Tỉnh Ngành Tư Pháp gọi điện thoại cho Thiếu Tá Sỹ, giọng bẳn gắt : "Anh còn chần chờ gì nữa...Anh

giải tán ngay đi. Tình hình nguy lắm rồi". Thiếu Tướng Nghiêm từ Đà Nẵng gọi điện thoại hỏi tình hình và ra lệnh cho ông Sỹ: "Việc đã gấp rồi giải tán thì giải tán ngay đi, còn chần chờ gì..."

Ông Ái và mấy Sĩ Quan Tham Mưu nhìn nhau, do dự...Ai cũng ngán.

Đợt thứ nhất, ông Sỹ cho sử dụng xe phun nước nhưng vô hiệu. Đồng bào đông quá và nhấp nhô như biển động trong cơn giống tố. Đợt thứ hai, ông Sỹ cho hai Tiểu Đội Quân Cảnh, một Tiểu Đội Hiến Binh và khoảng 20 nhân viên Cảnh Sát. Nhưng cũng vô hiệu. Đám quần chúng càng ngày càng bị khích động và đang như trong cơn lên đồng.

Ông Quản Đốc Ngô Ganh kêu cứu trong sự tuyệt vọng: Đài mất đến nơi rồi họ giết tôi bây giờ đây nè. Thiếu Tá can thiệp gấp.

Đợt thứ 3: Thiếu Tá Sỹ cho 2 Trung Đội ra đi tiến theo đội hình ngang cùng với ba xe phóng thanh kêu gọi đồng bào giải tán, gạch đá bay vun vút hàng ngàn tiếng la ó, đả đảo, hoan hô.

Ông Nguyễn Văn Đẳng bắt đầu mất tinh thần. Quần chúng làm dữ quá. Gạch đá ném tới tấp vào cửa Đài Phát Thanh. Ông nói với Thượng Tọa Trí Quang "Thầy dùng micro, Thầy nói dùm như thế này nguy hiểm quá". Thầy Trí Quang ngần ngại: "Bây giờ tôi phải nói với Phật Tử sao đây ?" Đám đông vẫn cuồn cuộn như thủy triều dâng cao. Thầy Trí Quang ra trước cửa Đài, lên tiếng trấn an đám đông, đại cương: "Phật Tử cứ bình tĩnh, mọi việc Thầy đang tìm cách giải quyết"...Nhưng lời Thầy Trí Quang cũng vô hiệu.

Đám đông làm dữ quá. Một Nhà Sư trẻ đã nhẩy lên được nóc Đài Phát Thanh và cắm cờ Phật Giáo. Khi Thượng Phật kỳ xong đám đông càng thêm phấn khởi hô to vang dội. Từ lúc đó, chung quanh Đài Phật Kỳ bay rợp trong ánh sáng như vùng hào quang đêm hoa đăng. Biển người nhấp nhô chuyển động và bắt đầu như con thuyền trăm lái. Đám đông này sẽ vỡ như ong vỡ tổ. Một số ít nhân viên công lực đành khoanh tay và lúc ấy đám đông đang làm chủ tình hình. Khi đám đông bộc phát trong ngọn lửa của nhiệt tình tôn giáo thì thiết tưởng không có gì chế ngự được. Lúc ấy họ

chỉ biết vâng phục một thứ thần quyền qua ngọn cờ tôn giáo.

Quản Đốc Ngô Ganh cũng như Tỉnh Trưởng Nguyễn Văn Đẳng gần như mất hết bình tĩnh. Lúc ấy nhà cầm quyền phải triệu thỉnh Thượng Tọa Trí Quang, Thượng Tọa Trí Quang tuy có kêu gọi Phật Tử phải nên bình tĩnh nhưng đám đông mỗi lúc một thêm cuồng nhiệt.

Trung Tá Thưởng tỏ ra vô cùng lo ngại nên một lần nữa điện thoại cho Thiếu Tá Sỹ hối thúc: "Anh còn đợi gì nữa ? Anh còn chần chờ gì nữa ? Anh còn chần chở gì nữa mà không bắt đầu đi". Dù ông Sỹ đã cho hai Tiểu Đội Quân Cảnh cùng Hiến Binh và Cảnh Sát đi giải tán nhưng họ khoanh tay không thể làm gì được hơn. Trung Tá Thưởng phải thân hành đến Quân Trấn hối thúc ông Sỹ.

Thiếu Tá Sỹ cho 2 Trung Đội tiến ra theo đội binh hàng ngang. Kể từ lúc đó, đồng bào Phật Tử cũng bắt đầu lo việc bố phòng...Các xe đạp được đưa chắn ngang đường. Thanh niên Phật Tử lẫn lộn bên cạnh các bà các cô và thiếu nhi để tạo thành vòng rào ngăn chặn nhân viên công lực.

Từ trên nóc Đài Phát Thanh một Nhà Sư trẻ cầm chiếc loa kêu gọi Phật Tử hãy tiến lên không sờn lòng trước bạo lực. Nhà Sư lại nhấn mạnh là đang có Sư Đoàn từ Đà Nẵng tiến vào để hỗ trợ cho cuộc đấu tranh vì Đạo Pháp. Nhà Sư vừa dứt lời, đám đông bỗng náo nhiệt hẳn lên nhiều tiếng la ó hoan hô vang dậy.

Tại Tiểu Khu Thiếu Tá Đặng Sỹ duyệt xét kế hoạch lần cuối cùng với các sĩ quan như Đại Úy Phu, Đại Úy Lược, Trung Úy Kỳ. Ông Sỹ quyết định dùng xe cơ giới của Bảo An (thứ có 4 bánh xe cao lênh khênh) để mở đường lính tiến theo sau xe. Một sĩ quan cho rằng dùng xe mở đường rất hay, đồng bào thấy xe đạp bị cán sẽ sót cũng do đó sẽ tự động vác xe lên hè phố, như thế binh sĩ mới có thể tiến được, ý kiến quả hiệu nghiệm khi xe của Thiếu Tá Sỹ tiến lên. Theo Trung Sĩ Quang (thuộc Tiểu Khu Thừa Thiên) thì xe đi với một tốc độ như rùa.

Xe tiến gần đến đâu thì đồng bào đổ xô ra đường vác xe lên hè phố. Ai cũng biết dân Miền Trung nghèo khổ, nên chiếc xe đạp luôn là một bảo vật.

Nhờ vậy cuộc tiến quân diễn ra êm thắm. Tuy nhiên theo ông Nguyễn Nghiễm khi đồng bào thấy xe và lính thì không khí tranh đấu bỗng dưng bùng lên cực mạnh. Bao nhiêu con mắt đều đổ dồn về ông Sỹ, phía ông Sỹ có nhiều tiếng chửi thề. Có Phật Tử gọi đích danh ông Thiếu Tá Sỹ mà chửi bới. Thế rồi gạch đá guốc vỏ la ve bay như bướm. Theo ông Nguyễn Nghiễm lúc ấy tinh thần đồng bào lên quá cao.

Chính Nguyễn Nghiễm cũng có cảm tưởng như mình như mình đang dự vào cuộc thánh chiến và sẵn sàng xả thân cho đạo pháp. Cho đến lúc ấy chương trình phát thanh vẫn ngưng bặt và chỉ còn tiếng la ó của đám đông. Mô tả đám đông này, ông Nguyễn Nghiễm cho rằng chưa có Lễ Phật Đản nào (trước năm 63) lại đông người và phấn khởi như vậy.

Trên xe, Thiếu Tá Sĩ mặc áo giáp cùng với 2 Hạ Sĩ Quan là Trung Sĩ Tư và Quang...Gạch đá ném lên xe nhiều quá nhưng vì có mũ sắt và áo giáp nên không ăn nhằm gì. Ông Sỹ vẫn cho xe tiến từ từ...

Cùng với Trung Úy Kỳ, Chi Đội Trưởng cơ giới Bảo An. Xe tiến đến đâu thì đồng bào dạt ra hai bên đường, trông cảnh tượng rất ngộ. Dù chạy thì chạy nhưng ai nấy không quên dắt theo xe. Ông Sỹ được một phen nghe chửi rát tai.

Trong khi đó, ba xe phóng thanh của Ty Thông Tin luôn luôn kêu gọi đồng bào giải tán. Văn Phòng Cố Vấn Chỉ Đạo của ông Cẩn lại có vẻ bình thản vì không ai ngờ thảm họa sẽ xảy ra. Cho đến lúc ấy Văn Phòng của ông Cẩn không có một liên lạc nào với Trung Ương. Từ Thiếu Tướng Nghiêm đến ông Hồ Đắc Khương ông Cẩn và Bộ Tham Mưu ai cũng chỉ lo sợ một điều duy nhất là Đài Phát Thanh bị chiếm và một khi bài thuyết pháp của Thượng Tọa Trí Quang được phát thanh thì coi như một tai họa không nhỏ cho mấy ông lớn vì bài thuyết pháp đó như trên đã viết công kích chánh quyền mạnh quá và tất cả đều sợ trách nhiệm đối với Tổng Thống.

Thực nếu không sử dụng Quân Đội thì lực lượng an ninh của Thành Phố Huế không thể nào giữ nổi Đài Phát Thanh. Ai có mặt trong đêm

8.5.63 mới thấy rõ sức mạnh của quần chúng. Sức mạnh đó khi được khơi động bằng lý tưởng tôn giáo và được hướng dẫn bởi một số huyền thoại lãnh tụ thì đó là sức mạnh của giông bão.

TIẾNG NỔ RUNG CHUYỂN CẢ NƯỚC

Chiếc xe cơ giới của Thiếu Tá Sỹ tiến đến gần Đài Phát Thanh khoảng 50 thước. Bỗng có một tiếng nổ kinh hồn và tiếp theo một tiếng nổ khác. Lúc ấy là 10g30.

Xe của ông Sỹ quay khựng lại, một Hạ Sĩ Quan la lớn: "nổ Thiếu Tá coi chừng việt cộng Thiếu Tá. Ông Sỹ rút Colt 12 cầm tay, nói qua máy "nghe đây, nghe lịnh đại bàng đây".

Theo sự mô tả của một số sĩ quan có mặt ở gần Đài lúc đó thì tiếng nổ làm rung chuyển tất cả, thứ ánh sáng từ phía nổ phát ra giống như một tia xét và trong đời binh nghiệp của họ thảy đều chưa nghe thấy một tiếng nổ nào lạ tai như vậy.

Sau tiếng nổ, ông Nguyễn Nghiễm cho biết cảnh tượng trở nên vô cùng hỗn loạn trong sự kinh hoàng. Đồng bào xô đẩy nhau tìm đường thoát thân. Bao nhiêu tiếng khóc kêu la. Các đường chung quanh Đài Phát Thanh vốn nhỏ hẹp lại càng thêm tắc nghẽn. Đồng bào bỏ cả xe, guốc dép và tìm cách thoát thân. Trẻ con đàn bà khóc như di. Ông Nguyễn Nghiễm đứng cách chỗ nổ 50, 60 thước, cảm tưởng của ông lúc ấy giống như người bị mất trí người thì ngất ngư, hai con mắt hoa lên, tay chân luống cuống không biết chạy đi đâu.

Sau hai tiếng nổ đầu, khoảng 4, 5 phút sau ông Nguyễn Nghiễm nghe thấy ba, bốn tiếng súng lục từ phía xe của Thiếu Tá Sỹ và tiếng la lối của mấy Quân Nhân trên xe. Ông Nguyễn Nghiễm thấy tức nơi ngực ông chạy khỏi Đài một quãng khá xa mới dừng lại. Anh Nguyễn Hữu Cang chạy thoát qua cầu Tràng Tiền. Khi tiếng nổ xảy ra, Nguyễn Hữu Cang ở ngay gần Đài. Tiếng nổ lớn quá làm anh xây xẩm và lảo đảo. Một mảng thịt người văng tung vào mặt Nguyễn Hữu Cang cho đến nay Nguyễn Hữu Cang vẫn không thể xóa nhòa được cái cảnh tượng bị thương hôm ấy.

Trong khi đồng bào xô đẩy nhau chạy thoát thân, đồng bào luôn luôn được nghe tiếng người ta hô hoán: "Chạy lẹ đi, nó bắn chết hết bây giờ" hoặc những tiếng la lối như "Bà con chạy lối ni...đồng bào đứng về lối nới...Đặng Sỹ nó đang cho xe cán đồng bào ở đằng nớ..."

Đám đông quần chúng đã hỗn loạn lại càng thêm hỗn loạn.

Về phía Thiếu Tá Sỹ, khi nghe hai tiếng nổ, ông hét lên qua máy nói: "việt cộng phá Đài, nghe tôi. Nghe tôi đại bàng đây việt cộng phá Đài".

Lệnh trên được truyền ra thế là 10 tay súng được chỉ định từ trước đầu dơ cao nòng súng lên không trung và nhả đạn. Họ chỉ được phép bắn chỉ thiên mà thôi. Đồng thời lúc đó, các Quân Nhân sử dụng lựu đạn MK3 cũng đồng loạt cho nổ qua 15 địa điểm khác nhau. Có anh ném

MK.3 xuống phía bờ sông, có anh ném trong sân trường Văn Khoa, có anh ném ngay gần phía Câu Lạc Bộ Thể Thao.

Quân Đội bắt đầu chuyển dịch và bắt tay vào hành động. Xe của Thiếu Tá Sỹ đứng trước Đài. Chao ơi cảnh tượng thê lương chưa từng thấy! Không một xác chết nào được toàn thây. Có nạn nhân đầu bị thổi bay cách Đài cả chục thước, cẳng giò cũng bay đi đâu mất tiêu, ruột gan phèo phổi bay lên cả cành cây, tung tóe khắp nơi, tất cả cửa kính của Đài bị bay đi hết. Cảnh tượng ấy theo những người chứng kiến, có thể nói không bút nào tả hết được sự thê lương. Tiếng nổ đó không do mảnh (écletements) mà chỉ do hơi (soufflement). Sức hơi ép ước khoảng tương đương với 5 kilo thuốc nổ TNT. Nạn nhân chết không do mảnh mà do hơi ép. Sức hơi ép ấy là cho nạn nhân tan xác. Trung Sĩ Tư tiến đến cách Đài 30 thước bỗng dừng khựng lại hô thất thanh: "Bớ đầu người ta đây nè" Một chiếc đầu nạn nhân ở ngay dưới chân ông ta. Theo ông Tư chiếc đầu người đó không còn là đầu người nữa. Ông chỉ thấy hàm răng dính vào một mảng thịt.

Một loạt liên thanh nổ lên trời. Thiếu Tá Sỹ colt 12 cầm trên tay, mặt thất sắc nói không ra lời ông cố ra lệnh cho thuộc viên. "Coi chừng, nó có thể tấn công Đài bây giờ". Sau đó...ông Sỹ vào thẳng bên trong Đài. Vừa

trông thấy Thượng Tọa Trí Quang ông Sỹ đã mất bình tĩnh nói lớn: "Làm sao thế này. Sao có người chết như thế này" Những người có mặt trong Đài lúc đó đều tỏ ra lo sợ và mất hết tinh thần. Ông Đẳng mặt tái xanh ngơ ngác. Tai họa xảy ra bất ngờ quả không một ai tưởng tượng nổi. Thượng Tọa Trí Quang cũng vậy thảy đều không giữ được sự bình tĩnh, Thượng Tọa Trí Quang chắp tay vào nhau như nguyện cầu nói trong cơn lo âu: "Tôi không ngờ lại xảy ra như thế này". Thiếu Tá Sỹ bảo Thượng Tọa Trí Quang: "Thầy phải chịu hết trách nhiệm về những hậu quả đã xảy ra như thế này". Ông Sỹ lại dằn giọng nhắc: "Tại sao lại xảy ra như thế này ?" Trung Tá Thưởng Giám Đốc Nha Công An Tư Pháp như không nén được cơn tức giận. Ông lừ mắt nhìn mọi người rồi nói với Thượng Tọa Trí Quang: "Ông phải chịu hết trách nhiệm" Ông Thưởng lại nói bâng quơ "Ai gây ra thì phải chịu hết trách nhiệm" Lúc ấy, Thượng Tọa Thiện Minh đứng bên Thượng Tọa Trí Quang với một thái độ khá ôn tồn và khiêm tốn nói với Thiếu Tá Sỹ cũng như Trung Tá Thưởng "Chuyện xảy ra như thế này, thì không biết nói sao. Tôi xin chịu hết trách nhiệm".

Lúc bấy giờ chung quanh Đài không còn một ai ngoài Quân Đội và nhân viên công lực. Đồng bào đã chạy dạt sang bên kia cầu và đang tụ tập ở phía Chợ Đông Ba khoảng 5, 7 trăm người. Những nạn nhân bị thương được di tản gấp đến nhà thương Huế. Nạn nhân bị tử thương ngay lúc đầu không còn cách nào để nhận ra, có bao nhiêu người nam hay nữ, già hay trẻ, vì như trên đã viết, nạn nhân chết không tòa thây da thịt bay tứ tung.

Lúc ấy một viên chức Mỹ tìm cách đến đây để lo chụp hình quay phim nhưng bị nhân viên công lực đuổi khỏi. Vợ chồng Bác Sĩ Wuff người Đức thuộc Đại Học Y Khoa Huế tìm cách vào trong Đài xin để săn sóc nạn nhân nhưng bị từ chối. Chính Bác Sĩ Wuff này nhanh tay chụp được mấy tấm hình, một vài chiếc xe cơ giới của Bảo An lúc ấy đang đậu ngay trước đài (nội sáng 9.5 tấm hình này được gởi về Sài Gòn và mấy ngày sau xuất hiện trên báo chí Tây Đức, Pháp, Mỹ. Một chi tiết cần lưu ý năm 1965, ba Bác Sĩ Đức của Đai Học Y Khoa Huế trong đó có Bác Sĩ Wuff chụp hình

và ráp nối hình đêm 8.5.63 đầu bị an ninh của Sư Đoàn I dưới thời Tướng Nguyễn Chánh Thi làm Tư Lệnh, trong một cuộc hành quân tại Khu Nam Đồng Khánh khám phá được tài liệu mật cho biết rằng 3 ba Bác Sĩ người Đức trên đây đều là người Đông Đức vượt qua Tây Đức và là những điệp viên cộng sản thuộc loại quốc tế. Nhưng lại có giả thuyết cho rằng họ thuộc loại gián điệp đôi)

Khoảng 11 giờ đêm đồng bào Phật Tử lại nhốn nháo người thì lo các Thầy bị bắt, người thì xôn xang không biết nạn nhân có phải vợ con mình không. Đồng bào tìm cách vượt qua cầu Tràng Tiền tiến sang Đài Phát Thanh. Cầu Tràng Tiền lúc đó ngổn ngang không biết bao nhiêu là guốc dép. Không khí bỗng dưng lại xôi nổi. Một Phật Tử từ phía Đài sang bên Đông Ba kêu gọi đồng bào phải có thái độ ngay vì các Thầy đã bị bắt hết rồi và xe tăng cán người ta chết nhiều không biết bao nhiêu mà kể. Thế là trong cơn hăng say, một số đồng bào lại kéo nhau qua Đài.

Ông Nguyễn Văn Đẳng lo âu lắm, bảo với Thiếu Tá Sỹ "*Sự việc đã xảy ra như vậy rồi, Thiếu Tá cứ an tâm, tôi sẽ trình với Tổng Thống về vụ này"* Đám đông tiến đến phía Đài bắt đầu sôi động, nhiều tiếng la ó. Thiếu Tá Sỹ thấy vậy chạy vào mời Thượng Tọa Trí Quang ra coi và nói: *"Thầy nhìn kìa, bây giờ mà còn làm tới nữa. Thầy bảo họ về ngay đi, đừng làm cái trò đó nữa"*. Thượng Tọa Trí Quang vui vẻ nhận lời và nói với các Phật Tử: *"Các con cứ về đi. Các Thầy không có sao cả"* Đám đông nghe theo lời tự động kéo về nhưng trong lòng rất giao động, bất mãn và ai cũng nóng muốn tìm hiểu xem đã có bao nhiêu nạn nhân bị gục ngã.

AI LÀ THỦ PHẠM

Giới chức chính quyền Thừa Thiên bắt đầu lo sợ không biết giải quyết như thế nào và thượng cấp sẽ tỏ thái độ ra sao. Hầu hết đều yên trí rằng đây là một "coup montée" do cộng sản chủ động. Việc cấp thời lúc ấy là cho di tản các nạn nhân bị thương vào bệnh viện.

Mặt khác nhân viên hữu trách cho người đi lượm từng mảnh thịt, từng khúc xương từng bàn chân của nạn nhân bị tử nạn. Theo Đại Úy Minh

trong số nạn nhân này, có một thiếu nữ đã chịu phép rửa tội theo Đạo Thiên Chúa, Suốt đêm 8 nhân chứng Nguyễn Hữu Cang cũng như ông Nguyễn Nghiễm và nhiều cán bộ Phật Tử đã gần như thức trắng đêm vừa hoang mang vừa lo âu vừa căm tức chánh quyền vì họ cho rằng chánh quyền đã gây ra vụ nổ đó. Lại có nguồn tin loan truyền trong giới Phật Tử là Thiếu Tá Sỹ đã cho "đằn" Phật Tử và ném lựu đạn vào Phật Tử.

Trong khi đó tại Bộ Tham Mưu Tiểu Khu từ Thiếu Tá Sỹ đến Đại Úy Phu, Đại Úy Lược không dấu nổi lo âu. Người trong cuộc cũng không hiểu đầu đuôi ra thế nào. Hai tiếng nổ từ đâu? Do ai ? Cảm tưởng đầu tiên của họ là bàng hoàng. Tiếng nổ lạ tai quá cũng không giống plastic, lựu đạn lại càng vô lý. Nhưng không ai có thể suy đoán ra được. Người nghe tiếng nổ đầu tiên là ông Sỹ cũng như một số sĩ quan và binh sĩ trên cùng chiếc xe cũng như đi sau xe. Họ đều bị chói tai và áp lực của tiếng nổ làm cho họ không còn phản ứng đều và ngực như bị một vật gì rất nặng đập ngang.

Có điều lạ là sáng hôm sau mấy ông Bác Sĩ Wuff đã có một số hình ảnh về vụ nổ trong đó có tấm hình xe cơ giới đang "đằn" qua đồng bào Phật Tử. Một số hình này Bác Sĩ Wuff trao cho Bác Sĩ Lê Khắc Quyến. Ngày 9, ông Quyến cấp tốc về Sài Gòn.

Ai gây ra tiếng nổ ? Trong phiên tòa xử Thiếu Tá Đặng Sỹ, các chuyên viên quân cụ có dịp phân tích các loại chất nổ như M26, MK3...Giả thuyết M26 đã bị loại giả thuyết MK3 mặc dầu tòa đặc biệt lưu ý, nhưng cuối cùng cũng bị loại. Như trên đã viết MK có thể làm cho chết người được vì áp lực của hơi nổ (Soufflement) nhưng tác dụng không thể nào đạt tới con số thương vong cao như vậy nhất là trong một khoảng trống. Mà nơi phát ra tiếng nổ thì nền xi măng lại chỉ mõm xuống không sâu bao nhiêu.

THỦ PHẠM MANG TÊN SCOTT

Mãi sau này, năm 1966 trong cuộc hành quân ở Nam Đồng, Đại Út Scott (Cố Vấn của Tiểu Đoàn 1/3 Sư Đoàn I Bộ Binh từ năm 1965) mới cho biết về một sự thật.

Dạo ấy năm 1965, Miền Trung đang bắt đầu sôi động và ngút ngàn

trong ngọn lửa Phật Giáo đấu tranh. Trong một buổi mạn đàm Đại Úy Bửu nói chuyện trăng gió mây nước với Đại Úy Scott rồi hai người "bắt" qua chuyện Phật Giáo tranh đấu. Đại Úy Scott nói đại cương:

- Phật Giáo Miền Trung sẽ không thành công trong vụ này. Ông Bửu hỏi: "Tại sao không thể thành công ?"

Đại Úy Scott đáp: "Phật Giáo không tạo được những yếu tố để thành công như năm 1963".

Đại Úy Bửu hỏi: "Đại Úy muốn nói yếu tố nào ?"

Đại Úy Scott nói: "Những yếu tố không phải do Phật Giáo tạo được". Đại Úy Bửu: "Đại Úy muốn nói đến tiền bạc hay khí giới tinh thần".

Đại Úy Scott đáp: "Khí giới tinh thần thì Phật Giáo có đấy chứ nhưng không dễ gì thành công vì không được đồng minh ủng hộ". Ông nói tiếp: "Hoa Kỳ đã giúp cho Phật Giáo nhiều yếu tố để thành công trong vụ 1963"

Đại Úy Bửu nói: "Bây giờ Hoa Kỳ sẽ không còn giúp đỡ Phật Giáo nữa" Đại Úy Scott: "Bây giờ thì tôi không biết nhưng vụ 1963 thì tôi biết rõ".

Đại Úy Bửu lấy làm ngạc nhiên tại sao một Đại Úy như Scott lại có thể am tường nội tình Phật Giáo Việt Nam như vậy. Đương sự hỏi tiếp: "Năm 1963 Đại Úy ở đâu ?" Scott không đáp thẳng vào câu hỏi và tựa hồ trong lòng ông còn ẩn dấu bao nhiêu điều bí mật. Sau đó Scott tâm sự: "Tôi hiểu rõ Phật Giáo ở đây, có thể còn hơn cả các anh. Tháng 5.63 tôi ở Đà Nẵng. Tôi trở ra Huế một ngày trước khi xảy ra vụ nổ tại Đài Phát Thanh Huế".

Đại Úy Bửu hỏi ngay: "Theo Đại Úy có phải việt cộng gây ra vụ nổ đó không ?" Scott đáp: "Chỉ có người nào ngây thơ mới tin như vậy".

Đương sự hỏi luôn: "Như vậy thì Thiếu Tá Đặng Sỹ, Phó Nội An cho nổ ?"

Scott đáp: "Làm gì có chuyện đó, tội nghiệp cho ông ta. Bây giờ ông ấy đang bị tù phải không ?"

Đại Úy Bửu: "Hiện Thiếu Tá Sỹ đang bị cầm tù. Ông ấy bị kết tội đã đàn áp Phật Giáo và làm chết 8 Phật Tử tại Đài Phát Thanh".

Lời Scott: "Không ai nói thẳng sự thật để bênh vực ông ấy ?"

Đại Úy Bửu hỏi: "Vậy anh có tin là Thiếu Tá Sỹ thủ phạm vụ nổ tại Đài Phát Thanh Huế không ?"

Đại Úy Scott nói: "Thiếu Tá Sỹ cũng chỉ là một nạn nhân".

Hỏi: "Theo Đại Úy ai là thủ phạm trong vụ này ?"

Đại Úy Scott lắc đầu nói, chuyện còn dài lắm. Tôi sẽ kể cho anh nghe.

Trả lời tiếng nổ thuộc về loại nào. Đại Úy Scott nói: "Tại sao người ta lại tin dó là tiếng nổ của Plastic việt cộng và lựu đạn của chính quyền Việt Nam ?"

"CÚ SCOTT"

Đại Úy Bửu chính là em họ bên vợ của Thiếu Tá Sỹ ông cố bám sát Scott và tìm lời dọ hỏi xem đầu giây mối nhợ như thế nào. Lúc đầu Scott thố lộ rằng chính người bạn của ông một nhân viên CIA đã làm vụ đó. Scott mô tả chất nổ đó là một chất đặc biệt của Trung Ương Tình Báo Mỹ. Thể tích của nó không lớn hơn bao quẹt và có riêng bộ phận để điều khiển. Bộ phận này sẽ "căn giờ" chừng nào nổ.

Ít lâu nay, do nhiệt tâm tìm hiểu của Bửu, Đại Úy Scott đã phanh phui tất cả sự thật, ông ta có lẽ vì "lương tâm" xúc động cho nên tâm sự rằng chính mình đặt thứ khí giới đặc biệt đó tại Đài Phát Thanh.

Trở lại đêm 8.5 tại Đài Phát Thanh Huế: Những nhân chứng có mặt tại đài đầu xác nhận sự tàn phá của chất nổ thật kỳ lạ và ghê tởm. Thượng Tọa Trí Quang cũng như Thiện Minh không dấu được sự lo âu và mất bình tĩnh.

Khi nghe tiếng nổ đầu tiên linh tính cho biết là đã có sự chẳng lành. Đại Úy Minh, Chánh Văn Phòng của ông Ngô Đình Cẩn vội vã lấy xe cùng mấy người khác chạy ra Đài. Theo Đại Úy Minh, cảnh tượng trước mắt ông thật thê lương ông không thể dấu được xúc động. Mọi người lúc ấy (về phía chính quyền) thì đều cho rằng cộng sản đã làm việc này gây xúc động. Phật Giáo thì cả quyết là chính quyền.

Khoảng 1 giờ đêm mọi người kéo nhau về nhà ông Cẩn trong đó có ông

Nguyễn Văn Đẳng, Trung Tá Thưởng, Hoàng Trọng Bá, Hồ Đắc Trọng. Giờ ấy, ông Cẩn đã lên giường nằm ngủ nhưng Đại Úy Minh vẫn vào phòng đánh thức ông cẩn dậy. Cảm giác đầu tiên của ông Cẩn là mất bình tĩnh. Sự việc xảy ra thực không ai ngờ nổi.

Scott hay ai cũng chỉ là một thứ thừa hành. Ai ra chỉ thị ? Hoa Thịnh Đốn hay Tòa Đại Sứ hay ông Trùm CIA ? Hay Đại Tướng Richardson ? Dưới thời Tổng Thống Kennedy, tổ chức Việt

Nam Task Force được coi như môt thẩm quyền mạnh nhất trước các quyết định về Việt Nam do Hilsman cầm đầu. Ngay từ năm 62 Hilsman đã chủ trương phải lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm và người Mỹ phải có thái độ tích cực hơn đối với các vấn đề Việt Nam có nghĩa là Mỹ phải trực tiếp can dự vào cuộc chiến. Mỹ phải nắm quyền chủ động tại chiến trường Việt Nam. Hilsman không phải là nhân viên tình báo chuyên nghiệp nhưng trong quá khứ ông là một cộng tác viên đắc lực của CIA.

Hilsman thuộc phái trẻ và khuynh hướng tự do (ông đã công khai chống đối Đại Sứ Nolting và chịu chi phối bởi một số ký giả Mỹ cho rằng Đại Sứ Nolting quá nhu nhược đối với chính quyền Ngô Đình Diệm và cùng lên án Nolting đã bị chính quyền Ngô Đình Diệm mua chuộc). Đã từ lâu phe Hilsman chủ trương thay thế Đại Sứ Nolting. Ông Nolting lại là một Nhà Ngoại Giao thuần túy. Ngôn ngữ, cử chỉ của ông có vẻ Tây hơn là Mỹ. Ông bị ảnh hưởng văn hóa Pháp khá sâu xa. Sự thật là lập trường của Đại Sứ Nolting là ủng hộ chính quyền Ngô Đình Diệm và ông được coi là người Mỹ mềm dẻo nhất tại Việt Nam.

Năm 1963, phòng Trung Ương Tình Báo tại Tòa Đại Sứ Mỹ có vào khoảng 50 nhân viên (sau năm 63 và cho đến nay, con số này đông vô kể) Đại Tá Richardson là ông trùm CIA tại Việt Nam, lúc đó dưới quyền là ông Smith. Nhưng Richardson lại tỏ ra đồng một lập trường với Nolting. Sau này Ông Nhu tố cáo Richardson âm mưu đảo chánh, Ông Nhu đã tố sai tuy vậy Richardson bị cấp tốc thay thế. Ông Nhu mất một CIA ủng hộ. Đó cũng là một sự tính toán lầm của Ông Nhu.

Nếu nói rằng CIA tại Tòa Đai Sứ Mỹ chủ động vụ nổ tại Đài Phát Thanh thì không đúng. Nhưng CIA không phải chỉ ở Tòa Đại Sứ Mỹ và họ có những đường giây (reseaux) hoạt động biệt lập với phòng CIA của Đại Tá Richardson và chỉ trực tiếp với Hoa Thịnh Đốn. Do đó, "cú Scott" tại Đài Phát Thanh Huế cũng chỉ là một cú "chơi lẻ" (coup isolé).

Ngay từ những năm 61, 62 nhân viên Trung Ương Tình Báo Mỹ đã gài người trong nhiều cơ quan như USAID kể cả những tổ chức văn hóa giáo dục.

Nhờ vậy CIA đã thừa khả năng nhân sự để chơi những "coup lẻ" tương tự như trên. Người ta tự hỏi rằng, hà tất gì CIA phải ra tay nhập cuộc như vậy qua vụ nổ Scott tại Đài Phát Thanh Huế ? Câu chuyện thật dài dòng phức tạp và khó có thể giải thích cho một vấn nạn trên đây nếu không căn cứ theo những diễn biến trong cuộc bang giao Việt Mỹ 1964 cùng những toan tính của Mỹ trong chiến lược của họ tại Việt Nam. Giới chức Mỹ nhất là phía CIA đã thuộc nằm lòng phương thức này: "Những lãnh tụ Á Đông phải dùng bạo lực mới có thể đánh đổ họ xuống được". Một phương thuật sử dụng bạo lực của CIA không kém tinh xảo so với phương thức của cộng sản.

Nhưng lúc ấy không ai ngờ CIA nhúng tay "tinh vi" như vậy và người ta nhất định cho rằng cộng sản làm vụ này.

Riêng ông Cẩn trước cái họa như vậy và khi nghe tường trình nội vụ rồi im lặng triền miên như đành bất lực không biết phải giải quyết như thế nào. Theo Đại Úy Minh đã có ba ý kiến được nêu lên như sau.

1.- Đã xảy ra như vậy thì làm tới luôn. Sáng ngày 9, ban hành lệnh giới nghiêm tại Thành Phố Huế. Đồng thời cô lập giữa Chùa Từ Đàm với các cán bộ Phật Tử. Trong khi đó sẽ có Cơ Quan An Ninh sẽ truy lùng những thành phần việt cộng khả nghi từ bấy lâu nay.

2.- Nếu không giải quyết theo cách một thì cấp tốc phải tìm tới gia đình các nạn nhân để điều đình thu xếp ổn thỏa và bồi thường xứng đáng.

3.- Cách hai không đồng ý thì phải thương thuyết với mấy Thầy ở

Chùa Từ Đàm và nhờ các Thầy xoa dịu đồng bào Phật Tử và đồng thời sẽ bồi thường nạn nhân một cách đầy đủ.

Cả ba phương thức giải quyết đưa ra ông Cẩn không tỏ một thái độ nào rõ rệt. Ông Cẩn ra lệnh cho Tòa Đại Biểu đánh điện cấp tốc về Sài Gòn để xin quyết định. Một việc sôi bỏng như vậy nhưng mãi hai ngày hôm sau Sài Gòn mới phái ông Bùi Văn Lương Bộ Trưởng Nội Vụ ra Huế tìm cách giải quyết tại chỗ.

Trong số những phương thức được đưa ra để giải quyết có một phương thức khá nguy hiểm. Hoàng Trọng Bá cho rằng, ngoài việc giới nghiêm toàn thể vào ngày 9.5 (al) chính quyền phải cho mời ngay Thượng Tọa Trí Quang và Thiện Minh vì ai cũng biết hai vị này là nòng cốt của Giáo Hội Phật Giáo Miền Trung. Ý kiến như thế này: "Ông Cố Vấn (tức ông Cẩn) sẵn "hồ sơ tối mật" của hai ông Thầy (ông Cẩn có thể dùng những hồ sơ đó như một điều kiện giao tế) và cho rằng khi đã nắm được những "a tu" của mấy vị tất sẽ dễ dàng khu xử và những cái gọi "bí ẩn" trong đời sống cá nhân cùng những hoạt động từ năm 1945-1955, ý kiến trên căn cứ đó xin với ông Cẩn cho an ninh "mời" ngay hai Thầy lại sẽ đưa ra điều kiện để dọa: Hồ sơ hai Thầy như thế, như thế, hoạt động quá khứ như vậy...như vậy. Do đó, một là mấy Thầy bỏ qua nội vụ và để chính quyền lo việc bồi thường. Hai là nếu không chính quyền sẽ bắt giữ rồi công khai hóa "hồ sơ tối mật" đã nắm giữ từ dạo năm 56 trong khi đó chánh quyền sẽ dùng phương pháp phóng tài hóa thu nhân tâm bồi thường nạn nhân xoa dịu Phật Tử, mua chược các Thầy khác".

Ý kiến trên tuy có vẻ bá đạo nhưng Hoàng Trọng Bá tin chắc chắn có hiệu nghiệm. Cuối cùng không được chấp nhận.

Sáng 9.5 Đại Úy Minh túc trực tại Văn Phòng Chỉ Đạo từ sớm. Ông Cẩn chỉ thị tìm mọi cách giải quyết sao cho êm đẹp.

Về phía Phật Giáo tại Chùa Từ Đàm thì ngay đêm 8, sau vụ nổ, nhiều Thượng Tọa cũng giao động không biết sự thể xảy ra như thế nào. Hầu hết đều ngán thứ "uy quyền" trong tay ông Cẩn (trên thực tế uy quyền ấy đã

suy giảm từ năm 1961) cho nên không một Thượng Tọa Đại Đức nào đã bình tĩnh để trù tính kế hoạch cho ngày hôm sau ngoại trừ một hai Thầy đã có mưu riêng.

Mấy Thượng Tọa lại lo sợ chính quyền sẽ áp dụng biện pháp mạnh. Và có thể làm tan rã hàng ngũ mà đã dầy công xây đắp từ chục năm qua. Riêng Nguyễn Nghiễm trong thâm tâm nghĩ rằng, sẽ có sự bắt bớ vào sáng mai và ông đã trù tính trốn nếu sự thể không êm. Nhưng lại có một khuynh hướng tích cực khác cho rằng, phải lợi dụng ngay biến cố này để làm lớn chuyện. Đây là cơ hội ngàn năm một thủa. Đứng đầu khung hướng này là Thượng Tọa Thiện Minh.

Theo Nguyễn Nghiễm, Thượng Tọa Trí Quang tuy là người lên tiếng và phát động đầu tiên (qua bài thuyết pháp) nhưng từ ngày 7 đến ngày 9 vai trò của Thượng Tọa Thiện Minh mới là quan hệ và chủ động. Vì Thượng Tọa này có lập trường dứt khoát cho rằng phải lợi dụng ngay biến cố đẫm máu kể trên để hướng đồng bào Phật Tử về một đối tượng sống chết cho Đạo Pháp. Việc đầu tiên, nếu như ngày 9 êm xuôi thì phải đứng lên. Thơi cơ đã đến.

Sáng 9.5, chính quyền lo sợ bên Chùa Từ Đàm sẽ làm tới, nên ông Cẩn muốn dùng "tấm tình cố tri" với mấy Thầy để giải quyết. Song nội bộ Từ Đàm tuy đoàn kết nhưng ý kiến rất phân tán, do dự và không ai ngờ phía ông Cẩn lại mềm dẻo như vậy.

Trụ cột là ông Cẩn và chính quyền địa phương chỉ chờ đợi sự giải quyết từ phía ông Cẩn thì ông Cẩn lại không có một quyết định nào. Mọi sự đều nhờ Trung Ương. Suốt buổi sáng ngày 9, ông Cẩn rất bận rộn nào là tiếp Thượng Tọa Trí Quang nào là tiếp các giới chức liên hệ. Ông Cẩn vẫn không tìm ra được một phương thức nào thu xếp ổn thỏa. Một cách đơn giản nhất, ông Cẩn chỉ dùng tiền mua chuộc những người liên hệ và mặt khác cho người tiếp xúc riêng với các gia đình nạn nhân để giàn xếp.

Về phía Chùa Từ Đàm, chỉ cần một buổi sáng "tiếp xúc và hòa hoãn" đã trắc nghiệm được phản ứng của chính quyền và thấy rằng, chính quyền

không dám làm tới, do đó cần phải bắt tay hành động. Việc đầu tiên là yêu cầu chính quyền phải trả các nạn nhân về Chùa Từ Đàm để Nhà Chùa lo phần ma chay chôn cất.

Lời yêu cầu này không được thỏa mãn vì phía ông Cẩn đã lượng tính được hậu quả và biết thế nào cũng có biến chuyển rất nguy hiểm nếu phía Từ Đàm tổ chức chôn cất nạn nhân.

Trong khi Huế còn đang dằng co dàn xếp thì tại Sài Gòn vẫn có vẻ yên tĩnh lắng đọng. Tại Dinh Gia Long, khi nhận được tin về vụ nổ tại Đài Phát Thanh Huế, Tổng Thống Diệm vẫn cứ yên trí rằng cộng sản len lỏi vào sách động và gây tiếng vang để qui tội cho chính quyền đàn áp Phật Giáo.

Ngày 9 và 10, ông Tổng Thống vô cùng đăm chiêu, Nguồn tin và báo cáo ngoại quốc nhất là Mỹ, Pháp đều không đồng nhất. Tổng Thống Diệm vẫn đinh ninh câu chuyện sẽ giải quyết êm đẹp, không có gì đáng quan trọng gọi là đại sự. Phía Phật Giáo tại Sài Gòn cũng chưa có một phản ứng nào khác hơn là xôn xao bàn tán và cũng mới chỉ biết biến cố qua báo chí dư luận và nhất là bản tin của đài VOA, BBC.

Tòa Đại Sứ Mỹ qua ngày 9, 10 vẫn giữ thái độ yên lặng dè dặt. Ngay trong hành lãnh đạo Phật Giáo tại Huế cũng như Sài Gòn không có ai ngờ rằng biến cố có thể lan rộng và trở thành cơn giông tố. Nếu như chính quyền Trung Ương lúc đó có một quyết định dứt khoát để giải quyết cấp thời thì vụ Phật Giáo cũng không nổ to và có thể thu xếp ngay từ buổi đầu.

Trước một biến cố như vậy, không thể giải quyết bằng đường lối hành chánh, luật pháp và công quyền mà phải giải quyết bằng đường lối chính trị với tính cách uyển chuyển, thích nghi và thông suốt của nó. Đằng này, Tổng Thống Diệm lại chờ đợi giới chức Thừa Thiên báo cáo sau đó mới gửi ông Bộ Trưởng Nội Vụ ra điều tra tại chỗ.

Biến cố tại Đài Phát Thanh Huế sẽ không thể bùng nổ to nếu không có sự lợi dụng những mâu thuẫn giữa ông Ngô Đình Cẩn và Đức Cha Ngô Đình Thục và nhất là nếu không có sự đổ dầu vào lửa của Tòa Lãnh Sự tại Huế. Một vài Thượng Tọa thuộc phe "tích cực dấn thân" như Thượng Tọa

Trí Quang, Đôn Hậu có tình quen biết với ông Cẩn nên cứ làm tới trước hết không phải để "chơi" ông Cẩn mà có ý biểu dương lực lượng cho Đức Cha Thục coi. Sau khi trắc nghiệm thấy có thể làm tới được thì làm tới luôn. Lúc đầu, ông Cẩn lại chủ quan tin rằng:

Các Thầy Chùa Từ Đàm nể ông và vì tình riêng ông sẽ không làm mạnh cho nên lập trường của ông Cẩn lúc đầu hết sức dè dặt và tìm mọi cách thương nghị. Đêm 9 ông Cẩn tâm sự với mấy nhân vật cận thân như Đại Úy Minh, Hoàng Trọng Bá, Hồ Đắc Trọng đại cương như sau: "Dù là cộng sản nó gây ra như vậy thì mình cũng phải có trách nhiệm. Sáng nay Thầy Trí Quang gặp tui tuy Thầy ấy có buồn phiền nhưng sau nói riết, Thầy ấy cũng vui vẻ nhận lời thu xếp" Thực tế thì sáng 9.5, khi gặp ông Cẩn, Thầy Trí Quang cũng không có gì tỏ ra là quá "găng". Thượng Tọa Thiện Minh lại quá "thâm trầm" nên không ai rõ Thầy Minh muốn gì sẽ làm gì nhưng Thượng Tọa Trí Quang có sự nóng tính và qua sự nóng tính đó nhiều lần biểu lộ sự bất mãn về Đức Cha Ngô Đình Thục cùng sự hiện diện "quyền uy" của Đức Cha tại Huế. Điều mà chính ông Ngô Đình Cẩn cũng tỏ ra khó chịu và bất mãn. Bài thuyết pháp của Thượng Tọa Trí Quang sáng 8.5 có ý nhắm vào Đức Cha Thục hơn là chính quyền Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Cẩn.

Có nhẽ vì thế ông Ngô Đình Cẩn tỏ vẻ thờ ơ không lấy làm khó chịu về bài thuyết pháp của Thượng Tọa Trí Quang và có nhẽ cũng tin rằng, mình vẫn nắm được mấy ông Thầy nên ông Cẩn đã từ chối ngay đề nghị của Hoàng Trọng Bá yêu cầu tung ra trước công luận một vài tài liệu "tổ chức" nọ. Tuy nhiên dù có tung tài liệu đó ra và tài liệu đó đúng 10/10 đi chăng nữa thì quần chúng đang hăng say cũng sẽ không tin tưởng gì vào tài liệu đó cuối cùng sẽ mang tiếng là dùng sức mạnh của nhà nước để chụp mũ.

Trong khung cảnh và thực tại của Huế lúc ấy chính quyền Thừa Thiên chỉ cần khôn khéo đôi chút thì đã dễ dàng xoa dịu được phản ứng nhất thời của Phật Tử. Nhưng từ Tỉnh Trưởng đến Đại Biểu Chánh Phủ đã quá non nớt về chính trị và chỉ là cấp thừa hành về hành chánh nên đành khoanh

tay trong khi đó phản ứng của quần chúng không được xoa dịu và càng ngày càng bị kích động do những nguồn dư luận "giật gân".

Ngày 10.5 ông Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ được phái ra Huế điều tra tại chỗ. Theo thông lệ và "truyền thống" của những nhà hành chánh xứ ta thì công việc điều tra đều tựa trên giấy tờ và nghe các cấp bộ hành chánh điều trần. Do đó, ông Bùi Văn Lương vẫn lạc quan vì tình hình tại Huế không có gì trầm trọng, dân tình như thường. Ông Lương tiếp xúc qua các giới liên hệ như ông Nguyễn Văn Đẳng ông Hồ Đắc Khương, Thiếu Tá Sĩ, Trung Tá Thưởng, chính quyền vẫn giữ nguyên luận cứ là cộng sản đã gây ra thảm cảnh này. Buổi trưa ngày 10 tháng 5, trên đường từ Tòa Đại Biểu qua Dinh ông Ngô Đình Cẩn, ông Bộ Trưởng Bùi Văn Lương gặp đoàn biểu tình khoảng vài trăm thanh thiếu niên, hàng ngũ lộn xộn. Đại Úy Minh trình bày cho ông Bùi Văn Lương về "nội dung" thành phần đoàn biểu tình đó còn quá thưa thớt và hỗn tạp. Nhưng nếu chỉ ở xa, chỉ nghe hai chữ biểu tình mà lại do Phật Giáo đồ chủ trương thì cuộc biểu tình đó trở nên sôi nổi trong trí tưởng tượng của riêng mỗi người. Riêng cuộc biểu tình ngày 5.10 giới an ninh báo cáo có ông Phó Lãnh Sự Mỹ đi theo sau "quan sát". Tất nhiên là ông đi trên vỉa hè. Sự hiện diện của ông Phó Lãnh Sự Mỹ quả là một yếu tố kích động rất quan hệ, đầy ý nghĩa. Nhưng chính quyền hồi đó vẫn còn tin tưởng quá nhiều thiện chí của ông bạn Đồng Minh Mỹ. Phía Phật Giáo cũng vậy, khi thấy giới chức Mỹ ủng hộ cuộc tranh đấu của mình, thì không ai nghi ngờ thiện chí của họ.

Cùng ngày phái đoàn của Bộ Trưởng Việt Nam ra Huế thì từ Chùa Từ Đàm cũng tổ chức mít tinh và đưa ra một bản tuyên gồm 5 điểm. Bản Tuyên Ngôn trở thành căn bản và đối tượng chính yếu của Phật Giáo năm 1963.

Với Bản Tuyên Ngôn như vậy kèm theo lời tường trình báo cáo của ông Bộ Trưởng Bùi Văn Lương, Tổng Thống Diệm tỏ vẻ tức giận cho rằng phía Phật Giáo đòi hỏi quá đáng. Ông Tổng Thống lại coi đây chỉ là một yêu sách của một khuynh hướng Phật Giáo cực đoan, quá khích. Tìm hiểu

các khuynh hướng Phật Giáo tại Sài Gòn, ông Tổng Thống Diệm lại càng quyết định không thể nhượng bộ vì từ ngày 10.15 tháng 6 giới lãnh đạo Phật Giáo Sài Gòn vẫn còn tiêu cực, tuy có phản đối chính quyền qua bức công điện (cấm treo cờ) nhưng lại có vẻ hòa hoãn với chính quyền và đạt chủ trương một giải pháp ôn hòa trung dung. Trong khi đó Tổng Thống Diệm lại chỉ quyết định tìm hiểu và nói chuyện với các vị lãnh đạo tiêu biểu qua Cư Sĩ Mai Thọ Truyền, Thượng Tọa Thích Thiện Hoa (Chùa Ấn Quang) và Thượng Tọa Tâm Châu (Chùa Từ Quang).

Thực tế để giải quyết vấn đề vẫn là Huế mà chính quyền Sài Gòn vẫn tin tưởng Huế không có gì đáng ngại. Sự thực hoàn toàn khác. Không khí đấu tranh tại Huế bùng nổ vào ngày 8.5 lắng dịu sau đó nhưng đang âm ỉ như những sóng ngầm. Chùa Từ Đàm đã qui tụ được một lực lượng quần chúng đáng kể và rất đáng ngại đó là các thành phần các bạn hàng tiểu thương tại Chợ Đông Ba, các anh em công nhân xe đò, xích lô đạp sau cùng một thành phần nòng cốt là các học tăng tại Chùa Bảo Quốc, nơi mà các Thượng Tọa Trí Quang, Minh Châu đã được đào tạo. Các học tăng trở nên một lực lượng sung yếu. Thêm vào đó là tập thể sinh viên Huế. Mấy ngày đầu, tập thể sinh viên Đại Học Huế yên lặng và chỉ có sinh viên Phật Tử tham dự, hơn nữa tháng 5 đã vào Hè và sinh viên đang dự thi. Nếu như chính quyền giải quyết ngay mấy ngày đầu thì lực lượng trên khó lòng có thể móc nối liên kết với nhau được. Qua ngày 12, khi thấy chính quyền không có đàn áp và chỉ canh chừng, Huế bắt đầu vùng dậy và các lực lượng trên tự vốn nó phân tán nay liên kết với nhau và cùng hướng về đối tượng tranh đấu cho 5 điểm trong Bản Tuyên Ngôn. Huế bắt đầu chuyển động.

Phía Chùa Từ Đàm Huế thay đổi thái độ. Thượng Tọa Trí Quang gặp thẳng ông Ngô Đình Cẩn để thu xếp với mục đích làm thế nào chính quyền Trung Ương thu xếp trực tiếp với giới lãnh đạo Phật Giáo tại Huế mà không qua trung gian đại diện Phật Giáo tại Sài Gòn.

Đề nghị này cũng hợp ý ông Cẩn, vì từ lâu ông Cẩn vẫn cho rằng Tổng

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam phải là Miền Trung, Chùa Từ Đàm mới là đầu não.

Các Thầy Chùa Từ Đàm khi được tin mấy Thượng Tọa Tâm Châu, Thiện Hoa nhảy vào cuộc thì không khỏi lo ngại tiếng nói Phật Giáo Miền Trung sẽ không được chính quyền Trung Ương tôn trọng. Sau khi đã công bố Bản Tuyên Ngôn 5 điểm, Chùa Từ Đàm đã nắm được nhiều yếu tố thuận lợi. Dù vậy cho đến ngày 15.5, khi Phật Giáo Sài Gòn làm lễ cầu siêu cho các nạn nhân tại Đài Phát Thanh Huế không hiểu từ một nguyên do sâu xa nào, các Thầy Chùa Từ Đàm bỗng nhiên thay đổi thái độ và trở nên hòa hoãn, muốn "nói chuyện" với chính quyền. Ông Ngô Đình Cẩn thỉnh cầu với Trung Ương yêu cầu điều đình trực tiếp với Huế qua hai Thượng Tọa Trí Quang và Thiện Minh. Nhưng Tổng Thống Ngô Đình Diệm từ chối đề nghị đó. Điều này làm cho ông Cẩn bối rối, khó xử. Cùng ngày 15.5, một phái đoàn Phật Giáo đại diện Nam Tông và Bắc Tông vào yết kiến Tổng Thống Diệm và đạo đạt nguyện vọng. Kết quả là không đi đến đâu. Sài Gòn bắt đầu rục rịch bùng lên.

Ngôi sao Tâm Châu bắt đầu ló dạng. Một Phong Trào Tranh Đấu của Phật Giáo tại Sài Gòn có đủ yếu tố lớn mạnh và có đủ điều kiện để làm mạnh với chính quyền.

Trong khi Huế, cái đinh của biến cố lại bắt đầu mờ nhạt, không tạo được cơ hội để tranh thủ với chính quyền Trung Ương. Dù vậy, Huế vẫn nắm căn bản "pháp lý" qua tổ chức Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam mà hội chủ là Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết.

Ngày 20.5, Hòa Thượng Hội Chủ đã đánh điện tín vào Sài Gòn và một số Tỉnh báo tin để tâm tang và lễ cầu siêu cho các nạn nhân vụ nổ Đài Phát Thanh. Đó cũng là cách lên tiếng. Phía Chùa Từ Đàm từ cuộc biểu tình ngày 10 đến ngày 21 cũng đã tự hiểu được rằng dù đã có cán bộ và quần chúng, Huế không thể đơn phương vận động được một Phong Trào chống chính quyền Ngô Đình Diệm. Về phía ông Cẩn qua trục giao liên Hà Thúc Luyện, Lê Trọng Quát, Lê Văn Nghiêm được biết rằng các Thầy Từ Đàm

tuy bên ngoài mạnh miệng tỏ ra cương quyết nhưng rất muốn "thương thuyết" để bảo đảm chủ lực Huế. Chính quyền Trung Ương thì vẫn cố chấp "chỉ nói chuyện" với đại diện Phật Giáo tại Sài Gòn. Do đó Thượng Tọa Trí Quang đến gặp ông Cẩn rồi tự tay Thượng Tọa viết một lá thư gửi Tổng Thống Diệm nhờ ông Cẩn chuyển giao. Nội dung lá thư thật hòa hoãn khiêm nhường.

Qua cuộc tiếp xúc giữa Thượng Tọa Trí Quang, giới Phật Giáo Từ Đàm không đòi hỏi chính quyền phải thỏa mãn 5 điểm trong Bản Tuyên Bố. Trái lại bên Từ Đàm đã hạ 5 điểm xuống còn 3 điểm và những điểm này đều có thể thỏa mãn được như "yêu cầu chính quyền bồi thường một cách xứng đáng cho gia đình những kẻ chết oan vô tội và kẻ chủ mưu giết hại phải đền bù xứng đáng".

Theo giới thân cận ông Cẩn thì nếu như chính quyền Trung Ương gặp trực tiếp giới Phật Giáo Chùa Từ Đàm thì mọi việc thu xếp cũng không có gì khó khăn. Tuy nhiên Phật Giáo Chùa Từ Đàm vẫn bị kích động qua một khuynh hướng "cứ làm tới". Cũng khuynh hướng này tuy chỉ là một thiểu số nhưng đã đóng góp vai trò chủ động và lấn át những khuynh hướng ôn hòa. Thượng Tọa Minh bắt đầu nao núng.

Sài Gòn chuyển động, dần dần trở thành trung tâm biến cố. Trước hoàn cảnh này tuy, các Thầy Chùa Từ Đàm đứng trước bài toán:

1/ Phải làm mọi cách để có mặt tại Sài Gòn hoặc trực tiếp với chánh quyền hoặc có thể nắm một phần chủ động trong những biến chuyển tại Sài Gòn.

2/ Nếu không được như vậy tạm thời thỏa hiệp và thương nghị với chánh quyền qua những đòi hỏi tối thiểu và nhượng bộ nhau.

Thực tế xuất hiện của Thượng Tọa Tâm Châu cũng như Cư Sĩ Mai Thọ Truyền sẽ làm nghiêng ngả...nếu không nhanh tay hành động thì Phật Giáo Miền Trung sẽ bị lép vế do đó nguyện vọng và đòi hỏi của Phật Giáo Miền Trung sẽ trở thành cái cớ thúc đẩy những tập thể đứng lên lãnh "công đầu". Bởi vậy bằng một giá nào các Thượng Tọa Trí Quang, Thiện Minh cũng

phải nắm lấy thế chủ động và các vị này vẫn tin rằng ông Ngô Đình Cẩn sẽ bênh vực lập trường của Giáo Hội Phật Giáo Miền Trung. Mà thực vậy, ông Cẩn tìm mọi cách thuyết phục Tổng Thống Diệm "tiếp kiến" riêng một phái đoàn Phật Giáo Miền Trung. Nhưng ông Cẩn không còn đủ tín nhiệm để thuyết phục bào huynh. Biến cố 8.5 tại Huế, Tổng Thống Diệm lại chỉ theo tường thuật một chiều và chật hẹp của Đức Cha Ngô Đình Thục. Ngày 7.5 khi tình hình có vẻ căng thẳng, Đại Tá Đỗ Cao Trí gặp riêng Đức Cha Ngô Đình Thục rồi bay thẳng về Sài Gòn yết kiến Tổng Thống Ngô Đình Diệm để trình bày nội vụ và ngày đó đến khi Hòa Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu.

Đã hàng tháng trôi qua, Tổng Thống Diệm vẫn được nghe trình bày nội vụ về một phía tức phía Đức Cha Thục và giới chức chánh quyền, cho nên Tổng Thống Diệm lại càng tin mình đã làm việc chính đáng để tôn trọng Quốc Kỳ và thể thống Quốc Gia.

Một biến cố như vậy đáng lẽ phải cấp thời thu xếp cho êm đẹp vì càng kéo dài càng bất lợi. Và nó đã bất lợi thật: Gần nửa tháng không giải quyết được gì. Biến cố đó đã đẻ ra bao nhiêu biến cố giây chuyền khác.

Chính quyền đã hết sức lầm khi ra lệnh cấm treo cờ, tuy cái lầm lẫn đó bất cứ một chính quyền thiếu sự cảnh giác có thể mắc với bộ máy công quyền thư lại làm việc quen chiếu lệ (routimer) điều đó có thể không đáng trách lắm trong bối cảnh một nước chậm tiến. Song điều đáng trách là khi chánh quyền đã làm lỗi lại không biết kịp thời khôn ngoan sửa chữa lỗi lầm, do đó mới bị tràn ngập các biến cố. Lúc ấy chính quyền "túng thế" cho rằng phải cương quyết bảo vệ uy quyền nếu cân bằng biện pháp mạnh. Khi biện pháp mạnh được sử dụng (trong hoàn cảnh tràn ngập biến cố) thì chính những biện pháp mạnh đó lại nuôi dưỡng biến cố và chỉ là cách đổ dầu thêm vào lửa.

Nếu như Tổng Thống Diệm nghe lời ông Cẩn và chấp thuận nói chuyện với các Thượng Tọa Miền Trung thì nội vụ đã không đổ vỡ lớn như vậy. Mặc dù, có sự yêu cầu được tiếp kiến của Thượng Tọa Trí Quang, Tổng

Thống Diệm lại trả lời không tiếp kiến, không thu xếp với phía Từ Đàm vì ông Tổng Thống cho rằng một vấn đề địa phương như vậy một ông Đại Biểu Chính

Phủ cũng đã đủ tư cách để thu xếp.

Qua ngày 20.5, chính quyền địa phương đành thủ lợi đợi thượng cấp. Chính quyền Trung Ương vẫn không có một đường lối dứt khoát trong việc giải quyết vì không dựa vào sự phân tách thực tế khách quan mà chỉ dựa vào ý kiến và xúc cảm chủ quan của mình.

Những ngày đầu biến cố, phe cộng sản mới chỉ lên tiếng chiếu lệ (tuyên truyền có lợi cho phe mình và gây hoang mang chia rẽ trong hàng ngũ quốc gia và các tập thể dân chúng) nhưng cộng sản đã bắt đầu điều khiển và phân tách thực tại khách quan của nội vụ để có thể nếu điều kiện thuận lợi nhất cho phép thì họ nhảy vào vòng. Trong khi đó, mấy ông CIA Mỹ "chìm" cố kết với báo chí Mỹ, Pháp qua các thông tấn và ký giả tại Sài Gòn để đóng vai trò hoạt náo viên có lợi nhất cho "đối phương" hành động của họ.

Tại Sài Gòn ngày 21.5 một cuộc lễ cầu siêu tổ chức tại Chùa Ấn Quang với sự tham dự của 5, 6 trăm Tăng Ni, cuộc rước linh từ rất trọng thể từ Ấn Quang qua Xá Lợi. Đó là dấu hiệu đầu tiên liên kết giữa các vị Phật Giáo ba Miền Trung Nam Bắc. Trước đó, giới Phật Giáo Miền Nam vẫn còn e dè thận trọng tối đa. Theo giới thân cận tại Chùa Xá Lợi cho biết, Cư Sĩ Mai Thọ Truyền là chỗ tâm giao với Hòa Thượng Thích Thiện Hòa (Ấn Quang) mà Thượng Tọa Thiện Hòa được coi là vị tu hành không có tham vọng thế tục, bản chất rất hiền hòa phước hậu và ghét chính sự đa đoan.

Cư Sĩ Mai Thọ Truyền vốn là bạn thân của Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ, ông lại là cựu Tổng Thanh Tra hành chánh tài chánh Phủ Tổng Thống, ông không muốn dính dáng chính trị với Phật sự. Đã từ lâu Cư Sĩ họ Mai không "hoan hỉ" cho lắm về mấy Thầy tại Chùa Từ Đàm. Có lẽ do kết quả từ những bất đồng ngấm ngầm qua một lần tham dự Hội Nghị Phật Giáo Quốc Tế.

Về phía ông Ngô Đình Nhu thì như thế nào ? Ông Nhu chỉ thật sự dấn mình vào biến cố sau khi Hòa Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu (11.6.1963) và từ đó ông càng trở nên quyết liệt chơi ván bài "được ăn cả ngã về không". Trước đó gần như ông không tỏ một thái độ rõ rệt. Sau vụ Huế 2 ngày, hôm ấy hình như là thứ sáu Ông Nhu lên Đà Lạt. Lương Khải Minh có điện thoại cho ông Cao Xuân Vỹ nhờ ông Vỹ trình bày nội vụ cho Ông Nhu hay "Toa tìm cách nói thế nào cho ông Cố Vấn rõ chuyện và nên tìm cách thu xếp cho êm đẹp không sẽ là cả một vấn đề nguy hiểm".

Trên đường từ Dinh ra phi trường trên xe chỉ có Ông Nhu và ông Cao Xuân Vỹ. Dịp này ông Vỹ đã tường trình nội vụ cho Ông Nhu rõ đầu đuôi. Ông Nhu tỏ vẻ buồn bực nói: "Quyết định một việc vô chính trị như vậy mà không hỏi ý kiến ai" (ý nói Tổng Thống Ngô Đình Diệm đơn phương quyết định một mình). Nhưng thật lạ lùng, thứ hai tuần sau khi trở về Sài Gòn Ông Nhu bỗng dưng thay đổi thái độ và trở nên cương quyết. Quả khó hiểu. Có nhẽ ông bị bà vợ chi phối quá nhiều. Khi ở Sài Gòn một mình thái độ của ông ôn hòa và bực tức với biến cố mà ông cho rằng "thất chính trị". Lúc lên Đà Lạt với bà vợ trong 3 ngày bỗng dưng ông thay đổi thái độ từ cực này đến cực kia.

Ngày 25.5 Ủy Ban Liên Phái bảo vệ Phật Giáo đưa ra một Bản Tuyên Ngôn đặt trên hai căn bản chính yếu:

1.- Ủng hộ 5 nguyện vọng Phật Giáo qua Bản Tuyên Ngôn 10.5.1963 (xuất phát từ Chùa Từ Đàm)

2.- Thề nguyện đoàn kết trong cuộc tranh thủ hợp pháp bất bạo động để tranh thủ cho đến khi được 5 nguyện vọng ấy. Một loạt lễ cầu siêu được tổ chức theo giây chuyền từ Chùa Xá Lợi đến Giác Minh và các Chùa khác trong Đô Thành.

Trụ sở của Ủy Ban Liên Phái đặt tại Chùa Xá Lợi vì đây là Chùa lớn đồng thời cũng là trụ sở của Chi Hội Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam tại Miền Nam vì Chùa Ấn Quang lúc ấy còn quá nhỏ. Chùa Từ Quang (nơi Thượng Tọa Tâm Châu trụ trì) lại ở trong con hẻm (Đường Phan Thanh

Giản). Thượng Tọa Tâm Châu trở thành Chủ Tịch Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo vì Thượng Tọa được coi nhưng một trung dung giữa "trục" Phật Giáo Miền Trung và các tôn phái Phật Giáo khác trong Nam. Sự xuất hiện của Thượng Tọa Tâm Châu được coi là nhân vật thuận lợi cho nhịp cầu thông cảm giữa các tôn phái lúc bấy giờ. Vả lại trước năm 1963 và trong 9 năm chế độ Ngô Đình Diệm Thượng Tọa Tâm Châu được coi là vị lãnh tụ tu hành theo đúng tôn chỉ của Đức Thế Tôn. Thượng Tọa Tâm Châu trụ trì trong một ngôi chùa nhỏ hàng ngày dịch kinh sách và tu đạo. Thượng Tọa Tâm Châu không có liên hệ với Tổng Thống Ngô Đình Diệm, nhưng Thượng Tọa cũng không phải là người chống lại chế độ đó. Trong 9 năm chính quyền Ngô Đình Diệm không có hoài nghi về Thượng Tọa Tâm Châu. Trong kỳ bầu cử Tổng Thống, ông có theo Bác Sĩ Tuyến đến thăm Thượng Tọa Tâm Châu. Dịp này Bác Sĩ Tuyến ngỏ ý thỉnh cầu Thượng Tọa chỉ ủng hộ liên danh Ngô Đình Diệm-Nguyễn Ngọc Thơ. Thượng Tọa hoan hỉ nhận lời. Thượng Tọa Tâm Châu trở thành Chủ Tịch Ủy Ban Liên Phái Phật Giáo đạt được một lợi điểm đối với chính quyền vì Thượng Tọa thuộc thành phần chống cộng và cũng từng đứng trong Phong Trào Liên Tôn chống cộng sản (năm 45-46). Thượng Tọa lại là chỗ quen biết của Đức Cha Lê Hữu Từ cũng như Linh Mục Hoàng Quỳnh.

Tuy vậy sự xuất hiện của hai Thầy Tâm Châu và Đức nghiệp đã làm cho một số người tại Huế không vừa ý vì vậy hiển nhiên là tiếng nói Phật Giáo Miền Trung không được tôn trọng theo đúng tư thế (vì Huế mới là khởi điểm của biến cố) Nhận biết được cái lợi cho chính quyền nếu tìm cách đưa được các Thầy Từ Đàm vào Sài Gòn và đích thân tham dự Ủy Ban Liên Phái hầu có thể cân bằng "cán cân ảnh hưởng và thế lực". Lương Khải Minh tiếp tục thuyết phục Tổng Thống Diệm chấp thuận việc đưa các Thầy Huế vào Sài Gòn để tham dự cuộc nói chuyện với chính quyền. Ai có thể làm việc giao liên móc nối này ? Lương Khải Minh đề nghị Bác Sĩ Trương Khuê Quan, (Giám Đốc Xã Hội thuộc Bộ Quốc Phòng) đảm nhận công tác.

Ngày 30.3 các cấp lãnh đạo sáu tập đoàn Phật Giáo thì hành chỉ thị của Hòa Thượng Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam tuyệt thực 48 giờ kể từ 4 giờ cùng ngày. Tổng Đoàn Phật Tử từ Huế Trước biến cố 5.8, phía Xá Lợi tỏ ra thận trọng. Sau khi tiếp xúc với ông Bộ Trưởng Nội Vụ Bùi Văn Lương (với tư cách riêng và tâm tình) giới đầu não Hội Phật Học Việt "cảnh giác" với một số bằng hữu ở Chùa Xá Lợi là hãy coi chừng, chớ có nhẩy vội vào vòng không rõi mắc mưu ông Ngô Đình Cẩn. Họ đề cao cảnh giác như vậy vì vẫn hoài nghi và có mặc cảm với một số tổ chức do ông Cẩn đỡ đầu. Biết đâu từ biến cố 8.5 lại không có người của ông Cẩn nhân dịp biến cố này sẽ lợi dụng để tung một mẻ lưới lớn ? Kinh nghiệm chính trị đã cho phép hoài nghi như vậy vì trong những biến cố chính trị chính quyền biết đâu không cho những người nằm vùng để khuấy động ?

Những ngày đầu của biến cố, Phó Tổng Thống Thơ vẫn đứng ngoài lề có lẽ ông muốn tránh tiếng và có lẽ cũng không muốn dây dưa đến một vấn đề có liên hệ đến Miền Trung (thuộc phạm vi ông ngô Đình Cẩn).

Ngoài ông Bộ Trưởng Nội Vụ có phận sự thu xếp, Tổng Thống Diệm còn ủy cho Bác Sĩ Võ Vinh Hoa tìm cách dàn xếp riêng với trục Thượng Tọa Thiện Hòa và Cư Sĩ Mai Thọ Truyền. Bác Sĩ Hoa cũng là Y Sĩ riêng của Tổng Thống Ngô Đình Diệm (sau Bác Sĩ Bùi Kiện Tín) Bác Sĩ Hoa có nhiều liên hệ tình cảm với Thượng Tọa Thiện Hòa cũng như Cư Sĩ Mai Thọ Truyền. Gia đình ông lại quen biết với Thượng Tọa Trí Quang (qua gia đình ông Võ Văn Hoàng. Phòng Thương Mại Sài Gòn) Bác Sĩ Hoa sau những lần thăm dò đã trình cho Tổng Thống Diệm rõ là Cư Sĩ Mai Thọ Truyền vẫn giữ vững lập trường ôn hòa. Sở dĩ phải có thái độ với chính quyền vì không thể không chứng tỏ trong đoàn kết tương thân với Phật Giáo Miền Trung. Hơn nữa Cư Sĩ Mai Thọ Truyền cũng là thành phần lãnh đạo của Tổng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam.

Tổng đoàn Sinh Viên Phật Tử từ Huế gởi tâm thư cho các sinh viên toàn quốc hô hào ủng hộ cuộc tranh đấu cho tự do tín ngưỡng đồng thời gởi một bản kiến nghị lên Tổng Thống Ngô Đình Diệm sau một phiên họp

khoáng đại tại Chùa Từ Đàm sáng 31.5. Điều 4 trong bản kiến nghị có ghi: "Yêu cầu chánh quyền ra lệnh triệt để đình chỉ những mánh lới trẻ con", thiếu tri thức của cán bộ đối với tín đồ Phật Giáo trong cuộc tranh đấu. Vì chính những mánh lới đó không lừa bịp được ai mà chỉ làm mất uy tín của cán bộ và của chính phủ" (Bản kiến nghị có chữ ký của đại diện 6 phân khoa và các Trường như Cộng Đồng Mỹ Thuật, Cán Sự Y Tế, Nữ Hộ Sinh Quốc Gia, Quốc Gia Âm Nhạc, bản kiến nghị trên đây là dấu hiệu đầu tiên cho biết tập thể Sinh Viên Học Sinh bắt đầu nhập cuộc. Đây cũng là lời phản kháng thứ nhất của giới sinh viên trong suốt 9 năm chế độ Ngô Đình Diệm và cũng là lời lẽ xúc phạm nặng nề nhất vì trong 9 năm cầm quyền Tổng Thống Ngô Đình Diệm chưa hề nhận được một kiến nghị nào công khai bày tỏ sự phản kháng như vậy.

Trên thực tế, bất cứ một Phong Trào phản kháng nào của tập thể Sinh Viên dù lớn mạnh và rộng đến đâu cũng không thể xoay chuyển được thế cuộc, không thể lật đổ được chế độ (Phong Trào nổi loạn năm 1967 của Sinh Viên Pháp là một thí dụ) nếu như Phong Trào đó không gắn liền với một thái độ chống đối định hình khác. Nhưng đây thì lại khác, tập thể Sinh Viên Học Sinh đã dễ dàng bị lôi kéo và phát động mạnh mẽ trong cuộc tranh thủ của Phật Giáo và Phật Giáo Miền Trung lại có sẵn một khối vẫn động trong tập thể Sinh Viên Huế. Khối ấy tuy nhỏ bé (là Tổng Đoàn Sinh Viên Phật Tử) nhưng lại có đủ yếu tố khích động và gợi cảm hứng tranh đấu cho tất cả tập thể. Sinh Viên Huế nhận thức được tầm quan trọng của tập thể Sinh Viên nếu tập thể này nhập cuộc cho nên một vài nhân vật cận thân của Tổng Thống Diệm tìm mọi cách thuyết phục Tổng Thống giải quyết mau chóng.

Tập thể Sinh Viên trước năm 1963 tương đối thuần túy. Chính quyền Ngô Đình Diệm đã thành công trong việc "ổn định" Đại Học. Qua Tổng Hội Sinh Viên Sài Gòn, tuy không phải là một thực lực nhưng chính quyền lúc ấy bằng cách này hay cách khác có thể nói đã "nắm" được Tổng Hội. Tập Thể Sinh Viên Huế không tổ chức được như Tổng Hội Sinh Viên Sài

Gòn nhưng lại qui tụ quanh uy tín của Linh Mục Cao Văn Luận.

Sinh Viên Huế trước năm 1963 được coi là chăm học, kỷ luật và hoạt động thuần túy học đường (tuy cộng sản có thâm nhập nhưng chỉ là thiểu số lén lút không dám xuất hiện dù với một chiêu bài nào, không tạo được một ảnh hưởng lớn nào). Bỗng dưng Sinh Viên đứng lên phản kháng, nhập cuộc. Lý do dễ hiểu là họ bị xúc động qua biến cố 8.5 lại bị mặc cảm thụ động vì bấy lâu nay đã ỷ lại chính quyền đồng thời người dẫn đạo sinh viên như Linh Mục Cao Văn Luận thì nay Linh Mục "buông xuôi" không có ý kiến trong việc Sinh Viên phản kháng (dù Sinh Viên Phật Tử mà Đại Học Huế theo thành phần tôn giáo thì đa số là Phật Giáo). Lý do sự buông xuôi của Linh Mục Cao Văn Luận cũng dễ hiểu vì Linh Mục Luận tuy là chỗ thân tình sâu xa với ông Ngô Đình Cẩn và Tổng Thống Diệm nhưng Linh Mục lại có nhiều mâu thuẫn "cá tính" với Đức Cha Thục (nhất là từ khi Đức Cha Ngô Đình Thục trở về Huế trọng nhậm Giáo Tỉnh Huế). Lý do khác nữa là vì những mâu thuẫn giữa Công Giáo và Chánh Quyền. Đồng thời cũng vì "liên đới thiện cảm" với Phật Giáo cho nên Linh Mục Viện Trưởng Đại Học Huế thế tất không thể chống lại những hành động phản kháng chính quyền và ủng hộ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam của Tập thể Sinh Viên. Cho nên Sinh Viên được "buông thả" để nhẩy vào vòng.

Khi tập thể Sinh Viên nhẩy vào vòng chiến, chính quyền nào cũng không thể không quan tâm đặc biệt. Vấn đề căn bản lúc ấy là phải giải quyết vụ Phật Giáo thì mới có thể làm xẹp được "Phong Trào" (lúc ấy hãy còn giới hạn) phản kháng của sinh viên (đồng thời cũng nhắm vô hiệu hóa sự sâm nhập của cộng sản một khi Phong Trào Sinh Viên có cơ hội phát động lan rộng)

Trong khi các khối quần chúng kể cả quần chúng Phật Tử đang trong tình trạng thụ đông, do dự hoặc tê liệt, giới lãnh đạo Phật Giáo khó lòng có thể tạo được một cuộc vận động lớn dù cho một đối tượng thiêng liêng tôn giáo. Vậy thì chỉ còn Sinh Viên là một khối "quần chúng" chọn lọc tuy vô định hình trên lý thuyết nhưng trên thực tế sinh viên trở thành một khối có

khả năng vận động (manoeuvre) nhờ môi trường sinh hoạt, nếp sống hằng ngày tương đối thuần nhứt lại hiếu động, dễ tin, đầy nhiệt huyết.

Khối "quần chúng chọn lọc" này luôn luôn là con mồi thèm khát của cộng sản và bất cứ thế lực nào cũng muốn nhảy vào gây ảnh hưởng và sách động (dĩ nhiên cộng sản thuộc nằm lòng phương thức tri vận và sách động sinh viên).

Ngay từ đầu biến cố, chính quyền Ngô Đình Diệm đã có lợi điểm là tập thể sinh viên không tham dự gần như kẻ bàng quan. Ở Huế từ ngày 8-30 tháng 5, Sinh Viện Phật Tử chỉ tham dự lẻ tẻ và với tư cách Phật Tử.

Khởi từ tháng 6, vì không giải quyết mau chóng và kéo dài biến cố cho nên chánh quyền mất lợi điểm trên khi tập thể sinh viên đứng vào hàng ngũ tranh đấu của Phật Giáo, đồng thời cộng sản thì muốn thâm nhập và ăn có trong cuộc tranh đấu này một cách hợp pháp và thuận lý cho nên họ đã lanh tay bố trí kế hoạch và khởi điểm của kế hoạch ấy là đi vào cửa ngõ vốn bao giờ cũng bỏ ngỏ theo đúng tinh thần Đại Học.

Tiên liệu những khó khăn ấy và cái sức mạnh phức tạp vạn nan của khối sinh viên học sinh cùng với khối quần chúng "định hình" Phật Tử (một khi hai khối này liên kết) cho nên khởi từ 22.5, một vài nhân vật thân cận của Tổng Thống Diệm tìm cách "ổn định". Mà ổn định trong một biến cố tế nhị và phức tạp như vậy thì phương thức chính trị phải được đặt thành trọng tâm hoạt động.

Ổn định trong trường hợp này không có nghĩa là tìm cách đối phó và chiếu lệ. Ông Bộ Trưởng Nguyễn Đình Thuần "hoàn toàn" đồng ý với ý kiến lập trường trên. Ông Thuần trình bày với Tổng Thống Diệm, ông Tổng Thống không do dự gì cả và chấp thuận ngay nguyên tắc thương nghị và hòa hoãn với Ủy Ban Liên Phái.

Vào một buổi sáng đầu tháng 6 khoảng 8g30 Bác Sĩ Tuyến được Tổng Thống gọi điện thoại bảo vào Dinh có việc gấp. Linh tính cho ông biết là đềnghị hòa giải chắc chắn đã được Tổng Thống chấp nhận.

- Bây giờ anh tính ra sao ?

Lời hỏi đầu tiên của Tổng Thống Diệm. Bác Sĩ Tuyến suy nghĩ ít phút rồi trình bày:

- Thưa Cụ bên phía Phật Giáo cũng muốn hòa giải. Chuyện này cũng không có gì...kéo dài mãi sẽ bất lợi, cộng sản nó sẽ len lỏi vô.

Tổng Thống Diệm trầm ngâm. Vẻ mặt ông có vẻ lao lung lắm. Trong căn phòng quen thuộc ấy chỉ có ông Nguyễn Đình Thuần, Bác Sĩ Tuyến. Bẵng đi một dạo, đã năm sáu tháng trời Bác Sĩ Tuyến mới vào Dinh gặp Tổng Thống cùng mục đích như ông Thuần. Tổng Thống Diệm quay sang hỏi Bác Sĩ Tuyến:

- Ý anh thế nào ?

Bác Sĩ Tuyến trình bày thẳng thắn vấn đề và những lợi hại của nó. Tổng Thống yên lặng chừng 5, 7 phút. Sau đó, Bác Sĩ Tuyến đưa ra đề nghị.

- Chính phủ nên chính thức cử người đại diện để nói chuyện trực tiếp với họ. Tổng Thống Diệm hỏi: Ai có thể đại diện cho chính phủ ? Ông Thuần làm đi ? Ông Nguyễn Đình Thuần nãy giờ vẫn ngồi im lặng.

- Để giữ thể thống cho bên Phật Giáo và cũng là cách tạo thông cảm dễ dàng cho việc thu xếp xin Cụ đề cử một người nào có bề thế đại diện Cụ.

Tổng Thống Diệm băn khoăn: Ai đại diện được bây giờ ?

Ông Nguyễn Đình Thuần: Tôi thấy chỉ có Cụ Phó (tức Phó Tổng Thống Thơ) là đầy đủ uy tín để đại diện Cụ.

Tổng Thống Diệm đồng ý ngay: Ừ, ông Phó được đấy. Ông (tức ông Thuần) cũng phụ vào.

Bác Sĩ Tuyến trình bày qua một vài phương thức thành lập một ủy ban hòa giải. Tổng Thống Diệm lại hỏi:

- Ai nữa chứ, chỉ có một mình ông Phó thôi à ?

Đến đây thì Bác Sĩ Tuyến cũng như Ông Nguyễn Đình Thuần đều không dám đưa ra ý kiến đề cử ai. Tổng Thống Diệm cũng như hai ông đều yên lặng lâu cả 10 phút. Ông Tổng Thống cũng không tự ý cắt cử thêm ai.

Tổng Thống Diệm bấm chuông gọi ông Ngô Đình Nhu qua để tham

khảo ý kiến r`ồi cùng quyết định.

Vẫn một vẻ "lừng khừng" muôn thuở, Ông Nhu vào phòng Tổng thống hút thuốc lá, vẫn yên lặng. Tổng Thống Diệm hỏi:

- Chú nghĩ sao v`ề việc này ? Ông Nhu thủng thỉnh đáp:

- Như thế cũng được.

Tổng Thống Diệm lại hỏi:

- Có ông Phó còn phải kiếm thêm ai nữa chớ ? Ông Nhu vẫn yên lặng, mãi một lúc ông mới đáp:

- Việc này thuộc Bộ Nội Vụ thì đặt ông Nội Vụ vô.

Tổng Thống Diệm đ`ồng ý ngay. Thế là thành ph`ần đai diện chính phủ đã có ba người, ông Phó Tổng Thống Thơ, ông Nguyễn Đình Thu`ần và ông Bùi Văn Lương. Trong lúc đang bàn tính thì ông Nguyễn Đình Thu`ần được báo tin có Phó Đại Sứ Mỹ xin gặp gấp. Đó là ông Phó Đại Sứ Truchart. Vì Đại Sứ Notlting đi vắng nên ông Phó thay mặt chuyển giao đến Chính Phủ Việt

Nam Cộng Hòa một bức công điện của của Chính Phủ Hoa Kỳ. Bức công điện đó cho biết dư luận bên Mỹ rất bất lợi cho Việt Nam và gây khó khăn cho chính phủ Mỹ qua vụ Phật Giáo cho nên chính phủ Mỹ hối thúc chính phủ Việt Nam phải sớm giải quyết cho xong cơn khủng hoảng này.

Ông Thu`ần trở vào phòng, trình Tổng Thống bức công điện kể trên. Đọc xong vẻ mặt ông Tổng Thống càng thêm đăm chiêu. Mọi người lại trở v`ề vấn đ`ề cũ quyết định thành lập một Ủy Ban Liên Bộ này.

V`ề phía chính quy`ền như vậy đã xong. Bây giờ là đến việc tìm cách nào để đưa mấy Th`ầy từ Huế vào để nói chuyện với chính quy`ền trong Ủy Ban Liên Phái. Bác Sĩ Tuyến đã trình bày những lợi điểm của việc này như sau:

1/ Đưa mấy Th`ầy Chùa Từ Đàm vào đây để thương nghị với chính phủ trên một cấp bậc cao nhất (qua Phó Tổng Thống Thơ) tức là xoa dịu tự ái địa phương của mấy Th`ầy.

2/ Huế mới là trung tâm của biến cố, nếu chữa được tận gốc thì mọi sự sẽ êm.

3/ Mấy Thượng Tọa như Thích Trí Quang, Thiện Minh được coi là thành phần nòng cốt của Tổng Hội Phật Giáo Miền Trung. Khi đưa mấy Thượng Tọa đó vào Sài Gòn tức là biệt lập được mấy Thượng Tọa chủ chốt đó với quần chúng Phật Tử.

Nhưng ai đi tiếp xúc cho tiện. Nhân vật này thật quan trọng vì phải hội đủ điều kiện mới có thể thành công trong sứ mạng. Tổng Thống cũng như Ông Nhu để tùy quyền Bác Sĩ Tuyến và ông Thuần lựa chọn. Bác Sĩ Tuyến đề nghị Bác Sĩ Trương Khuê Quan. Ông trình bày với Tổng Thống và Ông Nhu:

Ông Quan có quen biết nhiều phía ngoài đó. Ông lại thuộc Bộ Quốc Phòng nên mọi sự đi lại di chuyển sẽ dễ dàng hơn mà lại không ai để ý.

Đề nghị này được chấp thuận và sau đó ông Nguyễn Đình Thuần ký sự vụ để Bác Sĩ Trương Khuê Quan ra Huế tiếp xúc với Chùa Từ Đàm. Tổng Thống Diệm thỏa mãn với quyết định này lắm. Theo Lương Khải Minh, nếu không có những ngộ nhận và những cái vụn vặt tạo ra ngộ nhận và một vài "tai nạn" đáng tiếc thì Ủy Ban Liên Bộ đã thành công và vụ Phật Giáo không đến nỗi nổ to như vậy. Nhưng lịch sử chuyển vần lại không có chữ "nếu", nếu như thế này nếu như thế kia những chữ nếu đó đều ở bên lề biến cố lịch sử. Nếu lịch sử là một sự tái diễn không ngừng thì người đời sau có thể suy ngẫm rất nhiều và có ích rất nhiều khi đặt mình vào lịch sử đã qua để tự vấn "nếu như thế như thế...ta phải làm thế nào khi gặp những khó khăn tương tự như chế độ Ngô Đình Diệm".

Bước qua năm 1963, thế lực Mỹ mỗi ngày một lớn thì đồng thời uy thế của các Tướng Tá Việt Nam lúc ấy cũng bắt đầu lớn dần, tham vọng cũng không nhỏ và bắt đầu hướng qua một chân trời mới lạ khác tức chính trị. Khi một số Tướng Tá có tham vọng làm chính trị thì tình trạng càng rối loạn bao nhiêu càng kéo dài bao nhiêu càng là một cơ hội tốt nhất cho họ nhảy vào vòng. Lịch sử 1963 đã chứng minh như vậy là lịch sử còn tái diễn nhiều lần như vậy nữa khi mà xứ sở này còn bị mê hoặc bởi thứ dân chủ lòe loẹt phấn son.

Lúc bấy giờ, phía Tòa Đại Sứ Mỹ, Đại Sứ Nolting hoàn toàn ủng hộ chế độ Ngô Đình Diệm. Ông giữ vững lập trường là không thể lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm trong hoàn cảnh sôi động lúc bấy giờ. Phái đoàn Anh Quốc của Sir Robert Thomson (một nhà chiến lược về chiến tranh du kích) cũng giữ một lập trường ủng hộ tích cực chế độ Ngô Đình Diệm. Sir Robert Thomson tin tưởng vào sự thành công của Ấp Chiến Lược và Ấp Chiến Đấu (nhất là ở Vùng 2 và Vùng 1) Đại Tá Richaedsson, Trưởng Phòng CIA cũng như Đại Tướng Harkins (Tư Lệnh MACV) đều là những người cùng một lập trường như Đại Sứ Nolting. Tuy nhiên, một số viên chức Mỹ khác bị chi phối bởi lập trường và thái độ của Harriman, Mac Namara, Hilsman đã không ngừng chống đối chế độ Ngô Đình Diệm và họ đã tìm cách móc nối với các Tướng lãnh mua một số nhân vật Mỹ hoạt động chìm. Thí dụ như trục liên lạc Lu Conein và Trần Văn Đôn.

Ông Lu Conein vẫn thường bình phẩm chế độ Ngô Đình Diệm là độc tài, gia đình trị. Ông ta thúc đẩy thực hiện một số chủ trương dân chủ hóa Việt Nam, Việt Nam phải có một thể chế dân chủ như nền dân chủ Hoa Kỳ.

Dạo ấy, các chính khách đối lập thật khó lòng liên lạc được với Mỹ vì không thể lọt qua được con mắt của giới an ninh chìm, nổi. Riêng các Tướng Tá thì được tự do gặp gỡ giới chức Mỹ mà ít ai lưu tâm với lý do họ là những cố vấn về Quân Sự và An Ninh.

Biến cố Phật Giáo kéo dài trong một hoàn cảnh bất lợi cho chế độ Ngô Đình Diệm như vậy cho nên, khi Tổng Thống Diệm quyết định dàn xếp ngay thì mọi người đều tin tưởng mọi việc sẽ êm đẹp. Nhưng bất trắc phi lý của lịch sử thì không một ai có thể ngờ được.

Việc lựa chọn Bác Sĩ Trương Khuê Quan ra Huế tiếp xúc với Từ Đàm là một "lựa chọn chính trị".

Nói là chính trị vì một sự tiếp xúc như vậy sẽ dễ dàng đạt được sự cảm thông tín nhiệm. Trong một viễn cố thì phe tranh đấu ở đâu và thời nào cũng vậy không mấy khi tin tưởng nơi thiện chí của chính quyền.

Cho nên trước khi công khai giàn xếp thì phải có sự vận động giàn xếp

ng`âm. Người tiếp xúc vận động có thể là một ông Tổng Bộ Trưởng và tuyệt đối không để cho mấy giới chức An Ninh Cảnh Sát dính vô. Người đi tiếp xúc phải hội đủ ba yếu tố:

1/ Người của chính quy`ền (ở một địa vị lu mờ).

2/ Phải có sự thâm tình tri giao của phe đối lập.

3/ Phải có đức tính của một người mai mối khéo léo, linh động.

Cuộc tiếp xúc càng diễn ra âm th`ầm bí mật càng dễ dàng có kết quả tốt. Bác Sĩ Quan đã hội đủ được mấy yếu tố đó. Như trên đã viết Bác Sĩ Quan vốn là chỗ tâm giao với Thượng Tọa Thiện Minh không tin nơi chính quy`ền thì ít nhất cũng tin nơi thành tín của một cá nhân thân thiết của mình.

V`ề phía Tổng Thống Ngô Đình Diệm, ông tin tưởng mọi việc sẽ êm suôi và trao trách nhiệm cho bộ ba Thơ, Thu`ần, Lương đ`âu là "cỡ nặng" của chính quy`ền.

Ông Ngô Đình Nhu không có một thái độ rõ rệt. Nhưng Bà Nhu bắt đ`âu hung hăng và tìm mọi cách nhẩy vào vòng. Qua những biến cố lớn như vụ Tướng Minh 1954 cuộc đảo chánh

11.11.1960 Bà Nhu tỏ ra là một người có tài ứng biến mau lẹ và có nhi`âu sáng kiến tổ chức.

Nhưng qua hai biến cố trước, Bà Nhu vẫn trong bóng tối nay thì bà tự cho là mình đã có lực lượng lớn tức Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới. Trên thực tế Phong Trào này hữu danh vô thực nhưng với Bà Nhu với lòng kiêu hãnh và thái độ nghênh ngang của Bà thì Phụ Nữ Liên Đới là một đoàn thể mà chính quy`ền phải kiêng nể. Đoàn thể ấy phải có tiếng nói tham dự vào mọi diễn tiến của lịch sử.

Trong một buổi họp vào trung tu`ần tháng 7.1963. Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới với đ`ầy đủ nhân viên Ban Chấp Hành Trung Ương (vào cuối tháng 5 âm lịch) Bà Nhu với lời nói "chanh chua" gay gắt cho rằng, nếu chính quy`ền nhượng bộ, thỏa mãn yêu sách của Phật Giáo thì Phong Trào của bà cũng sẽ làm áp lực cũng đưa ra một số yêu sách buộc chính quy`ền

phải thỏa mãn nhượng bộ. Trong phiên họp đó. Bà Nhu chỉ trích gay gắt mấy Nhà Sư với những ngôn ngữ không được mềm mỏng.

CUỘC HÒA GIẢI ÂM THẦM

Cuộc đấu tranh của Phật Giáo đã biến chuyển mau lẹ. Đầu tháng 6 riêng tại Huế và Miền Trung Phong Trào đấu tranh đã lan rộng đến các Tỉnh, Quận, Xã. Thành phần sinh viên học sinh cũng bắt đầu nhảy vào cuộc, chính quyền Sài Gòn vẫn lạc quan, tin là có thể giải quyết êm đẹp.

Nhưng cái đinh của biến cố vẫn là Huế và Chùa Từ Đàm trở thành Tổng Hành Dinh của cuộc tranh đấu.

Điều rõ rệt là các Thượng Tọa Miền Trung muốn nói chuyện trực tiếp với chính quyền.

Khi thấy chính quyền từ 8.5 đến 30.6 chỉ tìm cách điều đình với các nhà lãnh đạo Phật Giáo Miền Nam thì các thượng Tọa Chùa Từ Đàm bắt đầu lo lắng.

Đầu tháng 6, Thượng Tọa Thiện Minh vào Sài Gòn tìm một con đường riêng để trực tiếp nói chuyện với chính quyền. Nhưng về phía ông Ngô Đình Nhu thì cho rằng: Không thể nào điều đình với mấy ông Thượng Tọa như Thượng Tọa Thích Thiện Minh và Trí Quang được. Trước đây, Ông Nhu không quan tâm đến các vị Thượng Tọa vì việc này đã có "chú Cẩn" lo liệu. Từ lúc biến cố bùng nổ, Ông Nhu mới bắt đầu tìm hiểu vấn đề nhân sự Phật Giáo. Ông Nhu có định kiến rằng mấy Thượng Tọa đó có hồ sơ khả nghi và có nhiều liên hệ với Giáo Sư Lê Đình Thám (Chủ Tịch Hội Seerba trước năm 1945 sau theo kháng chiến và tập kết ra Bắc). Qua báo cáo Ông Nhu lại có định kiến thêm rằng: Những phương thức đấu tranh từ ngày 8.5 đến đầu tháng 6 đầu là những phương thức của một chiến lược trường kỳ tranh đấu với xuất sứ rất khả nghi.

Tại Huế ngày 30.5 Chùa Từ Đàm bị cô lập. Ít ngày sau điện nước cũng bị cúp luôn. Một số đông thanh niên Phật Tử rút vào Chùa rồi võ trang bằng gậy gộc đá...để lo việc phòng bố. Số lương thực trong Chùa lúc đó có thể kéo dài được hai tháng. Ngày 4.6 lại có biểu tình xô xát tại Huế, lực

lượng an ninh phải dùng lựu đạn cay giải tán, một số bị thương nhẹ, nhưng chỉ vài ngày sau báo chí Mỹ lại làm ùm lên. Tại Sài Gòn dư luận lại được dịp lan truyền mau chóng và rất khích động như các Tăng Ni bị bắt, bị thương và bị cầm tù bằng những hình thức dã man của nhà cầm quyền địa phương.

Quả thực chính quyền Thừa Thiên lúc đó quá yếu. Trước kia nhận lệnh trực tiếp từ ông Cẩn thì nay phải đợi lệnh từ Trung Ương. Ông Nguyễn Văn Hà người thay thế Nguyễn Văn Đẳng lại ôn hòa và có rất nhiều tình cảm với các Thượng Tọa bên Chùa Từ Đàm cho nên ông không thể mạnh tay đàn áp dù cuộc biểu tình ngày 4.6 cũng không đông đảo bao nhiêu.

Dư luận báo chí ngoại quốc như thế nào ? Tờ Công Luận tại Đài Bắc liên tiếp đăng tải những bài bình luận lên án chính quyền Ngô Đình Diệm và cho rằng chính quyền kỳ này kỳ thị tôn giáo, đã đặt Thiên Chúa Giáo lên hàng đầu và vi phạm Hiến Chương Liên Hiệp Quốc.

"Trước khi băng hà Đức Giáo Hoàng Jean XXIII đã lên tiếng nhân loại không thể có kỳ thị nhưng đối với tín ngưỡng của anh em Tổng Thống Diệm thì lời nói của Đức Giáo Hoàng trở thành vô nghĩa" (Công Luận 1.6.1963). Những tờ báo uy tín như Exxpress News China Post, China News đều đăng những hình ảnh, bình luận tin tức hoàn toàn bất lợi cho chính quyền Ngô Đình Diệm. Báo chí Thái Lan tỏ ra dè dặt hơn nhưng báo Thái Ngữ (ngày 23.5.63) đã lên tiếng nghiêm chỉnh cảnh cáo "biến cố Phật Giáo nếu không sớm giải quyết sẽ bất lợi lớn cho chính quyền vì chắc chắn cộng sản sẽ nhẩy vào cuộc lợi dụng sự bất mãn của Phật Giáo để làm lớn chuyện" Tại Miên, Sihanouk lợi dụng ngay vụ Phật Giáo để gây rắc rối. Báo chí từ Cao Miên từ thiên tả đến thiên hữu đều lên tiếng công kích chính quyền Ngô Đình Diệm. Từ tờ thiên tả La Depêche du Cambodge đến Kampuchia và tờ Neak Cheat Niyum (của chính quyền) nhất loạt công kích chính quyền Ngô Đình Diệm.

Từ đầu tháng 6 tại Nam Vang liên tiếp tổ chức cuộc mít tinh tại ngôi chùa lớn Onnalum để lên án chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật

Giáo.

Báo chí Mỹ lại càng công kích mãnh liệt hơn nữa như tờ New York Time, Washington Post, New York Herald Tribunne, đã đứng hẳn về phía Phật Giáo. Tờ New York Time 31.5 thì cho rằng cuộc tranh đấu của Phật Giáo Việt Nam đã chứng tỏ dân chúng đã bất mãn sâu xa với chế độ. Ảnh hưởng và uy tín của Hoa Kỳ sẽ bị tổn thương và Mỹ không thể đứng ngoài vòng cuộc tranh chấp (có nghĩa là Mỹ phải nhúng tay vào).

Tầm nhìn của báo chí Mỹ cũng không khác bao nhiêu lập luận của các hãng thông tấn UPI, AP, CBS News nghĩa là hoàn toàn chống lại chính quyền Ngô Đình Diệm và như tờ US News and World Report lại cả quyết rằng: "Các nhà lãnh đạo Phật Giáo chỉ yêu cầu Tổng Thống Diệm chấm dứt sự kỳ thị tôn giáo nhưng ngược lại Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã đàn áp mạnh các nhà lãnh đạo Phật Giáo. Do đó chính quyền của ông đã tách rời Thiên Chúa Giáo ra khỏi tập thể đại đa số Phật Giáo đồ tại Miền Nam" (24.6.63). Tờ báo trên còn lên tiếng như thế này: "Qua cuộc tranh chấp giữa chính quyền và Phật Giáo, cộng sản sẽ tuyên truyền với ân chúng rằng Diệm tiêu diệt Phật Giáo để mở đường cho Đế Quốc Mỹ xâm lăng Miền Nam Việt Nam"

Báo chí Mỹ thì như vậy. Giới chức Mỹ tại Tòa Đại Sứ luôn luôn áp lực với Tổng Thống Diệm phải điều đình với Phật Giáo, phải mở rộng nội các, phải ban hành dân chủ rộng rãi. Vấn đề quan trọng hơn nữa là phải đẩy vợ chồng Nhu ra khỏi nước.

Khi được biết Tổng Thống Diệm tìm cách điều đình trực tiếp với mấy Thượng Tọa Miền Trung thì Ông Nhu không đồng ý. Ông cho rằng không thể nhượng bộ được và mấy vị Thượng Tọa này không "thuần túy tu hành".

Tuy vậy Tổng Thống Diệm vẫn quyết định theo ý riêng của ông.

Ngày 5.6, Bác Sĩ Trương Khuê Quan được gọi vào Dinh để gặp Tổng Thống. Giới thân cận cho biết, không khí hôm đó thật nặng nề khó thở.

Trong căn phòng Tổng Thống, Ông Nhu ngồi riêng trên một ghế bành,

nét mặt đăm chiêu khó chịu. Ông mặc chiếc áo sơ mi H`ông Kông ngắn tay im lặng không nói một lời. Bộ Trưởng Bùi Văn Lương đứng bên Tổng Thống Diệm. Bác Sĩ Trương Khuê Quan bước vào chào theo lối nhà binh (ông là một Y Sĩ Trung Tá) Tổng Thống Diệm gật đ`ầu r`ồi chỉ ông ng`ồi đối diện với Tổng Thống. Tổng Thống Diệm hỏi ngay:

- Tôi nghe Trung Tá quen biết với mấy Th`ầy ở Chùa Từ Đàm phải không ?

Bác Sĩ Quan đáp:

- Dạ thưa có, gia đình tôi quen biết các Th`ầy từ lâu. Tổng Thống Diệm nói tiếp:

- Trong lúc khó khăn như thế này tôi muốn nhờ Trung Tá giúp cho qua cơn khó khăn với các Th`ầy ở ngoài đó. Ở ngoài đó mấy Th`ầy cứ tuyệt thực r`ồi biểu tình này khác. Được biết Trung Tá có quen biết, tôi nhờ Trung Tá liên lạc với mấy Th`ầy không biết Trung Tá có đủ khả năng dàn xếp cho êm được không ?

Bác Sĩ Quan chưa kịp trả lời thì Tổng Thống Diệm lại nói tiếp:

- Nhờ Trung Tá giúp và giải thích cho họ muốn gì ?

Bác Sĩ Trương Khuê Quan trả lời:

- ThưaTổng Thống, tôi có quen biết với mấy Th`ầy, có làm việc chung với mấy Th`ầy từ năm 1946 cho đến khi nhập ngũ (1956) chuyên lo Phật sự và hoằng pháp. Từ khi nhập ngũ đến nay, tôi không có dịp để hoạt động với mấy Th`ầy ấy nữa. Việc giải thích và dàn xếp không biết mấy Th`ầy có nghe không, nhưng Tổng Thống đã ra lệnh thì tôi xin sẵn sàng thi hành.

Bác Sĩ Trương Khuê Quan ngừng lời, Tổng Thống Diệm bất th`ần hỏi:

- Người ta nói ông Trí Quang thân cộng. Ông ta vẫn thường hoạt động cho cộng sản có đúng vậy không ?

Bác Sĩ Quan đáp:

- Thưa Tổng Thống tôi không dám trả lời là có hay không. Sau đó Bác Sĩ Quan có trình bày đại ý rằng, Thượng Tọa Trí Quang có là cộng sản hay không vấn đ`ềnày thật quan trọng. Đi`ều c`ần nhất phải tìm hiểu sự tiến triển

của Hội Phật Giáo như thế nào và nhất là kiểm điểm những hình thức và môi trường nào đã tạo ra Thượng Tọa Trí Quang ngày nay.

Tóm lại Bác Sĩ Trương Khuê Quan hoàn toàn dè dặt và không trả lời vào câu hỏi của Tổng Thống Diệm.

Tổng Thống Diệm yên lặng suy nghĩ lao lung. Sau đó, Tổng Thống Diệm hỏi ông đại cương về môi trường đã đào tạo nên một Thích Trí Quang. Bác Sĩ Quan đáp:

- Thầy Trí Quang cũng như một số Thầy khác được đào tạo trong một lớp Phật Học tại Chùa Bảo Quốc mà Bác Sĩ Lê Đình Thám, Bác Sĩ Thám lúc ấy (1940) là Chủ Tịch Hội Nghiên Cứu Phật Học Trung Việt (Societé dé Etudes et Exercices Budhistes d'Anam) Tổng Thống Diệm đáp ngay:

- Tôi biết, Lê Đình Thám hiện thời đi đàng kia.

- Thưa Tổng Thống có lẽ như vậy e không được rõ. Xin Tổng Thống cho tìm hiểu thêm một chút nữa may ra có thể giải quyết được.

Ông Nhu ngồi lim dim, từ nãy giờ ông vẫn im lặng không nói lấy một câu. Khi nghe nhắc đến Lê Đình Thám, Ông Nhu nhắn trán rồi bỗng dưng đứng lên vẻ giận dỗi nói trống không:

- Phải chứ! Điều đình với họ phải chứ nếu không như vậy thì người ta lại đổ thừa cho mình là đàn áp.

Đây chỉ là lời nói giận lẫy của Ông Nhu, mọi người đều cảm thấy không khí nặng nề khó thở. Ông Nhu đứng lên đi thẳng một mạch, không nói thêm một câu. Trong phòng Tổng Thống Diệm chỉ còn lại Nguyễn Đình Thuần, Bùi Văn Lương, Bác Sĩ Trương Khuê Quan, Bác Sĩ Tuyến.

Tổng Thống Diệm vẫn bình tĩnh và như không để ý đến thái độ giận lẫy của Ông Nhu. Tổng Thống Diệm bảo Bác Sĩ Quan:

- Tôi nhờ Trung Tá ra ngoài đó coi như thế nào. Trung Tá nói với các Thầy ấy ngưng tuyệt thực đi dân chúng đừng có làm gì phiền nhiễu quá đáng. Cứ từ từ rồi mọi việc sẽ được thu xếp ổn thỏa.

Cuộc yết kiến Tổng Thống Diệm kéo dài trên 40 phút. Sau buổi chiều đó, Bộ Quốc Phòng lo giấy tờ Bác Sĩ Trương Khuê Quan ra Huế. Bộ

Trưởng Nguyễn Đình Thuần trao cho Bác Sĩ Trương Khuê Quan hai lá thư viết tay phong kín. Lá thơ gửi riêng cho Đại Biểu Chánh Phủ Nguyễn Xuân Khương. Một lá yêu cầu trao tận tay cho Đại Tá Đỗ Cao Trí Tư Lệnh Sư Đoàn I. Nội dung lá thư đó vừa giới thiệu Bác Sĩ Trương Khuê Quan vừa chỉ thị một số điều căn bản về việc giải quyết vụ Phật Giáo tại Huế và Quảng Trị.

Ông Ngô Đình Nhu chống lại phương thức giải quyết của Tổng Thống Diệm. Ông vẫn có định kiến: Mấy Thầy đó tu hành khi được cái này sẽ đòi cái khác...có chiến lược trường kỳ mà... Ai còn lạ gì Lê Đình Thám...Hắn là Marxiste mà...Phật Giáo nhà nước cộng sản mà "tuy vậy Ông Nhu không thể chinh phục được Tổng Thống Diệm". Tổng Thống Diệm cũng có biết ít nhiều vềGiáo Sư Lê Đình Thám. Nhưng có lẽ không được hiểu rõ lắm.

Ở đây tưởng cũng nên nhắc lại sơ qua "khung cảnh" Phật Giáo trước năm 1945, với sự ra đời của tổ chức hội nghiên cứ Phật Học Trung Việt mà ông Lê Đình Thám là một sáng lập viên, một kiện tướng của hội. Ông Thám muốn hiện đại hóa Phật Giáo, muốn nâng cao trình độ học vấn của dân chúng cho thích hợp với trào lưu tiến hóa của thế giới và điểm quan trọng nữa là tập hợp Phật Tử dưới một tổ chức để chuyên tâm và thống nhất trong việc nghiên cứu kinh sách và hoằng dương Phật Pháp. Trước năm 1937 khi Hội Seeraba được thành lập thì Phật Giáo Việt Nam tuy là một thực thể trong quần chúng nhưng không tổ chức hay đúng hơn phi tổ chức, "sư đâu thì Chùa đó và có Chùa là có Phật có Tăng Ni Phật Tử".

Năm 1945, Trần văn Giàu làm Chủ Tịch Ủy Ban Hành Chánh Nam Bộ đã thanh toán ngay các phần tử quốc gia và một lãnh tụ quan trọng như Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ, nhà cách mạng Phan Văn Hùm...Trong khi Lê Đình Thám lại được Trần văn Giàu o bế. Sau ông Thám gia nhập mặt trận Liên Việt và trở thành một trong mấy đại diện Phật Giáo. Năm 1954, Lê Đình Thám tập kết ra Hà Nội rồi tham gia mặt trận Tổ Quốc. Bác Sĩ Thám nổi tiếng là con người liêm khiết và say mê Phật Pháp. Ông là một Phật Tử thuần thành hiếm có.

Hòa Thượng Tố Liên cũng như Thượng Tọa Trí Độ cũng như Bác Sĩ Thám đều được nhà nước cộng sản Bắc Việt o bế. Riêng Thượng Tọa Trí Độ được trưng dụng như một cán bộ cao cấp như của nhà nước, tuy Thượng Tọa không phải là người cộng sản nhưng mà nhà nước cộng sản Bắc Việt đã biến Thượng Tọa thành một thứ đại diện Phật Giáo Bắc Việt qua tổ chức Tổng Hội Phật Giáo (một tổ chức làm vì để trình diễn khuôn mặt tôn giáo tại Miền Bắc cũng tương tự như tổ chức Công Giáo ly khai tại Trung Hoa Lục và Bắc Việt). Trong các hội nghị Phật Giáo thế giới, Thượng Tọa Trí Độ cũng có mặt để đại diện Phật Giáo Miền Bắc. Trường hợp Thượng Tọa Trí Độ cũng tương tự như Nhà Sư Shirob Gyaldso của Trung Cộng chỉ là đại diện Phật Giáo qua tổ chức Phật Giáo nhà nước chứ không có một thực quyền tôn giáo nào cả.

Căn cứ theo tài liệu của Phòng Nhì Pháp thì các Thượng Tọa Trí Quang, Thiện Minh v.v...có liên hệ mật thiết với Thượng Tọa Trí Độ cũng như Bác Sĩ Lê Đình Thám. Năm 1952, Cơ Quan An Ninh đã không cho phép Thượng Tọa Trí Quang qua Nam Vang tham dự Đại Hội Phật Giáo Thế Giới cũng có mặt của Nhà Sư Shirob Gyaldso (theo tài liệu trong cuốn The long charade của Chiritfield thì Thượng Tọa Trí Quang có một huyền thoại khả nghi về phía bên kia). Nhưng tài liệu của Phòng Nhì Pháp cũng như nhà báo Chiritfield không tin được vì chỉ có một chiều méo mó và nặng tính chất xuyên tạc.

Khoảng năm 1956, trong một cuộc hành quân tại mật khu việt cộng tại Thừa Thiên (phần đầu đã viết) Quân Đội có bắt được một tài liệu thuộc loại "tài liệu chiến lược" (chỉ cán bộ cộng sản cao cấp mới được giữ tài liệu này) Tài liệu liên quan đến công tác tôn giáo vận tại Miền Nam và những dự định tổ chức các Hội Đoàn Phật Giáo theo công thức và chủ đích của đảng cộng sản Bắc Việt. Tài liệu này được trao cho ông Cẩn và nó lại dính dáng tới Thượng Tọa Trí Quang cũng như Thượng Tọa Thiện Minh sau đó ông Cẩn có mời quý Thầy đến tư thất để tìm hiểu và thông cảm. Ông Cẩn giữ tài liệu này như một bửu bối. Trường hợp ông Cẩn người ta

nói rằng "chơi dao có ngày đứt tay" thì quả có đúng như vậy.

Thượng Tọa Trí Quang được Phật Giáo Miền Trung nhất là Phật Tử giới trẻ tôn sùng như thần tượng. Trước vụ Phật Giáo 1963 không có một dấu hiệu nào khả nghi về hoạt động chính trị của Thượng Tọa Trí Quang. Riêng Thượng Tọa Thiện Minh lại có những giao hảo rất tốt đẹp với phía ông Cẩn.

Bỗng dưng biến cố bùng nổ và mỗi ngày càng lớn dần càng lan rộng tại Huế. Giới chức an ninh lại có báo cáo gửi về Sài Gòn cho biết Lãnh Sự và Phó Lãnh Sự Mỹ tại Huế đã liên lạc mật thiết với các Thầy tại Chùa Từ Đàm. Sở dĩ biết được như thế vì giới an ninh ở đây đã móc nối với một nhà sư trẻ ở An Cựu đệ tử của Thầy Thiện Minh về sống rất gần các Thầy...cho nên nhiều kế hoạch của Từ Đàm đã bị phát giác trước khi thực hiện.

Chính quyền Trung Ương mắc một lỗi lầm lớn là chỉ nhìn tình hình qua báo cáo của địa phương mà báo cáo của giới chức an ninh thời nào cũng vậy bị méo mó nghề nghiệp và bị ám ảnh nặng nề bởi cái bóng ma cộng sản. Có lẽ ông Ngô Đình Nhu có dịnh kiến về mấy Thầy Trí Quang và Thiện Minh qua những báo cáo địa phương chăng ?

Dù Ông Nhu không tán trợ việc dàn xếp với mấy Thượng Tọa Chùa Từ Đàm nhưng ông cũng không ngăn cản (Ông Nhu chỉ quyết liệt vào trung tuần tháng 7).

Ngày 6.6.1963 Bác Sĩ Trương Khuê Quan ra Huế đi chuyến máy bay đầu tiên. Không khí Huế lúc ấy nặng nề lắm. Chùa Từ Đàm bị phong tỏa, Thành Phố mang vẻ ốm đau. Ông Nguyễn Xuân Khương đã chính thức nhận Đại Biểu Chánh Phủ và ăn ở ngay trong căn phòng thuộc lầu 2 của Tòa Đai Biểu, cho đến ngày Bác Sĩ Trương Khuê Quan ra Huế thì ông Nguyễn Xuân Khương có vẻ lạc quan cho rằng chính quyền sẽ thắng thế. Nhất là nhờ biện pháp cúp điện cúp nước và phong tỏa. Chùa Từ Đàm bắt đầu mỏi mệt. Nhưng ông Khương lại không hiểu qui luật tranh đấu và phương thức giải quyết đó phù hợp với những đòi hỏi xuất phát từ qui luật

này. Giả xử như cúp điện nước và phong tỏa Chùa có thể giúp cho chính quyền thắng thế nhưng chỉ là cái thắng thế nhất thời và chỉ tạo thêm cho phía tranh đấu có cớ để hòa quang hóa dối tượng tranh đấu.

Từ đầu tháng 6, Phật Tử Sài Gòn càng thêm nôn nao bất mãn về việc chính quyền cúp điện nước và phong tỏa Chùa Từ Đàm. Từ đó, dư luận lại càng thêm sôi nổi và càng được bi đát hóa, báo chí Mỹ-Pháp lại càng có dịp khai thác thổi phồng. Nhưng tình hình tại chỗ thì lại không bi đát như vậy.

Các Thượng Tọa Chùa Từ Đàm bắt đầu muốn nhượng bộ nhưng dù sao vẫn còn tự ái và không thể làm mất hào quang cho cuộc tranh đấu được. Trong cái thế kẹt đó thì sự thành lập Ủy Ban Liên Bộ để cùng với Ủy Ban Liên Phái giải quyết song phương được coi như một lối thoát tốt đẹp mà không còn lối thoát nào khác hơn ngoài việc sử dụng biện pháp mạnh.

Bác Sĩ Trương Khuê Quan ra Huế thi hành sứ mạng móc nối cho đường lối giải quyết này. Bác Sĩ Trương Khuê Quan khi đến Huế thì vội vã gặp ngay ông Nguyễn Xuân Khương. Ông Khương còn đang trong phòng riêng với bộ quần áo ngủ tiếp "sứ giả" Sài Gòn. Theo Lương Khải Minh thuật lại thì khi Bác Sĩ Quan trao thư của Bộ Trưởng Nguyễn Đình Thuần cho ông Khương, ông Khương vừa xem xong đổi hẳn sắc mặt, thái độ thật tức giận, ông đập mạnh lá thư xuống bàn và nói với sự đau khổ của người thất bại: "thế này thì chính phủ thua họ rồi còn gì". Ông Khương nhăn nhó rồi nói với Bác Sĩ Trương Khuê Quan: "Ở đây đã giải quyết gần xong họ đã xin chịu thua rồi. Họ đã chịu điều kiện tổ chức một buổi lễ rồi mời Tổng Thống ra để họ tạ tội rồi. Bây giờ như thế này thì chính phủ thua rồi...chúng tôi còn làm gì được nữa".

Bác Sĩ Trương Khuê Quan chỉ có nhiệm vụ thi hành chỉ thị của Tổng Thống Diệm. Ông không góp thêm một ý kiến nào. Khi Bác Sĩ Trương Khuê Quan đến gặp Đại Tá Đỗ Cao Trí trao thư của ông Thuần, Đại Tá Đỗ Cao Trí coi xong cũng lộ vẻ giận dỗi hoàn toàn không đồng ý. Đại Tá Trí than trời như bọng: "Thế này thì làm sao mà dẹp cho êm được". Ông Trí tâm sự với Bác Sĩ Trần Kim Tuyến: "Anh nghĩ coi...khó lắm anh ơi. Mấy

cái ông Thầy bên đó ngang ngược còn hơn...anh ơi...” Ông Trí lại than vắn thở dài: “Nhưng thôi mình là nhà binh thì thượng cấp chỉ dâu làm đó biết sao bây giờ”. Đại Tá Đỗ Cao Trí vừa hứa với Bác Sĩ Trương Khuê Quan: “trong khả năng của tôi, tôi xin giúp cho anh mọi phương tiện anh cần”. Vẫn theo Lương Khải Minh sau đó là Đại Tá Đỗ Cao Trí tự lái xe đưa Bác Sĩ Quan đến Chùa Từ Đàm và tự tay ông nhấc hàng rào kẽm gai để Bác Sĩ Quan vượt “bức tường” phong tỏa.

Bên trong các thanh nữ Phật Tử đang lo phận sự bố phòng canh gác. Không khí rất yên tĩnh. Các Tu Sĩ vẫn sinh hoạt bình thường.

Khi vào nhà Trai thì Thượng Tọa Trí Quang đang ngồi đánh cờ. Vừa trông thấy Bác Sĩ Quan Thượng Tọa Trí Quang tươi cười: “à chào Sứ Giả Hòa Bình từ Sài Gòn ra”. Sau khi đôi bên thi lễ vấn an Bác Sĩ Quan đi thẳng vào câu chuyện. Ông trình bày thiện trí giải quyết của Tổng Thống Diệm với Thượng Tọa Trí Quang và mấy Thượng Tọa chủ chốt. Không khí thật vui vẻ hòa hoãn. Thượng Tọa Trí Quang yêu cầu Bác Sĩ Quan can thiệp để nhà cầm quyền ngưng cúp điện nước nhưng lúc đó thì ông Nguyễn Xuân Khương đã ra lệnh giải tỏa vấn đề điện nước bay giờ chỉ còn hàng rào dây kẽm gai phong tỏa.

Buổi tối hôm ấy, Bác Sĩ Trương Khuê Quan lưu tại Chùa Từ Đàm sau khi từ Quảng Trị trở về. Đây là một sứ giả duy nhất của Sài Gòn có dịp gần mấy Thượng Tọa trong một thời gian 2 ngày để tìm sự thông cảm hai phía. Bác Sĩ Quan cho Thượng Tọa Trí Quang biết rõ ý của Tổng Thống Diệm là muốn các Sư Sãi ngưng ngay tuyệt thực trở về nếp sống bình thường sau đó Phật Giáo sẽ cùng chính quyền giải quyết. Thượng Tọa Trí Quang yên lặng một cách khó hiểu. Tuy nhiên ông cũng viết một lá thơ trao cho Bác Sĩ Quan đưa ra Quảng Trị chỉ thị cho Chùa Tỉnh Hội ở đây ngưng tuyệt thực.

Từ Huế ra Quảng Trị, Đại Tá Đỗ Cao Trí phải cho xe gắn đại liên hộ tống Bác Sĩ Quan mặc dù đường Huế-Quảng Trị lúc ấy vẫn còn an ninh, xe cộ có thể đi lại suốt ngày đêm nhưng chuyến hành trình của Bác Sĩ Quan có vẻ gian nan và ông cũng linh cảm thấy sự ngột ngạt khó chịu, khi đến

Quảng Trị không khí còn ngột ngạt hơn.

Tại Quảng Trị, tình hình trong mấy ngày 4, 5, 6 càng trở nên sôi bỏng. Chùa Tỉnh Hội cũng như tại Từ Đàm đều bị phong tỏa. Các Tăng Ni vẫn tiếp tục tuyệt thực. Không khí hết sức giao động.

Nhưng khi Bác Sĩ Quan trao thư tay của Thượng Tọa Trí Quang thì cuộc tuyệt thực được chấm dứt ngay. Sứ giả Sài Gòn đã làm xong nhiệm vụ. Nhưng tình hình có thay đổi không hay chỉ tạm thời an bình để sửa soạn cho một kế hoạch mới ?

Giới chức ở Huế lúc bấy giờ không tin rằng phía các Thượng Tọa có đủ lực lượng để làm lớn chuyện và cũng tin rằng có thể thu xếp xong bằng biện pháp mạnh. Tất cả đều chú ý đặc biệt đến Thượng Tọa Trí Quang. Vì cho rằng vị Thượng Tọa này mới là người chủ động, linh hồn của cuộc tranh đấu. Nhưng sự thực Thượng Tọa Thiện Minh mới là người chủ chốt hành động. Thượng Tọa Trí Quang chỉ là khuôn mặt có tính cách tiêu biểu lãnh đạo Phật Tử về mặt nổi. Mặt chìm với phương tiện và cán bộ hành động đều do Thượng Tọa Thiện Minh với tất cả phương thức tranh đấu của một người thâm sâu, bí hiểm.

Khi được Tổng Thống Diệm chấp thuận hòa giải trực tiếp với các Thượng Tọa Từ Đàm, phía Thượng Tọa Thiện Minh đã thắng được một hiệp đầu và gỡ được lối thoát cho các nhà lãnh đạo Phật Giáo tại Huế đang bị bế tắc.

Khi Bác Sĩ Trương Khuê Quan từ Quảng Trị trở lại Huế, ông Ngủ lại Chùa Từ Đàm một đêm. Trước đó, Đại Biểu Nguyễn Xuân Khương có đưa ông lại tư thất Đức Cha Ngô Đình Thục ông Quan ngồi đợi ngoài phòng khách.

Đại biểu Khương vào trình bày với Đức Cha Thục lâu cả 2 giờ đồng hồ về những chỉ thị hòa giải của Sài Gòn. Nhưng ông Quan vẫn không được Đức Cha Thục tiếp kiến và cũng không cho biết ý kiến của Đức Cha Thục như thế nào. Sau đó Bác Sĩ Quan cùng Đại Biểu Khương đến tư dinh ông Cẩn và ở đây ông Quan cũng phải chờ đợi lâu cả giờ đồng hồ vẫn không

được ông Cẩn tiếp.

Tuy vậy, cho đến lúc ấy, ông Cẩn vẫn một lòng bênh vực giải pháp điều đình trực tiếp với Huế.

Điều mà trước đây ông đã thỉnh thị Sài Gòn và chính ông đã cho chuyển lá thư tay của Thượng Tọa Trí Quang lên Tổng Thống Diệm, lá thư ấy được viết ngay tại nhà ông Cẩn với lời lẽ hết sức khiêm nhường và chỉ yêu cầu giải quyết 2 nguyện vọng mà thôi. Đến nay, Tổng Thống Diệm chấp thuận điều đình thẳng với Thượng Tọa Từ Đàm tức ông Cẩn đã toại nguyện vì từ 7, 8 năm qua, ông Cẩn tự hào về mối liên hệ chặt chẽ giữa ông và các Thượng Tọa Trí Quang, Thiện Minh cho nên biến cố xảy ra ngoài ý muốn của ông, ông cũng một lòng bênh vực các Thượng Tọa cũng là điều dễ hiểu.

Bác Sĩ Quan đã thành công một phần nhiệm vụ nhưng Sài Gòn lại đánh điện gọi ông Quan về gấp.

Trong thời gian Bác Sĩ Trương Khuê Quan ở Huế có nhiều truyền đơn được tung ra "tố cáo một Trung Tá từ Sài Gòn đã âm mưu với các Thượng Tọa Chùa Từ Đàm".

Không khí thật ngột ngạt, ông Quan nhờ chiếc xe Cammontette của chi cuộc quân tiếp vụ để ra phi trường Phú Bài cùng với Thượng Tọa Thiện Minh về Sài Gòn. Viên Thượng Sĩ chỉ cho ông mượn xe mà không dám tự lái vì trên đó còn Thượng Tọa Thiện Minh, ông cho mượn xe rồi chuồn lẹ. Lúc ấy, kể cả xe đò xa ca của Air Vietnam đều không chịu chở các Thượng Tọa nhất là Thượng Tọa Thiện Minh. Tình cờ Bác Sĩ Quan gặp ông Cao Xuân Vỹ và Trung Tá Huỳnh (Phó Giám Đốc Nha Công An Quân Đội) ra công cán tại Huế và cùng về Sài Gòn một chuyến với ông Quan. Hai ông đi nhờ xe quân tiếp vụ ra Phú Bài. Nhưng mặc dù cùng phục vụ một chế độ nhưng mỗi người lại thi hành cho một đường lối khác nhau.

Trên chuyến xe đó có cả Thượng Tọa Thiện Minh. Nhịp cầu Phật Giáo Huế và Sài Gòn bắt đầu bắt nhịp.

Khi trở về, Bác Sĩ Quan mới giật mình về chuyến đi quá nguy hiểm của

ông mà chính Bộ Quốc Phòng cũng không tiên liệu được. Không hiểu những tính toán như thế nào của giới chức tại Huế nhưng đã hoàn toàn bất lợi cho Bác Sĩ Quan.

Do đó, Bộ Trưởng Nguyễn Đình Thuần phải đánh điện khẩn cấp gọi Bác Sĩ Quan về ngay vì e ngại "có thể nguy đến tánh mạng".

Riêng Thượng Tọa Thiện Minh, khi vào đến Sài Gòn lần này, ông lại tiếp xúc một lần nữa với Bộ Trưởng Nguyễn Đình Thuần. Bác Sĩ Tuyến cũng đến thăm.

Thượng Tọa Minh tại một nhà người quen. Qua cuộc mạn đàm với Bác Sĩ Tuyến, Thượng Tọa Thiện Minh tỏ ra rất cởi mở và ôn hòa, có thể nói Thượng Tọa Thiện Minh đã mềm dẻo ngoài sự mong muốn của chính quyền.

Ngày 5.6.1963, Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo nhóm họp lần thứ nhất tại Hội Trường Diên Hồng. Về phía chính phủ có Phó Tổng Thống Thơ, Bộ Trưởng Nguyễn Đình Thuần và Bùi Văn Lương. Về phía Phật Giáo có các Thượng Tọa Tâm Châu, Thiện Minh, Thiện Hoa, Huyền Quang, Đức nghiệp. Đại Đức Đức Nghiệp là phát ngôn viên của phái đoàn Phật Giáo.

Phiên họp đầu tiên mới chỉ có tính cách giới thiệu và nghi lễ cùng thảo luận một số vấn đề liên quan đến thủ tục và phương thức thảo luận.

Cho đến ngày 5.6 hiệu lực của Ủy Ban Liên Phái chưa có gì đáng kể nếu không muốn nói là quá lỏng lẻo. Ngay trong Ủy Ban Liên Phái cũng có ba khuynh hướng. Khuynh hướng Phật Giáo trong Nam vẫn còn dè dặt, e ngại vì sự hiện diện của Thượng Tọa Thiện Minh, mà khuynh hướng này vẫn có định kiến "người của ông Cẩn".

Khi Thượng Tọa Thiện Minh vào Nam lãnh một vai trò quan trọng như vậy nhưng vẫn chưa có hậu thuẫn quần chúng, chưa có cán bộ, phần lớn cán bộ trong giai đoạn này đều thuộc ảnh hưởng của các Thượng Tọa Tâm Châu, Tâm Giác, Đức Nghiệp. Mà những cán bộ này (nói cán bộ không đúng danh nghĩa) hầu hết thuộc thành phần đảng phái Quốc Gia có kinh

nghiệm hành động và vốn bất mãn với chính quyền. Tuy không phải là Phật Tử thuần thành nhưng cũng vẫn có danh nghĩa Phật Tử và nhân cơ hội ngàn vàng một thuở này thì họ tạm thời đứng cùng với Phật Giáo để tranh đấu.

Đáng kể nhất là một số cán bộ Việt Nam Quốc Dân Đảng (thuộc thế hệ trẻ) Miền Bắc di cư cũng như hai Miền Nam Ngãi , giai đoạn đầu đã góp công không nhỏ làm hậu thuẫn cho các Thượng Tọa trong Ủy Ban Liên Phái. Sau nữa là một số nhỏ trong hàng ngũ Đảng Duy Tân.

Lớp cán bộ trẻ này, vì nhiệt huyết vì lòng trung kiên với Đảng và đồng thời cũng bị thúc đẩy bởi khát vọng cách mạng (họ có biết đâu chỉ là ảo tưởng)...cho nên nhân cơ hội "biến cố Phật Giáo" thì vùng dậy.

Hầu hết lớp trẻ đã tin vào lãnh tụ, tan tác mỗi người một nơi không tổ chức nhưng vẫn còn truyền thống kết hợp. Mà Phật Giáo với hình ảnh một Tiêu Sơn Tráng Sĩ cũng là động cơ làm sống động truyền thống của Đảng...Với những lãnh tụ già nua hủ hóa đã không kết hợp được giới trẻ không đủ khả năng vận động giới trẻ cho một công trình tranh đấu lớn lao. Bỗng nhiên một số Thượng Tọa đứng lên lãnh đạo tranh đấu lần thứ nhất trong lịch sử Việt Nam sau Nhà Lý. Chính các Thượng Tọa này đã trở thành thần tượng thu hút hầu hết đảng viên trẻ của Việt Nam Quốc Dân Đảng cũng như Đại Việt (nhóm Tự Quyết và Ba Lòng) và một số nhỏ đảng viên Duy Dân.

Giai đoạn đầu từ tháng 6, cộng sản chưa kịp trở tay chưa xâm nhập vào được hàng ngũ tranh đấu (hoặc nếu có cũng chưa dám ra mặt) nhưng chính thành phần đảng phái quốc gia mới là yếu tố chủ động (tất nhiên là thành phần trẻ). Ngay từ đầu tháng 6, dù không có lệnh ai (bởi không còn lãnh tụ hay đã phủ nhận lãnh tụ) các đảng viên Việt Quốc cũng như Đại Việt Duy Dân (thuộc hàng ngũ tiến bộ và trong sạch) đều tự động đứng lên hoạt động theo từng nhóm và tự động đứng vào Phong Trào đấu tranh của Phật Giáo. Các nhóm đảng kể như nhóm Yên Bái (Đại Học Văn Khoa, Sư Phạm và Luật) gồm những cán bộ cốt cán như nữ sinh viên Uyển, sinh viên Đỗ Tấn

Phú...cùng những Đỗ Đình Duyệt (Công Giáo) Đỗ Đức Thịnh (Công Giáo) cùng với nhóm Nguyễn Thường Bá, Uyên Thao (một cán bộ trẻ cốt cán của một hệ phái Việt Nam Quốc Dân Đảng và đã góp không nhỏ trong cuộc tranh đấu của Phật Giáo 1963) Và Thế Uyên. Các đảng viên trẻ Duy Dân thì quy tụ quanh qua Thượng Tọa Tâm Châu như nhóm Vụ Ý. Miền Trung nhóm trẻ Việt Quốc cũng vùng dậy và đóng vai trò quan hệ trong giới sinh viên Huế.

Giới Đảng Viên kỳ cựu cũng tích cực dấn mình vào cuộc tranh đấu như nhóm Việt Quốc của Cụ Bạch Vân (Công Giáo), nhóm ông Đĩnh (tự Đính Cụt, Công Giáo), nhóm Việt Quốc Miền Nam, nhóm Đại Việt Nguyễn Tôn Hoàn, nhóm Việt Quốc Như Phong, Nguyễn Hoạt (tờ Tự Do).

Có thể nói giai đoạn đầu tại Sài Gòn con số 5, 7 Tăng Sĩ nếu không có sự tham gia tích cực của các đảng viên trẻ thuộc đảng phái quốc gia thì Phật Giáo cũng chưa thể tạo được một thanh thế to lớn. Rồi những huyền thoại lan truyền mau chóng trong giới trẻ này để tạo dựng khí thế như là "Thượng Tọa Tâm Châu, thuộc Đảng Duy Tân, Thượng Tọa Minh Hòa, Thượng Tọa Quảng Đức cũng như một cảm tình viên Việt Quốc" cứ như thế...như thế...giới trẻ lao vào cuộc tranh đấu không cần biết cuộc tranh đấu đi đến đâu.

Thành phần đảng phái Quốc Gia thuộc giới trẻ kể trên thành thực lực đầu tiên của Phong Trào Tranh Đấu Phật Giáo tại Sài Gòn. Nhưng họ chỉ là cán bộ bậc trung còn ít tuổi không có lãnh đạo cho nên khi cùng đứng trong Phong Trào Tranh Đấu Phật Giáo thì lẽ tự nhiên họ tự đặt mình trong sự lãnh đạo của các Thượng Tọa và rồi đồng hóa bản chất "đảng Quốc Gia" của mình với bản chất của Phong Trào Tranh Đấu Phật Giáo lúc ấy. Ngoại trừ mấy nhóm đảng viên kỳ cựu như đã viết ở trên, hoạt động lẻ tẻ ủng hộ cuộc đấu tranh bằng tinh thần và hỗ trợ theo cách riêng. Hầu hết thành phần trẻ tạm thời tự động thoát ly Đảng để tự đặt mình trong cuộc tranh đấu với hy vọng cuộc tranh đấu thành công thì họ sẽ là những thành phần cốt cán chủ động phục hồi đảng.

Vốn lãng mạn từ bản chất qua tinh thần cách mạng Tự Lực, lớp trẻ lại không được đào tạo theo một kỹ thuật đấu tranh, cũng không biết về qui luật đấu tranh cho nên vô tình họ trở thành con tốt trong một ván cờ, mặc dầu khi dấn thân vào cuộc họ dâng cả trái tim, cả bầu nhiệt huyết, cả cuộc đời. Những Uyên Thao, Vy Ý là một thí dụ. Đầu tháng 7.1963 khi cộng sản đã điều nghiên xong, đã dự trù mọi kế hoạch hành động thích nghi và nhảy vào cuộc, thâm nhập ồ ạt vào ngay trong lòng cuộc tranh đấu thì thế lực Quốc Gia dần dần bị giảm sút hoặc lại bị chính cộng sản giật giây và núp bóng. Nhưng có điều quan trọng khi Ủy Ban Liên Phái và Ủy Ban Liên Bộ nhóm họp tại Hội Trường Diên Hồng thái độ người Mỹ như thế nào ?

Qua Văn thư của chính phủ Mỹ do Phó Đại Sứ Truheart trao cho Bộ Trưởng Nguyễn Đình Thuần để trình lên Tổng Thống Diệm thì chính phủ Mỹ nóng lòng thúc đẩy Tổng Thống Diệm giải quyết vụ Phật Giáo, vì cho rằng báo chí và dư luận Mỹ đang gặp bất lợi cho chính phủ Việt Nam nói riêng, và Tổng Thống Kennedy đang gặp khó khăn tại quốc nội do cuộc khủng hoảng tôn giáo tại Việt Nam. Từ Ngoại Trưởng Mỹ đến Tổng Thống Kennedy đều cùng một lập trường thúc đẩy chính quyền Việt Nam giải quyết mau lẹ vụ Phật Giáo. Đại Sứ Nolting vẫn là người bạn tri giao của Ông Nhu và rất cảm phục Tổng Thống Diệm. Quan điểm của ông lúc ấy là tế nhị và dè dặt nhưng tích cực ủng hộ chế độ Ngô Đình Diệm.

Nhưng ngay trong Tòa Đại Sứ Mỹ lại có một khuynh hướng chống đối tích cực chế độ Ngô Đình Diệm. Khuynh hướng này được ngấm ngầm hỗ trợ bởi ông Phó Đại Sứ Truheart. Phía CIA (mặt nổi) đại diện là Đại Tá Richardson lại là người ủng hộ chế độ Ngô Đình Diệm nhưng phụ tá của ông tức Smith lại có nhiều liên lạc ngầm với một số chính khách thuộc nhóm Phan Huy Quát lại muốn nhân cuộc khủng hoảng Phật Giáo đòi áp lực đòi Tổng Thống Diệm cải tổ nội các và thay đổi một số cơ chế trong guồng máy công quyền.

Phía CIA chìm (đây mới là yếu tố quan hệ) đã tìm mọi cách móc nối với một vài nhân vật thuộc phe tranh đấu Phật Giáo (Đại Đức Đại Nghiệp

với tư cách phát ngôn viên, giao tiếp với ký giả Mỹ và CIA đã trá hình móc nối qua ngã này). Do đó, ngay khi phía Phật Giáo và chính quyền ngồi vào bàn hội nghị thì đã có những bàn tay thứ ba quấy phá. Vì nếu chính quyền và Phật Giáo đi đến một ổn thỏa tốt đẹp thì họ không lợi dụng được gì.

Từ cuối năm 1962 tại Mỹ đã có một khuynh hướng hỗ trợ nhóm Phan Huy Quát và đòi chánh quyền Ngô Đình Diệm phải cải tổ, đặt thêm chức Thủ Tướng với quyền hạn rộng rãi. Phan Huy Quát và xa hơn là Vũ Quốc Thúc có nhiều triển vọng được giới chức Mỹ áp lực với Tổng Thống Diệm đặt vào chức vụ Thủ Tướng này.

Nhưng với một người ngang bướng và cương quyết như Tổng Thống Diệm thì không bao giờ Mỹ có thể thành công trong những toan tính như vậy. Sự hiện diện diện của Ông Nhu lại càng tạo thêm khó khăn, vì không thể nào một Ngô Đình Nhu chấp nhận một Thủ Tướng có quyền hành rộng rãi như kiểu Thủ Tướng Phan Huy Quát cho nên từ Harriman đến Hilsman và Truheart đều cho rằng muốn cải tổ nội các và cơ chế dân chủ tại Việt Nam thì phải trục xuất vợ chồng Ông Nhu. Tổng Thống Diệm sẽ không thể làm gì khác hơn là cai trị trên uy quyền tượng trưng.

Nhưng toan tính đó không qua khỏi cặp mắt Ông Nhu.

Cuộc hòa giải giữa chánh quyền và Phật Giáo qua Ủy Ban Liên Phái và Liên Bộ đang tiến hành tốt đẹp thì bỗng nhiên gặp trở ngại.

ĐỔ THÊM DẦU VÀO LỬA

Vào buổi sáng thứ bảy sau phiên họp ngày 5.6 giới chức Phủ Tổng Thống lại muốn điên đầu về bản thông cáo của Hội Phụ Nữ Liên Đới (tất nhiên do Bà Nhu soạn thảo). Trước đó Bà Nhu triệu tập Hội Đồng Ban Chấp Hành Trung Ương để thảo luận và tỏ thái độ về hòa giải trên.

Trong bản thông cáo ấy Bà Nhu gay gắt lên tiếng phản đối với phương thức giải quyết của Tổng Thống và nặng lời công kích một số nhà lãnh đạo Phật Giáo. Bà Nhu lấy lý do rằng Phật Giáo cũng là một hội đoàn, Phong Trào Liên Đới cũng là một hội đoàn, và như vậy Phong Trào Liên Đới có quyền lên tiếng không ai có quyền cấm đoán kể cả chánh quyền. Cái lý do

của Bà Nhu thì rất đúng không ai chối cãi được vì trong một cộng đồng quốc gia các đoàn thể đều được đối xử ngang nhau trước pháp luật và đều được quyền tỏ thái độ bất bình đối với một đoàn thể khác miễn sao không xâm phạm đến an ninh quốc gia. Nhưng sự việc đâu có giản dị như vậy nhất là trong thực tại xã hội Miền Nam vốn đầy ngộ nhận ganh ghét và hận thù. Bà Nhu cho rằng lên tiếng công kích Phật Giáo theo tư cách Chủ Tịch Phong Trào Liên Đới tức là không dính dáng gì đến chánh phủ và chánh phủ phải coi đó là điều tối cần phải ủng hộ. Bởi vì khi chính phủ đang có chuyện rắc rối với một hội đoàn khác lên tiếng công kích hội đoàn này và hỗ trợ chính phủ như vậy chính phủ còn có cái may mắn nào hơn.

Nhưng thực tế đâu có giản dị như vậy và nhất là thực tế xã hội Việt Nam thì không thể dùng một thứ "logique" nào phân tách được. Bà Nhu là em dâu một vị Tổng Thống, uy quyền của bà trên thực tế ai cũng thấy và nhất là bản thông cáo của bà lại do một phiên họp tổ chức ngay trong Dinh Gia Long thì bản thông cáo ấy đã mặc nhiên là tiếng nói bán chánh thức của chính quyền dù cho biện minh khéo léo thế nào thì cũng không ai nghe.

Vẫn biết rằng Bà Nhu được nghe người ta kể lại đầy đủ về đời sống thâm cung bí sử của Thầy Thiện Minh, Bà Nhu có định kiến về mấy thầy ấy là "sư hổ mang" (ngôn ngữ của Bà Nhu thường dùng trong cuộc đàm đạo) nhưng tâm lý quần chúng khó có thể chấp nhận cho một người đàn bà lên tiếng công kích mạt sát các vị lãnh tụ tinh thần dù các vị ấy thế nào chăng nữa...Rồi một điểm sai lầm quan trọng hơn là Bà Nhu đã tổng quát hóa Phật Giáo tuy là chiếm đa số trong quần chúng nhưng số Phật Tử thuần thành lại không bao nhiêu.

Bà Nhu thường viết diễn văn thông cáo bằng Pháp Văn, có nhẽ bản thông cáo do người dịch thiếu sự am tường và tế nhị của Việt Ngữ nên bản Pháp Văn đã nặng dịch ra Việt Ngữ lại càng nặng hơn.

Bà Nhu quyết định phổ biến bản thông cáo đó trên báo chí.

Cũng vào sáng thứ bảy hôm ấy trong một bài nói về Phật Giáo Việt Nam xướng ngôn viên đã không tiếc lời ca ngợi công đức Tổng Thống đối

với sự phát huy Phật Giáo và đưa ra thống kê: Số Chùa trong toàn quốc có 4776. Khi Tổng Thống Diệm chấp chánh từ năm 1954 đến 1963 thì Phật Giáo đã xây thêm được 1275 ngôi Chùa mới và trùng tu được 1295 ngôi Chùa đã hư hại vì thời gian chiến tranh.

Sự thực thì Tổng Thống Diệm đã giúp rất nhiều tài chánh và phương tiện để xây cất Chùa. Đó là điều Tổng Hội Phật Giáo biết rõ. Thế nhưng khi cao trào tranh đấu đang lên thì dân chúng lại không tin những con số thống kê về thành tích của chính phủ đối với Phật Giáo. Con số thống kê mà dân chúng không tin huống chi thông cáo của Bà Nhu thì không ai có thể tin rằng đó là thái độ trung trực. Nhất là bản thông cáo ấy lại nói trùm lấp cả một tập thể lớn như Phật Giáo. Phương thuật chính trị dùng để phản đối phe "đối lập" không dùng cách này.

Khoảng sáng thứ bảy Bác Sĩ Tuyến vào Dinh và đến phòng ông Đổng Lý Lý Đoàn Thêm ngồi nói chuyện trăng gió nước non thì ông Phan Văn Tạo Tổng Giám Đốc Thông Tin bước vào, ông Tổng Giám Đốc Thông Tin đang muốn "điên đầu" vì bản thông cáo mà Bà Nhu làm áp lực phải phổ biến trên báo chí.

Giới cao cấp trong chánh quyền lúc đó đã có hơn hai khuynh hướng một muốn hòa giải cho êm một muốn làm mạnh. Tổng Thống Diệm đứng về phía hòa giải. Bà Nhu là một trong những người không chấp nhận phương thức hòa giải của Tổng Thống một phần do bà ta thích làm chuyện khác lạ. Hơn nữa Bà Nhu cũng như Ông Nhu không bị mặc cảm Thiên Chúa Giáo trong khi đó thì Tổng Thống Diệm bị dày vò bởi mặc cảm này.

Trong thông cáo tỏ thái độ của Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới đến nay đọc lại thì kể ra cũng không có gì gọi là quá nặng nề nếu xét toàn bộ văn bản. Nhưng nếu cắt xén từng câu thì quả là ngột ngạt.

Ông Phan Văn Tạo trao bản thông cáo ấy cho Bác Sĩ Tuyến và ông Đổng Lý Đoàn Thêm coi. Bác Sĩ Tuyến cũng phải giật mình vì nếu phổ biến thông cáo này sẽ hoàn toàn bất lợi trong dư luận và gây nên sự hiểu lầm giữa chánh quyền và Ủy Ban Liên Phái trong khi cuộc hòa giải đang

tiến hành tốt đẹp.

Ông Tổng Giám Đốc Thông Tin cho biết Bà Nhu có gọi điện thoại thẳng cho ông hỏi tại sao không cho phổ biến thông cáo ấy vào các số báo xuất bản sáng thứ bảy. Ông Tạo phải tìm cách nói khéo để kéo dài thời gian hầu có thể tiếp xúc thẳng với Phủ Tổng Thống. Với nội dung bản thông cáo ấy ông Phan Văn Tạo cũng cảm thấy sẽ gây nên phản ứng bất lợi trong dư luận.

Từ ông Đoàn Thêm đến Bác Sĩ Tuyến đều đồng ý như vậy. Nhưng làm thế nào để ngăn chặn nổi khi Bà Nhu muốn. Quyết định ra sao chỉ có Tổng Thống Diệm mới dứt khoát được.

Thời nào cũng vậy, đảm trách Ngành Thông Tin ở một xứ chậm tiến quả thực vạn phần khó khăn nhất là khi gặp những biến cố lớn.

Nhưng đó cũng là cách góp công vào việc làm thế nào để giết một Tổng Thống.

Ông Phan Văn Tạo cùng Bác Sĩ Tuyến đành ngồi tán chuyện đời tại phòng ông Đổng Lý Đoàn Thêm trong lúc chờ đợi ông Bộ Trưởng Nguyễn Đình Thuần đang họp ở Hội Trường Diên Hồng.

Khoảng 11 giờ 30, ông Thuần trở về văn phòng. Xem xong bản thông cáo thì ông cũng đồng ý ngay không thể phổ biến ngay được và phải trình lên Tổng Thống Diệm.

Khi lên yết kiến Tổng Thống và trình bày lợi hại, Tổng Thống Diệm cũng đồng ý với ông Thuần không thể phổ biến thông cáo này được.

Chiều hướng giải quyết tranh chấp nội bộ bao giờ cũng đòi hỏi sự tế nhị khôn khéo và nhất là phải tránh ngộ nhận một khi đã tạo nên ngộ nhận thì khó lòng có thể giải quyết êm xuôi, giải quyết những tranh chấp không thể sử dụng những hình thức thông cáo tuyên ngôn khi mà những hình thức này chỉ tạo thêm sự rắc rối.

Bà Nhu lý luận rằng: Bà không chống lại Phật Giáo mà bà chỉ lên tiếng chống lại phần tử lợi dụng Phật Giáo. Nhưng vì không có căn bản và kinh nghiệm chính trị nên bà đã quên yếu tố này: Dù là một thiểu số cá nhân

nhưng cá nhân đó khi tạo được danh nghĩa để nhân danh tập thể và mặc nhiên đại diện cho danh dự và chính nghĩa mà họ đang lôi kéo quần chúng ủng hộ. Quần chúng có là cái gì đâu, chỉ là đám đông dễ tin dễ phẫn nộ và quần chúng không biết phê bình.

Nếu quần chúng phê bình thì chỉ phê bình một chiều và do một thiểu số lãnh đạo quần chúng chỉ dẫn sách động. Bản thông cáo của Bà Nhu chỉ cần xén một vài câu vài lời cũng đủ vốn liếng để phẫn nộ trong quần chúng (thực tế đã xảy ra như vậy).

Khi giải quyết các biến cố người cầm quyền dù có thiện chí giải quyết thì bao giờ cũng phải chú trọng đến mấy điểm sau đây:

1/ Quyền lợi đòi hỏi của những người đại diện phe tranh đấu.

2/ Khối trầm lặng chưa có thái độ mà bao giờ cũng đông đảo.

3/ Phải khám phá và đề phòng kịp thời những phần tử phá hoại hòa giải để kéo dài cuộc tranh đấu cho mục tiêu xa hơn. Tiếc thay, bản thông cáo của Bà Nhu trở thành một động cơ xáo trộn cuộc hòa giải và chính nó đã làm cho khối trầm lặng bất mãn...và đó cũng là dịp may cho các phần tử khuấy động (cộng sản và ngoại bang) tạo cơ hội kéo dài cuộc tranh đấu. Khối trầm lặng đã bất mãn thì nguy cơ không xa.

Khi được biết ý kiến của Tổng Thống Diệm và ông Bộ Trưởng Thuần, ông Giám Đốc Thông Tin yên trí có thể dẹp bản thông cáo của Bà Nhu. Nhưng Bà Nhu đâu có chịu thua một cách dễ dàng như vậy.

Bà Nhu lại gọi điện thoại cho Phan Văn Tạo lần nữa và cất vấn tại sao không cho phổ biến.

Ông Tạo thực tình trình bày sở dĩ không cho phổ biến là ý nghĩ của Tổng Thống. Với giọng nói giận tức Bà Nhu bảo ông chờ máy để bà hỏi lại Tổng Thống. Cuộc hội kiến giữa Bà Nhu và Tổng Thống Diệm như thế nào không được rõ nhưng sau đó, Bà Nhu cho ông Tạo Biết Tổng Thống đã đồng ý. Tuy vậy ông Phan Văn Tạo vẫn chưa tin nên không dám phổ biến ngay. Ông lại thỉnh ý kiến của Bộ Trưởng Thuần.

Ông Thuần đem tự sự trình bày lại Tổng Thống Diệm thì ông Tổng

Thống tỏ vẻ khó chịu lắm và vẫn giữ ý kiến cũ không cho phổ biến thông cáo này. Thảng hoặc tìm cách phổ biến một cách hạn hẹp. Trùng vào ngày các báo Việt Ngữ nghỉ hàng tuần nên bản thông cáo ấy chỉ phổ biến trên bản tin của Việt Tấn Xã (ấn bản ngoại ngữ) và tờ Journal Extrême Orient Time of Vietnam có đăng lại.

Trước đó, trưa thứ bảy khi ông Thuần vào gặp Tổng Thống ông Thuần tỏ vẻ buồn phiền nói với Bác Sĩ Tuyến và ông Đoàn Thêm: "phổ biến thông cáo này thì bất lợi cho cuộc hòa giải lắm. Bà Nhu bảo Tổng Thống đã đồng ý như vậy không hiểu chính phủ dứt khoát vấn đề này như thế nào ?"

Nhưng Tổng Thống Diệm đã xác định rõ với ông Thuần "Chính sách của chính phủ không có gì thay đổi cả".

Chiều chủ nhật, ông Bộ Trưởng Thuần lại một lần nữa vào Dinh xin gặp Tổng Thống nhưng ông Tổng Thống mắc bận.

Cuối cùng ông Tạo đành phổ biến và nói với Bác Sĩ Tuyến: "không biết làm sao hơn". Cũng như trước đó, ông phải trả lời Bà Nhu: "Tổng Thống đã đồng ý như vậy thì tôi xin tuân theo ý Tổng Thống".

Sáng thứ hai thông cáo trên đươc phổ biến thì chiều đã được đăng tải hầu hết các báo Việt Ngữ (ra vào thứ ba).

Kết quả đúng như sự tiên liệu: Bản thông cáo ấy với lời lẽ cứng rắn (nếu không muốn nói là lớn tiếng cao ngạo cùng lập trường chống lại phương thức hòa giải qua Ủy Ban Liên Bộ và Liên Phái đã tạo nên một phản ứng mạnh về phía Phật Giáo. Dư luận chung cũng tỏ ý bất mãn. Nghĩa là bản thông cáo của Bà Nhu hoàn toàn bất lợi cho phía chánh quyền và đối với cuộc tranh đấu của Phật Giáo thì bản thông cáo ấy được coi như một sự thóa mạ và chỉ như một thùng dầu lớn đổ vào ngọn lửa đang cháy to. Như trên đã viết, trong cuộc tranh đấu nào cũng vậy vẫn có một khối trầm lặng rất đông đảo...khi thấy một tập thể nào đứng lên chống chính quyền thì cũng lấy làm vui thích và chỉ hưởng ứng trong lòng mà thôi. Họ thực sự trầm lặng như một khách bàng quan. Nhưng sau cái thông cáo của

Bà Nhu thì bỗng dưng khối quần chúng đông đảo đó nghiêng dần về phía Phật Giáo.

Ủy Ban Liên Phái cho rằng với bản thông cáo ấy chính quyền tỏ ra thiếu thành tín, phản ứng như vậy cũng rất phải. Bởi vì Tổng Thống Diệm tỏ bày lập trường hòa giải tột bậc em dâu của Tổng Thống lại lên tiếng công kích như thế thì hẳn nhiên phía Ủy Ban Liên Phái phải nghĩ rằng có sự tráo trở và hòa giải chỉ là cách chính quyền cố kéo dài để tìm cách ứng phó. Do đó mâu thuẫn và hiểu lầm giữa đôi bên mỗi ngày một lớn một sâu cuộc hòa giải có thể tan vỡ.

Phía Ủy Ban Liên Phái thấy rằng đã đến lúc phải ra tay gây một tiếng vang lớn để mở đầu cho một giai đoạn tranh đấu quyết liệt.

Phải công nhận rằng trong cuộc tranh đấu của Phật Giáo 1963, các vị Tăng Sĩ lãnh đạo đã có nhiều sáng kiến và kỹ thuật tranh đấu mới lạ và hiệu quả.

LỬA ĐÃ THỰC SỰ BÙNG LÊN

Hòa Thượng Quảng Đức là Nhà Tu tự nguyện mở đường cho giai đoạn này. Sáng ngày thứ ba nhằm ngày 11.6 Hòa Thượng Quảng Đức tự thiêu tại Ngã Tư Lê Văn Duyệt-Phan Đình Phùng. Một tiếng sét lớn. Cơn giông tố thực sự bắt đầu. Tiếng sét làm rung chuyển con người Tổng Thống Diệm. Cuộc hy sinh tự thiêu để hiến thân cho dân tộc và đạo pháp của Hòa Thượng Quảng Đức có phải là một phản ứng đột ngột trước bản thông cáo của Bà Nhu hay không ? Sự hy sinh tự thiêu của Hòa Thượng thự sự được sửa soạn bố trí nhiều ngày.

Sáng ngày 11.6 hồi 9 giờ 30, Một lễ cầu siêu được tổ chức tại Chùa Phước Hòa với hàng trăm Tăng Ni tham dự.

Sau đó, các Tăng Ni tiến về phía Ngã Tư Lê Văn Duyệt-Phan Đình Phùng và ở đây Hòa Thượng Quảng Đức đã tự thiêu.

Hòa Thượng đi trên một chiếc xe Austin (chiếc xe này của ông Trần Quang Thuận, rể của cụ Tôn Thất Hối)...

Cũng vào giờ này, Tổng Thống Ngô Đình Diệm đang dự lễ Cầu Hồn

cho Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII tại Vương Cung Thánh Đường do Đức Cha Nguyễn Văn Bình chủ đại lễ. Tham dự có đông đủ bá quan văn võ từ Phó Tổng Thống Thơ đến Chủ Tịch Quốc Hội, Bộ Trưởng. Ngoại Giao Đoàn và đặc biệt giới ngoại giao Pháp cũng có mặt đông đủ.

Khi vừa tan lễ thì Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ Bùi Văn Lương đến bên Tổng Thống Ngô Đình Diệm báo cho ông biết về vụ tự thiêu tại Đường Phan Đình Phùng. Tổng Thống Diệm đứng khựng lại mặt đỏ bừng rồi biến sắc. Ông nói: "có gì mà phải làm như vậy" Tổng Thống Diệm lật đật về Dinh.

Theo Sĩ Quan Tùy Viên Lê Công Hoàn có thể nói từ sáng hôm ấy Tổng Thống Diệm bắt đầu cho một chuỗi dài những ngày lầm lì, ít nói có khi ngồi lặng thinh hút thuốc lá lâu cả giờ đồng hồ.

Bộ Trưởng Nguyễn Đình Thuần vào yết kiến ông ngay sau đó. Tổng Thống Diệm lừ đừ mặt cúi gầm.

Ông ngồi lặng thinh cả nửa giờ hết điếu thuốc lá này đến điếu khác, ông thả vài đợt khói rồi lại dụi tàn. Một lát sau, Tổng Thống Diệm bảo ông Thuần: "Việc gì rồi thu xếp có gì mà phải làm như vậy" (ý nói vụ tự thiêu).

Giới thân cận nhất của Tổng Thống Diệm đều xác nhận: Thái độ của Tổng Thống Diệm lúc ấy thật bàng hoàng. Nét mặt ông đau xót trông thấy. Vụ tự thiêu tạo nên một xúc động quá lớn đối với Tổng Thống. Tại sao vậy ? Điều dễ hiểu vì ông là một tín đồ Thiên Chúa Giáo rất là ngoan đạo, là một Nhà Nho cai trị dân theo quan niệm "thừa thiên hành đạo" cho nên trước biến cố như vậy tự nhiên là ông xúc động. Lương tâm Thiên Chúa Giáo cũng dày vò ông vì Giáo Lý không cho phép tự hủy mình, ông người gây nên sự tự hủy mình của kẻ khác cũng là một trọng tội. Tổng Thống Diệm chắc chắn bị xúc động từ một mặc cảm này mặc dù người trong cuộc ai cũng biết ông không có trách nhiệm nhưng ở phương vị lãnh đạo với quan niệm của Nho Gia thì tự ông lại thấy mình có trách nhiệm.

Vụ tự thiêu của Hòa Thượng Quảng Đức có kết quả đầu tiên và mạnh mẽ là trước hết đã tạo được sự xúc động trong lương tâm của một vị Tổng Thống.

Ngay buổi chiều hôm đó, Tổng Thống cho soạn thảo một bản hiệu triệu quốc dân trong đó Tổng Thống Diệm nói rõ với quốc dân rằng "sự hòa giải đang tiến hành tốt đẹp thì sớm nay do sự tuyên truyền quá khích che dấu sự thật gây sự hoài nghi về thiện chí của chính phủ khiến một số người bị đầu độc gây một án mạng oan uổng làm tôi rất đau lòng" (nguyên văn).

Phía Phật Giáo bước qua một giai đoạn mới. Trước vụ tự thiêu thì chỉ có một số Phật Tử ruột các Thượng Tọa tích cực tham gia cùng với các thành phần đảng phái quốc gia đối lập, nhưng sau vụ tự thiêu khối quần chúng trầm lặng đông đảo vốn tiêu cực trong bao lâu nay cũng bị xúc động mạnh và bắt đầu nghiêng hẳn về hàng ngũ tranh đấu.

Dầu cứ đổ thêm vào lửa...Phía tranh đấu khai thác triệt để bản thông cáo của Bà Nhu...

Như trên đã viết đọc đầy đủ văn bản đó thì không có gì nặng nề nhưng quả tình có những từ ngữ rất dễ gây nên sự bất mãn.

Mở đầu bản thông cáo , Bà Nhu viết "Xét rằng, toàn dân Việt Nam dầu thuộc tôn giáo nào vẫn tôn trọng giáo lý Đạo Phật và luôn luôn tôn kính Đức Phật Tổ một bậc đại thánh hiền vì lẽ đó một số người Việt đã tự nhận mình là Phật Tử mặc dù đa số không theo môn phái nào mà chỉ thành tâm và hồn nhiên thi hành đức từ bi".

Sau đó, Bà Nhu lại phê bình chính phủ: "Xét rằng chính phủ Việt Nam Cộng Hòa dầu đã thu được nhiều thắng lợi rực rỡ trong cuộc chiến đấu chống phá hoại nhưng đôi khi vẫn còn thiếu phòng xa trong nhiệm vụ giữ gìn trật tự công cộng, bảo vệ luật pháp và như vậy chẳng khác nào mở cửa cho sự lạm dụng trắng trợn".

Sau đó, Bà Nhu nhân danh phụ nữ Việt Nam "thành khẩn yêu cầu những vị Tăng Ni chân chánh tránh tuyệt thực với dụng ý công kích đả phá vì như vậy tức là phản lại giáo lý của Đức Phật đã dạy nên kiềm chế những đòi hỏi của thể xác như sự đói bằng cách không thỏa mãn để nó đạt đến Niết Bàn" (nguyên văn)

Bà Nhu lại yêu cầu quí vị Tăng Ni "giữ thái độ bình tĩnh trước hành

động của những kẻ núp sau bóng từ bi để gây rối loạn lột mặt nạ những kẻ có hành động phá hoại nhằm mục đích làm giảm uy tín của Phật Giáo và khuynh đảo quốc gia do sự xúi dục của ngoại bang" Rồi Bà Nhu lại yêu cầu chính phủ ra lệnh trục xuất những người ngoại quốc gây rối (nguyên văn).

Dạo năm 1963 người Việt Nam mọi giới chưa có kinh nghiệm về người Mỹ Lúc ấy 16.000 Cố Vấn Mỹ thì hình bóng người Mỹ còn tương đối dễ thương và chưa tác hại lớn lao đến mọi sinh hoạt quốc gia và xã hội. Người Việt cũng chưa bị ám ảnh về tổ chức CIA và cũng chưa hiểu rõ sức mạnh của tổ chức này (ngoại trừ giới Chính Khách và Quân Nhân cao cấp). Thế nên khi Bà Nhu nói rằng các Nhà Sư bị ngoại bang xúi dục thì đối với quần chúng còn quá mơ hồ và người ta tự hỏi ngoại bang ở đây là ai ? Nếu nói là Mỹ thì quần chúng sẽ không tin vì Mỹ đang ủng hộ chính quyền do đó sự tố cáo của Bà Nhu dù cho là thực thì dân chúng vẫn cho là điều vu cáo. Dân chúng Việt Nam lại không bao giờ chấp nhận một người đàn bà (dù ở địa vị nào) lớn tiếng vu cáo các nhà tu hành và tổ chức tôn giáo. (bằng chứng Bà Nhu đã mất nhiều cảm tình của tín đồ Thiên Chúa Giáo khi công kích một số Linh Mục mà bà cho rằng chuyên môn chạy affaire. Cũng như trước đó năm 1954, giáo dân Phát Diệm di cư dù tích cực ủng hộ Tổng Thống Ngô Dình Diệm nhưng cũng tỏ ra phẫn nộ khi đài phát thanh công kích Cha Hoàng Quỳnh và gọi Cha

Quỳnh là "Đại Úy Hoàng Quỳnh".

Theo giới thân cận thì trong mấy ngày liền ông Tổng Thống vẫn lầm lì, đôi lúc không có chuyện gì đáng kể ông Tổng Thống vẫn "quắc mắt nhìn lừ đừ" rồi lại cúi xuống dụi tàn thuốc lá liên miên.

Điều làm cho Tổng Thống Diệm tức giận hơn là vụ chiếc xe Austin của Trần Quang Thuận. Lúc ấy Trần Quang Thuận đang là Quân Nhân. Sau khi điều tra, Cơ Quan An Ninh báo cáo cho Tổng Thống Diệm chiếc xe Austin chở Hòa Thượng Quảng Đức và bình xăng đến địa điểm tự thiêu là của Trần Quang Thuận. Ông Tổng Thống nổi giận và cho gọi Tôn Thất Thiết,

Chánh Sở Nội Dịch lên rầy rà (mặc dù ông Thiết không dính dáng vào nội vụ). Và biểu Tôn Thất Thiết về nói với cụ Tôn Thất Hối sao lại để con rể làm như vậy. Ai cũng biết rằng Tổng Thống Ngô Đình Diệm với cụ Tôn Thất Hối coi nhau như người trong nhà. Cụ Hối vẫn tỏ lòng thầm phục vị cựu Thượng Thư của triều đình Nguyễn. Tuy Trần Quang Thuận bị thượng cấp gọi lên rầy rà nhưng cũng không sao cả (sau này ông ta mới bị bắt). Ông Thuận thanh minh rằng tình cờ cho người ta mượn xe mà thôi.

Chiếc xe của Trần Quang Thuận cũng là một trong những vết thương nội tâm của Tổng Thống. Một người như Tổng Thống Diệm không thể nào chịu kẻ "nội thù" của chế độ lại là người trong nhà, người của chế độ, vì ông Thuận vẫn giáo tế tốt đẹp với một vài nhân vật cao cấp của chế độ thuộc ngành an ninh.

Ngoài ra khi báo chí Mỹ càng công kích chính quyền bao nhiêu thì Tổng Thống Diệm càng giao động vì bản tính của ông trong bấy lâu rất thận trọng và e ngại các vụ "sì căng đan..." Mặt khác, Ông Nhu đã thầm cảm thấy rằng bang giao Việt-Mỹ đang rạn nứt trầm trọng. Nắm chính quyền trong tay hẳn nhiên Ông Nhu biết rõ thực lực của Ủy Ban Liên Phái. Điều mà chính quyền e ngại là cao trào đấu tranh sẽ bộc phát trong giới Sinh Viên và Học Sinh vì đây mới là thành phần quan trọng và chính tập thể Sinh Viên và Học Sinh đã đóng vai trò chủ động trong vụ Phật Giáo. Nhưng trung tuần tháng 6 thì giới Sinh Viên và Học Sinh vẫn chưa tham gia tích cực rộng rãi ngoại trừ một số sinh viên đảng phái như trường hợp nhóm Nguyễn Tường Bá, Nguyễn Hữu Doãn, Nguyễn Hữu Đống. Ông Nhu vẫn chủ quan tin tưởng chính quyền đang nắm vững Sinh Viên Học Sinh và giáo chức qua ba tổ chức Tổng Hội Sinh Viên, Tổng Liên Đoàn Học Sinh và Tổng Hội Giáo Giới.

Tóm lại điều quan trọng đối với Ông Nhu lúc ấy là bàn tay Mỹ và cộng sản. Vụ Phật Giáo chỉ là cơ hội tốt đẹp nhất để Mỹ và cộng sản nhảy vào vòng quật ngã chính quyền theo sách lược riêng.

Ông Nhu chủ trương áp dụng biện pháp mạnh đối với thiểu số tranh

đấu sách động tức là triệt hạ được cái căn mà từ đó Mỹ cũng như cộng sản không có đối thượng để khuynh đảo khuấy động.

Phía Tổng Thống Diệm lại chủ trương triệt để hòa giải thu xếp làm sao cho êm đẹp. Bởi vậy trong thời gian thi hài Cố Hòa Thượng Thích Quảng Đức còn quàn tại Chùa Xá Lợi thì Tổng Thống Diệm luôn luôn thúc dục ông Nguyễn Đình Thuần phải tìm cách nối tiếp cuộc thương nghị với Ủy Ban Liên Phái đã có đủ thì giờ trắc nghiệm lòng dân đối với cuộc tranh đấu của Phật Giáo. Theo sự thỏa thuận chung giữa Đại Đức Đại Nghiệp, Phát Ngôn Viên của Ủy Ban Liên Phái và ông Trần Văn Tư Giám Đốc Nha Cảnh Sát Đô Thành thì Phật Tử đến viếng cố Hòa Thượng Thích Quảng Đức đều tập trung tại Chùa Giác Minh, theo lịch trình luân phiên 9 Chùa lớn trong Sài Gòn Gia Định sẽ lần lượt từng 400 người được trở đến Chùa Xá Lợi do xe Cảnh Sát hướng dẫn. Những chuyến xe đi lại không ngừng nhất là trong ngày 14 ước lượng có đến 5.000 Phật Tử được chuyên chở đến Chùa Xá Lợi.

BẢN THÔNG CÁO CHUNG

Ngày 14.6 Ủy Ban Liên Phái lại cùng Ủy Ban Liên Bộ tiếp tục thương nghị. Cũng ngày hôm ấy, Hội Đồng các Tướng lãnh ra thông cáo kêu gọi nhân dân đoàn kết tránh hiểu lầm gây hoang mang và đặt quyền lợi quốc gia lên trên hết. Khi chỉ thị cho các Tướng lãnh họp Hội Đồng và ra thông cáo như vậy, dù có lợi cho chánh quyền nhưng Ông Nhu bắt đầu đi vào một nước cờ sai lầm hệ trọng. Trước năm 1963, số Tướng lãnh tuy còn ít ỏi (18 vị) nhưng là 18 ốc đảo do quyền lợi cá tính địa vị họ không thể nào ngồi cùng với nhau được để bàn tính đại sự nhưng Ông Nhu đã tính sai khi qui tụ Tướng lãnh lại để cùng bàn luận và ra thông cáo. Kết quả phiên họp ngày 14.6 được coi là tốt đẹp, Ủy Ban Liên Phái ôn hòa đến mức độ phía chánh quyền không ngờ (ngoại trừ phía ông Ngô Đình Nhu) Các Thượng Tọa Tâm Châu cũng như Thiện Minh đều tỏ ra có thiện chí hòa giải và thông cảm Ủy Ban Liên Bộ trong khi đó thì ngay Ủy Ban Liên Phái lại có một vài vị Thượng Tọa Đại Đức tỏ ra tích cực và quyết liệt với chính

quyền. Đáng kể là Thượng Tọa Trí Quang và Đại Đức Đại Nghiệp.

Lúc ấy hai vị này đang được giới Phật Tử nhất là thành phần trẻ hết sức mến mộ.

Lễ an táng Hòa Thượng Quảng Đức ấn định vào ngày chủ nhật. Một số đông cán bộ trẻ quyết liệt thì chủ trương phải biến đám tang thành một cuộc tuần hành vĩ đại. Đứng đầu chủ trương này trước sau vẫn là Thượng Tọa Thích Trí Quang cũng như Đại Đức Đại Nghiệp. Nhưng sáng thứ bẩy thì Đô Trưởng Sài Gòn lại gửi cho một Văn Thư qua Đại Đức Đại Nghiệp lưu ý về vấn đề an ninh và đặt vấn đề trách nhiệm những bất trắc rối loạn có thể xảy ra. Văn thư ấy do Tòa Đô Chánh đơn phương gửi đi. Thực tình ông Đô Trưởng chỉ là một nhà hành chánh, quen với lề lối làm việc theo kiểu thư lại chủ nghĩa cho nên gửi Văn Thư ấy cũng chỉ là cách đề phòng nếu có gì xảy ra thì còn có cớ để trình lên thượng cấp. Nhưng phía Đại Đức Đại Nghiệp lại nghĩ rằng đây là cách đe dọa cố ý. Nhưng cuối cùng Tòa Đô Chánh cũng như Đại Đức Đại Nghiệp đồng thỏa thuận tạm thời dời đám tang lại. Đây là đề nghị của Đại Đức Đại Nghiệp. Vì không phải là nhà chánh trị nên Đô Trưởng và giới chức liên hệ vui vẻ đồng ý ngay. Nhưng xét về kỹ thuật tranh đấu và chống tranh đấu thì Tòa Đô Chính hố to thua đậm.

Tuy Đại Đức Đại Nghiệp và Đô Trưởng Sài Gòn đã đồng ý rời đám tang Hòa Thượng Quảng Đức đến ngày 10 nhưng Phật Tử trong Đô Thành và Gia Định đã sửa soạn đi đưa đám tang vào sáng ngày chủ nhật. Bây giờ phải làm thế nào ? Phía Phật Giáo đồng ý đưa ra một thông cáo về quyết định rời ngày an táng mà do chính Đại Đức Đại Nghiệp thỉnh cầu. Nhưng đã quá gấp, tối thứ bảy mới có thông cáo này. Phía Phật Giáo nhờ chánh quyền phổ biến giúp, chính quyền vui vẻ nhận lời ngay.

Nội tối thứ bảy, ngoài việc nhờ Radio liên tiếp phổ biến, giới chức Đô Thành lại còn huy động hàng chục xe phát thanh chạy đến khắp nơi trong Đô Thành từ hang cùng ngõ hẻm đến những đường phố lớn để loan báo thông cáo của Ủy Ban Liên Phái. Dân chúng nghe tin này rất đỗi ngạc

nhiên về sự thay đổi như vậy. Trong không khí lúc ấy, không ai tin nơi thiện chí của chính quyền và lại nghi ngờ rằng chắc hẳn chính quyền định chơi trò thủ đoạn nào đây và có lẽ gây áp lực với Ủy Ban Liên Phái buộc phải dời đám tang lại. Dân chúng nghi ngờ như vậy cũng có lý. Nhưng quả thực thì oan cho giới chức Đô Thành chỉ vì đã không đủ kinh nghiệm chính trị lại quá câu nệ về biện pháp hành chánh mà thực ra không có hiệu lực gì cả chỉ tạo thêm ngộ nhận. Hơn nữa, biện pháp hành chánh đó (kết quả của thói quen thư lại chủ nghĩa) đã phạm vào một lỗi lầm quan trọng về chiến thuật chính trị mà nhà cầm quyền nào khi muốn đương đầu với biến cố không thể nào bỏ qua được. Đó là một "định luật" sơ đẳng về việc sách động một "đám tang chính trị"...Một đám tang có tầm mức quan trọng và đang gây xúc động lớn như đám tang Hòa Thượng Quảng Đức thì càng kéo dài trì hoãn bao lâu càng thắng lợi cho phía đấu tranh. Thi hài cố Hòa Thượng Quảng Đức quàn tại Chùa Xá Lợi trong vòng năm ngày đã là một thời gian khá dài, khí thế tranh đấu mỗi ngày mỗi giờ càng lên cao...Dân chúng càng giao động...thi hài cố Hòa Thượng càng kết đọng thành một biểu tượng ngào ngạt hương hoa của khí thế như một phiến nam châm thu hút quần chúng...Trong tình thế sôi bỏng như vậy, giới chức Đô Thành bỗng nhiên tự giăng một chiếc bẫy tự ném mình vào chiếc rọ lớn mà chỉ ngày hôm sau (tức sáng chủ nhật) đã nhận ngay ra hậu quả. Phía Ủy Ban Liên Phái tự nhiên thắng lợi và có thể mạnh miệng qui hết trách nhiệm cho nhà cầm quyền với những lý do rõ rệt.

Theo đúng ngày giờ đã định dù đã có thông báo của Ủy Ban Liên Phái hủy bỏ, Phật Tử vẫn cứ tấp nập kéo nhau đến Chùa Giác Minh để tập trung theo lịch trình đã ấn định đến Chùa Xá Lợi đưa đám cố Hòa Thượng. Như đã viết, trong không khí sôi động lúc ấy thì Phật Tử đâu có tin vào bản thông cáo của Ủy Ban Liên Phái do nhà cầm quyền phổ biến khi đám đông đã tập thành một khối cả ngàn người thì đám đông đó sẽ làm chủ tất cả vượt trên cả lề luật nguyên tắc và chỉ còn một sức mạnh bị điều động bởi lòng hăng say và sẵn sàng phẫn nộ đúng như vậy, dù các nhà sư đến tận nơi

nói rõ cho đồng bào rõ, đồng bào vẫn không tin và chuyển hướng luôn "nếu không đi đưa đám tang thì chúng tôi sẽ đến Chùa Xá Lợi viếng nhục thể cố Hòa Thượng".

Đồng bào ùn ùn kéo đi...đến Ngã Tư Phan Thanh Giản, Lê Văn Duyệt thì bị chận lại.

Sự hiện diện của Cảnh Sát và Cảnh Sát chiến đấu trước mặt đám đông càng tăng cường khí thế của đám đông ấy và sự hiện diện này như một sự khiêu khích (cho dù Cảnh Sát không khiêu khích). Thượng Tọa Tâm Giác và mấy Đại Đức lại phải dùng loa kêu gọi đồng bào giữ trật tự, trở về Chùa Giác Minh. Nhưng lúc ấy dù là một Thượng Tọa uy quyền nào cũng khó lòng nói lọt tai đám đông...

Thế là đám đông tràn lên. Cảnh Sát đối phó, lựu đạn cay vùn vụt...lại xô xát...một số thanh niên bị bắt...Thêm một đổ vỡ. Vậy thì dù không chủ trương đàn áp nhưng chỉ vì sơ hở không hiểu qui luật tranh đấu phía chánh quyền bỗng dưng mang cái vạ đàn áp, kết quả chưa thu xếp chuyện này xong thì lại tạo ra một chuyện khác.

Mà oán thì nhân viên công lực trực tiếp lãnh đủ nên sau ngày đảo chánh ông Kính Quận ba đi tù trước tiên chứ ông Đô Trưởng thì không sao cả được coi nhu người vô can.

Bởi vậy một Thành Phố Sài Gòn gặp những tháng năm đầy biến cố mà lại gặp viên Đô Trưởng thiếu khả năng chính trị, không ý thức nổi vai trò hay chỉ biết chỉ đâu đánh đấy thì thiết tưởng đó là cái họa cho một chế độ.

Đám tang cố Hòa Thượng Quảng Đức dời lại thêm 4 ngày nữa...Thật là 4 ngày giông bão đối với Cảnh Sát Quận III và giới an ninh Đô Thành. Nhưng kéo thêm 4 ngày nữa Ủy Ban Liên Phái có lợi từng giờ từng phút. Đó cũng là cơ hội để chuẩn bị tinh thần tranh đấu dài hơn và một dịp ngàn vàng để biểu dương lực lượng với khí thế dâng cao. Mỗi buổi chiều hàng trăm nam nữ công chức đi làm về đều ghé qua Chùa Xá Lợi tập trung trên vỉa hè cạnh Trường Gia Long để nghe thuyết pháp. Ngày đầu, một số công chức còn e dè sau thấy chính quyền có vẻ yếu thế, tuy một số bị theo dõi

nhưng không phải tất cả nên công chức nam nữ càng kéo nhau đến đông. Công chức còn tham dự can đảm như thế huống chi sinh viên học sinh và lao động do có sự tham dự của thành phần công chức nên lại càng hăng hái kéo nhau đến tham dự cứ như thế...như thế theo xúc cảm dây chuyền số quần chúng tham dự càng đông. Còn một điều quan trọng nữa là các bài thuyết pháp của một số Thượng Tọa Đại Đức như Thượng Tọa Trí Quang, Quảng Đức, Đại Đức Nghiệp...Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Phật Giáo Việt Nam và có lẽ trên cả thế giới (ngoại trừ trường hợp Ấn Độ với Thánh Gandhi nhưng Thánh Gandhi không thuyết pháp như ở xứ ta) các Nhà Sư thuyết pháp chỉ đề cập đến thời sự chính trị bất công và kỳ thị tôn giáo. Trong 8 năm và trải qua bao kìm kẹp dân chúng ai cũng hoan hỉ được nghe hay đọc những lời công kích chính quyền càng kịch liệt càng dễ thu hút. Dân chúng thời nào và ở đâu cũng vậy nhất là khu vực Á Phi đầy thống khổ nhục nhằn, dân chúng vẫn không ưa gì chính quyền, ai công kích chống đối chánh quyền đều được dân chúng tán thưởng đến độ khâm phục. Trong 9 năm chế độ Ngô Đình Diệm đây là lần đầu tiên dân chúng được nghe những lời công kích nảy lửa ngay trước cửa chùa.

Nếu công kích Tổng Thống Ngô Đình Diệm thì chưa chắc đã đạt được kết quả mong muốn như công kích vợ chồng Ông Nhu nên quả phía các Thượng Tọa Ủy Ban Liên Phái đã đánh trúng cảm quan của dân chúng nhất là đối với lời công kích Bà Nhu, dân chúng lại rất tán thưởng. Đó cũng chỉ là tâm lý bình thường của dân chúng ngoài phố. Ở Pháp thời Nappoléon dân chúng rất khoái nghe lời bàn tán công kích Hoàng Hậu Joséphine và mấy cô em của Nappoléon hơn là chế độ quân chủ chuyên chế của Nappoléon.

Phía Bà Nhu lại càng sôi nổi tức giận...

Thuyết pháp nảy lửa vẫn tiếp tục thì cuộc thượng nghị của Ủy Ban Liên Phái và Ủy Ban Liên Bộ tại Hội Trường Diên Hồng tự nhiên không đủ hiệu lực để thu hút sự chú ý của dân chúng.

Ngày 16.6 Bản Thông Cáo Chung được ký kết.

Thời gian giải quyết dù mới chỉ là giấy tờ và nguyên tắc chung được coi là quá mau lẹ. khi bản thông cáo được ký kết giới quan sát chính trị tại Sài Gòn lúc ấy cũng bất ngờ và cả phía Ông Nhu cũng bất ngờ nữa. Riêng Ông Nhu tự coi như đã xong chuyện và đó là quyền của ông anh Tổng Thống. Nhưng bản thông cáo ấy ra đời thì bị các biến cố khác vượt qua và tràn ngập. Ngay phía Phật Giáo cũng không mấy ai quan tâm đặc biệt đến Bản Thông Cáo Chung vì mọi người còn đang đổ dồn mọi nỗ lực trong việc an táng Hòa Thượng Quảng Đức và động viên tinh thần Phật Tử. Nếu bản thông cáo ấy được ký kết trước vụ tự thiêu của Hòa Thượng Quảng Đức hoặc sau ngày 19.6 thì chắc chắn sẽ có hiệu lực tác động được sự lưu tâm của dân chúng. Bởi vậy sự giải quyết của chính quyền dù thiện chí đến đâu nếu không chọn lựa thời gian và không gian nếu không đáp đúng đòi hỏi của thực tế trong thời gian ấy thì sẽ trở nên phù phiếm bởi nó không có hiệu lực gây nên sự lưu ý đặc biệt của dân chúng để dễ dàng sáng tỏ thiện chí giải quyết.

Họp liên tiếp 3 ngày cho đến 1 giờ 30 ngày chủ nhật (16.6) hai Ủy Ban Liên Phái và Ủy Ban Liên Bộ đã ký kết Bản Thông Cáo Chung gồm 5 điểm để giải quyết 5 nguyện vọng do Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam đề ra. Phái đoàn Phật Giáo do ba Thượng Tọa Tâm Châu, Thiện Minh, Thiện Hoa đồng ký tên.

Phía chính quyền gồm Phó Tổng Thống Thơ, Bộ Trưởng Nguyễn Đình Thuần, Bùi Văn Lương. Dưới Bản Thông Cáo Chung, Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết "khán" với tư cách Hội Chủ Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam. Khi đưa bản thông cáo này về Dinh Gia Long, Tổng Thống Ngô Đình Diệm cho ông Thuần biết là tốt đẹp. Nhưng Tổng Thống lại ngần ngại về điểm ông sẽ ký ở chỗ nào trong bản thông cáo.

Trong văn phòng Tổng Thống lúc ấy có mặt Ông Nhu, ông Thuần. Cả ba người đều không tìm được cách giải quyết về điểm nhỏ này nhưng đối với Tổng Thống Diệm là một sự quan hệ. Theo ông Thuần thì không lẽ Tổng Thống với tư cách Quốc Trưởng lại ký ngang hàng với Hòa Thượng

Thích Tịnh Khiết.

Dù vị Hòa Thượng là thủ lãnh tối cao của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam nhưng Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam cũng chỉ là một đoàn thể trong Cộng Đồng Quốc Gia. Tổng Thống Diệm cũng suy luận như vậy cho nên ông ngần ngại không chịu ký. Ông Nhu vẫn lạnh lùng không có một ý kiến nào.

Ba người ngồi im lặng tìm cách giải quyết cả giờ đồng hồ nhưng vẫn bế tắc.

Tổng Thống Diệm bảo ông Thuần "cho mời Bà Nhu xem bà có ý kiến nào không".

Đã từ lâu Tổng Thống Diệm vẫn thường nói với Bác Sĩ Tuyến cùng mấy cộng sự viên thân cận "đàn bà họ kém về lý luận nhưng trực giác của họ thì hay lắm". Riêng Bà Nhu đã nhiều lần chứng tỏ trực giác nhạy bén. Khi Bà Nhu vào văn phòng Tổng Thống xem Bản Thông Cáo Chung rồi nói:

- Như thế này đâu có được Tổng Thống làm sao lại ký tên ngang hàng với ông cụ ấy được (tức Hòa Thượng Khiết).

Bà Nhu lắc đầu có vẻ chê bai và nói:

- Nếu mai mốt Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới có chuyện tranh chấp với chánh phủ đòi chánh phủ phải giải quyết nguyện vọng rồi thì chính phủ cũng ra thông cáo chung rồi Tổng Thống cũng ký với tôi hay sao ? Một quốc gia trong một quốc gia không có được.

Tổng Thống Diệm vẫn ngần ngại, không nói gì. Ông Thuần trình bày về sự khó khăn không biết Tổng Thống phải ký ở chỗ nào mà không ký cũng không được, Tổng Thống Diệm hỏi Bà Nhu:

- Vậy ý của bà thế nào ?

Bà Nhu đáp ngay:

- Có gì đâu mà khó khăn. Bây giờ hai bên đã ký cả rồi. Cụ Tịnh khiết cũng ký khán như thế này rồi thì Tổng Thống ký ở ngoài lề như là bút phê vậy.

Tổng Thống Diệm cho là phải và đồng ý ngay. Ông Tổng Thống cầm

bút phê phía ngoài lề Bản Thông Cáo: "Những điều ghi trong Bản Thông Cáo chúng này thì đã được tôi chấp thuận trên nguyên tắc ngay từ lúc đầu" dưới hàng chữ này, Ký tên: Ngô Đình Diệm.

Bản Thông Cáo Chung vẫn không gây được sự chú ý đặc biệt của dư luận. Nhưng phía chánh quyền Mỹ thì hoan hỉ cho rằng, chính quyền Việt Nam và Phật Giáo đạt được một thỏa hiệp cuộc khủng hoảng có thể sớm giải quyết.

Nhưng ngay chiều 16.6, hơn 100 Tăng Ni trong đó có Hòa Thượng Tâm Châu đã biểu tình trước Tư Dinh Đại Sứ Mỹ để yêu cầu chính quyền Mỹ và các nước Khối Tự Do phải dùng áp lực thuyết phục chính quyền Việt Nam thực thi đứng đắn Bản Thông Cáo Chung. Cũng vào giờ đó, tức 19:20 thì Bản Thông Cáo Chung vẫn còn nằm trên bàn Tổng Thống Diệm. Sau cuộc biểu tình, một số Tăng Ni lại kéo nhau về Chùa Xá Lợi mở đầu cuộc tuyệt thực.

Mỗi lần biểu tình tuyệt thực như vậy lại cung cấp thêm cho báo chí ngoại quốc những đề tài hấp dẫn mới lạ. Bản Thông Cáo Chung không còn là đề tài hấp dẫn đối với báo chí ngoại quốc.

Cuộc khủng hoảng Phật Giáo trở thành vấn đề số một đối với Tổng Thống Kennedy cho nên trong những ngày 13, 14, 15 và sáng ngày 16 Phó Đại Sứ Mỹ liên tiếp ra vào Dinh Gia Long. Ký Giả David Halbeitam viết: Phật Giáo thương thuyết về 5 điểm. Ngày 16.6 hai bên đã ký một văn bản kỳ dị về quan điểm của 2 phía. Phật Giáo được nhượng bộ một vài điểm nhưng chính phủ không nhìn nhận có trách nhiệm về "biến cố Huế". Tầm nhìn của ký giả Mỹ như vậy nếu không có ý xuyên tạc thì cũng không nắm vững tinh thần văn bản như dư luận Mỹ lại luôn luôn bị kích động và hướng dẫn bởi báo chí mà báo chí Mỹ được coi như một tập thể tạo áp lực (pressure group) đối với chính quyền và quốc hội Mỹ. Thực ra, điều 5 của Bản Thông Cáo Chung đã ghi rõ: "những cán bộ có trách nhiệm về các vụ xảy ra ngày 8.5.1963 bất kỳ thuộc thành phần nào cũng sẽ bị nghiêm trị nếu cuộc điều tra đang tiến hành chứng tỏ lỗi của họ". Dư luận Mỹ trong

nhưng ngày 13, 14 đến 15 đều đổ dồn vào vụ tự thiêu của Hòa Thượng Quảng Đức cùng các vụ xô sát vào ngày 16 và cuộc biểu tình của Tăng Ni vào chiều 16. Báo Mỹ như tờ New York Time, New York Herald Tribune, Chritian Science Monitor phát hành ở Mỹ vào hôm trước thì chỉ vài ngày sau lọt vào mấy tay Thượng Tọa, Đại Đức của Ủy Ban Liên Phái và được dịch ra ngay Việt ngữ và quay ronéo phổ biến bí mật trong đô thành. Đây cũng là một động cơ thúc đẩy đám đông như từng cục than hồng.

Tháng 5.1960 những nhân vật thân cận của Tổng Thống Diệm cũng đã hội lại để đồng thanh yêu cầu Tổng Thống Diệm duyệt xét lại chế độ. Nhưng kết quả chỉ là những chuỗi ngày im lặng rồi mọi việc lại trôi qua. Cũng nên nhắc lại, tháng 5.1960, Đại Tá Đỗ Mậu, Giám Đốc Nha An Ninh Quân Đội (người theo Tổng Thống Diệm từ năm 18 tuổi và trở thành cán bộ giao liên giữa Hoàng Thân Trang Liệt và Tổng Thống Diệm) đã cùng với Cha Thính, ông Võ Văn Hải, Tôn Thất Trạch và một "đồng chí" khác đã họp bàn và dự định đồng loạt từ chức để Tổng Thống Diệm lưu ý duyệt xét lại những sai làm của chế độ. Đại Tá Đỗ Mậu cũng như Võ Văn Hải, Tôn Thất Trạch đều là những người theo phò Tổng Thống Diệm từ Tiền Chiến cũng như vụ đảo chính hụt 11.11.1960, chính những nhân vật quan trọng của chế độ Ngô Đình Diệm đã thỉnh cầu Tổng Thống Diệm cũng như Ông Nhu là nên nới rộng thể chế dân chủ, chấp nhận một lực lượng quốc gia đối lập. Nhưng đều vô hiệu.

Chỉ một lá thư của Bác Sĩ Tuyến gửi riêng cho Ông Nhu phê bình một số sai lầm của chế độ và cái áo dài của Bà Nhu không nhưng không được lưu ý mà còn bị gạt ra ngoài nguyên nhân cũng từ lá thư đó...Vì lá thư Ông Nhu để ngỏ trên bàn làm việc và Bà Nhu đã được coi. Có lẽ đó cũng là cách Ông Nhu gián tiếp cho bà vợ thấy rõ những điểm nhận định của người cộng sự thân tín. Tuy nhiên Bà Nhu không phản ứng gì nhưng dần dần lạnh nhạt với vợ chồng Bác Sĩ Tuyến. Năm 1963 mâu thuẫn nội bộ càng thêm trầm trọng. Chẳng hạn như con người Phạm Ngọc Thảo, Tướng Huỳnh Văn Cao thì nhất định cho rằng Thảo là cộng sản. Đai Tá Đỗ Mậu, nắm

Ngành An Ninh Quân Đội lại cả quyết là không. Bác Sĩ Tuyến cũng nghĩ như vậy và là bạn thâm tình của Thảo.

Từ một vấn đề nhân sự nhỏ bé như vậy cũng đã chứng tỏ chế độ càng ngày càng phân hóa. Phe nhóm tuy chưa công khai xuất hiện nhưng âm thầm công kích và nghi ngờ lẫn nhau. Ngay trong lòng chế độ mà chưa phân biệt ai là bạn ai là thù thì trách chi người ngoài!

Kể từ tháng 6.1963 những thành phần trụ cột của chế độ không keo sơn gắn bó với chế độ nữa. Từ những nhân vật trụ cột đều thâm cảm thấy rằng chế độ lâm nguy nếu không kịp thời tìm biện pháp cứu đỡ thì vô phương. Nhưng họ không còn thẩm quyền. Thế lực của vợ chồng Ông Nhu mỗi ngày một lớn dần.

Tổng Thống Diệm càng ngày càng cô đơn nhất là sau cái chết của Nhà Văn Nhất Linh thì hầu như Tổng Thống Diệm buông tay. Vụ mưu sát Tổng Thống Diệm ngay trong Dinh Gia Long lại làm cho ông cô đơn hơn nữa. Có nhẽ đó cũng là những lý do khiến Tổng Thống Diệm quyết định sẽ trở về hưu dưỡng khi Nhiệm Kỳ II chấm dứt.

Trong vụ tranh đấu Phật Giáo không rõ từ phía nào chủ trương mưu sát Tổng Thống Diệm và họ đã móc nối được với ủy viên Chuẩn Úy hướng dẫn và nghi lễ của Văn Phòng Tổng Thống. Viên sĩ quan này đã phục vụ lâu năm trong Dinh Gia Long và trực thuộc Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống. Nhiệm vụ của ông ta không có gì quan trọng nhưng lại là người dễ dàng thi hành mưu đồ ám sát Tổng Thống. Hàng ngày viên Chuẩn Úy hướng dẫn, mũ áo đại lễ chỉ có nhiệm vụ hướng dẫn quan khách đến Văn Phòng Tổng Thống. Ông ta cũng như các Sĩ Quan Tùy Viên và hầu cận hàng ngày đều giáp mặt Tổng Thống Diệm. Tất nhiên là họ thuộc thành phần được tin cẩn. Tổng Thống Diệm vẫn tự hào về sự trung thành tuyệt đối của các Quân Nhân lo việc an ninh cho ông.

Đặc biệt những sĩ quan thân cận như Lê Công Hoàn, Đỗ Thọ, Huỳnh Văn Lạc, Lê Châu Lộc, ông Tổng Thống coi như con cái trong nhà. Vậy mà lại có một sĩ quan hướng dẫn âm mưu giết hại ông và vợ chồng Ông Nhu.

Âm mưu này phát giác được do một sự tình cờ.

Số là trong khi cuộc tranh đấu của Phật Giáo đang sôi động thì thân phụ của Trung Úy Kiệt bị bắt giam (ông là một địa diện thuộc Phật Giáo Tỉnh Gia Định) Trung Úy Kiệt lại là một Sĩ Quan Truyền Tin cũng là một trong số Quân Nhân trung thành tuyệt đối của Tổng Thống Diệm. Khi thân phụ ông bị bắt giam vì lý do tranh đấu Phật Giáo thì kẻ chủ mưu ám sát Tổng Thống Diệm đã nắm ngay cơ hội này để móc nối. Nhưng sự việc xảy ra lại khác nên âm mưu này bất thành. Bởi vì khi thân phụ Trung Úy Kiệt bị bắt ông đã trình bày ngay với Thiếu Tá Nguyễn Hữu Duệ, Tham Mưu Trưởng Lữ Đoàn, ông Duệ trình bày thẳng với Trung Tá Khôi Tư Lệnh và cho rằng: "Kiệt nó là một sĩ quan phục vụ đắc lực như vậy bây giờ Công An lại bắt ông già của nó thì còn ra cái gì, xin Trung Tá can thiệp gấp". Sau đó, Trung Tá Khôi cũng như Thiếu Tá Duệ liên lạc thẳng với Ty Công An Gia Định và Đại Tá Nguyễn Văn Y, Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia. Hai cơ quan liên hệ này đều đồng ý trả tự do ngay.

Về những tin đồn mưu sát Tổng Thống Ngô Đình Diệm thì nhiều lắm song phần lớn đều là tin vịt. Phía Ông Nhu thỉnh thoảng cũng bắn ra một vài tin như vậy với chủ ý thăm dò phản ứng của dân chúng hoặc là để tìm các "con mồi" đối lập những vụ mưu sát này được dấu kín sau ngày 21.11.1963 viên Chuẩn Úy được tự do ông ta mới tiết lộ. Ngay những nhân vật cao cấp tại Dinh Gia Long cũng không hay biết gì cả.

Khi thân phụ của Trung Úy Kiệt đang được Thiếu Tá Duệ và Trung Tá Khôi can thiệp để được trả tự do thì viên sĩ quan hướng dẫn lại tìm đến Trung Úy Kiệt, sau khi tác động tinh thần về công cuộc tranh đấu của Phật Giáo, viên sĩ quan này ngỏ lời yêu cầu Trung Úy Kiệt tham dự cuộc mưu sát mà ông ta đã bố trí từ lâu, đương sự tiết lộ một lần viên sĩ quan hướng dẫn đã thủ sẵn trái lựu đạn trong người và định lấy ra thanh toán song lần ấy chỉ Tổng Thống Diệm mà không có vợ chồng Ông Nhu nên đương sự đành chờ cơ hội khác nghĩa là khi nào thấy có mặt đầy đủ, vợ chồng Ông Nhu và Tổng Thống Diệm thì lúc ấy mới hành động.

Trung Úy Kiệt là một sĩ quan tin cẩn của một Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống nên ông đã đem ngay câu chuyện mưu sát này báo cáo với Thiếu Tá Duệ. Sau cuộc họp bí mật với Tư Lệnh Lữ Đoàn, ông Duệ ra lệnh giam lỏng viên Chuẩn Úy hướng dẫn. Công việc diễn tiến hoàn toàn kín. Thiếu Tá Duệ trình bày với Trung Tá khôi: "Nếu tin này tiết lộ ra ngoài thì mất hết uy tín của Lữ Đoàn. Lữ Đoàn từ lâu vẫn có tiếng là trung thành tuyệt đối vời Tổng Thống nay lại có một sĩ quan ở ngay trong Dinh định mưu đồ như vậy thì nguy, tin này nếu tiết lộ ra ngoài sẽ làm hoang mang Lữ Đoàn". Trung Tá Khôi cũng đồng ý như vậy. Ngay buổi chiều hôm ấy Thiếu Tá Duệ triệu tập một phiên họp các sĩ quan của Lữ Đoàn và cho biết: "Hiện nay bên lực lượng đặc biệt, Đại Tá Tung đang cần một sĩ quan liên lạc với Lữ Đoàn vậy anh em nào có thể tình nguyện sang bên đó làm việc ?"

Trước khi lên tiếng như trên Thiếu Tá Duệ đã dặn Đại Úy Ngân, Sĩ Quan An Ninh của Lữ Đoàn "khi tôi lên tiếng hỏi anh em có ai tình nguyện qua lực lượng đặc biệt không thì Ngân phải đứng lên ngay và đề nghị Chuẩn Úy Thành tức viên sĩ quan hướng dẫn" Được dặn trước nên Đại Úy Ngân giơ tay trả lời ngay: "Tôi xin đề nghị Chuẩn Úy Thành, Chuẩn Úy có đủ khả năng là liên lạc cạnh lực lượng đặc biệt" Thiếu Tá Duệ chấp thuận liền, "được lắm thôi để Thành sang bên đó tôi sẽ xin một người khác làm sĩ quan hướng dẫn". Một lát sau Thiếu Tá Duệ bảo Đại Úy Ngân: "bây giờ hết giờ làm việc rồi, anh đưa anh Thành qua ngay lực lượng đặc biệt đi, không họ cứ hối thúc mình mãi". Câu nói này là một mật lệnh bảo Đại Úy Ngân lái xe chở viên sĩ quan vào Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt, ông Duệ đã chỉ thị cho Đại Úy Ngân "Tôi đã điện thoại qua bên ấy rồi".

Anh dặn thêm bên ấy là phải đối xử với hắn như một sĩ quan hơn nữa Cụ dặn (tức Tổng Thống Diệm) không được "đụng chạm" gì tới hắn cả. Đại Úy Ngân không quên mua tặng "người anh em" một tút thuốc Ruby.

Trước khi đưa viên sĩ quan hướng dẫn qua giam lỏng bên Lực Lượng Đặc Biệt, Trung Tá Khôi và Thiếu Tá Duệ đã trình bày tự sự với Tổng

Thống Diệm. Nghe tin này ông Tổng Thống ngồi lặng một hồi lâu. Ông nói có vẻ than thở: "Những người ở gần tôi còn không hiểu tôi huống chi dân nó ở xa" Tổng Thống Diệm chỉ thị cho Trung Tá Khôi không trừng phạt kẻ mưu sát ông, ông nói: "Phải giảng dạy cho nó, nói cho nó biết lẽ phải trái. Cái lỗi là vì mình không chịu tổ chức học tập".

Kể từ đó, Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ được chỉ thị tổ chức các buổi học tập hàng tuần. Giới thân cận đều xác nhận rằng Tổng Thống Diệm mỗi ngày càng thêm cô đơn và ông trở thành người trơ trọi gần như buông tay để mặc Ông Nhu nắm quyền chủ động. Có lẽ Tổng Thống Diệm đã bị ám ảnh bởi số mệnh. Ngoài ra cái thú nghe ca Huế và đàn tranh hoặc ngồi xem đánh cờ nghiên cứu bản đồ vẽ tranh và làm thơ, ông Tổng Thống còn say mê món tử vi và địa lý.

Ông gần như thuộc nằm lòng "cái đất có hàm rồng, mảnh đất kia hãm địa". Chẳng hạn như Dinh Độc Lập ông băn khoăn đầu Rồng là Dinh nhưng cái đuôi lại ở chỗ Công Trường Chiến Sĩ, bởi vậy có nhiều đề nghị phá Đài Chiến Sĩ để chứng tỏ bài phong phản thực (chống Pháp) và xây một công viên tạo cho Tòa Viện Trưởng có một khuôn mặt tươi mát.

Ông Tổng Thống có vẻ thuận tai nhưng sau thì không chấp nhận vì dù sao cái Đài Chiến Sĩ cũng có tác dụng đè cái đuôi con Rồng xuống. Tuy vậy không ai thấy ông Tổng Thống cho gọi thầy bói vào Dinh. Đại Tá Đỗ Mậu thường được gọi vào Dinh mạn đàm với Tổng Thống Diệm về khoa tử vi lý số. Có khi Tổng Thống Diệm và Đại Tá Mậu ngồi nói chuyện về tử vi lý số đến 1, 2 giờ khuya. Ông Tổng Thống nói một cách say mê nào là cung mệnh có sao Phục Binh thì, vì thế cung này có sao La Hầu thì sẽ thế kia...Năm 1963 Đại Tá Mậu đã trình bày với Tổng Thống Diệm tử vi của Cụ năm nay xấu. So với những năm trước thì năm 1963 Tổng Thống Diệm ít đi kinh lý. Nhưng sau cái chết của Nhà Văn Nhất Linh tuần nào ông Tổng Thống cũng lên Đà Lạt đi săn...Theo Tùy Viên Lê Công Hoàn thì đúng ra ông Tổng Thống đi tìm một quên lãng phá tan nỗi niềm cô đơn. Theo như Đại Tá Mậu thì giữa năm 1963 hai ông Thầy Minh Lộc và Đa La

đã tiên đoán Tổng Thống Diệm gặp đại nạn có thể mất mạng. Riêng Tổng Thống Diệm có nhẽ cũng đã linh cảm được cơn hoạn nạn của số mệnh đang đến với ông.

Tuy rất ham thích môn tử vi lý số nhưng Tổng Thống Diệm không tỏ lộ cho ai biết món sở thích này ngoài một vài người tâm giao. Ông Tổng Thống vẫn tự hào về quê hương Quảng Bình của ông nhất là Huyện Lệ Thủy và Tổng Đại Phong. Riêng Tổng Đại Phong được coi là phát vì Võ nguyên Giáp thì làm đến Đại Tướng Tổng Tư Lệnh của quân đội Miền Bắc và gia đình họ Ngô mấy đời tế thế công danh. Võ nguyên Giáp (con cụ Cửu Sinh, một địa chủ, người An Xá) vốn cùng một Tổng, một Huyện với với Tổng Thống Diệm. Các bậc Tú Nho ở Lệ Thủy thì đầu thế kỷ 20 đã khám phá ra rằng, ngôi Đình của Xã Đại Phong (thuộc Tỉnh Đại Phong) "kết". Vì mái ngói đã bao nhiêu đời nhưng màu nắng vẫn phản chiếu màu trắng bạc như kim cương. Con Hói (tức con ngòi nhỏ) chảy vào Thôn Tây Hà (Làng Tổng Thống Diệm) có Long mạch nên nếu con hói cạn, dân làng chỉ vét mà không dám đào. Vì đào sẽ động mạch, nước đỏ phun lên. Nói ra thì cho là dị đoan nhưng năm 1963 sau hai cái chết rung động tột độ (Hòa Thượng Quảng Đức và Nhà Văn Nhất Linh) cũng có thêm hai điều lạ, một là cọp sở thú sinh 3 con (27.3) hai là thay đổi Huy Hiệu Quân Đội (cấp sĩ quan). Đúng ngày 7.7.1963 kỷ niệm 9 năm chấp chánh. Tổng Thống Diệm quyết định thay đổi Huy Hiệu Quân Đội. Riêng huy hiệu trên mũ của Lục Quân đáng cho ta suy nghĩ. Dưới hình khóm trúc (Quốc Huy của Đệ I Cộng Hòa) là một ngọn lửa thiêng. Dạo ấy nhiều người rỉ tai bàn phiếm "như thế này thì lửa sẽ thiêu rụi khóm trúc". Rồi không hiểu sao lại có sự trùng hợp thế này: Bộ Tổng Tham Mưu ra quyết định buộc các Quân Nhân phải mang Huy Hiệu mới trên mũ kể từ ngày 1.11.1963. Ngày đó đúng là ngày ngọn lửa cháy bùng thiêu rụi khóm trúc, Quốc Huy của Đệ I Cộng Hòa. Rồi Huy Hiệu mới này cũng bị bãi bỏ luôn.

CÁI CHẾT CỦA MỘT NHÀ VĂN

Trên đây chỉ là một vài chi tiết xin bàn phiếm. Bây giờ xin trở lại cái

chết của Nhà Văn Nhất Linh ngày 7.7.1963. Được tin này, Tổng Thống Diệm sửng sốt và xúc động mạnh như tin Hòa Thượng Quảng Đức tự thiêu. Ông nói với Bộ Trưởng Thuần: "việc có gì đâu mà phải làm như vậy...ra Tòa rồi thì cũng tha bổng cho ông ấy..."

Trong các chính khách tại Miền Nam thì Nhất Linh Nguyễn Tường Tam được Tổng Thống Diệm kính trọng hơn cả. Chưa bao giờ Ông Nhu có một lời chỉ trích nặng nhẹ nào một khi Bác Sĩ Trần Kim Tuyến có dịp đề cập đến ông Nguyễn Tường Tam.

Theo Bác Sĩ Tuyến thì đối với các chính khách, Ông Nhu tỏ vẻ khinh thường và hay nặng lời chê bai, riêng Nhất Linh Ông Nhu không khen không chê thì phải là trong thâm tâm ông đã dành cho Nhất Linh một sự kính nể nào đó.

Từ Bác Sĩ Tuyến đến Cha Jaegher, ông Võ Văn Hải đều có lòng cảm phục và kính trọng nhân cách của Nhất Linh. Riêng Bác Sĩ Tuyến cũng có nhiều dịp đàm đạo với Nhà Văn Nhất

Linh trong những bữa cơm có tính cách gia đình thân mật. Bữa cơm đầu tiên tổ chức tại Trụ Sở Trung Tâm Bút Việt, chính Bác Sĩ Trần Kim Tuyến nói: "dạo cụ ra nghỉ mát ở Sầm Sơn thì tôi đang đi học lúc ấy ái mộ cụ lắm và có viết thư xin cụ dạy cho cách viết văn". Nhất Linh tỏ vẻ cảm động. Điều quan hệ là trong suốt 9 năm chế độ Ngô Đình Diệm, Nhất Linh không hề dan díu gì đến tiền bạc với chính quyền. Bác Sĩ Tuyến gặp gỡ Nhà Văn Nhất Linh cũng chỉ là tâm tình giao tế. Nhất Linh không hề cầu cạnh gì cả. Khi Nhất Linh ra lại tờ Ngày Nay (1955) là do tiền túi của ông, chính quyền không hề tài trợ. Bác Sĩ Tuyến cũng xác nhận. Nhất Linh thật là con người ái quốc, có tư cách, có phong độ rất mực đường hoàng. Điều đặc biệt là Nhất Linh không có sự giao tế liên lạc nào đối với các nhân vật Mỹ tại Sài Gòn cho đến ngày ông chết.

Vụ tự thiêu của Hòa Thượng Quảng Đức còn có những lời chỉ trích nặng nhẹ. Nhưng khi nghe Nhất Linh tự tử ông Bà Nhu lại yên lặng...Ông Nhu chỉ nói vắn tắt: "coi xem có âm mưu nào ám sát ông ấy không" Tổng

Thống Diệm cũng lo ngại như thế nên nội ngày 8, Tổng Thống ra lệnh cho giới chức an ninh phải điều tra phúc trình ngay xem có thật Nhà Văn Nhất Linh tự tử, Tổng Thống Diệm tỏ ra xúc động hơn cả tin Hòa Thượng Quảng Đức tự thiêu. Ông lầm lì cả ngày, bẳn gắt và hút thuốc lá hết điếu này đến điếu khác.

Tổng Thống Diệm rất có cảm tình với gia đình Nguyễn Tường nhất là Hoàng Đạo. Vào dạo năm 1959, một lần đàm đạo với Tổng Thống Diệm và nhắc đến Nhà Văn Hoàng Đạo, Tổng Thống Diệm bỗng ngắt lời Bác Sĩ Tuyến và hỏi thăm:

- Bây giờ vợ con ông ấy sống như thế nào ?

Bác Sĩ Tuyến cho hay hiện bà Hoàng Đạo mở cửa hàng bán chả cá. Ông Tổng Thống Dặn: "Anh xem bà ta có túng thiếu thì tìm cách giúp đỡ, khi nào có dịp cho tôi có lời hỏi thăm".

Rồi Tổng Thống Diệm không tiếc lời ca ngợi: "Nguyễn Tường Long khá lắm. Ông ta đối với tôi tốt lắm".

Đại cương giữa Tổng Thống Diệm và Nhà Văn Nhất Linh đều có sự tương kính. Điểm đặc biệt khác, lúc còn sinh thời Nhà Văn Nhất Linh cũng không có một lời nào công kích nặng nề đối với cá nhân Tổng Thống Diệm và Ông Nhu. Bộ Giáo Dục thời đó lại có sáng kiến đưa nhóm Tự Lực Văn Đoàn vào chương trình học hàng năm, có những đề thi Quốc Văn Tú Tài I. Đề thứ nhất thí sinh phải bình luận về sự nghiệp của Nhất Linh hoặc Hoàng Đạo...Đề thứ hai thí sinh lại phải bình luận về lời nói của Tổng Thống Ngô Đình Diệm (trích trong các bài diễn văn). Trước vụ đảo chánh hụt 11.11.1960 chính quyền Ngô Đình Diệm không có một sự theo dõi nào đối với Nhà Văn Nhất Linh. Việc ông trở thành Cố Vấn của Hội Bút Việt, chính quyền dạo ấy cũng không can dự vào.

Hơn nữa, Hội Bút Việt lại do một đồng chí của ông điều khiển trong đó có Hiếu Chân, Như Phong.

Đúng vào ngày Song Thất kỷ niệm 9 năm chấp chánh của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, Nhà Văn Nhất Linh uống thuốc độc tự tử với lời di chúc:

“Đời tôi để lịch sử xử. Tôi không chịu để ai xử tôi cả. Sự bắt bớ và xử tội các phần tử đối lập Quốc Gia là một tội nặng, sẽ làm cho nước mất về tay cộng sản”.

Nhất Linh có tham dự trực tiếp vào cuộc đảo chánh hụt 11.11.1960 trong đó có một số Quân Nhân trẻ là cán bộ Việt Nam Quốc Dân Đảng. Nói là trực tiếp cũng không đúng. Nhất Linh chỉ đứng tên trong tờ truyền đơn lên án chế độ Ngô Đình Diệm và ông có tham dự vài phiên họp cùng với Cụ Phan Khắc Sửu và một số Nhân Sĩ khác.

Cuộc đảo chánh bất thành thì ngày 13.11.1960, Nhất Linh vào tỵ nạn tại Tòa Đại Sứ Trung Hoa Quốc Gia. Đại Sứ Trung Hoa Quốc Gia lúc ấy là ông Viên Tử Kiên, một người bạn thân của Nhất Linh. Sáng 14 một Trung Đội Cảnh Sát Dã Chiến có đến bao vây Tòa Đại Sứ nhưng sau được lệnh rút đi ngay. Việc tỵ nạn bất thần của Nhất Linh đã làm cho Đại Sứ Viên Tử

Kiên lâm vào thế kẹt. Một mặt Trung Hoa Quốc Gia đang ủng hộ triệt để Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Mặt khác, Nhất Linh không những là bạn của Đại Sứ Viên Tử Kiên mà còn là bạn của Phó Tổng Thống Trần Thành cùng một số viên chức cao cấp của chính phủ Đài Loan. Quả thực chưa có một chánh khách nào tại Miền Nam chống chính quyền mà lại được các nhân vật nòng cốt của chính quyền ưu ái và tận tình che trở như trường hợp Nhất Linh.

Đại Sứ Viên Tử Kiên, có điện thoại báo tin cho Dinh Độc Lập biết và ông cũng báo tin cho Cha Jaegher, Linh Mục Dòng Tên rất có uy tín với Tổng Thống Tưởng Giới Thạch và Ngô Đình Diệm lại là người mến mộ Nhất Linh coi ông như bạn tâm giao.

Sáng 14.11, Cha Jaegher điện thoại cho ông Võ Văn Hải nói về tình trạng tỵ nạn của Nhất Linh và yêu cầu ông Võ Văn Hải tìm cách nào dàn xếp êm đẹp. Đồng thời Bác Sĩ Tuyến gặp riêng Ông Nhu trình bày về trường hợp Nhất Linh. Sau đó Bác Sĩ Tuyến lại qua Phòng Tổng Thống Diệm thỉnh cầu Tổng Thống thu xếp vụ ông Nguyễn Tường Tam...Buổi chiều 14.11, chính Cha Jaegher thân hành vào Dinh xin gặp Tổng Thống

Diệm để can thiệp cho Nhất Linh.

Tổng Thống lúc đầu còn do dự sau ông quyết định để cho ông Tam thong dong. Nhưng giải quyết như thế nào để cho hai bên cùng vui vẻ ? Nếu cứ để Nguyễn Tường Tam rời khỏi Tòa Đại Sứ Trung Hoa về nhà thì cũng kẹt cho cái thế của chính quyền. Cuối cùng Dinh Độc Lập thỏa thuận để Viên Tham Vụ Tòa Đại Sứ lái xe đưa Nhất Linh về Tổng Nha Cảnh Sát và ở đấy lấy lời khai Nhất Linh cho nó phải phép. Trước sau ông tạm ở Nha Cảnh Sát lâu hơn 1 giờ. Mấy ngày sau Cảnh Sát lại mời ông ra một lần nữa để kết thúc hồ sơ. Từ đó cho đến ngày tạ thế, Nhất Linh được thong dong. Tuy nhiên có một điều như thế này: Nhất Linh được tự do nhưng phần những ai ra vào nhà ông lúc về đều bị Cảnh Sát chím theo dõi.

Nhất Linh tự tử làm cho cả Tổng Thống Diệm lẫn Ông Nhu đều ngỡ ngàng, Tổng Thống Diệm có chỉ thị đi tìm mấy người con Nhất Linh vào Dinh để gặp ông. Nhưng không hiểu vì lẽ gì không có cuộc tiếp xúc này.

Có thể nói trọn ngày 8.7, Tổng Thống Diệm dành cả thì giờ theo dõi vụ Nhất Linh tử tự. Theo các Sĩ Quan Tùy Viên như Đại Úy Lê Công Hoàn thì ông Tổng Thống xem xét hồ sơ rất kỹ và ông chỉ thị phải chứng minh cho mọi người thấy đây là một vụ tự tử, chính quyền không có âm mưu nào. Tổng Thống Diệm và Ông Nhu băn khoăn nhất là sơ mang tiếng chính quyền có can dự vào cái chết của Nhất Linh.

Nhất Linh tự tử đã gây xúc động sâu xa trong giới trí thức văn nghệ báo giới và sinh viên vì ảnh hưởng tinh thần đối với các giới này thật lớn lao. Chế độ Ngô Đình Diệm nhận lãnh một thất bại bất ngờ.

Tại sao vụ 11.11.1960 kéo dài cho đến năm 1963 mới đem ra xét xử ?

Nếu đem vụ 11.11.1960 ra xử ông Tổng Thống lại e ngại sẽ làm hoang mang Quân Đội nhất là phía Nhảy Dù chiếm đa số. Trường hợp Thiếu Tá Phan Trọng Chinh ông Tổng Thống vốn có cảm tình đặc biệt với Binh Chủng này. Mặc dầu, một số đơn vị này và sĩ quan Nhảy Dù tham dự cuộc đảo chính nhưng dịp thăng thưởng cuối năm 1960, sĩ quan Dù lại chiếm một tỷ số cao. Riêng Tiểu Đoàn 1 Nhẩy Dù, vì có chiến công lớn trong trận

Kiến Phong vào cuối tháng 11.60, nên một lúc 7 Sĩ Quan được thăng cấp. Tổng Thống Diệm vẫn yên trí Đại Tá Thi bị lôi kéo và ông không có âm mưu tạo phản. Tổng Thống Diệm lưu luyến đặc biệt Đại Tá Thi nguyên Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 3 Nhảy Dù. Ông Tổng Thống cũng đặc biệt lưu ý khi Phan Trọng Chinh còn là Đại Úy chỉ huy Tiểu Đoàn 3 đánh dẹp Bình Xuyên. Dù chỉ là một sĩ quan cấp nhỏ nhưng Phan Trọng Chinh cũng đã lọt vào "mắt xanh" của vị Tổng Thống vốn coi Nhảy Dù như sức mạnh của chế độ.

Ông Tổng Thống vẫn cảm phục binh chủng này nhất là những sĩ quan trẻ đã biểu dương khả năng của họ trong cuộc dẹp loạn Bình Xuyên và Tiểu Đoàn 3, 5 và 1 Nhẩy Dù là những đơn vị hiển hách. Năm 1960, khi Binh Chủng Biệt Động Quân được thành lập, Thiếu Tá Phan Trọng Chinh được đề bạt làm Chỉ Huy Trưởng. Thời đó với chức vụ này phải hiểu là người quan trọng và nếu không phải là người trong Đảng thì cũng phải là tay có khả năng được Tổng Thống Diệm tin yêu. Kể từ năm 1958 khi chế độ Ngô Đình Diệm bắt đầu vững mạnh, Ông Nhu cũng như Tổng Thống Diệm bắt đầu lưu ý đến thành phần sĩ quan trẻ, ông Ngô Đình Nhu cho rằng: "bọn trẻ dù sao cũng có học, trong sạch không có máu Lê Dương". Đó cũng là trọng tâm của Sở Nghiên Cứu Chánh Trị trong công tác "móc nối" với những sĩ quan trẻ này, Phan Trọng Chinh cũng như các sĩ quan trẻ trong vụ 11.11.1960 vốn được coi như "tương lai của Miền Nam". Đùng một cái, như xét đánh...hàng hai chục sĩ quan trẻ tham dự đảo chánh. Sau vụ 11.11.60, Tổng Thống Diệm vẫn yên trí vụ này có bàn tay Pháp dính vô. Căn cứ theo báo cáo, ông Tổng Thống cho rằng "mấy đứa nhỏ bị nó lôi kéo. Tất cả do Vương Văn Đông nó bị Pháp mua chuộc".

Sở dĩ chúng tôi phải dài dòng ở phần này vì cuộc đảo chánh 63 được mô tả như một "cú ngoạn mục" với âm mưu sắp đặt của Hoa Kỳ thì cú "60" được mô tả như một cuộc nổi loạn bất thường của một số tuổi trẻ trong Quân Đội. Cú 60 mang mầu sắc tình cảm và Quốc Gia cực đoan hơn là cú "63" mang tính chất cơ hội và hoạt đầu.

Ngoại trừ Trung Tá Đông có liên hệ rõ rệt với Pháp còn các sĩ quan tham dự như Phan Trọng Chinh, Phạm Văn Liễu, Nguyễn Mạnh Tường, nghĩa là từ Thiếu Tá đến Đại Úy, Trung Úy đều xuất thân từ các gia đình đảng phái Quốc Gia không Việt Nam Quốc Dân Đảng thì cũng Đại Việt Quốc Dân Đảng và họ được công nhận là trong sạch chỉ huy nổi tiếng và có thực tài. Như trường hợp Đại Úy Nguyễn Mạnh Tường khi còn là Trung Úy đã nổi tiếng là một vị Trưởng Phòng 3 giỏi của Sư Đoàn 5 (dưới thời Tôn Thất Đính) tốt nghiệp Đại Học Quân Sự đứng số I và cũng vì đứng số I nên được lưu lại Bộ Tổng Tham Mưu và theo luôn phe đảo chánh 11.11.1960 có tính chất Quốc Gia thuần túy, trẻ và nhiệt thành.

Tuy vậy, dù là con người quốc gia đứng lên đảo chánh lật đổ đương tại hợp pháp khi thất bại phải ngồi tù ra tòa là lẽ đương nhiên. Vì giản dị "được làm vua thua làm giặc".

Những người chủ chốt trong nội vụ thì đã cao chạy xa bay như Nguyễn Chánh Thi, Vương Văn Đông, Hoàng Cơ Thụy...còn lại được coi là tòng phạm. Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Ông Nhu, Bác Sĩ Tuyến cũng không tỏ vẻ "tức giận đến độ phải ngược đãi trả thù" những Quân Nhân tòng phạm này. Đó cũng là một trong những lý do không đưa vụ 11.11.1960 ra xét ngay. Ông Nhu cũng như giới cộng sự viên của ông và Tổng Thống Diệm đều lưu ý đến Vương Văn Đông còn Hoàng Cơ Thụy cũng không phải là kẻ chủ mưu chính yếu. Bác sĩ Phan Quan Đán thì rõ ràng chạy theo cơ hội.

Tại sao Vương Văn Đông lại là chủ chốt trong vụ 11.11.1960 và có dính dáng đến hoạt động của Phòng Phản Gián Pháp không ? Vương Văn Đông là một Trung Tá trẻ của Quân Đội lúc bấy giờ, thông minh và có khả năng nhưng bản chất cũng là một thứ "con tây". Trước năm 1960, giới cao cấp tại Dinh Độc Lập không ai để ý đến Đông. Năm 1954 Đông đứng về phe

Hinh, và hoạt động cho biệt đội Con Ó thuộc Phòng 6 của Trung Tá Trần Đình Lan.

Giữa hai vị Trung Tá trẻ Vương Văn Đông và Nguyễn Triệu Hồng thì

Trung Tá H`ông có tư cách hơn có học vấn cao và là một sĩ quan thuộc loại cự phách có thực tài (Trung Tá H`ông bị bắn ngay tại Tổng Nha Cảnh Sát đêm 11.11.1960) còn Đông nhi`âu tham vọng lại bị chi phối bởi nếp sống "Tây" của gia đình nhà vợ.

Năm 1957, Trung Tá Đông được gởi qua Mỹ tu nghiệp. Ngay thời gian này Đông đã tỏ ra bất mãn. Trong suốt khóa huấn luyện viên Mỹ hỏi câu gì Đông chỉ đáp vỏn vẹn "I don't know".

Khi v`ênước, Trung Tá Đông được bổ nhậm Tư Lệnh Phó Sư Đoàn 7 (do Trung Tá Huỳnh Văn Cao làm Tư Lệnh). Vốn thông minh, có tài lại kiêu ngạo, Đông rất coi thường Trung Tá Huỳnh Văn Cao. Đông đã công khai nói lên đi`âu này. Thực ra thì Đông kiêu ngạo cũng có lý, ông ta vốn là một sĩ quan tác chiến xuất sắc, đeo lon Thiếu Tá năm 23, 24 tuổi...Đáng lý ra thì không nên để Đông làm Tư Lệnh Phó dưới quy`ên Huỳnh Văn Cao vì sự cách biệt v`êkhả năng giữa hai người quá rõ rệt. Đông bất mãn với chế độ Ngô Đình Diệm cũng có nhi`âu nguyên nhân nhưng hợp tình hợp lý và đó cũng là nguyên nhân đẩy ông ta vào thế chống đối. Khi Trung Tá Đông làm Tư Lệnh Phó thì Thiếu Tá giả định Phan Minh Thọ làm Tham Mưu Trưởng nhưng thuộc quy`ên của Sư Đoàn lại nằm trong tay Phan Minh Thọ.

Nguyên nhân lớn nhất là vì Đông bị chèn ép quá nhi`âu, có tài (theo Đông nghĩ) lại bị xử ức, Đông vẫn cho rằng mình vượt Trung Tá Huỳnh Văn Cao v`êthâm niên cấp bậc cũng như khả năng chỉ huy và tác chiến.

Đã thế, Sư Đoàn 7 lại bị thao túng bởi viên Tham Mưu Trưởng. Dạo ấy, các sĩ quan ở Sư Đoàn 7 ai cũng ngán. Đây cũng là một kinh nghiệm đáng cho người lãnh đạo Quốc Gia bất cứ thời nào cũng phải suy ngẫm. Người lãnh đạo Quốc Gia thì ở xa nhưng cán bộ thì lại ở g`ân qu`ân chúng. Qu`ân chúng sẽ nhận định và phê phán người lãnh đạo quốc gia qua đám cán bộ. Trong Quân Đội cũng vậy, sĩ quan không biết rõ tấm lòng Tổng Thống Diệm như thế nào, không rõ con người ông Cẩn ra sao nhưng họ luôn luôn nhận định và phê phán qua những con người ruột của chế độ. Không hiểu Phan Minh Thọ có phải là con ruột của chế độ hay không nhưng khi v`êlàm

Tham Mưu Trưởng Sư Đoàn 7 thì ông ta có thể gọi là quá hăng hái phục vụ cho Đảng (hệ phái ông Cẩn). Phàm những sĩ quan nào ghé thăm Vương Văn Đông đều có người theo dõi và báo cáo với Thượng Cấp. Thiếu Tá Thọ lại quá "hăng hái" phục vụ chế độ bằng cách công khai "tấn công" Tư Lệnh Phó Vương Văn Đông. Trong văn phòng Tư Lệnh Phó của Đông có một bộ salon rất đẹp, nhưng cũng bị lấy đi. Bàn giấy của Đông có 2 cái ghế để tiếp khách cũng lấy đi hết...mỗi lần khách tới, một là đứng hai là ngồi trên mặt bàn. Do đó, sự bất mãn của Đông mỗi ngày càng lớn. Đông thù ghét Đảng Cần Lao mà thực sự là thù ghét ông Cẩn qua con người Thọ. Cái nguy cơ làm tan vỡ chế độ bắt nguồn từ những sự lạm dụng của cán bộ hạng trung như vậy. Một chế độ muốn được lòng dân, muốn giảm thiểu được bất mãn trong quần chúng thì người lãnh đạo tối cao có tài đức chưa đủ mà còn phải có đôi mắt sáng nhìn rõ từ những lạm dụng của những thuộc cấp vì thuộc cấp vẫn nhân danh chế độ trong một khu vực nào đó.

Không ai nói rằng Thiếu Tá Thọ thế này thế nọ nhưng quả thực chế độ Ngô Đình Diệm có nhiều cán bộ trung cấp như Thọ tuy có hăng say hết lòng phục vụ nhưng hành xử nhiều điều quá đáng ấu trĩ lại bảo hoàng hơn Vua. Tệ hại hơn nữa là dùng cái uy danh của đàn anh để tạo uy thế cho mình. Dù là một người bình thường không thuộc một khuynh hướng nào chống đối chính quyền nhưng gặp cảnh ngộ lại chèn ép và xử ức như Vương Văn Đông cũng dễ dàng bất mãn và sẵn sàng chống đối chính quyền nếu có dịp thuận tiện. Vương Văn Đông bị đổi về Trường Đại Học Quân Sự tuy không còn bị xử ức và chèn ép như ở Sư Đoàn 7, song Đông lại có nhiều cơ hội tốt kết giao với một số sĩ quan trẻ.

VỤ ÁN 11.11.1960

Cuộc đảo chánh 11.11.1960 không phải chỉ có nhóm Vương Văn Đông, Nguyễn Triệu Hồng nhưng còn vô số sĩ quan được coi là nòng cốt của chế độ cũng trở cờ đón gió hoặc án binh bất động chờ thời cơ. Ngay Sư Đoàn 7 đóng tại Biên Hòa, kế cận Thủ Đô từng phút đầu vẫn giữ thái độ "wait and see". Sau đó, Trung Đoàn 12 nóng ruột mới kéo quân trực chỉ Thủ Đô.

Sư Đoàn 22 mà vị Tư Lệnh được coi là "người trong nhà" của chế độ cũng do dự. Đúng hơn là hoàn toàn im lặng chờ lệnh thượng cấp. Ngay tại Thủ Đô, nhiều Tướng Tá cũng im lặn chờ đợi cơ hội.

Cuộc đảo chánh bất thành, nhiều người lanh chân lẹ miệng lại được tưởng thưởng trái lại một số sĩ quan lại gặp tai bay vạ gió hết sức oan ức. Trường hợp Trung Tá Nguyễn Khương, Chỉ Huy Trưởng Truyền Tin, suốt ngày 11 đến sáng 12 trốn thật kỹ nhưng khi quân Đại Tá Trần Thiện Khiêm, tiến vào Thủ Đô thì bấy giờ Trung Tá Khương mới lộ diện rồi lại còn lập công bằng cách cho một Tiểu Đoàn Truyền Tin ra tay chống đảo chánh vào ngày 13 (nghĩa là tàn cuộc rồi chính ông lại trận xe của Đại Tướng Lê Văn Tỵ không cho vào Dinh gặp Tổng Thống Diệm).

Thực ra thì cả ngày 11 Trung Tá Khương cho người móc nối với phe đảo chánh nhưng phe đảo chánh bất thành ông trở thành người chống đảo chánh hăng hái nhất. (nhiều Tướng Tá khác tương tự như Trung Tá Khương). Trong đó nhiều người bị tố cáo rất oan ức. Chẳng hạn như Thiếu Tá Liên Đoàn trưởng Truyền Tin thuộc Bộ Tư Lệnh Hành Quân.

Lính trong Liên Đoàn của Thiếu Tá chỉ vì tình đồng đội tiếp tế cơm nước cho một số binh sĩ Nhảy Dù sau này Thiếu Tá Nguyễn Đình Tài bị tố cáo theo phe đảo chánh rồi mất chức, bị câu lưu và bị ra khỏi Ngành Truyền Tin. Một Đại Úy Chỉ Huy Trưởng một đơn vị biệt lập tại ven đô, không có tội gì cả chỉ có tội "vô tình xóa khẩu hiệu suy tôn Ngô Tổng Thống" nhưng cũng bị phạt 40 ngày trọng cấm. Số là thế này, bức tường ở doanh trại kẻ khẩu hiệu "Ngô Tổng Thống muôn năm" lâu ngày bị nước mưa làm ố nhòe trông rất lem nhem, viên Đại Úy sốt sắng ra lệnh cho Thượng Sĩ Thường Vụ phải cho lính quét lại tường vôi và kẻ lại khẩu hiệu cho đàng hoàng. Nhưng không may tường quét vôi trắng xóa, xóa nhòa khẩu hiệu vào ngày 10 thì đúng ngày 11 xảy ra đảo chánh. Ấy vậy mà Bộ Tổng Tham Mưu vẫn phổ biến một văn thư đi khắp các đơn vị về việc phạt viên Đại Úy này 40 ngày trọng cấm với lý do ở trên.

Nhiều đơn vị một số sĩ quan bị câu lưu bị điều tra hoặc thuyên chuyển

chỉ vì phát ngôn bừa bãi trong ngày 11.11.1960.

Thực tế thì cuộc đảo chánh 60 như đã viết trên phát sinh do tình thần quốc gia cực đoan cùng với tâm trạng nổi loạn của một số sĩ quan trẻ.

Về phương diện hành quân đảo chánh thì phải nói là hoàn hảo nhưng ai cũng nhận rằng, cuộc đảo chánh đó bị một số chánh khách hoạt đầu đón gió và làm mất đi rất nhiều ý nghĩa Quốc Gia chân chính và tiềm ẩn khát vọng cách mạng thật sự của một số sĩ quan trẻ tham dự với tất cả hăng say. Số chánh khách này gọi là chánh khách cũng chưa được đúng lắm, đứng đầu là Hoàng Cơ Thụy theo sau là Phan Quang Đán.

Trở lại trường hợp Trung Tá Nguyễn Khương, ông này được coi là Vua của Ngành Truyền Tin, bao sĩ quan ngành này đã khổ vì ông Khương qua những báo cáo xuyên tạc bậy bạ. Trung Tá Khương với nhãn hiệu "Cần lao ông Cậu" dễ xưng hùng xưng bá. Tư cách của Nguyễn Khương đã tỏ rõ khi Nguyễn Khương qua Mỹ du học cùng với một số sỹ quan cao cấp trong đó có Đại Tá Đỗ Cao Trí. Thay vì lo học Trung Tá Khương lại chỉ lo theo dõi đồng đội rồi viết riêng thư về báo cáo với Cậu Cẩn, chẳng hạn như Nguyễn Khương viết thư tố cáo ông Cậu là Đỗ Cao Trí sang Mỹ chẳng lo học chỉ lo chơi bời (trong khi đó thì Đại Tá Đỗ Cao Trí cũng viết thư tố Nguyễn Khương học hành bê bối)

Trọn ngày 11 và ngày 12, Trung Tá Khương trốn lủi lại tìm cách móc nối với Đại Tá Thi tối 12, Nguyễn Khương mặc thường phục lên Catinat quan sát tình hình. Lúc ấy, phe chính phủ đã thắng thế, Trung Tá Khương cấp tốc về Bộ Tư Lệnh huy động lực lượng truyền tin rồi trao cho Đại Úy Đỗ Như Luận "thống xuất" tiến vào Bộ Tổng Tham Mưu (sáng 13) để gọi là giải vây nhưng kỳ thực lúc ấy Bộ Tổng Tham Mưu không còn một lực lượng Nhảy Dù nào...Nhưng Trung Tá Khương vẫn coi như ta là người hùng chống đảo chánh rồi lại "hộ tống" Đại Tướng Lê Văn Tỵ vào Dinh lập công với Tổng Thống.

Sau đó, Trung Tá Khương lại lập báo cáo xuyên tạc Thiếu Tá Nguyễn Đình Tài, Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Truyền Tin thuộc Bộ Tư Lệnh hành

quân. Trong bản báo cáo Trung Tá Khương cho rằng Thiếu Tá Tài đã tiếp tay với phe đảo chánh rằng khi quân đảo chánh chiếm được Đài Phát Thanh thì Thiếu Tá Tài có ý định ngăn cản không cho Trung Tá Khương sử dụng chiếc máy phát tin cao xuất để thay Đài Phát Thanh.

Dinh Tổng Thống từ phút đầu ngày 11 đã trao cho Khương với mật lệnh liên lạc với Trung Tá Huỳnh Văn Cao nhưng Trung Tá Khương đã không chuyển mật lệnh này.

Hơn tháng sau thì Dinh Tổng Thống cũng rõ lòng dạ của Khương và bị thất sủng từ đó.

Trong 2 ngày 11 và 12, một số các nhân vật tai to mặt lớn đều lẩn mặt nhưng trong ngày 13 đồng loạt xuất hiện, tranh nhau nhảy vào ban chống đảo chánh để lập công rồi cố làm sao diện kiến được Tổng Thống để ông Cụ thấy mặt. Một người có công thực sự là Võ Văn Hải. Trong việc tiếp xúc dàn xếp với phe đảo chánh, đầu một tay ông Hải lo toan, thế nhưng sau đó lại bị nghi kỵ, bị các phe nhóm dèm pha là Võ Văn Hải đi nước đôi. Ngày 11 và 12 Bác Sĩ Tuyến cùng một số cộng sự viên lập "bộ chỉ huy" tại nhà Huỳnh Thành Vị.

Tại đây, Bác Sĩ Tuyến trực tiếp liên lạc với Đại Úy Bằng cùng với một số đơn vị lớn có Sư Đoàn 21 Bộ Binh. Theo Bác Sĩ Tuyến thì người có công lớn trong vụ 11.11.1960 trước hết phải kể đến bà Ngô Đình Nhu và sau nữa là Đại Úy Bằng, một tay kiên trì chống đỡ phe đảo chánh mà lực lượng không hơn một Đại Đội.

Nhưng Tổng Thống Diệm lại bị huyền hoặc bởi một số người cơ hội chuyên môn "bốc" thành ra người có công thì không được lưu ý hoặc bị phe phái khác dèm pha, có tội khi khéo chạy tội thì trở thành người có công. Đám người này tìm mọi cách để làm đẹp lòng ông Tổng Thống và để ông Tổng Thống yên trí rằng: "Dân chúng luôn luôn trung thành và ủng hộ Tổng Thống". Kỳ thực lúc ấy dân chúng đã bắt đầu bất mãn trước những lạm dụng và hống hách của những nhân vật được coi là lương đống của chế độ. Đáng lý ra nhân cơ hội này, Tổng Thống Diệm phải làm một cuộc

xét lại những sai lầm của chế độ và nếu cần phải thanh trừng những thành phần bất lực, tham nhũng, nịnh bợ nhưng Tổng Thống Diệm không làm như thế...Rồi kế tiếp đến vụ bỏ bom Dinh Độc Lập ngày 27.2.1962 chế độ Ngô Đình Diệm bắt đầu sa sút trông thấy, nội bộ càng thêm phân hóa. Vụ 11.11.1960 thì một số phe phái dèm pha ông Võ Văn Hải, vụ ngày 27.2 ông Tổng Thống cũng nghi ngờ Bác Sĩ Tuyến. Vụ Phật Giáo năm 63, kể từ tháng 5, Tổng Thống Diệm lại không tin ông Cẩn nốt. Chế độ đang lúc phân hóa, đầy mâu thuẫn nội bộ lại phải đương đầu với áp lực Mỹ và vụ tranh đấu của Phật Giáo. Với một tình hình rối ren như vậy đáng lý phải xếp vụ án 11.11.1960 lại nhưng không hiểu sao, Tổng Thống Diệm lại cho đem xử. Cái chết của Nhất Linh là một bất lợi lớn lao cho vụ án.

Chánh Án Huỳnh Hiệp Thành được chỉ định làm Chánh Thẩm. Trung Tá Quân Pháp Lê Nguyên Phu ngồi ghế Ủy Viên Chánh Phủ. Sau 1963, Trung Tá Lê Nguyên Phu bị công kích dữ dội, bị kết án là tay sai của chính quyền Ngô Đình Diệm đã hạ nhục xỉ vả chánh khách quốc gia. Điều công kích có đúng hay không chỉ là phản ứng nhất thời do tự ái bồng bột của người bị kết án.

Theo giới Thẩm Phán thuộc Nha Quân Pháp (trước 63) và giới Hiến Binh thì Trung Tá Lê Nguyên Phu người thay thế Trung Tá Nguyễn Quang Sanh chỉ huy lực lượng Hiến Binh, ông Phu có sự ngay thẳng, có lương tâm của một Thẩm Phán tốt nhưng giao tế hơi vụng về, nói năng không được khéo léo. Đó cũng là một điểm thất bại của một Ủy Viên Chánh Phủ của một Tòa Án vốn được là công cụ của chính quyền. Giám Đốc Nha Quân Pháp lúc ấy là Đại Tá Nguyễn Văn Mầu, Trung Tá Phu nắm quyền Giám Đốc phân Nha Hiến Binh kiêm Ủy Viên Chính Phủ Tòa Án Quân Sự Đặc Biệt. Trung Tá Lê Nguyên Phu được Phủ Tổng Thống chỉ thị đem gấp vụ 11.11.60 ra xét xử. Một vụ án thật rắc rối. Khi nhận chỉ thị, Trung Tá Quân Pháp Lê Nguyên Phu đã thấy rõ những khó khăn này.

Trên mặt pháp lý, đưa vụ 11.11.1960 ra xét xử tại Tòa Án Quân Sự là đúng vì thủ phạm cũng như các tòng phạm đều là Quân Nhân tại ngũ và

chứng cớ phạm pháp rất hiển nhiên (sử dụng quân lực để lật đổ chế độ đương nhiệm và hợp pháp). Lý thì như vậy nhưng tình lại khác. Nhưng nhiệm vụ của Thẩm Phán chỉ dựa theo lý dù cái lý của chính quyền nhưng vẫn là cái lý của luật pháp hiện hành. Trung Tá Lê Nguyên Phu được Tổng Thống Diệm chỉ thị đến tìm Bác Sĩ Tuyến để tìm hiểu rõ đầu đuôi nội vụ (lúc ấy Bác Sĩ Tuyến không còn làm việc ở Sở Nghiên Cứu Chính Trị nữa). Với tình hình đang sôi động như vậy từ Bộ Trưởng Thuần đến Bác Sĩ Tuyến đều cảm thấy nan giải nhưng ai là người có thể cản ngăn khi Tổng Thống Diệm đã quyết định như vậy ?

Vấn đề khó khăn nhất đối với Trung Tá Phu là Tổng Thống Diệm chỉ định: "anh phải lấy cho tôi 2 cái án tử hình". Ông chỉ thị vắn tắt vậy thôi mà không nói kết tội cho ai tử hình. Trước mặt Tổng Thống Diệm ngay Phó Tổng Thống, Bộ Trưởng, Tướng lãnh còn vâng lời tuân theo răm rắp huống chi một Trung Tá, ông Lê Nguyên Phu đem vấn đề này hội ý với Bác Sĩ Trần Kim Tuyến. Vụ án làm cho ông Phu muốn điên đầu. Ai ở vào địa vị của ông Phu cũng không thể làm sao hơn! Trung Tá Phu nghiên cứu sơ đồ mấy ngày...chỉ thị của Phủ Tổng Thống là phải làm sao lấy 2 án tử hình để làm gương. Có nhẽ Tổng Thống Diệm coi đó là cách biểu dương uy quyền và sự cứng rắn của chính quyền ? Trung Tá Phu lo lắng nói với Bác Sĩ Tuyến: "Theo lương tâm Thẩm Phán, sau khi cứu xét kỹ hồ sơ thì thấy không ai trong vụ án đáng lãnh án tử hình cả". Nhưng lệnh của Tổng Thống bây giờ làm thế nào. Trước sự khó khăn nan giải này, Bác Sĩ Tuyến và Trung Tá Phu đã đi đến một giải pháp: "tìm trong số những người đào tẩu như Vương Văn Đông, Nguyễn Chánh Thi, Hoàng Cơ Thụy để buộc tội thật nặng qui hết trách nhiệm cho những người này và làm thế nào để Tòa Án kết án tử hình những người tại đào, có như thế mới có thể cứu nổi những người đang bị giam giữ". Trung Tá Phu coi giải pháp này như một lối thoát tốt đẹp nhất cho chính ông ở tư thế một Ủy Viên Chính Phủ (cái nghề chỉ có buộc tội ít khi xin tòa dễ dãi cho các bị can). Ông Phu cho đó là một lối thoát tốt đẹp bởi vì ông vẫn lo lắng tâm sự với Bác Sĩ Tuyến "Nếu

không khéo Tòa lại xử một bị can nào tử hình thì tôi chẳng biết phải làm thế nào, lương tâm thật không cho phép". Thường tình các vị Chánh Án của Tòa Án Quân Sự đặc biệt hay mặt trận có "thói quen" xét xử bị can theo lời buộc tội của Ủy Viên Chính Phủ, khi một Ủy Viên Chính Phủ đại diện thật sự cho Hành Pháp mà lại là Hành Pháp trước năm 1963. Nếu "cảm thấy" Ủy Viên Chính Phủ muốn bị can X bị can Y bao nhiêu năm tù, tử hình hay khổ sai thì thông thường các vị Chánh Án cũng sẽ tuyên xử như vậy một là lấy lòng Tổng Thống hai là quá nhát sợ hoặc muốn tránh sự lôi thôi phiền nhiễu.

Khi đem vụ 11.11.1960 ra xử, Trung Tá Phu cũng như Bác Sĩ Tuyến và Bộ Trưởng Thuần đều phập phồng lo sợ "mật lệnh 2 án tử hình". Biết đâu trong lúc cao hứng hoặc thiếu quân bình hoặc quá "sốt sắng" với chế độ vị Chánh Thẩm lại xử Phan Trọng Chinh hoặc Cụ Phan Khắc Sửu hay một vài bị can nào khác tử hình thì lúc ấy sẽ ra sao ? Trong tình hình đầy biến động và bất thường như trạng thái tâm lý chính trị bất thường năm 1963 biết đâu vì một lý do bất thường thì lúc đó quả thực lương tâm của một người bình thường cũng không thể yên ổn được. Do đó, sau nhiều lần hội ý cùng nhau, Trung Tá Phu đã đi đến một giải pháp là trong lời buộc tội sẽ đánh mạnh vào điểm là các bị can đều tòng phạm, a dua.

Tóm tắt lại, trước khi đưa ra Tòa xét xử vụ 11.11.1960, Tòa Án Quân Sự đã có sự bố trí cẩn thận để làm thế nào giảm thiểu hình phạt đối với tòng phạm và lấy án tử hình dành cho các chánh phạm tại đào. Tổng Thống Diệm không ra chỉ thị xử tử hình đích danh ai cho nên đó là điều dễ dàng cho Ủy Viên Chánh Phủ có thể nhắm vào Nguyễn Chánh Thi, Hoàng Cơ Thụy, Vương Văn Đông.

Thành phần can phạm hết sức phức tạp tuy nói là những Nhân Sĩ Quốc Gia nhưng danh xưng tốt đẹp này chỉ nên dành cho vài ba người. Ngoài những Quân Nhân can phạm có thể thuần nhất còn các Nhân Sĩ chỉ là sự kết hợp tạm thời từ năm bè bảy mối, tạm đồng ý với nhau trong một giờ, một phút để cùng đứng lên lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm. Quả thực thì

phần nhiều các vị Nhân Sĩ này là hữu danh vô thực, không có lực lượng hậu thuẫn đáng kể mà uy tín các vị đó đối với quốc dân cũng chỉ là sự "nghe nói như vậy". Nhưng vụ án đã gây nên dư luận sôi nổi tại quốc nội cũng như quốc ngoại.

Vụ án đem ra xét trong một hoàn cảnh hoàn toàn bất lợi cho chính quyền. Nói là hoàn toàn vì trong một cuộc đấu tranh chính trị thì pháp luật chỉ có thể là một khí giới giúp cho chính quyền có cái để nhân danh áp đảo đối phương.

Đằng này, pháp luật được sử dụng không hợp với thời gian và không gian nên không được hiệu lực, giảm thiểu được khí thế đấu tranh của phe chống chính phủ, trái lại, vụ án 11.11.1960 lại trở thành khí giới của phe chống chính phủ.

Như trên đã viết về vụ Hòa Thượng Quảng Đức tự thiêu tương đối đã lắng dịu, tình hình tại Huế ít nhất đã ổn định dù là bề mặt. Phía Ủy Ban Liên Phái đang khủng hoảng vì nội bộ bắt đầu phân hóa. Trong khi đi tìm phương thức đấu tranh mới làm thế nào hiệu quả hơn, có tác dụng mạnh hơn là 5 nguyện vọng đề ra. Vì sự kiếm tìm phương thức mới, các vị lãnh đạo trong Ủy

Ban Liên Phái bắt đầu xung đột.

Xung đột giữa phe ôn hòa và phe quyết liệt. Phe quyết liệt từ ngày 20.6 trở đi cũng bắt đầu hoang mang...Vì khó lòng có thể tập trung được Phật Tử và khó lòng tạo được sự sôi động.

Đối với thị hiếu quần chúng lại luôn thay đổi. Mục tiêu tranh đấu nào bất luận chánh đáng và lý tưởng cũng phải đánh trúng được thị hiếu đám đông. Khi thu hút được thị hiếu của đám đông thì mới dễ dàng sách động được họ và đưa họ vào con đường hăng say tranh đấu cho mục tiêu của người lãnh đạo.

Vụ án 11.11.1960 đem ra xét xử dân chúng lại được dịp theo dõi vì hẳn nhiên là vụ án đó vẫn còn vang dội trong lòng dân. Dân chúng ở đâu và thời nào cũng có khuynh hướng bênh kẻ yếu và ngưỡng mộ người chiếc

bại và không cần tìm hiểu gì khác hơn.

Thất bại lớn của chính quyền Ngô Đình Diệm là đem vụ này ra xét xử. Một lần nữa chính quyền lại đổ cả một thùng dầu vào ngọn lửa tranh đấu của Phật Giáo mà ngọn lửa đang leo lét... ngay các nhà lãnh đạo Phật Giáo cũng đang hoang mang không biết làm thế nào cho ngọn lửa bùng to.

Dù Phật Giáo đã có một danh sách tự thiêu nhưng vẫn chưa thể áp dụng. Bởi vì dù ai tự thiêu đi nữa thì cũng không thể nào tạo được xúc động như vụ tự thiêu của Hòa Thượng Quảng Đức. Bỗng nhiên, vụ án 11.11.1960 cùng với cái chết của Nhất Linh đã cung hiến cho Ủy Ban Liên Phái một cơ hội tốt nhất.

KHI HUYỀN THOẠI NHƯ CÁT GẶP MƯA

Đem vụ 11.11.1960 ra xử là một lỗi lầm chiến thuật vì không thuận tình thuận cảnh. Nhân vụ án, chính quyền Ngô Đình Diệm muốn biểu dương uy quyền, muốn nói thẳng với người Mỹ là áp lực của họ không thể làm suy giảm sự cương quyết của Tổng Thống Diệm. Nói được như thế là bởi vì vụ án 11.11.1960 và cái chết của Nhất Linh, giới chúc Mỹ đã áp lực mạnh mẽ buộc Tổng Thống Diệm xếp lại. Nhưng áp lực của Mỹ từ phía Harriman, Hilsman, Fistel chỉ là tạo cơ hội để xen lấn vào nội tình Việt Nam chứ thật tình cũng không có một chút thành ý nào đối với những phần tử quốc gia. Vụ án kết thúc thì giới chức Mỹ lại có thêm một cơ hội tố cáo chính quyền Ngô Đình Diệm đán áp các phần tử quốc gia đối lập. Tóm lại vụ án 11.11.60, không đem lại kết quả như Tổng Thống Diệm mong muốn. Trái lại từ phía Phật Giáo tranh đấu đến Mỹ và Đảng phái đối lập kể cả cộng sản lại có thêm một lợi điểm to lớn để tấn công chính quyền. Giả dụ trong tình thế lúc ấy Tổng Thống Diệm một là xếp lại nội vụ nếu không thì ân xá để gọi là tạo sự đoàn kết hào đồng (dù chỉ là chiến thuật).

Như vậy các phía đối lập đã mất hẳn một mục tiêu tốt.

Bỏ ra ngoài các Quân Nhân trẻ, một số "Nhân Sĩ trong vụ 11.11.60" được đưa ra Tòa là một chiến thắng. Tự nhiên chính quyền lại góp công tạo cho họ được thêm rất nhiều thanh thế trong quần chúng mà đáng lý ra đa

số họ không thể nào tạo được nổi thanh thế như vậy.

Cụ Phan Khắc Sửu cũng như Nhà Văn Nhất Linh thì uy tín đối với quốc dân là một điều hiển nhiên rõ rệt song những Hoàng Cơ Thụy, Hoàng Hồ, Phan Quang Đán...chỉ là uy tín vay mượn hết sức bấp bênh. Những người này nếu chính quyền cao tay thì nên khoan hồng cho họ là phải vì thực tình nếu không có Quân Nhân tham gia vụ đảo chánh thì riêng họ cũng chẳng thể làm nên trò trống gì cả. Trái lại, chính sự tham dự của những Hoàng Cơ Thụy, Phan Quang Đán chỉ làm lem nhem nhiệt huyết của các Quân Nhân trẻ trong vụ đảo chánh.

Nội một chuyện Đài Phát Thanh bỏ trống trong hai ngày 11 và 12 đã nói lên sự bất tài của một số tự mệnh danh là chính khách. Ngoài Bản Tuyên Cáo Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng và Bản Tuyên Bố của Bác Sĩ Phan Quang Đán thì Đài Phát Thanh không còn mục gì hơn là bản nhạc quân hành. Chính những lời tuyên bố của Bác Sĩ Phan Quang Đán trên Đài Phát Thanh đã làm hầu hết dân chúng thất vọng. Rồi một mặt Đài Phát Thanh kêu gọi dân chúng biểu tình sau đó lại phổ biến thông cáo cấm dân chúng ra ngoài đường. Cứ xem như thế cũng đủ hiểu tài năng của mấy chính khách được coi là nòng cốt trong nội vụ.

Trong phiên Tòa xử ngày 5.7.1963 kéo dài đến ngày 12 (với 19 Quân Nhân và 34 Nhân Sĩ) qua lời buộc tội, Trung Tá Lê Nguyên Phu cho rằng các Nhân Sĩ này chỉ "a dua chạy theo đón gió".

Khi Nhất Linh nằm yên trong lòng đất thì vụ án 11.11.60 cũng hoàn tất. Hai án tử hình mà Tổng Thống Diệm đòi hỏi vẫn chỉ dành riêng cho cáo chính phạm còn tại đào. Cháy nhà mới ra mặt chuột...Câu phương ngôn này quả không sai khi nhận định về bản chất thực của một số Nhân Sĩ trong vụ án, các Quân Nhân trẻ tuổi như Phan Trọng Chinh, Nguyễn Mạnh Tường, Nguyễn Vũ, Từ Thức...đã chứng tỏ được phong độ đường hoàng và khí phách khi ở trong tù cũng như ra trước tòa. Ngược lại một số Nhân Sĩ tự nhận có thành tích cách mạng thì quả là yếu kém về đường nhân cách. Nhất cử nhất động của mấy vị này đều không qua khỏi con mắt của mấy

tay An Ninh chìm rồi cuối cùng cũng lọt vào tai vợ chồng Ông Nhu và Tổng Thống Diệm. Chẳng hạn như Bác Sĩ nọ đã từ chối cả một chút dầu cù là khi một người đồng thuyền đồng hội bất thần bị đau yếu giữa cảnh giam cầm. Cũng vị Bác Sĩ trên đã quá cẩn thận dùng dây treo cá khô ngay phía trên đầu mình để "canh phòng". Rồi nhiều vị gọi là Nhân Sĩ nhưng vào tù đã không thương nhau lại còn tị hiềm gành ghét nhau kể cả gây lộn thưa kiện nhau đến Phòng chuyên môn (Cơ Quan An Ninh của Khám Chí Hòa). Riêng Bác Sĩ họ Phan thì được coi là một can phạm chính trị rất khôn khéo mềm dẻo. Khi bị đày ra Côn Sơn ông đã không quản công viết thư về đất liền xin Tổng Thống Diệm khoan hồng. Bác Sĩ họ Phan một mực kêu oan và minh xác ông luôn luôn khâm phục Ngô Tổng Thống (rất tiếc những lá thư trên lại không được gửi về đất liền nên không đến tay Tổng Thống Ngô Đình Diệm và chỉ có Thiếu Tăng Tử, tự Sao (Tỉnh Trưởng Côn Sơn) là người được đọc đầy đủ những lá thư đó. Như vậy thì ông Ngô Đình Nhu tỏ vẻ khinh thị coi thường một số "chính khách" cũng không có gì đáng ngạc nhiên. Nhưng năm 1963, Ông Nhu đánh giá sai lạc thực chất của lớp người trẻ lúc bấy giờ. Chính lớp người này mới là thực lực đáng kể và trở thành lực lượng nóng cốt đứng lên chống chế độ Ngô Đình Diệm. Như trên đã viết ngày 13.7 ngày đưa đám Nhất Linh chính là ngày mở đầu cho sự tham dự tích cực của giới sinh viên học sinh. Ủy Ban Liên Phái lại có thêm một đồng minh vô cùng bén nhọn và mạnh mẽ.

Trước khi trình bày rõ về vụ xử án này, xin nói qua cuộc tranh đấu Phật Giáo kể từ ngày 19.6 (ngày đưa đám tang Hòa Thượng Quảng Đức) cho đến ngày 7.7 tức ngày Nhất Linh quyên sinh.

Sau đám tang cố Hòa Thượng Quảng Đức thì cơ hồ phía Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo như đã cạn đề tài để kích thích sinh viên học sinh và quần chúng Phật Tử.

Tình thế cứ kéo dài như vậy thì Ủy Ban Liên Phái khó lòng tạo thêm được cơ duyên vận động mạnh cuộc đấu tranh. Nhưng cái chết của Nhất Linh cũng như vụ án 11.11.1960 bỗng dưng chính quyền lại cung cấp cho

Phật Giáo thêm một số chất liệu để làm ngọn lửa đấu tranh càng cao hơn mặc dầu đang lúc gần tàn (sự thực là như vậy) Trong những ngày 7, 8, 9 Ủy Ban Liên Phái lại vô cùng bận rộn để vận động sinh viên học sinh tham dự đám tang của Nhất Linh và nhất là hướng dư luận Phật Tử tập trung về vụ án. Ủy Ban Liên Phái không còn công khai bênh vực vụ án nhưng vẫn phổ biến tài liệu để lên án chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp những người quốc gia chống cộng.

Ngày 7, 8, 9 tháng 7 nỗ lực của Ủy Ban Liên Phái đều đổ dồn vào đám tang Nhà Văn Nhất Linh, phía Ngô Đình Nhu chỉ thị cho Cơ Quan An Ninh phải làm mọi cách canh chừng quan tài của Nhất Linh vì có tin tình báo cho biết, phía Ủy Ban Liên Phái đang tìm cách thuyết phục gia đình Nhất Linh đem quan tài về quàn tại Chùa Xá Lợi.

Nếu quan tài Nhất Linh đem về đấy thì lại có một vụ Quảng Đức thứ hai nghĩa là phía Phật Giáo tranh đấu sẽ lợi dụng cơ hội này để sách động Phật Tử và rồi sẽ có thuyết pháp liên miên. Hậu quả sẽ không biết thế nào. Nhất Linh nằm xuống, Tòa Quân Sự vẫn tiếp tục xử vụ 11.11.1960 nhưng vụ đấu trí giữa chính quyền và Ủy Ban Liên Phái càng thêm quyết liệt.

Ủy Ban Liên Phái lại kéo thêm được một số đồng minh.

Từ khi ký Bản Thông Cáo Chung đến ngày Nhất Linh tạ thế thì Ủy Ban Liên Phái trải qua một cuộc khủng hoảng nội bộ (dĩ nhiên bên ngoài không ai biết được). Thượng Tọa Thiện Minh tuy bên ngoài nói mạnh miệng nhưng vẫn liên lạc với phía chính quyền thực lòng muốn hòa giải. Phía ngoài Trung ông Cẩn lại biết dùng tiền (như ông vẫn thường dùng) để lung lạc mấy vị chủ chốt (văn phòng ông Cẩn có ghi nhận ông Cẩn có trao cho ông Luyện một lần 300.000 đồng để đem đến cho mấy Thày gọi là cúng đường tam bảo). Riêng Thượng Tọa Trí Quang được coi là người không nhúng tay vô vụ tiền bạc này nhưng nhờ tiền bạc và nhờ "một số hồ sơ mật" về đời tư cá nhân mà Thượng Tọa Thiện Minh một cách âm thầm đã ngã hẳn về phía chính quyền. Trái lại phía Thượng Tọa Tâm Châu cương quyết giữ vững lập trường. Thực ra Thượng Tọa Tâm Châu lúc ấy vẫn

được coi là người ôn hòa mềm dẻo nhưng sau Thượng Tọa có một số chính khách am tường về kỹ thuật tranh đấu cho rằng, thời cơ đã đến thì phải làm tới ngay. Càng do dự chính quyền càng dễ mua chuộc và phân hóa hàng ngũ tranh đấu. Phía tu sĩ người hăng hái nhất phải kể đến Đại Đức Đại Nghiệp nắm vững được dư luận Mỹ, biết thế nào là Mỹ cũng lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm.

Điện thoại của Chùa Xá Lợi bị kiểm xoát cẩn thận thế nhưng Ủy Ban Liên Phái vẫn được những nguồn tin nhanh nhất sớm nhất. Một là do báo chí ngoại quốc. Hai là do mấy bà vợ của các viên chức "đi nước đôi" một mặt ủng hộ chính quyền một mặt ủng hộ Ủy Ban Liên Phái qua trục giao liên vợ con. Nhưng sau đám tang cố Hòa Thượng Quảng Đức các viên chức bắt đầu chồn chân và rút về ốc đảo "nhiệt liệt ủng hộ chế độ" Đó là trường hợp ông Vũ Văn Mẫu. Công An Cảnh Sát và Mật Vụ bắt đầu làm quen với kỹ thuật tranh đấu của Ủy Ban Liên Phái và ít nhất có hàng loạt nhân viên vào nằm vùng. Nhờ vậy gần nửa tháng chính quyền nắm lại thế chủ động.

Cái chết đột ngột của Nhà Văn Nhất Linh đã đưa chính quyền vào thế bị động trong khi Ủy Ban Liên Phái lại lấy được thế chủ động.

Ngày 13.7 là ngày đưa đám tang Nhất Linh từ bệnh viện Đồn Đất qua Chùa Xá Lợi rồi trở về nơi yên nghỉ ngàn thu tại nghĩa trang Bắc Việt. Nhưng đó cũng là ngày đầy sôi nổi và bận rộn cho các Cơ Quan An Ninh chìm nổi của Đô Thành và Tổng Nha Cảnh Sát Công An.

Ngày 13.7 cũng là ngày đánh dấu một khúc quanh lớn trong cuộc tranh đấu của Phật Giáo. Hàng ngàn sinh viên thuộc nhiều Phân Khoa Đại Học đã tự động đến Chùa Xá Lợi đón linh cữu Nhất Linh. Rất nhiều sinh viên đeo băng đen. Đám tang của Hòa Thượng Quảng Đức cũng không đông đảo như đám tang Nhất Linh và hầu hết đều thuộc giới Phật Tử.

Đám tang Nhất Linh thì lại khác, qui tụ nhiều thành phần Công Giáo cũng có, Phật Giáo cũng có. Tuy nhiên phía Phật Giáo, một số lãnh tụ trẻ lại khéo lanh lợi biến đám tang này thành mầu sắc tôn giáo. Cuối cùng

Nhất Linh được an táng cùng với Đảng Kỳ của Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Từ đây giới sinh viên Sài Gòn mới thực sự dấn mình vào cuộc tranh đấu...Một số sinh viên trẻ thuộc thành phần đảng phái cũng muốn lợi dụng chiêu bài Phật Giáo với hy vọng tiến xa hơn, mạnh hơn nghĩa là đạt một cuộc cách mạng ấy dù họ chưa biết cuộc cách mạng như thế nào.

Phía Phật Giáo nếu chỉ có một lực lượng Phật Tử cũng chưa đủ nên đã tìm mọi cách lôi cuốn sinh viên học sinh.

KHI MỸ VÀ CỘNG SẢN QUYẾT TÂM NHẢY VÀO CUỘC

Biến cố dồn dập và bao trùm...Tổng Thống Diệm càng ngày càng thúc thủ trong những mâu thuẫn nội bộ mâu thuẫn Mỹ Việt...mâu thuẫn anh em. Kể từ trung tuần tháng 7 năm 1963 thì người Mỹ cũng như về phía cộng sản đã thực sự nhẩy vào cuộc cố bám vào biến cố, giành phần chủ động biến cố. Trong khi Phật Tử cũng như sinh viên học sinh hăng say quyết tranh đấu cho mục tiêu cao đẹp của tập thể mình thì trong lòng Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo đã nứt rạn...chính sự nứt rạn đó đã nói lên sự sự xâm nhập của những thế lực ngoại lai (cộng sản cũng như Mỹ).

Cuộc tranh đấu của Phật Giáo lại bắt đầu bừng dậy vào ngày 17.7. Trước đó, Ủy Ban Liên Phái liên tiếp nhận được những nguồn tin cho biết là chính quyền sẽ áp dụng biện pháp mạnh.

Đồng thời cũng vào thời gian này, dư luận lại đồn đại sắp đảo chánh. Phía Ủy Ban Liên Phái đã khai thác triệt để nguồn tin đảo chánh. Hơn nữa Ủy Ban Liên Phái lại nắm được nhược điểm của chính quyền là sự phân hóa và mâu thuẫn trầm trọng ngay từ phía anh em Tổng Thống Diệm. Ngoài Trung, ông Cẩn chỉ còn là hư vị...Tại Sài Gòn quyền bính nằm trọng trong tay Ông Nhu đang chuyển hướng để tìm thế liên minh mới. Một sự liên minh theo Ông Nhu trước hết phải đặt trên căn bản một quốc gia chậm tiến đứng giữa hai thế lực Cộng Sản-Tư Bản. Từ bao lâu rồi, theo Bác Sĩ Tuyến Ông Nhu vẫn mơ ước thực hiện được một "triết thuyết chính trị" trong khung cảnh một quốc gia chậm tiến đứng trong khối thứ ba. Ước mơ này của Ông Nhu chính nó lại trở thành khí giới tiêu diệt ông và hẳn người

Mỹ không thể nào để cho ông thực hiện được ước mộng đó.

Đầu tháng 7 Ông Nhu đã có những cuộc tiếp xúc bán chính thức với đại diện Bắc Việt qua trung gian của Ủy Hội Quốc Tế và Giáo Sư Bửu Hội trở thành một nhân vật quan trọng bày một nhịp cầu mới giữa Pháp và Việt. Đại Sứ Goburdhun cho biết về sự tiếp xúc với Hà Nội, Ông Nhu vẫn còn dè dặt. Ông Nhu chưa tính đến chuyện hòa giải với Miền Bắc ngay trong lúc này (1963) nhưng Ông Nhu thành thật muốn hai bên mở cuộc tiếp xúc để dọn đường cho cuộc ngưng bắn và thiết lập quan hệ bình thường giữa hai Miền Nam Bắc. Đại Sứ Ấn nhắc đi nhắc lại nhiều lần với Cha Francois (MEP) "Ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu là một người đặc biệt. Trong cuộc tiếp xúc với nhà cầm quyền Bắc Việt họ vẫn coi Ông Nhu là một lãnh tụ nguy hiểm". Đại Sứ Goburdhun nhắc đi nhắc lại: "Bắc Việt coi Ông Nhu như một tippe lãnh tụ đặc biệt và nguy hiểm vì Ông Nhu hiểu rõ chiến lược chiến thuật của họ".

Nhân chuyến trở lại thăm Việt Nam cha Francois xin gặp riêng Ông Nhu để nhờ cậy một vài việc riêng đây cũng là dịp mà Cha Francois ghé qua thăm Đại Sứ Ấn tại Ủy Hội Quốc Tế. Lần gặp gỡ này, Cha Francois thấy Ông Nhu già đi rất nhiều, mệt mỏi và chán nản. Ông Nhu hỏi thăm Cha Francois: "Cha thấy dư luận của Pháp và La Mã như thế nào đối với Việt Nam ?"

Cha Francois dè dặt: "Có nhiều dư luận trái ngược nhưng nói chung thì báo chí Tây phương tỏ ra phẫn nộ...không thuận lợi cho chính phủ Việt Nam...Hiện Ông Cố Vấn đã có biện pháp như thế nào với vụ tranh đấu của Phật Giáo ?"

Ngô Đình Nhu yên lặng một lúc lâu. Ông bẻ đôi điếu thuốc Job hút một nửa cho vào ngăn kéo bàn, Ông Nhu "tặc lưỡi":

- Chính phủ đã xử rất ôn hòa, bây giờ thì không có chuyện nhượng bộ nữa.

Cha Francois lo ngại: Ông Cố Vấn nói như vậy có nghĩa chính phủ sẽ sử dụng biện pháp mạnh để dẹp cho yên ?

Ông Nhu đáp: "Thưa Cha không còn lựa chọn nào khác hơn".

Cha Francois: "Nếu như vậy sẽ vô cùng nguy hiểm. Đây là vấn đề tế nhị tôi nghĩ chính phủ Việt Nam cần kiên nhẫn hơn nữa".

Ông Nhu lắc đầu: "chỉ còn có hai cách lựa chọn: Một là tình trạng rối loạn kéo dài và chính phủ sẽ đổ một nửa, phải vãn hồi an ninh trật tự và chính phủ sẽ chịu một số thiệt thòi đổ vỡ". Ông Nhu cho Cha Francois biết: "Trong một tháng nay, việt cộng xâm nhập ồ ạt vào các Đô Thị để ngụy trang dưới chiêu bài tranh đấu của Phật Giáo. Nếu chánh phủ không áp dụng biện pháp mạnh thì một buổi sáng nào đó Cha sẽ thấy Sài Gòn tràn ngập cờ đỏ sao vàng".

Cha Francois hỏi Ông Nhu: "Như vậy có nghĩa là cuộc tranh đấu của Phật Giáo đã bị cán bộ cộng sản tràn ngập và khống chế ?"

Ông Nhu đáp: "Đúng, Cơ Quan An Ninh đã thâu lượm được rất nhiều bằng chứng".

Cha Francois dè dặt: "Thưa Ông Cố Vấn, tôi vẫn nghĩ là các Thượng Tọa đều là những nhà tu hành thuần túy. Như ông Mai Thọ Truyền tôi có dịp gặp ông nhiều lần...ông làm sao có thể để cho cộng sản mua chuộc được ?"

Ông Nhu nói như phân trần: "Thưa Cha, tôi cũng nghĩ như Cha vậy nhưng phương thức tranh đấu của họ là những phương thức học được của cộng sản. Dù các Nhà Sư không phải là cộng sản nhưng cán bộ hạ tầng của họ là cộng sản cũng không thể tha thứ được. Một là chính phủ phải thua cộng sản một cách nhục nhã hai là ra tay đối phó. Tôi đã cân nhắc chính phủ phải đối phó vì cuộc rối loạn càng kéo dài càng bất lợi nguy cơ càng tới gần..."

Qua giọng nói cương quyết của Ông Nhu Cha Francois thấy rằng không thể ai ngăn cản ông được và ông ấy đã lựa chọn phương thức "được ăn cả ngã về không".

Ông Nhu nhấn mạnh với Cha Francois: "Đứng sau Phong Trào Phật Giáo không phải chỉ có cộng sản mà còn người bạn đồng minh của chính

phủ Việt Nam nữa. Họ muốn sử dụng Phong Trào này để làm áp lực và "sa tăng" với chúng tôi". Cha Francois nhìn Ông Nhu dò xét rồi mỉm cười: "Nước Pháp trước đây cũng chịu một áp lực như vậy và bị là "sa tăng" quá nhiều nhưng theo tôi, người Mỹ cũng cần Việt Nam chứ ?"

Ông Nhu đáp: "Dĩ nhiên là như vậy nhưng tất nhiên Việt Nam cần họ nhiều hơn..."

Ông Nhu bỏ lửng cấu nói rít một hơi thuốc rồi đứng lên tìm một tập hồ sơ trao cho Cha Francois: "Cha có thể xem qua một số hình ảnh này, Cha sẽ thấy...chính phủ Việt Nam khổ tâm biết bao nhiêu..."

Ông Nhu chỉ vào người Mỹ mặc áo sơ mi cụt tay: "ông ta chỉ là nhân viên thường của Cơ Quan USAID nhưng là viên chức lớn của CIA" Ông Nhu lại chỉ tay vào người Mỹ thứ hai: "ông ta là một Mục Sư trước đây hoạt động truyền giáo tại Darlac, nhưng trở về Mỹ cách đây 4 năm và mới qua Việt Nam với tư cách phóng viên..." Ông Nhu chỉ vào người Việt Nam gương mặt rất trẻ khôi ngô tuấn tú đội mũ "phớt" mặc âu phục, cổ hở...Ông Nhu hỏi: "Cha biết ai đây không?" Cha Francois chưa nhận ra ai thì Ông Nhu nhún vai: "ông ta là một nhà sư hiện đang ở Chùa Xá Lợi".

Cha Francois nhìn tấm hình có hai người Mỹ và người Việt (được Ông Nhu gọi là nhà sư) Cha chỉ mỉm cười, không nói vì không biết phải nói như thế nào. Cha Francois quen biết Ông Nhu từ lâu nên hiểu rõ con người ông tuy thông minh xuất chúng nhưng cố chấp và nhiều thiên kiến, Cha Francois lại có rất nhiều liên hệ và thân thiện với Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết cũng như Hòa Thượng Quảng Độ và Bác Sĩ Lê Đình Thám. Cha Francois tìm cách nói khéo với Ông Nhu là cho đến lúc này (1963) cha vẫn tin rằng các nhà sư không thể là cộng sản cũng như không thể để cộng sản lôi kéo. Ông Nhu tỏ vẻ khó chịu, nói: "cộng sản giống như con quỷ có trăm đầu, một thứ Mêcamorphose...cộng sản len lỏi vào khắp nơi ngay trong giới Công Giáo".

Có lẽ không thuyết phục được Cha Francois về lập trường cứng rắn của mình đối với Phật Giáo nên Ông Nhu lảng qua chuyện khác, lại chuyện

người Mỹ. Ông Nhu nói với giọng gay gắt: "Chúng tôi có nhiều kinh nghiệm với ngoại bang...Người Mỹ dù mạnh thế nào cũng không thể qua mắt nổi chính phủ này. Tôi trả lời thẳng cho người Mỹ rõ, họ muốn rút hết cố vấn cứ việc rút, cả viện trợ Mỹ chúng tôi cũng không cần, Mỹ có thể cúp viện trợ ngay lúc này Việt Nam vẫn đủ sức tự túc để chống cộng".

Cha Francois nghe giọng của Ông Nhu như một người phẫn uất sống chìm đắm trong thế giới ảo tưởng. Cha Francois hỏi:

- Ông nghĩ thế nào về việc đề cử ông Cabot Logde làm Đại Sứ ?

Suy nghĩ một lát, Ông Nhu đáp: "Cũng thế thôi nhưng Tổng Thống không có thiện cảm với ông ta vì ông ta có một quá khứ bất chánh". Cha Francois hỏi: "Hình như Đức Hồng Y Spellman có khuyến cáo Tổng Thống nên mở rộng chính phủ và chấp nhận đối lập ?"

Ông Nhu gật đầu: "Điều đó có, Tổng Thống cũng đang cứu xét nhưng với một nước chậm tiến như Việt Nam không thể áp dụng chế độ tự do dân chủ như Tây phương...Như Cha đã am tường lịch sử Việt Nam. Đất nước chúng tôi truyền thống dân chủ từ cả ngàn năm trước, dân chủ từ hạ tầng, từ xã ấp. Ở thượng tầng phải làm thế nào giữ được uy quyền tối thượng của quốc gia...Thưa Cha, Ấp Chiến Lược chính là con đường xây dựng cơ sở dân chủ từ hạ tầng...".

Dịp này Ông Nhu tâm sự với Cha Francois: "Mỹ có thói quen bắt buộc các đồng minh phải dập khuôn như họ...nhưng ở Mỹ khác, ở Á Châu này khác...trong một quốc gia hòa bình thì lại hoàn toàn khác với một quốc gia đang có chiến tranh. Tổng Thống Kennedy khuyến cáo Việt Nam cải tổ cơ chế dân chủ có nghĩa là phỏng cơ chế dân chủ của Mỹ. Nhưng Cha nghĩ coi, ông cha chúng tôi đã có nhiều kinh nghiệm về nạn chia rẽ, nạn kỳ thị phe phái...nếu ở Việt Nam áp dụng dân chủ như ở Mỹ thì chỉ đi đến tình trạng hỗn loạn. Mà Việt Nam thì không thể chấp nhận được tình trạng hỗn loạn". Cha Francois hỏi: "Hình như Tổng Thống Kennedy muốn Miền Nam có sự canh tân Hiến Pháp ?"

Ông Nhu mỉm cười đáp: "Không chính thức khuyến cáo như vậy nhưng

Hoa Thịnh Đốn gián tiếp muốn chúng tôi làm như vậy". Cha Francois: "Tôi có dịp gặp một vài Thượng Nghị Sĩ Mỹ như Nghị Sĩ Morse" Ông Nhu "à" một tiếng lớn và ngắt lời: "Tôi biết ông Morse, hắn ta chỉ là tên cao bồi say khói súng và chỉ là tên dô kề, nhưng phe hắn ta khá mạnh". Ông Nhu hỏi Cha Francois: "Cha thấy người Mỹ họ nhận định về chế độ này như thế nào ?" Cha Francois đáp: "Hầu hết người Mỹ đứng đắn đều không muốn Việt Nam bị xáo trộn nhưng họ muốn một chế độ cởi mở". Ông Nhu gật đầu: "Vâng họ đang lên án chúng tôi là độc tài cũng như trước đây họ đã lên án Tưởng Giới Thạch và Lý Thừa Vãn...Người Mỹ đã lầm giữa chế độ độc tài với sự bảo vệ uy quyền quốc gia tối thượng". Ông Nhu ngừng một lúc lại tiếp tục phân trần. "Thưa, chẳng hạn họ bảo chúng tôi là độc tài vì cho rằng không có Tối Cao Pháp Viện nên Hành Pháp điều khiển Tư Pháp. Họ cũng kết án chúng tôi là độc tài vì cho rằng Quốc Hội chỉ có một viện và do Quốc Hội không kiểm soát được Hành Pháp".

Nhân dịp gặp Ông Nhu Cha Francois có phàn nàn về việc chính phủ Việt Nam trục xuất Bác Sĩ Erie Wuff một y khoa Bác Sĩ Đức giảng dạy tại Trường Đại Học Y Khoa Huế. Ông Nhu lặng thinh một lúc lâu và đáp: "Ông ta là một điệp viên". Cha Francois ngạc nhiên buộc miệng: "Ông ta là một điệp viên ?". Ông Nhu lạnh lùng gật đầu. Một lát sau Ông Nhu đáp: "Wuff là một Agent double của CIA...Trước khi trục xuất ông ta, chính phủ Việt Nam đã có bằng cớ".

Gặp Ông Nhu, Cha Francois càng tỏ ra thất vọng về tình hình đen tối tại Miền Nam. Cuộc bất hòa giữa Việt Mỹ mỗi ngày thêm sâu xa và gần như không còn cách gì hàn gắn cho được. Cuộc tranh đấu Phật Giáo mỗi ngày một lan rộng, càng tăng cường độ. Cha Francois đi đến đâu cũng nghe tin đồn đảo chánh. Sau cuộc biểu tình lớn của Phật Giáo ngày 17.7, Ông Nhu đã đổi thái độ và quyết một lần ăn thua...ông đang dự trù một kế hoạch lớn.

Trong khi đó Tổng Thống Diệm vẫn chủ trương ôn hòa và tìm mọi cách hòa giải với Phật Giáo. Một số Tướng lãnh đều hết lòng chạy theo Ông Nhu đáng kể là Tướng Trần Văn Đôn, Tôn Thất Đính và Huỳnh Văn Cao,

Trần Tử Oai. Tổng Thống Diệm buông tay trước biến chuyển của thời cuộc. Khi đọc thấy báo chí Mỹ trước kia ca tụng ông bây giờ nhân vụ Phật Giáo lại công kích ông rất thậm tệ, Tổng Thống Diệm coi đó như sự lật lọng trắng trợn của chính phủ Mỹ. Sự thật với chế độ báo chí như Mỹ chính phủ Mỹ nhiều khi trở thành nạn nhân và bị báo chí dẫn dắt chi phối.

Thái độ ôn hòa và hòa giải của Tổng Thống Diệm được ghi nhận vào ngày 24.7 khi Tổng Thống Diệm quyết định cách chức Trung Tá Chiêu Giám Đốc Nha Thanh Tra Dân Vệ khi ông này tổ chức một số Thương Phế Binh và Quả Phụ biểu tình trước Chùa Xá Lợi sáng ngày 23.7.

Chiều thứ bảy 22.7 Tổng Thống Diệm lên Đà Lạt nghỉ cuối tuần. Theo Sĩ Quan Tùy Viên Lê Công Hoàn trong 5 năm phục vụ bên cạnh Tổng Thống Diệm, gần như không mấy khi Tổng Thống Diệm đi nghỉ xả hơi cuối tuần. Nhưng sau cái chết của Nhà Văn Nhất Linh và những biến chuyển dồn dập của tình hình, Tổng Thống Diệm tuần nào cũng lên Đà Lạt đi săn, cỡi ngựa. Trước khi đi Đà Lạt, Tổng Thống Diệm gọi ông Bộ Trưởng Thuần vào văn phòng chỉ thị một số điều. Ông Tổng Thống nói: "Ông và Cụ Phó xem xét còn điều chi chưa giải quyết thì giải quyết cho nó xong". Khi Tổng Thống Diệm lên máy bay đi Đà Lạt, các Sĩ Quan trong Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống thấy Thiếu Tướng Tôn Thất Đính vào Thành Cộng Hòa hội họp riêng với Trung Tá Khôi, Tư Lệnh Lữ Đoàn và Trung Tá Chiêu Giám Đốc Nha Thanh Tra Dân Vệ. Tướng Đính lúc ấy coi như người ruột thịt của chế độ và cột trụ của Quân Ủy Đảng Cần Lao. Cuộc hội họp này có mục đích nhằm đối phó với phe tranh đấu của Phật Giáo, với sự hoàn toàn tán đồng và thúc đẩy của vị Tư Lệnh Quân Đoàn III. Trung Tá Chiêu thực hiện một cuộc biểu tình của Thương Phế Binh và quả phụ 8 giờ ngày 23.7. Đại Đức Đại Nghiệp đã được mật báo là có một số Thương Phế Binh kéo đến "ăn vạ" tại Chùa Xá Lợi. Ủy Ban Liên Phái cấp tốc bố trí đề phòng. Cũng vào chính giờ đó Sư Bà Diệu Huệ, thân mẫu của Giáo Sư Bửu Hội mở cuộc họp báo với sự hiện diện của Sư Bà Diệu không (cả hai vị Sư Bà đều có con cháu trong hàng ngũ Tướng Tá

và nhân vật lương đống của chế độ Ngô Đình Diệm). Cuộc họp báo có rất đông ký giả ngoại quốc. Dịp này Sư Bà Diệu Huệ tuyên bố một câu nảy lửa là "sẽ tự thiêu noi gương Hòa Thượng Quảng Đức để cúng đường Phật Pháp để phản đối chế độ Ngô Đình Diệm". Chính giai đoạn này Giáo Sư Bửu Hội sẽ là Sứ Giả của chính quyền đi "giải độc" tại một số quốc gia Phi Châu và ông cũng có nhiệm vụ tiếp xúc với Uthant, Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc. Ủy Ban Liên Phái đưa Sư Bà Diệu Huệ vào cuộc tranh đấu và ở hàng đầu quả là cao kiến và đó là một đòn sâu hiểm khiến chính quyền Ngô Đình Diệm không thể không bối rối.

Đúng 9 giờ, hơn 100 Thương Phế Binh và quả phụ trương biểu ngữ kéo đến trước cổng Chùa Xá Lợi. Trước Ban Tổ Chức dùng máy phát thanh đặt trên xe lam chõ vào Chùa đọc lá thư được gọi là huyết lệ thư với nội dung kêu van các vị tu hành nên lo Phật sự kinh kệ và "đừng mắc mưu cộng sản thông đồng với ngoại bang cõng rắn cắn gà nhà". Lá thư trên được đọc đi đọc lại nhiều lần, trong Chùa các Nhà Sư và Phật Tử vẫn tiếp tục tụng kinh, gõ mõ, thỉnh chuông. 11 giờ thì số Thương Phế Binh náo động, Ban Tổ Chức đòi gặp đại diện Ủy Ban Liên Phái để trao huyết lệ thư.

Không được trả lời, họ đòi mở cổng chùa sau tự động nhảy qua hàng rào tràn vào bên trong tung truyền đơn và các bức hình về chiến sĩ.

Xét về kỹ thuật chống phe tranh đấu thì đây là một "cú" hơi thấp quá lộ liễu.

Vụ biểu tình của Thương Phế Binh và Quả Phụ tạo cho Ủy Ban Liên Phái có cơ hội gây xì căng đan chính trị. Đại Đức Đại Nghiệp thảo văn thư lên án vụ biểu tình này và cho rằng chính quyền không thành tín.

Qua văn thư gửi cho Tổng Thống Diệm, Ủy Ban Liên Phái lại qui lỗi cho phía Tổng Thống mà kỳ thực Tổng Thống Diệm không hề hay biết gì cả.

Đoàn tùy tùng của Tổng Thống trở về Sài Gòn vào chiều chủ nhật.

Theo thông lệ mỗi lần đi và về đều có các nhân viên chính phủ và Tướng lĩnh ra tận Phi Trường đón đưa. Hôm ấy Phó Tổng Thống Thơ tỏ ý

buồn phiền không ít về sự biểu tình của Thương Phế Binh vì nó không tạo được thông cảm cho việc hòa giải mà chỉ tăng thêm hố sâu chia rẽ giữa chính quyền với Phật Giáo.

Khi Tổng Thống Diệm trên phi cơ bước xuống thì Bộ Trưởng Nguyễn Đình Thuần chạy lại báo cáo ngay vụ biểu tình của Thương Phế Binh và Quả Phụ. Ông Tổng Thống mặt đỏ như gấc, đập chiếc ba toong xuống sân năm bảy lần và nói như quát:

- Đứa nào làm như rứa ? Ai biểu chúng nó làm như rứa ?

Bộ Trưởng Thuần thưa lại: "Làm như thế này con không biết phải trả lời ra sao với Ủy

Ban Liên Phái".

Ông Tổng Thống nổi giận hầm hầm đi vào phòng khách danh dự. Ông không nói một lời. Kinh nghiệm nhiều năm phục vụ bên Tổng Thống Diệm đã báo cho Sĩ Quan Tùy Viên Lê Công Hoàn biết, "khốn khổ với Ông Cụ rồi đây". Thường thường sự nóng giận như vậy ông Tổng Thống đều đổ vào đầu 6 Tùy Viên thân cận. Từ Phi Trường về Dinh Gia Long Ông Tổng thống không nói một câu. Tại Phi Trường ông ra lệnh cho Bộ Trưởng Thuần: "Cách chức nó ngay, bỏ tù" Sự thực, lỗi không phải do nơi Trung Tá Chiêu. Cuộc biểu tình kể trên được sự đồng ý của Thượng Cấp là Thiếu Tướng Tư Lệnh Vùng III nhưng cuối cùng Trung Tá Chiêu lãnh đủ. Ông Tổng Thống quyết định cách chức Trung Tá Chiêu và phạt 40 ngày trọng cấm. Hôm sau Trung Tá Nguyễn Ngọc Khôi Tư Lệnh Lữ Đoàn Phòng Vệ Phủ Tổng Thống vào phòng Tổng Thống hết lời năn nỉ Tổng Thống khoan hồng cho Trung Tá Chiêu. Ông Khôi trình bày đại ý đây chỉ là do sự quá hăng say phục vụ của Chiêu và ông Chiêu cũng là anh em trong nhà nên xin Tổng Thống miễn cho Chiêu khỏi bị phạt quá nặng như vậy và cũng xin Tổng Thống đừng cách chức Chiêu. Lúc đầu Tổng Thống Diệm có vẻ siêu lòng nhưng sau đó ông giữ quyết định cũ. Trung Tá Chiêu được coi như nạn nhân của tình thần phục vụ quá hăng say.

Hơn nữa, vụ này không chỉ một mình Chiêu mà do ý kiến và sự tán

đồng của Thiếu Tướng Đính. Trước đó, Thiếu Tướng Đính cũng vào Dinh xin cho Chiêu nhưng Tổng Thống nhất định không tha thứ.

Sự tranh đấu của Phật Giáo vẫn âm ỉ kéo dài đến ngày 20.8 tức ngày Cảnh Sát Chiến Đấu được lệnh bố ráp các Chùa Sài Gòn và trên toàn quốc.

Sau vụ biểu tình lớn ngày 17.7, Ủy Ban Liên Phái lại bắt đầu vận động cho một cuộc biểu tình khác. Phía Phật Giáo cố duy trì tính chất bất bạo động trong các cuộc xuống đường. Phía chính quyền trước sau chỉ ở thế thụ động và đề phòng. Tuy giới chức an ninh đã tung một màng lưới lớn vào các trung tâm tranh đấu của Phật Giáo nhưng màng lưới này chỉ đạt được kết quả thu lượm các tin tức trong lòng Ủy Ban Tranh Đấu của Phật Giáo. Nếu nói đơn thuần về kỹ thuật tranh đấu thì kỹ thuật của Ủy Ban Liên Phái có nhiều điểm mới lạ với những phát kiến đáng kể dù rằng kỹ thuật đó đã đạt tới 80% kỹ thuật mà cộng sản thường sử dụng. Chiến dịch rỉ tai tung tin giật gân thả từng trái ballon đảo chánh nhất là tạo dư luận xấu xa về ông Bà Nhu thì có thể nói phía tranh đấu đã được kết quả tuyệt hảo. Nếu đứng trên mặt chánh quyền mà phê phán thì chánh quyền Ngô Đình Diệm lúc ấy quả là quá yếu luôn luôn bị động và chỉ có chống đỡ vì không nắm được qui luật tranh đấu của Phật Giáo để tìm phương thức đảo ngược lại qui luật bất bạo động. Giả như một tay "cao thủ" sẽ tìm mọi cách công phá từ bên trong để làm sao bất bạo động, thành bạo động.

Việc Tổng Thống Ngô Đình Diệm cách chức Trung Tá Chiêu tuy chứng tỏ sự thành tín của ông đối với Ủy Ban Liên Phái nhưng tạo nên sự bất mãn trong tinh thần phục vụ của cấp bộ thừa hành. Trong khi đó Ủy Ban Liên Phái vẫn không thừa nhận sự thành tín này và cho rằng, Tổng Thống Diệm chỉ phạt Trung Tá Chiêu một cách giả vờ và có cớ tuyên truyền rằng chính quyền vô tư nghiêm trị phần tử vô kỷ luật. Ông Ngô Đình Nhu là người thứ nhất đã bất mãn và nói với cộng sự viên: "Ông Cụ làm như vậy thì từ nay trở đi còn đứa nào dám hăng hái. Chiêu nó có tội gì mà phạt nó như vậy". Vụ phạt và cách chức Trung Tá Chiêu Ông Nhu cho rằng: "Ông Cụ chỉ làm cho họ (Ủy Ban Liên Phái) mỗi ngày càng thêm quá khích".

Ngày 30.7, Ủy Ban Liên Phái tổ chức lễ chung thất cố Hòa Thượng Quảng Đức với hàng ngàn Phật Tử tham dự. Điều đáng kể là trong số Phật Tử lại có rất nhiều vợ con của các nhân vật cao cấp trong chánh quyền. Số người này trở thành những cán bộ hoạt động đắc lực trong việc thông tin, tạo dư luận tác động tinh thần chồng và cha của họ. Trong buổi lễ này dĩ nhiên lại có chuyện thuyết pháp. Ủy Ban Liên Phái đưa ra một Bản Tuyên Ngôn mới xác định lập trường đấu tranh bất bạo động cho những muc tiêu thuần túy tôn giáo...Kiểm điểm lại cuộc vận động nói trên đến nay mới chỉ được giải quyết trên giấy tờ (thông cáo chung) và bằng lời nói (hiệu triệu của Tổng Thống)

Trước đó Đại Sứ Nolting tuyên bố với phái viên của Hãng Thông Tấn UPI là "Ở Việt Nam không có vấn đề kỳ thị tôn giáo và ngược đãi Phật Giáo đồ". Phản ứng lại, ngày 1.8 Hòa Thượng Thích Tịnh Khiết gửi điện văn qua Tổng Thống Kennedy với nội dung: "Thay mặt toàn thể Phật Giáo đồ Miền Nam Việt Nam chúng tôi cực lực phản đối cùng Tổng Thống lời tuyên bố của Đại Sứ Nolting qua Hãng Thông Tấn UPI...Chúng tôi nghĩ rằng dân chúng Hoa Kỳ phải thấu rõ nỗi phẫn uất của Phật Giáo đồ đến 80% dân số. Lời tuyên bố của ông Nolting không phù hợp với sự thật luôn cả thiện chí và sự hiểu biết của người Hoa Kỳ".

Kể từ cuối tháng 7 Cơ Quan An Ninh Phủ Tổng Thống cũng như Cảnh Sát Đặc Biệt đã nắm được kế hoạch tự thiêu trường kỳ của Phật Giáo tranh đấu, nhưng tài thánh cũng không có gì ngăn chặn nổi. Ngoài ra Cơ Quan An Ninh còn nắm được kế hoạch của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam nhằm lũng đoạn cuộc tranh đấu của Phật Giáo trong đó có công tác tuyển mộ một số thanh niên cuồng nhiệt ở miền quê cho học tập rồi trở về xâm nhập tại các Đô Thị, cải trang nhà sư và họ sẽ sẵn sàng tự thiêu vì Đạo Pháp.

Cuộc tranh đấu của Phật Giáo lên như diều gặp gió và mỗi ngày càng bị tràn ngập bởi những "yếu tố tác ngoại". Các vị trong Ủy Ban Liên Phái lúc ấy tựa hồ như diều mà quần chúng Phật Giáo lại là cơn gió mạnh. Lúc đầu

khi cuộc tranh đấu vừa bộc phát thì các ngài vừa là diều vừa là giây diều và nắm được đầu giây. Từ tháng 8 năm 1963, Phong Trào Tranh Đấu càng lan mạnh, vì thế các vị lãnh đạo càng lên cao thì lúc ấy các vị chỉ ngồi thu gọn trên cánh diều và diều gặp gió lên cao mãi các vị không còn nắm đầu giây nữa và lúc đó chính những yếu tố ngoại tại "nắm đầu giây với một chiếc kéo để áp dụng đúng phương lược". Muốn được quần chúng tuân theo thì phải tuân theo kỷ luật quần chúng. Ở đây phải được hiểu là một nhóm người nào đó có kỹ thuật và kỷ luật tranh đấu và nắm được quần chúng trong một danh nghĩa thuận lợi. Câu: "Muốn được quần chúng tuân theo thì phải tuân theo kỷ luật quần chúng". Tuy là sáo ngữ và nặng phần "đảng tính" trong một tập thể đấu tranh trường kỳ và mai phục trường kỳ. Nhưng câu nói trên có ý nghĩa như thế này: Nếu Tổng Thống không theo "chúng tôi" thì chúng tôi cắt giây...Đã lên như diều gặp gió hẳn tâm lý con người không ai dám can đảm để cho kẻ cầm đầu giây đưa nhát kéo cắt ngang giây! Đó cũng là cái thế của nhiều vị lãnh tụ Phật Giáo trong bối cảnh sôi động vào tháng 7 và tháng 8 năm 1963.

Ngày 4.8 tại Phan Thiết, trước Dinh Tỉnh Trưởng Bình Thuận, Đại Đức Thích Nguyên Hương nổi lửa tự thiêu vào đúng lúc tan sở.

Đại Đức Thích Nguyên Hương được 23 tuổi thọ. Mấy giờ sau, Tổng Thống Diệm được báo cáo nội vụ. Ông bỏ ăn cơm chiều và 1 giờ đêm lại thơ thẩn xuống vườn đi tản bộ ngắm trăng sao. Đó là điểm thành công của Ủy Ban Liên Phái vì gây xúc động lớn ngay trong đầu não của chế độ. Hôm sau Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo lại phản đối chính quyền địa phương cướp xác Đại Đức Nguyên Hương. Bình Thuận là một trong mấy Tỉnh Miền Trung vốn bình lặng từ bao năm và đây cũng là nơi 30 năm về trước Tổng Thống ngồi ghế Tri Phủ Hòa Đa rồi Tuần Vũ Bình Thuận, nơi mà Tổng Thống Diệm tự hào có nhiều Tổng Lý trung thành với ông. Không khí tranh đấu ở Bình Thuận lại bốc bừng và dâng cao. Trọng tâm của Tỉnh Giáo Hội ở đây là nhằm vào việc Tỉnh Trưởng Trung Tá Nguyễn Quốc Hoàng một giáo dân mà thân phụ ông (Cụ Án Mẫu) vốn là bạn đồng

liêu của Tổng Thống Diệm.

Một số cán bộ của Tỉnh Giáo Hội vận động dư luận tấn công thẳng vào cá nhân Thiên Chúa Giáo của Trung Tá Nguyễn Quốc Hoàng. Dư luận ấy nhắm vào sự kỳ thị tôn giáo hơn là mục tiêu của Ủy Ban Liên Phái. Một số Ty Trưởng vì tự ái tôn giáo thay vì đứng về phía chánh quyền theo vị trí của họ thì họ lại âm thầm tham dự cuộc tranh đấu. Chính quyền địa phương này phải hứng chịu trận đánh nội công ngoại kích mặc dầu ông Tỉnh Trưởng là tín đồ Thiên Chúa Giáo nên bị mặc cảm tôn giáo từ lúc khởi đầu cuộc tranh đấu và chống tranh đấu thì cả phía chính quyền Bình Thuận và Tỉnh Giáo Hội Phật Giáo đều có lý. Đại Đức Nguyên Hương tự thiêu dù tinh thần hy sinh này xúc động bao nhiêu thì cũng chỉ có tác dụng trong một phạm vi và một khối lượng nào đó vậy cho nên Tỉnh Giáo Hội phải lấy được Giác Linh, vì có Giác Linh mới có đối tượng qui tụ đám đông...rồi từ lễ cầu siêu thuyết pháp đến ngày an táng sẽ là một khoảng thời lượng vô giá để vận động và khích động đám đông. Không lấy được xác Đại Đức thì kỹ thuật tranh đấu cho một chiến thuật đã trở nên vô hiệu. Mà chính quyền (nếu ai ở thế chính quyền cũng đều như vậy) phải có bổn phận đạt được sự vô hiệu hóa mọi kỹ thuật tranh đấu của phe đối nghịch.

TỪ CHIẾN DỊCH TỰ THIÊU ĐẾN KẾ HOẠCH NƯỚC LŨ

Qua tháng 8, tự thiêu được trở thành một chiến dịch. Nhà cầm quyền đành bó tay trước chiến dịch này.

Tổng Nha Cảnh Sát cũng như Cơ Quan Tình Báo Phủ Tổng Thống nhận được báo cáo đầy đủ về chiến dịch tự thiêu. Thượng Tọa Trí Quang được coi là tác giả của chiến thuật tuyệt diệu này. Mỗi địa phương (Miền Trung) theo sự sắp xếp và bố trí đã có sẵn một số ứng viên tự thiêu cùng với kỹ thuật làm thế nào gây được xúc động trong quần chúng và tạo được sự hoang mang trong Quân Đội nhất là giới Quân Nhân Phật Tử thuần thành. Hầu hết các ứng viên tự thiêu đều dưới 25 tuổi và thời gian vào Chùa đi tu không quá 5 năm.

Sau vụ tự thiêu của Đại Đức Nguyên Hương, ngày 13.8 Đại Đức Thanh

Tuệ, 18 tuổi lại tự thiêu tại Huế. Đại Đức Thanh Tuệ mới vào Chùa tu được 3 năm, tháng 6.1963 Đại Đức đậu bằng Trung Học Phổ Thông, Đại Đức Thanh Tuệ tự thiêu lúc 2 giờ đêm tại cửa Tam Quan Chùa. Vụ tự thiêu của Đại Đức Thanh Tuệ vào lúc 2 giờ đêm đã nêu lên một dấu hỏi lớn, một nghi vấn về phía chính quyền. Theo báo cáo của Cơ Quan An Ninh Thừa Thiên thì Đại Đức Tuệ là một Nhà Sư trẻ, hiền hòa rất chăm học. Nhưng Đại Đức Thanh Tuệ đã bị một nhóm người thúc đẩy tự thiêu. Đó chỉ là báo cáo của An Ninh. Tất nhiêu nhiều lắm thì ta chỉ có thể tin được 40% . Bản báo cáo nêu rõ Bà Vãi Cao Thị Dõ, trên 60 tuổi sống tại Chùa đã lâu năm và chuyên lo về việc nấu ăn, dọn dẹp. Bà Dõ không biết gì về việc Đại Đức Thanh Tuệ tự thiêu. Khoảng nửa đêm, bà thấy có một số người lạ mặt vào Chùa và cùng hội họp với Đại Đức Thanh Tuệ rất lâu. Bà không để ý gì cả...Khoảng 2 giờ sáng, bà nghe tiếng la hét thất thanh ghê rợn...bà hoảng hồn chạy ra hiên thì lúc đó ngọn lửa đã bùng lên ở Cửa Tam Quan.

Ngày 15.8.1963 Ni Cô Diệu Quang lại tự thiêu trước Trụ Sở Chi Hội Phật Học Ninh Hòa. Ni Cô Diệu Quang nguyên quán tại Huế. Tuy tu ở Chùa Vạn Thạnh nhưng Ni Cô lại không tự thiêu ngay tại nha thành mà bất thần đáp xe đò ra tận Ninh Hòa và nổi lửa tự thiêu tại đây.

Trước đó ít ngày Cơ Quan Tình Báo Phủ Tổng Thống phát giác có một nhóm người chủ động trong chiến dịch tự thiêu và sẽ tung ra từng loạt ứng viên tự thiêu về các địa phương để nổi lửa đấu tranh. Đại Tá Lê Quang Tung Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt cấp thời trình với Ông Cố Vấn Nhu đầy đủ hồ sơ và tin tức về chiến dịch kỳ hiệu này. Ông Nhu ra lệnh:

1.- Phải dập tắt chiến dịch này ngay.

2.- Làm thế nào bắt Trí Quang, người bị Cơ Quan Tình Báo nghi là tác giả chiến dịch tự thiêu.

3.- Khi xảy ra vụ tự thiêu nào thì chính quyền địa phương phải lập tức lấy xác đem vào nhà thương thông báo cho tang gia và chính quyền giúp đỡ họ trong việc tống táng.

Cơ Quan Tình Báo Phủ Tổng Thống còn bắt được Binh Nhì Ngô Văn

Nghĩa phục vụ tại Quân Đoàn II. Binh Nhì Nghĩa đào ngũ từ tháng 2.1963, anh vào Sài Gòn làm đạp nghề xích lô. Binh Nhì Ngô Văn Nghĩa sinh quán tại Bồng Sơn dưới 30 tuổi. Khi bắt được Nghĩa ngoài bản tài liệu gồm một số chỉ thị về kỹ thuật tự thiêu Cơ Quan Tình Báo còn tịch thu một số thuốc mê

Chloroforme...Và một số chai thuốc chích loại an thần cực mạnh.

Nhờ vụ bắt được Ngô Văn Nghĩa Cơ Quan Tình Báo nắm được đầu dây mối nhợ của chiến dịch tự thiêu. Binh Nhì Nghĩa cho biết anh ta sắp xuống Mỹ Tho đem theo một Đại Đức, theo kế hoạch này sẽ nổi lửa tự thiêu trước Tòa Tỉnh Trưởng Định Tường. Qua lời khai của Nghĩa Cơ Quan Tình Báo bắt thêm một số người trong đó có cụ già người Miền Bắc vào Nam trước năm 1940, cụ già này tục danh ông Sáu Bắc từ đồn điền cao su Hớn Quảng về Sài Gòn trung tuần tháng 7, khi nhân viên tình báo ập vào căn nhà ở Đường Tháp Mười (Chợ Lớn) giữa đêm đầu tháng 8 thì lúc ấy ông già Sáu Bắc đang ở trần mặc quần sà lỏn và đang nhậu ba xị đế với gà luộc cùng 3 thanh niên. Khám chiếc rương của ông già Sáu Bắc nhân viên Tình Báo tịch thu được một số bạc khoảng bẩy chục ngàn đồng.

Ông già Sáu Bắc bị bắt đã khai đại cương rằng, ông không biết Thượng Tọa Trí Quang cũng như Thượng Tọa Tâm Châu là ai cả, ông chỉ nghe chính quyền đàn áp Phật Tử và Sư Sãi. Khi được hỏi ai đưa ông già về Sài Gòn để tự thiêu thì ông già khai là Sáu Trừng. Một cái tên lạ hoắc đối với Cơ Quan An Ninh. Nhưng dần dần Cơ Quan Tình Báo cũng tìm ra đầu dây mối nhợ. Sáu Trừng là bí danh tạm thời của một cán bộ cao cấp thuộc tổ chức tôn giáo vận của Đặc Ủy Sài Gòn, Gia Định. Từ đầu tháng 8 Đặc Ủy Sài Gòn, Gia Định của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đã được Trung Ương chỉ thị phải đẩy mạnh Phong Trào Đấu Tranh của Phật Giáo và Sinh Viên Học Sinh đồng thời phải xâm nhập vào hàng ngũ Phật Giáo để nắm thế chủ động. Ông già Sáu Bắc là một trong hàng chục ứng viên tự thiêu mà Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam chuẩn bị cho chiến dịch tự thiêu nhằm đẩy mạnh Phong Trào Tranh Đấu của Phật Giáo. Thực sự thì các lãnh đạo

Phật Giáo lúc ấy (*trừ một vài vị có kinh nghiệm và sách lược về tranh đấu*) còn hầu hết chưa có kinh nghiệm về tranh đấu cũng như kỹ thuật nắm quần chúng. Cán bộ hạ tầng thì hết sức phức tạp các vị lãnh đạo trong Ủy Ban Liên Phái không nắm vững được. Ngay một số cán bộ Phật Tử cấp Trung Ương cũng phức tạp, tuy nhiên cán bộ cấp Trung Ương hầu hết là lớp người trẻ có tinh thần quốc gia như Lê Hữu Bôi, Nguyễn Trọng Nho, Nguyễn Hữu Đống. Nhóm Nguyễn Hữu Đống, Lê Hữu Bôi, Tôn Thất Tuệ, Nguyễn Trọng Nho, Nguyễn Hữu Doãn đóng một vai trò quan trọng trong việc vận động Sinh Viên ở hai Trường Luật Khoa và Quốc Gia Hành Chánh. Bôi không được huấn luyện về kỹ thuật tranh đấu nhưng rất có tài và tỏ ra là người quyền biến. Nguyễn Hữu Đống thuộc Trường Cao Đẳng Kiến Trúc tuy thâm trầm, nghệ sĩ nhưng lại trở thành một lãnh tụ sinh viên gan dạ, có nhiều sáng kiến. Ngoài ra có nhóm của Triệu Bá Thiệp (Luật Sư) và Nguyễn Mạnh Cường (Giáo Sư)...nhóm này kết với sinh viên với trí thức. Đại để, các nhóm này đều thuộc thành phần trẻ, trong sạch và đầy nhiệt huyết. Tại Huế ngoài phe Hoàng Phủ Ngọc Tường và Ngọc Phan còn phần đông vẫn là lớp trẻ tuy được gọi là quá khích cực đoan nhưng lại là những Phật Tử thuần thành.

Những quy luật tranh đấu cho biết cuộc tranh đấu cũng bộc phát mạnh và càn lan rộng thì cán bộ trung ương càng dễ bị đẩy vào thế bị động và lúc ấy ai nắm được cán bộ hạ tầng và ở địa phương cục bộ thì kẻ ấy nắm được Phong Trào Tranh Đấu. Qua kỹ thuật tranh đấu cách mạng trường kỳ của Lénine và Mao trạch Đông thì cuộc tranh đấu nào bộc phát ở trong lòng đất địch, người cán bộ cộng sản phải tàng hình biến hóa và để thích hợp ngay với môi trường tranh đấu và thực tại khách quan đòi hỏi, và hòa vào với thực tại khách quan (*như đóng vai trò một Phật Tử chân chính thuần thành)*. Khi xâm nhập vào Phong Trào Tranh Đấu ở trong lòng địch, người cán bộ cộng sản không bao giờ đứng hàng đầu (ler Plan) tức ở cương vị lãnh đạo trung ương và mặt nổi.

Sau khi tàng hình và thích nghi với thực tại khách quan thì lúc ấy người

cán bộ cộng sản rất sở trường về chiến thuật "*mượn đầu heo nấu cháo*" sử dụng kỹ thuật "*gậy ông đập lưng* ông"...

Đến nay vẫn chưa có bằng chứng nào để nhất đán cho rằng, Thượng Tọa này Thượng Tọa kia là tác giả chiến dịch tự thiêu và thúc đẩy Tăng Sĩ và Phật Tử tình nguyện tự thiêu vì nếu có như vậy quả là đã trái với đức hiếu sinh của nhà Phật.

Nhưng ít nhất thì các vị lãnh đạo Phật Giáo lúc ấy đã theo nhu cầu đòi hỏi của cuộc tranh đấu tất nhiên đã chấp nhận dễ dàng mọi sự tình nguyện hy sinh dù sự tình nguyện đó được thúc đẩy từ một động cơ nào thì ai ở trong cương vị lãnh đạo một cuộc tranh đấu như cuộc tranh đấu của Phật Giáo 63, cũng không thể mất thì giờ để cân nhắc, truy tầm nguyên nhân. Lúc ấy Cơ Quan Tình Báo Phủ Tổng Thống dù có nắm được đầy đủ tài liệu về sự xâm nhập của cộng sản thì Ông Nhu hay Tổng Thống Ngô Đình Diệm cũng khó lòng trình bày cho quốc dân thấy rõ, dân chúng sẽ cho ngay rằng chính quyền chụp mũ. Trường hợp ông già Sáu Bắc bị Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam cưỡng bách tình nguyện tự thiêu cho Phật pháp, *"ông khai là cộng sản cho gia đình ông năm chục ngàn đồng và hứa sẽ cho người con trai út của ông về Hà Nội du học)*. Ví dụ một vị lãnh tụ Phật Giáo có tinh ý biết được nhưng trong tình thế cấp bách của cuộc tranh đấu thì không ai dại gì chống lại sự "*tình nguyện cấp bách"* này. Các vị lãnh đạo trong Ủy Ban Liên Phái 1963 chưa có kinh nghiệm chính trị từ một thực tại tranh đấu (*vì mới nhảy vào cuộc lại lãnh đạo một Phong Trào Đấu Tranh quá lớn rộng)* nên hẳn nhiên chưa phân định rõ thế nào là chiến thuật chiến lược, trong những cái thế và điều kiện mà cộng sản hết sức mong muốn. Với cộng sản thì cuộc tranh đấu của Phật Giáo chỉ là chiến thuật của một giai đoạn nằm trong một chiến lược trường kỳ ngay trong lòng đất địch và do đó sự tự thiêu đối với cộng sản chỉ là phương tiện đấu tranh. Lénine đã dạy người cộng sản *"Trong cuộc tranh đấu chánh trị thì phương tiện nào cũng tốt"*. Phương tiện biện minh cho cứu cánh của cộng sản lúc ấy là làm sao lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm để tạo nên một tình

trạng hỗn loạn tại Miền Nam. Cứu cánh của một số cán bộ Phật Giáo (*phe quốc gia hữu phái và tả phái)* là lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm nhưng để có một chế độ tốt đẹp hơn trong đó Phật Giáo đóng vai trò hàng đầu *(như Thượng Tọa Trí Quang đã nuôi hy vọng Phật Giáo trở thành quốc giáo)*. Còn Ông Nhu ở thế chánh quyền thì cứu cánh của ông là phải bảo vệ và giữ vững chế độ *(ai nắm chính quyền mà chẳng như vậy)*. Trong cuộc đấu tranh của Phật Giáo đã có hai con đường đi song song. Con đường bên đây là cộng sản, con đường bên kia là Phật Giáo...giữa hai con đường cộng sản đã tạo ngay ra lối tắt để giao liên, rồi hóa trang con đường của họ như con đường của Phật Giáo làm cho chính quyền ở thế kẹt cứng và Ông Nhu chỉ còn một thế duy nhất là phong tỏa ngay cả hai con đường và bịt lối tắt giao liên. Đó cũng là lý do khiến Ông Nhu phải ra tay hành động vào ngày 20.8.

CHUẨN BỊ DƯ LUẬN RA TAY

Trước khi ra tay hành động, Ông Nhu đã khôn khéo chuẩn bị dư luận. Nhưng cuộc chuẩn bị của ông không thành công vì thiếu quần chúng tính và cán bộ thừa hành *(cấp Bộ Trưởng)* đã không đủ khả năng thực hiện một cuộc phản tuyên truyền và tuyên truyền *"đen"* để tạo dư luận thuận lợi cho kế hoạch hành động.

Thanh Niên Cộng Hòa ra Tuyên Cáo số 2 và số 3 cũng như những lời tuyên bố nảy lửa của Bà Nhu đã không tác động được tâm lý khối quần chúng trầm lặng, vì giản dị tổ chức Thanh Niên Cộng Hòa với Tổng Thủ Lãnh Ngô Đình Nhu và tập trung hầu hết các công chức nam nữ thì tổ chức này dưới mắt quần chúng chỉ là công cụ của chính quyền. Còn kỹ thuật phản tuyên truyền và tuyên truyền đen (*propag endenoire*) đã không được sử dụng và nếu có thì lại quá yếu và lộ liễu (*như truyền đơn của một số Thương Phế Binh và mấy tổ chức khác)*

Bà Ngô Đình Nhu thay vì nên im lặng và nếu có chống thì chống bằng cách khác (*có thể sử dụng tuyên truyền đen)* nhưng đằng này bà lại quá hăng say phát ngôn bừa bãi và hậu quả là chỉ tạo cho phía tranh đấu có thêm khí thế và có thêm cơ hội phản công chính quyền.

Buổi Đại Hội của Phụ Nữ Liên Đới tại Tòa Đô Chánh Sài Gòn vào thượng tuần tháng 8, Bà Nhu lại dùng ngôn ngữ "*nướng sư*" để nói với các vụ tự thiêu của Tăng Sĩ. Dư luận Phật Giáo lại phẫn uất...trong khi cuộc hòa giải đang có chiều hướng tốt đẹp.

Ông Mai Thọ Truyền cũng không mong muốn gì hơn là thu xếp cho êm đẹp càng sớm càng hay. Các lời tuyên bố của Bà Nhu giúp cho phe *"tích cực"* (gồm Thượng Tọa Trí Quang, Đại Đức Đức Nghiệp, Giác Đức và các sinh viên Phật Tử) có cớ để chinh phục và chế ngự khuynh hướng ôn hòa khi khuynh hướng này muốn hào giải với chính quyền.

Để phản ứng lại thái độ và ngôn ngữ của bà Ngô Đình Nhu, ngày 12.8 nữ sinh Mai Tuyết An nữ Phật Tử Chi Hội Phật Tử Thị Nghè đã dùng búa chặt cánh tay trái để cúng đường Phật Tử và kêu gọi tinh thần tranh đấu của hàng ngũ Sinh Viên Học Sinh. Hành động chặt tay của nữ sinh Mai Tuyết An đã có tác dụng lớn trong sinh viên và học sinh nhất là phía nam sinh viên học sinh thì hành động của Mai Tuyết An trở thành biểu tượng hy sinh và khích động mạnh vào lòng tự ái của Nam sinh viên học sinh. "*Phận gái còn như vậy huống chi nam nhi*".

Giới hầu cận của Tổng Thống Diệm cho biết cứ mỗi lần nhận đươc tin tự thiêu hay chích máu chặt tay, Tổng Thống Diệm lại lầm lì một cách khôn tả. Hôm Bà Nhu tuyên bố ở Tòa Đô Chánh với ngôn ngữ "*nướng sư*" đã làm cho Tổng Thống Diệm đùng đùng đập bàn nổi giận. Giới hầu cận cho biết, khi ông Dương Văn Hiếu nghe Bà Nhu nói như vậy (*được trực tiếp truyền thanh)*. Ông Dương Văn Hiếu chạy lẹ vào Dinh cấp báo với Tổng Thống Diệm: "*Bẩm Cụ Bà Cố Vấn nói như vậy làm hỏng hết kế hoạch của chúng con. Chúng con đang tiếp xúc bí mật, bên ấy (Phật Giáo) họ đã siêu lòng bây giờ Bà Cố Vấn lại nói như vậy làm hư hết kế hoạch hòa giải*". Ông Hiếu thuật lại đại cương về lời tuyên bố của Bà Nhu...Nhất là ngôn từ nướng sư, Tổng Thống Diệm mặt đỏ như gấc...ông hầm hầm nổi giận. Sau đó khi Bà Nhu về Dinh, ông Tổng Thống gọi điện thoại, đập tay vào bàn nói như hét: "*Mụ nói cái chi lạ rứa...*" Phía đầu giây bên kia không biết Bà

Nhu trả lời ra sao Tổng Thống Diệm la mắng: *"tui đã biểu Mụ im ngay đi"*. Tổng Thống Ngô Đình Diệm nói vu vơ: *"Nói năng chi mà lạ rứa người ta đang hòa giải phá thế này rồi nói với người ta thế"* Bà Nhu bị Tổng Thống Diệm la lối như vậy lại mách chồng, Ông Nhu rất tức giận vì không hiểu ai vào "*tâu"* với ông Cụ. Ông Nhu phải truy tầm ra thủ phạm. Mà suốt buổi sáng không có mặt nào quan trọng vào yết kiến ông Cụ...Sau ông mới khám phá ra là khoảng 10 giờ sáng Dương Văn Hiếu có vào phòng Tổng Thống. Ông Nhu gọi điện thoại bảo Dương Văn Hiếu vào Dinh gặp ông gấp. Linh tính báo trước là sẽ có chuyện chẳng lành và đúng là Ông Nhu biết rõ mình báo cáo trước ông Cụ nên ông Hiếu thay vì vào thẳng gặp Ông Nhu, ông đến phòng Tổng Thống Diệm trước để cầu cứu. Giới Tùy Viên cho biết ông Hiếu xanh mặt về vụ này và ông nói với Tổng Thống Diệm: *"Bẩm Cụ ông Cố Vấn cho gọi con vào...ông Cố Vấn biết là con báo cáo với Cụ về lời tuyên bố của bà Cố Vấn...Bẩm Cụ...con chết với ông Cố Vấn"*. Tổng Thống Diệm trầm tư rồi hỏi: *"Bây giờ anh tính thế nào ?"* Dương Văn Hiếu thưa ngay: "*Trình Cụ, nếu ông Cố Vấn có hỏi con xin nói là Cụ nghe qua radio và Cụ hỏi con có biết gì về lời tuyên bố của bà Cố Vấn thì con nói là có biết"*. Tổng Thống Diệm "*Thôi được, anh cứ lên gặp ông Cố Vấn, đã có tôi"*. Dương Văn Hiếu lò dò lên phòng Ông Nhu. Tổng Thống Diệm có mấy khi nghe radio bao giờ đâu. Nhưng trong Dinh lại có một số radio nhiều cái rất tối tân do các Đại Sứ tặng. Tổng Thống Diệm bảo ông già Ẩn lấy cho ông một cái và đặt ngay trên bàn. Ông Tổng Thống hỏi: "*Cắm điện ở mô ?"* Ông già Ẩn thưa: "*Bẩm cái này chạy pin"* Ông Tổng Thống mỉm cười: "*Ờ ờ...tìm cho ta cục pin"*.

Dương Văn Hiếu vào trình diện Ông Nhu. Với vẻ lạnh lùng Ông Nhu hỏi: *"Ai báo cáo cho ông Cụ ?"* Dương Văn Hiếu trả lời: *"Thưa ông Cố Vấn chuyện đó con không được rõ"*. Ông Nhu nói: "*Ngoài ông ra thì không có đứa nào báo cáo với ông Cụ"*. Ông Hiếu đáp: *"Thưa ông Cố Vấn, sáng nay con có việc vào trình Cụ , có nhẽ Cụ nghe qua radio nên hỏi con có hay biết gì về lời tuyên bố của bà Cố Vấn không, con ngay tình không biết nên*

trả lời Cụ là có nghe qua radio" Ông Nhu nhìn Dương Văn Hiếu mỉm cười, biết là Dương Văn Hiếu nói không trúng vì mấy khi Tổng Thống Diệm nghe radio.

Tổng Thống Diệm trong phòng chờ mãi không thấy Dương Văn Hiếu trở lại thì nóng lòng đi về phía phòng Ông Nhu. Tổng Thống Diệm cầm chiếc radio mở thật to có ý chứng tỏ cho ông em thấy là Tổng Thống nghe lời tuyên bố của Bà Nhu qua radio chứ không phải do Dương Văn Hiếu báo cáo lại. Dáng điệu Tổng Thống không được tự nhiên vì Ông Nhu trông thấy bào huynh tay cầm radio đi qua khẽ mỉm cười nên biết được ông anh *"nói dối"* để che trở cho Dương Văn Hiếu rồi Ông Nhu cũng lờ luôn mà không phiền trách gì Dương Văn Hiếu.

Có thể nói Bà Nhu trở thành diều hâu số một đối với Phong Trào Tranh Đấu của Phật Giáo 1963. Bà Nhu mạnh miệng có lẽ cũng là tâm lý không bị mặc cảm tôn giáo. Bà Nhu công khai bày tỏ: "*Bộ họ mới là Phật Tử hay sao, ba má tôi và cả họ ngoại nhà tôi đều theo Phật Giáo. Ai đàn áp ai"* Chính Ông Nhu cũng bị bà vợ lôi cuốn vào con đường "*diều hâu"...*

Trung tuần tháng 8 tức là trước ngày bố giáp Chùa khoảng 5, 6 ngày. Ông Nhu gặp riêng các nhân vật thân tín Dương Văn Hiếu, Đại Tá Y, Thiếu Tướng Đính cùng với Lê Quang Tung. Rồi một cuộc họp mật kéo dài trong ba giờ. Trước hết là nghe Đại Tá Tung báo cáo tình hình trong Quân Đội về tinh thần của Binh Sĩ, Sĩ Quan và Tướng lãnh. Ông Nhu hỏi: *"Đôn thế nào?"* Đại Tá Tung đáp: *"Trung Tướng Đôn bây giờ khá lắm, biết cư xử và hăng say làm việc"*.

Ông Nhu gật đầu: "*Đôn nó biết nghe*". Đại Tá Lê Quang Tung dè dặt: *"Con nghe hình như ông Cụ muốn cử Trung Tướng Nguyễn Ngọc Lễ là Tổng Tham Mưu Trưởng ?"* Đại Tá Tung vừa dứt lời thì Ông Nhu xua tay: "*Già Lễ thì còn mần được cái gì...cho già làm thanh tra là quá mức"*. Ông Nhu lại hỏi: *"Cao dạo này sao bết quá vậy ?"* Đại Tá Tung hỏi: *"Thưa về vấn đề gì ?"* Ông Nhu đáp nhát gừng: "*Tình hình quân sự Vùng IV bết bát lắm...có nhẽ phải cho Khánh nó về dưới đó"*. Đai Tá Tung bênh vực

Tướng Cao: "*Anh Cao chịu khó lắm, anh ấy coi bộ phàn nàn vì bị phá"*. Ông Nhu hỏi: "*Ai phá* ?" Đại Tá Tung đáp: *"Anh Cao có ý nghi ngờ Phạm Ngọc Thảo"*. Ông Nhu cười khẩy, không đáp. Ông Nhu tỏ ý khen ngợi Tướng Đôn đã cố gắng học tập và bỏ tính bay bướm rồi ông lại hỏi: "*Oai nó ở Tâm Lý Chiến có làm được cái gì không ?"* Ông Nhu hỏi như vậy là ý thăm dò. Sự thực từ ngày Thiếu Tướng Trần Tử Oai làm Giám Đốc Nha Tâm Lý Chiến, Tướng Oai đã có nhiều dịp gặp Ông Nhu từ chỗ "*năng đi năng lại*". Tướng Oai được Ông Nhu đem lòng tin cẩn sủng ái. Đại Tá Tung và một số Ủy Viên Quân Ủy khen ngợi Tướng Oai: *"Anh Oai ở Ngành Tâm Lý Chiến là hợp với khả năng anh ấy lắm. Con thấy từ tháng 5 đến giờ anh Oai làm việc hết sức cực nhọc"*. Ông Nhu khẽ gật đầu. Sau khi mạn đàm thăm dò "*lai rai*" Ông Nhu đi thẳng vào hai chủ điểm chính: Kiểm điểm một lần chót cùng về thành phần một số Tướng lãnh sẽ đứng sau lưng Ông Nhu để ra tay hành động vào đêm 20.8.

Ông Nhu chỉ thị cho Tướng Đôn, Tướng Đính cũng như Đại Tá Tung những điều căn bản phải thực hiện để dẹp Phong Trào đấu tranh. Ông Nhu đã có sẵn hai kế hoạch thuộc loại tối mật. Kế hoạch A sẽ được đưa ra thi hành vào đêm 20.8. Trong kế hoạch này có điểm phải cắt đứt mọi liên lạc giữa Chùa Xá Lợi và các nhân vật Mỹ qua ngả Usom...và bắt cho bằng được Thượng Tọa Trí Quang. Ông Nhu nhắc nhở: "*Trí Quang type Dangereux*"

Kế hoạch A cũng như B hoàn toàn do phía Ông Nhu và một số Tướng lãnh soạn thảo trong đó có Đại Tá Lê Quang Tung cũng như hai Tướng Đôn, Đính đã đóng một vai trò quan trọng.

Thiếu Tá Trần Ngọc Châu, Sĩ Quan Thuyết Trình Viên của Phủ Tổng Thống cũng góp rất nhiều sáng kiến. Trong cuộc họp mật giữa ông Cố Vấn Nhu, Đại Tá Lê Quang Tung cùng cơ quan đầu não đều cho rằng vấn đề chính yếu vẫn là làm thế nào triệt hạ nhóm Thượng Tọa Trí Quang, Đức Nghiệp và Thiện Minh. Đại Tá Tung thuyết trình một lần chót về vai trò của mấy nhà sư này. Theo Đại Tá Tung, Thượng Tọa Trí Quang có nhiều

liên hệ với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam còn Thượng Tọa Thiện Minh theo một nhân vật an ninh tình báo trình bày:

- Thưa ông Cố Vấn, cho đến lúc này tôi vẫn tin ông Thiện Minh không phải là cộng sản, tôi gặp Bác Sĩ Tuyến, anh Tuyến cũng đồng ý như vậy và anh Tuyến cho biết ông Thiện Minh, muốn thông cảm và hòa giải với chính quyền.

Ông Nhu hỏi: "*Cơ sở làm Tàu Vị Yểu của ông ấy ở Huế có liên hệ gì với tổ chức kinh tài của cộng sản không ?*"

Đương sự đáp: *"Con không rõ về vụ này nhưng ông Thiện Minh cũng có một số vốn. Ông Cậu ngoài đó (tức ông Ngô Đình Cẩn) cho biết, có giúp Tổng Hội Phật Giáo một số tiền rất lớn và thường trao thẳng cho ông Thiện Minh"*.

Ông Nhu tỏ vẻ khó chịu: "*Ông Cậu ngoài đó thì nói làm cái gì, ông ấy nuôi óng tay áo... Còn ông Tâm Châu thì sao ?"*

Đương sự đáp: *"Khi còn ở ngoài Bắc, ông Tâm Châu có tham gia Phong Trào liên tôn chống cộng và là bạn của Cha Hoàng Quỳnh"*.

Nghe nhắc đến Cha Hoàng Quỳnh, Ông Nhu lắc đầu: "*Nghe nói Cha Quỳnh và Cha Oánh ủng hộ mấy ông Thầy Chùa dữ lắm mà. Tôi chỉ thị cho mấy anh nếu từ nay Cha Cố nào lộn xộn cứ việc thẳng tay nhưng đừng cho ông Cụ biết"*. Ông Nhu lại hỏi: "*Me Sừ Đức Nghị hắn thế nào ?"*

Phần này Đại Tá Tung trả lời. Ông Tung lấy trong cặp ra một sấp hình mới nhất chụp bằng *"vi phim*" và vừa được phóng lớn.

Ông Tung trao cho Ông Nhu và nói: "*Đây là một số hình mới nhất chụp tại Chùa Xá Lợi và Chùa Giác Minh"*

Ông xem rồi lắc đầu: "*Thế này thì tranh đấu cái gì...?"* Ông Nhu mỉm cười: "*Nếu cần các toa cứ cho báo nó đăng lên để đồng bào thấy rõ"*. Ông Tung nói: "*Ông Cụ biết thì chết bọn con, hôm nọ có mất tấm hình "sét" lắm. Con và Hiếu trình lên Cụ. Cụ đỏ mặt bắt đem đi đốt"*. Ông Nhu hỏi: "*Các Toa có theo dõi thằng Rufno Philipo không ?"* Đại Tá Tung đáp: "*Rufno Philipo vẫn bí mật liên lạc với Chùa Xá Lợi*". Ông Nhu chỉ thị:

"*Tìm cho đủ bằng chứng, phải trục xuất thằng này*". Rufno Philipo sang Việt Nam phục vụ từ năm 1955. Ông ta là một trong những người Mỹ ủng hộ chính phủ Ngô Đình Diệm và khuyến cáo chính phủ Ngô Đình Diệm phải quyết liệt với Pháp và các giáo phái, Rufno Philipo là nhân vật số 2 của Usaid, tuy bên ngoài Rufno Philipo là một viên chức cao cấp của Usaid nhưng bên trong Rufno Philipo lại phục vụ cho Cơ Quan Tình Báo CIA. Đại Tá Tung đã quăng một màng lưới quanh Rufno Philipo và sử dụng cả Mỹ nhân kế...cho nên nhất cử nhất động của Rufno Philipo đều lọt vào tai của Đại Tá Tung. Ông Nhu nhấn mạnh: "*Các Toa phải tìm cho được bằng chứng, phải trục xuất ngay mấy thằng ở SAID. Còn thằng Richardson thế nào ?"*

Ông Tung đáp: "*Tuần trước ông ta ăn cơm với con và tối mới tối qua Richardson đi ăn cơm ở Đồng Khánh với tụi con"*. Dương Văn Hiếu đáp: "*Cho đến nay, con thấy Richardson không có gì đáng ngại ông ta rất thông cảm với mình. Có điều đáng ngại là thằng Smith"*.

Ông Nhu bảo lấy bản đồ Sài Gòn và ghi dấu mỗi ngôi chùa. Ông chỉ vào khu vực Chùa Xá Lợi: "*Làm thế nào phải isolé ngay"* Ông quay sang hỏi: "*Chùa này thế nào...Chùa kia thế nào ?* Đại Tá Tung đáp: *"Quan trọng nhất là Chùa Xá Lợi, mấy ngôi chùa kia đều là phụ. Con thấy nên tách rời Chùa Ấn Quang và Chùa Kỳ Viên. Cần phải bố ráp Chùa Từ Quang và Chùa Giác Minh"*. Ông Nhu hỏi: *"Sao lại như vậy ?"* Đương sự giải thích: "*Chùa Ấn Quang do Sư cụ Thiện Hòa trụ trì. Sư cụ Thiện Hòa là người Nam hiền đức lắm...Xin ông Cố Vấn nên tách rời chùa của các Sư người Nam"* Một vị Tướng cắt ngang: "*Đã làm thì làm hết, bất kể Trung Nam Bắc"* Ông Hiếu không muốn nói thêm vì biết Tung là người quá khích Tướng Đính lại quá nóng nảy và ít lâu nay Tung có ý nghi ngờ Hiếu đi với Bác Sĩ Tuyến song Ông Nhu lại có vẻ lưu tâm đặc biệt đến ý kiến này, Ông Nhu nói: *"Làm cách nào để tách rời mấy Chùa này* ?" Đại Tá Tung đáp: "*Con thấy không cách nào làm được cả*" Ông Nhu hỏi: "*Theo anh thì thế nào ?"* Nhân vật trách nhiệm về tình báo mật vụ đáp: "*Theo phúc trình của*

Cảnh Sát Đặc Biệt thì Chùa Ấn Quang hiện nay cũng bị các phần tử qua khích xâm nhập và trong nửa tháng nay xuất hiện nhiều kẻ lạ mặt từ dưới quê lên. Nhưng theo con đâu não là Chùa Xá Lợi, ở Huế là Chùa Từ Đàm nếu "bố ráp" hai đâu não này xong thì các Chùa khác không quan hệ" Ông Nhu cho biết ông vẫn băn khoăn về ngôi Chùa Xá Lợi tuy là đầu não của Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo nhưng Chùa Xá Lợi tiêu biểu cho Phật Giáo Miền Nam mà khối Phật Giáo này vẫn tỏ ra ôn hòa, hơn nữa Ông Nhu không muốn vì Chùa Xá Lợi mà làm phật lòng Phó Tổng Thống Thơ vì có liện hệ mật thiết với Hội Phật Học Nam Việt (Chùa Xá Lợi). Đại Tá Tung cương quyết: "*Nếu không kiểm soát được Chùa Xá Lợi thì không làm thế nào dẹp được Phong Trào Tranh Đấu*". Ông Nhu lại nhìn vào bản đồ suy nghĩ rồi gật đầu: "*Tung nói đúng. Vùng này đông dân lại ở trung tâm Đô Thành, gần một số trường học, ở ngay sát bên USOM. Tình hình mấy ngày nay ở trong ấy (tức Chùa Xá Lợi), như thế nào ?"* Đại Tá Tung đáp: "*Dương Văn Hiếu nắm vững tin tức Cảnh Sát Đặc Biệt gài thêm được một số người trong đó. Về phía con thì có 5 agent (điệp viên), tụi nó rất đắc lực....Các tấm hình vừa rồi là do tụi nó chụp được. Một đứa hiện nay là hộ vệ của Đức Nghiệp"*. Ông Nhu mỉm cười, chưa bao giờ ông có nụ cười tươi như vậy, Đại Tá Tung còn khoe: "*Con có trao cho nó một trăm ngàn đồng để đưa cho Đức Nghiệp"* Ông Nhu ngạc nhiên: *"Để làm cái gì ?"* Đại Tá Tung đáp: "*Nó (tức hộ vệ viên) đóng vai Phật Tử con nhà giầu và đưa tiền cúng dường Phật Pháp..."* Cả ba người cùng cười vui vẻ, Ông Nhu nói: *"Coi chừng không có nó lại cho vào túi riêng của nó*" Đại Tá Tung quả quyết "*thằng này tin cẩn lắm, trước nó phục vụ ở 707"* Ông Nhu hỏi: "*Các Toa tính sao nữa đây ?"* Ông Nhu nói thêm: "*Mọi việc phải tuyệt đối bí mật, điều cần là không nên cho ông Cụ biết (tức Tổng Thống Diệm) sau nữa là bọn CIA"* Sau cùng Ông Nhu quyết định sẽ "*bố ráp"* tất cả mọi ngôi chùa nào khả nghi ngoại trừ các Chùa tại miền Tây. Ông Nhu căn dặn: "Chùa nào không có khả nghi thì cứ để nguyên, không được xâm nhập..." Đại Tá Tung trình bày thêm một số chi tiết: "*Thưa ông Cố Vấn kế hoạch A*

phải có sự phối hợp chặt chẽ của Lực Lượng Đặc Biệt, Cảnh Sát, An Ninh Quân Đội và các cơ quan bán quân sự...” Ông Nhu đáp: “*Không cần thiết, Lực Lượng Đặc Biệt và Cảnh Sát là đủ rồi, Quân*

Đội được sử dụng ở kế hoạch B”. Ông Nhu nhấn mạnh: *“Mọi việc phải thi hành và kết thúc nội trong 1 giờ và phải chớp nhoáng...Giờ nào thuận lợi nhất ?”* Nhân vật an ninh tình báo đáp: *“Khoảng 12 giờ đêm*” Đại Tá Tung nói: “*Hơi sớm, độ 1:30 sáng là vừa”* Ông Nhu hỏi: “*Bên trong các Chùa họ có võ trang đề phòng gì không ?”* Đại Tá Tung đáp: “Chùa Từ Đàm và Diệu Đế bây giờ giống như Ấp Chiến Lược”. Ông Nhu cả cười hỏi: “*Có súng đạn gì không ?”* Đại Tá Tung đáp: “*Dạ thưa không nhưng có gạch đá, săng, gậy, vỏ chai...”* Ông Nhu hỏi: “*Chùa Xá Lợi, Ấn Quang thì sao ?”* Ông Tung đáp: “*Cũng như vậy. Riêng Chùa Xá Lợi tin tức cho biết hiện nay họ không đề phòng gì cả chỉ có một số thanh niên giữ trật tự và kiểm soát an ninh”* Một vị Tướng lên tiếng bảo Đại Tá Tung: “*Toa và Dương Văn Hiếu phải coi chừng chuông mõ”* Ông Nhu tỏ vẻ ngạc nhiên đương sự đáp: *“Khi mình tiến vô kiểm soát thì thế nào họ cũng khua chuông gõ mõ để báo động*” Đại Tá Tung đáp không thể làm thế nào được hơn. Moa sẽ nói với Hiếu để Lũy gài thêm người vào để tụi nó lo phần mõ. Ông Nhu đắc ý: “*Ờ ờ đúng...mà họ có thể dùng chậu phèng la”*. Đại Tá Tung nói: “*Tụi con sẽ nghiên cứu kỹ việc này. Nhưng nếu tiến vô họ chống đối thì làm sao ?”* Ông Nhu trầm ngâm rồi đáp: *“Tuyệt đối không được gây đổ máu”*.

Khi Ông Nhu chỉ thị phải tránh đổ máu thì Đại Tá Tung thắc mắc: “*nếu họ chống cự họ ném gạch đá thì làm sao tránh cho được ?”* Ông Nhu lắc đầu: “*Bằng mọi cách phải tránh đổ máu”*. Ông Nhu bèn qua kế hoạch B, phần này, Ông Nhu nói giản dị: “*Để cho Đôn và Đính nó lo. Các Toa lo phần đâu...”* Sự thực thì cả hai kế hoạch đều do Tướng Đính điều động.

GIẢI PHÁP CUỐI CÙNG

Ngày 20.8, Hội Đồng Tướng Lãnh nhóm họp tại Bộ Tổng Tham Mưu để thảo luận về vụ tranh đấu của Phật Giáo và tìm biện pháp đối phó để

ngăn chặn cộng sản và đồng thời tái lập trật tự an ninh tại Đô, Thị Tỉnh. Ông Nhu không trực tiếp chỉ thị cho Hội Đồng Tướng Lãnh phải có thái độ thế nào, hành xử thế kia. Nhưng xuyên qua cuộc tiếp xúc riêng giữa Ông Nhu với các Tướng Đôn, Đính, Oai, Khánh, Trí...thì những ý kiến đưa ra thảo luận lại là chính ý kiến của Ông Nhu nằm trong kế hoạch A và B. Trước một quyết định quá ư quan trọng đối với lịch sử và nhất là Phật Giáo, Ông Nhu cố ẩn mình trong bóng tối giật giây cho Hội Đồng Tướng Lãnh hành động.

Kết quả, Hội Đồng Tướng Lãnh quyết định, Quân Đội phải ra tay. Có một số ý kiến chống lại việc bố ráp Chùa chiền trong đó có ý kiến của Tướng Khánh nhưng thực ra Tướng Khánh chỉ phát ngôn theo sự chỉ dẫn của Ông Nhu. Trước đó, Tướng Khánh từ Pleiku về Sài Gòn được gọi vào Dinh gặp riêng Ông Nhu. Cuộc tiếp xúc kéo dài hai tiếng đồng hồ. Lúc trở ra, Tướng Khánh lộ vẻ tươi vui hớn hở. Không hiểu nội dung cuộc tiếp xúc như thế nào nhưng Tướng Khánh tiết lộ với Đại Tá Tung và một số sĩ quan cao cấp của Quân Ủy rằng, ông chống lại việc bố ráp Chùa chiền để thăm dò thái độ của các Tướng như thế nào, thì hầu hết các Tướng nhất là ba Tướng Đôn, Đính, Oai không đồng ý và chủ trương phải áp dụng biện pháp mạnh đối với phe đấu tranh.

Ông Nhu đã thành công trong việc hướng dẫn Hội Đồng Tướng Lãnh qua Tướng Đôn và Oai. Ông Nhu chỉ thị không nên để Quân Đội trực tiếp hành động qua quyết định của Hội Đồng Tướng Lãnh và làm thế nào để Hội Đồng Tướng Lãnh có chung một thái độ còn phương thức hành động ra sao thì để tùy quyền các Tướng Tư Lệnh Vùng. Kết quả, Hội Đồng Tướng Lãnh đã đi đến một quyết định như vậy sau lời tuyên bố của Tướng Đôn *"Bây giờ các toa ai nấy trở về vùng mình và tùy nghi quyết định lấy. Nhưng 12 giờ đêm nay, các Toa đợi lệnh Thượng Cấp"* Vùng IV được coi như vô sự, Vùng II riêng Thành Phố Nha Trang phải ban hành lệnh giới nghiêm từ ngày 15.8. Linh Mục Cao Văn Luận bị chấm dứt nhiệm vụ Viện Trưởng Đại Học Huế kể từ ngày 16.8 và Giáo Sư Trần Hữu Thế, nguyên

Bộ Trưởng Giáo Dục và Đại Sứ Việt Nam tại Phi Luật Tân được triệu hồi về nước thay thế Linh Mục Luận. Tình hình ở Huế tuy bên ngoài có vẻ lắng động về phía Phật Tử nhưng hàng ngũ sinh viên bắt đầu dấy động mạnh mẽ. Nhưng thủ lãnh của họ như Ngô Kha, Nguyễn Diễn đã thực sự lao đầu vào cuộc.

Ngày 20.8, Đà Nẵng lại có biểu tình lớn. Phong Trào Tranh Đấu của Phật Giáo lan rộng vào học đường và biến thái để trở thành cuộc tranh đấu của tuổi trẻ, giáo giới hầu hết cũng thay đổi thái độ do dự trước đây...Mọi người thao thức "*phải làm một cái gì đó...*" Lúc ấy không ai dự đoán một cái gì đó sẽ đem lại cho quê hương kết quả như thế nào ?

Sinh viên Đại Học Sài Gòn, giới trí thức và văn nghệ sĩ đã nghiêng hẳn về phía Phật Giáo. Nhóm Nguyễn Mạnh Cường khuấy động mạnh mẽ tại hai Trường Luật và Văn Khoa. Nhóm Nguyễn Hữu Đống đi sát với Ủy Ban Liên Phái Phật Giáo và mỗi ngày nhóm này càng phát triển và thanh thế lan rộng, thu hút khối Học Sinh đông đảo tại mấy trường lớn như Chu Văn An, Gia Long, Trưng Vương, Võ Tường Toản, Pétrust Ký, Cao Thắng. Chính điều này đã làm cho Ông Nhu lo lắng. Ông Nhu nói với Cao Xuân Vỹ cũng như Lê Quang Tung: *"Mấy ông thầy chùa tranh đấu dẹp lúc nào là xong lúc ý nhưng các chú coi chừng mấy thằng sinh viên"* Ông Nhu cũng nhấn mạnh: *"Bọn trẻ nó nổi loạn thì khó cho mình lắm!"*

Nếu phân tách Phong Trào Tranh Đấu 63, bỏ ngoài những khuấy động ngoại tại, thì Phong Trào đó kể từ đầu tháng 8 đã biến thái trở thành Phong Trào Tranh Đấu của tuổi trẻ. Đây là lần thứ nhất kể từ 19.8.1945, tuổi trẻ đã vùng dậy với tất cả khí thế và nhiệt huyết, tranh đấu để mà tranh đấu thế thôi. *Phải làm một cái gì. Một cái gì đó đẹp như mơ*. Đó là tiếng gọi thống thiết của tuổi trẻ 63. Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo đã có cái may lớn nhất là dựa vào lực lượng lớn lao của tuổi trẻ lúc đó. Ông Nhu nhận định rõ tầm quan trọng của hàng ngũ Sinh Viên Học Sinh nên phải tìm cách đối phó ngay. Khi thấy Học Sinh Sinh Viên tham dự biểu tình tuyệt thực, Tổng Thống Diệm trách cứ Bộ Giáo Dục thì Ông Nhu xác định rõ

như thế này: *"Cứ để mấy ông thầy chùa kéo dài dài như rứa thì chỉ còn cách đóng hết các cửa trường mà thôi"*. Trong kế hoạch A và B trọng tâm của Ông Nhu là tách rời cuộc tranh đấu của Phật Giáo với tập thể sinh viên học sinh và trí thức. Bản chất của trí thức thành phố vốn lè phè cầu an, do dự đắn đo vị kỷ nhưng không phải là không nguy hiểm nếu giới này xoay lưng lại chống đối chính quyền và sáp vô tập thể sinh viên học sinh khi trò tranh đấu mà có Thầy đứng đằng phía sau hỗ trợ thì đó mới là điều nguy hiểm đối với bất cứ một chính quyền nào.

Ông Nhu đã đứng vào thế chân tường: Một là để chế độ sụp đổ hai là phải dẹp Phong Trào Đấu Tranh. Muốn dẹp Phong Trào Tranh Đấu mà sinh viên và học sinh đã trở thành tiềm lực thì phải đánh bật cái khối địa hình chỉ đạo (tức Ủy Ban Liên Phái Bảo Vệ Phật Giáo). Khi cái khối này tan vỡ thì các khối vô định hình khác như sinh viên và học sinh cũng tan vỡ theo và lúc đó thì cộng sản cũng như các thành phần chống đối khác sẽ không còn đất để tổ chức và lãnh đạo quần chúng hầu tranh đấu cho các mục tiêu của họ ẩn nấp qua chiêu bài Phật Giáo Tranh Đấu.

Thế của Ông Nhu lúc ấy chỉ còn một chọn lựa: *Một mất một còn, được ăn cả ngã về không*. Ai ở cái thế chính quyền như trường hợp Ông Nhu cũng phải chọn lựa như vậy.

Các lực lượng chống đối mỗi ngày mỗi tăng triển mau lẹ và nhất là thành phần quốc gia bấy lâu bị tan rã nhưng nhờ biến cố Phật Giáo đã tạo được cơ hội kết hợp cùng nhau. Thành phần quốc gia ở đây không phải do một số lãnh tụ già nua mà hầu hết đều thuộc giới trẻ với tất cả khí thế và khát vọng thực hiện một cuộc cách mạng xã hội tận gốc tận ngọn tại Miền Nam. Khát vọng đó mới chỉ thành ý niệm mơ hồ nhưng gặp môi trường thuận lợi ý niệm kia bỗng dưng trở thành ngọn lửa mỗi ngày một bốc cao theo cơn giông bão của thời cuộc. Ông Nhu không phải là không nhận thức rõ tầm quan trọng và nguy hiểm của cái thành phần chống đối này.

Cuộc thương nghị giữa chánh quyền và Phật Giáo vẫn bế tắc. Cộng sản và các thành phần đối lập chỉ mong duy trì sự bế tắc này. Càng bế tắc càng

thuận lợi cho mục tiêu riêng của họ Riêng mục tiêu tranh đấu đòi quyền bình đẳng tôn giáo của Ủy Ban Liên Phái Ông Nhu bảo với Cao Xuân Vỹ: "*đòi như rứa thì làm sao mà thỏa mãn cho được. Mục tiêu chiến lược mà...*" Ông Nhu ở cái thế hai chân bị đặt vào chậu nước sôi.

Quần chúng ở đâu và ở bất cứ thời nào cũng chỉ là tập thể bị thống trị. Tập thể bị thống trị ấy tuy chỉ là khối vô định hình nhưng luôn luôn tiềm ẩn cái mầm công phẫn chống đối cái thiểu số thống trị (tức nhà cầm quyền) Phong Trào Tranh Đấu của Phật Giáo kể từ đầu tháng 8 đã gây được niềm phấn khởi trong khối quần chúng đông đảo kia. Phong Trào Tranh Đấu của Phật Giáo được lòng đa số quần chúng thì đồng thời cũng dễ dàng gây xúc động và thu hút được giới trí thức, văn nghệ, báo chí và sinh viên. Nhất là giới văn nghệ và sinh viên cũng như báo chí luôn luôn có khuynh hướng nghiêng hẳn về phía bị thống trị (trừ quần chúng) để chống lại thiểu số thống trị. Sau cái chết của Nhất Linh và nhất là qua thái độ kiêu căng quá lố của Bà Nhu cùng ngôn ngữ sỗ sàng của bà đối với các nhà lãnh đạo Phật Giáo và Nhân Sĩ , hầu hết văn nghệ sĩ nếu không công khai thì cũng âm thầm ủng hộ cuộc tranh đấu của Phật Giáo. Đáng kể là thái độ của Hội Bút Việt với Linh Mục Thanh Lãng và Nhà Thơ Vũ Hoàng Chương. Nhóm trẻ với những Thế Phong (Đại Nam Văn Hiến) Khải Triều, Đỗ Ngọc Trâm và những Thế Nguyên, Diễm Châu, Nguyễn Khắc Ngữ...Tuy họ chỉ là một tối ư thiểu số nhưng chính thành phần trẻ đã trở thành hấp lực thu hút đám đông và gây thêm phần phấn khởi cho cuộc tranh đấu.

Ông Nhu phải chọn lựa như một giải pháp cuối cùng. 9 giờ đêm ngày 20.8, ông gặp Đại Tá Lê Quang Tung để xét duyệt kế hoạch lần chót và suốt buổi chiều ông đã thảo luận tỷ mỷ với Tướng Đôn, Đính, Oai...Tối hôm ấy Tổng Thống Diệm đi ngủ sớm hơn thường lệ. Ông Nhu chỉ thị cho ông Tung và mấy viên chức cao cấp của Cảnh Sát và tình báo: "*Thận trọng tối đa nhất là đối với ông cụ Tịnh Khiết...phải "sole" ngay mấy đứa quá khích, phải phối hợp chặt chẽ với Đính...Thắc mắc thêm cứ hỏi Đôn hay*

Đính".

Cuộc hành quân bố ráp Chùa chiền tuần tự tiến hành kể từ lúc 11 giờ đêm sau khi các viên chức cao cấp đã lãnh đầy đủ những chỉ thị của Tướng Đính tại Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt. Đại Tá Tung được viên chức cao cấp của Cảnh Sát Đặc Biệt thông báo riêng như sau: *"Tôi không hiểu như thế nào, tụi nói mới ở trong Xá Lợi về cho biết, mấy ông thày chùa hội họp liên miên từ hồi chiều đến giờ. Trong chùa đã có lệnh báo động họ đang bố trí để chống lại"* Ông Tung đáp: *"không sao, một lát sẽ hốt hết!*" Viên chức này cho biết thêm: *"lúc 9 giờ, tụi nó ghi được số xe của Mai Thọ Truyền...ở trong chùa đi ra, hình như có một người nằm phía sau xe"*.

Ông Tung kinh ngạc: "*Sao không cho bám sát ngay và chặn lại...Thích Trí Quang lọt lưới thì hỏng hết"...*

Thực ra thì từ sáng ngày 20, Đại Đức Thích Đức Nghiệp qua một đường giây đặc biệt đã nhận được nguồn tin chính quyền sẽ tấn công Chùa Xá Lợi và Ấn Quang nội trong ngày 20 và 21. Cũng 8 giờ tối ngày 20, ông Smith, Phó Giám Đốc CIA đến trụ sở USOM có lẽ để quan sát tình hình và chính ông Smith đã gọi điện thoại cho Đại Tá Tung hỏi: *"Đêm nay hình như Đại Tá phải đi hành quân ?"* Ông Tung chột dạ đem chuyện này báo cáo với Ông Nhu. Ông Nhu mỉm cười: *"Hồi chiều Truheart có hỏi moa...Không sao, chắc chắn là tụi nó biết rồi nhưng cứ việc tiến hành. Cần mần răng Thích Trí Quang không thoát khỏi ra Sài Gòn"* Đại Tá Tung quả quyết: "*Ông Cố Vấn cứ yên tâm Trí Quang không thể nào thoát khỏi"*. Ông Nhu dặn thêm: "*Phải biệt lập ông ta một nơi giao cho chú mày phải trực tiếp khai thác...đối xử với ông ta như sĩ quan cấp Tướng*" Ông Nhu lại bảo ông Tung: *"phúc trình ngay vào chiều mai. Vụ cháu ông Sinh như thế nào ? Nó tiết lộ gì thêm không ?"* Đại Tá Tung cho biết: *"cháu đang khai thác, những điều hắn tiết lộ đem đối chiếu với diễn tiến thì đúng"* (cũng nên ghi thêm: Ông Cửu Sinh là thân phụ của Đại Tướng Võ Nguyên Giáp (một kỳ hào đại chủ ở làng An Xá thuộc Tổng Đại Phong cùng một Tổng với gia đình Tổng Thống Diệm) thời Pháp ông Sinh được hàm Cửu Phẩm Văn

Giai).

12 giờ đêm ấy, Đại Đức Đức Nghiệp được điện thoại bí mật báo cho biết Cảnh Sát sắp sửa tấn công Chùa. Xá Lợi náo động. Hàng trăm Tăng Ni tín đồ tuy giao động mà thêm phấn khởi. Ông Nguyễn cho biết: "*Chúng tôi quyết một lòng tử thủ số gạo dự trữ trong chùa có thể ăn được hơn một tuần. Chúng tôi dự trữ đầy đủ tương, chao, muối, và nước. Hàng chục thùng đèn cày và dầu để đề phòng một khi chính quyền cúp điện nước. Một số các Phật Tử trẻ yêu cầu các Thượng Tọa Đại Đức lãnh đạo tìm đường rút ra khỏi chùa nhưng Thượng Tọa Tâm Châu quyết định ở lại, chính sự có mặt của các Thượng Tọa Đại Đức làm cho khí thế càng thêm mạnh. Chúng tôi chuyển các chậu kiểng lên lầu và đó là khí giới tử thủ*".

12 giờ 30, Cảnh Sát đã hoàn toàn phong tỏa quanh vùng Xá Lợi. Ông Trần Văn Tư làm Giám Đốc Cảnh Sát Đô Thành trực tiếp nhận chỉ thị của Đại Tá Nguyễn Văn Y, Tổng Giám Đốc Cảnh Sát Quốc Gia cũng như hai Tướng Đôn và Đính. Dưới quyền ông gồm có lực lượng Cảnh Sát của Quận III (Cò Kính) và Quận I (Đại Úy Quyền) cùng lực lượng Cảnh Sát Chiến Đấu của Thiếu Tá Dần. Mấy ông Cò nhìn nhau một thoáng lo ngại. Trong thoáng chốc, Khu Xá Lợi bỗng nhiên huyên náo, tiếng máy xe nổ, tiếng người lao xao, tiếng la hét thất thanh, chuông mõ khua rầm rĩ. Hơn nửa giờ, toán Cảnh Sát Chiến Đấu tiền phương không thể nào tiến vào được Chùa... Gạch đá ném dữ dội quá. Đại Úy Quyền bị chậu kiểng ném trúng, thương tích khá nặng. Hơn 10 Cảnh Sát chiến đấu bị loại khỏi trận. Qua máy, Tướng Đính hối thúc ông Tư: "*Làm gì mà lúng túng vậy, sáp đại vô*". Rồi đợt thứ 2, lại trận mưa gạch đá và chậu kiểng, ghế, kể cả cánh cửa. Chuông mõ vẫn vang rền, những tiếng hò hét thất thanh kêu cứu trong tuyệt vọng. "*Bớ người ta Cảnh Sát phá Chùa...Bớ người ta Cảnh Sát giết thầy chùa chúng tôi*"...Từng loạt đạn mã tử nổ càng làm tăng không khí cực kỳ máu lửa, giao động...ông Nguyễn nói: "*Lúc ấy tôi không còn nghĩ gì hơn là chiến đấu cho đến chết để bảo vệ các thầy*" Trong tiếng la hét vẫn thỉnh thoảng xen lẫn tiếng tụng niệm của các vị sư già và nữ Phật Tử. Lần

này Cảnh Sát chiến đấu lọt vào sân chùa. Hơn một nửa giờ chiến đấu, sức chống cự của những người cố thủ kiệt dần...kiệt dần...Rồi từng loạt nổ chát chúa...khói tỏa mù mịt. Ông Nguyễn nói: "*Một trái lựu đạn cay liệng vào đúng chân tôi...chịu không thấu, tôi quị ngay từ lúc ấy...Nước mắt dàn dụa...mọi người kêu khóc*"...

1g30 thì Cảnh Sát hoàn toàn làm chủ tình thế. Cảnh Sát viên Quý cho biết: "*Tôi thuộc toán có phận sự chiếm phương trượng (nơi có tượng Đức Thế Tôn) Ông Giám Đốc Tư chỉ thị cho bọn tôi phải chiếm ngay phương trượng và đứng dàn bao quanh, cấm không được một ai lai vãng. Không được sờ mó đến bất cứ một thứ gì*". Cảnh Sát viên Quý cho biết thêm: *"Toán chúng tôi rút lui sau cùng, sau khi ông Giám Đốc Tư khen ngợi bọn tôi và chính tôi được lệnh lấy hương đốt rồi vái Phật cho đến lúc ấy đèn nến vẫn sáng trưng"*.

Các Thượng Tọa, Phật Tử đều ngất ngư...Nhiều người ngất xỉu vì hơi cay. Hòa Thượng Hội Chủ Tịnh Khiết bị mảng của chậu kiểng bắn vào mắt. Ông Nguyễn nói: "*Chúng tôi bị lùa lên xe Camion. Nhiều người bị xỉu không đi nổi thì Cảnh Sát khiêng bỏ lên xe...Từ đó tôi càng thêm căm thù chế độ Ngô Đình Diệm*".

Cuộc lục soát chấm dứt lúc 2g10. Tướng Đôn khen ngợi Giám Đốc Cảnh Sát Đô Thành và một số viên chức cao cấp. Ông nói: *"Lúc đâu moa tưởng các toa không vô được chậm 15 phút nữa thì moa phải cho bọn Dù và Thủy Quân Lục Chiến thay thế các toa"*.

Bác Sĩ Lê Văn Triều được chỉ định đặc biệt để trông nom về phần y vụ đối với các Thượng Tọa và Phật Tử bị Cảnh Sát giam giữ tại bót Quận 7.

Cùng một giờ với Xá Lợi, Chùa Từ Đàm, Diệu Đế tại Huế cũng như Ấn Quang và một số Chùa trên toàn quốc đều bị kiểm soát như vậy. Nhưng chỉ có Chùa Từ Đàm, Ấn Quang, Xá Lợi sức chống cự của Phật Tử được coi là gay cấn mạnh mẽ.

Sau cuộc hành quân Cảnh Sát này, Đại Tá Tung cũng như hai Tướng Đôn, Đính đều hốt hoảng vì không bắt được Thượng Tọa Thích Trí Quang.

Cảnh Sát Đặc Biệt của ông Dương Văn Hiếu trong khi lục xoát chỉ tìm được một tấm căn cước của Thượng Tọa Thích Trí Quang cùng một số tài liệu và rất nhiều thư từ. Ông Giám Đốc Cảnh Sát Đô Thành báo cáo cho biết, riêng khu vực Xá Lợi có 30 Cảnh Sát bị thương vì gạch đá và chậu kiểng từ phía trên lầu ném.

Cùng lúc xảy ra cuộc lục xoát Chùa Xá Lợi và Ấn Quang, Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Phòng Vệ Thủ Tổng Thống nhận dược báo cáo: *"có lính Lực Lượng Đặc Biệt sâm nhập yếu khu I và đã chiếm Bưu Điện"* Thiếu Tá Duệ xin chỉ thị của Tư Lệnh và mọi người tưởng có binh biến. Sĩ Quan Tùy Viên báo cho Thiếu Tá Duệ "g*iờ Tổng Thống đang ngủ*" Sau đó Bộ Tư Lệnh mới được biết, Lực Lượng Đặc Biệt chiếm Bưu Điện để kiểm soát các đường giây ra ngoại quốc.

3 giờ đêm, Tổng Thống Diệm bị đánh thức vì có điện thoại của Phó Đại Sứ Mỹ. Không hiểu ông Phó Đại Sứ Mỹ nói những gì, Tùy Viên chỉ nghe thấy Tổng Thống Diệm dằn giọng "*Tôi rất tiếc, tôi chịu trách nhiệm. Đó là việc nội bộ*" Ông Tổng Thống buông máy đứng lên buộc lại chiếc cạp quần rồi mở cửa đi ra bao lơn.

4 giờ 30 ngày 21, Hội Đồng Nội Các được triệu tập. Tất cả im lặng. Không khí nặng nề khó thở. Tổng Thống Diệm lên tiếng. Ông tường trình về biến cố vừa qua. Không một ai lên tiếng phản đối ngoại trừ bộ Trưởng Ngoại Giao Vũ Văn Mẫu thì cho rằng biến cố hồi đêm tạo thêm khó khăn cho các vấn đề bang giao quốc tế đối với Việt Nam. Phó Tổng Thống Thơ phàn nàn, biến cố hồi đêm đã cắt đứt mọi cố gắng dàn xếp của Ủy Ban Liên Bộ. Tổng Thống Diệm tuyên bố: "*Vì có tin việt cộng sắp tràn vào Thủ Đô và tình hình an ninh mỗi lúc một nguy, chính phủ phải hành động cương quyết và lãnh trách nhiệm trước lịch sử*".

Tổng Thống Diệm ký sắc lệnh 84/Tổng Thống Phủ ban hành lệnh giới nghiêm trên toàn quốc và giao cho Quân Đội trách nhiệm bảo vệ an ninh trật tự. Thiếu Tướng Đính được cử làm Tổng Trấn Sài Gòn Gia Định.

Ngày 21.8, Đại Sứ Trần Văn Chương từ chức Đại Sứ Việt Nam tại Mỹ

nhưng ngày 22 chính quyền Việt Nam thông báo Đại Sứ Chương bị chấm dứt nhiệm vụ. Cũng vào ngày hôm đó, Ông Nhu sửa soạn một chuyến đi săn tại Bình Tuy nhưng phút chót bãi bỏ vì phải có mặt tại Sài Gòn để đối phó với Tân Đại Sứ Mỹ Cabot Lodge.

Ngày 24 Bộ Trưởng Nguyễn Quang Trình ký nghị định tạm thời đóng cửa các Trường Đại Học, Trung Học và Tiểu Học tại Sài Gòn Gia Định nhưng chỉ một hôm sau trên 2000 sinh viên Học Sinh lại biểu tình trước Chợ Bến Thành. Vụ này, một thiếu nữ tên Quách Thị Trang bị bắn chết. Hơn 1000 thanh niên bị bắt và đưa xuống Quang Trung.

Được tin, Tổng Thống Diệm lại nổi giận vì trước đó ông Lodge nói với Tổng Thống Diệm rằng: "*Cái chết này thêm một bằng chứng để cộng sản tấn công Hoa Kỳ và cằng làm khó khăn cho chính phủ Kennedy trong việc trợ giúp Chính Phủ Việt Nam chống lại cộng sản*" Ông Tổng Thống chỉ thị cho Đại Úy Bằng: *"Mi xem ai giết nó*" Phía Tòa Tổng Trấn thì đổ tội cho Cảnh Sát nhưng Tướng Đôn cho rằng không thể biết rõ ai bắn. Có thể là Quân Đội. Trong phần phúc trình trước Hội Đồng Tướng Lãnh, Tướng Đôn cho rằng đó chỉ là một cô gái quê. Tướng Oai cũng nói: "*Chắc nó đi Chợ Bến Thành chẳng may gặp đám biểu tình rồi bị đạn lạc"* Quách Thị Trang được đưa vào bệnh viện Đô Thành rồi đưa lên nhà thương Cộng Hòa cấp cứu. Nàng tắt thở tại đây. Trong một tuần lễ, Cảnh Sát Đặc Biệt của ông Dương Văn Hiếu không tìm ra xuất xứ của Trang cũng không rõ lý lịch của Trang nữa.

Nhưng từ đó, Quách Thị Trang trở nên thần tượng để gây thêm phấn khởi và tạo dựng khí thế tranh đấu trong hàng ngũ sinh viên học sinh.

Cũng từ đây, cuộc đấu trí giữa ông Ngô Đình Nhu và Cabot Lodge đã thực sự mở màn, gay cấn sôi nổi từng ngày và qua từng pha "*vật lộn"* với ngôn ngữ đối thoại và *"Cách chơi*" không kém tân kỳ. Nhưng ngay từ lúc mở màn trận đấu nghĩa là từ khi Cabot Lodge đặt chân xuống Phi Trường Tân Sơn Nhứt, phía Ông Nhu đã thua thiệt vì lỗi lầm từ căn bản chiến lược đối với cộng sản cũng như đối với Mỹ qua Cabot Lodge, Harriman-

Hilsman.

Đối với cộng sản cũng như đối với các phần tử CIA Mỹ (chống chính quyền Ngô Đình Diệm) "*Vụ Phật Giáo*" với "*danh nghĩa Phật Giáo*" chỉ còn là một cái chiêu bài quy tụ để thu hút *"quảng đại quần chúng ngoài đường*" cái *"lý luận tự nhiên"* của sự việc, bắt các biến cố phải mỗi ngày gia tăng trầm trọng. Cộng sản cũng như Mỹ qua Cabot Lodge đã thành công trong việc *"xoay thế*" tìm "*quyết định chiến lược*" bằng chính trị "*tập hậu*" sau lưng chánh quyền Ngô Đình Diệm! Chính quyền Ngô Đình Diệm chỉ còn hai ngả đường: Một là tìm kế dập tắt mau chóng nội vụ, hai là sụp đổ! (hoặc dập tắt không khôn khéo, và sụp đổ theo sự vụng về của mình).

Đứng về phương diện chiến tranh cách mạng cộng sản và kể cả mưu đồ theo chiến lược của Mỹ qua nhóm *"Việt Nam Task Force*" mà xét thì thử xem chánh quyền Ngô Đình Diệm đã đối phó ra sao, với sự "*xoay thế*" của địch. Chính quyền đã lỗi lầm ra cái lệnh "*cấm treo cờ*" bất thích thời. Chính cái lỗi lầm mà bất cứ chánh quyền nào thiếu sự cảnh giác, cũng có thể mắc phải với một bộ máy hành chánh quen chiếu lệ (routinier). Điều đó không đáng trách lắm. Điều đáng trách là, khi đã lỗi lầm rồi, không biết kịp thời khôn ngoan sửa lại, để đến nỗi bị tràn ngập bởi các biến cố. Trước hết, chánh quyền không có một đường hướng dứt khoát trong việc giải quyết vì không dựa vào sự phân tách thực tế khách quan, mà chỉ dựa vào ý kiến (và cảm xúc) chủ quan của mình! Đầu tiên quen lệ khiển chế các *"tổ chức quần chúng"* theo quan điểm chiến thuật, chánh quyền cho là phải cương quyết bảo vệ uy tín, nếu cần bằng biện pháp mạnh. Rồi vì áp lực của dư luận Quốc Tế, nhất là Hoa Kỳ, chính quyền đã nhượng bộ điều giải. Nhưng trong lúc ấy thì một "*tập thể quần chúng*" của chính quyền (mà dư luận có lý để đồng nhất dễ dàng với chánh quyền) Phong Trào Phụ Nữ Liên Đới bằng tiếng nói căm thù của Bà Ngô Đình Nhu lại công khai thóa mạ đối phương. Cuộc điều giải tất nhiên thất bại: Và dư luận bênh kẻ yếu, tất nhiên kết án chánh quyền là lừa gạt, giả dối! Tình trạng không thể kéo dài: *Một thứ Quốc Gia trong Quốc Gia*. Chánh quyền Ngô Đình Diệm

đã chọn biện pháp dứt khoát thanh toán nội vụ vào cuối tháng 8.1963.

Về phương tiện thuần chiến lược chiến tranh cách mạng cộng sản, biện pháp thanh toán ấy có thể biện minh được dễ dàng: Phải phá tan âm mưu của cộng sản *"xoay thế"* đang đi đến "*quyết định chiến lược*" bằng đòn chiến thuật "*tập hậu*" như đã nói. Nhưng về phương diện trách nhiệm tinh thần, thì chính quyền phải chịu trách nhiệm vì đã để cho *"vụ Phật Giáo"* phát khởi, vì đã để cho nó biến chuyển trầm trọng đến tình trạng nọ! Và tự nhiên dư luận sẽ dễ dàng đặt câu hỏi: Phải chăng chánh quyền đã cố ý cho "*vụ Phật Giáo*" xảy ra như vậy để lấy cớ "*đàn áp Phật Giáo* ?" Sau nữa về phương diện kỹ thuật của biện pháp thanh toán, chánh quyền đã lầm lẫn tai hại. "*Kỹ thuật hành quân*" có thể nói là hoàn hảo, nhưng kỹ thuật bố thí chánh sự thực là thấp kém. Trước hết là vì chính quyền đã công khai và chính thức tự mâu thuẫn, tố cáo mấy nhà sư *"là cộng sản"* (những người cộng sản mà chính quyền đã nuôi dưỡng, o bế trong suốt 6 năm, mà chánh quyền mới mời ngồi cùng bàn họp!) nhưng nhất là vì chánh quyền đã biện minh hành động của mình, căn cứ trên một "*kiến nghị"* của một Hội Đồng Tướng Lãnh Quân Đội qua các phiên họp (chiều 19 cũng như 20.8) yêu cầu chánh phủ hành động (cái kiến nghị đó chính quyền tổ chức cho họ ký!) Hậu quả, của sự vận dụng thiếu sáng suốt đó là chánh quyền đã vô hình kéo trở về chánh trường, một số Quân Nhân còn nhiều đầu óc phong kiến, mà trong 8 năm trời, khó khăn lắm mới tạo cho họ được một truyền thống quân sự mong manh: Tuân theo mệnh lệnh và thi hành mệnh lệnh của uy quyền chính trị ?

Như thế chính quyền đã mở đường cho mọi tham vọng và mưu đồ chính trị của một số người mang nhiều bất mãn cá nhân với chính quyền một số người tư tưởng nghèo nàn, ý thức thấp và lương tâm mong manh.

Hơn nữa chính quyền còn tạo cho họ cơ hội "*đoàn kết chống lại chính quyền*", khi dồn họ vào chỗ cùng mang một mặc cảm tội lỗi (ký kiến nghị) một cơ hội đoàn kết mà thực sự, tự họ, vì những mâu thuẫn tranh chấp cá nhân, họ không tài nào tạo ra được mà có nhẽ họ cũng không dám hi vọng

bao giờ có thể có.

Việc đến đã phải đến, họ đã lật đổ chánh quyền Ngô Đình Diệm. Biến cố ấy, trên lý thuyết, có thể có hại cho Việt Nam Cộng Hòa, lợi cho cộng sản, mà ngược lại cũng có thể hại cho cộng sản và rất lợi cho tiền đồ Việt Nam nói chung, và chiến lược chống cộng sản nói riêng, tùy theo sự sáng suốt hay ấu trĩ của lớp người lãnh đạo mới. Thực tế đã trả lời chúng ta từ ngày 1.11.63 cho đến hết thời với Nội Các Chiến Tranh Nguyễn Cao Kỳ.

CHƯƠNG IX
Diễn Tiến Của Một Cuộc Binh Biến

Ba Phiên Họp Lịch Sử

Kể từ phiên họp lịch sử tại Câu Lạc Bộ Bộ Tổng Tham Mưu vào ngày 20.8, Tướng lãnh đã chính thức nhảy vào cuộc. Cũng từ đó, Ông Nhu chấp nhận đề nghị của Tướng Đôn để cho các Tướng lãnh hội họp hàng tuần để thảo luận và trao đổi ý kiến về các vấn đề quân sự. Đó cũng là cơ hội vàng son giúp cho các Tướng có cơ hội ngồi gần nhau mà trước đó họ hoàn toàn phân hóa. Mỗi ông Tướng là một ốc đảo biệt lập, không những không thuận nhau mà còn kính chống nhau vì quyền lợi và địa vị. Bây giờ thì ít nhất mỗi tuần các Tướng đều có lý do hội họp mà không ai nghi ngờ gì cả. Đại Sứ Catbot Lodge vẫn bí mật liên lạc với một số Tướng lãnh không qua ngả CIA mà do một số Tướng Tá Cố Vấn Mỹ. Đại Sứ Catbot Lodge trong cuộc gặp gỡ riêng với Ông Nhu vào đầu tháng 9 tại Đà Lạt đã đưa ra 2 đề nghị:

1- Yêu cầu chính quyền Việt Nam Cộng Hòa tổng cải tổ và tiến dần lên một cơ chế dân chủ rộng rãi như nền dân chủ tự do của Mỹ.

2- Điều cấp thiết là chính quyền Ngô Đình Diệm phải cải tổ chính phủ có nghĩa là phải mở rộng chính phủ để các Nhân Sĩ quốc gia đối lập tham chánh. Trước 2 đề nghị đó.

Ông Nhu trả lời ông Lodge về đề nghị một Việt Nam Cộng Hòa đang có chiến tranh cách mạng của cộng sản và Việt Nam hiểu rõ chiến lược chiến tranh cách mạng của cộng sản hơn bất cứ một quốc gia Tây Phương nào. Để đối phó với cuộc chiến tranh đó, Việt Nam Cộng Hòa không thể thực thi một nền dân chủ theo kiểu Mỹ. Nhưng theo Ông Nhu, Việt Nam Cộng Hòa đang thực thi dân chủ từ hạ tầng thôn ấp qua tổ chức Ấp Chiến Lược.

Truyền thống xã hội Việt Nam và thực tại Miền Nam không thích hợp với dân chủ ở Mỹ và dân chủ ở xứ này phải hạ tầng đi lên chứ không thể chỉ có những cơ chế dân chủ kiểu Mỹ ở thượng tầng. Đề nghị 2: Ông Nhu phúc đáp rằng: Tổng Thống Diệm đang cứu xét. Tòa Án Quân Sự tha bổng 29 Nhân Sĩ thuộc nhóm Caravelle ngày 13.7.63 là một thiện chí chứng tỏ chính phủ muốn dung hợp đối lập hợp pháp.

Đại Sứ Catbot Lodge lại khuyến cáo: Vì chiến tranh mỗi lúc một gia tăng, an ninh mỗi ngày một thêm xáo trộn và để đẩy mạnh nỗ lực chiến tranh, ông yêu cầu chính phủ Ngô Đình Diệm giành 3 bộ là Nội Vụ, Quốc Phòng, Công Dân Vụ cho 3 Tướng lãnh. Những điều Catbot Lodge khuyên cáo chỉ một ngày sau đã lọt vào tai một số Tướng lãnh. Chính viên Phó Giám Đốc CIA Smith đã kín đáo tung tin này để thăm dò phản ứng các giới chính quyền cũng như đối lập.

Trung tuần tháng 9, giới thân cận Dinh Gia Long xì xầm to nhỏ về nguồn tin Tướng Trần Văn Đôn sẽ nắm Bộ Quốc Phòng. Tướng Tôn Thất Đính nắm Bộ Nội Vụ và Tướng Trần Tử Oai nắm Bộ Công Dân Vụ (Bộ này sẽ cải danh) Riêng Tướng Nguyễn Ngọc Lễ sẽ được thăng Đại Tướng nắm quyền Tổng Tham Mưu. Đây chỉ là dư luận và do chính Tòa Đại Sứ thả trái Ballon để thăm dò nhưng Tướng Lễ và Quân Ủy Đảng Cần Lao (Do Tướng Đính làm Chủ Tịch) lại tin là thực. Không hiểu Tướng Lễ có khoe với ai không thì không rõ nhưng ông Lễ bị Tổng Thống gọi vào Dinh rầy la: *"Anh nói cái gì nghe lạ rứa. Ai biểu cho anh làm Tham Mưu Trưởng*" Tướng Lễ bị cụt hứng.

Đại Sứ Catbot Lodge đánh mạng vào tham vọng chính trị của một số Tướng lãnh và gián tiếp cho các Tướng biết rằng: Hoa Kỳ hoàn toàn ủng hộ một cuộc cải tổ như vậy. Do đó, sau nhiều lần hội họp một số Tướng lãnh bị mê hoặc vì ba cái ghế Quốc Phòng-Nội Vụ-Công Dân Vụ.

Tương kế tựu kế, Ông Nhu gián tiếp cho các Tướng Đôn Đính biết rằng, Tổng Thống Diệm muốn trao trọng trách cho *"các toa"* (Tướng lãnh) nắm giữ ba bộ quan trọng trong chính phủ. Một lần Ông Nhu nói với

Tướng Đính: *"Mấy Bộ Trưởng Dân Sự chỉ ăn hại mập xác chẳng làm được cái trò trống gì. Lúc này các toa phải giúp moa dẹp bớt mấy thằng ăn hại"*. Lộng giả thành chân, mấy Tướng lãnh lại tin là sự thực mà sự thực Ông Nhu cũng trình bày với Tổng Thống Diệm "*Đính hay Lương giữ Bộ Nội Vụ thì cũng thế ăn thua là ở mình"* Nhưng Tổng Thống Diệm lại cương quyết không đồng ý vì ông cho rằng *"Bộ Trưởng chi...Bộ Trưởng thì phải có văn tự dân nó mới nghe, nó mới phục*".

Sau một phiên họp quan trọng đầu tháng 8, Hội Đồng Tướng Lãnh đã gửi lên Tổng Thống Diệm một kiến nghị mệnh danh "*Phiếu đệ trình Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa-Tối Mật"* ngày 3.9.1963 với một số đề nghị cải cách chính trị của chế độ qua 3 đề nghị:

1.- Đòi hỏi một sự hy sinh nhỏ của gia đình Tổng Thống. Xin Tổng Thống gởi ông Bà Cố Vấn Ngô Đình Nhu ra ngoại quốc hoặc vì lý do công vụ (nghiên cứu tình hình Việt Nam). Sau đó vấn đề trở về sẽ do tình hình chính trị định đoạt.

2.- Xin thả ngay Sư Sãi Tăng Ni Sinh Viên Học Sinh do các lực lượng Cảnh Sát Chiến Đấu và Lực Lượng Đặc Biệt bắt giữ vì xét thấy tình hình trở lại yên tĩnh sau khi đã loại trừ các phần tử cộng sản.

3.- Cho tự do tín ngưỡng: Tuyên bố và thực thi các điểm yêu cầu của Phật Giáo bằng hành động. Cấm chỉ mọi bắt bớ giam cầm. Thực thi khoan hồng toàn diện vô điều kiện với đoàn thể chánh trị, tôn giáo sinh viên, học sinh tranh đấu Phật Giáo.

Điều lạ là phiếu đệ trình tối mật này lại đặt ngay trên bàn Ông Nhu. Ông Nhu tỏ vẻ hài lòng chiến thuật giai đoạn đầu đã có kết quả tốt đẹp. Một cách gián tiếp Ông Nhu đã thúc đẩy một số Tướng lãnh theo ông hoàn thành văn bản "*phiếu đệ trình tối mật"* này với mục đích:

1.- Làm một cú trắc nghiệm thăm dò thái độ của một số Tướng lãnh mà ông nghi ngờ có thể đứng lên đảo chánh.

2.- Làm một "*cú"* xả hơi để giải tỏa những bất mãn dồn nén trong một số Tướng lãnh.

3.- Làm một "*cú*" thăm dò phản ứng của Đại Sứ Catbot Lodge.

Kể từ ngày *"phiếu đệ trình tối mật"* gửi lên Tổng Thống Diệm, các Tướng Đôn, Đính, Oai, Khánh thường xuyên tiếp xúc với Ông Nhu và chính các Tướng này trở thánh hậu thuẫn cho Ông Nhu và Ông Nhu sử dụng phiếu đệ trình tối mật như một áp lực tinh thần để thỉnh cầu ông anh Tổng Thống chấp thuận một số cải tổ quan trọng mà ông đã đề nghị trên căn bản của chánh sách Ấp Chiến Lược.

Đại Sứ Catbot Lodge bằng cách này hay cách khác thúc đẩy các Tướng lãnh Việt Nam đòi hỏi Tổng Thống Diệm phải thực hiện ngay phiếu đệ trình tối mật và có nghĩa chính phủ phải trao cho Tướng Đôn Bộ Quốc Phòng và Tướng Đính Bộ Nội Vụ. Tướng Đính cũng như Đôn trong các lần tiếp xúc với Ông Nhu vào cuối tháng 9 đầu nhắc khéo Ông Nhu về mấy điểm yêu cầu kể trên. Tổng Thống Diệm do dự không quyết định. Cũng từ đầu tháng 9, Ông Nhu bắt đầu nghi ngờ Bộ Trưởng Nguyễn Đình Thuần vì cho rằng ông Thuần thân Mỹ và trở thành con bài của Mac Namara để thực hiện chánh sách mới của Mỹ tại Việt Nam.

Ngày 10.9, Bà Nhu cùng phái đoàn Quốc Hội lên đường xuất ngoại để gọi là "*giải độc*" về vụ Phật Giáo. Cũng thời gian này, Bác Sĩ Trần Kim Tuyến, nguyên Giám Đốc Sở Nghiên Cứu Chính Trị được cử qua Ai Cập nhận chức vụ Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa tại đây. Nhưng khi đến Le Caire thì gặp trắc trở vì Ai Cập đã công nhận Đại Diện Bắc Việt và Việt Nam Cộng Hòa từ chối không thiết lập bang giao trên cấp bậc Tổng Lãnh Sự.

Do đó Bác Sĩ Tuyến trở về Hồng Kông. Gia đình ông ở Sài Gòn bị nhóm Trần Văn Khiêm (em ruột Bà Nhu) gây khó dễ và hăm dọa ném lựu đạn ám hại vợ con ông. Cuối tháng 10 Cơ Quan Tình Báo Trung Ương nhận được một tài liệu tối mật của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, tài liệu này thu lượm được ở Cà Mau. Trong đó, đầu não của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đã phân tích và điều nghiên nội tình chế độ Ngô Đình Diệm nhất là sự ra đi của Bác Sĩ Tuyến người nắm tất cả các đầu giây thuộc hệ thống Sở Nghiên Cứu Chính Trị. Bác Sĩ Tuyến rời khỏi cơ sở này

từ tháng 2 năm 1963 nhưng ở ngoài không một ai hay biết kể cả Tướng lãnh Bộ Trưởng ngoại trừ môt số người thân tín. Qua tài liệu của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam kể trên, cộng sản đã điều nghiên tình hình và sửa soạn phải làm gì và ta làm như thế nào khi Sài Gòn có đảo chánh.

Chiều ngày 5.10.1963 Ông Nhu vào tận Bộ Tổng Tham Mưu để tham dự Hội Đồng Tướng Lãnh. Dịp này Ông Nhu đề cập đến vai trò quan trọng của Ấp Chiến Lược và Quân Đội là một khả năng hữu hiệu nhất để hoàn thành vai trò của Ấp Chiến Lược. Ông Nhu cũng "*tâm sự*" với Tướng lãnh là hiện thời Tổng Thống Diệm đang bị một số Bộ Trưởng thối nát bao vây làm cản trở công trình phát triển Ấp Chiến lược. Ông Nhu nói giọng nửa đùa nửa thực: "*Như rứa thì làm được chi. Các Toa phải đảo chánh chơi một đêm cho mấy tay ăn hại mập xác đó cho nó sợ*"

Tuy nhiên, theo Tướng Huỳnh Văn Cao thì Ông Nhu đã gằn giọng nói: "*nếu Tướng nào muốn đảo chánh chế độ này thì quân đội phải bắt treo cổ ông ấy lên*" Dịp này, Ông Nhu đã công khai tiết lộ cho Hội Đồng Tướng Lãnh biết là một số đại diện cao cấp của chính quyền Bắc Việt vào Sài Gòn và yêu cầu gặp riêng Ông Nhu để nói chuyện.

TỪ BRAVO I ĐẾN BRAVO II

Sau khi tham dự Hội Đồng Tướng Lãnh Tướng Nguyễn Khánh vào gặp riêng Ông Nhu cùng một nhân vật thân tín nắm Ngành Tình Báo. Tướng Khánh cho biết: Đang có một số Tướng Tá âm mưu đảo chánh Tướng Khánh lưu ý Đại Tá Tung phải hết sức coi chừng Tướng Lê Văn Kim, Trần Văn Đôn và Trần Tử Oai. Ông Nhu chỉ thị cho Tướng Khánh, nếu bất cứ Tướng nào móc nối thì cứ nhảy vô. Đó cũng là điều mà Ông Nhu căn dặn Tướng Đính.

Trung tuần tháng 10 tại Đà Lạt, Ông Nhu cùng Tướng Khánh và một số cộng sự viên thân tín cùng hoạch định một kế hoạch chống đảo chánh. Theo kế hoạch này, nếu Sài Gòn có đảo chánh, Tướng Đính bị cô lập thì Quân Đoàn II với Sư Đoàn 23 do Đại Tá Lê Quang Trọng làm Tư Lệnh và Sư Đoàn 22 do Đại Tá Nguyễn Bảo Trị sẽ là thành phần chủ lực, cắt đứt

liên lạc giữa Cao Nguyên và Sài Gòn. Tổng Thống Diệm sẽ ẩn ở một nơi nào kín đáo ở Sài Gòn. Ông Nhu sẽ theo lộ trình hoạch định sẵn tìm lên Cao Nguyên. Sau đó, Quân Đoàn II sẽ phản công, phối hợp với Quân Đoàn IV trở về giải phóng Thủ Đô.

Riêng tại Sài Gòn, Ông Nhu trao cho Tướng Đính được toàn quyền hành động. Tướng Đính đệ trình kế hoạch hành động chống đảo chánh được thực hiện theo ý Ông Nhu. Đây là kế hoạch phá tan âm mưu đảo chánh và thực hiện một cuộc đảo chánh giả mệnh Bravo I. Lực lượng gồm có 3000 quân, 40 thiết giáp, 6 Đại Đội Lực Lượng Đặc Biệt. Tướng Đính chính thức điều động lực lượng này kể từ sáng 31.10.1963, dưới quyền là Trung Tá Nguyễn Ngọc Khôi và Đại Tá Lê Quang Tung. Về Thiết Giáp có Trung Tá Nguyễn Văn Thiện.

Ngày 23.10 tại phòng khách Dinh Gia Long, có Đại Úy Minh, Đại Úy Hoàn, Đai Úy Bằng, Tướng Đính với vẻ lo âu nói với số anh em này: "*Nếu có đảo chánh thì Ba Đính này phải nhảy vô không thì Mai Hữu Xuân nó giết hết anh em bọn mình*".

Nhưng thay vì thực hiện cuộc hành quân chống đảo chánh, Tướng Đính đảo chánh luôn và cuộc hành quân này lại mệnh danh Bravo II thay cho Bravo I.

NGÀY N VÀ GIỜ G

Ngày 1.11.1963 nhằm phiên trực của Trung Sĩ Thái. Không khí Bộ Tổng Tham Mưu ngay từ sáng sớm đã có vẻ bất thường. Một số sĩ quan nói nhỏ với anh, sắp có chuyện nghe. Lực lượng bố phòng tại Bộ Tổng Tham Mưu không quá một Đại Đội và hầu hết là lính văn phòng. Khoảng 10 giờ ông Thái để ý thấy một số binh sĩ thuộc Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung về tăng cường. Rồi xe jeep nườm nượp đi về phía tiền đình. Một điều lạ đối với Trung Sĩ Thái là Đại Úy Nguyễn Văn Chuân ra khẩu lệnh: Các sĩ quan chỉ được vào mà không được ra kể cả Tướng lãnh. Gặp người tài xế của Đại Tá Lê Quang Tung, Thái hỏi nhỏ: *"mấy trự hôm nay họp hành cái gì mà quan trọng vậy"* Người tài xế nháy nháy cặp mắt ra vẻ bí mật rồi rồi

nói nhỏ với Thái: *Coi bộ không êm mấy ông Tướng muốn làm tới ta*, khoảng 11 giờ, vị sĩ quan trực thuộc Phòng 4 đi tới cùng với Đại Tá Chuân ra tận ngoài cửa rồi gọi Thái dặn dò. Bất cứ một xe nào vượt qua phải ra lệnh tấp lại nếu cưỡng ra lệnh bắn bỏ kể cả xe Tướng. Cùng giờ đó, một đoàn 4 chiếc thiết giáp đi qua cửa chính Bộ Tổng Tham Mưu lên thẳng Tân Sơn Nhất rồi quay trở lại án ngữ phía cây săng bên kia Đường Võ Tánh Bộ Tổng Tham Mưu. Khoảng nửa giờ, bốn chiếc xe thiết giáp lại chuyển bánh trực chỉ Phú Nhuận.

Khoảng 12 giờ, viên tài xế của Đại Tá Tung tìm đến Thái, nói nhỏ: "*Cậu giúp tớ việc này nếu xong sẽ có công lớn"*. Nhìn quanh không thấy ai, viên tài xế nói: *"Đây số điện thoại đây cậu gọi dùm tớ Trung Tá Huỳnh hay Thiếu Tá Triệu cũng được hoặc sỹ quan trực của Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt cũng được. Cậu cấp báo cho họ biết Đại Tá Tung mắc kẹt ở đây rồi"* Trung Sĩ Thái thắc mắc: *"Kẹt là kẹt thế nào ?"* Viên tài xế nói: "*Kẹt là kẹt chứ còn kẹt gì nữa...mấy cha đang tính chuyện gì đó"*. Trung Sĩ Thái tìm cách liên lạc với Thiếu Tá Lê Quang Triệu, em ruột Đại Tá Tung và là Tham Mưu Trưởng Lực Lượng Đặc Biệt.

Cũng vào thời khắc đó, Hội Đồng Tướng Lãnh nhóm họp. Đại Tá Nguyễn Văn Chuân được chỉ định phụ trách an ninh tổng quát trong vòng thành Bộ Tổng Tham Mưu. Mở đầu buổi họp, Trung Tướng Dương Văn Minh với vẻ mặt giao động nhưng cương quyết lên tiếng tuyên bố lý do buổi họp nghĩa là giờ hành động đã đến...Kế hoạch đảo chánh nhằm vào ngày N (1.11) và giờ G (13 giờ) đã thực sự mở màn. Trung Tướng Minh dứt lời, phòng họp yên lặng như tờ, thứ yên lặng nghẹt thở. Từng khuôn mặt Tướng Tá đổi màu. Những nụ cười tắt hẳn trên môi. Mọi người đều ngỡ ngàng. Một số Tướng Tá trong cuộc ghé tai nhau xầm xì to nhỏ.

Tướng Minh cũng lên tiếng kêu gọi tình chiến hữu nơi các Tướng Tá và mọi người vì quyền lợi chung đối với Đất Nước này hãy gạt bỏ tình cảm riêng tư để cùng nhau đoàn kết lật đổ chế độ hữu hiệu. Ông cũng nhấn mạnh nếu chiến hữu nào chống lại, Hội Đồng Tướng Lãnh phải tạm thời

cô lập ngay.

Đại Tá Lê Quang Tung đứng lên phản đối mưu đồ của Hội Đồng Tướng Lãnh và ông cương quyết chống lại mưu đồ đó. Tướng Dương Văn Minh gõ tay vào bàn rồi một cái lừ mắt của Tướng Kim, Đại Tá Tung liền bị Đại Úy Nhung và hai nhân viên an ninh mời ra khỏi phòng họp. Ông Tung bị Nhung dẫn ra khỏi tòa nhà lớn Bộ Tổng Tham Mưu. Đến lượt Đại Tá Huỳnh Hữu Hiển, Tư Lệnh Không Quân phát biểu ý kiến. Ông cho biết ông luôn trung thành với chế độ Ngô Đình Diệm vì theo ông, Tổng Thống Ngô Đình Diệm do dân cử và chính phủ Diệm hợp pháp hợp hiến, ông chống lại việc lật đổ chính phủ. Tức thì, Đại Tá Hiển bị nhân viên an ninh mời ra khỏi phòng họp và tạm giam trong phòng "*cô lập các sĩ quan chống đối*". Sau đó, Đại Tá Hiển cùng ông Trần Văn Tư Giám Đốc Nha Cảnh Sát Đô Thành bị Thiếu Tá Thiệt (Quân Cảnh) giải vào Khám Chí Hòa. Riêng cuộc thuyết phục Đại Tá Cao Văn Viên là gay hơn cả kéo dài cả nửa giờ song Đại Tá Viên không lay chuyển (Viên Tư Lệnh Lữ Đoàn Nhẩy Dù) đã trả lời Tướng Minh đại cương, là một sĩ quan, ông không muốn dính líu đến chính trị hơn nữa ông chưa nhận được lệnh của Thượng cấp nên đứng ngoài vụ này. Ông cũng lưu ý ông không chống lại Hội Đồng Tướng Lãnh nhưng theo đảo chánh thì ông không theo. Tức khắc, Tướng Minh ra lệnh cho Đại Úy Nhung giải Đại Tá Viên ra khỏi phòng họp và cô lập ngay.

Buổi họp bế mạc 1g30, tiếng súng nổ sau phía Tổng Nha Cảnh Sát Quốc Gia từ giờ phút đó. Trung Tướng Trần Văn Đôn trở thành nhân vật chủ động số một. Đường giây điện thoại giữa Tướng Đôn và Đính hoạt động không ngừng. Từng phút từng giây...tại Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III, Tướng Đính thực hiện toàn bộ kế hoạch hành quân đảo chánh mang tên Bravo II.

Thời khắc này, Bộ Tổng Tham Mưu qui tụ đầy đủ các Tướng lãnh và một số sĩ quan cao cấp nhưng lực lượng bảo vệ vẫn không hơn một Đại Đội với sự tăng cường một đơn vị tân binh của Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung.

Thiếu Úy Chỉnh thuộc Bộ Tư Lệnh Đặc Biệt được tin Đại Tá Tung bị

bắt giam nên tức tốc kéo một đại đội đến cổng chính Bộ Tổng Tham Mưu rồi dàn quân bố trí.

Với một lực lượng thiện chiến như vậy nếu tràn vào Bộ Tổng Tham Mưu và tốc chiến tốc thắng thì lực lượng phòng vệ ở đây không thể đương đầu nổi. Đại Tá Chuân được cấp báo đến nơi để dàn xếp. Thiếu Úy Chỉnh cho biết, ông đến đây để kiếm Đại Tá Tung đang bị giam giữ. Đại Tá Chuân dùng lời ngon ngọt dụ dỗ...Rồi bất thần viên Thiếu Úy này bị đoạt súng...Đại Đội Lực Lượng bộ binh bố trí phía ngoài định khai hỏa làm dữ nhưng nhờ lời nói ngọt ngào của Đại Tá Chuân, Viên Thiếu Úy rút lui êm đẹp. Sau đó, Đại Đội lên xe trở vềcăn cứ 77.

Một lát sau, Thiếu Tá Lê Quang Triệu (em ruột Đại Tá Tung) Tham Mưu Trưởng Lực Lượng Đặc Biệt, được tin cấp báo đã cùng một Trung Đội võ trang đến Bộ Tổng Tham Mưu xem sự thể ra sao hầu có thể giải cứu được Đại Tá Tung. Nhưng khi đoàn tùy tùng của Thiếu Tá Triệu lọt vào vào cửa chính Bộ Tổng Tham Mưu thì bị giải giới toàn bộ. Thiếu Tá Triệu quay xe định vọt, tìm đường tẩu thoát. Xe ông bị bắn nổ lốp sau. Nhờ một sĩ quan thân thiết, Thiếu Tá Triệu trốn thoát.

13 giờ hơn, từng loạt súng nổ chát chúa ở phía Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt (trong vòng thành Bộ Tổng Tham Mưu). Đó là loạt súng đầu tiên của đơn vị truyền tin do Đại Úy Đỗ Luận chỉ huy tiến chiếm Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt. Nhưng không đổ máu nhờ cuộc dàn xếp qua điện đàm giữa Đại Tá Chuân và Trung Tá Huỳnh (Tư Lệnh Phó Lực Lượng Đặc Biệt).

Kể từ phút đó, Bộ Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt bị giải giới. Cả khu vực Tân Sơn Nhất và Bộ Tổng Tham Mưu lọt vào tay phe đảo chánh.

Cuộc đảo chánh hụt ngày 11.11.1960, lực lượng đảo chánh (ngoại trừ Đại Tá Thi) hầu hết do sĩ quan cấp Tá và Úy trực tiếp điều động chỉ huy. Các sĩ quan này đều thuộc thành phần trẻ, trên dưới 30 tuổi và được coi là có tư cách, can đảm và đầy nhiệt huyết. Trong phút đầu *"ra quân"* dù chỉ có mấy Tiểu Đoàn Nhảy Dù, lực lượng đảo chánh cũng làm chủ tình hình

và làm tê liệt lực lượng phòng bố của Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống. Lực lượng đảo chánh không sử dụng hỏa lực của Pháo Binh cũng không có lực lượng Thiết Giáp nào tham dự.

Cuộc đảo chánh ngày 11.11.1963 lại hoàn toàn khác, phe đảo chánh sửa soạn từ lâu có đầy đủ phương tiện lại được lãnh đạo bởi Hội Đồng Tướng Lãnh.

Lực lượng của phe cách mạng gồm Bộ Binh, Pháo Binh, Thiết Giáp, Công Binh, Thủy Quân Lục Chiến, Nhảy Dù và Không Quân. Tất cả đều thuộc cấp đại đơn vị và các mục tiêu chính mà đơn vị này phải thanh toán là thành Cộng Hòa và Dinh Gia Long.

Lực Lượng Phòng Vệ Thành Cộng Hòa và Dinh Gia Long tuy nói là một Lữ Đoàn song quân số không quá 800 người, gồm 6 Đại Đội Bộ Binh, 4 Chi Đội Thiết Giáp. Sáu Đại Đội Bộ Binh kể cả đội Quân Nhạc cùng các binh sĩ tạp dịch, lính văn phòng thì đã có 3 Đại Đội phận sự giữ Dinh Gia Long. Thành Cộng Hòa chỉ còn 3 Đại Đội, trong đó có Đại Đội chỉ huy. Sĩ quan chỉ huy gồm 3 Thiếu Tá trên dưới 30 tuổi và một số sĩ quan cấp Úy khác. Tất cả đều đặt dưới quyền chỉ huy của Thiếu Tá Nguyễn Hữu Duệ Tư Lệnh kiêm Tham Mưu Trưởng Lữ Đoàn, Thiếu Tá Nguyễn Văn Hưởng, Tham Mưu Phó và Thiếu Tá Huỳnh Hữu Lạc Chỉ Huy Đoàn Cận Vệ đều ở trên Dinh Gia Long.

Trung Úy Bảo Trưởng Phòng V, Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống và nhiều chứng nhân khác trong hàng Hạ Sĩ Quan và Binh Sĩ có mặt từ đầu cho đến kết thúc đều cho rằng chuyện diễn ra bình thường không có gì gọi là ác liệt. Nếu nói là ác liệt thì chỉ có pháo binh "*tấn công*" ác liệt nhất (pháo binh thuộc Sư Đoàn 5 Bộ Binh)

Ngày 1.11 là ngày nghỉ, Trung Úy Bảo đang ở nhà bỗng trong Lữ Đoàn cho gọi vào gấp. Lúc ấy vào khoảng 9 giờ sáng. Nhân chứng được Trung Tá Khôi Tư Lệnh Lữ Đoàn giao phó cho công tác soạn bài học tập và thuyết trình vào lúc 2 giờ cùng ngày. Trong Lữ Đoàn đều có chương trình học tập vào mỗi buổi thứ ba và thứ sáu. Nhân chứng được Trung Tá Khôi

cho biết: "*Chiều nay nếu 2 giờ tôi đi họp chưa về thì anh cứ cho tập họp ở Hội Trường rồi mời Thiếu Tá Duệ xuống làm chủ tọa*".

Lúc ấy Trung Tá Bảo ngồi ở ngoài nhìn vào phòng trông thấy Trung Tá Khôi và Thiếu Tá Duệ đang to nhỏ bàn bạc với một vẻ khác lạ. Nhân chứng tự nghĩ: "*Chắc có chuyện gì quan trọng đây*". Tình hình Sài Gòn lúc ấy thật ngột ngạt. Nay có tin đảo chánh mai có tin lật đổ Tổng Thống Diệm. Nhất là Đài VOA luôn luôn có những bài bình luận và tin tức hoàn toàn bất lợi cho chính quyền Ngô Đình Diệm và càng làm tăng không khí giao động bất trắc vốn âm ỉ trong lòng Thủ Đô Sài Gòn.

Sau khi soạn xong các tài liệu học tập, Trung Úy Bảo xách radio ra hành lanh nhìn trời vu vơ không hiểu mai đây tình hình biến chuyển như thế nào. Đã có bao nhiêu dấu hiệu báo trước cơn giông bão sắp bùng dậy. Nhưng bao giờ, như thế nào, sẽ tàn phá ra sao và làm sụp đổ những gì ?

Một số sĩ quan trẻ trong Lữ Đoàn thuộc thành phần thân cận của Tổng Thống Diệm và Ông Nhu cũng cảm thấy sự ngột ngạt bất trắc nào đó. Vị Tư Lệnh và Tư Lệnh Phó của họ mấy tháng gần đây lo lắng trông thấy và nhiều đêm mất ngủ cho nên họ cũng phập phồng hoang mang.

Ngày 27.10, Dại Úy Hoàn tháp tùng Tổng Thống Diệm lên Đà Lạt cùng đi có vợ chồng ông Đại Sứ Cabot Lodge và Đại Tá Lu Conein.

Nhân chứng đi theo sau ông Lodge, ông ta đội chiếc nón lá Việt Nam, Tổng Thống Diệm vận complet mầu nâu nhạt, cầm can, đi trước ông Lodge đến thăm một Ấp Chiến Lược kiên cố.

Dịp này Tổng Thống Diệm đã tặng Đại Tá Lu Conein chiếc gậy do một nông dân trong ấy tặng Tổng Thống. Tối hôm đó Tổng Thống thết cơm vợ chồng ông Lodge tại Dinh ở Đà Lạt. Trong cùng thời khắc, Đại Úy Hoàn nghe Đài VOA vẫn một luận điệu công kích kịch liệt chế độ Ngô Đình Diệm.

Nhân chứng hồi tưởng lại cách đó không bao lâu, trong chuyến kinh lý tại Cam Ranh, trước mặt Tướng Khánh và một số viên chức cao cấp, Tổng Thống Diệm chỉ vùng núi non và bãi biển Cam Ranh rồi nói với mọi người

(trong đó có Thiếu Tướng Khánh, Trung Tá Nguyễn Viết Khánh Tỉnh Trưởng Phan Rang): "*Mỹ nó thích căn cứ này lắm, nhưng tôi không chịu*". Lời nói ấy cứ mỗi ngày vang động trong ký ức nhân chứng và tạo nên bao nhiêu nghi vấn.

Dạo này, nhân chứng quan sát thấy Tổng Thống Diệm có vẻ hốc hác, đăm chiêu và càng khắc khổ. Thường lệ, Ông Diệm đi ngủ lúc 1 giờ đêm và 5 giờ sáng đã dậy. Nhưng từ đầu năm 1963 có nhiều đêm nhân chứng thấy Tổng Thống Diệm trằn trọc thức gần trắng đêm. Ông hút thuốc liên miên.

Nhân chứng nhớ lại, vào cuối tháng 7.1963 nhân chứng đã được tai nghe mắt thấy Tổng Thống Diệm lẩm bẩm nói chuyện một mình. Ông Diệm nhiều lần độc thoại như vậy nhưng lần này thì khác, khiến nhân chứng càng thêm xao xuyến.

GIẤC MƠ TRỞ VỀ

Lần ấy, vào khoảng 2 giờ đêm, nhân chứng đang thiu thiu ngủ (vì Đại Úy Hoàn phải trực đêm) bỗng viên cận vệ chạy vào phòng gọi: "Thưa *Đại Úy Tổng Thống đi...*" Vì ở trong Dinh đã lâu năm nên nhân chứng không lấy gì làm ngạc nhiên. Lâu lâu, Tổng Thống Diệm lại làm một chuyến du ngoạn trong đêm như vậy.

Vẫn theo thường lệ Đại Úy Hoàn đi dép mặc quần jean, áo bỏ ngoài quần. Nhân chứng dắt khẩu rouleau vào lưng....rồi theo sau Tổng Thống Diệm cùng với viên cận vệ (có phận sự ngồi gác ở phòng riêng của Tổng Thống)...Lâu nay Tổng Thống Diệm không đi đâu xa. Ông ra đứng trước bao lơn Dinh Gia Long, nhân chứng và viên cận vệ đứng sau lưng Tổng Thống chừng vài ba bước. Đó là thông lệ của Sĩ Quan Tùy Viên và cận vệ của một Tổng Thống trong thời buổi lộn xộn. Như mọi lần, Tổng Thống Diệm xuống vườn xem cây cối và hoa hoặc đi thơ thẩn ngắm cảnh thiên nhiên. Nhưng lần này lại không như vậy, Tổng Thống Diệm chỉ đứng ngước mắt nhìn trời mây, Ông đứng như chôn chân trên thềm bao lơn. Ông đứng lâu chưa từng thấy. Nhân chứng lấy làm lạ vì*: "Tổng Thống đứng*

như vậy đến 40 phút và ông chỉ nhìn trời rồi miệng lẩm bẩm". Nhân chứng và viên Cận Vệ càng phải đứng im phăng phắc không dám gây một tiếng động nào. Nhưng nhân chứng nghe câu được câu chăng. Nhân chứng cũng chả quan tâm vì 5 năm sống cạnh Tổng Thống Diệm, nhân chứng đã quá quen thuộc với nếp sống riêng tư của Tổng Thống. Nhưng có câu này Tổng Thống Diệm nói khá lớn, cả nhân chứng và Cận Vệ đều nghe rõ. Câu nói được ghi lại như sau: "*Thôi, sang năm thì mình xin về, mệt quá rồi...mình xin về phụng dưỡng bà cố. Nhưng muốn xin về Ông Nhu lại cứ bắt mình phải làm"*.

Câu nói trên đây được Tổng Thống Diệm nhắc đi nhắc lại rồi ông lại lẩm bẩm, mắt nhìn trời xa xăm.

Rồi khi quay lại phía sau lưng, Tổng Thống Diệm giật mình tròn mắt nhìn Sĩ Quan Tùy Viên và viên Cận Vệ. Ông có vẻ kinh ngạc trước sự hiện diện của hai người thân cận. Nhưng không nói gì, rồi lặng lẽ về phòng riêng. Đại Úy Đỗ Thọ cũng bắt gặp một lần Tổng Thống Diệm độc thoại tương tự như vậy vào một đêm tháng 7.

BẮT ĐẦU NỔ SÚNG

Hồi tưởng lại như vậy rồi qua dư luận qua Đài VOA, Tùy Viên Lê Công Hoàn linh cảm thấy một cơn giông bão nào đó sắp bùng lên.

Cơn giông bão đó đã đến. Khoảng 1 giờ 15 trưa ngày 1.11, Thượng Sĩ Thám đang sửa soạn lên giường ngủ, nhắm mắt cho qua ít phút. Bỗng Thiếu Tá Duệ nói lớn: "*Quan sát lại xem thế nào* ?" Theo phản ứng tự nhiên, nhân chứng vùng dậy chạy ra hành lang.

Thành Cộng Hòa vẫn im lìm trong buổi trưa nắng gắt. Lúc ấy Thiếu Tá Duệ vẫn còn mặc may ô, chân đi dép. Ông đang đứng trước cửa phòng riêng của ông (sau này trở thành trụ sở Wud thuộc Khu Đại Học Cường Để) chỉ một lát sau, Thượng Sĩ Thám thấy một sĩ quan từ lầu trên chạy xuống báo cáo với Thiếu Tá Duệ: "*Từ phía Ngã Tư Đinh Tiên Hoàng, Phan Đình Phùng (Dakao) tôi thấy lố nhố chúng đang đi lom khom tiến theo vỉa hè...Có đứa thì nằm súng chỉa về thành"*. Viên sĩ quan xác nhận:

"đây là lính Thủy Quân Lục Chiến" Thiếu Tá Duệ nhún vai "*làm gì có chuyện lạ*" Ông trở vào phòng mặc vội quần áo rồi đặt khẩu Ruouleau bên lưng. Từ lúc đó Trung Úy Bảo, Thượng Sĩ Thám luôn luôn có mặt bên ông Duệ. Việc đầu tiên các nhân chứng thấy Thiếu Tá Duệ quan sát lại cho kỹ, ông cũng nhận ra như vậy nghĩa là Thủy Quân Lục Chiến đang tiến về Thành Cộng Hòa. Thiếu Tá Duệ nhăn trán, lắc đầu: "*Chuyện lạ nhỉ. Giờ này làm gì có lính tráng nào tập dượt"*.

Hơn nữa khu vực này được coi là yếu khu số 1, không một lực lượng nào được lai vãng đến đây mà không phải thông báo cho Lữ Đoàn biết trước. Ông Duệ quay máy gọi Biệt Khu Thủ Đô. Phía bên đầu giây kia là Thiếu Tá Dụ. Thiếu Tá Duệ hỏi: "*Đằng Biệt Khu có lệnh cho đơn vị nào di chuyển ở Đặc Khu 1 không ?"* Đặc Khu 1 tức là vùng Dakao và thuộc phạm vi Thành Cộng Hòa. Thiếu Tá Duệ lắc đầu nói với nhân chứng: "*Lạ nhỉ, Biệt Khu Thủ Đô Thiếu Tá Dụ cũng không hay biết gì cả"*. Sau khi quan sát lại một lần nữa với nhiều dấu hiệu khả nghi, Thiếu Tá Duệ ra lệnh báo động. Từ lúc ấy Thành Cộng Hòa thức giấc trong cơn nôn nóng của buổi trưa. Sài Gòn nắng như thiêu. Tiếng còi vang lên khua động doanh trại...Khoảng 15 phút sau, tất cả đều ở thế tác chiến. Quân Nhân ở Trại Gia Binh kế cận cũng lần lượt trở vào thành gần đủ mặt. Những khẩu đại liên 30 nòng đen ngòm đều chĩa về phía Đinh Tiên Hoàng-Nguyễn Bỉnh Khiêm. Tất cả đều chuyển dịch.

Đằng xa Thủy Quân Lục Chiến vẫn lố nhố vào gốc cây hay tiến bên vỉa hè và mỗi lúc càng di chuyển lại gần hơn.

Một sĩ quan bảo ông Duệ: *"Mục tiêu ngon lành quá. Cứ thế mà cho đại liên quạt thì đi đời hết cả bọn"*. Một sĩ quan đứng chép miệng: *"tụi này sao ngu quá vậy, không biết thằng nào chỉ huy mà sao ngu quá ta!"*.

Trong lúc đó Thiếu Tá Duệ cầm máy gọi về Dinh Gia Long.

Ông quay lại mỉm cười nói với mọi người: *"lạ nhỉ trên đó cũng không biết gì hơn"*. Ông cho gọi Đại Úy Nuôi Trưởng Phòng III đến trình diện. Và cùng ông xem xét tình hình. Từ phía xa, Thủy Quân Lục Chiến vẫn theo

đội binh hàng dọc đang tiến lên. Chẳng bao lâu toán tiền phương đã lô nhô ở phía sau sân Hoa Lư. Có biến thật rồi.

Trong Thành tất cả chỉ còn chờ lệnh nẩy cò. Lính trong Thành có đủ lợi điểm nhất. Chỉ cần 2 khẩu đại liên bắn chéo cánh sẻ thì toàn tiền phương của Thủy Quân Lục Chiến sẽ gục hết ngay phút đầu. Trung Úy Bảo thấy anh em Thủy Quân Lục Chiến vẫn đi khơi khơi như không có vẻ gì đi hành quân tác chiến cả.

Ngay lúc ấy, Thiếu Tá Duệ ra lệnh cho một số sĩ quan chỉ huy hai xe thiết giáp tiến ra bọc phía sau, ông nói: "*anh bắt sống mấy thằng chỉ huy mang về đây cho tôi*".

Giữa lúc ấy một Tiểu Đội Thủy Quân Lục Chiến vẫn tiến lại. Tiếng loa trong Thành hô đứng lại...Toán lính này nằm rạp xuống rồi khom lưng, bò tiến lên. Tiếng hô vang lên lần nữa rồi 1, 2, 3... môt loạt súng đại liên nổ chát chúa. Ngay trong loạt súng đầu có 4 Thủy Quân Lục Chiến gục ngã. Đám còn lại chạy dạt vào phía bên trong thành tường sân Hoa Lư.

GIỜ ĐÃ ĐIỂM

Rồi 1g30 ngày 1.11.1963 giờ phút quan trọng của lịch sử đã điểm. Một loạt đại bác 105 nổ vàng rền và rất trúng mục tiêu. Có viên nổ giữa sân, có viên nổ trúng một phía doanh trại. Tiếp theo là 4 chiến khu trục tới bắn hỏa tiễn.

Lúc ấy binh sĩ trong Thành Cộng Hòa bắt đầu cảm thấy thực sự đang có biến động. Rồi lại từng loạt nữa...tiếng nổ chát chúa vang rền. Trong Thành vẫn chưa có ai bị thương.

Từ lúc ấy Thiếu Tá Duệ mới xuống phòng chỉ huy để điều động. Ông nói với các sĩ quan: "*Có đảo chánh thật các cậu ạ...không hề gì...người nào có nhiệm vụ nấy...*" Ông ra lệnh cho Trung Úy Bảo theo chân hai thiết giáp tiến ra khỏi Thành. Ông Bảo yêu cầu: "*Thiếu Tá cho quạt vài ba tua nữa...bọn nó đang lố nhố đây ở sân Hoa Lư mục tiêu ngon quá đi*". Ông Duệ không cho khai hỏa tiếp rồi bảo nhân chứng ra tìm cách thuyết phục và hỏi nguyên do xem sao! "*Anh em nhà cả mà!*"

Nhân chứng đứng bên đây đường, vác loa gọi đại cương: *"A lô! A lô...Tôi Trung Úy Bảo đây nguyên Trưởng Phòng II Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt đây"*.

Nói như vậy vì ông biết chắc thế nào trong đám sĩ quan đó cũng có chàng là bạn ông hoặc cựu Sinh Viên Trường Võ Bị Đà Lạt.

Ông Bảo lại lên tiếng một lần nữa: *"A lô! Bảo đây xin các anh đừng có dại dột, nghe theo ai, đừng có dại dột chết oan uổng cho một mưu đồ nào*". Quả nhiên khi nhân chứng ngưng lời thì từ phía bên kia sau sân Hoa Lư có một sĩ quan lên tiếng: "*A lô...Trung Úy Bảo phải không ? A lô thinh đây"* Rồi có tiếng nổ phía xa.

Có tiếng hô ngưng bắn, Trung Úy Bảo liền băng qua Đường Hồng Thập Tự về đi về phía Thinh. Theo sau ông là một người lính. Nhân chứng đến gặp Đại Úy Thinh Đại Đội Trưởng Thủy Quân Lục Chiến. Nhân chứng hỏi Thinh: *"Các anh được lệnh của ai về đây ?"* Đại Úy Thinh nói: *"Tôi nghe Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Tổng Thống làm phản nên bọn này kéo quân về cứu ông Cụ"*. Nhân chứng lắc đầu cười: "*Nhầm to rồi Thinh ơi...Làm gì có chuyện đó. Ai bảo với các anh thế ?"* Thinh im lặng.

Lúc ấy có một Thủy Quân Lục Chiến chết 3 bị thương trong loạt nổ thứ nhất của Lữ Đoàn. Trung Úy Bảo đề nghị với Thinh: "*Cậu thấy không chung quanh đây toàn là lực lượng của Lữ Đoàn hết. Chỉ cần mấy khẩu đại liên đặt trên lầu kia quạt một lần các cậu sẽ đi đời hết. Thôi bây giờ bỏ khí giới hàng đi rồi hạ hồi phân giải"*.

Đại Úy Thinh không chịu và nói: "*Hàng thì tôi không thể hàng được. Cấp chỉ huy ra lệnh như thế nào thì làm như thế. Tuy vậy, bọn tôi có thể giá súng ngồi chơi được không ?"* Một sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến khác phàn nàn: *"Bọn tôi hành quân ở Tây Ninh về thì được lệnh di chuyển về đây ngay. Bọn này có biết mẹ gì đâu. Cấp trên bảo sao nghe vậy. Đang mệt thấy bà nội"* Đại Úy Thinh cương quyết chỉ giá súng mà không chịu hàng.

Hai bên đều đồng ý an binh bất động. Đại Đội Thủy Quân Lục Chiến của Đại Úy Thinh rút sâu vào sân Hoa Lư và giá súng. Theo lệnh của Thiếu

Tá Duệ, Trung Úy Bảo mời Đại Úy Thinh vào gặp ông Duệ để hai bên cùng sáng tỏ đầu đuôi câu chuyện. Đại Úy Thinh từ chối, ông viện lý do đơn vị không được phép bỏ đơn vị đang ở tình trạng tác chiến. Tuy nhiên Đại Úy Thinh vẫn cử 2 sĩ quan đi theo, một Thiếu Úy một Chuẩn Úy. Qua sự điều tra tại chỗ, được biết chỉ có hai Đại Đội Thủy Quân Lục Chiến. Ngoài Đại Đội của Thinh, còn Đại Đội của Châu đang dàn binh bố trận phía sau. Một sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến nói với Trung Úy Bảo: *"Chuyện rắc rối thấy mẹ...bọn này vừa đi hành quân về mệt chết cha...Làm gì có đảo chánh. Trung Tá Khang được Tổng Thống cưng nhất...có lẽ bọn tôi về đây để chống đảo chánh"*.

Từ phút đó, phía bên Thành Cộng Hòa cũng án binh để "*chờ xem"*. Việc cấp thiết là phải tản thương. Trung Úy Bảo đề nghị với Đại Úy Thinh tạm thời đưa 3 Thủy Quân Lục Chiến vào Bệnh Xá của Lữ Đoàn để cấp cứu (trong đêm mùng một cả 3 thương binh đều chết vì trúng đạn 105 của quân cách mạng...trái đạn rớt trúng Bệnh Xá).

MỜI CỤ XUỐNG HẦM

Tại Bộ Chỉ Huy của Lữ Đoàn, Thiếu Tá Duệ đang liên lạc với Bộ Tổng Tham Mưu. Tiếng ông Duệ: *"Tôi muốn gặp ngay Trung Tá Khôi...chú phải tìm cho bằng được. Ông ấy đang ở phòng Hội..."* Ông Duệ chờ mãi. Trên Dinh Gia Long lại gọi xuống: *"Hoàn đây...không có chuyện gì quan trọng chứ ?"*.

Ông Duệ trao máy cho một sĩ quan để liên lạc với Bộ Tổng Tham Mưu rồi tiếp chuyện với Gia Long. Ông Duệ bảo Đại Úy Hoàn: "*Mời Cụ xuống hầm gấp...Thiếu Tá Hưởng có ở đấy không...Tại sao đến bây giờ mà chưa mời Cụ xuống hầm. Tại sao Cụ lại không chịu...Phải nói rõ cho Cụ biết...Không có gì nguy nhưng phải đề phòng..."*.

Ông Duệ lại quay sang "*tiếp chuyện*" Tổng Tham Mưu. Phía đầu giây bên kia là Trung Tá Nguyễn Ngọc Khôi, Tư Lệnh Lữ Đoàn. Lát sau ông Duệ quay lại nói với mấy sĩ quan: "*Trung Tá Khôi không về được. Bây giờ vẫn chưa họp. Lạ thật. Trung Tá Khôi cho moa biết trên ấy hoàn toàn yên*

tĩnh". Một lát sau ông Duệ gọi lại lên Gia Long và được trả lời: "*Mời Cụ xuống hầm nhưng không thấy Cụ nói gì...Trên này hoàn toàn yên tĩnh...Thiếu Tá Lạc hiện đang có mặt trong Dinh, có cả ông Bí Thư Trần Sử"*.

Kế hoạch đảo chánh đã được hoàn tất trong vòng hơn một tuần lễ mà đầu não vẫn là

Trung Tướng Trần Văn Đôn, Đại Tá Nguyễn Hữu Có lãnh nhiệm vụ giao liên, tổ chức và móc nối. Với cương vị Tư Lệnh Phó Quân Đoàn III, phụ tá cho Tướng Đính nên mọi sự giao tiếp và di chuyển của Đại Tá Có trong phạm vi Quân Đoàn III đều được dễ dàng. Hơn nữa, Giám Đốc Nha An Ninh Quân Đội thì đã theo phe đảo chính rồi nên vấn đề tổ chức càng thêm dễ dàng và bảo mật đến mức độ tối đa. Theo tiết lộ của Trung Tướng Nguyễn Hữu Có trên Nhật Báo Công Luận số đặc biệt cách mạng 1.11.1970 thì ngày 15.10.1963 ông đã hỏi thẳng Trung Tướng Dương Văn Minh về kế hoạch đảo chánh và xin chỉ thị thì Trung Tướng Minh trả lời: *"Anh có quân, có tổ chức thì nắm cho được các đơn vị đó đi"*. Vẫn theo Trung Tướng Có vì biết ông chống Tổng Thống Diệm từ lâu nên khi đến thăm Tướng Đính, Tướng Đính đã bất ngờ hỏi: *"Toa chịu thề với moa không ? Hễ moa chết thì toa phải chết theo, còn toa có chết thì moa cũng chết theo"* Khởi điểm từ bất ngờ đó, hai ông Đính, Có kết hợp cùng nhau để thực hiện kế hoạch.

Đại Tá Có xuống Bình Dương, Bản Doanh Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 5, móc nối được với Đại Tá Nguyễn Văn Thiệu. Ông lại xuống Mỹ Tho, Bản Doanh Sư Đoàn 7 móc nối được với Đại Tá Tư Lệnh Phó Sư Đoàn này cùng một số sĩ quan thuộc khu chiến thuật Tiền Giang, trong đó có Thiếu Tá Nguyễn Viết Thanh, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 10 trú đóng tại Cao Lãnh, Kiến Phong, Thiếu Tá Lý Tòng Bá, Chi Đoàn Trưởng Chi Đoàn Thiết Giáp.

Theo bút ký của Trung Tướng Nguyễn Hữu Có, trong bữa cơm trưa tại Dinh Tỉnh Trưởng Định Tường ngày 20.10 vì sơ xuất nên tin đảo chánh

bay về Sài Gòn.

Đêm ngày 28.10, Ông Nhu đã biết được đầy đủ chi tiết về Đại Tá Có bay lên Bình Dương và xuống Mỹ Tho âm mưu móc nối đảo chánh. Một phiên họp khẩn cấp được triệu tập trong văn phòng Ông Nhu với sự tham dự của Đại Tá Tung và hai viên chức cao cấp của Ngành Tình Báo và Cảnh Sát Đặc Biệt. Ông Nhu nghe các viên chức liên hệ kiểm điểm tình hình và đi đến một kết luận vững chắc: Phe đảo chánh không có quân không thể làm gì nổi. Cho đến lúc này thì Ông Nhu có đủ dữ kiện để biết rõ phe đảo chánh gồm Tướng Đôn, Kim, Minh, Xuân và một số sĩ quan mà Ông Nhu cho rằng họ thuộc thành phần Đại Việt.

Biết rõ Đại Tá Có cùng Tướng Đôn, Kim âm mưu đảo chánh nhưng Ông Nhu vẫn không ra tay trước. Có lẽ ông muốn quăng một mẻ lưới lớn. Đại Tá Tung cũng như Cơ Quan Tình Báo được chỉ thị của Ông Nhu là phải yên lặng tuyệt đối làm như không hề hay biết việc Đại Tá Có xuống Mỹ Tho và lên Bình Dương móc nối 2 Sư Đoàn 5 và 7 Bộ Binh để đảo chánh.

Ngày 31.10, Tổng Thống Diệm và Ông Nhu mới chính thức báo tin cho Trung Tướng Đính biết là Đại Tá Có âm mưu đảo chánh và chỉ thị phải điều tra ngay để tìm ra manh mối hầu có thể ra tay hành động theo kế hoạch hành quân Bravo mà Tướng Đính vẫn nắm trọn quyền.

Nhưng Tướng Đính đã chính thức tham gia phe đảo chánh kể từ ngày 25.10.

Tướng Đính cũng như Tướng Đôn đều báo cáo với Tổng Thống Diệm và Ông Nhu là đã biệt giam Đại Tá Có và đang tra khảo nhưng thực ra, Đại Tá Có được giữ kín trong văn phòng Tư Lệnh Quân Đoàn III. Đại Tá Có trải qua một ngày một đêm trong cảnh toát mồ hôi lạnh. Văn Phòng Tư Lệnh Quân Đoàn III được canh phòng nghiêm mật, nột bất xuất ngoại bất nhập 11 giờ đêm 31.10, Tướng Đôn đến Quân Đoàn III gặp Tướng Đính và Đại Tá Có, ông cho biết vì Đại Tá

Có làm lộ bí mật tại Mỹ Tho cho nên phải hành động gấp vào ngày mai,

tức 1.11.

Trung Tướng Có qua thiên bút ông đã mô tả: *"Thứ sáu 1.11.1963: Sau một đêm thức trắng, Tôn Thất Đính có vẻ mệt mỏi. Tôi cũng không khỏe gì hơn. Nhưng thì giờ càng quá mau thì tôi càng mừng. Ăn điểm tâm xong là 7g tôi vui vẻ nói với Tướng Đính: Chỉ còn 6 giờ nữa thôi mong rằng mọi việc sẽ êm đẹp"*. 8 giờ, Trung Tướng Đôn lại tới gặp Tướng Đính và tôi. Thấy tôi ông lại cười rồi chỉ mặt nói: *"Tổng Thống bảo tôi lại coi ông Đính đập thằng Có ra sao"*. Tướng Đính dặn Tướng Đôn về trình là đã đập gần chết rồi, hiện còn nhốt trong nhà tắm, đợi tỉnh lại sẽ tiếp tục khai thác.

Tướng Đính cũng trực tiếp báo cáo như vậy với Tổng Thống Diệm và Ông Nhu.

12 giờ, Đại Tá Có từ biệt Tướng Đính ra Phi Trường Tân Sơn Nhất và ở đây ông dùng trực thăng của Quân Đội Mỹ bay xuống Mỹ Tho. Cũng từ giờ đó, Tướng Đính bắt tay vào việc đảo chánh. Quân Đoàn III bị cấm trại 100%. Kế hoạch Bravo I biến thành Bravo II. Nhưng 6 Đại Đội của Lực Lượng Đặc Biệt đi hành quân tại Long Thành, theo kế hoạch Bravo I Lực Lượng này sẽ quay về Sài Gòn nhưng với Bravo II thì Lực Lượng nòng cốt này bị cô lập ngay.

Rồi một loạt đại bác nổ vang, rất trúng đích. Tiếng gạch ngói đổ vỡ, tiếng người nói lao xao. Rồi một loạt khác...Tiếng nổ xé tan bầu không khí oi ả của buổi trưa. Trung Sĩ Hòa ước lượng ít nhất lần này Thành Cộng Hòa phải ăn 20 trái. Từ phía xa một vài loạt tiểu liên nổ. Quanh Thành Cộng Hòa vẫn yên tĩnh ngoài tiếng đại bác nổ và tiếng chân người chạy.

Đại Bác nổ rát quá. Thiếu Tá Duệ hét, Anh em Thủy Quân Lục Chiến tìm chỗ ẩn núp cứ đứng khơi khơi như thế chết hết bây giờ. Một toán Thủy Quân Lục Chiến chạy băng qua đường tìm chỗ núp đại bác trong mấy tòa nhà thuộc Tổng Nha Cải Huấn và Bộ Xã Hội hiện nay. Trong sân Hoa Lư, Thủy Quân Lục Chiến tụ tập cả trên khán đài. Súng vứt ngổn ngang trên cỏ, Thiếu Tá Duệ nói với Trung Úy Bảo: "*Cậu sang bảo tụi nó tìm chỗ an toàn mà nấp. Vô phước tụi nó ăn phải đại bác thì tôi sẽ lãnh đủ*".

Một Chuẩn Úy Thủy Quân Lục Chiến từ bên Hoa Lư băng qua, ông này nói: *"Ông già của tôi có đây không ?"* Thì ra, ông già của vị sĩ quan này là Thượng Sĩ trong Ban Quân Nhạc của Lữ Đoàn. Viên Chuẩn Úy nói: "*Trung Đội của em ở bên kia đường coi bộ nguy hiểm quá"*. Trung Úy Bảo đề nghị: "*Cậu cho Trung Đội qua đây. Ở đây nếu pháo binh mần dữ như vừa rồi cũng không sợ, thiếu gì chỗ an toàn"*. Viên chỉ huy nghe có lý, ông trở lại vị trí cũ dẫn cả Trung Đội vào Thành Cộng Hòa (sau khi thành này thất thủ Trung Đội của ông ta được đồng hóa với Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ và bị coi là thành phần chống cách mạng).

Trong giờ phút đó Thiếu Tá Duệ cố tìm cách bắt liên lạc với Trung Tá Khôi nhưng không có kết quả. Ông Duệ lại gọi về Dinh Gia Long. Trên Dinh cho biết vắn tắt: "*Các Tướng lãnh có lẽ bị phe đảo chánh bắt cóc...trên này đủ mặt Châu, Lộc, Hoàn, Thọ, Bằng. Ông Võ Văn Hải cũng vừa tới, ông đang ở trong phòng Cụ"...*

Từng loạt đại bác nổ vang rền. Lần pháo kích này được coi là ác liệt nhất. Lính của Lữ Đoàn có 5, 6 người bị thương, hai chết. Đại Đội Thủy Quân Lục Chiến lúc ấy đã tản mát sang phía bên kia đường hay nấp sau bờ tường sân Hoa Lư. Trung Úy Bảo gọi Đại Úy Thinh: "*Toa cho lính của toa di tản đi chỗ khác, nấp ở sau bờ tường như thế kia chết cả lũ bây giờ*". Đại Úy Thinh ra lệnh cho di tản ngay...Khoảng 15 phút sau khi phi cơ bay tới rà qua sân Hoa Lư rồi quạt đại liên ào ạt về phía bờ tường mà vừa rồi toán Thủy Quân Lục Chiến dùng làm nơi ẩn nấp. Trung Sĩ Hòa nói: "*Hú vía...chút xíu nữa thì chết gọn"*. Thinh nói với Trung Úy Bảo: *"Cảm ơn Trung Úy không lanh trí thì bọn này bỏ mạng hết"*. Phi cơ xuất hiện oanh kích có một lần đó.

ĐÁNH NHAU BẰNG MỒM

Trung Úy Bảo đã có thể yên tâm và vững tin vào Đại Đội Thủy Quân Lục Chiến của Thinh.

Nhưng vẫn còn một Đại Đội nữa. Lữ Đoàn Liên Binh cho 2 xe thiết giáp tiến về phía Ngã Tư Đinh Tên Hoàng-Phan Đình Phùng, Trung Úy Bảo đi

sau cùng với 2 Hạ Sĩ Quan Thủy Quân Lục Chiến...Nhân chứng dùng 2 Thủy Quân Lục Chiến này cốt để làm nản lòng Đại Đội của Châu. Lúc ấy Đại Úy Châu đang đứng ở gốc cây ngay trước cư xá Air Việt Nam hiện nay.

Đại Úy Châu cầm khẩu súng lục trong tay còn tay kia cầm trái lựu đạn. Lính của Đại Úy Châu đều chĩa thẳng mũi súng về phía nhân chứng. Tuy vậy, Trung Úy Bảo rất bình tĩnh và đằng sau nhân chứng là 2 thiết giáp và lính của Lữ Đoàn. Trung Úy Bảo lên tiếng: *"Tất cả binh sĩ phải quay mũi súng ra ngoài không bị tiêu diệt ngay"*. Nhân chứng hỏi Đại Úy Châu: *"Ai bảo các anh về đây ? Các anh về đây để làm gì ?"* Trung Úy Bảo nghĩ trong bụng, Đại Úy Châu cũng sẽ trả lời như Thinh. Nhưng không, Đại Úy Châu lại nói lớn tiếng: "*Chúng tôi về đây để lật đổ chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm. Chúng tôi không thể chịu được áp bức"*.

Trung Úy Bảo nói gay gắt: "*Anh lại đây"*. Đại Úy Châu cũng gay gắt không kém: *"Anh lại đây*". Châu vẫn cầm nhăm nhăm trái lựu đạn. Nhân chứng thì cầm chiếc loa. Bảo nói: "*Anh muốn chết bỏ mạng à"*. Châu lại nói: *"Anh định tự tử hay sao"*. Hai bên vẫn lời qua tiếng lại. Đúng lúc đó phi cơ bay xẹt qua quạt từng loạt đạn (như trên đã viết) Trung Úy Bảo tiếp tục tấn công bằng lời: "*Anh coi Đại Đội của Thinh hàng rồi. Chung quanh đây là quân của Lữ Đoàn. Anh nhìn coi...chỉ cần có khẩu đại liên trên lầu kia làm một loạt cánh chéo cánh sẻ cũng cho các anh đi đời"* Nhân chứng lại nhấn mạnh: "Tốt hơn hết các anh hàng đi cho yên chuyện". Một sĩ quan khác lên tiếng: "*Hàng thế nào được. Tụi tôi về đây lật đổ chế độ độc tài gia đình trị"* Nhân chứng đáp: "*Muốn gia đình trị hay cái gì cũng được. Bây giờ không nói chuyện đó muốn sống thì hàng đi"*.

Lúc đó Đại Úy Châu bắt đầu dịu giọng: "Hàng thì tôi không hàng nhưng tôi sẽ tập trung lính lại. Được không ?" Trung Úy Bảo vui vẻ trả lời: *"Thế cũng được. Bây giờ anh cho lính của anh tập trung tất cả vào Khu Hàng Không Việt Nam*". Châu lại hỏi: "*Còn các anh thì sao ?"* Nhân chứng cho biết thiếp giáp và lính của Lữ Đoàn sẽ lui về vị trí cũ tức là phía bên kia

đường Hồng Thập Tự.

Thế là hai Đại Đội của Thủy Quân Lục Chiến đếu án binh bất động. Phía Lữ Đoàn giải giới chờ khi hữu sự sẽ ra tay. Bộ chỉ của Lữ Đoàn Phòng Vệ hoạt động không ngừng.

Cho đến lúc ấy Thành Cộng Hòa đã ăn hàng trăm trái 105 ly. Bộ chỉ huy Lữ Đoàn Phòng Vệ không thể nào liên lạc được với Bộ Tổng Tham Mưu. Thượng Sĩ Nguyễn thuật lại: "Ông Duệ phải gọi qua Phòng Quân Cảnh của Tổng Tham Mưu nhờ liên lạc vì ông có người bạn thân ở phòng này nên mới nắm được "đầu giây" liên lạc. Thiếu Tá Duệ hỏi qua về tình hình trên đó ra sao.

Phía đầu giây trả lời rõ rệt: "*Không thấy có gì quan trọng cả. Các ông Tướng đang họp. Hiện giờ Bộ Tổng Tham Mưu không có lực lượng nào khác hơn mấy chú tân binh ở Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung"*. Thượng Sĩ Nguyễn báo cáo lại và đề nghị: "*Làm tới đi Thiếu Tá. Hốt về đây cho xong chuyện*" Các Sĩ Quan Tham Mưu bàn định: *"Nếu được lệnh thì chỉ cần một Chi Đội Thiết Giáp, một Đại Đội ta sẽ tiến dọc theo đường Công Lý. Thủ thì nguy công mới thành"*...Ông Duệ gật đầu cho là phải. Ông gọi lên Dinh Gia Long xin lệnh Tổng Thống. Phía đầu giây bên kia Đại Úy Tùy Viên Lê Công Hoàn đáp: "*Cụ không trả lời. Cụ ra lệnh chỉ được phép nổ súng khi nào bị tấn công. Cụ cấm không được gây đổ máu"*...Ông Duệ và một số Sĩ Quan Tham Mưu đành thở dài lắc đầu, ông lại tiếp tục cuộc điện đàm: "*Toa thưa lại với Cụ cứ cho phép tụi moa đem lực lượng lên đó hốt cho hết, như thế là xong"*...Bên đầu giây kia Đại Úy Hoàn trả lời: "*Cụ nhất định không chịu"*...Thượng Sĩ Nguyễn lắc đầu quay sang bảo ông Duệ:

"Thiếu Tá thử nói lại lần nữa xem sao...Thiếu Tá nói với Đại Úy Hoàn trình bày rõ với Cụ là bọn mình chỉ xin lên Bộ Tổng Tham Mưu mời các Tướng về Dinh để họp mà thôi..." Lúc ấy vào quãng 5 giờ.

DƯỚI HẦM

Vào giờ này tại Dinh Gia Long, mấy Sĩ Quan Tùy Viên vẫn ngồi kế bên

Tổng Thống Diệm. Trong Dinh còn có 3 đường giây liên lạc, Tổng Thống Diệm ở dưới hầm...Ông Nhu sai người đem radio mang xuống cho Tổng Thống nghe để cho Cụ được rõ thực hư (lời Ông Nhu). Nhưng radio mang xuống dưới hầm lại không nghe được vì không có giây antenne từ trên xuống. Rồi nhạc quân hành vang vang. Các Tướng lãnh lần lượt xướng danh. Nhưng giọng phát ngôn viên nhấn mạnh từng điệp khúc "*lật đổ chế độ độc tài gia đình trị*"...Tổng Thống Diệm im lặng lắng nghe. Rồi Ông Nhu trên lầu bước xuống. Hai anh em Ông Diệm đều im lặng.

Sĩ Quan Tùy Viên vặn cho nhỏ hơn. Nhạc quân hành mỗi lúc một dồn dập. Bốn Sĩ Quan Tùy Viên có mặt ở Dinh lúc ấy đều là những người quanh năm suốt tháng trong Dinh và đã trải qua nhiều biến cố như vụ ám sát hụt ở Hội Chợ Kinh Tế Ban Mê Thuột, vụ đảo chính 11.11.1960, vụ ném bom ngày 27.2.1962...Do đó, không lấy gì làm sao xuyến cho lắm. Trái lại mỗi lần như vậy họ cảm thấy sống gần Tổng Thống Diệm hơn. Nhạc quân hành vẫn vang lên dồn dập. Ông Nhu thì trầm ngâm nhát gừng: *"Mỹ nó bảo làm vậy thì làm vậy..."*

Nói xong Ông Nhu lại trở lên lầu. Trong khoảng thời gian đó, Đại Sứ Cabot Lodge gọi điện thoại nói chuyện riêng với Tổng Thống Diệm. Đây là lần thứ hai kể từ lúc 2 giờ. Bốn Sĩ Quan Tùy Viên vẫn đứng ngồi bên cạnh Tổng Thống Diệm. Không ai nghe rõ ông Lodge nói những gì...Tổng Thống Diệm trả lời bằng tiếng Pháp đại cương: *"Tôi không chấp nhận...Cảm ơn...Cảm ơn...chúng tôi sẽ thu xếp với nhau...Tôi không tin các Tướng đòi hỏi như thế. Cảm ơn. Tôi không nhận điều kiện nào hết...Tôi là Tổng Thống của nước Việt Nam Cộng Hòa!!"* Trước khi buông máy, Tổng Thống Diệm nói rất chậm, nhấn mạnh từng tiếng một *"Je vousremercie sincèrement...Je ne quite jamais mon Peuple"*

Tổng Thống Diệm buông máy nhìn một lượt 4 Sĩ Quan Tùy Viên rồi mỉm cười. Ông lại châm thuốc hút. Ông nhìn Đại Úy Hoàn khẽ gật đầu đắc ý về một việc gì rồi lại cười. Ông vẫn ngồi trên chiếc ghế tựa hiệu Marconi.

Trước đó Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn tại Thành Cộng Hòa, Thiếu Tá Duệ nhận được lệnh từ Dinh Gia Long phải chiếm cho kỳ được Đài Phát Thanh.

ĐẢO CHÁNH GIẢ

Từng loạt đại bác nổ rồi im. Ông họ Trần (cựu Bộ Trưởng) mở cửa sổ nhìn ra đường... một vài chiếc taxi lướt qua. Con Đường Hồng Thập Tự vẫn im vắng, không có một bóng dáng Quân Nhân nào. Vợ của nhân chứng nói: *"đảo chánh giả mình ạ. Cứ mặc người ta, anh đừng xớ rớ"*. Cách đó hơn một tuần ông Trần có vào Dinh Gia Long thăm riêng Tổng Thống Diệm, lấy cớ đến chúc mừng Tổng Thống nhân ngày 23.10. Ông Trần có gặp Tướng Đôn ở hành lang Dinh. Ông hỏi Tướng Đôn "*Tình hình quân sự dạo này có khá không ông Tướng ?"* Ông Đôn ghé tai nói nhỏ: *"Thưa ông bi quan lắm...việt cộng mở mặt trận khắp nơi. Người Mỹ hình như muốn bỏ rơi chúng ta"*. Nhân chứng khẽ nhún vai mỉm cười. Hôm ấy ông Trần có gặp cả Tướng Đính, vẫn vẻ vồn vập niềm nở, Tướng Đính nắm chặt hai tay ông.

- Tình hình Vùng 3 thế nào ? Nhân chứng hỏi. Ông Đính khoa tay: *"khả quan lắm. Còn*

Ba Đính ở đây thì việt cộng không có làm ăn gì được hết. Đàn anh cứ tin lời Ba Đính nói đi".

Ông Trần trở vào phòng nghe radio. Bỗng nhiên chuông điện thoại reo vang. Đầu giây bên kia ông Smith một viên chức CIA của Tòa Đại Sứ Mỹ gọi nhân chứng và nói: "*Tình hình rất nguy hiểm tuy nhiên ông Đại Sứ Lodge sẽ tìm mọi cách để tránh đổ máu. Ông Đại Sứ muốn tôi "arangé" một cuộc tiếp xúc riêng giữa ông Đại Sứ với ông ngay chiều nay"*. Viên chức Mỹ cho biết sẽ đến gặp nhân chứng.

Súng vẫn nổ lẻ tẻ. Tiếng xe thiết giáp chuyển dịch rất gần. Nhân chứng gọi điện thoại cho ông Nguyễn Đính Thuần 2, 3 lần, người nhà nói ông đi vắng. Lúc sau ông Smith đến thăm ông.

Câu đầu tiên của ông: *"Thế nào có đảo chánh thật hay sao ?*" Viên chức này đáp: "*Làm thế nào được hơn, cho đến giờ này ông vẫn chưa được biết*

?" Ông Trần rút thuốc hút đáp: *"Tôi làm sao có thể biết được. Ông Minh và ông Đôn làm vụ này ? Ông có tin là thành công không ?"* Viên chức Mỹ nói giọng cả quyết: *"Tôi không tin họ đủ yếu tố thành công. Bây giờ chỉ còn vấn đề thu xếp cho anh em ông Ngô Đình Diệm qua Nhật và Ông Nhu đi Âu Châu"*.

PHÁ ĐỔ TIÊN TỤC

Sau đó viên chức Mỹ đi thẳng vào vấn đề:

- Đây là vấn đề nội bộ của Việt Nam tôi nghĩ rằng cuộc cách mạng sẽ mang lại phép lạ giúp cho nước ông chiến thắng cộng sản và giải quyết môt lần cho xong vụ khủng hoảng Phật Giáo đã kéo dài quá lâu.

Ông Trần hỏi:

- Khi cuộc đảo chánh thành công sẽ có một chánh phủ Quân Nhân ra đời, các Tướng lãnh sẽ trực tiếp lãnh đạo chính phủ ?

Viên chức Mỹ im lặng một lúc lâu rồi mới gât gù đáp:

- Đó mới là vấn đề số 1. Theo tôi các Tướng lãnh Việt Nam chỉ có thể hoàn thành được vai trò quân sự của họ. Người Mỹ như tôi đều chủ trương Việt Nam phải có một chính phủ dân sự mở rộng tiếp nhận nhiều khuynh hướng nhất là khuynh hướng Phật Giáo.

Nhân chứng mỉm cười:

- Ông Đại Sứ Lodge muốn gặp riêng tôi để làm gì ? Tôi không còn ham thích làm chính trị.

Smith nói:

- Mỹ quốc muốn thấy Việt Nam Cộng Hòa ổn định, có một nền dân chủ để chiến thắng cộng sản, có một xã hội no ấm và tự do. Cuộc cách mạng của Tướng lãnh Việt Nam là một cơ hội tốt...nhưng chính phủ phải do phía dân sự lãnh đạo và phải do người Miền Nam.

Nhân chứng không nói gì. Cuộc đối thoại cắt đứt vì có chuông điện thoại. Nhân chứng cầm máy nghe. Một Bộ Trưởng phía đầu giây bên kia nói với nhân chứng: "*Thành Cộng Hòa và Dinh Gia Long bị vây cả rồi. Lúc này ông Quách Tòng Đức (Đổng Lý Văn Phòng Phủ Tổng Thống) cũng*

có vào Dinh. Nhưng không gặp Tổng Thống ông có gặp Võ Văn Hải và thấy không cần thiết phải có mặt ở Dinh nên ông Hải lại về...ông ấy có điện thoại cho tôi...Tình hình nguy rồi, anh tính sao ?" nhân chứng lắc đầu: "*biết làm thế nào ?"*

Quay sang phía viên chức Mỹ, ông hỏi: *"Người Mỹ thật tình muốn có một chính phủ mở rộng ?"* Viên chức Mỹ đáp: *"Tôi bảo đảm với ông như vậy. Một chính phủ có sự tham dự của đảng phái, Phật Giáo. Bộ Quốc Phòng sẽ trao cho Quân Nhân rồi mở đâu cho giai đoạn mới: Phát triển các cơ sở dân chủ và cách mạng xã hội"* Viên chức Mỹ ra vẻ tâm sự tha thiết: *"Cuộc cách mạng sẽ thành công nhưng Phật Giáo vẫn là một vấn đề. Tôi nghĩ rằng Tướng lãnh của nước ông sẽ không đủ uy tín nắm vững khối quần chúng. Nếu không có một chính phủ dân sự mở rộng thì tình hình sẽ bị lật ngược và vô cùng rối loạn. Tôi nghĩ rằng phải có một nhân vật Miền Nam đứng ra lãnh đạo chính phủ và chính phủ này sẽ đảm bảo tính cách liên tục của guồng máy hành pháp*". Nhân chứng hỏi: "*Người Mỹ không tin vào khả năng lãnh đạo của hai ông Minh và Đôn ?*" Viên chức Mỹ mỉm cười không đáp. Ông bất thần hỏi: *"Chắc chắn ông là người biết rõ khả năng lãnh đạo của Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ ?"* Nhân chứng chưa kịp đáp thì viên chức Mỹ đã hỏi: *"Ông có thể giúp Phó Tổng Thống Thơ hoàn thành được vai trò ấy chứ ?"*

Có một tiếng nổ lớn, ông Trần nhìn qua cửa sổ. Phía bên kia đường lính đứng lố nhố ở sau gốc cây. Một chiếc Thiết Giáp đậu ngay trước cửa nhà nhân chứng. Rồi tiếng đại bác lại nổ chát chúa. Người nhà nhân chứng, một sĩ quan trong Đại Đội Cận Vệ từ Dinh Gia Long gọi điện thoại về cho biết: "*Tình hình rất yên. Chỉ có Thành Cộng hòa bị pháo kích. Tổng Thống đang ngồi hút thuốc lá bàn chuyện với mấy tay Sĩ Quan Tùy Viên"*.

Viên chức Mỹ lại tiếp tục cuộc mạn đàm (có chủ ý). Ông ta nói: "*Hai ông ấy (Diệm và Ông Nhu) đã di quá sâu vào đường trung lập. Tôi sẽ cho ông coi hồ sơ để xem Ông Nhu đã móc nối với Nguyễn hữu Thọ và Phạm văn Đồng như thế nào*". Nhân chứng lắc đầu, khẳng định: "*Tôi không bao*

giờ tin như vậy. Tổng Thống Diệm là một người chống cộng" Viên chức Mỹ lại hỏi: "*Nếu nói rằng Tổng Thống Diệm là một người chống cộng sao có những cán bộ ở ngay bên cạnh Tổng Thống ?"* Nhân chứng hỏi: *"Đó là những ai xin ông cho biết ?*" Smith nói: *"Tôi không cần nói chắc ông cũng hiểu"*. Nhân chứng thở dài, ông hoàn toàn không thể hiểu người Mỹ đang tính toán những gì. Nhưng chắc chắn Tổng Thống Diệm đã làm phật lòng người Mỹ không ít. Vào cuối năm 1961, Tổng Thống Diệm đã lấy làm khó chịu khi có một giới chức Mỹ thuộc cơ quan USOM đã đề nghị với chính quyền Việt Nam nên thu hồi Bệnh Viện Grall còn trong tay người Pháp. Rồi lại cho một giới chức Mỹ khác đề nghị cải tổ giáo dục Việt Nam theo chiều hướng Mỹ. Tổng Thống Diệm đã khước từ những đề nghị như thế. Và Ông Diệm đã khước từ trước một *"đề nghị"* về phía Mỹ: Yêu cầu chính quyền Việt Nam cho Mỹ sử dụng căn cứ Cam Ranh. Đề nghị này không chính thức nhưng Đại Sứ Nolting cũng đã *"ướm lời dò ý*" trong các cuộc đi viếng Vùng Tràm Chim với Tổng Thống Diệm cùng một số Bộ Trưởng như Giáo Sư Trương Công Cừu. Tháng 3.1963, Đại Tướng Harkins lại một lần nữa ngỏ lời qua Tướng Khánh. Nhưng Tổng Thống Diệm trước sau đều khước từ.

Viên chức Mỹ và ông Trần tiếp tục nói chuyện. Phe cách mạng tiếp tục tiến hành công cuộc lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm. Ông Nhu vẫn trông đợi Sư Đoàn 7 Bộ Binh của Đại Tá Bùi Đình Đạm và Quân Đoàn IV của Tướng Cao. Sáng 1.11.1963, Tướng Cao đang thị sát cuộc hành quân tại vùng Bạc Liêu, Sóc Trăng. Khi nghe tin Sài Gòn có biến ông vội vã bay về Cần Thơ. Nhưng tại bộ Tư Lệnh Quân Đoàn, phe cách mạng đã ra tay từ trước. Có thể nói cuộc đảo chánh đã diễn ra ngay Bộ Tư Lệnh. Tướng Cao ngồi tại Bộ Tư Lệnh lúc ấy chỉ làm vì. Vì quyền bính thực sự của Quân Đoàn đã nằm trong tay Trung Tá Hạnh (nguyên Tham Mưu Trưởng của Tướng Big Minh trong Chiến Dịch Rừng Sát) Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn cùng với Thiếu Tá Tuấn Trưởng Phòng II Quân Đoàn đã được phe cách mạng móc nối từ trước. Khi Tướng Cao về thì sự đã rồi. Ông bị cô

lập ngay phút đầu tuy nhiên sĩ quan kế trên vẫn để ông thong dong nhưng không xảy ra việc gì. Từ Sài Gòn, Đại Úy Bằng có cấp báo cho Tướng Cao nhưng ông Cao lảng đi...Rồi án bính bất động lúc ấy chỉ còn Sư Đoàn 9 Bộ Binh của Đại Tá Bùi Dinh nhưng Sư Đoàn này đang hành quân tại Kiến Hòa, một số quân còn lại tại Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn từ Sa Đéc kéo về tiếp cứu Sài Gòn nhưng về đến Bắc Mỹ Thuận thì bị Trung Đoàn 10 (Sư Đoàn 7) của Thiếu Tá Nguyễn Viết Thanh cầm chân.

Về Sư Đoàn 7, có thể nói Sư Đoàn được Ông Nhu chú trọng bậc nhất. Đại Tá Đạm đã bị thay, theo dự định thì ngày 2.11 sẽ bàn giao chức vụ cho Đại Tá Lâm Văn Phát. Lấy cớ Trận Ấp Bắc bị thua (sự thực thì trận ấy tuy lớn nhưng thiệt hại của đôi bên tương đương nhau) nhiều người đã dèm pha và ngỏ ý với Tổng Thống Diệm thay thế Đại Tá Đạm. Tướng Đôn cũng nhiều lần đề nghị với Tổng Thống Diệm như vậy. Một vài nhân viên tình báo Mỹ cũng cố ý dèm pha để Tổng Thống thay ông Đạm vì họ tin rằng ông Đạm là người sống chết với chế độ nếu loại được ông Đạm thì Sư Đoàn 7 không có gì đáng lo ngại.

Cũng như trước đó, Sư Đoàn 7 thuộc quyền Quân Đoàn IV của Tướng Cao, một số giới chức Mỹ tìm mọi cách đề nghị với Tổng Thống Diệm chấp thuận cho Tướng Đôn tách Sư Đoàn 7 ra khỏi Quân Đoàn IV và đặt Sư Đoàn này dưới quyền của Tướng Đính thuộc Quân Đoàn III đó là một xếp đặt mưu tính khá công phu (từ ngày 30.10 Sư Đoàn 7 và Khu Chiến Thuật Tiền Giang giã từ Quân Đoàn IV). Khi cử Đại Tá Phát thay Đại Tá Đạm, Ông Nhu không nghi ngờ gì cả vì Đại Tá Phát cũng là chỗ "*người trong nhà*"

Sáng ngày 1.11 Đại Tá Lâm Văn Phát chưa nhậm chức mới vì theo dự định ngày 2, ông mới phải có mặt ở Mỹ Tho.

Sự thực thì Đại Tá Có cố tìm cách trì hoãn ngày nhận nhiệm Tư Lệnh Sư Đoàn của Đại Tá Phát để dễ dàng nhảy xuống nắm Sư Đoàn này. Đáng lý Đại Tá Phát xuống Mỹ Tho từ ngày 31 sau khi ông từ Huế về, ông ra Huế để chúc mừng sinh nhật ông Cậu nhưng Đại Tá Có cho biết, trước khi

xuống Mỹ Tho Đại Tá Phát phải vào trình diện Tướng Đính nếu không thì kẹt lắm! Mặt khác Tướng Đính cố kéo dài thời gian không cho ông Phát trình diện trước ngày 1.11.63.

Đại Tá Có đặt chân xuống Phi Trường Tân Hiệp lúc 12g30. Trung Tá Tư đã túc trực tại đây và đưa thẳng ông về Sư Đoàn. Trước đó Bộ Chỉ Huy nhẹ cùng với bộ phận an ninh có Quân Cảnh tháp tùng đã xuống Mỹ Tho bố trí sẵn. Đại Tá Có mang theo thư tay của Tướng Đôn gửi cho Đại Tá Đạm, ông Có mời ông Đạm vô Bộ Tư Lệnh...ông Đạm bị bắt giữ ngay lúc đó. Cuộc đảo chánh tại Sư Đoàn thế là xong...Đại Tá Có gọi gấp Thiếu Tá Lộ, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 12 (ở Gò Công) về Mỹ Tho trình diện. Thiếu Tá Vũ Lộ đều không hay biết gì cả. Khi về Bộ Tư Lệnh trình diện ông mới vỡ lẽ Đại Tá Nguyễn Hữu Có thay thế Đại Tá Đạm chứ không phải là Đại Tá Phát. Đại Tá Có chỉ thị cho Thiếu Tá Lộ điều quân về Mỹ Tho nhưng các Tiểu Đoàn của Trung Đoàn 10 đã biệt phái qua Kiến Hòa nên quân số Trung Đoàn chỉ còn hơn một Đại Đội, mặt khác Trung Đoàn II của Thiếu Tá Lến cũng nhận được lệnh án ngữ từ Cầu Bến Lứt trở lên (mãi tối ngày 2.11 Trung Đoàn này mới kéo quân về Sài Gòn để giữ an ninh Thủ Đô).

Như vậy Sư Đoàn 7 đã nằm gọn trong tay Đại Tá Có. Riêng ông Tỉnh Trưởng Mỹ Tho, Thiếu Tá Đinh Khắc Bình bị cô lập ngay lúc đó (vì ông Bình đã từ chối khi ông Có móc nối vào cuối tháng 10).

Tại Dinh Gia Long, ngay từ lúc 2 giờ 1.11.1963 đã tìm cách liên lạc với Sư Đoàn 7. Sài Gòn ra lệnh gọi thẳng cho các Thiếu Tá Thanh, Lộ, Lến nhưng đều vô hiệu, đường giây đứt rồi. Dinh Gia Long vẫn còn hy vọng nơi Thiếu Tá Nguyễn Ấm, Tham Mưu Trưởng Sư Đoàn 7 mà trước đây khi ở Miền Trung vào nhậm chức, ông Ngô Đình Cẩn đã dặn kín viên bí thư Đảng Cần Lao tại Lữ Đoàn Liên Binh Phủ Tổng Thống: "*Nếu Sài Gòn có biến gọi Đạm không được thì phải tìm mọi cách liên lạc với Ấm*" Nhưng ông Ấm hoàn toàn bất lực vì Sư Đoàn nằm hoàn toàn trong tay Đại Tá Có.

Những người trong cuộc từ hai phía đều cho rằng, nếu Đại Tá Có không lẹ tay quyền chỉ huy Sư Đoàn 7 thì chỉ nội buổi chiều ngày 1, Sư Đoàn 7 với 2 đường tiến quân. Một từ Mỹ Tho- Sài Gòn, một từ Gò Công-Chợ Lớn băng qua cầu Nhị Thiên Đường. Với sự có mặt của 2 Trung Đoàn 11 và 12, phe đảo chánh khó lòng thành công. Đại Tá Có đã đóng một vai trò quyết định về về mặt trận phía Tây. Chính mặt này Tổng Thống Diệm cũng như Ông Nhu luôn quan tâm và cho rằng Sư Đoàn 7 Bộ Binh là một sức phản công hữu hiệu nhất khi Sài Gòn có biến. Phe đảo chánh cũng quan tâm như vậy cho nên ông Có được lệnh phải tốc chiến tốc thắng. Khi cô lập được Đại Tá Đạm, ông Có ra lịnh cho tất cả các phà phải tập trung sang phía Bắc bên Mỹ Tho để các đơn vị Sư Đoàn 9 và Trung Đoàn 12 không còn phương tiện để băng sông, Hải Quân ở Mỹ Tho cũng được lệnh rút hết về các tầu tập trung tại đây. Ngoài ra, Đại Tá Có còn nắm thêm được Trung Đoàn 2 Thiết Giáp do Thiếu Tá Lý Tòng Bá chỉ huy. Khoảng 3 giờ Dinh Gia Long gọi Trung Đoàn này về tiếp cứu thì Trung Đoàn đã nằm gọn trong tay phe đảo chánh.

Cả buổi chiều tại Dinh Gia Long, Ông Nhu vẫn tin ở thế khả thắng của mình nhưng có điều, không biết Ông Nhu mưu lược thế nào song mỗi lần gặp biến (như vụ 11.11.1960) khi phải lựa chọn một quyết định cuối cùng, Tổng Thống Diệm quay sang hỏi Ông Nhu: "*chú tính thế nào ?"* Ông Nhu liền đáp: *"Anh làm Tổng Thống thì anh quyết định chứ. Tôi có làm Tổng Thống* đâu".

Chiều 1.11.1963 tuy Ông Nhu đóng vai chủ động song ông vẫn không có một quyết định nào dứt khoát...Ông Nhu lại nhận được tin Trung Đoàn II Bộ Binh từ Long An sẽ về tiếp cứu. Cho đến lúc này, Ông Nhu vẫn chưa biết Đại Tá Có đã nắm Sư Đoàn 7. Trong khi đó, Tổng Thống Diệm lại cho ghi âm lời hiệu triệu đại cương trong đó nói rằng, đồng bào hãy bình tĩnh, Quân Đội tránh đổ máu, luôn luôn phải đề phòng cộng sản. Các Đơn Vị Quân Đội và địa phương đâu cứ ở đó để lo công việc chống cộng, tuyệt đối phải dồn mọi nỗ lực đề phòng cộng sản xâm nhập và tất cả phải bình tĩnh

đợi lệnh của Thượng Cấp.

Một chiếc xe Jeep phóng như lao trên Đường Thống Nhất, quặt vào Thành Cộng Hòa. Viên Sĩ Quan đến gặp Thiếu Tá Duệ trao cho cuộn băng ghi âm bản hiệu triệu của Tổng Thống Diệm. Viên sĩ quan này nói: *"Cụ ra lệnh bằng cách nào cũng phải chiếm lại Đài Phát Thanh và Thiếu Tá cho phát thanh ngay bản hiệu triệu của Tổng Thống"*. Thành Cộng Hòa lại gọi lên Dinh cho biết đã nhận được cuộn băng và thi hành lệnh ngay. Trước đó Trung Úy Xuân cũng đã đem quân lên chiếm Đài cùng với một Chi Đội Thiết Giáp và một Đại Đội Bộ Binh. Hạ Sĩ Lễ trong Chi Đội Thiết Giáp cho biết: *"Gần đến nơi, tụi tôi thấy Trung Tá Thiện Chỉ Huy Trưởng Thiết Giáp, bọn này mừng quá, tưởng là Trung Tá Thiện mang quân đến tiếp ứng"*.

Trung Tá Thiện vẫn được coi là "*người trong nhà"* của chế độ nên còn ai dám nghi ngờ (ông Thiện vốn là Bí Thư Đảng Cần Lao tại Binh Chủng Thiết Giáp thuộc Quân Ủy) "*Trung Tá Thiện dơ tay vẫy chúng tôi lại...Ai dè mắc mưu, mãi sau mới biết mình "hô" to. Nếu không có cái vẫy của ông ta chúng tôi đã lấy được Đài"*.

Vì nghe theo lời Trung Tá Thiện nên cả hai Chi Đội cùng sáp vô đoàn Thiết Giáp của phe cách mạng. Sau đó, Chi Đội này được lên xa lộ. Không biết nghĩ sao, đêm mùng 1, hai chiếc Thiết giáp tự động xé lẻ tiến về Sài Gòn với ý định tiếp cứu Dinh Gia Long.

Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn ra lệnh hối thúc Trung Úy Xuân phải chiếm cho kỳ được Đài Phát Thanh. Ông Xuân vẫn không dám tiến hơn, xin tiếp ứng. Trung Sĩ Lung thuật lại: Mục tiêu chính yếu của bọn tôi lúc ấy là chiếm Đài. Anh em Thủy Quân Lục Chiến kể như là bạn rồi, Thiếu Tá Duệ gọi Trung Úy Bảo vào nhận lệnh và trao cho ông Bảo cuộn băng "*Dầu anh có phải hy sinh cũng phải đi ngay bây giờ"* Xuân nó lo việc chiếm Đài xong việc đầu tiên là anh cho phát thanh ngay. Tôi cho Trung Sĩ Trí theo anh.

Trung Úy Bảo đáp: "*Từ đây lên Đài gay quá, xin Thiếu Tá cho tôi vài thiết giáp mở đường"*.

Thiếu Tá Duệ trả lời: "*Anh vào Sở Thú hỏi Đại Úy Lễ, Thiết giáp ở trên ấy cả, còn chần chờ gì ?"* Chiếc xe jeep của Trung Úy Bảo lại rồ ga qua sân ra Đường Thống Nhất rồi vào Sở Thú. Lúc ấy trong Thành Cộng Hòa quân số chưa tới 100 lính.

Để tránh pháo kích, Bộ Chỉ Huy cho một Đại Đội qua đóng ở Dinh Đại Tướng Tỵ. Hạ Sĩ Lễ nói: *"ở đây là an toàn nhất vì chắc chắn phe cách mạng sẽ không dám pháo kích vào Tư Dinh của Đại Tướng"* Một Đại Đội khác lúc ấy đóng ở Sở Thú, chung quanh Trường Trưng Vương, Võ Trường Toản và Nha Trung Tiểu Học.

Sau khi chỉ thị cho Trung Úy Bảo đưa cuốn băng hiệu triệu lên Đài Phát Thanh, Thiếu Tá

Duệ liên lạc thẳng với Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 7.

Cuộc điện đàm giữa Thành Cộng Hòa và Sư Đoàn 7 chỉ có vắn tắt mấy lời:

- Thành Cộng Hòa: *Anh Ấm đấy à! Duệ đây...Anh cho quân về gấp*.

- Sư Đoàn 7: *Vâng Ấm đây...Tôi không biết làm thế nào nữa anh ạ! Lúc này khó lắm*.

Điện thoại cúp ngang. Cũng vào khoảng thời gian này Trung Tướng Đôn điện thoại cho Đại Tá Có gởi quân tăng cường cho phe đảo chánh. Ông Có cấp tốc gởi Trung Đoàn 12 và Trung Đoàn 11 Bộ Binh về Sài Gòn. Đại Tá Có tuy nắm được Trung Đoàn 11 Bộ Binh nhưng vẫn còn nghi Thiếu Tá Lến Trung Đoàn Trưởng nên đường tiến quân về Sài Gòn, Thiếu Tá Lến phải ngồi chung xe với Thiếu Tá Bá và ông Bá mới là Chiến Đoàn Trưởng.

ĐÀI PHÁT THANH SÀI GÕN

Khi Trung Úy Bảo đến Sở Thú gặp Đại Úy Lễ và xin cho Thiết giáp đi theo lên Đài. Ông Lễ cho biết: "*Ở đây bọn này làm gì có thiết giáp. Vỏn vẹn có 80 mạng thiết giáp ở đâu ra ?"* Trung Úy Bảo gọi về Bộ Chỉ Huy xin chỉ thị mới nhưng Thiếu Tá Duệ dằn giọng: "*Dù không có thiết giáp cũng phải liều mạng mà đi. Phải sống chết với cuộn băng đó*". Cũng giờ

phút này trên Dinh Gia Long chia thành ba bộ phận. Bộ Chỉ Huy quân sự đứng đầu là Thiếu Tá Lạc, Thiếu Tá Hưởng. Bộ phận đầu não vẫn là Ông Nhu bên cạnh ông là Cao Xuân Vỹ. Bộ phận khác bên Tổng Thống Diệm có vẻ bình thường. Theo Đại Úy Hoàn *"bọn tôi vẫn vui như tết...quây quần quanh Tổng Thống có tôi, 3 Sĩ Quan Tùy Viên và ông già Ẩn"*. Lúc đầu thì có Y Sĩ Đinh Xuân Minh, Trung Tá Kỳ Quan Liêm, ông Võ Văn Hải đến thăm Ông Diệm rồi ra về, ông Quách Tòng Đức cũng thế. Tổng Thống Diệm hút thuốc liên miên. Theo nhân chứng, lúc đầu Tổng Thống Diệm giao động sau bình tĩnh ngay. Ông Nhu thì trầm ngâm, mặt đem xạm, trán nhăn nheo. Ông gọi điện thoại cho Bộ Trưởng Công Dân Vụ Ngô Trọng Hiếu: *"Toa liên lạc ngay với các ông Bộ Trưởng, dặn các ông Bộ Trưởng phải ẩn đi một nới đứng lên Bộ Tham Mưu tụi nó đánh lừa đó"*.

Việc chiếm Đài Phát Thanh thì Trung Úy Bảo, Trung Úy Trí liều mạng vọt xe qua ngã Nguyễn Bỉnh Khiêm, nhìn từ xa Trung Úy Bảo đã thấy một nòng khẩu đại bác chúc xuống ở thế bắn ngang...khẩu đại bác này đặt trong vòng Thành Nha An Ninh Quân Đội. Bảo biết ý nên ra lệnh cho tài xế rồ hết ga vọt bạt mạng. Một tiếng nổ véo, chiếc xe jeep của ông Bảo bị bắn nổ lốp sau. Chiếc xe chao đi chao lại như con hổ bị thương. Nhờ tài xế vững tay lái nên xe không bị lật, ông Bảo và Trí nhẩy xuống xe và chạy thục mạng về phía Đài Viễn Thông. Hai người leo qua tường nhảy bắn vào cây chuối, ông Bảo té nhào nằm ngất xỉu ít phút. Hai người lại hè nhau chạy thục mạng về phía Đài rồi lẩn mình vào phía cửa sau. Cửa vẫn đóng kín mít. Hai người lộn lại cửa sau chạy vượt ra cửa trước. Một sự im lặng ghê rợn chết chóc. Một vài người lính của Lữ Đoàn giơ tay vẫy ông Bảo chạy về phía đó. Trung Úy Xuân đang đứng trước cửa tiệm phở 44, phố xá vắng teo.

Một vài cánh cửa sổ hé mở, dân chúng ngấp nghé quan sát. Hai thiết giáp của Lữ Đoàn đậu phía trước Đài khoảng cách khá xa.

Trung Úy Bảo chưa hiểu rõ tình hình. Ông Xuân nói: "*Tụi nó đang ở trên đó*". Bảo hỏi: "*Sao không đánh vô, còn chờ gì ?*" Xuân ngập ngừng,

lắc đầu...Cánh quân của Trung Úy Xuân trước đó đã lấy được Đài một cách ngon lành, nhưng lại chỉ chiếm được tầng dưới.

Sau này, Đại Tá Phạm Ngọc Thảo thuật lại: Lúc ấy ông chỉ có vào khoảng trên dưới một Tiểu Đội. Khi Thiết giáp và lực lượng của Lữ Đoàn kéo tới, lính của ông Thảo rút hết lên lầu. Ông Thảo kể lại với Bảo: "*thấy các toa đến tụi này hoảng quá đi. Lúc ấy chỉ cần một Trung Đội cứ xông vô đại, tụi moa đánh khoanh tay chịu chết*".

TRÊN LẦU, DƯỚI NHÀ

Lúc ra đi, Trung Úy Xuân cũng như ông Bảo, ông Trí đều được dặn dò:

- Thay đổi được tình hình hay không là do chỗ chiếm được hay không chiếm được Đài Phát Thanh.

Từ Dinh Gia Long, Ông Nhu bóp đầu nhăn trán vì Đài Phát Thanh vẫn chưa chiếm lại được. Ông bảo một Sĩ Quan Tùy Viên: "*Phải làm mọi cách chiếm cho bằng được...Nếu không các địa phương sẽ mất hết tinh thần. Cứ để nó phát thanh mãi như thế các đơn vị rồi đây sẽ theo nó hết*".

Trung Úy Xuân gọi về Thành Cộng Hòa cho biết: *"Bọn nó rút hết lên lâu rồi. Tăng dưới bỏ không"*. Một sĩ quan đề nghị dùng hỏa lực tấn công trước bắn cho sập lầu 2. Trung Úy Bảo không đồng ý: *"Mục đích của mình là chiếm Đài để cho phát thanh lời hiệu triệu của Tổng*

Thống. Bắn sập, hư hết máy móc thì còn làm được cái gì".

Mọi người cứ dùng dằng mãi, Ông Nhu thì trông ngóng. Giữa lúc ấy tại góc Đường Nguyễn Bỉnh Khiêm-Phan Đình Phùng có hai ba xe jeep của Trung Tâm Vạn Kiếp (Vũng Tàu) thuộc quyền Trung Tá Vĩnh Lộc. Trung Úy Bảo thấy khả nghi, tiến lại hỏi: "*Trung Úy Thơm phải không ? Đi đâu mà coi bộ quân lương mang theo đây đủ vậy"*. (Thơm là Sĩ Quan Phòng V của Trung Tá Vĩnh Lộc) Ông Thơm nói:

- Bọn này đi công tác...

Sau này nhân chứng mới biết, toán quân của Thơm cũng có phận sự về chiếm Đài Phát Thanh. Lúc ấy Bộ Chỉ Huy Thành Cộng Hòa, Thiếu Tá Duệ nhận được lệnh từ Dinh Gia Long: "*Phải hết sức bình tĩnh tránh đổ*

máu với Thủy Quân Lục Chiến...Phải chờ lệnh Cụ...Cụ đang thu xếp, điều cần là phải lấy lại Đài Phát Thanh". Bộ Chỉ Huy Thành Cộng Hòa gọi về Dinh Gia Long: "*Xin Tổng Thống qua Dinh Độc Lập...Tránh pháo kích. Nếu Tổng Thống cho lệnh xin bỏ ngỏ Thành Cộng Hòa và rút về Dinh Độc Lập"*.

Đại Úy Lê Công Hoàn tại Dinh Gia Long cho Thiếu Tá Duệ biết: "*kể từ 5 giờ chiều trong*

Dinh không còn một nhân vật dân sự nào. Theo lời Tổng Thống, mấy nhân vật dân sự đều rút hết sau khi vấn an Tổng Thống".

TRONG CƠN ĐAU

Đại Úy Lê Công Hoàn hỏi Đại Úy Thọ: "*Ông chú của cậu (Đại Tá Đỗ Mậu) đã theo đảo chánh rồi mà...cậu tính thế nào ?"* Thọ còn ngơ ngẩn chưa biết nói sao thì Đại Úy Hoàn lên tiếng: *"việc đó xảy ra như thế, thôi bây giờ mày về nhà đi. Nếu đảo chánh thành công thì không nói làm gì. Nếu thất bại mày yên trí có tao ở trong này bảo đảm cho mày"*. Đại Úy Đỗ Thọ suy nghĩ một lát rồi nói: "*Tôi chả đi đâu hết sống chết cũng ở bên cạnh Cụ. Chú tôi, ông phản Cụ thì mặc ông ấy, tôi đâu có dính dấp gì. Mỗi người mỗi phận"* Thọ nói tiếp với Hoàn: "*Chị ruột của tôi theo cộng sản tôi còn chả bị Tổng Thống nghi ngờ huống chi ông Đỗ Mậu...Tôi không làm chính trị cũng chẳng đảng phái chi hết. Tôi theo Tổng Thống là tôi theo trung thành đến phút chót"* Đỗ Thọ mồ côi mẹ, có hai người em trai mà anh ta phải nuôi dưỡng. Chị ruột Đỗ Thọ là một người có nhan sắc thì đã trở thành cán bộ cộng sản.

Lúc đầu, khi súng nổ, người trong Dinh đã có nghi ngờ Đỗ Thọ nhưng sau đó thì không ai quan tâm. Thọ tâm sự với Hoàn: *"nếu tôi theo phe đảo chánh thì tôi ở nhà chứ mang thân vào đây làm gì"...*

Cũng vào giờ này (5 giờ ngày 1.11) Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn 34 Biệt Động Quân đang tập trung ở Bến Tầu Sài Gòn đợi lên đường đi Dục Mỹ, bất ngờ nhận dược lệnh của Dinh Gia Long phải cấp tốc đem quân về bảo vệ Tổng Thống. Nhằm vào ngày lễ, đơn vị lại ở trong tình trạng chờ ngày

lên đường nên các sĩ quan không có mặt tại Bộ Chỉ Huy ngoài Chuẩn Úy Anh. Nhận được lệnh Chuẩn Úy Anh hoàn toàn bối rối vì không biết phải làm thế nào ? Tiểu Đoàn Trưởng là Đại Úy Sơn Thương lại không có mặt tại đơn vị. Rồi muốn tiến quân thì xe đâu mà chuyển.

Dinh Gia Long lại ra lệnh: *"Phải tìm mọi cách, hãy trưng dụng tất cả các xe cộ của Thông Vận Binh hiện nay đang có mặt ở Bến Tàu. Nếu không thì trưng dụng xe taxi, xe vận tải..."* Chuẩn Úy Anh vác súng đến Thông Vận Binh, mặt khác cho Tiểu Đoàn tập hợp.

Do một tình cờ hiếm hoi, ông Anh là một Chuẩn Úy lại trở thành đơn vị trưởng "*tạm thời*" của Tiểu Đoàn. Chuẩn Úy Anh cảm thấy vô cùng hào hứng vì bỗng nhiên anh lại được cơ hội ngàn vàng để thi thố tài năng. Sau khi đã trưng dụng xe và tập hợp xong Tiểu Đoàn, Chuẩn Úy Anh gọi lên Dinh Gia Long. Sơn Thương nguyên là một sĩ quan Nhảy Dù và rất quen với chiến trận cho nên, cuộc tiến quân đối với ông được xem là như đi dạo. Viên Hạ Sĩ Cận Vệ của một Đại Đội Trưởng, tay cầm súng chạy lao lên hàng đầu.

Cánh quân lặng lẽ nép vào hai bên hè phố tiến về phía Đường Lê Thánh Tôn. Viên Hạ Sĩ nói với Trung Úy Đại Đội Trưởng: *"Lần này cứu được Tổng Thống thế nào thầy trò mình cũng có cái mề đay đeo chơi"*.

Hạ Sĩ Bồng tâm sự, làm lính trong Dinh cực lắm ông ơi. Người anh tôi cũng ở trong đó... chỉ muốn xin ra đơn vị chiến đấu mà không được.

Mỗi tháng cho tôi thêm mấy ngàn tôi cũng xin chịu...Ai dại gì chôn chân trong bốn bức tường. Lại không được một ân huệ gì. Tôi thí dụ trường hợp anh chàng Thượng Sĩ Vệ bạn của anh tôi...Viên Hạ Sĩ Bồng tiếp lời: *"Cái luật gia đình của Bà Nhu gì mà kỳ cục quá. Thượng Sĩ Vệ trong Lữ Đoàn Phòng Vệ Tổng Thống lại là nạn nhân của luật gia đình. Nhân dịp biệt phái ra Huế anh chàng Vệ tằng tịu với một cô gái Sông Hương. Nói đúng hơn anh ta bị người đẹp cho vào mê trận hồn. Sau đó, gia đình nàng bắt lập hôn thú nếu không sẽ làm lớn chuyện. Lính trong Dinh rất sợ những vụ như vậy sẽ đến tai Tổng Thống cho nên anh chàng Thượng Sĩ Vệ phải*

nhắm mắt. Rồi ít lâu sau đổ bể, anh bị truy tố ra Tòa Án Quân Sự Huế về tội song hôn. Tòa phạt

3 tháng tù và bị giam ở quân lao Mang Cá Nhỏ. Mãn tù trở về Lữ Đoàn Phòng Vệ Tổng Thống, Lữ Đoàn cho giải ngũ lập tức. Hiện giờ Vệ đang bị thất nghiệp giải ngũ lại mang án làm sao kiếm lại việc!" Hạ Sĩ Bổng đang trò chuyện thì có lệnh di chuyển, một toán Biệt Động Quân tiến lên...rẽ vào Đường Lê Thánh Tôn để tiếp ứng Dinh Gia Long. Bỗng một loạt đại liên nổ vang. Bốn Biệt Động Quân ngã quị.

Thấy lính trong Dinh nổ bất tử làm thiệt 4 mạng. Đại Úy Sơn Thương nhào lên vẫy tay. Phía bên Biệt Động Quân hô lớn: "*Quân mình đó đừng có nổ súng, Biệt Động Quân về cứu Tổng Thống"* Lúc ấy lính trong Dinh mới vỡ lẽ.

Tiểu Đoàn Biệt Động Quân của Sơn Thương được chỉ định về bố trí tại Bưu Điện. Cả đêm 1.11, Tiểu Đoàn này bất động vì không có lệnh đánh ai cả. Phía quân cách mạng cũng không tấn công. Phía Dinh Gia Long cũng chỉ cho biết *"cứ nằm đó đợi lệnh"*. Phe cách mạng được mật báo có Tiểu Đoàn 34 Biệt Động Quân đang án ngữ vùng Bưu Điện cho nên tờ mờ sáng, Tướng Đôn viết thơ tay gửi cho Đại Úy Sơn Thương. Đại Úy chiêu hồi Sơn Thương đứng về phe cách mạng, dĩ nhiên lúc ấy Tiểu Đoàn Biệt Động Quân theo ngay vì mọi sự đã xong. Sau này, các Tướng Tá tham gia đảo chánh đều được tưởng thưởng mỗi người một cấp. Sơn thì không. Trong thư gửi cho Đại Úy Sơn Thương Tướng Đôn có hứa tưởng thưởng cho Biệt Động Quân nếu Tiểu Đoàn này theo phe cách mạng do đó Sơn Thương khiếu nại. Đại Úy Sơn Thương được thỏa mãn ngay để gọi là công lao cách mạng được chia đều. Riêng Chuẩn Úy Anh thì lao đao...Sau phải lãnh mấy chục ngày trọng cấm vì tội dùng khí giới áp đảo và trưng dụng xe Thông Vận Binh.

8 giờ tối, Thiếu Tá Duệ ở Thành Cộng Hòa nhận được cú điện thoại của Tổng Thống Diệm. Đại ý Tổng Thống ngỏ lời cảm ơn sự trung thành của Quân Nhân thuộc Lữ Đoàn. Tổng Thống Diệm nói: "*Vào giờ phút quyết*

liệt này Tổng Thống mới biết rõ ai là người tốt ai là kẻ xấu. Tổng Thống hết lòng cảm ơn các con đã bảo vệ Tổng Thống". Sau đó Thành Cộng Hòa nhận được tin Tổng Thống Diệm và Ông Nhu đã ra đi.

Bây giờ thì như rắn mất đầu, biết nghe lệnh ai ? Trước đây sĩ quan cao cấp trong Lữ Đoàn đã hỏi Tổng Thống Diệm nếu khi có biến, gặp đến lúc không có Tổng Thống và Ông Nhu thì hỏi lệnh ai, họ được chính Tổng Thống căn dặn: "*Khi có biến không có Tổng Thống và Ông Nhu thì xin lệnh của Tướng Đính hay Tướng Khiêm"*.

Khoảng 9 giờ Thành Cộng Hòa bị pháo kích như mưa. Con số bị thương đã lên 30 người tức là gần nửa số quân chiến đấu. Thượng Sĩ Nguyễn cho biết: "*Thiếu Tá Duệ cho họp các sĩ quan lại tại Bộ Chỉ Huy và hỏi ý kiến nên giữ Thành hay bỏ Thành"* Một số khác yêu cầu rút lên Dinh Gia Long. Nhân chứng thì cho rằng: "*Cứ ở mãi trong Thành thì sẽ chết hết vì pháo kích"*.

Một Sĩ Quan Phòng III lên tiếng: "*Nếu ở lại cố thủ chiến đấu thì cũng được nhưng cho đến giờ phút này có đạo quân nào của phe đảo chính tấn công mình đâu ? Vậy thì đánh với ai chi bằng "chém vè" để tránh pháo kích. Hơn nữa Tổng Thống đã đi rồi còn giữ Thành làm chi"*. Mấy Hạ Sĩ Quan khác lại cho rằng: "*Tuy Tổng Thống đã ra đi nhưng vẫn chưa có lệnh cho bọn mình rút lui, xin Thiếu Tá cứ để chúng tôi lo cố thủ"*.

Vào khoảng 11 giờ, Thành Cộng Hòa đã ăn khoảng 400 trái 105 ly.

Con số bị thương tăng lên 40 người. Bộ Chỉ Huy quyết định: *"Bỏ ngỏ Thành Cộng Hòa tìm cách di tản thương binh, còn ai muốn đi đâu thì đi. Nếu tìm cách lên được Dinh Gia Long thì tốt nhất"*. Lúc ấy mọi người đã kiệt sức vì chưa ai ăn uống gì, không có cả nước uống. không có cả nước để uống.

Khoảng 12 giờ, Thành Cộng Hòa bỏ ngỏ. Từng tốp nối đuôi nhau chạy thoát thân dưới làn đạn trọng pháo. Duy có Y Sĩ Trưởng tức Bác Sĩ Nguyễn Tuấn Anh cùng mấy Y Tá, một số thương binh ở lại. Cũng có một số Quân Nhân và Hạ Sĩ Quan gan dạ nhất quyết không chịu ra đi. Tổng kết từ

13g30 đến khoảng 9, 10 giờ tối có khoảng 45 Quân Nhân bị thương và 6 người thiệt mạng vì trọng pháo trong suốt trận đánh.

TỪ ĐÀ LẠT ĐỢI LỆNH

1 giờ 30 ngày 1.11 súng nổ tại Sài Gòn thì cũng ngay giờ đó tại Dinh số 1 và số 2 ở Đà Lạt vẫn yên tĩnh như thường lệ. khi biết tin Sài Gòn có đảo chánh, Đại Úy Nguyễn Ngọc Hạp cho biết: *"Những người gần Ông Nhu nhận được tin này không một ai ngạc nhiên. Có thể nói chúng tôi chờ đợi đã cả tháng"*. Đại Úy Hạp Sĩ Quan Tùy Viên của ông Cố Vấn Nhu gọi điện thoại về thẳng Sài Gòn, hỏi Ông Nhu: "*Bây giờ chúng cháu ở trên này phải làm thế nào ?"*

Đại Úy Nguyễn Ngọc Hạp buông máy gật gù *"Đợi lệnh!"* ông Hạp nói với một sĩ quan: "*Ông Cố Vấn bảo tôi, mọi sự cứ làm như thường lệ*". Tuy nhiên, lực lượng Lữ Đoàn Phòng Vệ trên Đà Lạt cũng lo việc bố trí canh phòng. Buổi chiều ông Hạp lại gọi điện thoại về Sài Gòn lần nữa. Lần này Ông Nhu chỉ nói vắn tắt: "*Mọi việc cứ như thường*". Trong tay Đại Úy Hạp lúc ấy có 4 thiết giáp với quân số khoảng 50 người.

Ông Hạp mới lên Đà Lạt từ sáng 30 cùng đem theo 3 người con của Ông Nhu gồm Trác, Quỳnh, Lệ Quyên và một chiếc valise. Chiếc valise ấy sau này trở thành một "*trung tâm*" thu hút bao nhiêu cặp mắt tinh đời.

Đại Úy Nguyễn Ngọc Hạp cũng như Trung Úy Sung, sĩ quan hầu cận được coi là những người sống gần Bà Nhu hằng ngày trong nhiều năm.

Vào ngày 22.10 do một *"đường giây*" đặc biệt, Ông Nhu được loan báo khá đầy đủ về kế hoạch đảo chánh do bộ ba Đôn, Kim, Xuân. Đường giây này còn cho biết ngày giờ nào, Cabot Lodge sẽ gặp một Tướng lãnh ở đâu. Người chung quanh ông cũng lấy làm lạ tại sao Đại Tá Tung đã báo cáo: *"Phải coi chừng Phạm Ngọc Thảo và Đỗ Mậu"* song Phạm Ngọc Thảo vẫn ra vào văn phòng Ông Nhu hàng ngày nhất là từ trung tuần tháng 10. Một lần Ông Nhu nói chính với Trung Tá Phạm Ngọc Thảo *"Bọn họ thì biết cái gì mà làm. Mỹ nó bảo sao nghe vậy"*. Trung Tá Phạm Ngọc Thảo ngồi nói chuyện với Ông Nhu hàng giờ và một ngày có khi Trung Tá Thảo xin gặp

Ông Nhu hai ba lần.

Giới thân cận có nghe tin Trung Tá Phạm Ngọc Thảo sắp thay Đại Tá Mậu làm Giám Đốc Nha An Ninh Quân Đội mà trước đây đáng lẽ do Trung Tá Huỳnh được cử thay thế. Giới chức thân cận Ông Nhu vẫn thường nhắc nhở với nhau: "*Coi chứng ông Mậu nghen. Khả nghi*". Khi nghe thuộc cấp báo cáo về Đại Tá Mậu Ông Nhu chỉ nói nhát gừng: *"Nó thì mần ăn được cái gì. Lo là lo ba cái thằng Mỹ đó"*.

Kể từ trung tuần tháng 10, Cabot Lodge gặp Ông Nhu luôn. Có khi cuộc hội kiến kéo dài 1, 2 giờ. Những lần hội kiến như vậy, Ông Nhu đều cho ghi âm một cách kín đáo. Sau đó cho người dịch lại để ông phân tách, đắn đo từng lời của Cabot Lodge. Ông Nhu vẫn thường nói với một số sĩ quan thân cận như Trung Tá Đằng, Trung Tá Khôi, Đại Tá Tung..."*Cabot Lodge nguy hiểm lắm. Coi chừng bọn CIA... bây giờ đâu cũng có lận"*. Rồi mỗi khi nhắc đến Hilsman, người đầu não của cơ quan "*Việt Nam Task Force*" Ông Nhu thường nói với mấy Bộ Trưởng như ông Ngô Trọng Hiếu, Trương Công Cừu: "*Cái thằng con nít đó (chỉ Hilsman) coi chừng có ngày mình chết với nó đấy nghe! Kể cả Kennedy nữa. Kennedy cũng vẫn bị CIA sỏ mũi dắt đi*".

Vào khoảng tháng 9, tháng 10, Ông Nhu gặp Đại Sứ Lalouette luôn luôn. Cuộc gặp gỡ chỉ có hai người và kéo dài cả 2, 3 giờ đồng hồ.

Cách đó ít lâu, khi săn cọp ở Phan Rang, Ông Nhu nói với Trần Văn Phước, thị trưởng Đà Lạt:

- Cabot Lodge sang đây mình sẽ mất đi nhiều viện trợ. Mình phải lo mà tự lực càng sớm càng tốt. Người Pháp hứa sẽ viện trợ cho Việt Nam. Từ dạo đó, Đại Sứ Lalouette hay đến thăm

Ông Nhu. Mỗi lần gặp nhau, hai người tỏ vẻ tương đắc như đôi bạn tâm giao.

Thường hay tháp tùng Ông Nhu đi săn cọp tại khu rừng già Phan Rang, chưa có lần nào Đại Úy Hạp thấy ông Cố Vấn Nhu tiếp xúc với việt cộng tại vùng này. Song sự tiếp xúc với cộng sản Bắc Việt đã diễn ra ngay tại Sài

Gòn và trong mấy tháng liền. Cuộc tiếp xúc gần như định kỳ mỗi tháng 2, 3 lần. Có lần khi trở về Dinh Ông Nhu rất tươi vui. Có lần ông đăm chiêu cau có.

Lần tiếp xúc cuối cùng với đại diện của Bắc Việt đã diễn ra vào ngày 21, 22 tháng 10.1963. Khoảng 7 giờ tối hôm đó, ông Cố Vấn Nhu cho gọi Đại Úy Hạp vào Dinh bảo sửa soạn để ông đến dùng cơm chiều với ông Đại Sứ Ấn Độ Ram Chundur Goburdhun tại Ủy Hội Quốc Tế. Ông Goburdhun khoảng 50 tuổi (người Đảo Maurice Ấn Độ tốt nghiệp Cử Nhân Luật Khoa tại Đại Học Lille, cùng là bạn học cũ của Ông Nhu khi hai người còn du học tại Pháp) Đại Sứ Ấn Độ vốn là một nhà ngoại giao không khéo, lanh lợi, ăn nói rất bặt thiệp đã từng phục vụ tại Rabat (Maroc) Tunis (Tunisie) cũng như tại Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa.

Từ khi đến Sài Gòn, tân Đại Sứ Ấn trở thành trục nối giữa Hà Nội và Sài Gòn. Mỗi khi đi Hà Nội về, có tin tức gì, ông Đại Sứ Ấn lại vội vã đến thông báo cho Ông Nhu. Hoặc mỗi lần có mang theo *"khách lớn"* từ Hà Nội thì ông Đại Sứ Ấn Độ lại tổ chức bữa cơm chiều tại Tư Dinh, ông Cố vVấn Nhu trở thành thượng khách.

Đại Úy Hạp tò mò theo dõi thì lần nào cũng chỉ có ba người dùng cơm với nhau: Ông Nhu, Đại Sứ Ấn và một nhân vật quan trọng theo Đại Úy Hạp.

Nhân vật này, mặt mũi rất sáng sủa, rất trí thức, có lấn mặc complet, có lần mặc áo lãnh tụ cộng sản song lần nào ông ta cũng gài ở trên túi áo ngực một ngôi sao vàng trên nền đỏ.

Bữa cơm vào cuối tháng 10 kéo dài đến 11 giờ khuya, khi ômg Nhu ra vềthì chỉ có Đại Sứ Ấn ra tiễn chân ông ở cửa.

Trước đó trong dịp đi săn cọp ở Phan Rang, Ông Nhu đã nói thẳng với ông Phước mà Đại Úy Hạp nghe được đại khái: *"Mỹ họ gây cho mình nhiều khó khăn quá. Ngoài Bắc Việt họ tính chuyện hòa hoãn với mình. Mình cũng nên tìm cách hòa hoãn với họ trong một giai đoạn xem sao"*. Ông Cố Vấn Nhu cũng tỏ ý như vậy với Trung Tá Đường vào một lần giữa

năm 1963 khi ông đến Bình Tuy săn cọp.

Ngày 26.10.63, phe đảo chánh không ra tay được vì Ông Nhu đã được báo trước, Ông Nhu phàn nàn: "*Cứ dùng dằng mãi nó làm tới bây giờ đây này. Nó làm tới thì trở tay không kịp chết hết cả đám"* Ông Nhu lại uống từng ly Martell, lạnh lùng: "*Tất cả những người chung quanh mình yếu quá"*. Rồi Ông Nhu lại phàn nàn: "*Nói mãi mà ông Cụ không nghe, biết làm thế nào ?"*

Một số kế hoạch của Ông Nhu đệ trình lên Tổng Thống Diệm không được chấp thuận kể cả việc thay thế Đại Tá Đỗ Mậu, Tổng Thống Diệm cũng không chịu.

Về việc này Tổng Thống Diệm nhăn mặt nói với mấy người thân cận như Đại Úy Bằng:

"Các ngươi chỉ lắm chuyện...Đỗ Mậu nó có lỗi gì đâu" Về kế hoạch hòa hoãn với Bắc Việt, Tổng Thống Diệm vì nể Ông Nhu tuy công khai phản đối song Tổng Thống Diệm lại nói "*Cứ để đấy xem tình hình như thế nào hẵng hay"*.

Sau ngày 26.10.1963, Ông Nhu quyết định xuất ngoại, ông bắt đầu uống nhiều Martell trong một đêm, một hiện tượng chưa từng thấy. Mặt ông nặng chĩu lo âu và bẳn gắt. Vẫn đường giây đặc biệt đã gửi đến ông một bản báo cáo đặc biệt và khá đầy đủ trong đó khuyến cáo ông nên tạm thời xuất ngoại. Những ngày cuối chế độ, giới thân cận chưa từng thấy Ông Nhu lầm lì như vậy. Bao nhiêu toan tính song vẫn đành khoanh tay trước cơn bão táp.

Cuối tháng 10.1963, nhân ngày lễ, các con ông như Trác và Quỳnh, nội trú trường D'Adran Lasan về Sài Gòn nghỉ. Sáng 30 thì chúng phải trở lại Đà Lạt.

Trong khi đó, Ông Nhu cũng sủa soạn xong hành lý để ra đi, không hiểu lộ trình của ông sẽ đi đến đâu. Ấn Độ, Tunis, Rabat...Luân Đôn rồi Paris, Ông Nhu đã sắm sửa 12 bộ quần áo mới kể cả áo pardesssue.

Nếu không có sự cản trở của Tổng Thống Diệm vào phút chót, có thể

ông đã lên đường vào ngày 28. Theo Đại Úy Hạp cũng như một số người thân cận quanh ông, Ông Nhu bắt đầu lo lắng, kể từ giữa tháng 10, ông thường nói với một số Bộ Trưởng thân tín như Bộ Trưởng Công Dân Vụ Ngô Trọng Hiếu: "*Bọn Mỹ nó muốn mình như Cao Ly. Âm mưu của nó là dựng lên một chính phủ quân sự. Nếu đảo chánh thì nó sẽ cho mấy anh tướng lên cầm quyền từ đây đến 15 năm sau là ít. Nếu có khá lắm thì cũng như chế độ của Phibul Songram của Thái Lan. Rồi các anh coi*". Những ngày cuối cùng, Ông Nhu bắt đầu cởi mở.

Đêm 30.11, Trung Úy Sung thuật lại: Ông Nhu bảo gọi Đại Úy Hạp vào ngay để ông biểu. Khi nhân chứng gọi điện thoại cho ông Hạp, ông này còn lừng khừng *"Cơm đã chứ, tôi ăn xong vào được không ?"* Hỏi lại ý Ông Nhu, ông bảo phải vào ngay, khỏi cần ăn cơm nhà.

DÙNG DẰNG NỬA Ở NỬA ĐI

Khi Hạp cùng mấy anh em vào phòng riêng của Ông Nhu thì ông chỉ ghế mời ngồi rồi gọi ông già Tường, quản gia:

- Làm hai ly Martell cho các chú ấy uống đi. Tay Ông Nhu vẫn cầm ly rượu. Trán ông thỉnh thoảng nhăn lại, cằm ông bạnh ra. Đây là lần thứ nhất, nhân chứng cũng như Đại Úy Hạp được cái hân hạnh cụ Nhu chỉ ghế mời ngồi và cùng nhay *"cụng ly"*. Chưa ai dám lên tiếng. Ông Nhu đã than thở: "*Quyết định đi thì ông Cụ không cho đi. Giữ ở lại thì ông cũng không chịu nghe...*"

Rồi Ông Nhu yên lặng một lúc lâu. Đại Úy Hạp lên tiếng: "*Ông Cố Vấn kêu chúng cháu vô đây có việc gì ?"* Ông Nhu khẽ thở dài rồi yên lặng nhìn hai người một lúc lâu, mới nói:

"Sáng mai, các anh đưa mấy đứa nhỏ lên Đà Lạt dùm tôi". Hạp hỏi: *"Ông Cố Vấn không đi ?"* Suy nghĩ một lát rồi trả lời: "*Chắc là không đi được*". Rồi lại yên lặng hàng 10 phút Ông Nhu mới lên tiếng, bảo Đại Úy Hạp: "*Lấy hết quần áo về chưa ? Cứ sắp xếp sẵn...khi nào cần thì bảo"*.

Đại Úy Hạp hỏi: *"Bao giờ chúng cháu đưa hai cậu và em Quyên về ?*" Ông Nhu thủng thẳng đáp nhát gừng: "*Bao giờ gọi điện thoại thì về*".

Rồi lại yên lặng...lát sau ông nói một mình vu vơ: "*Nghe thì không nghe, đi thì không cho đi. Tụi nó làm tới bây giờ rồi tính sao. Khó cho tao quá đi*".

Đại Úy Hạp ngồi yên lặng vì không biết phải nói gì hơn. Ông Nhu ngồi lặng thinh khoảng 0 phút như một pho tượng. Tay vẫn cầm ly Martell. Ông Nhu nằm ngả người ra ghế tựa, uống đến ly Martell thứ ba, ông ngồi như thế lặng lẽ từng giờ.

Bỗng Ông Nhu ngồi nhổm dậy, nét mặt chảy dài nói vu vơ: "*Chà...mẹ con nó đi hết rồi*". Ông Nhu quay lại hỏi Đại Úy Hạp:

- Mười ngàn tôi đưa Đại Úy còn không ? Hạp đáp: "*Thưa Ông Cố Vấn đã hết từ lâu rồi*". Đại Úy Hạp vẫn thường tâm sự với ông già Tường, Trung Úy Sung: "*Ông Cố Vấn tiêu xài kỹ quá đi. Từ khi bà đi ngoại quốc thì ông ở nhà lo việc chi tiêu. Đưa cho ai đồng nào, ông Cố Vấn bắt ghi từng mục*". Đưa cho Hạp mười ngàn. Hạp tiêu xong lại phải trình bản kết toán đầy đủ chi tiết.

Ông Nhu hỏi Hạp:

- Bây giờ đưa bọn nhỏ lên Đà Lạt thì cần bao nhiêu mới đủ chi dùng ? Hỏi rồi Ông Nhu đáp liền: "*Thôi đưa Đại Úy 15 ngàn đủ chứ ?*"

Hạp hỏi Ông Nhu: "*Thưa ông các cậu đi bằng máy bay nào ? Đi Air Việt Nam cho tiện được không ?*" Ông Nhu trầm ngâm rồi lắc đầu: "*Đi Air Việt Nam nguy hiểm lắm. Nó đi thẳng, bắt mấy đứa nhỏ làm con tin thì sao ?*"

Ông Nhu bảo Hạp liên lạc với Đại Tá Hiển để lấy máy bay của Không Quân Việt Nam cho chắc chắn.

Lặng thinh một lúc lâu bỗng Ông Nhu đứng lên lấy hai khẩu súng kiểu 22 loại không gây tiếng nổ trao cho Hạp, Ông Nhu khoe: "*Họ mới biếu moa. Cho Hạp một khẩu. Loại súng này đặc biệt lắm. Để ở nhà sợ thằng Trác nó bắn bậy bạ*". Rồi Ông Nhu lại con cà con kê một lúc lâu.

ĐỨA TRẺ THƠ

Tình hình Đà Lạt vào ngày 1.11 vẫn như vô sự. Đại Úy Hạp và Hữu vẫn

di phố xem xét tình hình như thường lệ. Ông Hạp cho 4 chiếc Thiết Giáp đi tuần tiễu quanh phố. Tình hình biến chuyển đột ngột. Sáng ngày 2, Trường Võ Bị Đà Lạt trở thành Tổng Hành Dinh của phe đảo chánh gồm Trung Tá Trần Ngọc Huyến và Thiếu Tá Ngô Như Bích. Ông Trần Văn Phước vẫn trung thành với chế độ Ngô Đình Diệm.

Rút kinh nghiệm vụ đảo chính hụt 11.11.1960, ông Huyến chỉ "*ra tay*" khi được tin Thành Cộng Hòa và Dinh Gia Long thất thủ. Ngay sau đó, ông Trần Văn Phước, Thị Trưởng Đà Lạt bị phe Trung Tá Trần Ngọc Huyến bắt giữ tại Trường Võ Bị. Điều quan trọng đối với phe ông Huyến là làm thế nào bắt được ba đứa con của Ông Nhu. Một vài người khác thì có máu tham thì lại đặc biệt lưu ý đến chiếc valise mà Đại Úy Hạp mang từ Sài Gòn lên từ ngày 30.

Phía đầu giây bên kia ông Phước gọi cho Đại Úy Hạp: *"Anh mang Quỳnh, Trác, Quyên vào đây cho tôi"* Ông Hạp quay lại nói với Đại Úy Hữu: "*Không hiểu như thế nào, giọng ông Phước lại hơi run run, ngắt quãng. Có lẽ đã bị bắt"*. Tuy vậy, ông Hạp cũng hứa sẽ đưa ba đứa nhỏ vào ngay. Mặt khác, ông Hạp lại cho người lên Trường Võ Bị dò thám và xin gặp ông Phước thì ở đây cho biết không thể gặp ông Phước được. Đại Úy Hạp bắt đầu nao núng.

Đại Úy Hạp và Hữu cùng quyết định đem 3 đứa nhỏ con Ông Nhu đi trốn. Để làm kế nghi binh, nhân chứng cho xe Mercedes chạy vòng quanh Thành Phố cứ làm như trên xe có ba đứa nhỏ. Trong khi đó, Hạp, Hữu cùng đoàn cận vệ đem 3 đứa nhỏ con Ông Nhu tẩu thoát, lẩn trong rừng thông đi từ Dinh số 1 về Dinh số 2 rồi men theo đường rừng xuống Đơn Dương. Đại Úy Hạp định tâm xuống Phan Rang tìm đến Trung Tá Khánh Tỉnh Trưởng Tỉnh này.

Lặn lội trong rừng suốt buổi chiều cho đến đêm, nhân chứng và đoàn tùy tùng mới đến vùng Danhim. Phần thì đói, khát...lại mệt mỏi vì đường trường.

Đoàn lữ hành cả bọn phải dừng lại cho dựng lều và phân phối lo cận vệ

lo việc bố phòng. Lúc ấy, Đại Úy Hạp lo ngại nhất là đám người chung quanh và việt cộng trong vùng. Nhưng biết làm thế nào hơn. Các con Ông Nhu vẫn chưa được tin báo về cha mình bị giết. Đi mỗi ngày đường lại trải qua một đêm nằm giữa rừng nên con bé Quyên chịu không nổi, bắt đầu đau. Đại >Úy Hạp cố tìm cách bắt liên lạc với Sài Gòn nhưng đều bặt tin.

Phe đảo chánh cũng đang xua quân đi lùng bắt đám con Ông Nhu. Trưa ngày mùng 3, máy bay của Quân Đoàn II lượn quanh vùng Danhim phát thành kêu gọi Đại Úy Hạp đem theo 3 đứa bé về trình diện Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng. Đại Úy Hạp và Hữu đều lo ngại.

Tổng Thống Diệm và Ông Nhu còn bị giết huống chi 3 đứa nhỏ. Đại Úy Hạp đề nghị đoàn lữ hành sẽ băng qua rừng xuống Phan Rang rồi một là tìm cách về Xuân Lộc ấn náu nếu thuận tiện thì về thẳng Sài Gòn nếu không sẽ qua Phước Long và rồi sang Cao Miên.

Nhưng cuối cùng, đoàn lữ hành phải khoanh tay vì hết tiền. Mấy bữa liền, bọn con Ông Nhu phải ăn đồ hộp và uống nước lạnh. Con bé Quyên đã đuối sức. Quyên cũng như Quỳnh tỏ ra ngạc nhiên trên bước đường lưu lạc. Cận Vệ thì anh nào cũng tay cầm súng, sẵn sàng đối phó.

Hai ông Hạp và Hữu không dám dời bọn nhỏ một phút.

Mãi đến ngày 3, Đại Úy Hạp mới cho Trác biết tin Bác và Ba của Trác đã chết. Lúc đầu Trác không tin. Sau cho Trác theo dõi radio, bấy giờ Trác mới tin. Đôi mắt chú bé rưng rưng nhưng không nói một lời nào.

SĂN ĐUỔI

Phi cơ vẫn bay lượn trên nền trời Danhim, phát thanh kêu gọi Hạp và Hữu đưa bọn nhỏ trở về Đà Lạt. Trác nói với Đại Úy Hạp: *"Đại Úy đưa các em tôi về"* Hạp nói: *"Cậu và các em về thì không sao nhưng còn bọn chúng tôi, họ đâu có tha"*. Trác lại nói: "*Hai em tôi nó mệt quá, ở trong rừng lạnh chết mất. Đi làm sao được nữa..."* Đại Úy Hữu đáp: "*Nếu ý cậu muốn như vậy cũng được. Đại Úy Hạp sẽ tìm cách thu xếp để cậu về*".

Sau đó "*đoàn lữ hành*" kéo nhau băng rừng trở về Thành Phố. Cho chắc hơn, ông Hạp vẫn để bọn nhỏ ở trong rừng thông. Ông cho người về phố

quan sát đồng thời gọi cho phe đảo chánh báo tin với một điều kiện ông Hạp chỉ nộp 3 đứa nhỏ cho Tướng Khánh. Gọi máy xong, ông Hạp lại cho di chuyển 3 đứa nhỏ đến một địa điểm khác sợ bị lộ mục tiêu. Phe đảo chánh vẫn xua quân đi tìm rất ráo riết.

Ngày 3.11, Tướng Khánh đã có mặt ở Đà Lạt nhận lãnh 3 đứa con Ông Nhu. Tướng Khánh nắm tay Đại Úy Hạp, giọng buồn: "*Tụi nó làm không có ra cái gì hết. Giết người ta, thảm hại quá!*"

CHƯƠNG X
Trên Bước Đường Cùng

Quân tử lúc cùng thêm thẹn mặt
Anh hùng khi gấp cũng khoanh tay.
N.C.T.

Lễ các Thánh (1.11) là một trong những lễ quan trọng của Giáo Hội Thiên Chúa Giáo.

Đối với Tổng Thống Diệm, ngày lễ này mang nhiều ý nghĩa và khi còn sinh thời, bao giờ ông cũng sửa soạn từ mấy ngày trước như xưng tội, cầm lòng...và làm một vài việc có ý nghĩa nhất để gọi làm bó hoa thiêng liêng dâng lên Thượng Đế.

Lễ Các Thánh đối với tín đồ Thiên Chúa Giáo mộ đạo là một dịp sống đạo và cầu nguyện cho trở nên Thánh và mỗi ngày sống cho thánh thiện. Lễ này được lập nên để kính các vị Thánh vô danh của Giáo Hội.

Nói nôm na, cũng tương tự như ngày lễ kỷ niệm các chiến sĩ anh hùng vô danh. Tuy là ngày nghỉ song sáng 1.11, Tổng Thống Diệm phải tiếp Đô Đốc Felt cùng đi với Đại Sứ Cabot Lodge. Ông Nhu đã quá lạc quan và chủ quan. Kể cả trong giờ phút Tướng Tá họp ở Bộ Tổng Tham Mưu ông vẫn tin vào thế khả năng của mình. Chính vì sự lạc quan và chủ quan này cho nên những người thân cận nhất của anh em Tổng Thống Diệm cũng mắc bệnh lạc quan và chủ quan như vậy. Do đó, 10 giờ sáng 1.11, Đại Tá Lê Quang Tung (Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Biệt) cũng như Trung Tá Khôi (Tư Lệnh Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Tổng Phủ Thống) đã vào Tổng Tham Mưu như thường lệ. Tất nhiên là trong đầu óc họ không đặt một chút hoài nghi nào và cũng vì thế nên không cần báo cáo lên thượng cấp. Các Tướng Tá hội họp hàng tuần như vậy là một thông lệ.

Tổng Nha Cảnh Sát Quốc Gia (Đại Tá Nguyễn Văn Y) Trung Ương Tình Báo và Sở Nghiên Cứu Chính Trị (do Trung Tá Đường thay thế Bác Sĩ Trần Kim Tuyến)...Tất cả mấy cơ quan trên tuy hoạt động ngày đêm song về chuyện đảo chính vẫn không thấy động tịnh gì cả. Và chỉ là việc đang theo dõi, tìm kiếm, khám phá.

Tóm lại, trong suốt buổi sáng ngày 1.11, Ông Cố Vấn Nhu không nhận được một tin tức nào về đảo chánh ngoài việc khám phá âm mưu của Đại Tá Có. Ông vẫn chủ quan tin vào lực lượng phản đảo chánh của ông.

Nếu một khi đảo chánh xảy ra ông sẽ trao cho Thanh Niên Cộng Hòa phận sự giữ gìn an ninh trật tự tại Thủ Đô tạm thời thay thế Cảnh Sát (vì kinh nghiệm vụ đảo chính hụt 11.11.1960 Đô Thành coi như bỏ ngỏ, Cảnh Sát thì tự động biến mất). Về quân sự thì Quân Đoàn III đã có Tướng Tôn Thất Đính.

Về Hải Quân, Ông Nhu tin tưởng nơi Đại Tá Hồ Tấn Quyền...Đại cương, Ông Nhu vẫn tin tưởng với cả sự lạc quan vào lực lượng của chính quyền có thể đương đầu với bất cứ một cuộc đảo chánh nào. Từ khoảng tháng 8.1963 đã có nhiều nguồn tin theo đó ông Cố Vấn Nhu sẽ đảo chánh để lật đổ bào huynh và chính ông sẽ nắm quyền lãnh đạo. Nguồn tin này có lẽ được thêu dệt qua lời tuyên bố của Ông Nhu trước Hội Nghị các Đại Biểu Ấp Chiến Lược. Ông Nhu nói rằng, nếu chính quyền bất lực và không còn phục vụ được nhân dân và Tổ Quốc thì chính ông là người đầu tiên đứng lên đảo chánh chứ không cần đợi ai đảo chánh. Lời tuyên bố này nhắm cảnh cáo một số cán bộ tắc trách và đồng thời cảnh cáo trước mọi âm mưu phiến loạn. Sự việc chỉ có thế.

CHẾT VÌ CHỦ QUAN HAY CHẾT VÌ PHẢN BỘI ?

Các nhân vật thân cận cho hay, vào cuối tháng 10 chính quyền lại có vẻ vững vàng hơn bất cứ lúc nào. Điều làm cho chính quyền lo ngại nhất là các đơn vị của Lữ Đoàn Nhảy Dù. Sau cuộc đảo chính hụt 11.11.1960, chính quyền mới nhận chân được khả năng sung yếu của các đơn vị Mũ Đỏ.

Tuy nhiên, sau ngày 11.11.1960, Lữ Đoàn này đã được trao cho một sĩ quan thân tín tức Đại Tá Cao Văn Viên ngoài ra một số đơn vị trưởng ở cấp Tiểu Đoàn và Trung Đoàn đã được Sở Nghiên Cứu móc nối và được coi như người trong nhà.

Từ tháng 5 năm 1963 Ông Cố Vấn Nhu đã tiên liệu trước sau rồi thế nào cũng có đảo chánh nhưng ông vẫn yên chí vì có thể dập tắt được ngay vì những Tướng Tá âm mưu đảo chính đều không có quân trong tay kể cả Trung Tướng Trần Văn Đôn, quyền Tổng Tham Mưu Trưởng cũng sẽ không làm gì được hơn vì trên thực tế, ông Đôn vẫn là Tướng không có quân.

Vì chủ quan quá mức như vậy nên ông Cố Vấn Nhu vẫn bình thản trầm ngâm với điều thuốc lá Job trong cùng thời khắc đó Tướng lãnh đang quyết định lật đổ chế độ...12 giờ trưa. Tổng Thống Diệm theo thông lệ vẫn lần hạt đọc kinh trước khi dùng bữa. Cũng thời khắc đó, trên xa lộ gần Thủ Đức, Đại Tá Hồ Tấn Quyền đã bị bắn chết. Cái chết của Đại Tá Quyền cũng bất ngờ và tức tưởi như cái chết của hai anh em Tổng Thống Diệm.

Ông Cố Vấn Nhu đã nắm vững được những yếu tố nào để có thể an tâm và chủ quan như vậy được ? Kể từ khi Mỹ ngưng viện trợ và tìm mọi áp lực để Tổng Thống Diệm phải khuất phục đi theo đường lối của họ, ông Cố Vấn Nhu đã tìm được một đồng minh khác khả dĩ có thể hỗ trợ chế độ trong nhất thời và cũng là cách tạo nên một thế tựa để làm điều kiện với Mỹ.

Trong 9 năm cầm quyền anh em Tổng Thống Diệm chua xót về viện trợ Mỹ và thế nào là đồng minh theo tầm nhìn của Mỹ. Đồng minh này không ai khác hơn là Pháp. Kể từ năm 1945, chưa bao giờ mối bang giao Việt Pháp tạo được nhiều điều kiện thân hữu rất tốt như năm 1963.

Lúc bấy giờ về phía nội bộ, vụ Phật Giáo được coi như tạm yên. Phe đối lập gồm một số Tướng lãnh mà Ông Nhu tin rằng họ không thể làm gì được trừ phi Mỹ quyết tâm song sự quyết tâm của Mỹ cũng chỉ có thể trong vòng bí mật. Tất nhiên Mỹ không thể công khai hỗ trợ bất cứ một

phe nhóm nào dùng võ lực để lật đổ chính quyền hợp pháp. Vì còn dư luận quốc tế, còn Pháp, Anh. Ông Nhu vẫn tỏ ra coi thường thực lực của phe âm mưu đảo chánh. Theo ông điều giản dị là họ không có quân không có uy tín trong quần chúng. Một số Tướng Tá đang nắm thực quyền chỉ huy các đơn vị và nha sở đều là người tin cẩn của chế độ...Sự tin tưởng của Ông Nhu cũng hữu lý vì giả thử nếu Đại Tá Đỗ Mậu (Giám Đốc Nha An Ninh Quân Đội) cũng như Tướng Đính không theo phe đảo chánh, dầu cho Mỹ hỗ trợ, phe đảo chánh cũng khó lòng thành công.

Tuy nhiên, cái lầm lỗi nhất của Ông Nhu vẫn là bệnh chủ quan và đặt quá nhiều tin tưởng vào một số nhân sự mà ông cũng như Tổng Thống Diệm cho đến giờ phút cuối cùng vẫn không thể ngờ được rằng, họ phản mình. Sự thật là hầu hết các Tướng lãnh đều là đảng viên Đảng Cần Lao như Chủ Tịch Quân Ủy Đảng Cần Lao vốn là Tướng Lễ (nhiệm kỳ I) Tướng Chiểu (nhiệm kỳ II) cho đến ngày 1.11.1963 các Tướng Đôn, Nghiêm, Oai, Tám, Khánh, Cao...các Đại Tá Đỗ Mậu, Nguyễn Văn Chuân, Lâm Văn Phát. Các Trung Tá Đỗ Khắc Mai, Nguyễn Văn Thiệu...đều là Đảng Viên Cần Lao.

Một số Tướng Tá thân tín của chế độ chủ quan tin tưởng như vậy cho nên trước nguồn tin sẽ có đảo chánh, Đại Tá Hồ Tấn Quyền vẫn tuyên bố với mấy sĩ quan cận thân của ông: "*Nhảy Dù mình cũng nắm vững, Hải Quân là do nơi tôi. Chỉ cần huy động hai Tiểu Đoàn Thủy Quân Lục Chiến là có thể dẹp tan được đảo chánh*".

Trước sau có thể nói chính quyền vừa quá chủ quan và khả năng tình báo quá yếu. Ông Nhu cũng chỉ vì chủ quan nên thản nhiên chờ đợi phe đảo chính ra tay trước. Ông ta tin rằng với lực lượng mà ông được nắm vũng sẽ *"hốt"* được trọn ổ. Giới thân cận cho biết nếu cuộc đảo chánh chậm lại vài ngày nữa thì quả thực Ông Nhu sẽ bắt được trọn ổ hoặc là ông cứ ra tay trước vào những ngày 27, 28 thì phe chủ chốt nếu không bị bắt tất cả cũng đành khoanh tay đằng này

Ông Nhu lại cố nấn ná để chờ cho nó bùng nổ.

TRONG DINH

Khi từng loạt súng nổ ran ở phía Tổng Nha Cảnh Sát và được báo cáo cho biết có một số binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến đang tiến vào Thành Phố cho đến lúc này Ông Nhu vẫn bình tâm và ông Vỹ được gọi vào Dinh. Kể từ 1g30 trong Dinh Gia Long Bộ Tham Mưu cao cấp không còn ai khác hơn là hai anh em ông Tổng Thống Diệm và ông Cao Xuân Vỹ.

Tại sao chỉ có bằng ấy người. Thực ra khi có binh biến như vậy anh em Tổng Thống Diệm hay ở địa vị ai cũng chỉ còn trông cậy vào Quân Đội. Phía dân sự nếu có nhiều người thì chỉ làm bận chân.

Dinh Gia Long gọi điện thoại lên Bộ Tổng Tham Mưu thì không một ai trả lời (đường giây đã bị cắt) khi gọi điện thoại cho Biệt Khu Thủ Đô, Quân Đoàn III thì hai nơi này cũng bặt tin. Khi quay sang Bộ Tư Lệnh Hải Quân gọi Đại Tá Quyền cũng không còn tiếng chuông reo.

Tuy nhiên Dinh Gia Long vẫn còn liên lạc được với một số cơ quan dân sự đầu não như Tổng Nha Cảnh Sát Quốc Gia, Thanh Niên Cộng Hòa, Trung Ương Tình Báo. Bộ Công Dân Vụ. Việc đầu tiên là Tổng Thống Diệm gọi điện thoại cho Phó Tổng Thống Thơ và một số Bộ Trưởng để chỉ thị cho họ một số điều cần thiết như tạm thời ấn náu giữ vững tinh thần.

Vị Bộ Trưởng trốn lẹ nhất không ai khác hơn là Nguyễn Đình Thuần, Bộ Trưởng Phụ Tá Quốc Phòng kiêm nhiệm Bộ Phủ Tổng Thống. Cho đến quá chiều Dinh Gia Long vẫn còn bắt liên lạc được với một số Tỉnh tại Cao Nguyên và Trung Nguyên Trung Phần cũng như Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn I và Quân Đoàn II. Nhưng không sao bắt được liên lạc với Quân Đoàn IV của Tướng Huỳnh Văn Cao. Kể từ 1g30 đến khi anh em Ông Diệm ra khỏi Dinh Gia Long được với Bộ Tham Mưu, Quân Đoàn I và Quân Đoàn II là hai đại đơn vị mà Tổng Thống Diệm vẫn liên lạc được cho đến phút chót và Tướng Nguyễn Khánh cũng là một Tướng lãnh duy nhất cho đến phút chót qua đường giây liên lạc vẫn tỏ bày lòng cương quyết trung thành với Tổng Thống Diệm và cho biết Quân Đoàn II Tướng Khánh còn lưu ý với Bộ Tham Mưu Dinh Gia Long: "*Các toa phải ráng giữ, đừng có nghe lời*

tụi nó. Không tin mấy thằng đó được Quân Đoàn II sẵn sàng phản công phe đảo chánh".

ĐƯỜNG GIÂY ĐÃ ĐỨT

Sau vụ đảo chánh hụt 11.11.1960, Sở Nghiên Cứu Chính Trị đã áp dụng một kế hoạch chống đảo chánh rất hữu hiệu. Nhờ kế hoạch này, một số đơn vị nòng cốt trong Lữ Đoàn Nhảy Dù, Thủy Quân Lục chiến, Thiết Giáp, Biệt Động Quân đều được Sở Nghiên Cứu "*chinh phục và tìm bạn*" trong hàng Sĩ Quan mà hầu hết là ở cấp Tiểu Đoàn Trưởng.

Tháng 9.1963 Bác Sĩ Trần Kim Tuyến được lệnh cấp tốc lên đường nhận nhiệm vụ mới và Trung Tá Đương chính thức thay thế (Trung Tá Đương còn là Chánh Văn Phòng của Ông Nhu).

Tuy đã bàn giao công việc song công việc của Sở Nghiên Cứu không đơn giản như các cơ sở khác, giấy tờ hành chánh chỉ là phần phụ.

Còn bao nhiêu vấn đề nhiêu khê rắc rối mà phải là người chủ động mới có thể nắm vững. Do đó, người thay thế dù là cận thân của ông Cố Vấn Nhu cũng không thể nắm vững các "*đường giây*" được móc nối tại các đơn vị chủ lực, kể từ tháng 9.1963 gần như tê liệt hoàn toàn. Đó cũng là một khuyết điểm lớn lao nhất là bao giờ cũng đặt tình cảm cá nhân như một căn bản cho lòng tin tưởng và tinh thần phục vụ. Cho nên với cá nhân ông này thì thuộc cấp hết lòng phục vụ cá nhân ông kia họ lại thờ ơ, bất hợp tác.

Cho nên cũng không thấy làm lạ khi người cũ ra đi với bao luyến tiếc của thuộc cấp, thì người mới khi đến tiếp nhận phải cần có một thời gian, phải có sự khôn khéo và có đủ uy tín may ra mới điều khiển nổi cơ sở ở mức bình thường. Khi Bác Sĩ Tuyến ra đi rồi thì từ một lý do này hay lý do kia, Trung Tá Đường không đã không nắm được các "cảm tình viên" đúng ra những "noyeaux" đặt trong một số đơn vị từng được coi là có khả năng làm đảo chánh hay chống đảo chánh rất hữu hiệu. Kế hoạch *"nuôi ba năm dùng một giờ"* đã trở thành vô hiệu quả. Nhiều đơn vị trưởng khi nhận được lệnh chuyển quân hướng về Sài Gòn đã không biết cấp báo cho ai.

Đây là vấn đề quan hệ đến sinh mạng cho nên không thể cấp báo cho bất kỳ ai mà họ chưa có lòng tin cậy, sự tin cậy đặt trên tình nghĩa và thân hữu. Sau vụ 11.11.1960, Sở Nghiên Cứu Chính Trị cạnh Tổng Thống Diệm đã cố len lõi vào các đơn vị và tìm *bạn*. Công tác tìm *bạn* coi như được hoàn tất vào năm 1962. Những người bạn này không cần nhận một công tác nào cả. Duy chỉ có một điều họ sẽ được bảo vệ nếu gặp sự bất công ngược đãi của cấp trên hoặc tùy trường hợp sẽ được giúp đỡ theo nhu cầu và ước muốn của mỗi cá nhân.

Người *bạn* này không làm công tác tình báo cũng không có phận sự đối với Sở Nghiên Cứu. Tóm lại, họ chỉ là bạn thuần túy về phương diện tình cảm và không liên hệ một mảy may đối với tổ chức và công việc của Sở Nghiên Cứu. Tuy vậy, họ luôn luôn được căn dặn một điều, nếu khi nào thấy có lệnh chuyển quân hướng về Sài Gòn, hoặc có điều gì khả nghi trong việc động binh thì cấp báo ngay cho người có trách nhiệm của Sở Nghiên Cứu, và cấp báo trực tiếp, đưa tin đến nhà hoặc điện thoại theo các đường giây riêng. Theo Lương Khải Minh, không những "*tìm bạn*" theo kiểu này tại các đơn vị cấp Tiểu Đoàn và Trung Đoàn, Sở Nghiên Cứu còn tìm bạn trong các cơ quan đầu não của Bộ Quốc Phòng và Bộ Tổng Tham Mưu, thường thường là sĩ quan cấp Úy thuộc Ngành Truyền Tin, Quân Vận, Phòng II Phòng III v.v...

Từ tháng 10.1963 các "*đường giây*" được thiết lập theo hệ thống *"bạn"* kể trên nếu không nói là tan rã, thì cũng không được kết hợp và phối trí do một người duy nhất điều động. Trong khi đó, Ông Nhu lại quá tin tưởng vào một số Tướng Tá chỉ huy các đại đơn vị không hiểu tại sao Ông Nhu lại quên hẳn bài học *"Nguyễn Chánh Thi"* trong vụ đảo chánh 11.11.1960.

Ông vẫn dùng một số Tướng Tá thân tín để chống lại mọi âm mưu đảo chánh. Song Ông Nhu đã không thể ngờ được rằng, khi các Tướng Tá trên tạm thời liên hiệp với phe âm mưu đảo chánh thì một sớm một chiều chế độ của ông đã trở thành chế độ trắng tay không có quân để bảo vệ (ngoài Lữ Đoàn Phòng Vệ Phó Tổng Thống và một số đơn vị Lực Lượng Đặc

Biệt đã bị phân tán). Thật là một sự tính sai hay đúng một rủi ro của chủ quan. Đây cũng có thể coi là sự lầm lẫn do sự thiếu tế nhận về tâm lý và thực trạng của vấn đề nhân sự trong Quân Đội.

Hải Quân (trong đó có Thủy Quân Lục Chiến) là một thí dụ giúp chúng ta có thể dễ dàng phán đoán cái may cũng như cái rủi từ hai phía (phía đảo chánh và phía chính quyền). Sau vụ oanh tạc Dinh Độc Lập 27.2.1962, Hải Quân được lòng tin cậy của Tổng Thống Diệm. Đại Tá Hồ Tấn Quyền vẫn tự nhận là Hải Quân có công trong vụ bắn hạ chiếc máy bay của phi công Phạm Phú Quốc, và chính Hải Quân đã đem xác chiếc phi cơ AD-6 của phi công Quốc ra trưng bày coi như một chiến lợi phẩm. Hành động này đã làm phật lòng và chạm đến tự ái của Không Quân (sau đó chiếc AD-6 được Không Quân đem về căn cứ Tân Sơn Nhất) Từ vụ 27.2.1962, Đại Tá Quyền được coi như là người thân tín của chế độ (cho đến nay Hải Quân đã trải qua mấy vị Tư Lệnh song giới Hải Quân vẫn công nhận Đại Tá Quyền là vị Tư Lệnh khá nhất xét về nhiều mặt như tư cách chỉ huy, tình cảm v.v...mặc dầu ông hơi yếu về các phương diện cấp bằng so với các Tư Lệnh sau ông, cũng vì vậy phe đảo chánh không tìm cách móc nối Đại Tá Quyền.

THÀNH BẠI TRONG GANG TẤC

Cho đến sáng ngày 1.11.1963, Đại Tá Quyền vẫn không hay biết gì về cuộc đảo chánh sẽ bộc phát vào lúc 1g30 cùng ngày.

Ngày hôm ấy cũng là ngày sinh nhật của ông, Đại Tá Quyền theo thông lệ những ngày nghỉ vẫn đến sân quần vợt của Bộ Tư Lệnh Hải Quân để cùng dượt với các sĩ quan. Trong số sĩ quan hiện diện quần vợt sáng hôm ấy, có Thiếu Tá Nguyễn Tấn Lực.

Thiếu Tá Lực vốn là bạn thân của Đại Tá Quyền và cũng là Chỉ Huy Trưởng của một ngành trong Hải Quân. Vào khoảng quá 10 giờ sáng, sau khi đánh banh xong, viên Thiếu Tá này mời Đại Tá Quyền lên Thủ Đức dùng cơm, với lý do nhân ngày sinh nhật ông Quyền, Thiếu Tá Lực muốn có cái hân hạnh được mời ông đi ăn nhậu, và cũng là một người bạn thân

thiết. Đại Tá Quyền nhận lời ngay, và cả hai cùng đi bằng một chiếc Citroen dành cho Tư Lệnh Hải Quân.

Khi lên xa lộ, Thiếu Tá Lực mới ngỏ ý với Đại Tá Quyền theo phe đảo chánh. Cho đến giờ phút đó Đại Tá Quyền mới rõ sẽ có đảo chánh thật, và không còn là chuyện dư luận đồn đại nữa. Đại Tá Quyền không chấp thuận.

Kết quả là Đại Tá Quyền bị hạ sát ngay trên xa lộ. Đêm 1.11, Thiếu Tá Lực *"lò mò"* tìm đến Bộ Tư Lệnh Hải Quân nhưng khi đi qua Sở Thú thì bị Lữ Đoàn bắt giữ. Thiếu Tá Lực tưởng lầm là quân của phe đảo chính nên tiết lộ với Đại Úy Lễ: Ông đã hạ sát Đại Tá Quyền theo chỉ thị của Trung Tướng Dương Văn Minh. Quân của Lữ Đoàn Phòng Vụ Phó Tổng Thống định hạ sát ngay Thiếu Tá Lực. Đại Úy Lễ xin chỉ thị của Bộ Tư Lệnh nhưng chỉ được trả lời "*Giữ ông Lực lại và không được động chạm đến ông ta"*.

L'ÉTAT C'EST MOI

Trở lại biến cố 1.11.1963 và cái chết của hai anh em Tổng Thống Diệm. Như mọi người đã biết, Tổng Thống Diệm đã chết như một người bị ám sát. Mặc dầu lúc 4g30 Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng, đã điện đàm với anh em Tổng Thống Diệm. Với lời hứa rằng, nếu Tổng Thống Diệm và Bào Đệ chịu từ bỏ quyền hành và dời khỏi Dinh Gia Long, Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng sẽ cam kết bảo vệ tính mạng cho hai anh em ông và sẽ để anh em Tổng Thống Diệm ra ngoại quốc với nghi lễ dành cho một vị Tổng Thống. Tổng Thống Diệm đã nói như hét: *"Tướng Tá mô ?"*

Tất nhiên Tổng Thống Diệm đã không chấp nhận sự đầu hàng như vậy. Ông lãnh đạo quốc gia trong vòng quan niệm Dân Cử theo quan niệm của ông và tổng hợp với quan niệm Thiên Mệnh, trong Nho Giáo. Với một người cứng rắn quá mức như Tổng Thống Diệm cùng với tự ái quá cao và tự tôn tất nhiên là ông đã coi các Tướng lãnh chỉ là những thuộc hạ võ biền (võ biền theo quan niệm của một nhà nho) nên đề nghị của Tướng Minh đối với Tổng Thống Diệm như một hành động xúc phạm đến uy quyền tối

cao của Quốc Gia mà ông là tiêu biểu (Tổng Thống Diệm đã từng nói: Sau Hiến Pháp còn có tôi. Thực ra ông lãnh đạo Quốc Gia với một mặc cảm tự tôn: Quốc Gia là ta, L'état C'est moi). Điều này sẽ giúp ta rõ ràng giải thích tại sao Tổng Thống Diệm khước từ sự "*đầu hàng*" và dù trong một tình thế nguy nan nhất, ông vẫn giữ vững lập trường đòi các Tướng lãnh phải cử đại diện đến Phủ Tổng Thống gặp ông. Theo Đại Úy Lê Công Hoàn, Tổng Thống Diệm đập bàn rồi bảo với Ông Nhu: "*Chúng nó đến đây rồi thì muốn chi thì muốn"*.

Tổng Thống Diệm có "*cầu cứu"* Cabot Lodge không ? Riêng ông, có điện đàm với viên Đại Sứ này, song chỉ có ý phiền trách và yêu cầu người Mỹ chấm dứt ngay sự hỗ trợ phe đảo chánh. Ông Nhu thì chỉ yêu cầu Cabot Lodge đóng vai trò trung gian giữa Dinh Gia Long và Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng. Song Cabot không thỏa mãn lời yêu cầu này. Cũng tương tự như Tướng Minh, khoảng 4g30 Đại Sứ Cabot Lodge yêu cầu anh em Tổng Thống rời khỏi Dinh và đến tị nạn tại Tòa Đại Sứ. Sau đó ông ta sẽ thu xếp để anh em Tổng Thống xuất ngoại. Trong điều kiện này thì ông Lodge mới bảo đảm tính mạng của hai anh Tổng Thống Diệm và gia đình. Song như đã trình bày ở trên Tổng Thống Diệm đã khước từ dứt khoát. Tổng Thống Diệm cũng như Ông Nhu vẫn mong ở thế khả thắng của mình. Qua Đài Phát Thanh lúc 4 giờ Tổng Thống Diệm nghe rõ giọng nói của 22 vị Tướng Tá xướng danh để áp đảo tinh thần Dinh Gia Long. Tổng Thống Diệm bảo Đại Úy Bằng và các Sĩ Quan Tùy Viên: *"Các Tướng bị bọn nó bắt cóc làm con tin đấy thôi"*. Cũng vì vậy khi Thiếu Tá Nguyễn Hữu Duệ xin Tổng Thống cho đem quân lên Bộ Tổng Tham Mưu để "*giải thoát*" các Tướng Tá thì Tổng Thống khước từ với lý do:

"mình đem quân lên giải cứu bọn nó sẽ giết hết các Tướng để từ từ coi". Cũng vào lúc 4g30 Trung Tướng Đôn có điện đàm với Tổng Thống Diệm yêu cầu Tổng Thống Diệm và Ông Nhu từ bỏ quyền hành và xuất ngoại, vì Quân Đội đã đứng lên đảo chánh và đã vây chặt Thành Cộng Hòa Dinh Gia Long.Tổng Thống Diệm nói như quát: "*Quân mô ? Vây ở mô ?"*

Sự thực, lực lượng đảo chánh không đáng kể...Quân của Sư Đoàn 5 vẫn còn ở bên ngoài Đô Thành. Phía Phú

Lâm, Chợ Lớn, cầu Chữ Y, Khánh Hội, Thị Nghè còn bỏ trống. Theo Thiếu Tướng Lâm Văn Phát thì vào giờ đó, Hội Đồng Tướng Lãnh chưa biết phải làm gì và hoàn toàn giao động vì vị nào cũng tưởng rằng, khi đọc hiệu triệu trên Đài Phát Thanh thì các cánh quân của Quân Đoàn III (trong đó có Sư Đoàn 5) đã vây chặt Thành Cộng Hòa và Dinh Gia Long cũng như đã làm chủ tình hình Sài Gòn Gia Định Chợ Lớn, nhưng ngược lại, các cánh quân chủ lực của cuộc đảo chánh vẫn còn rời rạc lẻ tẻ và chưa vượt qua cầu Phan Thanh Giản và cầu Thị Nghè thì đã bị Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống chặn đứng tại Đa Kao và Sở Thú.

4g30, một cú điện thoại từ Bộ Tổng Tham Mưu gọi cho Thiếu Tá Duệ: "*kéo thẳng lên đây đánh thốc vào Bộ Tổng Tham Mưu, ở đây chỉ lèo tèo vài Đại Đội tân binh và lính truyền tin*". Thiếu Tá Duệ hỏi: "*Tướng lãnh làm gì trên đó ?*" Ông Duệ được trả lời: *"Cha con mấy trự đang xanh mặt "té đái..."* Sự thực Chiến Đoàn Vạn Kiếp của Trung Tá Vĩnh Lộc cho đến lúc ấy vẫn còn án binh phía bên kia cầu Phan Thanh Giản. Khoảng 4g30. khi Đại Tá Phát đến một căn nhà ngày Ngã Tư Phan Thanh Giản-Đinh Tiên Hoàng được coi như bản doanh tiền phương của Sư Đoàn 5 và Chiến Đoàn Vạn Kiếp thì lúc ấy Trung Tá Vĩnh Lộc đang say ngất ngư và cũng như chưa biết phải tiến quân như thế nào...Sĩ quan cũng như binh sĩ vẫn còn ngơ ngác không biết phải làm gì...chỉ thị của thượng cấp hết sức mơ hồ.

Tướng Lâm Văn Phát cũng tiết lộ, vào giờ phút đó, các Tướng Tá tại Bộ Tổng Tham Mưu gần như tuyệt vọng, ai nấy xanh mặt và chuẩn bị valise để lên đường tẩu thoát. Trung Tá Nguyễn Cao Kỳ trách nhiệm phần vụ "*nếu thất bại sẽ dùng mấy chiếc Đakota của Liên Đoàn Vận Tải để đưa các Tướng Tá qua Thái Lan*".

Các Tướng Tá hồi hộp từng phút giây theo dõi cuộc tiến quân của Quân Đoàn III nhưng chỉ nghe thấy tiếng nổ xa xăm...4g30, Trung Tá Kỳ dẫn 2 phi công vào trình diện Hội Đồng Tướng Lãnh, 2 phi công này lái AD nhào

lộn oanh kích khu vực Thành Cộng Hòa và sự hiện diện của 3 chàng Không Quân này tựa hồ như cơn gió mát giữa cơn nồng nặc nghẹt thở trong phòng Hội Đồng.

Trung Úy Niên thấy tình hình rất lâm nguy. Bỗng nhiên, ông nhận được tin từ Hội Đồng Tướng Lãnh cho biết: Đại Tá Lâm Văn Phát tạm thay Đại Tá Nguyễn Văn Thiệu, thống lãnh Sư Đoàn 5 để thanh toán Dinh Gia Long và Thành Cộng Hòa. Được tin này, Trung Tướng Dương Văn Minh biến sắc. Một số Tướng lãnh gỉ tai nhau: "*Thôi hỏng rồi...tại sao Đính lại giao cho*

Phát như thế tụi nó quật ngược lại bọn mình rồi". Không khí nghẹt thở.

Đại Tá Lâm Văn Phát sáng ngày 1.11 đến Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III để chờ trình diện Tướng Đính trước khi xuống Mỹ Tho nhậm chức vụ Tư Lệnh Sư Đoàn 7. Cho đến lúc ấy ông Phát vẫn không hiểu mô tê gì cả nhưng ông đã linh cảm thấy một sự lạ nào đó. Chiều Đại Tá Phát trở vào Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III. Giữa lúc Tướng Đính đang xao xuyến vì sự di chuyển chậm trễ của Sư Đoàn 5, ông yêu cầu Đại Tá Phát tạm nắm quyền chỉ huy sư đoàn này để tốc chiến tốc thắng. Đại Tá Phát nhận lời. Tướng Đính phải cho người vào kho lấy bộ đồ trận cho Đại Tá Phát vì ông Phát mặc đồ vàng. Kể từ phút đó, Đại Tá Phát chính thức lâm trận. Ông được thăng Thiếu Tướng vào lúc 1g30 đêm ngày 1.11.1963 khi cuộc tấn công Dinh Gia Long đang mở màn.

RA ĐI KHI TRỜI CHƯA SÁNG

Xin trở lại giờ phút quyết định số mạng của hai anh em Tổng Thống Diệm. Khoảng 4 giờ sáng thứ hai ông Cao Xuân Vỹ hoàn toàn mất liên lạc với hai em Tổng Thống Diệm. Trong suốt buổi tối từ khi đến nhà Mã Tuyên, Ông Nhu vẫn thường xuyên liên lạc với ông Vỹ và một số nhân vật thân tín khác. Ông Nhu quyết định sẽ ra đi trước khi trời sáng. Những người thân tín của ông đã nhận được chỉ thị thu xếp cho anh em ông tìm đường lên Cao Nguyên. Công việc thu xếp kể như tạm xong chỉ còn chờ anh em Tổng Thống Diệm quyết đi hay ở...sở dĩ có sự chưa dứt khoát như

vậy vì Tổng Thống Diệm không chịu trốn không chịu cải trang. Ông Diệm đã nói với Ông Nhu và ông Cao Xuân Vỹ: "*Mình là Tổng Thống thì mình phải giữ tư thế của vị Tổng Thống. Dầu mình chết cũng là vị Tổng Thống"*. Theo lời tường thuật lại thì tại nhà Mã Tuyên, dù Ông Nhu nhiều lần đề nghị Ông Diệm thay quần áo và cải trang cho dễ lẩn trốn trong dân chúng. Ông Diệm khước từ một cách bực tức. Ông Nhu đã có sẵn một bộ đồ hóa trang, song vì người anh không chịu, ông đành thúc thủ.

Ông Diệm vẫn tin rằng, phe đảo chánh sẽ không dám làm gì ông, và đã không dám làm gì ông thì cũng không thể giết Ông Nhu.

Quyết định cuối cùng của Ông Diệm là nếu chết thì chết cả 2. "*Tôi đi đâu chú đi đó"*.

Cũng vì vậy trong giờ phút cuối cùng tại Nhà Thờ Cha Tam, Tổng Thống Diệm một lần nữa khước từ không chịu mặc tấm áo "*Soutane"* của Linh Mục, mặc dù Ông Diệm đã có lời tuyên bố phần sống như một tu sĩ.

Dinh Gia Long vẫn chìm đắm trong bóng tối và lặng lẽ. Vấn đề cấp thiết nhất là lương thực. Dinh Gia Long không có kho lương nào. Thiếu Tá Hưởng cũng như Thiếu Tá Lạc cùng tất cả các sĩ quan đều đồng ý giữ Dinh Gia Long bất cứ giá nào. Tinh thần họ chỉ lên cao nhờ binh sĩ cũng một lòng như vậy. Đơn giản, họ chỉ là những Quân Nhân phục vụ chế độ với lòng trung thành.

Từ khi Tổng Thống Diệm và Ông Nhu ra đi, Dinh Gia Long không có gì thay đổi, ba Đại Đội của Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ đóng chung quanh Dinh ra đến tận Chợ Bến Thành, Thiếu Tá Lạc cũng như Thiếu Tá Hưởng và Đại Úy Hoàn kéo nhau ra đường đi vòng quanh quan sát rồi dừng chân trước Bộ Quốc Phòng. Khi trở lại, có điện thoại gọi cho Hoàn, Hoàn quay lại nói với mấy sĩ quan: "*Liên nó gọi cho moa*" tức (Thiếu Tá Nguyễn Bá Liên Tham Mưu Trưởng Thủy Quân Lục Chiến, người chỉ huy Thủy Quân Lục Chiến trong cuộc đảo chánh)

Lúc đầu Thiếu Tá Nguyễn Bá Liên chiêu hồi dụ dỗ Đại Úy Hoàn và cho rằng nên hàng đi là hơn. Sau Thiếu Tá Liên nhường máy cho mộ số Đại

Tá, Trung Tá nói chuyện thẳng với Hoàn. Đó là cách áp đảo tinh thần Dinh Gia Long. Các Đại Tá, Trung Tá lần lượt lên tiếng trong đó có Trung Tá Vĩnh Lộc, Trung Tá Thảo rồi đến lượt Trung Tá Nguyễn Văn Thiệu. Nghe xong Hoàn bỏ máy xuống quay lại nhìn anh em mỉm cười.

Đại Úy Bằng theo Tổng Thống Diệm và Ông Nhu đến Chợ Lớn ở lại một lúc thì Tổng Thống Diệm cho ông về. Ông Bằng không quên mang về một chai Martell, một tút thuốc lá

"tăng cường sức sống cho Dinh Gia Long". Súng vẫn nổ, thỉnh thoảng một trái Mortier rơi gần Dinh, mấy sĩ quan trong Dinh vẫn bình tĩnh cụng ly. Đại Úy Hoàn say ngất ngư cùng mấy sĩ quan khác ngồi tâm sự chuyện đời.

Thiếu Tá Nguyễn Bá Liên từ bên ngoài gọi điện thoại kêu Dinh Gia Long đầu hàng lần thứ 3. Đại Úy Hoàn cảm ơn tình bạn của ông Liên và từ chối.

Quân cách mạng đã làm chủ tình hình Thủ Đô vòng vây mỗi lúc một xiết chặt quanh Dinh Gia Long. Thiếu Tá Phạm Văn Hưởng đặt Bộ Chỉ Huy Hành Quân ngay ở công viên trước Dinh Gia Long. 12 giờ thì ông được thành Cộng Hòa thông báo cho biết đã bỏ Thành. Bầy sĩ quan từ Thành Cộng Hòa đang tìm cách về Dinh. Nhưng đến Đường Phùng Khắc Khoan thì đành chịu và rủ nhau trốn vào nhà Kiến Trúc Sư Ngô Viết Thụ. Nhà ông này đi vắng hết, chỉ còn lại một gia nhân. Sau đó đám sĩ quan này mượn quần áo cải trang rồi kéo nhau vào Nghĩa Trang Mạc Đỉnh

Chi.

Ngoài Dinh Gia Long vẫn còn 3 Đại Đội của Liên Đoàn Phòng Vệ và trong Dinh có thêm một Đại Đội Cận Vệ đặt dưới quyền Thiếu Tá Lạc. Súng vẫn nổ. Trong Dinh lặng lẽ như tờ. Viên Đại Úy phụ trách truyền tin xin Thiếu Tá Hưởng cho tháo máy và di tản qua tòa án lấy cớ rằng nếu Dinh bị pháo kích, máy truyền tin vẫn còn an toàn (Mấy ngày sau Đảo Chánh, Đại Úy này được Cách Mạng vinh thăng Thiếu Tá với lý do góp công với cách mạng bằng cách tháo gỡ máy truyền tin. Không hiểu nguyên

nhân nào, một tuần sau ông mất lon Thiếu Tá).

Vào khoảng 2 giờ ngày 2.11.1963 súng bắt đầu thi nhau nổ. Đại Úy Hoàn bàn bạc với Thiếu Tá Lạc là trong tình thế này không thể nào giữ được Dinh nữa rồi thế nào quân đảo chánh cũng sẽ đánh lớn và thanh toán thành trì cuối cùng này. Hơn nữa Đại Úy Hoàn cho rằng Tổng Thống Diệm đã ra đi. Thiếu Tá Lạc cho là phải và đồng ý với Đại Úy Hoàn là phải báo tin cho Tướng Khiêm rõ. Sau đó Đại Úy Hoàn điện thoại cho Tướng Khiêm báo ông biết. Tổng Thống Diệm và Ông Nhu đã ra đi và xin Tướng Khiêm ra lệnh ngưng tấn công Dinh Gia Long. Tướng Khiêm trả lời: *"được, để qua lo liệu"*.

Lúc ấy, Bộ Chỉ Huy nhẹ của Đại Tá Phát đặt ngay tại Trường Đại Học Văn Khoa...ông Phát trực tiếp cuộc tấn công Dinh Gia Long.

Nhưng hầu hết đều bắn lên trời. Thủy Quân Lục Chiến đã tiến gần đến Dinh. Một Đại Đội khác của Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống vẫn còn giữ giữ được vườn Tao Đàn. Nơi đây được coi như yếu điểm số một trong việc bảo vệ Dinh Tổng Thống.

Bộ Chỉ Huy Dinh Gia Long không còn hy vọng được ai tiếp cứu.

Mấy mật báo viên của Thiếu Tá Hưởng được sai xuống Phú Lâm xem Sư Đoàn 7 đã về chưa. Cuối cùng họ trở về báo cáo, có thấy lính của Sư Đoàn 7 đang di chuyển về Thủ Đô nhưng không có súng.

Thiết giáp mỗi lúc một tiến gần hơn. Khẩu pháo đặt ở Bộ Quốc Phòng bị thổi bay. Trước đó khoảng 9g30, một Tướng lãnh ở Bộ Tổng Tham Mưu gọi điện thoại cho Thiếu Tá Lạc bảo đầu hàng. Ông Lạc trả lời rằng Dinh Gia Long không thể đầu hàng được vì phải đợi lệnh của Tổng Thống. Một lúc sau, Đỗ Thọ từ nhà Mã Tuyên gọi điện thoại về Dinh và chuyển lời của Tổng Thống Diệm đại ý, Tổng Thống Diệm cảm ơn tất cả và bảo Thiếu Tá Lạc cố giữ Dinh và chờ lệnh của Tổng Thống. Khoảng 3g30 sáng ngày 2, từ nhà Mã Tuyên Chợ Lớn, Tổng Thống Diệm vẫn chỉ thị cho Thiếu Tá Lạc "*Một mất một còn để bảo vệ Dinh"*. Nhưng Ông Nhu thất vọng "*Không thấm vào đâu, mình yếu họ mạnh"* Theo nhật Ký Đỗ Thọ, Tổng

Thống Diệm cho rằng: "*Vậy đổ nát, chết chóc, không lợi chi cả*".

Từ 4g30 đêm, Dinh Gia Long như con hổ đã lọt vào bẫy, cố vùng vẫy nhưng kiệt sức, Thiếu Tá Lạc tính chuyện đầu hàng. Thiếu Tá Lạc liên lạc thẳng với Thiếu Tướng Trần Thiện Khiêm. Tướng Khiêm nói rằng: "*Nếu thấy không thể giữ nổi thì hàng để tránh đổ máu"*. Tướng Khiêm chỉ thị thêm: "*Các Thiếu Tá trong Dinh phải bật hết đèn pha để làm dấu hiệu đầu hàng"*. Thiếu Tá Lạc xin được chậm chậm một chút vì ông Lạc cũng như một số sĩ quan vẫn còn do dự để đợi lệnh cuối cùng của Tổng Thống Diệm.

Lúc ấy Bộ Chỉ Huy của Thiếu Tá Hưởng đã di tản qua Tòa Đại Sứ Lào. Súng nổ chát chúa nhưng hầu hết đều bay lên trời.

Đêm đen như mầu mực. Rồi 6 giờ, trời tang tảng sáng...Dinh Gia Long quy hẳn thay vì bật đèn pha để làm dấu hiệu đầu hàng, ông Lạc lại lấy tấm drap trắng trải giường cột vào đầu gậy chạy ra bao lơn "*phất phất"*. Phía Thủy Quân Lục Chiến cũng như trong Dinh nhiều người không trông thấy lá cờ đầu hàng, trong Dinh lại nổ một loạt súng và làm ngã gục mấy Thủy Quân Lục Chiến. Phía Thủy Quân Lục Chiến nổi giận xông lên.

Súng nổ từng loạt chát chúa. Rồi im bặt, Dinh Gia Long thất thủ lúc 6g25. Trung Úy Tiêm còn mặc bộ đồ ngủ đi lè phe ở hành lang Dinh. Mọi sự thế là xong. Bỗng đâu một viên đạn bay vèo. Trung Úy Tiêm ngã gục. Ông chết vào giờ thứ 25 và nâng tỉ số thương vong của Lữ Đoàn Phòng Vệ lên 7 người. Dinh Gia Long chỉ có một người chết.

Thiếu Tướng Phát công nhận rằng, cuộc tấn công Dinh Gia Long quả là gay go. Binh sĩ phía đảo chánh thì dè dặt, cấp chỉ huy phải hối thúc hò hét khản cổ họ mới chịu tiến. Khi Dinh Gia Long thông báo đầu hàng lính trong Dinh vẫn nổ súng từng loạt. Một chiếc thiết giáp tiến lên ngang hông Bộ Quốc Phòng phía Đường Pastuer thì bị "thổi bay". Lửa bốc cháy thiêu rụi con cọp sắt vào đúng giờ thứ 25 của trận đánh. Chiếc thiết giáp của Đại Úy Bùi Nguyên Ngãi lao lên tiếp cứu. Thiếu Tướng Phát trực tiếp hối thúc Đại Úy Ngãi phải tốc thắng ổ chống cự cuối cùng của Dinh Gia Long. Xe

của ông Ngãi tiến gần đến chiếc thiết giáp đang bốc cháy thì bỗng đâu, từng loạt đạn nổ ran. Đại Úy Ngãi vừa thò đầu ra khỏi xe thì bị bắn gục. Con cọp sắt thư hai bốc lửa. Đại Úy Ngãi gục ngã vào giờ thứ 25.

6g30 Dinh Gia Long nằm gọn trong tay phe đảo chánh, Thiếu Tướng Nguyễn Văn Thiệu vẫn đeo lon Đại Tá kéo theo một Trung Đội tiến vào Dinh tiếp thu thành trì cuối cùng của Đệ Nhất Cộng Hòa tiêu biểu cho uy quyền tối thượng của Việt Nam Cộng Hòa.

TỪ HẦM DINH GIA LONG ĐẾN NHÀ MÃ TUYÊN

Trung Sĩ Mộc, Thủy Quân Lục Chiến cho biết ông đã cùng toán quân của ông là những người thứ nhất đặt chân lên thềm Dinh Gia Long và sau đó, ông xuống hầm làm nhiệm vụ lục soát.

Hầm này thế nào ? Đây là nơi Tổng Thống Diệm mà trong 7 tiếng đồng hồ của buổi chiều ngày 1.11 đã cùng bào đệ ẩn trú và tính kế. Hầm hoàn thành xong ngày 28.10 nằm phía sau Dinh Gia Long, chiều dài 25 thước tây đi từ cánh trái của Dinh phía Đường Pastuer đến cánh phải phía Đường Công Lý. Hầm có hai cửa nhưng có 5 lối xuống hầm. Một lối thông với phòng ngủ của Tổng Thống Diệm ở lầu 2, một lối khác ăn thông với căn phòng của gia đình ông Bà Nhu phía

Đường Pastuer. Bên trên hầm là sân cỏ sát với sân quần vợt với hai trụ thông hơi với một cửa ra vào dành riêng cho lực lượng cận vệ. Cửa hầm bằng sắt dày. Hầm phân ra hai khu một dành cho Tổng Thống Diệm, một dành cho Ông Nhu. Về phía Tổng Thống Diệm hầm được ngăn ra thành

3 phòng nhỏ: Một phòng khách, một phòng ngủ và một phòng tắm.

Nhưng từ khi súng nổ, Tổng Thống Diệm xuống hầm thì tất cả các bộ phận đầu não đều tập trung trong căn phòng khách nhỏ hẹp của Tổng Thống Diệm với một chiếc bàn tròn, một chiếc ghế bành, một chiếc tràng kỷ. Ông Nhu đi đi lại lại phía trên hành lang sâu hút của chiếc hầm. Từ khi súng nổ, Ông Nhu vẫn đi như thế đầu cúi thấp, từng bước chậm chậm.

Buổi chiều nặng nề trôi qua. Tổng Thống Diệm chăm chú nghe lời nói của ông em "*Hừ hừ...Mỹ nó biểu làm thì làm...Mỹ nó cho mỗi đứa vài ngàn*

đô la là xong". Ông Nhu búng tán thuốc, gương mặt chĩu nặng: "*Đính, Mậu nó làm như rứa...*"

Tổng Thống Diệm lặng thinh. Khoảng 6 giờ ông già Ẩn mang xuống một tô cháo gà để Tổng Thống Diệm lót lòng. Ông Tổng Thống với cử chỉ uể oải, chán nản tột cùng, cấm thìa múc cháo như chừng không còn đủ sức nuốt cho hết. Ông nhìn mọi người rồi bảo ông già Ẩn: "*Múc vài tô nữa cho anh em ăn với*". Nhưng đây là tô cháo cuối cùng của đầu bếp Dinh Gia Long.

Khoảng 7 giờ, Ông Nhu nói với bào huynh: *"Thôi mình đi*". Tổng Thống Diệm quay lại hỏi: *"Đi mô ?"* Ông Nhu nói nhát gừng: "*Cứ đi rồi tính*". Tổng Thống đứng lên nói: *"Đi thì đi...*" Tổng Thống Diệm sai già Ẩn lên lấy lầu cặp da. Trung Úy Sung thì thu xếp hành trang cho Ông Nhu.

Tổng Thống Diệm nói với các Sĩ Quan Tùy Viên cùng Bác Sĩ Đinh Xuân Ninh và Trung Tá Kỳ Quan Liêm: *"Đi một đứa thôi. Đi nhiều không nên*". Tất cả mọi người có mặt, đều có vợ con riêng. Đỗ Thọ thì còn độc thân. Đại Úy Đỗ Thọ tình nguyện đi theo Tổng Thống. Đại Úy Thọ quay lại nói với Đại Úy Hoàn: "*Hoàn ở lại. Tao độc thân đi theo Cụ nếu có chết cũng không sao"*. Khi già Ẩn đem chiếc cặp xuống trao cho Tổng Thống, nghẹn ngào, Tổng Thống Diệm trao chiếc cặp da cho Hoàn, đôi mắt ông vẫn lơ đãng, xa vời. Đỗ Thọ đỡ chiếc cặp da bước theo Tổng Thống rời khỏi hầm Dinh.

Chiếc xe Chevaux loại fourgonnette đậu sẵn tại sân cỏ. Tổng Thống Diệm bước lên xe theo sau là Ông Nhu và Đại Úy Bằng. Đại Úy Đỗ Thọ ngồi băng trước cạnh tài xế. Tổng Thống Diệm ngồi phía sau lưng lái xe và bên cạnh là Ông Nhu. Xe rồ máy băng qua cửa nhỏ cửa Dinh phía Đường Pastuer rồi tiến vào sân sau Tòa Đô Chánh sau đó rẽ qua phía Đường Lê Thánh Tôn chạy ngang qua rạp Rex, rẽ tay phải đi theo ngã Đường Lê Lợi trực chỉ Chợ Lớn dọc theo Đại Lộ Trần Hưng Đạo. Ông Cao Xuân Vỹ bỏ đi không tháp tùng Tổng Thống Diệm và khi xe sắp chuyển bánh ông Vỹ thấy Tổng Thống Diệm và Ông Nhu ngồi trên sàn xe

coi bộ thê lương quá nên ông quay vào Dinh lấy tấm nệm mousse để Tổng Thống Diệm và Ông Nhu ngồi tạm nhưng khi mang nệm ra thì xe đã đi.

Trong Dinh Gia Long lúc này chỉ còn lại duy nhất một mình ông Cao Xuân Vỹ là người có thẩm quyền quyết định. Ông không thể bỏ đi ngay được vì phải ở lại đôn đốc một số công việc nhất là lo việc ẩm thực cho anh em binh sĩ. Vì vậy, thay vì tháp tùng xe Tổng Thống Diệm. Ông trở lại Dinh gọi điện thoại cho Trung Tá Phước biết có hai người khách sắp đến. Đồng thời nhân vật này cũng chỉ thị cho Trung Tá Phước nếu xe của hai vị khách tới nơi sẽ cho thay xe khác và thay tài xế và chính Trung Tá Phước phải tự lái xe đem hai nhân vật đến tạm trú tại nhà Mã Tuyên và đợi ở đó ông Vỹ sẽ đến.

Trước sau, anh em Tổng Thống Diệm đã trở thành kẻ cô đơn trong cơn khói lửa, và phải lo liệu tất cả mọi chuyện. Bộ Trưởng Phụ Tá Quốc Phòng cũng như Bộ Trưởng Nội Vụ không còn một liên lạc nào với vị lãnh tụ *"anh minh"* của họ!

Khoảng 9 giờ đem hôm đó, Trung Tá Phước đưa hai anh em Tổng Thống Diệm đến tạm trú tại nhà Mã Tuyên cùng với Tùy Viên Đỗ Thọ trên cùng một chuyến xe Land Rover. Sau khi lãnh một số chỉ thị cần thiết, Trung Tá Phước trở về Bản Doanh của Thanh Niên Cộng Hòa (đặt tại khu thế giới). Từ lúc đó trên lầu II nhà Mã Tuyên chỉ còn Tổng Thống Diệm, Ông Nhu và Đại Úy Đỗ Thọ. Riêng Đại Úy Bằng khi theo Tổng Thống Diệm đến Đại Thế Giới thì được Tổng Thống Diệm cho tự ý lo liệu. Một lát sau ông Cao Xuân Vỹ đến nhà Mã Tuyên và cũng chỉ ở lại nhà Mã Tuyên trong ít phút sau khi đã thảo luận với hai anh em Tổng Thống Diệm và lãnh chỉ thị cuối cùng.

Lời căn dặn cuối cùng của Tổng Thống Diệm là ông Vỹ phải dồn mọi nỗ lực để giữ an ninh công cộng và nhất là bảo vệ đồng bào về tài sản và sinh mạng. Ông Vỹ được lệnh trở về bản doanh của Thanh Niên Cộng Hòa để điều động mọi việc. Kể từ đó mọi việc liên lạc đều do đường giây điện thoại. Ông Vỹ có trở lại một lần nữa để bàn thảo kế hoạch và lãnh thêm chỉ

thị mới. Đây là lần sau chót ông Vỹ gặp mặt Tổng Thống Diệm và vị Thủ Lãnh Thanh Niên Cộng Hòa. Vào khoảng 4 giờ sáng ngày 2 ông Cao Xuân Vỹ mất liên lạc với Tổng Thống Diệm và Ông Nhu. Tổng Thống Diệm đến nhà Mã Tuyên là một sự tình cờ. Trước đó, ông Tổng Thống đã khước từ đề nghị đưa ông và Ông Nhu vào một Tu Viện trong Chợ Lớn. Tổng Thống Diệm lắc đầu: "*Êm thì không nói là chi. Nếu có sao sau này phiền lụy đến các Cha"*. Do đó mà ông Vỹ và Trung Tá Phước bắt buộc phải tạm thời dùng nhà Mã Tuyên làm "*Dinh Tổng Thống"* cho qua đêm. Khi được Trung Tá Phước báo tin, Mã Tuyên ra tận cửa đón chào anh em Tổng Thống Diệm. Từ 9 giờ tối chiếc xe Dodge trang bị máy truyền tin hoạt động không ngừng và ở đây thu lượm tin tức của Dinh Gia Long và Thành Cộng Hòa cũng truyền chỉ thị của hai ông.

RUỘT THỊT

Được biết, theo kế hoạch đã bàn thảo, Tổng Thống Diệm và Ông Nhu mỗi người sẽ đi theo một ngã và cố tránh không để lọt vào tay phe đảo chánh. Ông Nhu sẽ cải trang như một thường dân lao động và tìm cách ra khỏi Đô Thành rồi theo lộ trình nào an ninh nhất, ông sẽ lên Cao Nguyên. Tổng Thống Diệm sẽ lánh tạm tại một nơi an toàn tại Thủ Đô. Sau đó, khi lên tới Cao Nguyên, Ông Nhu sẽ huy động Lực Lượng Quân Đội do Tướng Nguyễn Khánh trực tiếp điều khiển và sẽ tiến về Sài Gòn phản công.

Về mặt chính trị, Ông Nhu vẫn tin tưởng là ông đã nắm vững được cả *"nội lực và ngoại diện"* khả dĩ có thể giúp ông thắng thế không những đối với phe đảo chánh mà kể cả Hoa Kỳ.

Ông Nhu đã trình bày cho Bào Huynh biết nếu phe Tướng lãnh bắt được Tổng Thống, họ cũng không dám làm gì có thể nguy hại đến an ninh cá nhân của Tổng Thống. Song chính ông, Ông Nhu cũng đã hiểu rằng, nếu phe Tướng lãnh bắt được ông, họ có thể thanh toán ông ngay không một chút ngần ngại. Hơn nữa, ông cũng biết rằng người Mỹ không ưa gì ông. Dù đã trình bày cặn kẽ, *"ai nên ở, ai nên đi*" Song Tổng Thống Diệm vẫn cương quyết không cho bào đệ của ông ta đi "*Tôi ở đâu thì chú ở đó chết*

thì chết cả hai". Chính vì tình thương ruột thịt nồng thắm như vậy cho nên Ông Nhu không thể cưỡng lại lời anh và ngược lại Tổng Thống Diệm cũng không thể đành lòng để cho ông em một mình ra đi.

Cho đến giờ này, giới thân cận nhất của Tổng Thống Diệm cũng không hiểu nổi từ một nguyên nhân tâm lý nào đã khiến cho Tổng Thống Diệm tính sai như vậy khi ông cương quyết không cho Ông Nhu ra đi, và cũng khước từ cả đề nghị để Ông Nhu tự do định đoạt còn Tổng Thống Diệm tạm thời lánh vào một Tu Viện.

GIỜ THỨ 25

Một người như Nguyễn Khánh, vẫn bị Ông Nhu nghi ngờ không mấy tin tưởng vào tánh nết của Tướng Khánh. Song trọn đêm ngày 1 rạng sáng ngày 2, Tướng Khánh đã biểu lộ trọn vẹn lòng trung thành đối với Tổng Thống Diệm và Ông Nhu cho nên không lấy làm lạ cho đến phút cuối cùng khi biết được thành Cộng Hòa và Dinh Gia Long bị hạ và đã mất hết liên lạc với Tổng Thống Diệm, Tướng Khánh mới cam đành đánh công điện về ủng hộ Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng. Không những Tướng Khánh đã xử sự như vậy mà nhiều Tướng Tá khác vẫn giữ thái độ "*chờ đợi"* và chỉ đánh điện ủng hộ Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng khi biết chắc chắn chế độ đã sụp đổ. Nhiều đơn vị Trưởng hoặc Tỉnh Trưởng tuy được Đài Phát Thanh nêu tên tuổi và ghi nhận là họ đã theo phe cách mạng song qua đường giây liên lạc với Dinh Gia Long, họ vẫn cam kết trung thành, và sẵn sàng phản công lại phe đảo chánh.

Tuy nhiên sau khi đảo chánh thành công, Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng đã đặc cách thăng thưởng cho nhiều Tướng Tá trong trường hợp kể trên. Và đó cũng là cái may cho những ai còn giữ được lòng trung thành, đồng thời lại gặp vận nhận được cái *"hên"* do tình cờ của lịch sử.

Mỗi vị thêm một lon cũng như Tướng Khánh được đặc cách Trung Tướng vì có công ơn đối với cách mạng.

Trong cuộc binh biến và thay chủ đổi ngôi nào mà không có những may rủi tình cờ cũng như oan khiên cừu hận.

Nếu tin là có phần số do trời đã tiền định cho mỗi con người thì cái chết của anh em Tổng Thống Diệm cũng do phần số vậy. Có thể nói được như vậy vì biến cố 1.11.1963, anh em Tổng Thống Diệm có nhiều yếu tố khả thắng khác hẳn với biến cố 11.11.1960 lúc ấy lại có nhiều yếu tố khả bại. Những yếu tố khả thắng này gồm những yếu tố bên trong và bên ngoài. Kể từ đầu tháng 10, mỗi ngày càng thuận lợi cho chế độ Tổng Thống Diệm mặc dầu áp lực của Mỹ rất nặng nề. Cũng chỉ vì quá chủ quan và tin vào những yếu tố bên trong và bên ngoài này nên Ông Nhu đã khinh xuất và *"chơi"* một canh bài quá bạo gan. Trong 9 năm, khi còn được Mỹ ủng hộ cơ quan CIA đã giúp cho chế độ của Tổng Thống Diệm rất nhiều tin tức tình báo quan hệ. Bất cứ một âm mưu nào nhằm lật đổ chế độ mà CIA đang ủng hộ đều bị khám phá kịp thời...hoặc là chính CIA ra tay phá những âm mưu đó từ trong trứng nước. Song kể từ khi hai Đại Tá Richardson (chỉ huy CIA tại Tòa Đại Sứ Mỹ) bị gọi về nước, ta có thể coi từ lúc đó, chính quyền của Tổng Thống Diệm không còn trông cậy vào sự cộng tác của CIA (mặt nổi phía Tòa Đại Sứ Mỹ). Tuy vậy, Sài Gòn vẫn là trung tâm của nhiều tổ chức tình báo...Phòng Nhì Pháp có, Trung ương tình báo Bắc Việt cũng có rồi Trung Cộng, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam...Nhờ sự mâu thuẫn giữa các tổ chức này và nhất là biến chuyển tốt đẹp về ngoại giao giữa Pháp và Việt đã giúp cho anh em Tổng Thống Diệm có một số "*bàn tay bí mật*" cung cấp những tin tức quan hệ nhất đến sống còn của chế độ. Nhưng lịch sử vẫn còn những cái bất ngờ xoay chuyển cả đại cuộc. Nào ai có thể tiên liệu được cái bất ngờ của lịch sử. Tổng Thống Diệm lưu lạc đến nhà Mã Tuyên nào Ông Nhu đâu có ngờ xảy ra như thế.

Cái bất ngờ đã đưa người Hoa Kiều Mã Tuyên đến một đoạn đường thê lương suốt 3 năm.

Vậy Hoa Kiều Mã Tuyên là người như thế nào ?

Sau đảo chánh Mã Tuyên được tô vẽ như một hùm xám ở Chợ Lớn với gia tài lên đến hàng tỷ bạc. Sự thực có như thế không ?

Mã Tuyên là một nhà giàu có. Song gia tài của ông so với giới Hoa Kiều

có khác đã không thấm vào đâu. Đối với giới này Mã Tuyên mới chỉ thuộc vào hàng trung lưu. Mã Tuyên đã có sẵn uy tín trong giới Hoa Kiều từ trước năm 1954. Vào khoảng năm 57-58, Mã Tuyên không những là Bang Trưởng mà còn là Chủ Tịch của 11 Bang các Bang Hoa Kiều. Không phải chỉ ở Sài Gòn Chợ Lớn mà trên toàn quốc Mã Tuyên thường được đồng bào gọi là Kiều Lãnh. Chỉ một chức vụ quan trọng này, Mã Tuyên đã có một đời sống dư giả, sung túc và quyền thế mà tập thể Hoa Kiều đã dành cho ông trong tư thế lãnh tụ của họ.

Vào khoảng năm 1959, Tổng Nha Cảnh Sát được mật báo Mã Tuyên là một tay kinh tài cho Trung Cộng và có liên hệ đến những hoạt động của cộng sản tại Chợ Lớn. Nguồn tin mật báo này xuất phát từ đám "*mã thầu dậu*" mà Cơ Quan An Ninh đã sử dụng một thiểu số trong đám đó làm mật báo viên. Do đó Mã Tuyên đã bị mời lên Tổng Nha để điều tra. Vì vụ tố cáo này Mã Tuyên luôn luôn bị đám "*mã thầu dậu*" quấy rầy và Cơ Quan An Ninh cũng nhân cơ hội đó gây cho ông ta không biết bao nhiêu phiền phức khác. Vào khoảng năm 1960, Đại Sứ Trần Văn Lắm gặp Bác Sĩ Tuyến có than thở là ông có mấy người bạn Huê Kiều bị Công An quấy rầy không sao làm ăn nổi. Người thứ nhất Huê Kiều Phú Lâm Anh chủ nhà hàng Mỹ Cảnh trước đây.

Người thứ hai là Mã Tuyên sống nghề mại bản cho một ngân hàng. Đại Sứ Trần Văn Lắm cả quyết cả hai người này đều không phải là cán bộ kinh tài của Trung Cộng. Qua sự giới thiệu của ông Đại Sứ Trần Văn Lắm, Bác Sĩ Tuyến can thiệp ngay. Bác Sĩ cho gọi viên Chánh Sở Cảnh Sát Đặc Biệt đến để cho biết qua về hoàn cảnh của Mã Tuyên và Phú Lâm Anh.

Ông yêu cầu Cảnh Sát Đặc Biệt chấm dứt mọi phiền hà đối với hai Hoa Kiều này. Có thể nói, kể từ đó Hoa Kiều Mã Tuyên mới được thành thơi làm ăn. Tuy Bác Sĩ Tuyến can thiệp cho Mã Tuyên song ông cũng chưa hề gặp mặt Hoa Kiều này. Riêng Phú Lâm Anh thỉnh thoảng hai ông Tuyến và Đại Sứ Trần Văn Lắm có ghé qua nhà hàng của y.

Năm 1961 trong cuộc vận động bầu cử Tổng Thống, Bác Sĩ Tuyến có

mời một số Bang Trưởng Hoa Kiều đến văn phòng của ông để nói chuyện về cuộc bầu cử và yêu cầu các ông Bang Trưởng dùng uy tín để vận động cho liên danh Ngô Đình Diệm-Nguyễn Ngọc Thơ. Đây là lần đầu tiên Mã Tuyên được gặp Bác Sĩ Tuyến và chỉ có lần đó cho đên ngày Đảo Chánh.

Khi Thanh Niên Cộng Hòa được thành lập, ông Cao Xuân Vỹ làm Phó Tổng Thủ Lãnh Thanh Niên Cộng Hòa, Đô Thành được trao cho Trung Tá Phước (Phó Đô Trưởng Nội An) là thủ lãnh, thì Mã tuyên với tư cách đai diện của giới Hoa Kiều Chợ Lớn được đề cử làm Thủ Lãnh Thanh Niên Cộng Hòa tại Quận V.

Thân hình, khuôn mặt và đời sống của ông ta tiêu biểu đầy đủ cho một dân Trung Hoa chánh gốc. Ông có đến 4 vợ chánh thức và trên 20 người con.

Mã Tuyên chưa hề gặp mặt ông Ngô Đình Nhu và kể cả Cao Xuân Vỹ. Mã Tuyên chỉ quen biết Trung Tá Phước mà thôi. Thanh Niên Cộng Hòa là đoàn thể duy nhất mà ông ta tham dự.

Ông ta cũng chỉ được Tổng Thống Diệm bắt tay vào những dịp Quốc Khánh, khi cùng các phái đoàn Dân Chính đến chúc mừng Tổng Thống và riêng Mã Tuyên với cương vị đai diện Hoa Kiều.

Buổi tối hôm 1.11.1963 lần đầu tiên, gia đình Mã Tuyên được đón tiếp anh em Tổng Thống Diệm. Liên hệ giữa Hoa Kiều Mã Tuyên và chế độ Tổng Thống Diệm trước sau chỉ đơn giản có thế.

Sau ngày đảo chánh, Mã Tuyên bị bắt và được mô tả như một tay kinh tài khét tiếng của chế độ Ngô Đình Diệm.

Ông ta còn bị tịch biên tài sản. Có điều đáng ghi và cũng là điều đáng ca ngợi về tình đồng hương của giới Hoa Kiều là khi vật dụng gia sản của ông bị tịch biên và đem bán đấu giá, thì chính đồng hương của ông đã bỏ tiền túi ra mua lại và đem trả cho gia đình Mã Tuyên. Trong thời gian ông bị giam cầm thì chính đồng bào ông đã tự động góp kẻ ít người nhiều chu cấp cho vợ con ông. Đó cũng là số phận của mỗi con người. Giả thử rằng nếu anh em Tổng Thống Diệm không vào nhà Mã Tuyên ẩn náu một đêm

thì chắc chắn Mã Tuyên đã không bị tù đầy trong bốn năm trường từ Khám Chí Hòa đến Côn Đảo và Biên Hòa. Những người thuộc chế độ cũ cùng bị giam với Mã Tuyên đều ghi nhận, Mã Tuyên dù bị oan ức song không hề oán thán và vẫn một lòng từ tế như xưa.

Có thể nói, Mã Tuyên chỉ có một cái tội của kẻ gặp tai bay vạ gió. Giả thử Mã Tuyên can tâm phản bội biết đâu ông ta không trở thành anh hùng trong những anh hùng của Cách Mạng. Ông ta chỉ cần cho vợ con đi cấp báo với phe đảo chánh, tất nhiên anh em Ông Diệm sẽ không còn phương thế nào để chống đỡ và anh em ông tất đã bị phe đảo chánh bắt ngay vào đêm 1.11.1963. Song gia đình Mã Tuyên không đang tâm như vậy. Ngược lại đã đón tiếp Tổng Thống Diệm với tất cả lòng cung kính.

ĐÊM DÀI NHẤT

Mã Tuyên dành riêng một căn phòng trên lầu cho anh em Tổng Thống Diệm, và tự tay ông ta làm mọi việc cung phụng hai vị thượng khách. Mã Tuyên cho vợ con xuống ở hết nhà dưới, không một ai được lai vãng lên lầu và chính Mã Tuyên cũng chỉ đóng vai trò phục dịch. Từ lúc anh em Ông Diệm đến đây cho đến khi qua Nhà Thờ Cha Tam, Mã Tuyên đã thức trắng đêm để túc trực phục dịch.

Tuy nhiên ông ta không hề được biết gì hơn, nghe gì hơn ngoài mấy câu thăm hỏi của Tổng Thống Diệm và Ông Nhu. Vợ con Mã Tuyên cũng chỉ được một lần nhìn khuôn mặt vóc dáng của anh em Tổng Thống Diệm và cả nhà giữ yên lặng và cung kính đầy kinh ngạc.

Mặc dù súng nổ lớn trong khắp Đô Thành. Mã Tuyên cũng chỉ mơ hồ cảm thấy một điều gì có lẽ quan hệ lắm đang xảy ra.

Trong đêm 1 rạng ngày 2 văn phòng Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa đã đặt ngay tại nhà một thương gia Hoa Kiều đã bao nhiêu năm vui hưởng an lạc nhưng bỗng nhiên từ một tình cờ lịch sử lại trở thành một trung tâm của Đại Sứ. Song một ngày sau cả gia tài cơ nghiệp nhà Mã Tuyên bị xụp đổ tan tành.

Đêm ấy tự tay Mã Tuyên pha từng bình trà nóng thứ hảo hạng và tự tay

ông từ dưới nhà bưng lên lầu với Sĩ Quan Tùy Viên đem vào phòng cho hai anh em Tổng Thống Diệm. Đêm ấy gia đình Mã Tuyên hoàn toàn lặng lẽ trong không khí của sự trang nghiêm vì trước mắt họ và trong lòng họ, họ đang được sống trong khung cảnh thần thoại của một nước Trung Hoa cổ: Trong đó một anh dân giả bình thường đang sống yên vui với gia đình bỗng có một vị Hoàng Đế xa giá đến nhà, chủ nhà vừa ngơ ngác vừa run sợ hoang mang trước một tình cờ như phép mầu hay đúng hơn như một giấc mơ.

Có lẽ chưa một lần nào một anh dân giả như Mã Tuyên lại được gặp một cảnh ngỡ ngàng như thế trong từng giấc mơ của một định mệnh, thoáng qua một đêm và những ngày tới là đổ vỡ kinh hoàng mang theo ảo mộng.

GIÂY PHÚT CUỐI CÙNG

Ông Nhu đề nghị lần cuối với bào huynh: Ông sẽ cải tranh trốn lên Vùng 2 với Tướng Khánh còn Tổng Thống Diệm sẽ đi Vùng 4 hai người đi hai ngả cho tiện bề lo toan. Tổng Thống Diệm không bằng lòng. Theo Đỗ Thọ, Ông Nhu thấy Tổng Thống Diệm tỏ vẻ giận dỗi nên ông bỏ ra ngoài một lúc mới trở vào phòng và đành theo quyết định của ông anh. Mọi liên lạc đã đứt đoạn. Người nắm kế hoạch đưa hai ông đi là Trung Tá Phước thì ông Phước đã bị phe đảo chánh bắt giữ. Gần sáng, Tổng Thống Diệm và Ông Nhu bất thần thay quần áo. Hai ông đều bận complet và rời nhà Mã Tuyên lúc 5g15. Tự tay Đại Úy Thọ lái chiếc xe Land Rover đưa hai ông đến Nhà Thờ Cha Tam.

Hơn một giờ sau, Dinh Gia Long thất thủ. Trung Tá Phạm Ngọc Thảo dò hỏi biết hai ông vào Chợ Lớn và trú ẩn tại nhà Mã Tuyên, thế là ông Thảo tức tốc đem quân đi đón hai ông. Tất cả thành bại đối với nhóm ông Thảo là ở chỗ này: Bắt được Tổng Thống Diệm và Ông Nhu nói là bắt thì không đúng. Theo kế hoạch của nhóm Trung Tá Thảo thì phải làm thế nào *"nắm"* được Tổng Thống Diệm để làm điều kiện áp đảo một số phe nhóm khác và lật ngược thế cờ. Đó cũng là lý do dễ hiểu tại sao Tướng Khiêm biết được Tổng Thống Diệm đã rời Dinh Gia Long từ lúc 3 giờ sáng mà

vẫn không tiết lộ tin này cho Hội Đồng Tướng Lãnh biết. Có lẽ Tướng Khiêm muốn để Tổng Thống Diệm và Ông Nhu có đủ thời gian lo toan để thoát cơn hiểm nghèo.

Theo kế hoạch dự trù thì khi đảo chánh thành công phải *"nắm"* Tổng Thống Diệm và để Ông Nhu xuất ngoại. Lúc ấy Tổng Thống Diệm sẽ trở thành chánh nghĩa của nhóm phe ông Thảo và nhóm ông Thảo sẽ dựa vào uy thế của Tổng Thống Diệm để nắm quyền chủ động trong Hội Đồng Tướng Lãnh, nhờ vậy nhóm Đôn, Kim, Xuân, Minh sẽ không thao túng được. Theo Trung Úy Vọng, khi vào nhà Mã Tuyên không gặp được Tổng Thống Diệm cũng không biết tung tích 2 ông ở đâu, Trung Tá Thảo biến sắc rồi thẫn thờ nói với Vọng: "*Thôi nguy rồi Vọng ơi !"*

Phe của Trung Tá Thảo không có uy thế ở mặt nổi nhưng có quân. Phe các Tướng Đôn, Kim, Minh, Xuân không có quân nhưng có uy thế nhất lại được Đại Sứ Cabot Lodge hết lòng tán trợ. Theo kế hoạch của nhóm Trung Tá Thảo thì với tình trạng mâu thuẫn và xáo trộn trầm trọng kể từ tháng 5.1963 Miền Nam không thoát được một cuộc đảo chánh quân sự để lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm. Nhưng vấn đề quan trọng là phe nào, Tướng Tá nào cầm đầu cuộc đảo chánh ? Trung Tá Thảo vạch ra một kế hoạch *"đảo chánh hớt ngọn"*. Nghĩa là nắm vững các đường giây liên lạc với các đơn vị cấp Tiểu Đoàn và Trung Đoàn từ Nhảy Dù đến Thủy Quân Lục Chiến Sư Đoàn 5 và Sư Đoàn 7. Nếu phe nào âm mưu đảo chánh và có uy thế móc nối thì sáp vô nhưng sẽ ra tay hành động vào phút chót để nắm thế chủ động. Trung Tá Thảo chủ trương đảo chánh để hòa giải các mâu thuẫn quân bình chính trị và hòa giải các mầm mống chống đối chia rẽ nhưng vẫn duy trì chế độ, bảo vệ sự liên tục của chánh sách quốc gia và đồng thời tiếp tục phát triển và củng cố Ấp Chiến Lược. Nhóm Trung Tá Thảo chủ trương phải giữ Tổng Thống Diệm làm một cái thế tinh thần và tiêu biểu cho quyền lực quốc gia. Ông Nhu tạm lánh mặt ra ngoại quốc để giảm áp lực của Mỹ và đồng thời hòa giải với Phật Giáo cùng với nhóm chống đối...Với một chủ trương như vậy, sự hiện diện của Tổng Thống Diệm là

một điều tối cần cho nhóm ông Thảo nhưng Tổng Thống Diệm và Ông Nhu đã ra đi mất rồi.

Trong *Nhật Ký Đỗ Thọ*, người Tùy Viên trẻ tuổi trung tín ấy đã ghi lại buổi bình minh cuối cùng của anh em Tổng Thống Diệm như sau: "Trong Nhà Thờ đèn nến đã sáng trưng. Có lẽ buổi lễ đầu sắp sửa đến, Tổng Thống Diệm và Ông Nhu quỳ xuống ở hàng ghế đầu. Tôi đứng ở đằng sau lưng thường tình của một Sĩ Quan Tùy Viên trong các lễ Thiên Chúa Giáo mà Tổng Thống tham dự.

Tôi nghe được tiếng cầu kinh của Tổng Thống và ông Ngô Đình Nhu họp lại. Nếu tôi không lầm thì Tổng Thống và ông Ngô Đình Nhu khởi đầu kinh xưng tội. Như đã viết, tôi là Phật Tử nên không thông thạo về các kinh và lễ của Thiên Chúa Giáo.

Tổng Thống và ông Ngô Đình Nhu lễ sáng khoảng ngoài 15 phút có lẽ đây là buổi lễ sáng lâu nhất của Tổng Thống Ngô Đình Diệm đối với thường nhật ở Dinh Gia Long. Và đây cũng là buổi lễ bất ngờ với ông Ngô Đình Nhu trừ những ngày chủ nhật.

Khi Tổng Thống Diệm đứng dậy, Ông Nhu uể oải đứng dậy theo. Lúc bấy giờ ngoài đường đã có tiếng động của khu vực buôn bán này.

Người đi lễ Nhà Thờ đã đến, tôi thấy vài người đi vào sân, có lẽ nhiều hơn nữa nhưng vì cánh cửa khép hờ nên tôi không trông được bao quát.

Ông Nhu tiến vào sát ông Tổng Thống Diệm rồi nói: *"mình vào gặp Cha một xíu"*, không đợi Tổng Thống Diệm trả lời, ông Ngô Đình Nhu đã bước về phía bàn thờ lễ, Tổng Thống Diệm và tôi chậm rãi đi theo.

Khi vào gặp vị lãnh đạo tinh thần tôi đứng phía ngoài nên nghe được câu mất câu còn. Không biết Tổng Thống Diệm và ông Ngô Đình Nhu nói những gì. Tôi được nghe giọng nói của vị lãnh đạo tình thần, đại khái là khuyên Tổng Thống lưu lại ngôi Nhà Thờ này. An ninh bí mật hoàn toàn bảo đảm.

Cả ba người nói chuyện khá lâu và có lẽ buổi lễ sớm bắt đầu nên vị lãnh đạo tinh thần đi ra để chủ lễ. Tổng Thống Diệm và ông Ngô Đình Nhu đi

theo và cũng xem lễ thêm.

Trong Nhà Thờ đã có một số người dự lễ. Phần nhiều là những người già cả, người Hoa Kiều. Tôi đoán chắc rằng họ không để ý đến Tổng Thống Diệm và ông Ngô Đình Nhu. Vì họ không thể ngờ được Tổng Thống lánh nạn đến đây.

Nếu hôm đó tôi mặc quần áo nhà binh, thì người ta có thể ước đoán. Tuy nhiên tôi bắt gặp được bộ mặt của người đàn ông đang ngồi về phía góc trái của Nhà Thờ. Ông ta không già lắm. Người đàn ông này chăm chú nhìn về phía Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Có lẽ người này ngờ ngợ tự hỏi: "*Đó có phải là Tổng Thống Ngô Đình Diệm không ?*" và người đàn ông này tôi bắt gặp khi ông ta đang đứng nhìn Tổng Thống Diệm sửa soạn lên M-113.

Theo tôi nghĩ thì buổi lễ hôm nay có vẻ rút ngắn, vị lãnh đạo tinh thần trông có vẻ hấp tấp, lo lắng. Vì ông ta đang đứng trước cảnh biến động của Tổng Thống trốn chạy. Vả lại vị Tổng Thống đó còn là một người Thiên Chúa Giáo, một con chiên ngoan đạo.

Buổi lễ sáng chấm dứt bình thản. Tôi đã nghe tiếng thì thầm của một đám người đi lễ. Họ dừng lại ở cánh cửa chính nhìn Tổng Thống Diệm và Ông Nhu lẫn tôi đang đứng trước mặt Cha Xứ. Trong những người này có cả người đàn ông mà tôi đã nói trên.

Tôi viết như vậy để nói lên rằng một số con chiên ở Xứ Đạo Cha Tam đã nhận diện được Tổng Thống Diệm, một điều bất ngờ ngạc nhiên nhất.

Tổng Thống Diệm, Ông Nhu và tôi theo chân Cha Xứ vào bên trong. Tổng Thống nói với Cha Xứ là đến đây quá đường đột phiền Cha. Nhưng sẽ đi nữa, chứ không lưu lại làm liên lụy, khổ sở cho Nhà Thờ, Cha Xứ trả lời là Tổng Thống đừng nghĩ điều đó. Nhà Thờ là nước Chúa ai đến cũng được đâu phải riêng cho Tổng Thống. Tổng Thống và ông Cố Vấn yên tâm ở lại đây, ra đi lắm phần nguy hiểm.

Ông Nhu ngồi yên lặng thật lâu rồi nói, thưa Cha Tổng Thống nói vậy nhưng chúng con không đi đâu nữa. Dầu sao cũng liên lạc với các Tướng

lãnh để bàn việc ra đi của Tổng Thống cho đúng nghi lễ quốc gia.

Sau lời nói của Ông Nhu, tôi nghĩ ngay đến cuộc dàn xếp giữa Tổng Thống Diệm và Hội Đồng Tướng Lãnh sẽ xảy ra.

Nhưng hiện nay Tổng Thống Diệm ở trong thế yếu chắc rằng Tướng lãnh sẽ ép Tổng Thống nhiều điều kiện.

Sau vài tách trà ở Nhà Xứ. Bên ngoài trời sáng tỏ. Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu quyết định liên lạc với Hội Đồng Tướng Lãnh tại Tổng Tham Mưu. Tổng Thống Diệm ra lệnh cho tôi lấy điện thoại Nhà Xứ gọi về Tổng Tham Mưu và cố gắng gặp cho được Tướng Trần Thiện Khiêm.

Tôi cầm điện thoại gọi ngay về Bộ Tổng tham Mưu. Bên kia đầu giây xưng danh Đại Tá

Đỗ Mậu. Tôi nói ngay: "*Thọ đây thưa chú*". Đại Tá Đỗ Mậu hỏi: "*chú mày ở đâu đó, ông Cụ đi đâu rồi?"* Tôi đáp lại: "*Tổng Thống muốn nói chuyện với Tướng lãnh"*. Đại Tá Đỗ Mậu trả lời: "Các Tướng chưa ai đến , chỉ có Tướng Khiêm túc trực ở đây. Chú mày muốn nói gì thì nói"

Tôi đợi trong nháy mắt thì nghe tiếng của Tướng Trần Thiện Khiêm.

Tôi trình bày ngay là tôi được lệnh Tổng Thống liên lạc với Hội Đồng Tướng Lãnh và hiện Tổng Thống đang ở Nhà Thờ Cha Tam Chợ Lớn. Hội Đồng Tướng Lãnh cử đại diện đem xe đến rước Tổng Thống về Bộ Tổng Tham Mưu.

Tướng Trần Thiện Khiêm đáp: *"Được rồi, qua sẽ trình lên Trung Tướng Chủ Tịch. Nói với Tổng Thống yên tâm sẽ có Tướng lãnh xuống"*.

Tôi gác ống nói trình lại với Tổng Thống Ngô Đình Diệm là đã nói chuyện với Tướng Khiêm và ông ta sẽ cho đại diện xuống đây.

Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu cùng Cha Xứ yên lặng không còn ai muốn nói gì cả. Và giờ phút đợi chờ bắt đầu.

Từ giờ phút đó một âm thanh động cơ nào chuyển động bên ngoài cũng khuấy động tình thần tôi (trích nhật ký Đỗ Thọ trang 260-265 Hòa Bình xuất bản 1970).

Sau này Linh Mục Jean đã tiết lộ, Linh Mục tìm mọi cách thuyết phục anh em Tổng Thống Diệm không nên gặp các Tướng lãnh nhưng Tổng Thống Diệm nhất định từ chối.

Linh Mục Jean: Tổng Thống và ông Cố Vấn không nên e ngại, tôi sẽ làm tất cả khả năng của tôi. Tổng Thống và ông Cố Vấn ra đi lúc này vô cùng nguy hiểm.

Tổng Thống Diệm: Cảm ơn Cha, tôi thấy không có gì nguy hiểm cả. Cá nhân tôi, tôi dâng trọn cho ý Chúa và Mẹ Maria nhưng tôi vẫn cón là Nguyên Thủ Quốc Gia, tôi còn trách nhiệm với dân.

Linh Mục Jean: Xin Tổng Thống và ông Cố Vấn nghĩ lại. Chính tôi sẽ đưa Tổng Thống và ông Cố Vấn đến một nơi an toàn nhất.

Linh Mục Jean có đề nghị Tổng Tống Diệm và ông Cố Vấn Nhu nếu không muốn tỵ nạn trong Tu Viện hoặc trong Nhà Thờ thì Cha Jean sẽ tìm cách tốt nhất để đưa hai ông đến tỵ nạn tại Tòa Đại Sứ Pháp hoặc Đại Sứ Trung Hoa.

Tổng Thống Diệm từ chối lần cuối cùng. Xin cảm ơn Cha, tôi không có tội gì với quốc dân và quốc gia này, tôi không thấy có lý do gì phải lẩn tránh.

Trong khi đó, tại Bộ Tổng Tham Mưu, khi nhận được tin anh em Tổng Thống Diệm đang ở Nhà Thờ Cha Tam thì nhóm Tướng Đôn hết sức vui mừng nhưng cũng vô cùng lo ngại. Phải làm thế nào bây giờ ?

NHỔ CỎ NHỔ TẬN GỐC

Thiếu Tướng Đỗ Mậu cho biết là quyết định thanh toán anh em Tổng Thống Diệm không phải do toàn thể Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng và riêng Tướng Mậu cũng như Tướng Đôn, Tướng Khiêm chỉ tán đồng giải pháp đẹp nhất là đưa hai ông ra ngoại quốc. Riêng Tướng Đôn đã cho sửa soạn căn phòng cạnh văn phòng Tổng Tham Mưu Trưởng để hai ông tạm nghỉ. Tuy nhiên, ngay từ sáng 1.11, Hội Đồng này đã phân hóa và nghi ngờ lẫn nhau,vì không thể biết ai thực tâm với ai. Tuy nhiên, có bốn Tướng lãnh tạm đoàn kết với nhau hơn ai cả, đó là các Tướng Minh, Xuân, Kim,

Đôn. Tướng Đính còn bị *"chôn chân"* tại Trại Lê Văn Duyệt, để điều động các cuộc hành quân. Tuy nhiên không có sự hiện diện của Tướng Đính ở Bộ Tổng Tham Mưu quả là một điều rất hay cho cho phe đảo chánh, vì Tướng Đính vốn ăn nói bạt mạng, một thứ Wantard incorrigible (theo từ ngữ của chaffard express số 909). Chính điều này đã làm cho Tướng lãnh *"ngán"* ông Đính. Cho nên, Tướng Đính đã không được mời tham dự vào cuộc biểu quyết về số phận của anh em Tổng Thống Diệm. Nói là cuộc biểu quyết thì không đúng, đây chỉ là những ý kiến *"rỉ rả"* không một Tướng lãnh nào dám công khai đưa ra đề nghị.

Trước hết, Thiếu Tướng Lễ cho rằng đã "*nhổ cỏ thì nhổ tận gốc*". Ông còn kể cả dẫn chứng một số thí dụ trong truyện Tàu. Ý kiến trên được Tướng Xuân tán đồng.

Tướng Kim dè dặt mặc dầu ông là một Tướng lãnh bị chế độ Ngô Đình Diệm *"bỏ quên"* trong 9 năm. Các Tướng lãnh khác không công khai tỏ rõ thái độ. Tướng Dương Văn Minh vẫn im lặng một cách khó hiểu. Sau một hồi bàn rỉ rả và cuộc đối thoại của Tướng Lễ, Tướng Xuân, Tướng Dương Văn Minh..."*tiêu lệnh*" nhổ cỏ nhổ tận gốc đã được quyết định với đa số 7/9 (2/9 không tán thành là lá phiếu của 2 Tướng Đỗ Mậu và Tướng Trần Thiện Khiêm ? Và đây cũng chỉ là thứ phiếu "*tùy hứng*" mà thôi). Một quyết định hết sức mơ hồ cho nên chính người đồng ý giải pháp này cũng không hiểu sẽ được thi hành như thế nào ? Sẽ bắt Ông Nhu Ông Diệm rồi đem ra xử tòa hay đưa ra ngoại quốc ? Song không ai nói lên thắc mắc của mình cả. Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng vẫn bao trùm không khí nghi kỵ và đề phòng lẫn nhau. Vị Tướng lãnh kể trên cho biết rằng kể cả Tướng Minh với tư cách Chủ Tịch Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng, vẫn không dám đơn phương quyết định hoặc thi hành quyết định của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng mặc dù với tư thế của ông, ông hoàn toàn có quyền quyết định. Song, Tướng Minh đã không thực thi quyền hành tối thượng đó có thể nói việc gì ông cũng phải tham khảo ý kiến với Đại Sứ Mỹ. Nếu ông Lodge quyết tâm bảo vệ sinh mạng cho anh em Tổng Thống Diệm thì

sự việc đã khác. Thái độ của ông Lodge lúc đó rất lờ mờ với luận cứ "*không can thiệp đến nội bộ Việt Nam" (?)* Thái độ của ông Lodge trái hẳn với thái độ của Tướng Harkins. Ngay từ khi ông Lodge nhậm chức tại Việt Nam, mối bất hòa giữa Lodge, Harkins càng ngày càng rõ rệt. Harkins có cảm tình với Ông Nhu hơn là Tổng Thống Diệm, Tướng Harkins đã dùng uy tín của mình đối với Tướng Đôn để làm cách nào phe Tướng lãnh bảo vệ tính mạng cho anh em Tổng Thống Diệm.

Đại Sứ Lodge không tỏ thái độ rõ rệt. Tướng Minh thì im lặng một cách khó hiểu trong khi đó một số Tướng lãnh khác lại chủ trương "*thanh toán*" ngay anh em Ông Diệm và sẽ coi như một "*việc đã rồi*" đối với người Mỹ đồng thời đối với quốc dân sẽ tìm cách ngụy tạo dư luận. Mọi việc đâu cũng sẽ về đấy miễn sao anh em Ông Diệm phải "*vắng mặt*" vĩnh viễn. Mấy Tướng lãnh này đã quan niệm đơn giản như vậy. Kể từ sáng 2.11 phe đảo chánh coi như đã làm chủ tình hình tại Thủ Đô và trên toàn quốc. Sự phân hóa lại càng trở nên rõ rệt giữa nhiều phe nhóm: Phe mạnh với mặc cảm tự tôn cho rằng mình là thành phần chủ chốt, có công đối với cách mạng. Phe này gồm Tướng Đôn, Minh, Xuân, Kim, Đính. Phe *"yếu"* với mặc cảm chạy theo vào phút chót nên hoàn toàn thu động và chờ đợi ân huệ của cách mạng. Phe ôn hòa gồm Tướng Khiêm và Tướng Mậu.

Tất nhiên là phe mạnh đã hoàn toàn khuynh loát, nhiều quyết định mật của phe này mà phe kia không được biết.

Cho nên quyết định "*diệt thảo trù căn"* tuy có đặt thành vấn đề thảo luận chung, nhưng cũng chỉ là để thảo luận mà thôi. Quyết định tối hậu vẫn do nơi Tướng Dương Văn Minh. Người có nhiều ảnh hưởng Tướng Minh về chính trị và giao tế là Tướng Kim. Người được Tướng Minh tin cậy về mưu kế và phép thuật đối nội là Tướng Xuân. Nếu Tướng Đính hăng say thì sự hăng say đó cũng chỉ có tính cách trình diễn với ảo tưởng anh hùng lãng mạn nào đó. Nhưng sự hăng say của Tướng Xuân kể từ sáng 2.11 có tính cách đe dọa, vì ông muốn tỏ cho mọi người biết là ông quyết liệt và có thể ra tay làm được tất cả đồng thời ông muốn có dịp cho mọi người thấy

biện pháp cực mạnh ấy sẽ như một lời cảnh cáo quyết liệt nhất để hiểu rằng *"đừng có ai cựa quậy"* Có thể đó cũng là lý do khiến Tướng Xuân tự nguyện đến Nhà Thờ Cha Tam đón anh em Tổng Thống Diệm ?

"JE RESTE NEUTRE"

Cùng đi với ông Xuân, như trên đã viết, có Đại Tá Dương Ngọc Lắm, Đại Úy Nguyễn Văn Nhung (sĩ quan tổng quát và tùy viên của Tướng Dương Văn Minh từ năm 1955), Đại Úy Phan Hòa Hiệp, Thiếu Tá Dương Hiếu Nghĩa.

Xét về khía cạnh "*bất mãn*" đối với chế độ của Tổng Thống Diệm, thì Tướng Minh không có gì gọi là *"bất mãn"*...Nhưng sau cuộc đảo chánh hụt 11.11.1960, Tướng Minh không còn được chế độ này tín nhiệm như xưa. Có lẽ bắt nguồn từ thái độ của ông đối với cuộc đảo chánh đó khi ông tuyên bố với báo chí ngoại quốc "JE RESTE NEUTRE" (Tôi trung lập. Báo J.E.O ngày 13.11.1960). Cho dù vậy, hành động của Tướng Minh đối với anh em Tổng Thống Diệm quả là khó hiểu. Nhưng Tướng Xuân thì sự bất mãn có vẻ sâu xa hơn ai cả, kể từ khi ông mất chức Giám Đốc Nha An Ninh Quân Đội. Ông Xuân vẫn cho rằng mình có công với chế độ trong vụ đánh dẹp Bình Xuyên, và Chiến Dịch Bình Định tại Miền Đông Nam Phần. Tuy không xuất thân từ một Trường Võ Bị nào, ông Xuân chỉ là một công thức cao cấp trong Ngành Mật Thám Liên Bang (Suerté fédérale) sau được đồng hóa vào Ngành An Ninh Quân Đội với cấp bậc Đại Tá. Tuy nhiên khi mất chức Giám Đốc, ông vẫn được Tổng Thống Diệm cho giữ chức Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung cho đến ngày đảo chánh. Trong Ngành Cảnh Sát, Tướng Xuân vẫn còn một số cộng sự viên cũ, thuộc giới già phục vụ trong Ngành Mật Thám Liên Bang rất lâu năm. Còn một vài lý do "*tế nhị*" khác đã khiến Tướng Xuân hăng hái nhất trong việc tình nguyện đi đón anh em Tổng Thống Ngô Đình Diệm, mặc dầu trên nguyên tắc Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng không chính thức chỉ định Tướng Xuân đi đón anh em Tổng Thống Diệm, chỉ có Đại Úy Nhung được chỉ định đi theo với tư cách "*đặc phái viên*" của riêng Tướng Chủ Tịch Hội

Đồng Quân Nhân Cách Mạng.

Khi vào Nhà Thờ anh em Ông Diệm vẫn tỏ ra bình thản. Ông Nhu vẫn tiếp tục hút thuốc nhả khói.

TRƯỚC GIỜ LÂM CHUNG

Trong Nhà Thờ này, từ hàng ghế trên cùng, gần Cung Thánh, Tổng Thống Diệm và bào đệ của ông đã đọc kinh ăn năn tội trước Đấng Thượng Đế mà riêng Ông Diệm, đức tin nơi Thượng Đế đã như sắt thép. Tổng Thống Diệm và bào đệ đã xưng tội. Đối với đời sống tôn giáo như Thiên Chúa Giáo thì hai anh em Ông Diệm đã làm tròn phép đạo trước khi lìa trần.

Nhà Thờ Cha Tam vẫn lặng lẽ, tiêu sơ. Nếu không có những tình cờ lịch sử đã đưa anh em Tổng Thống Diệm đến đây thì ngôi Thánh Đường này cũng như trăm ngàn ngôi Thánh Đường khác ở vào những nơi yên tĩnh bao giờ cũng trầm lặng, thanh khí. Rồi bỗng có một loạt súng nổ từ phía ngoài (lời thuật của ông già Hoa Kiều). Cho đến lúc này, ông ta vẫn có mặt trong Thánh Đường, ở vào hàng ghế ngoài, phía bên trái, cuối cùng ông nghe tiếng xe tăng, tiếng người nói lao xao.

Chiếc xe tăng công kềnh (tức chiếc M-113) đã thực sự tiến vào Nhà Thờ, rú lên những âm thanh ghê rợn. Rồi hai ba chiếc khác tiếp theo (tức là những chiếc Jeep) và còn một vài chiếc khác đậu ở phía bên ngoài đường, họng súng chĩa vào phía trong như sẵn sàng nhả đạn.

Có thể nói, cho đến lúc này, anh em Tổng Thống Diệm vẫn bình thản đọc kinh, Ông Nhu quay ra nhìn và đứng lên trước Tổng Thống. Trái lại, Ông Diệm vẫn thản nhiên đọc cho hết kinh. Lúc bấy giờ từ ngoài một viên sĩ quan khác mở rộng cánh cửa chính, hai bên hông Nhà Thờ đều có sĩ quan đứng rải rác, tay cầm súng như sẵn sàng nhả đạn.

Đại Tá Lắm tiến vào phía Cung Thánh, và gặp anh em Tổng Thống Diệm đi ra. Ông giơ tay chào theo lối nhà binh, và nhường bước để anh em Tổng Thống Diệm đi ra trước. Khi đến thềm, anh em mới đứng lại quay sang trò chuyện với Đại Tá Lắm, Ông Nhu thản nhiên châm thuốc. "*Hình*

ảnh lúc ấy tôi khó có thể quên được trong đời tôi" (lời Cha Jean) Ông Nhu bước xuống thềm theo sau Tổng Thống. Lúc ấy Tùy Viên đi sát Tổng Thống Diệm, tay xách chiếc cặp da đen lớn. Sau thì chiếc cặp da này được trao cho một sĩ quan cấp Tá và ông này chuyển cho Tướng Xuân. Một lát sau Tổng Thống Diệm được nghe Đại Tá Lắm trình bày quyết định của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng lên Tổng Thống. Ông Diệm chỉ gật đầu rồi quay sang hỏi ý Ông Nhu. Ông Nhu đáp lại bằng mấy câu tiếng Pháp ngắn ngủi.

Ông Nhu tỏ vẻ bực tức, nóng giận phản đối cách thức đi đón Tổng Thống của phe đảo chánh. Ông Nhu nhấn mạnh rằng "*Tổng Thống là Tổng Thống của nhân dân chứ có phải là tù binh đâu tại sao các anh lại đưa xe bọc sắt đến đón Tổng Thống như thế này"*.

Trong giờ phút đó, Đại Tá Dương Ngọc Lắm vẫn giữ cử chỉ và ngôn ngữ cung kính đối với một vị Tổng Thống quyền uy đang thất thế. Ông Nhu lầm bầm tức giận. Mặt Tổng Thống Diệm đỏ gay. Tổng Thống Diệm bảo Đại Tá Lắm: "*Đại Tá đưa tôi và ông Cố Vấn về qua Dinh Gia Long rồi hãy lên Tổng Tham Mưu"*.

Ước vọng cuối cùng của Tổng Thống Diệm là trở lại Dinh Gia Long lần cuối. Lúc ấy 8g30. Dinh Gia Long tràn ngập dân chúng già trẻ trai gái đủ loại. Phòng khách danh dự của vị Nguyên Thủ Quốc Gia trở thành chốn vui chơi của từng đoàn thành niên nam nữ. Phòng ngủ của vị Tổng Thống trơ trọi một chiếc divan gỗ, bộ salon cũ nhưng lại trở thành nơi thu hút bao nhiêu khách hiếu kỳ. Những bức tranh vô giá, quà của quốc gia bạn tặng quốc gia Việt Nam phút chốc tiêu tan...những bảo vật quí giá nhất lưu giữ từ thời Quốc Trưởng Bảo Đại bỗng dưng một phút không cánh mà bay. Dinh Gia Long một phút trở thành chốn vô chủ bệ rạc, hoang tàn...Cũng từ phút đó, nơi tiêu biểu cho quốc gia này lại là văn phòng của Tướng Chủ Tịch Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng đặt tại Bộ Tổng Tham Mưu.

Ước vọng cuối cùng của Tổng Thống Diệm đã bị khước từ. Đại Tá Lắm nói với Tướng Mai Hữu Xuân, đại cương ông Cụ muốn cuộc hành trình

qua Dinh Gia Long, ông Cụ đang muốn tìm một tài liệu gì đó. Tướng Xuân cho biết, dân chúng đang đổ xô ra đường, Dinh Gia Long bị tràn ngập cho nên vì an ninh lộ trình nên không chiều theo ý Tổng Thống Diệm được.

Đại Tá Lắm thưa lại như vậy, Tổng Thống Diệm cúi đầu, mắt long lanh. Thiếu Tướng Xuân giục giã:

- Bây giờ xin mời Cụ và ông Cố Vấn lên xe cho.

Ông Cố Vấn Nhu cương quyết: "*Thiếu Tướng nên biết cho đến giờ này Tổng Thống vẫn còn là Tổng Thống và tôi là Cố Vấn của Tổng Thống, không có lý do gì các anh lại đi đón Tổng Thống bằng xe bọc sắt như vậy*".

Thiếu Tướng Xuân quay lưng bước đi không nói một câu hai sĩ quan nhảy lại đẩy Tổng Thống Diệm về phía chiếc xe M-113. Ông Cố Vấn Nhu trợn mắt cầm điếu thuốc hút dang dở ném thẳng vào mặt viên Đại Úy hung tợn này rồi ông nhảy lại xô viên Đại Úy khác, Ông Nhu nặng lời la mắng hai viên sĩ quan có cử chỉ vô lễ với Tổng Thống. Một viên Đại Úy rút khẩu rouleau chỉa thẳng về phía Ông Nhu. Tổng Thống Diệm mím môi quắc mắt. Viên sĩ quan vội cho súng vào bao rồi quay lưng đi.

Nhật Báo Công Luận do Tướng Tôn Thất Đính làm chủ nhiệm qua loạt bài "*Cái chết của Diệm Nhu*" số 875 ra ngày 18.11.1970 đã viết lại như sau: "*Tổng Thống Diệm quắc mắt nhìn thẳng vào mặt viên sĩ quan này. Bắt gặp nhãn tuyến dữ tợn của một vị Tổng Thống từng được 9 năm suy tôn, tự nhiên sĩ quan thấy mình thiếu mất một phần can đảm, tay súng buông thòng xuống, khẩu rouleau được đút lại vào bao da*

Một số chiến sĩ thiết giáp thấy Ông Diệm, Ông Nhu dằn co với hai viên sĩ quan vội nhảy ra khỏi xe và tiến lên bực thềm Nhà Thờ với những khẩu Carbine đã lên đạn mũi súng chĩa thẳng về hai Ông Diệm, Nhu.

Tùy Viên Đỗ Thọ toan nhảy tới trước đám quân thiết giáp này, ông muốn làm một hành động, nhưng rồi ông chùn bước. Đỗ Thọ biết rằng trong khung cảnh đằng đằng sát khí này, bất cứ một hành động chống đối nhỏ nhoi nào của ông cũng đều có thể mất mạng như chơi. Ông Diệm Ông Nhu uy quyền như vậy mà chịu bất lực thì ông làm sao mà chống chỏi

được.

Sau khi trả lại khẩu rouleau ngắn này vào bao da, viên sĩ quan toan bắn Ông Nhu nhìn Ông Diệm gằn giọng:

- Chúng tôi mời quí vị lên xe. Giờ này, nơi đây không còn ai là Tổng Thống ai là Cố Vấn nữa. Nếu quí vị từ chối, chúng tôi buộc lòng phải áp dụng biện pháp cứng rắn.

Nói xong viên sĩ quan này đẩy nhẹ Ông Diệm xuống sân Nhà Thờ. Ông Nhu bây giờ lại có vẻ quyết liệt, ông xô viên sĩ quan ra và quát:

- Không được vô lễ với Tổng Thống.

Biết tình thế không thể thay đổi được, Ông Diệm nắm lấy vai áo Ông Nhu:

- Thôi chú! Mình đi hè!

Ông chưa nói hết câu thì viên sĩ quan thứ hai đã đẩy mạnh Ông Nhu xuống trước. Tổng Thống Diệm bước theo, Tùy Viên Đỗ Thọ và Cha Xứ đi theo hai người.

Cửa chiếc xe Thiết vận xa M-113 được mở ra, bên trong nồi chảo, hành lý cá nhân của các chiến sĩ thiết giáp ngổn ngang. Khung cảnh chẳng có vẻ gì đã được thu dọn để đón môt vị Tổng Thống. Rõ ràng đây là một cuộc "áp giải" một cách đột ngột thiếu chuẩn bị.

Ông Diệm Ông Nhu chùn bước. Cả hai đều hiểu rằng với một sự đón rước cứng rắn như vậy, hy vọng hai ông được đưa ra ngoại quốc hết sức mong manh.

Đối với các Tướng lãnh, uy quyền của hai ông chắc cũng đã hết. Hiểu như vậy thì quá muộn. Trên mặt thềm của ngôi Nhà Thờ buồn tẻ này người ta thấy khuôn mặt của Tùy Viên Đỗ Thọ rất thảm thương. Có lẽ ông đã hình dung được số phận sẽ được dành cho hai Ông Diệm Nhu. Trong giờ phút nặng nề này, chỉ có Ông Diệm là còn giữ được sự bình tĩnh cần thiết, nên không một phản ứng nào mặc cho số phận đưa đẩy.

Còn Ông Nhu trông gương mặt hốc hác tiều tụy của một đêm thức trắng, đôi mắt ông long lên cơn giận như bốc lửa khi thấy đám đông dân

chúng đằng xa chỉ trỏ về phía mình như một con hổ sa cơ, ông muốn trút sự nóng giận cho bất cứ một người nào, nhưng cuối cùng ông dằn được".

BƯỚC CHÂN CUỐI CÙNG

Khi ấy chiếc M-113 đã nổ máy quay đầu ra phía cổng.

Thiếu Tá Nghĩa thì chạy lăng xăng. Đại Úy Nhung hai tay chống nạnh, mặt mày rất hung dữ, và thốt ra nhiều lời lỗ mãng, tục tằn. Một sĩ quan khác cũng có mặt tại đây, và Ông Nhu đã từng biết mặt. Viên sĩ quan này là Đại Úy Hiệp. Đại Úy Hiệp cũng như Nhung thốt ra những lời lỗ mãng nặng nề. Tổng Thống Diệm vẫn làm ngơ, song Ông Nhu quay lại quắc mắt mắng Hiệp: "*Không được ăn nói cư xử như vậy với Tổng Thống*".

Như cố ý lánh mặt, Tướng Xuân vẫn ngồi ngoài xe đậu phía bên kia đường. Thiếu Tá Nghĩa đã hộ tống anh em Tổng Thống Diệm đến tận chiếc M-113. Ông Nhu vẫn dằng co, *"các anh để Tổng Thống đi xe nào ? Sao lại đi xe này ? Sao lại thế này ?"* Một Đại Úy đã xô Ông Nhu vào phía cửa sau.

Ông Nhu lảo đảo rồi đứng khựng lại. Ông lớn tiếng nặng lời với mấy sĩ quan đứng cạnh ông và Tổng Thống Diệm. Theo ông già Khá Tổng Thống Diệm vẫn có vẻ từ tốn.

Trong nhật ký Đỗ Thọ có ghi lại như sau: "*Họ đẩy mạnh Ông Nhu xuống sân Nhà Thờ. Tổng Thống Ngô Đình Diệm, tôi và Cha Jean theo sau. Trong khi đó trục máy của chiếc M-113 buông thả cửa xe. Lính đảo chánh áp dụng cứng rắn đẩy Ông Nhu lên xe, Ông Nhu cự nự quay lại nửa người và đưa Tổng Thống Diệm lên trước. Tôi chạy đến đưa chiếc cặp da, chiếc ba toong cho Tổng Thống. Nhưng Đại Úy Nhung đã giật lấy những món này. Đồng thời họ không cho tôi được phép đến gần Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Tôi đứng lại nhìn, cửa sau chiếc M113 đóng lại. Tôi không thể ngờ đó là nơi an nghỉ của Tổng Thống Diệm trong quan tài bọc sắt. Tôi lên GMC về Tổng Tham Mưu"* (Nhật Ký Đỗ Thọ trang 267)

Trên lộ trình về Bộ Tổng Tham Mưu đột nhiên đến cổng xe lửa Đường Hồng Thập Tự thì đoàn công voa dừng lại. Báo Công Luận số ra 882 ngày

26.11.1970 đã ghi lại: "*Giờ phút kết liễu cuộc đời của hai Ông Nhu Diệm xảy ra lúc đoàn "công voa" về tới cổng xe lửa Đường Hông Thập Tự. Đoàn công voa vừa tiến đến đây thì gặp có một chiếc xe lửa chạy qua nên phải ngừng lại.*

Đại Tá Lắm ngồi với Thiếu Tướng Mai Hữu Xuân trong một chiếc xe jeep chạy giữa đoàn, thấy đoàn xe bất thần dừng lại, ông không biết chuyện gì nên đã thét vào máy truyền tin:

- Ai cho lịnh các anh ngừng lại ?

Tiếng Quân Nhân trên thiết giáp đi đầu trả lời:

- Thưa Đại Tá, kẹt xe lửa. Có một chuyến xe lửa sắp chạy qua, cổng rào đã đã kéo xuống.

Đại Tá Lắm "à" một tiếng, rồi tiếp tục nói chuyện với Thiếu Tướng Xuân. Chừng vài phút sau, giữa tiếng chuyển động ầm ầm của chuyến xe lửa chạy qua, ông nghe mơ hồ có nhiều tiếng súng nổ, nhưng hỏi phía trước không có một báo cáo nào cho ông biết có chuyện gì bất ngờ xảy ra.

Những tiếng súng khô khan chen lẫn tiếng động cơ ầm ỹ của chuyến xe lửa đi qua, đó là tiếng súng của Đại Úy Nhung. Trong không khí nặng nề của đoàn công voa rước Ông Diệm Ông Nhu từ Nhà Thờ Cha Tam về Bộ Tổng Tham Mưu, thừa cơ hội chiếc xe thiết vận xa, chở Ông Diệm Ông Nhu ngừng lại, Đại Úy Nhung đã bất thần từ chiếc xe jeep đi kèm nhảy qua chiếc thiết vận xa. Khẩu rouleau ngắn nòng được rút ra khỏi vỏ và ông đã nhả đạn, sau đó dùng dao kết liễu đời hai Ông Diệm, Nhu.

Hai nhân vật đầu não của chế độ nằm xuống. Vĩnh viễn nằm xuống, không một phản ứng nhỏ nhoi nào. Cái chết này rất ít người được biết rõ ràng và chứng kiến.

Chính Đại Tá Lắm, người chỉ huy trực tiếp đoàn "công voa" lúc bấy giờ cũng không hay biết. Sau này, Đại Tá Lắm đã có lần nói với chúng tôi là ông không thể ngờ một việc như vậy xảy ra.

Sau khi chuyến xe lửa đã đi qua, đoàn công voa tiếp tục cuộc hành trình. Đại Tá Lắm lúc đó vẫn tin tưởng mọi việc đều bình thường, là không

có một điều gì xảy ra. Cho đến khi đoàn xe về tới Bộ Tổng Tham Mưu. Chiếc thiết vận xa M-113 chở Tổng Thống Diệm và ông Cố Vấn Nhu đột nhiên tách rời khỏi đoàn và chạy qua sân vận động Quân Đội".

"C'EST COMME ÇA"

Đoàn xe dừng lại tại sân cờ, Đại Úy Nhung từ trên M-113 lẹ chân nhảy xuống trước. Lúc ấy Trung Tướng Chủ Tịch Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng đáng đứng trên bao lơn. Nhung chạy theo sau Thiếu Tướng Xuân tiến lên thềm tam cấp của Bộ Tổng Tham Mưu. Tướng Minh từ trên giơ cao hai tay, cử chỉ giống như Tướng De Gaulle giơ tay lên cao biểu lộ sự chiến thắng để chào mừng quốc dân. Khi Đại Úy Nhung cùng Tướng Xuân bước lên thềm Bộ Tổng Tham Mưu, một Tướng lãnh trông thấy tay áo của Nhung dính đầy máu. Ông hất hàm hỏi Tướng Xuân *"sao vậy"* thì Tướng Xuân khẽ nhún vai chỉ đáp gọn: "C'EST COMME CA" rồi ông và Nhung lên thẳng lầu để gặp Tướng Minh báo cáo các công tác mà họ vừa hoàn thành. Mấy Tướng thở dài, quay lưng đi thẳng lên lầu. Một vài Tướng khác và mấy Đại Tá kéo nhau xuống phía sân để coi tử thi. Khi đến nơi, mấy ông đứng khựng lại, rồi ở thế "*nghiêm*" giơ tay chào từ biệt anh em Tổng Thống Diệm. Thiếu Tướng Đỗ Mậu vùng vằng nói lớn "*các anh phải chịu trách nhiệm trước lịch sử"*. Tướng Dương Văn Minh lạnh lùng nhún vai không nói một câu. Tướng Khiêm sa sấm nét mặt, hiện rõ sự đau thương. Một Tướng lãnh khác vào phòng của Tổng Tham Mưu rủ Đại Tá Lu Conein ra coi xác chết của hai anh em *"Nhu-Diệm"*. Lu Conein lắc đầu: "*Tôi nói ra sao được người ta sẽ có lý do cho rằng người Mỹ có dính dáng vô*".

Xác của anh em Tổng Thống Diệm được khiêng xuống đặt trên đất của sân cờ. Hai anh em Ông Diệm nằm chỏng chơ như vậy. Miệng Ông Nhu há hốc, mắt nhắm, máu ở miệng trào ra hai bên mép và ở cổ, máu đã trở thành đen. Trời hôm ấy không nắng lắm và nhiều mây, từ lúc ấy sân Bộ Tổng Tham Mưu trở nên vắng lặng không một ai được lai vãng trừ một số Tướng Tá và một số người có phận sự. Người Hạ Sĩ Quan trên chiếc M-

113 trước khi lên xe rời khỏi sân cờ, ông ta đã rút chiếc khăn "*mouchoir*" trong túi, phủ lên mặt Tổng Thống Diệm. Hai thi thể nằm chơ vơ như thế đã khá lâu vì Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng chưa có một quyết định nào. Từ cổng Bộ Tổng Tham Mưu đã được lệnh canh chừng nghiêm mật nhất là đề phòng các ký giả ngoại quốc.

Tuy nhiên sau đó không đầy 1 giờ Ngoại Giao Đoàn cũng như báo chí ngoại quốc tại Sài Gòn đều đã nhận được đầy đủ tin tức về cái chết của hai anh em Ông Diệm. Ai giết ? Tại sao giết?

Theo ký giả Robert Shaplen (tác giả cuốn The Lost Revolution) thì có một luận cứ tin được đó là Nhung đã ra tay hạ sát theo lệnh của Tướng Dương Văn Minh. Song rõ rệt nhất là những viên đạn đó được chế tạo tại Hoa Kỳ. Nếu Đại Úy Nhung cầm súng nảy cò thì ông ta cũng là người thi hành lệnh Thượng cấp. Một Đại Úy như Nhung dù là Sĩ Quan Tùy Viên của Chủ Tịch Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng ông ta cũng chưa thể "*điên*" đến mức độ tự mình bắn anh em Tổng Thống Diệm. Điều này thật giản dị và rõ rệt. Và những viên đạn này chỉ là kết quả của một âm mưu đã được sửa soạn từ tháng 5.1963 và tiến hành vừa tinh tế, vừa có nghệ thuật, thứ nghệ thuật đảo chánh mà Đại Sứ Cabot Lodge rất am tường. Những viên đạn kết liễu đời anh em Ông Diệm và chế độ của ông không phải chỉ là những viên đạn đồng đơn giản mang dấu hiệu USA, những viên đạn đã được đúc rất công phu từ những trục John Kennedy-Cabot Lodge, Cabot Lodge-Hilsman, CIA Smith-Cabot Lodge và cuối cùng Cabot Lodge đại diện cho những trục này để giao tiếp với một số trục bản xứ có thể mô tả: Cabot Lodge-Tướng Khiêm qua trung gian Harkins và Tướng Đôn-Harkins và Tướng Kim, Xuân, Minh-Cabot Lodge qua trung gian Smith...Cuộc đảo chánh được châm ngòi phải kể đến cái ngòi thứ nhất Đôn-Harkins. Vì Tướng Đôn với tư cách Tổng Tham Mưu Trưởng nên ông có dịp giao tiếp hàng ngày với các Tướng Tá Mỹ. Một số Tướng Tá này trở thành trung gian giữa Cabot Lodge-Đôn và một số Tướng lãnh khác.

Đại Sứ Cabot Lodge và những người Hoa Kỳ có hay biết gì trước giải

pháp "*nhổ cỏ tận gốc*" không ?

Sự thực, từ khi tiếng súng đảo chánh bùng nổ, Đại Sứ Lodge đã túc trực tại văn phòng của ông, và theo dõi thường xuyên tin tức *"cách mạng*".

Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ và các cơ sở liên hệ như USAID sẽ mở rộng cửa để đón tiếp các phần tử thuộc phe đảo chánh khi sự mưu đồ bất thành.

CHƯA PHẢI LÀ HẾT

Khi xác của hai anh em Tổng Thống Diệm nằm chơ vơ dưới sân thì các Tướng trong Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng bắt đầu ngồi vào thảo luận. Theo Tướng Đỗ Mậu, không khí lúc ban đầu thật nặng nề, khó thở, nhiều ông Tướng chỉ cúi đầu không nói một lời. Tướng Mậu mô tả: "*Tôi theo Tổng Thống Diệm từ năm 18 tuổi bao nhiêu tình cảm sâu xa giữa tình thày trò... Thấy xác hai ông tôi không còn khóc được, đau quá, đau đến cùng độ"*.

Vấn đề cấp thiết lúc ấy làm thế nào biện minh về cái chết của hai anh em Tổng Thống Diệm đối với Ngoại Giao Đoàn, dư luận, quốc tế và quốc nội. Có lẽ Tướng Dương Văn Minh cho đến lúc đó mới nghĩ đến những hậu quả mà ông không lường trước. Riêng Tướng Kim là người hiểu rõ uy tín của anh em Ông Diệm trong giới Ngoại Giao Đoàn nhất là Tòa Khâm Sứ và Đại Sứ Anh dù cách nào Đại Sứ Lodge cũng phải kiêng nể.

Tướng Khiêm cũng như Tướng Kim là người đã lượng tính trước về uy tín ảnh hưởng của Tổng Thống Diệm trong số 2 triệu tín đồ Thiên Chúa Giáo. Từ những lượng tính về hậu quả qua nhiều phía do cái chết này sẽ tạo ra và có thể lật ngược thế cờ hay nếu không thì Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng cũng sẽ gặp nhiều khó khăn lớn lao. Do đó Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng hội họp trong một không khí giao động, bế tắc, đến lúc này mấy Tướng *"chủ động*" trong việc "*thanh toán nhanh, thanh toán lẹ*" mới ngỡ ngàng không thể hiểu nổi giết một vị Tổng Thống lại gặp nhiều lôi thôi, rắc rối đến như thế. Mặt khác Tướng Đính đã làm cho mấy ông trong Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng càng thêm bối rối giao động vì Tướng Đính *"la hét chửi thề*" tùm lum. Bây giờ biết làm thế nào ? Đường

giây điện thoại giữa Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng và Đại Sứ Lodge lại hoạt động liên miên.

Trong khi đó xác anh em Tổng Thống Diệm được rời về Bộ Chỉ Huy Thiết Giáp trong vòng Thành Bộ Tổng Tham Mưu. Trên xe có một viên Y Sĩ Đại Úy thuộc Bịnh Xá Bộ Tổng Tham Mưu. Xác không phải chỉ có vết đạn trên đầu mà còn nhiều vết đâm trên ngực. Có lẽ vì chiếc xe Hồng Thập Tự đi lắc lư mạnh nên tôi (lời Hạ Sĩ Cam) thấy đầu của Tổng Thống Diệm nằm trên "*brancard*" cứ lắc lư trông dễ sợ máu đỏ tươi chảy phọt ra hai bên mép mặc dầu ông đã chết lạnh khô. Máu ở trên tóc dính bệt đổi màu và se thâm lại.

Cùng lúc đó Tướng Đính đưa ra hai điều kiện một là phải chôn cất đàng hoàng hai là phải làm thông cáo như thế nào để trấn an dư luận. Ông Đính nói: "*Chết cha tôi rồi...rồi đây phải ăn nói sao đây*".

Ngay sau khi được tin anh em Tổng Thống Diệm bị thảm sát, Tòa Đại Sứ Pháp có thông cáo ngay cho Khâm Sứ Tòa Thánh tại Sài Gòn (vị Khâm Sứ lúc ấy là Niên Trưởng Ngoại Giao Đoàn). Một viên chức cao cấp của Tòa Khâm Sứ đã điện thoại hỏi Đại Sứ Cabot Lodge. Không gặp ông. Viên Tham Vụ trả lời rằng Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng cho biết anh em Tổng Thống Diệm đã tự sát. Viên chức Tòa Khâm Sứ phủ nhận ngay nguồn tin ấy vì đối với người Công Giáo đầu không được phép tự sát. Vì đó là trọng tội đối với Thượng Đế và sẽ mất hết mọi ân phước. Một người Công Giáo như Ông Diệm thì chuyện này không thể xảy ra.

Một lát sau, viên Tham Vụ này gọi điện thoại cho Tòa Khâm Sứ báo tin rằng ông Đại Sứ Lodge cho anh biết anh em Tổng Thống Diệm đã chết như trường hợp ngộ nạn. Một Đại Úy vô kỷ luật đã bắn anh em ông. Sau đó Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng ra thông cáo rằng anh em Tổng Thống Diệm đã tự sát.

Sau đây chúng tôi ghi lại bản phúc trình của giới hữu trách Quân Đội mang tên *"Sơ lược tài liệu về hai ông Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu sau khi chết ngày 1.11.1963 lúc 11 giờ 15 đến ngày an táng 8.11.1963 lúc*

21 giờ" Nguyên văn:

SƠ LƯỢC TÀI LIÊU VỀ HAI ÔNG NGÔ ĐÌNH DIÊM VÀ NGÔ ĐÌNH NHU SAU KHI CHẾT NGÀY 2.11.1962 LÚC 11 GIỜ 15 ĐẾN NGÀY AN TÁNG 8.11.1963 LÚC 21 GIỜ 00.

I.- Ngày 2.11.1963 vào lúc 11g15, *đoàn xe hộ tống đưa hai xác của ông NGÔ ĐÌNH DIÊM và ông NGÔ ĐÌNH NHU nằm trên hai chiếc barancard để trong chiếc xe M-113 vào Bộ Tổng Tham Mưu đặt tại sân Bộ Chỉ Huy Thiết Giáp Binh Trại Trần Hưng Đạo từ 11g 15 đến 17g 00. Y Sĩ Trưởng Bệnh Xá Tổng Hành Dinh Tổng Tham Mưu đến khám nghiệm tử thi của hai ông DIỆM và NHU, và thành lập hồ sơ khai tử do Phòng Tổng Quản Trị Tổng Tham Mưu phụ trách.*

Trong khoảng thời gian nói trên chờ ông bà Trần Trung Dung, cựu Bộ Trưởng Phụ Tá Quốc Phòng, cư ngụ tại số 123 Đường Đoàn Thị Điểm Sài Gòn, xin xác hai ông DIỆM và NHU đưa về tư thất.

Lúc 17 giờ 30 ngày 2.11.1963 do Thiếu Tá Đại Đội Trưởng Đại Đội Tổng Hành Dinh Tổng Tham Mưu, Đại Úy Đại Đội Phó và Đại Úy Y Sĩ Trưởng Bệnh Xá Tổng Hành Dinh Tổng Tham Mưu đảm nhận việc di chuyển hai xác của Ông Diệm và Nhu ra Bệnh Viện Saint Paul bằng một chiếc xe Hồng Thập Tự (Ambulance) với hai quan tài do Thiếu Tá Đại Đội Trưởng Đại Đội Tổng Hành Dinh Tổng Tham Mưu mua của hãng TOBIA, giao lại cho ông bà TRẦN TRUNG DUNG nhờ hãng bán hòm TOBIA lo việc liệm và an táng.

Khi tẩn liệm xong, hai quan tài để tại một phòng riêng trong nhà xác Bệnh Viện Saint Paul thì Trung Tướng Tổng Trấn Đô Thành Sài Gòn và Ủy Viên Quân Vụ Thị Trấn Sài Gòn theo sự yêu cầu ông bà TRẦN TRUNG DUNG, sắp đặt tổ chức việc an táng hai ông DIỆM và NHU tại nghĩa trang của người Pháp ở Đường Mạc Đỉnh Chi Sài Gòn, vào ngày 3.1.1963 khoảng 12 giờ 00 trưa, chôn tại lô đất số 3 nơi đây đã đào sẵn hai huyệt đã xây kim tĩnh.

Trong khi ông bà TRẦN TRUNG DUNG nhờ Tổng Trấn tổ chức việc

mai táng thì học sinh và dân chúng Đô Thành cũng tổ chức Ban Chỉ Đạo để đến nhà xác Bệnh Viện Saint Paul hoặc đến đất Thánh ở Đường Mạc Đỉnh Chi cướp hai quan tài của ông DIỆM và NHU để tế các vị Sư đã tử vì Đạo cho thỏa dạ của dân chúng và học sinh.

II.- Vào khoảng 20 giờ 00 ngày 2.11.1963, *theo sự nhu cầu của Ông Bà TRẦN TRUNG DUNG nhờ Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng cứu nguy và cho gửi hai quan tài của hai ông DIỆM và NHU trong một Bệnh Viện của Quân Đội để tránh sự cướp phá nói trên.*

Lúc 21 giờ 00 ngày 2.11.1963, do lệnh Trung Tướng Quyền Tổng Tham Mưu Trưởng bảo liên lạc với ông bà Trần Trung Dung lo việc di chuyển hai quan tài về để một nơi trong Bộ Tổng Tham Mưu đông thời Trung Tướng Tổng Trấn Sài Gòn cho lệnh hủy bỏ việc an táng hai ông DIỆM và NHU tại nghĩa trang ở Đường Mạc Đỉnh Chi Sài Gòn, mặc dầu hai huyệt đã đào và xây kim tĩnh rồi.

Lợi dụng trong giờ giới nghiệm đúng 1 giờ 30 ngày 3.11.1963, Ông Bà TRẦN TRUNG DUNG viết thư cho bà Soeu Supéieure Giám Đốc Bệnh Viện Saint Paul nhận lãnh hai quan tài giao lại cho Quân Đội chở về Bộ Tổng Tham Mưu để tại Phòng Hội Đại Đội Tổng Hành Dinh Tổng Tham Mưu, đúng 2 giờ 00 ngày 3.11.1963. Trong thời gian hai quan tài của hai ông DIỆM và NHU để tại Bộ Tổng Tham Mưu, việc canh gác đươc tổ chức cẩn mật.

Đến ngày 6.11.1963 thì bỗng nhiên quan tài của Ông Nhu bị xì hơi bay mùi khó chịu.

Ngày 7.11.1963, vì nhận thấy tình trạng học sinh và dân chúng Đô Thành vẫn còn phẫn nộ không thể an táng hai ông DIỆM và NHU tại Sài Gòn hay đưa về Huế được, phần thì một quan tài đã xì hơi hôi thúi, nên Ông bà TRẦN TRUNG DUNG gửi thư yêu cầu Trung Tướng, Quyền Tổng Tham Mưu Trưởng cho mượn một khu đất trong Trại Trần Hưng Đạo Bộ Tổng Tham Mưu để tạm án táng hai quan tài của hai ông DIỆM và NHU trong một thời gian rồi sẽ đem cải táng sau (bản sao bức thư đính kèm).

Tiếp theo thư yêu cầu của ông bà Trần Trung Dung đề ngày 7.11.1963, Trung Tướng Quyền Tổng Tham Mưu Trưởng chỉ định khoảng đất và Ủy Ban Kiểm Soát để tạm an táng hai quan tài của ông DIỆM và NHU tại Bộ Tổng Tham Mưu, do Sự Vụ Văn Thư số 835/TTM/VP ngày 7.11.1963.

III.- Ngày 8.11.1963 đúng 20 giờ 00, *hai quan tài của ông DIỆM và NHU do Quân Nhân thuộc Đại Đội Mai Táng của Quân Vụ Thị Trấn Sài Gòn dưới sự chỉ huy của Đại Úy Đỗ Văn Giương, Đại Đội Trưởng Đại Đội Mai Táng, được di chuyển bằng hai chiếc GMC, từ Phòng Hội Đại Đội Tổng Hành Dinh Tham Mưu đến đặt trên hai huyệt đã xây kim tĩnh sẵn tại Khu Lăng Võ Tánh, sau Chùa Hưng Quốc Tự, phía Đông Bắc.*

Khi đó có sự hiện diện của ông bà Trần Trung Dung và Linh Mục Claude Larre, Đại Diện Tòa Khâm Mạng Sài Gòn do ông bà Trần Trung Dung mời đến hành lễ từ 20 gời 00 đến 20 giờ 50 ngày 8.11.1963. Đúng 21 giờ 00, sau khi Linh Mục làm lễ xong, hai quan tài được hạ xuống hai huyệt đã xây kim tĩnh sẵn, với sự hiện diện của:

- Ông Bà TRẦN TRUNG DUNG

- Linh Mục CLAUDE LARRE

- Ủy Ban Kiểm Soát

- Tất cả chi tiết đều có chụp ảnh (trừ lúc chết)

IV.- **Huyệt**

- Huyệt xây kim tĩnh gạch 1o, tô ciment, sâu 1thước 30, ngang 1th20, dài 2th50. Hai huyệt nằm song song, cách nhau về bề ngang 1 thước.

- Khi hai quan tài hạ xuống hai huyệt xây kim tĩnh, đổ đầy cát, trên miệng đậy 2 tấm danh gắn ciment kín.

Mộ

- Mộ nằm về phía Đông-Bắc Lăng Võ Tánh mé bên phải mộ ông Lê Văn Phong, bào đệ Tả Quân Lê Văn Duyệt. Đầu hướng về phía Tây sau Chùa Hưng Quốc Tự. Chân đưa về phía Đông, Khu Nhà Thờ Phát Diệm.

- Hai nấm một tô đá rửa, trong lòng mộ dưới đổ cát, trên để một lớp sỏi trắng. Nền mộ cao 0 thước 40 dưới đổ đá, trên tráng cinment, chung

quanh nền xây cao 1th80. Bốn góc có 4 trụ. Trước mộ có sân tráng ciment 1th50, có cửa và bậc thang vào mộ. Chu vi dài 7 thước, ngang 6 thước.

- Vòng quanh khu đất mộ nói trên có rào kẽm gai và trụ ciment, 1 cửa vào, và có đặt thường trực một vọng gác trần.

CHƯƠNG XI
Bảy Năm Sau Cuộc Phong Trần

Ngày 2.11.1965, ngày giỗ đoạn tang Tổng Thống Diệm và ông Cố Vấn Nhu. Chiến cuộc đã bắt đầu gia tăng. Chỉ một tuần lễ cuối tháng 10.1965 số Quân Nhân thương vong lên đến 1.600 người, tính trung bình mỗi ngày có 200 Quân Nhân hy sinh vì chiến cuộc.

Quốc Lộ Số I từ Long Khánh qua Phan Rang, Khánh Hòa, Phú Yên cho tới Quảng Trị hoàn toàn bị cắt đứt. Hàng không trở thành phương tiện duy nhất nối liền Sài Gòn với các Tỉnh Miền Trung và Cao Nguyên Trung Phần.

Công trình Ấp Chiến Lược bị phá hủy toàn bộ kể từ đầu năm 1964. Các địa điểm dinh điền trở thành hoang phế.

Số Cố Vấn Quân Sự Mỹ trước năm 1963 là 14.000 người và chỉ ở cấp Sư Đoàn thì cuối năm 1965, đã tăng gấp 2 lần hơn và có mặt khắp đơn vị Quân Binh Chủng từ cấp Tiểu Đoàn đến Chi Khu.

Đầu năm 1965, Tòa Đại Sứ Mỹ rất thỏa mãn vì đạt được ước vọng mà trước đó 2 năm Tòa Đại Sứ này đã tìm mọi cách thuyết phục Tổng Thống Diệm chấp thuận nhưng Ông Diệm quyết tâm từ chối.

Đó là việc Tòa Đại Sứ Mỹ thiết lập tại mỗi Vùng Chiến Thuật một cơ cấu mệnh danh Cơ Quan Dân Sự Vụ do một Giám Đốc người Mỹ chỉ huy. Kể từ đây viên Giám Đốc này được coi là Cố Vấn Dân Sự Mỹ tối cao tại Đại Biểu Chính Phủ Tòa Hành Chánh Tỉnh đều có Cố Vấn dân sự Mỹ đảm trách Cố Vấn về hành chánh, an ninh, xây dựng nông thôn, viện trợ kinh tế Mỹ và kể cả giáo dục học chánh.

Tại Trung Ương, các Bộ đều thiết lập một cơ quan dành riêng cho viên chức Cố Vấn Mỹ kể cả ngành văn hóa giáo dục đến xã hội y tế.

Trước năm 1963, Tòa Đại Sứ Mỹ chỉ có một phòng Trung Ương Tình Báo nhưng nay Tòa Đại Sứ Mỹ lại thiết lập thêm cơ sở mệnh danh Cơ Quan An Ninh Dân Sự do một Giám Đốc đứng đầu. Ngoài tổ chức CIA lại còn có tổ chức CID đặt cơ sở vào hoạt động trên toàn cõi Việt Nam. Hình ảnh người lính MP Mỹ xuất hiện như một thứ uy quyền mới. Hải Cảng Cam Rang trở thành căn cứ tiếp vận vĩ đại của Mỹ mang tên "*Camranh city*" Long Bình, Biên Hòa, An Khê, Qui Nhơn đều là căn cứ lớn lao bậc nhất của Lục Quân Mỹ tại Đông Nam Á.

Số Cố Vấn Mỹ được tăng thêm 5000 người vào tháng 6.1964 (cộng với 14.000 người trước năm 1963). Nhưng sau vụ tàu Maddox (2.8.1964) số Cố Vấn được gia tăng rất mau. Đầu tháng 8.1964 phản lực cơ F102 của Không Lực Mỹ lần đầu tiên được gửi qua Việt Nam tham chiến.

Chiến tranh mở rộng. Quân lực Mỹ ào ạt đổ bộ lên Việt Nam. Quân số lên tới 526.000 gồm Thủy, Lục, Không Quân. Tiếp theo là Quân Đội Đại Hàn, Tân Tây Lan, Úc Đại Lợi rồi Phi Luật Tân và Thái Lan sau này cũng ào ạt tiến vào Nam Việt Nam.

Ba tháng sau khi anh em Tổng Thống Diệm qua đời, Tướng Nguyễn Khánh lại làm đảo chánh và mệnh danh là "*chỉnh lý*" vào ngày 30.1.1964 và Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng ra quyết định chấm dứt nhiệm vụ của Ban Chấp Hành Hội Đồng thành lập ngày 1.11.1963. Tướng Nguyễn Khánh ra thông cáo giải thích lý do của cuộc chỉnh lý là vì "*Từ 3 tháng nay, tình hình suy xụp về mọi mặt, chính quyền tỏ ra bất lực và phản cách mạng, một số người chạy theo thực dân và cộng sản do đó một lần nữa Quân Đội phải đứng lên can thiệp*" Các Tướng Kim, Xuân, Đôn, Đính bị giam giữ. Thủ Tướng Nguyễn Ngọc Thơ bị bắt đem vào Bộ Tổng Tham Mưu và do chỉ thị của Thiếu Tướng Dương Văn Đức, Đại Úy Chi Khu rút giây lưng ra trói tay ông lại và dẫn đi ở sân cờ Bộ Tổng Tham Mưu. Thật là *"bức tranh vân cẩu vẽ người lao đao"*. Sau đó, ông Thơ được phóng thích và xin từ chức cùng với toàn thể Nội Các của ông.

Ngày 17.2.1964, Sĩ quan Báo Chí Bộ Quốc Phòng chính thức tiết lộ:

"*Thiếu Tá Nguyễn Văn Nhung Sĩ Quan Tổng Quát và Tùy Viên của Trung Tướng Dương Văn Minh bị bắt giữ hồi đêm 30.1 và giam tại Lữ Đoàn Nhảy Dù trại Hoàng Hoa Thám. Ông Nhung tự vận bằng giây giầy*" Ông Nhung chết năm 39 tuổi. Ông được vinh thăng Thiếu Tá sau ngày đảo chánh 1.11.1963 và cho đến nay vẫn được coi là "*tác giả*" bắn vào đầu và đâm vào lưng anh em Tổng Thống Diệm. Theo tài liệu đặc biệt của báo Dân Ý, từ số 140 ngày 1.10.1970 đến số 160 thì Thiếu Tá Nhung vốn là người ngang ngạnh hung dữ. Dân vùng Phú Hưng Chánh Hưng mệnh danh Ông Nhung là "cọp đen". Ông Nhung vốn là sĩ quan thân tín của Tướng Dương Văn Minh và rất được Tướng Minh yêu thương (Thiếu Tá Nhung có máu nghệ sĩ, hay đánh lộn và say mê tuồng cải lương cùng "*món*" lục huyền cầm và sáu câu vọng cổ) Theo tài liệu đã dẫn thì Thiếu Tá Nhung bị đá bể lá lách sau khi ông đã khai hết tất cả những bí mật trong vụ thành toán anh em Tổng Thống Diệm. Lời khai của ông được thâu băng và trao cho Tướng Khánh.

Kể từ biến cố 1.11.1963 cho đến khi thành lập Đệ Nhị Cộng Hòa ngày 1.11.1967, trong vòng 4 năm. Miền Nam đã trải qua 4 chính phủ: Chính phủ Nguyễn Khánh (Quân Nhân), Chính Phủ Trần Văn Hương (độc lập), chính phủ Phan Huy Quát (Đại Việt), chính phủ Nguyễn Cao Kỳ (Quân Nhân).

Ngày 2.1.1969, hàng ngàn người đến viếng mộ phần của anh em Tổng Thống Diệm tại Nghĩa Trang Mạc Đỉnh Chi. Phu nhân Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu cũng đến đây thắp hương trên mộ phần Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Ngày 2.1.1970 nghĩa là 7 năm sau, theo lời tường thuật của các báo Độc Lập, Chính Luận, Tia Sáng, Đuốc Nhà Nam và hầu hết các báo Sài Gòn (ra ngày 3) thì: "*Lần đầu tiên sau 7 năm bài ca suy tôn Ngô Tổng Thống đã trỗi lên trong buổi hành lễ tại Nhà Thờ chánh Hố Nai chiều 1.1*" với trên 5000 người tham dự. Tại Sài Gòn, 9 giờ sáng ngày 2.2, một buổi lễ cầu hồn trọng thể đã được tổ chức tại Vương Cung Thánh Đường do Đức Tổng Giám Mục Sài Gòn chủ lễ với sự tham dự của nhiều

Nghị Sĩ Dân Biểu và đặc biệt gồm có sự hiện diện của Dược Sĩ Ngô Khắc Tỉnh, đương kim Tổng Trưởng Thông Tin cùng trên 5000 giáo dân. Sau đó, trên 5000 người đã hàng ngũ chỉnh tề trên xe lam 3 bánh, hay xe hơi, xe đạp đi bộ đã kéo nhau đến Nghĩa Trang Mạc Đỉnh Chi để dự lễ làm phép cho anh em Tổng Thống Diệm. Ngay từ sáng sớm, các vỉa hè trước nghĩa trang trở thành chợ hoa.

Chiều ngày 2, một buổi lễ cầu siêu cũng đã được tổ chức tại Chùa Phổ Quang trong Nghĩa Trang Bắc Việt nơi có mộ phần ông Ngô Đình Cẩn (một phần mộ duy nhất có cây thánh giá biểu tượng cho một tín đồ Thiên Chúa Giáo an nghỉ nơi đây). Dịp này, ảnh của ba anh em Tổng Thống Diệm đã được đặt trên bàn vong với hương khói nghi ngút cùng với âm thanh trầm buồn của những hồi chuông, tiếng mõ của lời tụng niệm.

Tối ngày 31.10.1970, Tướng Trần Văn Đôn mở cuộc tiếp tân tại tư thất để tưởng nhớ ngày cách mạng 1.11.1963. Cũng trên Nhật Báo Công Luận số đặc biệt cách mạng (số ngày 1.11.1970) cựu Trung Tướng Trần Văn Đôn linh hồn của biến cố 63 đã lên tiếng qua bài "*Những cơ hội đã mất*".

"*Ngày 1.11.1963: Một cuộc đảo chánh đã thành công, chấm dứt nền Đệ Nhất Cộng Hòa. Khí thế Cách Mạng dâng lên thành một cao trào. Người người mong muốn một cuộc cách mạng thực sự sẽ đem lại một trật tự xã hội mới trong một nền dân chủ chân chính.*

Ngày 1.11.1963 vì thế được gọi là ngày cách mạng mở đầu cho một vận hội mới của dân tộc. Những người của ngày 1.11.1963 đã thành công trong đảo chính, nhưng đã thất bại trong việc cầm quyền. Bị đặt trước những nhiệm vụ mới và lớn lao, lại không có kinh nghiệm cầm quyền, họ bị tình thế xô đẩy và tràn ngập trong các vấn đề phải giải quyết".

Ngày 1.11.1963 rút lại chỉ còn là một ngày đảo chính mở ra một giai đoạn lịch sử đầy hỗn loạn với bao nhiêu là bấp bênh: Hết chỉnh lý lại đến đảo chánh, quyền hành chuyển từ tay nọ qua tay kia và xã hội càng ngày càng thiếu ổn định.

Trong khi đó thì cộng sản không ngừng phát triển chiến tranh..."

Trên Nhật Báo Hòa Bình, mục "*VINH NHỤC ngày 1.11.1963*" (số ra ngày 7.12.1970) cựu Thiếu Tướng Lâm Văn Phát cũng đã bày tỏ cảm nghĩ của ông như sau: "*Vì nền Đệ Nhất Cộng Hòa lâm thế kẹt, nên cần một biến cố để mở lối thoát. Vì thế nên tôi mới tham dự biến cố 1.11 vào phút chót, cuộc đảo chánh đã thành công, nhưng việc giết Tổng Thống Diệm làm tôi thất vọng trước tiên.*

Sau biến cố, đáng lẽ các Tướng lãnh đạo nên trao quyền cho dân sự, thì lại vẫn cầm quyền và vì không quen nên thế cách mạng lúc đâu sôi sục trong lòng dân chúng đã xẹp đần. Chẳng những không có kế hoạch trao quyền lại cho dân sự, các Tướng còn định nắm thêm quyền bằng cách định để Tướng Lê Văn Kim làm Thủ Tướng vì thế tôi tham gia cuộc chỉnh lý 31.1.1964.

Nhưng rồi Nguyễn Khánh lại quá nhiều tham vọng nên làm hỏng việc, khiến cho đất nước bị xáo trộn liên tiếp. Đó là về chính trị.

Còn về quân sự, thất bại lớn lao nhất là việc "Mỹ hóa chiến tranh".

Cố Tổng Thống Diệm đã cưỡng lại sự can thiệp của người Mỹ. Cho đến khi Đệ Nhất Cộng Hòa bị lật đổ, người Mỹ đã ồ ạt can thiệp vào Việt Nam, khiến chủ quyền Việt Nam bị xâm phạm. Nếu người Mỹ can thiệp vào Việt Nam, mà sự can thiệp đó đem lại một tình trạng ổn định, thì còn đỡ.

Đằng này, Mỹ đã can thiệp, đã "Mỹ hóa chiến tranh" Việt Nam, và công cuộc Mỹ hóa đưa đến thất bại hoàn toàn, thất bại cho Mỹ và Việt Nam phải chiu hậu quả của sự thất bại đó".

Sau buổi giỗ trọng thể anh em Tổng Thống Diệm lần thứ 7, đã có nguồn dư luận cho rằng đang có Phong Trào vận động tích cực để phục hồi chế độ Ngô Đình Diệm và phục hồi danh dự cho anh em Tổng Thống Diệm.

Theo chúng tôi, dư luận đã có một sự nhầm lẫn to tát hoặc tầm nhìn phiến diện hoặc vì mâu thuẫn giữa các tập thể có liên quan đến biến cố 63 hoặc vì tị hiềm thù nghịch phe đảng. Vì giản dị, không một ai, một phe nhóm nào có thể làm được công việc ấy (dù muốn làm). Bởi cái danh dự của một vị Tổng Thống như ông Ngô Đình Diệm thì tự cuộc đời ông mới

có đủ thành tố để quan định rõ rệt và chỉ lịch sử mới đủ thẩm quyền phê phán và nói lên cái danh dự ấy. Cái danh dự của Tổng Thống Diệm đã có thì không thể mất và đã gắn liền với lịch sử thì không có chuyện phục hồi. Lịch sử chỉ nói lên sự thật chứ lịch sử không bao giờ làm chuyện phục hồi cho một nhân vật này hay một nhân vật kia. Còn vấn đề phục hồi tái lập chế độ Ngô Đình Diệm ở vào không gian và thời gian 1970 và trong thực tại Miền Nam như hiện nay thì đó chỉ là chuyện giả tưởng trên mây. Pháp quốc luôn luôn tự hào với chế độ quân chủ sáng chói của Hoàng Đế Nã Phá Luân nhưng không phải vì thế, vì ca ngợi những hào quang sáng chói của thời Nã Phá Luân mà có thể nói người Pháp sống dưới chế độ Đệ Ngũ Cộng Hòa. Thời đại của Tổng Thống Pompidou lại đang mưu định phục hồi để tái lập chế độ Nã Phá Luân. Cũng như vậy, vào năm 1970 và mãi mãi sau này. Dân Tộc Việt Nam đều một lòng tự hào ca ngợi thời đại huy hoàng, thịnh trị dưới thời Vua Lê Thánh Tôn nhưng không phải vì tự hào và ca ngợi như vậy mà nhất đán nói rằng, sự ca ngợi và tự hào kia là cố ý phục hồi để tái lập chế độ quân chủ sáng chói của Vua Lê Thánh Tôn giữa không gian và thời gian 1970 này.

Viết về biến cố 1963, một biến cố quan trọng của lịch sử cận đại kéo dài từ tháng 5 đến ngày 1.11.1963 cùng với cái chết bi thảm của anh em Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Chúng tôi (Tác giả thiên bút ký này) chỉ đơn giản ước mong có một điều là *đi tìm sự thực của lịch sử* cùng với những người đã sống trong *biến cố lịch sử* ấy và còn sống trong dòng lịch sử này để cùng nhau ghi lại đôi điều *trông thấy tai nghe mắt đọc* cùng với đôi điều nhận định ước mong sao có thể giúp cho các sử gia sau này dễ dàng soi sáng qua từng sự kiện lịch sử với biến cố của lịch sử và chứng nhân của nó để từ đây lịch sử làm công việc của lịch sử.

Người Việt Nam phần nhiều không có thói quen viết Hồi Ký. Vì lý do này hay lý do khác, những chứng nhân quan trọng của biến cố lịch sử thường im lặng mỗi khi biến cố qua đi cũng chỉ vì quan niệm "*quá giả vãng nhi bất thuyết*" (chuyện đã qua rồi, không nói nữa). Những chứng

nhân lịch sử ấy, theo thời gian lãng quên chuyện cũ rồi một khi qua đời thì chuyện xưa cũng chôn vùi dưới lòng đất. Đây là sự thiệt thòi rất lớn cho các Sử Gia sau này muốn truy tầm và nghiên cứu nguyên nhân của mỗi sự kiện cùng biến cố lịch sử theo trình tự diễn tiến của nó trong tương quan bối cảnh, nhân vật, thời thế, thực tại chủ quan và khách quan. Riêng chúng tôi (Cao Thế Dung) vì có quen biết nhiều với các nhân vật thuộc chế độ Ngô Đình Diệm cũng như hai tập thể Phật Giáo và Công Giáo. Sự quen biết chỉ có tính cách bằng hữu, tín nhiệm nhau, tri kỷ cùng nhau qua những sinh hoạt bình thường trong một vũ trụ tình cảm vượt hẳn ra ngoài mọi khuôn khổ sinh hoạt quốc gia cũng như tôn giáo, chủ nghĩa và đảng phái. Cũng vì vậy mà một vài người bạn của chúng tôi đang là Giáo Sư Sử Học tại các Trường Đại Học Sài Gòn, Đà Lạt, Huế có ý thúc đẩy chúng tôi đi tìm các chứng nhân lịch sử trong 9 năm của chế độ Ngô Đình Diệm nhất là biến cố 63 để ghi lại những điều mà các chứng nhân ấy đã đóng vai chủ động, hoặc trung gian hoặc *nghe thấy, trông thấy*. Và chúng tôi đã làm công việc đó cùng với Lương Khải Minh. Một người mà thân thế đã gần như gắn liền với chế độ Ngô Đình Diệm trong suốt 9 năm, và thường được coi là một thành phần hiểu biết nhiều về những chuyện "*bên trong*" của chế độ ấy. Lương Khải Minh vì tình thân hữu cũng như sự tín nhiệm và tôn trọng lẫn nhau đã cung cấp cho chúng tôi (Vị Hoàng Cao Thế Dung) những tài liệu sống và căn bản đồng thời đưa dẫn chúng tôi đến các con đường tìm tài liệu cũng như nhân chứng liên quan đến biến cố để hoàn thành tập Bút Ký này. Trước sau, Lương Khải Minh không đưa ra một phê phán nhận định nào về các nhân vật của biến cố. Phần này ông dành riêng cho chúng tôi để ngòi bút được tự do với trách nhiệm và vai trò của nó.

Vẫn biết rằng, viết về biến cố 1963 giữa một tình thế cực kỳ phân hóa của một thời đại hoài nghi và đầy ngộ nhận như hiện nay sẽ không sao tránh khỏi những sự hiểu lầm từ phía này hay phía kia. Tuy nhiên, với một niềm tin còn lại nơi chính mình, chúng tôi tự không cho phép chính mình được do dự hoặc hoài nghi về một điều nào khác hơn là cố gắng tìm hiểu

sự thực và viết lên sự thực.

Sài Gòn, Mùa Đông 1970

LƯƠNG KHẢI MINH và
VỊ HOÀNG CAO THẾ DUNG